

VL00003823



HỒ CHÍ MINH

SỰ HỘI TỤ TINH HOA TƯ TƯỞNG ĐẠO ĐỨC NHÂN LOẠI

HƯỚNG ỨNG CUỘC VẬN ĐỘNG
HỌC TẬP VÀ LÀM THEO TÂM GƯƠNG ĐẠO ĐỨC HỒ CHÍ MINH



VL00003823



NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA THÔNG TIN

HỒ CHÍ MINH
SỰ HỘI TỤ TINH HOA
TƯ TƯỞNG ĐẠO ĐỨC
NHÂN LOẠI

Bản sao lưu trữ

TỔ CHỨC BẢN THẢO:

Đại tá LÊ HẢI TRIỀU

Cử nhân LÊ VIÊN LAN HƯƠNG

Cử nhân LÊ VINH HOA

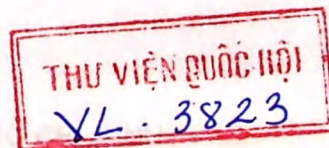
Cử nhân NGUYỄN VIỆT HẢI

Cử nhân HOÀNG PHƯƠNG LINH

Cử nhân GIANG TUYẾT MINH

Bản sao lưu trữ

HỒ CHÍ MINH
SỰ HỘI TỤ TINH HOA
TỰ TƯỞNG ĐẠO ĐỨC
NHÂN LOẠI



NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA - THÔNG TIN
Hà Nội - 2007



Chủ tịch HỒ CHÍ MINH
Người sáng lập và rèn luyện Đảng ta
(1890 - 1969)

LỜI NÓI ĐẦU

Tư tưởng và đạo đức Chủ tịch Hồ Chí Minh là sự kết tinh những truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta và tinh hoa văn hóa của nhân loại, là tài sản tinh thần vô giá của Đảng và nhân dân ta, là tấm gương sáng để mọi người Việt Nam học tập và noi theo.

Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Chủ tịch Hồ Chí Minh là cuộc vận động lớn, vừa mang tính cấp bách trong bối cảnh tình hình hiện nay, vừa có ý nghĩa lâu dài đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Cuộc vận động theo Chỉ thị 06-CT/TW ngày 7 tháng 11 năm 2006 của Bộ Chính trị làm cho toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta nhận thức sâu sắc về những nội dung cơ bản và giá trị to lớn của tư tưởng đạo đức và tấm gương đạo đức Chủ tịch Hồ Chí Minh. Qua đó, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về ý thức tu dưỡng, rèn luyện và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh sâu rộng trong toàn xã hội, đặc biệt trong cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, đoàn viên, thanh niên, học sinh... nâng cao đạo đức cách mạng, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và các tệ nạn xã hội, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội X của Đảng.

Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Chủ tịch Hồ Chí Minh, các cơ quan, đơn vị, các tổ chức chính trị xã hội cần tổ chức nghiên cứu, học tập và làm theo tư tưởng đạo đức trong các tác phẩm của Chủ tịch Hồ Chí Minh; các cơ quan, đơn vị thông qua học tập mà xây dựng tiêu chuẩn đạo đức, lối sống cho cán bộ, đảng viên, công chức để phấn đấu thực hiện phù hợp với tình hình từng cơ quan, đơn vị, xây dựng chương trình hành động, học tập và làm theo tấm gương đạo đức Chủ tịch Hồ Chí Minh, khắc phục thiếu sót, khuyết điểm, yếu kém, xử lý các sai phạm.

Cuốn sách Hồ Chí Minh - Sự hội tụ tinh hoa tư tưởng đạo đức nhân loại cung cấp cho người đọc những bài viết, bài nói của Bác tập trung vào các phẩm chất: Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, ý thức tổ chức kỷ luật, ý thức trách nhiệm, ý thức phục vụ nhân dân, đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, quan liêu, tham nhũng, lãng phí của Người.

Cuốn sách còn cung cấp cho người đọc hiểu thêm về tấm gương đạo đức Chủ tịch Hồ Chí Minh qua những bài viết, giới thiệu của bạn bè trên thế giới, và tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng cầm quyền. Qua đó giúp cho người đọc tự liên hệ với bản thân, phát huy những mặt tốt, khắc phục những mặt yếu kém để hoàn thiện mình theo tấm gương đạo đức Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Cuốn sách là tài liệu tham khảo bổ ích giúp cho cán bộ, đảng viên và nhân dân tiến hành cuộc vận động lớn sau Đại hội X của Đảng bắt đầu từ ngày 3 tháng 2 năm 2007.

Xin trân trọng giới thiệu với các đồng chí và đồng đảo bạn đọc.

NHÓM BIÊN SOẠN

CHỈ THỊ SỐ 06-CT/TW
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ NGÀY 07 THÁNG 11 NĂM 2006

Về tổ chức cuộc vận động

"Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh"

Tư tưởng và đạo đức Hồ Chí Minh là sự kết tinh những truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta và tinh hoa văn hoá của nhân loại, là tài sản tinh thần vô giá của Đảng và nhân dân ta; là tấm gương sáng để mọi người Việt Nam học tập và noi theo.

Trong hơn 3 năm qua, thực hiện Chỉ thị 23-CT/TW, ngày 27-3-2003 của Ban Bí thư Trung ương Đảng khoá IX, toàn Đảng, toàn dân ta đã tổ chức đợt học tập tư tưởng Hồ Chí Minh để quán triệt, vận dụng và phát triển sáng tạo tư tưởng của Người trong công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đợt học tập đã thu được nhiều kết quả tốt.

Trước yêu cầu tăng cường công tác tư tưởng trong tình hình mới, Hội nghị lần thứ 12 Ban Chấp hành Trung ương khoá IX đã quyết định triển khai chỉ đạo điểm cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" trong cán bộ, đảng viên và nhân dân, đúc rút kinh nghiệm để tiến hành cuộc vận động lớn trong toàn Đảng về vấn đề này sau Đại hội X của Đảng. Đây là một chủ trương lớn, vừa mang tính cấp bách trong bối cảnh tình hình hiện nay, vừa có ý nghĩa lâu dài đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Trên cơ sở những kinh nghiệm thu được qua đợt làm điểm ở một số cơ quan Trung ương và địa phương, cùng với việc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội X của Đảng, Bộ Chính trị quyết định tổ chức cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" trong toàn Đảng, toàn dân từ ngày kỷ niệm 77 năm thành lập Đảng (03-02-2007) tới hết nhiệm kỳ Đại hội X của Đảng.

1. Mục đích

Làm cho toàn Đảng, toàn dân nhận thức sâu sắc về những nội dung cơ bản và giá trị to lớn của tư tưởng đạo đức và tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh. Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về ý thức tu dưỡng, rèn luyện và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh sâu rộng trong toàn xã hội, đặc biệt trong cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, đoàn viên, thanh niên, học sinh... nâng cao đạo đức cách mạng, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư; đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và các tệ nạn xã hội, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội X của Đảng.

2. Yêu cầu

- Tổ chức cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" sâu rộng, thiết thực, hiệu quả trong cả hệ thống chính trị và trong toàn xã hội, không phô trương, hình thức.

- Việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh gắn liền với việc triển khai thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội X của Đảng, với cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí và đẩy mạnh cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, với các phong trào thi đua yêu nước.

- Gắn tính tự giác học tập, rèn luyện của mỗi cá nhân với sự đôn đốc, kiểm tra, giám sát của tổ chức đảng và nhân dân.

3. Nội dung cuộc vận động

- Tổ chức nghiên cứu, học tập và làm theo tư tưởng đạo đức trong các tác phẩm "Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân", "Di chúc" và tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, tập trung vào các phẩm chất "cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư", ý thức tổ chức kỷ luật, ý thức trách nhiệm, ý thức phục vụ nhân dân, đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, quan liêu, tham nhũng, lãng phí.

- Mỗi người tự liên hệ, tự phê bình, kiểm điểm cá nhân; tổ chức để quần chúng ở nơi công tác và nơi cư trú góp ý cho cán bộ, đảng viên.

- Các cơ quan, đơn vị xây dựng tiêu chuẩn đạo đức, lối sống cho cán bộ, đảng viên, công chức để phấn đấu thực hiện phù hợp với tình hình từng cơ quan, đơn vị; xây dựng chương trình hành động học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, khắc phục thiếu sót, khuyết điểm, yếu kém; xử lý các sai phạm được phát hiện theo đúng kỷ luật Đảng, pháp luật của Nhà nước.

- Tổ chức tuyên truyền rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng về cuộc vận động.

4. Tổ chức thực hiện

- Phát động cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" trong toàn Đảng, toàn dân, bắt đầu từ ngày 03-02-2007 và tổng kết vào ngày 03-02-2011, có sơ kết hàng năm vào dịp sinh nhật Bác (19-5).

- Ở cấp Trung ương, thành lập Ban Chỉ đạo cuộc vận động do đồng chí Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng làm Trưởng ban. Ban Chỉ đạo Trung ương thống nhất sự chỉ đạo cuộc vận động trong toàn Đảng, toàn dân. Các bộ, ban, ngành, các đoàn thể chính trị - xã hội ở Trung ương và các tỉnh, thành phố thành lập ban chỉ đạo do đồng chí bí thư cấp uỷ, đảng đoàn, ban cán sự đảng làm trưởng ban, thống nhất chỉ đạo cuộc vận động trong phạm vi ngành, địa phương, đơn vị.

- Giao Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương là cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn triển khai cuộc vận động, biên soạn tài liệu, chuẩn bị đội ngũ giảng viên phục vụ cuộc vận động, giúp Ban Chỉ đạo theo dõi, kiểm tra đôn đốc việc thực hiện chỉ thị, định kỳ báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Chỉ thị này phổ biến đến chi bộ đảng và thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng.

**T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TỔNG BÍ THƯ
NÔNG ĐỨC MẠNH**

PHẦN THỨ NHẤT
MỘT SỐ BÀI VIẾT
CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH
VỀ XÂY DỰNG ĐẠO ĐỨC, TÁC PHONG
CỦA CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN

Bản sao lưu trữ

ĐẠO ĐỨC CÁCH MẠNG*

Từ lúc đầu, loài người đã phải *đấu tranh* đối với giới tự nhiên để sống còn, như chống thú dữ, chống mưa nắng... Muốn thắng lợi, thì mỗi người phải dựa vào lực lượng của số đông người, tức là của tập thể, của *xã hội*. Riêng lẻ từng *cá nhân* thì nhất định không thắng nổi tự nhiên, không sống còn được.

Để sống còn, loài người lại phải *sản xuất* mới có ăn, có mặc. Sản xuất cũng phải dựa vào lực lượng của tập thể, của xã hội. Chỉ riêng lẻ cá nhân cũng không sản xuất được.

Thời đại của chúng ta là thời đại văn minh, thời đại cách mạng, mọi việc càng phải dựa vào lực lượng của tập thể, của xã hội; cá nhân càng không thể đứng riêng lẻ mà càng phải hòa mình trong tập thể, trong xã hội.

Do đó, *chủ nghĩa cá nhân* là trái ngược với *chủ nghĩa tập thể* và chủ nghĩa tập thể, chủ nghĩa xã hội nhất định thắng, chủ nghĩa cá nhân nhất định phải tiêu diệt.

Cách sản xuất và sức sản xuất phát triển và biến đổi mãi, do đó mà tư tưởng của người, chế độ xã hội, v.v... cũng phát triển và biến đổi. Chúng ta đều biết từ đời xưa đến đời nay, cách sản xuất từ chỗ dùng cày, búa đá phát triển dần đến máy móc, sức điện, sức nguyên tử. Chế độ xã hội cũng phát triển từ cộng sản nguyên thủy đến chế độ nô lệ, đến chế độ phong kiến, đến chế độ tư bản chủ nghĩa và ngày nay gần một nửa loài người đang tiến lên chế độ xã hội chủ nghĩa và chế độ cộng sản chủ nghĩa.

Sự phát triển và tiến bộ đó không ai ngăn cản được.

* Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 9, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr. 282.

Từ khi có chế độ của riêng thì xã hội chia thành *giai cấp*, giai cấp bóc lột và giai cấp bị bóc lột, do đó có *mâu thuẫn* xã hội, có *đấu tranh* giữa các giai cấp và từ đó, người nào cũng thuộc vào hoặc giai cấp này hoặc giai cấp khác, không ai có thể đứng ngoài giai cấp. Đồng thời, mỗi người đại biểu cho *tư tưởng* của giai cấp mình.

Trong xã hội cũ, bọn phong kiến địa chủ, bọn tư bản và đế quốc thẳng tay áp bức, bóc lột những tầng lớp người khác, nhất là công nhân và nông dân. Chúng cướp của chung do xã hội sản xuất ra làm của riêng của cá nhân chúng, để chúng "ngồi mát ăn bát vàng". Nhưng miệng chúng luôn luôn huênh hoang những danh từ "đạo đức", "tự do", "dân chủ", v.v...

Không thể chịu áp bức, bóc lột mãi, công nhân, nông dân và nhân dân lao động khác nổi lên làm *cách mạng* để tự giải phóng và để *cải tạo* xã hội cũ xấu xa thành xã hội mới tốt đẹp, trong đó những người lao động đều được ấm no, sung sướng, không có người bóc lột người.

Để giành lấy thắng lợi, cách mạng nhất định phải do *giai cấp công nhân lãnh đạo*. Vì nó là giai cấp tiên tiến nhất, giác ngộ nhất, kiên quyết nhất, có kỷ luật nhất và tổ chức chặt chẽ nhất. Mà đảng vô sản là bộ tham mưu của giai cấp công nhân. Cách mạng ở Liên Xô và các nước khác trong phe xã hội chủ nghĩa đã chứng thực điều đó, không ai chối cãi được.

Làm cách mạng để cải tạo xã hội cũ thành xã hội mới là một sự nghiệp rất vẻ vang, nhưng nó cũng là một nhiệm vụ rất nặng nề, một cuộc đấu tranh rất phức tạp, lâu dài, gian khổ. Sức có mạnh mới gánh được nặng và đi được xa. Người cách mạng phải có *đạo đức cách mạng* làm nền tảng, mới hoàn thành được nhiệm cách mạng vẻ vang.

Sinh trưởng trong xã hội cũ, chúng ta ai cũng mang trong mình hoặc nhiều hoặc ít vết tích xấu xa của xã hội đó về tư tưởng, về thói quen... Vết tích xấu nhất và nguy hiểm nhất của xã hội cũ là *chủ nghĩa cá nhân*. Chủ nghĩa cá nhân trái ngược với đạo đức cách mạng, nếu nó còn lại trong mình, dù là ít thôi, thì nó sẽ chờ dịp để phát triển, để che lấp đạo đức cách mạng, để ngăn trở ta một lòng một dạ đấu tranh cho sự nghiệp cách mạng.

Chủ nghĩa cá nhân là một thứ rất gian xảo, xảo quyệt; nó khéo dỗ dành người ta đi xuống dốc. Mà ai cũng biết rằng xuống dốc thì dễ hơn lên dốc. Vì thế mà càng nguy hiểm.

Muốn gột rửa sạch những vết tích xấu xa của xã hội cũ, muốn rèn luyện đạo đức cách mạng, thì chúng ta phải ra sức học tập, tu dưỡng, tự cải tạo để tiến bộ mãi. Nếu không cố gắng để tiến bộ, thì tức là thoái bộ, là lạc hậu.

Mà thoái bộ và lạc hậu thì sẽ bị xã hội tiến bộ sa thải.

Không phải chỉ ở tại nhà trường, có lên lớp, mới học tập, tu dưỡng, rèn luyện và tự cải tạo được. Trong mọi hoạt động cách mạng, chúng ta đều có thể và đều phải học tập, tự cải tạo. Thời kỳ hoạt động bí mật, thời kỳ khởi nghĩa, thời kỳ kháng chiến và ngày nay công việc xây dựng miền Bắc tiến dần lên chủ nghĩa xã hội và đấu tranh thống nhất nước nhà đều là những trường học rất tốt cho chúng ta rèn luyện đạo đức cách mạng.

Có đạo đức cách mạng thì khi gặp khó khăn, gian khổ, thất bại, cũng không sợ sệt, rụt rè, lùi bước. Vì lợi ích chung của Đảng, của cách mạng, của giai cấp, của dân tộc và của loài người mà không ngần ngại hy sinh tất cả lợi ích riêng của cá nhân mình. Khi cần, thì sẵn sàng hy sinh cả tính mạng của mình cũng không tiếc. Đó là biểu hiện rất rõ rệt, rất cao quý của đạo đức cách mạng.

Trong Đảng ta, các đồng chí Trần Phú, Ngô Gia Tự, Lê Hồng Phong, Nguyễn Văn Cừ, Hoàng Văn Thụ, Nguyễn Thị Minh Khai và nhiều đồng chí khác đã vì dân, vì Đảng mà oanh liệt hy sinh, đã nêu gương chói lọi của đạo đức cách mạng chí công vô tư cho tất cả chúng ta học tập.

Có đạo đức cách mạng thì khi gặp thuận lợi và thành công cũng vẫn giữ vững tinh thần gian khổ, chất phác, khiêm tốn, "lo trước thiên hạ, vui sau thiên hạ"; lo hoàn thành nhiệm vụ cho tốt chứ không kèn cựa về mặt hưởng thụ; không công thần, không quan liêu, không kiêu ngạo, không hủ hóa. Đó cũng là biểu hiện của đạo đức cách mạng.

*
* *

Nói tóm lại, thì đạo đức cách mạng là:

Quyết tâm suốt đời đấu tranh cho Đảng, cho cách mạng. Đó là điều chủ chốt nhất.

Ra sức làm việc cho Đảng, giữ vững kỷ luật của Đảng, thực hiện tốt đường lối, chính sách của Đảng.

Đặt lợi ích của Đảng và của nhân dân lao động lên trên, lên trước lợi ích riêng của cá nhân mình. Hết lòng hết sức phục vụ nhân dân. Vì Đảng, vì dân mà đấu tranh quên mình, gương mẫu trong mọi việc.

Ra sức học tập chủ nghĩa Mác - Lênin, luôn luôn dùng tự phê bình và phê bình để nâng cao tư tưởng và cải tiến công tác của mình và cùng đồng chí mình tiến bộ.

Mỗi người cách mạng phải hiểu thật sâu sắc rằng: Đảng ta là một đội ngũ tiên tiến nhất và tổ chức chặt chẽ nhất của giai cấp công nhân, là người lãnh đạo của giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Hiện nay, giai cấp công nhân ta tuy chưa đông lắm, nhưng nó ngày càng phát triển. Mai sau, hợp tác xã nông nghiệp sẽ được tổ chức khắp nơi, nông thôn sẽ dùng nhiều máy móc, nông dân sẽ biến thành công nhân. Người trí thức dần dần lao động chân tay và sự phân biệt giữa trí thức và công nhân cũng sẽ xóa bỏ dần. Công nghiệp của nước ta ngày càng phát triển. Vì vậy, số công nhân ngày thêm đông, sức công nhân ngày thêm mạnh, tiền đồ của giai cấp công nhân rất rộng rãi và vẻ vang. Nó vừa cải tạo thế giới vừa cải tạo bản thân mình.

Người cách mạng phải thấy thật rõ điều đó và đứng vững trên lập trường giai cấp công nhân, để hết lòng hết sức đấu tranh cho chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản, cho giai cấp công nhân và cho toàn thể nhân dân lao động. *Đạo đức cách mạng là tuyệt đối trung thành với Đảng, với nhân dân.*

Ngoài lợi ích của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, Đảng ta không có lợi ích gì khác. Vì vậy, mục đích trước mắt của Đảng ta là đấu tranh để đưa miền Bắc tiến dần lên chủ nghĩa xã hội và thực hiện thống nhất nước nhà.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân ta đã đấu tranh anh dũng, đánh đổ ách thống trị của thực dân và phong kiến, giải phóng hoàn toàn miền Bắc nước ta.

Đó là một thắng lợi to lớn. Nhưng cách mạng chưa phải đã thành công hoàn toàn. Vì mục tiêu hiện nay của Đảng là đấu tranh thống nhất nước nhà, để thực hiện một bước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh; làm cho cả nước không còn ai bị bóc lột, xây dựng một xã hội mới, trong đó mọi người được sung sướng, ấm no.

Nhưng công nghiệp của ta còn lạc hậu. Nhờ có sự giúp đỡ vô tư của các nước anh em, trước hết là Liên Xô và Trung Quốc, chúng ta đang phát triển công nghiệp. Để giành lấy thắng lợi, công nhân ta phải ra sức thi đua sản xuất nhiều, nhanh, tốt, rẻ; phải chấp hành nghiêm chỉnh kỷ luật lao động và tích cực tham gia quản lý xí nghiệp; phải chống lãng phí, tham ô. Cán bộ ta phải thật sự cần, kiệm, liêm, chính, cùng công nhân tham gia lao động.

Nông dân ta đã được chia ruộng đất, đời sống có khá hơn trước một phần. Nhưng cách sản xuất vẫn còn phân tán, lạc hậu; do đó thu hoạch chưa được tăng nhiều, đời sống mới được cải thiện ít. Nông thôn ta cần phải đẩy mạnh phong trào tổ đổi công và hợp tác xã cho rộng khắp và chắc chắn, để thực sự tăng gia sản xuất, có như thế thì đồng bào nông dân mới hoàn toàn thoát khỏi cảnh nghèo khó và được ấm no hơn.

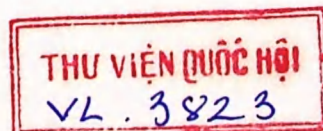
Cho nên đạo đức cách mạng là ra sức phấn đấu để thực hiện mục tiêu của Đảng, hết sức trung thành phục vụ giai cấp công nhân và nông dân lao động, tuyệt đối không thể lùng chùng.

Số đông đảng viên, đoàn viên và cán bộ ta làm đúng như thế. Nhưng cũng có một số không làm đúng. Họ lầm tưởng rằng miền Bắc không còn thực dân và phong kiến nữa, thì tức là cách mạng thành công rồi. Do đó mà họ để chủ nghĩa cá nhân chớm nở, họ yêu cầu hưởng thụ, yêu cầu nghỉ ngơi, họ muốn lựa chọn công tác theo ý thích của cá nhân mình, không muốn làm công tác mà đoàn thể giao phó cho họ. Họ muốn địa vị cao, nhưng lại sợ trách nhiệm nặng. Dần dần tinh thần đấu tranh và tích cực của họ bị kém sút, chí khí anh dũng và phẩm chất tốt đẹp của người cách mạng cũng kém sút; họ quên rằng tiêu chuẩn số một của người cách mạng là quyết tâm suốt đời đấu tranh cho Đảng, cho cách mạng.

Chúng ta cần phải biết rằng: những thắng lợi mà chúng ta đã đạt được mới chỉ là bước đầu trên đường đi muôn dặm. Chúng ta phải tiến lên, cách mạng phải tiến lên nữa. Nếu không tiến, tức là thoái. Và nếu thoái thì những thắng lợi đã đạt được sẽ không thể củng cố và phát triển.

Để tiến lên chủ nghĩa xã hội, cuộc đấu tranh phải lâu dài và gian khổ. Cần có người cách mạng là vì còn có kẻ địch chống lại cách mạng.

Kẻ địch gồm có ba loại. Chủ nghĩa tư bản và bọn đế quốc là kẻ địch rất nguy hiểm.



Thói quen và truyền thống lạc hậu cũng là kẻ địch to; nó ngấm ngấm ngăn trở cách mạng tiến bộ. Chúng ta lại không thể trấn áp nó, mà phải cải tạo nó một cách rất cẩn thận, rất chịu khó, rất lâu dài.

Loại địch thứ ba là *chủ nghĩa cá nhân*, tư tưởng tiểu tư sản còn ẩn nấp trong mình mỗi người chúng ta. Nó chờ dịp - hoặc dịp thất bại, hoặc dịp thắng lợi - để ngóc đầu dậy. Nó là bạn đồng minh của hai kẻ địch kia.

Vì vậy, *đạo đức cách mạng* là vô luận trong hoàn cảnh nào, cũng phải quyết tâm đấu tranh, chống mọi kẻ địch, luôn luôn cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu, quyết không chịu khuất phục, không chịu cúi đầu. Có như thế mới thắng được địch và thực hiện được nhiệm vụ cách mạng.

Sở dĩ Đảng ta có thể lãnh đạo giai cấp công nhân và toàn dân tiến lên chủ nghĩa xã hội, là vì Đảng ta có chính sách đúng đắn và lãnh đạo thống nhất. Mà lãnh đạo thống nhất là vì toàn thể đảng viên tư tưởng nhất trí và hành động nhất trí.

Nếu đảng viên tư tưởng và hành động không nhất trí, thì khác nào một mỏ cát rời, "trống đánh xuôi, kèn thổi ngược". Như vậy thì không thể lãnh đạo quần chúng, không thể làm cách mạng.

Lời nói và việc làm của đảng viên rất quan hệ đến sự nghiệp cách mạng, vì nó ảnh hưởng lớn đến quần chúng. Ví dụ: chính sách của Đảng và của Chính phủ ta hiện nay là tổ chức rộng khắp và chặt chẽ các *tổ đổi công và hợp tác xã*, thực hiện hợp tác hóa nông nghiệp. Nhưng có một số đảng viên và đoàn viên không vào tổ đổi công, không vào hợp tác xã hoặc vào nhưng không tích cực góp phần xây dựng, củng cố tổ đổi công và hợp tác xã. Đó là vì *chủ nghĩa cá nhân* đã đưa các đồng chí ấy đến chỗ "tự do hành động", trái với tổ chức và kỷ luật của Đảng. Dù muốn hay là không muốn, hành động của những đồng chí ấy làm giảm sút uy tín và ngăn trở sự nghiệp của Đảng, ngăn trở bước tiến của cách mạng.

Những chính sách và nghị quyết của Đảng đều vì lợi ích của nhân dân. Vì vậy, *đạo đức cách mạng* của người đảng viên là bất kỳ khó khăn đến mức nào cũng *kiên quyết làm đúng chính sách và nghị quyết của Đảng*, làm gương mẫu cho quần chúng. Mọi đảng viên phải nâng cao tinh thần trách nhiệm trước nhân dân, trước Đảng; phải ngăn ngừa và kiên quyết chống lại chủ nghĩa cá nhân.

Đảng ta đại biểu cho *lợi ích chung* của giai cấp công nhân, của toàn thể nhân dân lao động, chứ không phải mưu cầu *lợi ích riêng* của một nhóm người nào, của cá nhân nào. Điều đó ai cũng biết.

Giai cấp công nhân chẳng những đấu tranh để tự giải phóng, mà còn để giải phóng cả loài người khỏi áp bức, bóc lột. Cho nên lợi ích của giai cấp công nhân và lợi ích của nhân dân là nhất trí.

Đảng viên là người thay mặt Đảng đại biểu cho lợi ích của giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Vì vậy, lợi ích của người đảng viên phải ở trong chứ không thể ở ngoài lợi ích của Đảng, của giai cấp. Đảng và giai cấp thắng lợi và thành công, tức là đảng viên thắng lợi và thành công. Nếu rời khỏi Đảng, rời khỏi giai cấp, thì cá nhân dù tài giỏi mấy, cũng nhất định không làm nên việc gì.

Đạo đức cách mạng là vô luận trong hoàn cảnh nào, người đảng viên cũng phải đặt *lợi ích của Đảng lên trên hết*. Nếu khi lợi ích của Đảng và lợi ích của cá nhân mâu thuẫn với nhau, thì lợi ích của cá nhân phải tuyệt đối phục tùng lợi ích của Đảng.

Vì chưa rửa gột sạch *chủ nghĩa cá nhân*, cho nên có đảng viên còn "kể công" với Đảng. Có ít nhiều thành tích, thì họ muốn Đảng "cảm ơn" họ. Họ đòi ưu đãi, họ đòi danh dự và địa vị. Họ đòi hưởng thụ. Nếu không thỏa mãn yêu cầu của họ thì họ oán trách Đảng, cho rằng họ "không có tiền đồ", họ "bị hy sinh". Rồi dần dần họ xa rời Đảng, thậm chí phá hoại chính sách và kỷ luật của Đảng.

Nhiều đồng chí hoạt động trong thời kỳ bí mật và nhiều chiến sĩ trong thời kỳ kháng chiến đã oanh liệt hy sinh cả tính mạng; những anh hùng và chiến sĩ lao động hết lòng hết sức tăng gia sản xuất; những đồng chí ấy không đòi địa vị và danh dự, không bao giờ đòi Đảng cảm ơn.

Đảng ta là một đảng có tính chất quần chúng, có hàng chục vạn đảng viên. Vì hoàn cảnh nước ta mà số đông đảng viên thuộc thành phần tiểu tư sản. Điều đó không có gì lạ. Dù vì ảnh hưởng của tư tưởng tư sản mà lúc đầu có đảng viên lập trường thiếu vững chắc, quan điểm còn mơ hồ, tư tưởng thiếu đúng đắn, nhưng được rèn luyện trong cách mạng và trong kháng chiến, nói chung đảng viên ta là tốt, trung thành với Đảng, với cách mạng.

Các đồng chí ấy hiểu rằng: đảng viên phạm sai lầm thì sẽ đưa quần chúng đến sai lầm, cho nên khi có sai lầm thì các đồng chí ấy sẵn sàng và kịp thời sửa chữa, không để nhiều sai lầm nhỏ cộng thành sai lầm to. Do đó, các đồng chí ấy biết *thật thà tự phê bình và thành khẩn phê bình* đồng chí khác để cùng nhau tiến bộ.

Như thế là đúng với *đạo đức cách mạng*. Trong bao nhiêu năm hoạt động bí mật, dù bị bọn thực dân khủng bố gắt gao và Đảng ta gặp rất nhiều khó khăn, nguy hiểm, nhưng Đảng ta ngày càng phát triển, càng mạnh mẽ và đã lãnh đạo nhân dân làm cách mạng thành công, kháng chiến thắng lợi. Đó là vì Đảng ta khéo dùng cái vũ khí sắc bén *phê bình và tự phê bình*.

Nhưng vẫn có một số ít đảng viên bị *chủ nghĩa cá nhân* trói buộc mà trở nên kiêu ngạo, công thần, tự cao tự đại. Họ phê bình người khác mà không muốn người khác phê bình họ; không tự phê bình hoặc tự phê bình một cách không thật thà, nghiêm chỉnh. Họ sợ tự phê bình thì sẽ mất thể diện, mất uy tín. Họ không lắng nghe ý kiến của quần chúng. Họ xem khinh những cán bộ ngoài Đảng. Họ không biết rằng: có hoạt động thì khó mà hoàn toàn tránh khỏi sai lầm. Chúng ta không sợ sai lầm, chỉ sợ phạm sai lầm mà không quyết tâm sửa chữa. Muốn sửa chữa cho tốt thì phải sẵn sàng nghe quần chúng phê bình và thật thà tự phê bình. Không chịu nghe phê bình và không tự phê bình thì nhất định lạc hậu, thoái bộ. Lạc hậu và thoái bộ thì sẽ bị quần chúng bỏ rơi. Đó là kết quả tất nhiên của chủ nghĩa cá nhân.

Lực lượng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động là rất to lớn, là vô cùng vô tận. Nhưng lực lượng ấy cần có Đảng lãnh đạo mới chắc chắn thắng lợi. Đồng thời, Đảng phải đi sát quần chúng, khéo tổ chức và lãnh đạo quần chúng, thì cách mạng mới thành công.

Đạo đức cách mạng là hòa mình với quần chúng thành một khối, tin quần chúng, hiểu quần chúng, lắng nghe ý kiến của quần chúng. Do lời nói và việc làm, đảng viên, đoàn viên và cán bộ làm cho dân tin, dân phục, dân yêu, đoàn kết quần chúng chặt chẽ xung quanh Đảng, tổ chức, tuyên truyền và động viên quần chúng hăng hái thực hiện chính sách và nghị quyết của Đảng.

Trong cách mạng và kháng chiến, chúng ta đã làm đúng như vậy.

Nhưng hiện nay, *chủ nghĩa cá nhân* đang ám ảnh một số đồng chí. Họ tự cho mình cái gì cũng giỏi, họ xa rời quần chúng, không muốn học hỏi quần chúng mà chỉ muốn làm thầy quần chúng. Họ ngại làm việc tổ chức, tuyên truyền và giáo dục quần chúng. Họ mắc bệnh quan liêu, mệnh lệnh. Kết quả là quần chúng không tin, không phục, càng không yêu họ. Chung quy là họ không làm nên trò trống gì.

*

* *

Miền Bắc nước ta đang tiến dần lên chủ nghĩa xã hội. Đó là yêu cầu cấp bách của hàng chục triệu người lao động. Đó là công trình tập thể của quần chúng lao động dưới sự lãnh đạo của Đảng ta. Chủ nghĩa cá nhân là một trở ngại lớn cho việc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Cho nên *thắng lợi của chủ nghĩa xã hội không thể tách rời thắng lợi của cuộc đấu tranh trừ bỏ chủ nghĩa cá nhân.*

Đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân không phải là "giày xéo lên lợi ích cá nhân". Mỗi người đều có tính cách riêng, sở trường riêng, đời sống riêng của bản thân và của gia đình mình. Nếu những lợi ích cá nhân đó không trái với lợi ích của tập thể thì không phải là xấu. Nhưng lại phải thấy rằng chỉ ở trong chế độ xã hội chủ nghĩa thì mỗi người mới có điều kiện để cải thiện đời sống riêng của mình, phát huy tính cách riêng và sở trường riêng của mình.

Không có chế độ nào tôn trọng con người, chú ý xem xét những lợi ích cá nhân đúng đắn và bảo đảm cho nó được thỏa mãn bằng chế độ xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa. Trong xã hội có giai cấp bóc lột thống trị, chỉ có lợi ích cá nhân của một số rất ít người thuộc giai cấp thống trị là được thỏa mãn, còn lợi ích cá nhân của quần chúng lao động thì bị giày xéo. Trái lại, trong chế độ xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa là chế độ do nhân dân lao động làm chủ, thì mỗi người là một bộ phận của tập thể, giữ một vị trí nhất định và đóng góp một phần công lao trong xã hội. Cho nên lợi ích cá nhân là nằm trong lợi ích của tập thể, là một bộ phận của lợi ích tập thể. Lợi ích chung của tập thể được bảo đảm thì lợi ích riêng của cá nhân mới có điều kiện để được thỏa mãn.

Lợi ích của cá nhân gắn liền với lợi ích của tập thể. Nếu lợi ích cá nhân mâu thuẫn với lợi ích tập thể, thì đạo đức cách mạng đòi hỏi lợi ích riêng của cá nhân phải phục tùng lợi ích chung của tập thể.

Cách mạng tiến lên mãi, Đảng tiến lên mãi. Cho nên người cách mạng cũng phải tiến lên mãi.

Phong trào cách mạng lôi cuốn hàng ức hàng triệu người. Công việc cách mạng là nghìn điều muôn loại phức tạp, khó khăn. Để cân nhắc mọi hoàn cảnh phức tạp, nhìn rõ các mâu thuẫn, để giải quyết đúng các vấn đề, thì chúng ta phải *cố gắng học tập lý luận Mác - Lênin.*

Có học tập lý luận Mác - Lênin mới củng cố được đạo đức cách mạng, giữ vững lập trường, nâng cao sự hiểu biết và trình độ chính trị, mới làm được tốt công tác Đảng giao phó cho mình.

Học tập chủ nghĩa Mác - Lênin là học tập cái tinh thần xử trí mọi việc, đối với mọi người và đối với bản thân mình; là học tập những chân lý phổ biến của chủ nghĩa Mác - Lênin để áp dụng một cách sáng tạo vào hoàn cảnh thực tế của nước ta. Học để mà làm. Lý luận đi đôi với thực tiễn.

Nhưng có đồng chí học thuộc lòng một số sách vở về chủ nghĩa Mác - Lênin. Họ tự cho mình là hiểu biết chủ nghĩa Mác - Lênin hơn ai hết. Song khi gặp việc thực tế, thì họ hoặc là máy móc, hoặc là lúng túng. Lời nói và việc làm của họ không nhất trí. Họ học sách vở Mác - Lênin, nhưng không học tinh thần Mác - Lênin. Học để trang sức, chứ không phải để vận dụng vào công việc cách mạng. Đó cũng là *chủ nghĩa cá nhân*.

Chủ nghĩa cá nhân để ra trăm thứ bệnh nguy hiểm: quan liêu, mệnh lệnh, bè phái, chủ quan, tham ô, lãng phí... Nó trói buộc, nó bịt mắt những nạn nhân của nó, những người này bất kỳ việc gì cũng xuất phát từ lòng tham muốn danh lợi, địa vị cho cá nhân mình, chứ không nghĩ đến lợi ích của giai cấp, của nhân dân.

Chủ nghĩa cá nhân là một kẻ địch hung ác của chủ nghĩa xã hội. Người cách mạng phải tiêu diệt nó.

Hiện nay, nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân ta là ra sức tăng gia sản xuất và thực hành tiết kiệm để xây dựng miền Bắc tiến dần lên chủ nghĩa xã hội, làm cơ sở vững mạnh cho công cuộc thống nhất nước nhà. Đó là một nhiệm vụ cực kỳ vẻ vang. Chúng ta, tất cả đảng viên, đoàn viên, tất cả cán bộ trong Đảng và ngoài Đảng cần phải quyết tâm suốt đời phục vụ Đảng, phục vụ nhân dân. Đó là phẩm chất cao quý của người cách mạng, đó là đạo đức cách mạng, đó là tính Đảng, tính giai cấp, nó bảo đảm cho sự thắng lợi của Đảng, của giai cấp, của nhân dân.

Đạo đức cách mạng không phải trên trời sa xuống. Nó do đấu tranh, rèn luyện bền bỉ hàng ngày mà phát triển và củng cố. Cũng như ngọc càng mài càng sáng, vàng càng luyện càng trong.

Có gì sung sướng vẻ vang hơn là trau dồi đạo đức cách mạng để góp phần xứng đáng vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và giải phóng loài người.

Rất mong các đồng chí đảng viên, đoàn viên, cán bộ trong Đảng và ngoài Đảng đều cố gắng, đều tiến bộ.

BÀI NÓI CHUYỆN TẠI HỘI NGHỊ CÁN BỘ CAO CẤP CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC*

Các đồng chí,

Nhân dân ta vốn có truyền thống giàu lòng yêu nước, cần cù, tiết kiệm và luôn luôn sẵn sàng hy sinh tất cả để phục vụ Tổ quốc. Cho nên, mỗi khi cách mạng cần đến sức người, sức của thì nhân dân đều nhiệt liệt hưởng ứng lời kêu gọi của Đảng ta. Nhờ vậy mà cách mạng đã thành công, kháng chiến đã thắng lợi.

Đồng thời, Đảng ta luôn luôn kêu gọi toàn thể cán bộ, đảng viên, đoàn viên thanh niên và nhân dân ra sức tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm và chống tham ô, lãng phí, quan liêu. Tuy vậy, trong các ngành, các đơn vị, các địa phương, việc sử dụng sức của, sức người của nhân dân còn nhiều chỗ không hợp lý. Cho nên từ nay, chúng ta bắt đầu *mở một cuộc vận động nâng cao ý thức trách nhiệm, tăng cường quản lý kinh tế tài chính, chống tham ô, lãng phí, quan liêu.*

Cần phải dứt khoát rằng số đông cán bộ và công nhân ta đều tận tụy và trong sạch. Cho nên chúng ta đã thu được những thành tích to lớn trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Nhưng vẫn còn một số người không tốt, còn phạm sai lầm tham ô, lãng phí và còn mang nặng bệnh quan liêu, ảnh hưởng rất xấu đến công cuộc xây dựng kinh tế của nhân dân ta. Vì vậy, chúng ta phải kiên quyết chống lại những tệ hại ấy.

Cuộc vận động này sẽ tổ chức thế nào, chỉ đạo thế nào, tiến hành thế nào cho tốt? Những điều đó sẽ có chỉ thị đầy đủ của Bộ Chính trị và của Ban chỉ đạo Trung ương. Ở đây tôi chỉ tóm tắt nêu ra mấy điểm.

* Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 9, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 572.

Chống tham ô - Tham ô là hành động xấu xa nhất của con người. Nhân dân lao động ta làm lưng đổ mồ hôi sôi nước mắt để góp phần xây dựng của công - của Nhà nước và của tập thể. Của công ấy là nền tảng vật chất của chế độ xã hội chủ nghĩa, là nguồn gốc chủ yếu để nâng cao đời sống của nhân dân ta.

Tham ô là *lấy trộm* của công, chiếm của công làm của tư. Nó có hại đến sự nghiệp xây dựng nước nhà, có hại đến công việc cải thiện đời sống của nhân dân, có hại đến đạo đức cách mạng.

Nếu nhà ai bị mất cắp, mất trộm, thì hô hoán lên và cả xóm, cả làng đuổi bắt kẻ trộm. Khi của công bị mất cắp, mất trộm thì mọi người đều có trách nhiệm vạch mặt kẻ gian và đưa nó ra trước pháp luật vì mọi người đều có nghĩa vụ giữ gìn của công.

Của công của Nhà nước và của tập thể là "bất khả xâm phạm", tham ô của công tức là xâm phạm đến lợi ích chung của nhân dân, tức là *kẻ địch của nhân dân*. Vì vậy, kiên quyết chống tham ô là trách nhiệm chung của toàn Đảng, toàn dân ta.

Chống lãng phí - Lãng phí và tham ô tuy khác nhau ở chỗ lãng phí thì không trực tiếp ăn cắp, ăn trộm của công, nhưng kết quả tai hại đến tài sản của Nhà nước, của tập thể thì lãng phí cũng có tội. Ví dụ: tên A tham ô 1.000 đồng, tên B lãng phí 1.000 đồng. Kết quả tai hại đến của công thì B cũng chẳng khác gì A.

Lãng phí có nhiều hình thức: hoặc vì lập kế hoạch không chu đáo, ví dụ làm một ngôi nhà không hợp thức, làm xong rồi phải phá đi làm lại. Hoặc vì tính toán không cẩn thận, điều động hàng trăm hàng nghìn người đến công trường, nhưng chưa có việc làm hay là người nhiều việc ít, phải để họ trở về. Hoặc vì xa xỉ, phô trương hình thức, nào liên hoan, nào "báo chí", nào kỷ niệm, sắm sửa lu bù, xài tiền như nước, v.v...

Nói tóm lại, lãng phí là *vì thiếu tinh thần trách nhiệm, không có ý thức quý trọng sức của, sức người của Nhà nước, của nhân dân*.

Chống quan liêu - Quan liêu là cán bộ phụ trách xa rời thực tế, không điều tra, nghiên cứu đến nơi đến chốn những công việc cần phải làm, việc gì cũng nắm không vững, chỉ đạo một cách đại khái, chung chung. Quan liêu là xa rời quần chúng, không đi sâu đi sát, không hiểu rõ lai lịch, tư tưởng và công tác của *cán bộ* mình. Không lắng nghe ý

kiến của *quần chúng*. Sợ phê bình và tự phê bình. Tác phong của những “ông quan liêu” là thiếu dân chủ, không giữ đúng nguyên tắc lãnh đạo tập thể, phân công phụ trách.

Vì vậy, *bệnh quan liêu là nguồn gốc sinh ra lãng phí, tham ô*. Kinh nghiệm chứng tỏ rằng: ở đâu có bệnh quan liêu thì ở đó chắc có tham ô, lãng phí; nơi nào bệnh quan liêu càng nặng thì nơi đó càng nhiều lãng phí, tham ô. Cho nên, muốn triệt để chống tham ô, lãng phí thì phải kiên quyết chống nguồn gốc của nó là bệnh quan liêu.

Tai hại do các tệ tham ô, lãng phí, quan liêu gây ra - Chế độ xã hội chủ nghĩa của chúng ta là rất tốt đẹp, mạnh mẽ, vững như một người khổng lồ có sức khỏe dồi dào. Tệ tham ô, lãng phí, quan liêu là cái xấu xa do xã hội cũ để lại, như cái ung nhọt còn sót lại trên thân thể của người khổng lồ. Công khai và mạnh dạn gạt bỏ cho thật sạch những ung nhọt ấy thì thân thể càng mạnh khỏe thêm. Cho nên, vạch những tệ hại nói trên để sửa chữa, chúng ta không sợ kẻ địch lợi dụng để phản tuyên truyền.

Theo con số đã nắm được từ năm 1958 đến 1961 thì những *vụ tham ô* đã làm hao tổn của Nhà nước *hàng triệu đồng*. Hiện nay có nơi, những người tham ô đã tự giác thật thà nhận lỗi và hứa quyết tâm sửa chữa.

Số lãng phí rất lớn. Gần đây, một số nhà máy và công trường đã bắt đầu cố gắng sửa chữa. Tuy vậy, trong mấy năm nay đã *lãng phí hàng chục triệu đồng*. Với số tiền bạc, của cải bị tham ô, lãng phí đó, người ta có thể làm được.

Hoặc 10 công trình thủy lợi như Bắc - Hưng - Hải,

Hoặc 5 nhà máy cơ khí trung quy mô,

Hoặc mấy ngôi nhà 4 tầng cho một vạn người ở.

Tiền bạc, của cải đó là do nhân dân ta đóng góp, cũng có phần do nhân dân các nước anh em giúp đỡ. Để hao hụt vì tham ô, lãng phí là không biết thương tiếc mồ hôi nước mắt của nhân dân ta, không biết quý trọng sự giúp đỡ chí tình của nhân dân các nước anh em. Cho nên chúng ta, tất cả những cán bộ phụ trách của Đảng và Chính phủ, phải thật thà *tự phê bình*, nhận khuyết điểm và làm gương mẫu sửa chữa trong cuộc vận động này.

Việc chống tham ô, lãng phí, quan liêu là rất cần thiết và phải làm thường xuyên. Nó có hai ý nghĩa quan trọng.

- Nó làm cho mọi người nâng cao *tinh thần trách nhiệm, tinh thần làm chủ, ý thức bảo vệ của công*, hăng hái thi đua tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm để xây dựng nước nhà, để nâng cao đời sống của nhân dân.

- Nó giúp cho cán bộ và đảng viên ta giữ gìn phẩm chất cách mạng, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, một lòng một dạ phục vụ nhân dân, phục vụ cách mạng. Do đó mà nhân dân ta đã đoàn kết, càng đoàn kết thêm, lực lượng ta đã hùng mạnh, càng hùng mạnh thêm.

Trong cuộc vận động này, chúng ta cần ôn lại những lời căn dặn của Lênin. Năm 1918, trong quyển *Nhiệm vụ trước mắt của chính quyền Xô viết*, Lênin đã dạy:

“Phải rành mạch và thật thà kể toán tiền bạc, tiết kiệm kinh tế, không lười biếng, không ăn trộm của công làm của tư, phải giữ cực kỳ nghiêm ngặt kỷ luật lao động. Trước mắt, đó là khẩu hiệu chủ yếu rất bức thiết..., là những điều kiện cần kíp và đầy đủ để làm cho chủ nghĩa xã hội thắng lợi triệt để... Phải chỉnh đốn kỷ luật trong hàng ngũ ta, loại trừ hết những kẻ lười biếng, lủ ăn bám, bọn trộm cắp của công... Phải dùng những biện pháp tiết kiệm nhất, phải nhỏ tận gốc tất cả những hiện tượng lãng phí... Cần có những pháp luật để trừng trị tệ tham ô, lãng phí và phải chấp hành những pháp luật ấy một cách nghiêm chỉnh...”.

Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội thắng lợi thì nhân dân ta phải kiên quyết thực hiện lời dạy của Lênin.

Trong cuộc vận động này, *giáo dục là chính*, làm cho những người đã phạm lỗi có dịp để thật thà “cải quá tư tâm”. Đồng thời phải có kỷ luật thích đáng đối với những kẻ ngoan cố, không chịu ăn năn sửa chữa; đồng thời khuyến khích những người tốt càng tận tụy và càng gương mẫu trong việc phục vụ nhân dân. Vì vậy, *cần nắm vững phần xây dựng là nâng cao ý thức trách nhiệm, tăng cường quản lý kinh tế tài chính, đồng thời kiên quyết chống tham ô, lãng phí, quan liêu*.

Tuy cuộc vận động phải đúng mức, không tràn lan, nhưng chúng ta phải *phát động tư tưởng của quần chúng* làm cho quần chúng khinh ghét tệ tham ô, lãng phí, quan liêu; biến hàng ức, hàng triệu con mắt, lỗ tai cảnh giác của quần chúng thành những ngọn đèn pha soi sáng khắp mọi nơi, không để cho tệ tham ô, lãng phí, quan liêu còn chỗ ẩn nấp. Với

sự chỉ đạo chặt chẽ của Trung ương, với quyết tâm của cán bộ và sự hăng hái tham gia của quần chúng, cuộc vận động này nhất định sẽ có kết quả tốt.

Đối với cuộc vận động này, nói chung cán bộ và công nhân đều nhất trí tán thành, ai cũng cho là cần, là tốt. Nhưng lúc thi hành thì chắc có một số người lo lắng, e sợ. E sợ vì trong ba chứng bệnh tham ô, lãng phí, quan liêu, bản thân mình chắc có một bệnh, hoặc nặng hoặc nhẹ. Lo lắng vì không biết cấp trên sẽ xử trí thế nào? Anh em công nhân sẽ đối với mình thế nào? Lo lắng, e sợ vì mình sẽ ở vào cảnh “trên đe, dưới búa”.

Bi quan như vậy là không đúng. Mọi người phải dũng cảm tiến lên. Ai có sai lầm thì phải có nghị lực nói thật ra và có quyết tâm sửa chữa, để thành người tốt làm việc tốt. Vàng thật thì không sợ lửa, càng được đe và búa tôi luyện, thì vàng sẽ tốt thêm.

Tôi nhắc lại: Trong cuộc vận động này, *Đảng lấy giáo dục, bồi dưỡng làm chính.*

- Cũng có nơi *lo lắng tập thể*. Những cơ quan hoặc nhà máy nào đó đã được thưởng Huân chương, nay xét kỹ thì không xứng đáng. Phải chăng Huân chương ấy sẽ bị thu lại?

Không đâu. Nhưng cán bộ và công nhân từ nay phải thi đua lập nhiều thành tích để xứng đáng với vinh dự của Huân chương ấy.

- Trong nhiều công việc lớn, trước khi làm rộng khắp, chúng ta phải làm *thí điểm* để rút kinh nghiệm. Song những nơi có vinh dự được chọn làm thí điểm thì lúc đầu cũng lo ngại: phải chăng chúng mình đã phạm sai lầm đặc biệt nhiều, cho nên phải đưa ra phê phán trước?

Nhưng mới thi hành bước đầu mà đã thu được nhiều kết quả khá, thì có thí điểm ấy đã “đổi sầu làm vui”.

Vài ví dụ: kết quả bước đầu ở *Nhà máy xe lửa Gia Lâm*.

- Do sửa đổi cách phát lương cho công nhân mà mỗi tháng tiết kiệm được 900 công.

- Do tổ chức giao ca giao kíp cẩn thận mà đã nâng cao tinh thần trách nhiệm, bảo vệ máy móc.

- Do thanh niên mở cuộc vận động “8 giờ vàng ngọc” mà đã trừ được các thói xấu đi muộn, về sớm, v.v...

Ở công trường dệt 8-3.

- Cán bộ kế hoạch đã thường xuyên đi kiểm tra để quy định sử dụng vật liệu, tránh được lãng phí.

- Sửa đổi cách phát lương cho công nhân, mỗi tháng tiết kiệm được 500 công.

- Sửa đổi lề lối làm việc; đã giảm được 118 người.

- Thanh niên tổ chức một tuần lễ tiết kiệm, đã thu nhật được:

36m³ gỗ vụn,

1.572 kilô sắt,

1.850 kilô gang, v.v...

Ở cửa hàng bách hóa tổng hợp.

- Thực hiện chế độ rõ ràng khi hàng hóa vào kho và ra kho.

Kiểm lại toàn bộ hàng hóa để xây dựng sổ sách thật nền nếp.

- Giao ca giao kíp một cách cẩn thận, v.v...

Những thành tích bước đầu đó làm cho cán bộ và công nhân đều phấn khởi đấu tranh để thu nhiều thành tích to hơn nữa.

Đó cũng là một thắng lợi bước đầu cho cả cuộc vận động chung.

*
* *

Các đồng chí,

Cuộc vận động này là một cuộc cách mạng nội bộ, một cuộc đấu tranh gay go giữa cái tốt và cái xấu, cái cũ và cái mới, giữa đạo đức cách mạng là cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư và kẻ địch là tệ nạn tham ô, lãng phí, quan liêu.

Chúng ta đã thấy rõ kẻ thù, Đảng đã định ra chiến lược sách lược đúng đắn. Chúng ta phải đồng tâm nhất trí, mạnh bạo xung phong.

Để giành lấy thắng lợi, chúng ta phải nắm vững chính sách của Đảng, đi đúng đường lối quần chúng, phải dựa vào lực lượng của quần chúng, phải lắng nghe ý kiến của quần chúng, phải thật sự mở rộng dân chủ.

Nếu quần chúng nói mười điều mà chỉ có một vài điều xây dựng, như thế vẫn là quý báu và bổ ích. Uy tín của người lãnh đạo là ở chỗ

mạnh dạn thực hiện tự phê bình và phê bình, biết học hỏi quần chúng, sửa chữa khuyết điểm, để đưa công việc ngày càng tiến bộ chứ không phải ở chỗ giấu giếm khuyết điểm và e sợ quần chúng phê bình.

Các đồng chí đều là cán bộ cao cấp ở các ngành, các địa phương, đều có trách nhiệm lớn đối với nhân dân, với Đảng và Nhà nước. Đảng đã rèn luyện các đồng chí thành những cán bộ vững vàng và chúng ta đã làm cách mạng thành công, kháng chiến thắng lợi.

Cuộc vận động này kết quả tốt sẽ bảo đảm cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc thành công và đấu tranh thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà thắng lợi. Vì vậy, Đảng đòi hỏi đảng ủy các cấp và thủ trưởng các cơ quan phải phụ trách hoàn toàn và lãnh đạo chặt chẽ; tất cả phải có quyết tâm làm cho cuộc vận động này thắng lợi.

Bản sao lưu trữ

BÀI NÓI TẠI HỘI NGHỊ BỒI DƯỠNG CHÍNH HUẤN DO TRUNG ƯƠNG TRIỆU TẬP¹

Các đồng chí,

Tết này, chúng ta sung sướng chúc mừng Đảng yêu quý của chúng ta 35 tuổi.

Đảng ta như biển rộng núi cao,

Băm năm năm ấy biết bao nhiêu tình!

Đảng ta đã gánh vác nhiệm vụ lịch sử đưa giai cấp vô sản và nhân dân ta anh dũng tiến lên con đường cách mạng.

Từ đó đến nay, trải qua một đoạn đường dài đầy hy sinh gian khổ, cách mạng Việt Nam, dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng ta, đã giành được những thắng lợi to lớn.

Ngày nay, *miền Bắc* nước ta đang vững bước tiến lên chủ nghĩa xã hội, xây dựng cuộc sống mới no ấm, vui tươi, khác hẳn cảnh đời nô lệ tối tăm ngày trước.

Đồng bào *miền Nam* trước đã cùng nhân dân cả nước anh dũng kháng chiến, đánh thắng thực dân Pháp. Mười năm qua lại tiếp tục chiến đấu anh dũng, giương cao ngọn cờ giải phóng, quyết đánh bại đế quốc Mỹ xâm lược cùng bọn tay sai và đang giành nhiều thắng lợi to lớn.

Có Đảng lãnh đạo, dân tộc ta đã trở thành một dân tộc anh hùng, được bè bạn khắp năm châu yêu mến và kính trọng. Đó là một thắng lợi vĩ đại của chủ nghĩa Mác - Lênin, đó là điều đáng tự hào của mỗi người yêu nước và cách mạng.

* Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 12, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr. 371.

1. Hội nghị họp từ ngày 22 đến ngày 26-1-1965.

Có thắng lợi vĩ đại ấy là vì:

- Đảng ta xứng đáng là đội tiên phong, là bộ tham mưu của giai cấp vô sản, của nhân dân lao động và của cả dân tộc. Đảng ta đã biết vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin vào hoàn cảnh nước ta một cách sáng tạo để nêu ra đường lối, chính sách đúng đắn, bảo đảm cho cách mạng phát triển thắng lợi. Cán bộ, đảng viên ta nói chung là những người cộng sản chân chính, trung thành với lợi ích của giai cấp, của nhân dân và được dân mến, dân tin.

- Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, thắng lợi của cách mạng là do sự phấn đấu hy sinh và trí thông minh sáng tạo của hàng triệu nhân dân, nhất là công nhân, nông dân và những người trí thức cách mạng.

- Cách mạng Việt Nam luôn luôn được sự đồng tình và ủng hộ của giai cấp công nhân và nhân dân cách mạng thế giới, nhất là của nhân dân các nước xã hội chủ nghĩa anh em. Tình đoàn kết quốc tế vĩ đại ấy là một điều kiện rất quan trọng cho cách mạng Việt Nam thắng lợi.

Đó là ba bài học lớn mà mỗi cán bộ và đảng viên ta cần ghi sâu vào lòng và phát huy thêm mãi.

Chúng ta đã giành được thắng lợi to lớn. Nhưng đó mới chỉ là bước đầu trên con đường muôn dặm. Sự nghiệp cách mạng còn lâu dài gian khổ. Đảng ta còn có trách nhiệm nặng nề đối với 30 triệu đồng bào cả nước ta và phải tích cực gánh vác phần trách nhiệm của mình đối với sự nghiệp cách mạng thế giới.

Những người cộng sản chúng ta không một phút nào được quên lý tưởng cao cả của mình là phấn đấu cho Tổ quốc hoàn toàn độc lập, cho chủ nghĩa xã hội hoàn toàn thắng lợi trên đất nước ta và trên toàn thế giới. Một ngày nào miền Nam ta chưa được giải phóng, Tổ quốc ta chưa được thống nhất, nhân dân ta chưa được sung sướng yên vui, thì tất cả chúng ta vẫn phải đem hết tinh thần và nghị lực mà phấn đấu hy sinh cho sự nghiệp cách mạng hoàn toàn thắng lợi. Mỗi người chúng ta đều phải biết đặt lợi ích của dân tộc, của giai cấp lên trên lợi ích cá nhân, phải biết quên mình cho nghĩa lớn. Muốn giữ gìn sự trong sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin thì trước hết tự mình phải trong sáng. Muốn đánh thắng kẻ thù là *chủ nghĩa đế quốc*, muốn xây dựng thắng lợi *chủ nghĩa xã hội*, thì trước hết phải chiến thắng kẻ thù bên trong của mỗi chúng ta là *chủ nghĩa cá nhân*.

Chính vì đã sẵn sàng quên mình cho sự nghiệp cách mạng của Đảng, cho độc lập tự do của Tổ quốc, cho lý tưởng cộng sản vẻ vang mà 35 năm qua trong Đảng ta đã có biết bao anh hùng liệt sĩ như các đồng chí Trần Phú, Ngô Gia Tự, Lê Hồng Phong, Nguyễn Văn Cừ, Hoàng Văn Thụ, Nguyễn Thị Minh Khai và hàng vạn đảng viên gương mẫu, "trung với nước, hiếu với dân", khí phách hiên ngang cho đến hơi thở cuối cùng như liệt sĩ Nguyễn Văn Trỗi.

Biết bao đảng viên cộng sản là anh hùng, chiến sĩ trên mặt trận sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, trong chiến đấu bảo vệ Tổ quốc và trong các ngành hoạt động khác. Họ không đòi danh, đòi lợi. Họ một lòng một dạ phục vụ Đảng, phục vụ nhân dân. Họ là những đảng viên bình thường nhưng phẩm chất cách mạng của họ thật là cao quý. Đảng ta rất tự hào có những người con xứng đáng ấy của giai cấp và của dân tộc.

Nhưng trong hàng chục vạn cán bộ và đảng viên xứng đáng, còn lẫn vào một số người thấp kém về tinh thần và đạo đức cách mạng. Họ còn mang nặng *chủ nghĩa cá nhân* trong mình.

Đứng trong hàng ngũ chiến đấu của Đảng mà họ không có dũng khí cách mạng, ít lo nghĩ về trách nhiệm của mình, không quyết tâm vươn lên phía trước. Họ hững hờ như những người không có lý tưởng, đến đâu hay đó, qua tháng qua ngày. Đối với công việc của cách mạng, không có thái độ làm chủ tập thể, dám nghĩ dám làm, mà thường bị động ngồi chờ.

Số người ấy không hiểu sức mạnh của Đảng chính là ở sự tập trung thống nhất, ở kỷ luật sắt của Đảng. Họ ít gắn bó với tổ chức, không tin ở lực lượng và trí tuệ của tập thể. Họ sống và làm việc một cách riêng rẽ, không đoàn kết và hợp tác với người khác. Hễ có đôi chút hiểu biết, đôi chút thành công thì tự cao tự đại, vênh vang kiêu ngạo, tự cho mình tài giỏi hơn người. Ở cương vị phụ trách thì tự cho mình có quyền hơn hết thấy, định đoạt mọi việc; ở ngành nào, địa phương nào thì coi đó như một giang sơn riêng, không biết đến lợi ích toàn cục. Họ coi thường những quyết định của tổ chức, họ là những "ông quan liêu", chỉ thích dùng mệnh lệnh đối với đồng chí và nhân dân.

Đảng ta là một Đảng phấn đấu hy sinh vì lợi ích của Tổ quốc, của nhân dân, của giai cấp vô sản, chứ không vì lợi ích nào khác. Nhưng số người đó coi Đảng như một cái cầu thang để thăng quan phát tài. Họ không quan tâm đến đời sống của nhân dân mà chỉ lo nghĩ đến lợi ích

của riêng mình. Họ quên rằng mỗi đồng tiền, hạt gạo đều là mồ hôi nước mắt của nhân dân, do đó mà sinh ra phô trương, lãng phí. Họ tự cho mình có quyền sống xa hoa hưởng lạc, từ đó mà đi đến tham ô, trụy lạc, thậm chí sa vào tội lỗi.

Tất cả những lỗi lầm nói trên đều là con đẻ của *chủ nghĩa cá nhân*.

Chủ nghĩa cá nhân là kẻ thù nguy hiểm mà mỗi người chúng ta phải luôn luôn tỉnh táo để phòng và kiên quyết tiêu diệt.

Chính vì vậy mà cuộc *chỉnh huấn* lần này của Đảng ta nhằm mục đích tẩy rửa chủ nghĩa cá nhân và nâng cao đạo đức cách mạng của giai cấp vô sản.

Các đồng chí,

Lý tưởng vĩ đại của Đảng ta, vận mạng của Tổ quốc ta, đời sống của giai cấp ta và nhân dân ta đòi hỏi toàn Đảng và mỗi người đảng viên phải phấn đấu mạnh mẽ hơn nữa để xây dựng thắng lợi chủ nghĩa xã hội, đấu tranh thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà và góp phần tích cực vào sự nghiệp cách mạng của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

Để tăng *năng suất lao động* và tăng *sức chiến đấu bảo vệ Tổ quốc*, chúng ta chẳng những phải nâng cao không ngừng trình độ hiểu biết của mình về mọi mặt, mà trước hết phải biết luôn luôn giữ vững và nâng cao *đạo đức cách mạng* của giai cấp vô sản. Cuộc *chỉnh huấn* lần này là một cơ hội tốt để tất cả chúng ta thật thà phê bình và tự phê bình, xem xét lại mình một cách nghiêm chỉnh, thấy rõ những sai lầm để sửa chữa, thấy rõ ưu điểm để phát huy thêm. Muốn vậy, mỗi người phải thật sự tự giác tự nguyện. Nhất là các đồng chí lãnh đạo ở các cấp, các ngành cần phải gương mẫu trong việc tự phê bình và phê bình. Tất cả các đồng chí đều phải đem hết lòng đoàn kết, thương yêu đồng chí và giúp nhau tiến bộ. Những đảng viên nào có khuyết điểm, nếu thật thà tự phê bình, có quyết tâm sửa chữa, vứt bỏ cái ba lô *cá nhân chủ nghĩa* đi, thì sẽ trở nên đảng viên xứng đáng. Đảng ta là một bà mẹ rất nghiêm ngặt mà cũng rất hiền từ. Chúng ta phải làm sao cho sau cuộc chỉnh huấn này, mỗi đồng chí càng nhận rõ trách nhiệm của mình càng thêm tin tưởng, phấn khởi và hăng hái tiến lên; sự đoàn kết nhất trí trong Đảng càng thêm vững chắc, bảo đảm cho Đảng ta càng trong sạch, càng mạnh mẽ, bảo

đảm cho sự nghiệp cách mạng vĩ đại của chúng ta càng giành được nhiều thắng lợi to lớn hơn nữa, trước mắt là trong phong trào thi đua "mỗi người làm việc bằng hai" nhằm hoàn thành thắng lợi kế hoạch 5 năm lần thứ nhất và chuẩn bị tốt để tiến vào kế hoạch 5 năm lần thứ hai, bảo đảm cho Đại hội lần thứ IV của Đảng thành công tốt đẹp.

Các đồng chí, chúng ta hãy giương cao ngọn cờ tất thắng của chủ nghĩa Mác - Lênin, cùng nhau phấn khởi tiến lên!

Bản sao lưu trữ

**BÀI NÓI TẠI HỘI NGHỊ PHỔ BIẾN NGHỊ QUYẾT
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ VỀ CUỘC VẬN ĐỘNG
"NÂNG CAO TINH THẦN TRÁCH NHIỆM,
TĂNG CƯỜNG QUẢN LÝ KINH TẾ TÀI CHÍNH, CẢI TIẾN
KỸ THUẬT, CHỐNG THAM Ô, LÃNG PHÍ, QUAN LIÊU"***

Các đồng chí,

Để hoàn thành thắng lợi kế hoạch 5 năm lần thứ nhất và chuẩn bị điều kiện tốt cho những kế hoạch sau, để đẩy mạnh công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và không ngừng nâng cao đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân, Đảng và Chính phủ đã quyết định bắt đầu tiến hành hai cuộc vận động lớn:

Một là cuộc vận động “Nâng cao tinh thần trách nhiệm, tăng cường quản lý kinh tế tài chính, cải tiến kỹ thuật, chống tham ô, lãng phí, quan liêu”. Gọi tắt là “3 xây, 3 chống”.

Hai là cuộc vận động “cải tiến quản lý hợp tác xã, cải tiến kỹ thuật, nhằm phát triển sản xuất nông nghiệp toàn diện, mạnh mẽ và vững chắc”.

Hai cuộc vận động này liên quan với nhau, ảnh hưởng lẫn nhau. Có thể ví hai cuộc vận động như hai bánh xe vững chắc, nó góp phần rất đặc lực vào việc tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội.

Hôm nay, chúng ta chỉ nói chuyện về cuộc vận động “3 xây, 3 chống”.

Mục đích và yêu cầu của cuộc vận động này là gì? Tổ chức thế nào, chỉ đạo thế nào, tiến hành thế nào cho có kết quả tốt? Những điều đó đã

* Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 12, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr.108.

ghi rõ trong *Nghị quyết* của Bộ Chính trị. Ở đây, tôi chỉ tóm tắt nhấn mạnh mấy điểm.

Từ ngày hòa bình lập lại, miền Bắc hoàn toàn giải phóng, với sự lãnh đạo của Đảng, sự cố gắng của nhân dân và sự giúp đỡ tận tình của các nước anh em, chúng ta đã thu được nhiều thắng lợi trong công cuộc xây dựng kinh tế xã hội chủ nghĩa. Chúng ta phải nhận rõ những thắng lợi đó.

Chắc rằng thắng lợi còn nhiều hơn nữa và to hơn nữa, nếu mỗi người cán bộ, đảng viên, đoàn viên, công nhân, viên chức ta có ý thức trách nhiệm cao hơn; nếu chúng ta quản lý kinh tế tài chính khéo hơn; nếu chúng ta biết cải tiến kỹ thuật tốt hơn.

Nhưng chúng ta phải thật thà nhận rõ những khuyết điểm và nhược điểm, để kiên quyết sửa chữa: như ý thức làm chủ nước nhà và tinh thần trách nhiệm còn kém. Chế độ và phương pháp quản lý kinh tế tài chính của chúng ta còn nhiều thiếu sót và lỏng lẻo. Kỷ luật lao động chưa được thật nghiêm túc, sử dụng lao động chưa được hợp lý. Khả năng thiết bị máy móc tuy có khá nhiều nhưng chưa được sử dụng đầy đủ.

Bởi những khuyết điểm đó, mà năng suất lao động bình quân tăng rất chậm, sản xuất phát triển chưa được mạnh mẽ, vững chắc và cân đối. Do đó mà đời sống vật chất của nhân dân chưa được cải thiện nhiều.

Mọi người biết rằng mức sống với sản xuất là như thuyền với nước. Nước cao thì thuyền mới lên cao. Sản xuất nhiều, nhanh, tốt, rẻ thì đời sống mới được cải thiện, không có cách nào khác.

- Trong cuộc vận động này điểm 1 là: *nâng cao tinh thần trách nhiệm* là làm cho mọi người hiểu rõ mình có trách nhiệm cần kiệm xây dựng nước nhà. Mọi người có trách nhiệm tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm, để Nhà nước có thể vừa tích lũy thêm tiền vốn xây dựng, vừa cải thiện dần đời sống của nhân dân. Mọi người còn có trách nhiệm lao động sản xuất sao cho xứng đáng với đồng bào miền Nam đang hy sinh xương máu, anh dũng chiến đấu chống chế độ phát xít Mỹ - Diệm.

- Trong công cuộc xây dựng nước nhà, việc *quản lý kinh tế tài chính* là cực kỳ quan trọng. Nếu quản lý không chặt chẽ, thì cái gì thiếu không biết, cái gì thừa không hay, công việc sẽ bị bế tắc.

Cho nên điểm 2 của cuộc vận động là: tăng cường và củng cố các việc quản lý: quản lý sản xuất, quản lý vật tư, quản lý lao động, quản lý kỹ thuật, quản lý tiền bạc, v.v... Phải tăng cường việc quản lý từ Trung

ương đến địa phương. Các xí nghiệp, công trường, nông trường... đều phải thực hiện việc quản lý một cách nghiêm chỉnh.

- Muốn phát triển sản xuất thì phải cải tiến kỹ thuật, nghĩa là: Phải biết học tập để nắm vững kỹ thuật, sử dụng đầy đủ công suất máy móc. Phải tìm tòi sáng kiến để tổ chức lao động cho hợp lý. Phải cải tiến phương tiện, máy móc làm việc để đạt năng suất cao, chất lượng tốt.

Muốn xây dựng một xã hội mới và tốt đẹp, thì cần phải tiêu diệt những thói hư, tật xấu của xã hội cũ còn sót lại. Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội thì phải bồi dưỡng con người xã hội chủ nghĩa. Con người xã hội chủ nghĩa là con người có đạo đức *cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư*, một lòng một dạ phục vụ nhân dân, phục vụ cách mạng.

Số đông cán bộ, đảng viên, đoàn viên, công nhân, viên chức ta đều tận tụy và trong sạch. Cho nên chúng ta đã thu được những thành tích trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Nhưng trong hàng ngũ ta vẫn còn một số người không tốt. Họ tham ô và lãng phí của Nhà nước và của nhân dân.

Vì vậy, cuộc vận động này gồm có “3 xây”, là xây những cái tốt nói trên và “3 chống” là chống tham ô, lãng phí, quan liêu.

- *Tham ô* là hành động xấu xa nhất, tội lỗi đê tiện nhất trong xã hội. Tham ô là trộm cắp của công, chiếm của công làm của tư. Nó làm hại đến sự nghiệp xây dựng nước nhà; hại đến công việc cải thiện đời sống của nhân dân; hại đến đạo đức cách mạng của người cán bộ và công nhân.

- *Lãng phí* tuy khác với tham ô ở chỗ người gây ra lãng phí không trực tiếp trộm cắp của công làm của riêng. Nhưng kết quả thì làm tổn hại rất nghiêm trọng cho Nhà nước, cho nhân dân. Lãng phí có nhiều nguyên nhân. Hoặc vì lập kế hoạch không chu đáo. Hoặc vì trong khi thực hiện kế hoạch tính toán không cẩn thận. Hoặc vì bệnh hình thức xa xỉ, phô trương. Hoặc vì thiếu tinh thần bảo vệ của công. Nói tóm lại là vì thiếu ý thức trách nhiệm, thiếu ý thức quý trọng sức của, sức người của Nhà nước và của nhân dân.

- *Quan liêu* là người cán bộ phụ trách nhưng xa rời thực tế, xa rời quần chúng.

Đối với công việc thì không điều tra nghiên cứu kỹ lưỡng. Chỉ đạo thì đại khái, chung chung. Không lắng nghe ý kiến của quần chúng, tác

phong không dân chủ. Sợ phê bình và tự phê bình. Không giữ đúng nguyên tắc lãnh đạo tập thể, phân công phụ trách... Vì vậy, ở đâu có bệnh quan liêu thì ở đó có nạn tham ô, lãng phí.

“3 xây” và “3 chống” quan hệ chặt chẽ với nhau. Làm “3 chống” triệt để nhằm bảo đảm cho công việc “3 xây” thành công. “3 xây” phát triển mạnh mẽ thì đối tượng “3 chống” sẽ được xóa bỏ tận gốc.

Cuộc vận động này lấy *giáo dục làm chính*: khen ngợi những người tốt, việc tốt; khuyến khích những người có khuyết điểm tự giác tự động cố gắng sửa chữa để trở nên người tốt. Phải tiến hành khẩn trương, nhưng không nóng vội... Làm nơi nào phải thật tốt nơi ấy, để rút kinh nghiệm phổ biến cho nơi khác.

Để thực hiện tốt cuộc vận động, cần chú ý mấy điểm sau đây:

- Phải kết hợp chặt chẽ cuộc vận động với phong trào thi đua yêu nước.

- Phải liên hệ chặt chẽ giữa cấp trên với cấp dưới, giữa cán bộ, đảng viên và quần chúng.

- Cán bộ (trước hết là cán bộ phụ trách), đảng viên, đoàn viên phải gương mẫu, xung phong, thật thà tự phê bình và thành khẩn phê bình, có khuyết điểm thì quyết tâm sửa chữa.

- Phải mạnh dạn phát động quần chúng, lắng nghe ý kiến của quần chúng.

- Đảng ủy các cấp phải lãnh đạo chặt chẽ cuộc vận động. Thủ trưởng các ngành phải thật sự phụ trách cuộc vận động.

- Toàn thể cán bộ, đảng viên, đoàn viên, công nhân, viên chức phải hăng hái tham gia cuộc vận động với tinh thần phấn khởi và chí khí quyết thắng.

Đây là một cuộc vận động to lớn, một cuộc vận động cách mạng. Nó sẽ đưa lại sự chuyển biến mạnh mẽ và sâu sắc về tư tưởng và tổ chức, về chính trị và kinh tế. Cuộc vận động này kết quả tốt sẽ góp phần rất to lớn vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc thành công và đấu tranh thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà thắng lợi. Vì vậy, Đảng đòi hỏi đảng ủy các cấp, thủ trưởng các ngành và toàn thể anh chị em lao động chân tay cùng lao động trí óc phải có quyết tâm và nghị lực thực hiện cuộc vận động này thắng lợi hoàn toàn.

BÀI NÓI CHUYỆN TẠI LỚP BỒI DƯỠNG CÁN BỘ VỀ CÔNG TÁC MẶT TRẬN*

Các đồng chí,

Bác rất vui lòng các cô các chú đã cố gắng học tập và nhận rõ trách nhiệm của mình.

Chắc mọi người đã thấy rõ, chính sách Mặt trận dân tộc thống nhất của Đảng ta đã đưa lại những thắng lợi to lớn:

Đoàn kết trong Mặt trận *Việt Minh*, nhân dân ta đã làm Cách mạng tháng Tám thành công, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Đoàn kết trong Mặt trận *Liên Việt*, nhân dân ta đã kháng chiến thắng lợi, lập lại hòa bình ở Đông Dương, hoàn toàn giải phóng miền Bắc.

Đoàn kết trong Mặt trận *Tổ quốc Việt Nam*, nhân dân ta đã giành được thắng lợi trong công cuộc khôi phục kinh tế, cải tạo xã hội chủ nghĩa và trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc.

Mục đích phấn đấu của Mặt trận dân tộc thống nhất là xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh.

Cương lĩnh của Mặt trận là nhằm xây dựng miền Bắc vững mạnh, dần dần nâng cao đời sống của nhân dân, bằng cách phát triển công nghiệp, nông nghiệp, văn hóa, khoa học. Nó nhằm đoàn kết toàn dân, một lòng một dạ, kề vai sát cánh, cùng nhau phấn đấu thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà.

Bất kỳ ai, dù quá khứ của họ thế nào, miễn là ngày nay họ thật lòng ủng hộ công cuộc xây dựng miền Bắc và đấu tranh thống nhất nước nhà, thì chúng ta đoàn kết với họ.

* Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 12, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr. 604.

Chủ nghĩa Mác - Lênin dạy chúng ta rằng: muốn làm cách mạng thắng lợi thì phải phân biệt rõ ai là bạn ai là thù, phải thực hiện thêm bầu bạn, bớt kẻ thù. Mọi người yêu nước và tiến bộ là bạn của ta. Đế quốc Mỹ, bọn tay sai của Mỹ, bọn phản cách mạng là kẻ thù của ta.

Để làm trọn trách nhiệm lãnh đạo cách mạng, Đảng ta phải dựa vào giai cấp công nhân, lấy liên minh công nông làm nền tảng vững chắc để đoàn kết các tầng lớp khác trong nhân dân. Có như thế mới phát triển và củng cố được lực lượng cách mạng và đưa cách mạng đến thắng lợi cuối cùng.

Đảng ta có chính sách Mặt trận dân tộc đúng đắn, cho nên đã phát huy được truyền thống đoàn kết và yêu nước rất vẻ vang của dân tộc ta.

Chính sách Mặt trận là một chính sách rất quan trọng. Công tác Mặt trận là một công tác rất quan trọng trong toàn bộ công tác cách mạng. Các cán bộ và đảng viên ta cần nắm vững và chấp hành đúng Nghị quyết của Đại hội Đảng và *Nghị quyết* Bộ Chính trị về vấn đề Mặt trận dân tộc thống nhất. Trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân cũng như trong cách mạng xã hội chủ nghĩa, Mặt trận dân tộc thống nhất vẫn là một trong những lực lượng to lớn của cách mạng Việt Nam.

Chúng ta phải đoàn kết chặt chẽ các *tầng lớp nhân dân*, động viên lực lượng của nhân dân, để phấn đấu hoàn thành sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và đấu tranh thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà.

Phải đoàn kết tốt *các đảng phái*, các đoàn thể, các nhân sĩ trong Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, thực hiện hợp tác lâu dài, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau tiến bộ.

Phải đoàn kết *các dân tộc anh em*, cùng nhau xây dựng Tổ quốc. Phải ra sức làm cho miền núi tiến kịp miền xuôi, vùng cao tiến kịp vùng thấp. Giữa nông trường và đồng bào địa phương, giữa đồng bào ở đồng bằng đến vỡ hoang và đồng bào miền núi, cần phải đoàn kết chặt chẽ, thương yêu giúp đỡ lẫn nhau.

Phải đoàn kết chặt chẽ giữa *đồng bào lương và đồng bào các tôn giáo*, cùng nhau xây dựng đời sống hòa thuận ấm no, xây dựng Tổ quốc. Phải chấp hành đúng chính sách tôn trọng tự do tín ngưỡng đối với tất cả các tôn giáo.

Ở những vùng tôn giáo có nhiều *hợp tác xã* nông nghiệp phát triển khá tốt. Nhưng ở một vài nơi, vì có kẻ xấu phản tuyên truyền cho nên một số *xã viên* giáo dân không an tâm sản xuất, do đó mà năng suất không tăng, *xã viên* thu nhập kém. Có một số người làm việc đạo lại cố ý tổ chức lễ “*làm phúc*” kéo dài hàng tuần giữa lúc đang gặt hái gấp. Như thế là công tác của Mặt trận vừa đoàn kết vừa đấu tranh làm chưa được tốt; quản lý *hợp tác xã* còn kém; công việc đạo sắp đặt chưa hợp lý.

Nguyện vọng của đồng bào giáo dân là “*phần xác no ấm, phần hồn thông dong*”. Muốn được như thế thì phải ra sức củng cố *hợp tác xã*, phát triển sản xuất, tăng thu nhập cho *xã viên*. Đồng thời phải đảm bảo tín ngưỡng tự do. Nhưng hoạt động tôn giáo không được cản trở sản xuất của nhân dân, không được trái với chính sách và pháp luật của Nhà nước.

Muốn làm tốt những việc nói trên, cán bộ và đảng viên:

- Phải thông suốt và thực hiện đúng chính sách của Đảng và Chính phủ, đồng thời phải giải thích cho mọi người hiểu thật thấu và làm cho đúng.

- Phải đi đường lối quần chúng, không được quan liêu, mệnh lệnh và gò ép nhân dân. Nhiệm vụ của chính quyền dân chủ là phục vụ nhân dân; tổ chức, giáo dục, động viên nhân dân xây dựng cuộc sống mới. Chúng ta phải thật sự dân chủ với nhân dân và chuyên chính với bọn phản cách mạng, bọn phá hoại lợi ích của nhân dân.

- Phải thành thực lắng nghe ý kiến của người ngoài Đảng. Cán bộ và đảng viên không được tự cao tự đại, cho mình là tài giỏi hơn mọi người; trái lại phải học hỏi điều hay điều tốt của mọi người.

- Cán bộ làm công tác Mặt trận phải tích cực và phải chủ động giúp cấp ủy đảng lãnh đạo công tác Mặt trận; phổ biến và thực hiện chính sách của Đảng về Mặt trận; làm việc phải kiên nhẫn, phải tha thiết với công tác Mặt trận.

Cán bộ và đảng viên có quyết tâm làm như thế thì công tác Mặt trận nhất định sẽ tiến bộ nhiều.

Cuối cùng, Bác thân ái chúc các cô, các chú nhiều thắng lợi trong công tác và thực hiện đúng khẩu hiệu:

Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết,

Thành công, thành công, đại thành công!

BÀI NÓI TẠI LỚP BỒI DƯỠNG CÁN BỘ LÃNH ĐẠO CẤP HUYỆN*

Các cô, các chú,

Hôm nay, Bác rất vui, vì ít khi Bác được gặp các đồng chí huyện ủy đồng như thế này.

Lớp học có bao nhiêu đồng chí?

Có bao nhiêu cô?

Cán bộ nữ ít như vậy là một thiếu sót. Các đồng chí phụ trách lớp học chưa quan tâm đến việc bồi dưỡng cán bộ nữ. Đây cũng là thiếu sót chung ở trong Đảng. Nhiều người còn đánh giá không đúng khả năng của phụ nữ, hay thành kiến, hẹp hòi. Như vậy là rất sai. Hiện nay, có nhiều phụ nữ tham gia công tác lãnh đạo ở cơ sở. Nhiều người công tác rất giỏi. Có cháu gái làm chủ nhiệm hợp tác xã toàn thôn, không những hăng hái mà còn làm tốt. Các cháu gái ở các hợp tác xã thường có nhiều ưu điểm: ít mắc tệ tham ô, lãng phí, không hay chèn chén, ít hống hách mệnh lệnh như một số cán bộ nam, có đúng như thế không? Nếu Bác nói không đúng, các đồng chí cứ phát biểu.

Bác mong rằng các đồng chí hãy thật sự sửa chữa bệnh thành kiến, hẹp hòi đối với phụ nữ. Các cô, nhất là các cô ở huyện, phải đấu tranh mạnh. Vì các cô mà không đấu tranh thì những đồng chí nam có thành kiến với phụ nữ sẽ không tích cực sửa chữa.

*

* *

Lớp học này nhằm bồi dưỡng cho các đồng chí hiểu rõ hơn đường lối chống Mỹ, cứu nước, đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc,

* Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 12, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr. 208.

đường lối chiến tranh nhân dân, phương hướng phát triển nông nghiệp và công tác Đảng, công tác quần chúng trong tình hình hiện nay, để các đồng chí khi về địa phương có thể làm tốt hơn các công tác chiến đấu, sản xuất, tổ chức đời sống nhân dân, xây dựng các tổ chức ở cơ sở, làm cho huyện ủy trở thành huyện ủy “bốn tốt”.

Yêu cầu, nội dung học tập như trên trong tình hình hiện nay là rất thiết thực. Các đồng chí Trung ương đã đến giảng bài. Các cô, các chú nghe có hiểu không, có nắm vững không?

Nói đến chuyện học, Bác nói lại câu chuyện cũ mà Bác thường hay nhắc tới để các cô, các chú nghe.

Hồi kháng chiến chống Pháp, có một lần Bác đi công tác về, thấy một số đồng chí đang nghỉ ở một gốc cây đa to, bóng mát. Bác hỏi:

- Các cô, các chú đi đâu về?
- Chúng cháu đi học về.
- Học cái gì?
- Học Các Mác.
- Có hay không?
- Hay lắm!
- Có hiểu không?

Họ ấp úng trả lời:

- Thưa Bác, nhiều cái khó quá, không hiểu được.

Như vậy là học không thiết thực.

Bác kể một câu chuyện khác. Trước Cách mạng tháng Tám, trong vùng giải phóng ở Tân Trào có làm một nhà văn hóa, một hôm có một cán bộ nam, một cán bộ nữ đến diễn thuyết, họ nói rất say sưa. Lúc ấy, Bác cũng ngồi cạnh đấy. Bác ghé sang một người ngồi bên cạnh, hỏi ông có hiểu gì không? Ông ta lắc đầu nói không hiểu gì cả. Cái đó cũng dễ hiểu thôi. Vì mấy đồng chí kia nói nhiều quá, lại dùng những chữ cao xa. Trình độ hiểu biết của đồng bào ta lúc ấy còn thấp, mà nói nào là “chủ quan”, “khách quan”, “tích cực”, “tiêu cực”, v.v... cho nên họ không hiểu.

Vui chuyện, Bác kể lại mấy câu chuyện cũ, nhưng cũng để nói với các cô, các chú là bây giờ chúng ta phải học tập thiết thực để về làm cho tốt. Và khi về địa phương mở lớp cho cán bộ, đảng viên ở xã cũng phải chú ý theo tình thần lớp học trên này mà làm.

Bây giờ lớp học sắp bế mạc, Bác căn dặn các cô, các chú mấy điều:

1- *Cần nắm vững đường lối, chính sách của Đảng, chịu khó đi sâu, đi sát cơ sở, hợp tác xã* để hiểu rõ tình hình sản xuất, đời sống của nhân dân, tình hình các chi bộ và các đoàn thể quần chúng. Do đó mà có chủ trương, biện pháp cho đúng, cho kịp thời.

Điểm này có lẽ các đồng chí nắm vững rồi. Bác chỉ nhắc các cô, các chú phải đi sâu, đi sát cơ sở, nằm ở cơ sở để chỉ đạo phong trào, không nên xuống cơ sở theo lối chuồn chuồn đập nước. Vấn đề này nghe thì dễ, nhưng thực hiện chưa tốt lắm. Hiện nay, có một số đồng chí huyện ủy chưa thật sự lăn lộn ở cơ sở, còn ngại khó, ngại khổ cho nên chưa nắm được tình hình cụ thể của địa phương mình phụ trách. Hiện nay, mỗi huyện ủy có từ 15 đến 20 đồng chí. Phải chia nhau mà nắm tình hình. Mỗi đồng chí huyện ủy nắm một hai xã. Phải đi sâu, đi sát nắm vững tình hình, không những phải nắm vững tình hình hợp tác xã, mà còn phải nắm vững tình hình ăn, ở, học tập, sức khỏe... của các gia đình. Nếu không đi sâu, đi sát cơ sở, nắm vững tình hình sản xuất và đời sống của nhân dân thì các đồng chí làm thế nào có thể vận dụng đúng đắn đường lối, chính sách của Đảng, chủ trương của tỉnh vào huyện mình?

2- *Phải chăm lo xây dựng hợp tác xã, xây dựng chi bộ Đảng, Đoàn thanh niên, Hội phụ nữ cho thật tốt.*

Chi bộ là nền móng của Đảng, chi bộ tốt thì mọi việc sẽ tốt. Cho nên các cô, các chú phải quan tâm đến việc xây dựng chi bộ, phải làm cho chi bộ trở thành "bốn tốt". Phải làm thiết thực, đừng hình thức, đừng báo cáo sai.

Muốn trở thành chi bộ "bốn tốt", trước hết đảng viên phải gương mẫu, làm đúng chính sách, thật sự *tôn trọng quyền làm chủ của nhân dân*, lắng nghe ý kiến của quần chúng thì mới được dân tin, dân phục, dân yêu. Như vậy công việc khó mấy cũng làm được.

Đoàn viên và các đội thanh niên xung phong phải là cánh tay của chi bộ, xung phong đi đầu trong sản xuất, chiến đấu. Các *ban quản trị hợp tác xã phải dân chủ, phải chống tham ô, lãng phí*. Tệ tham ô trong hợp tác xã bây giờ còn nhiều. Ai chịu trách nhiệm về tình hình ấy? Huyện có chịu trách nhiệm không? Trong cán bộ huyện, có cán bộ nào tham ô, mệnh lệnh không? Các cô, các chú phải nghiêm khắc kiểm tra.

3- *Cán bộ, đảng viên phải đoàn kết chặt chẽ, bảo đảm dân chủ và kỷ luật trong Đảng*. Đảng viên cũ, mới, già, trẻ, gái, trai phải thương yêu nhau, giúp đỡ nhau cùng tiến bộ.

Hiện nay, trong đội ngũ cán bộ của Đảng có cán bộ già, có cán bộ trẻ. Cán bộ già là vốn quý của Đảng, họ có kinh nghiệm về mặt lãnh đạo, được rèn luyện, thử thách nhiều trong thực tế đấu tranh. Nhưng cũng có một số cán bộ già đến một thời kỳ nào đấy là dừng lại, không tiến lên được, hay bám lấy cái cũ, không nhạy cảm với cái mới. Còn cán bộ trẻ tuy chưa có một số ưu điểm như cán bộ già, nhưng họ lại hăng hái, nhạy cảm với cái mới, chịu khó học tập, cho nên tiến bộ rất nhanh.

Đảng ta phải khéo kết hợp cán bộ già với cán bộ trẻ. Không nên coi thường cán bộ trẻ. Một số ít cán bộ già mắc bệnh công thần, cho mình là người có công lao, hay có thái độ “cha chú” với cán bộ trẻ, đảng viên trẻ nói gì cũng gạt đi, cho là “trúng khôn hơn vẹt”, “măng mọc quá tre”. Thời đại của ta hiện nay rất oanh liệt. Xã hội, thế giới phát triển rất nhanh. Thế mà các đồng chí lớn tuổi lại coi thường cán bộ trẻ là không đúng. Còn cán bộ trẻ không được kiêu ngạo, phải khiêm tốn học hỏi các đồng chí già có kinh nghiệm.

Tất cả cán bộ, đảng viên của Đảng phải vì Đảng, vì dân mà hăng hái phấn đấu. Phải chịu khó học tập chính trị, kinh tế, khoa học, kỹ thuật để nâng cao năng lực, làm cho kinh tế phát triển, chiến đấu thắng lợi, đời sống của nhân dân ngày càng no ấm, tươi vui.

Khi nói đến học tập khoa học, kỹ thuật, có người còn cho là cao xa quá. Nhưng biết nói một cách phổ thông, nôm na như chúng ta vẫn làm thì không phải là cao xa, không tiếp thụ nổi. Ví dụ: làm bèo hoa dâu là khoa học, kỹ thuật, cách ủ phân cũng là khoa học, kỹ thuật. Khoa học, kỹ thuật là như vậy, không chịu khó học tập thì không lãnh đạo được sản xuất, không đưa được năng suất cây trồng lên.

4- *Phải đưa vào quần chúng mà phát động mọi phong trào sản xuất, chiến đấu.* Phải làm cho quần chúng luôn luôn phấn khởi, tin tưởng.

Làm việc gì cũng phải có quần chúng. Không có quần chúng thì không thể làm được. Vừa rồi trên báo *Nhân dân* có đăng câu chuyện về phòng không. Có mấy đồng chí cán bộ xã ngồi bàn với nhau. Phòng không phải là đào hầm, xây hầm tốn mấy vạn viên gạch, mấy nghìn cây tre và mấy trăm đồng nữa. Chi phí lớn quá và khó thực hiện. Nhưng có một cô kỹ sư có ý kiến là cần đưa ra quần chúng bàn bạc tham gia. Sau đó mời quần chúng lại, nói rõ âm mưu của địch là hiện nay nó bắn lung

tung như thế, ta phải đào hầm để ẩn nấp. Vậy ta nên đào như thế nào? Thế là quần chúng giơ tay hưởng ứng, người thì xin góp mấy tấm ván, người thì xin góp mấy chục viên gạch, người thì xin góp mấy cây tre... Chỉ trong hai ngày là họ làm xong tất cả các hầm trú ẩn. Ở Quảng Bình, Vĩnh Linh, do đi theo đường lối quần chúng mà nhân dân đào được hàng nghìn cây số hào, hàng chục vạn hầm. Cho nên việc gì có quần chúng tham gia bàn bạc, khó mấy cũng trở nên dễ dàng và làm được tốt. Các đồng chí ở Quảng Bình nói rất đúng:

Đễ mười lần không dân cũng chịu,

Khó trăm lần dân liệu cũng xong.

Ở Thái Bình, Quảng Bình và một số nơi khác đang tiến hành việc “bình công, báo công”. Qua bình công, báo công ai làm được gì tốt, ai không làm hoặc làm xấu, mọi người đều biết. Đó mới thực sự dân chủ, đó là cách phê bình, tự phê bình rất tốt. Làm như vậy, quần chúng tự giáo dục cho nhau và giáo dục cho cả cán bộ nữa. Vì trong cán bộ, có những đồng chí tốt, miệng nói tay làm, nhưng cũng có một số đồng chí “chỉ tay năm ngón”, không chịu làm. Bình công, báo công cũng là cách rất tốt để lựa chọn những người tốt mà tuyên truyền giáo dục, đưa họ vào Đảng, bồi dưỡng họ thành cán bộ. Như vậy là không bao giờ thiếu cán bộ. Đó là *cách làm công tác xây dựng Đảng* rất tốt.

Các cô, các chú thấy làm như thế có tốt không?

Có làm được không?

Nhưng có đồng chí lại không làm được như thế. Từ trước tới giờ, có nơi dân chưa nói, hoặc không dám nói, vì sợ cán bộ “trù”, cán bộ “chụp mũ”. Những cán bộ có khuyết điểm thường sợ dân nói. Nhưng nếu thành thật với dân, biết mình có lỗi, xin lỗi dân thì dân cũng rất vui lòng và sẽ tha thứ cho. Dân ta rất tốt, rất yêu thương Đảng, yêu thương cán bộ. Khi ta có khuyết điểm mà nói trước dân, chẳng những dân không ghét, không khinh, mà còn thương yêu, quý trọng, tin nhiệm ta hơn nữa.

5- *Trước mắt, vụ sản xuất Đông - Xuân rất khẩn trương. Cần làm kịp thời vụ.* Phải chú ý *chăm sóc trâu bò*, không để trâu bò bị rét, phải cho trâu bò ăn no, ở ấm. Chú ý giáo dục quần chúng *tiết kiệm. Chớ liên hoan lu bù.* Cấm nấu rượu lậu, giết lợn, bò, ăn uống lãng phí. Các đồng chí ở huyện phải đi xuống xã mà xem xét, kiểm tra, chớ làm theo lối quan liêu, tỉnh gửi giấy về huyện, huyện gửi giấy về xã. Giấy không thể

che rét cho trâu bò được. Làm như vậy trâu bò sẽ bị gầy đi vì đói, vì rét, ảnh hưởng rất lớn đến sản xuất.

Chăm sóc trâu bò là để sản xuất, chứ không phải để liên hoan, để đánh chén! Tết sắp đến, do đó cần chú ý tiết kiệm. Trung ương thường nhắc nhở các địa phương: “Chúng ta phải ra sức *sản xuất và tiết kiệm*”. Nhiều nơi đã thực hiện tốt. Nhưng có nơi, giấy gửi đi hình như chữ bị hao mòn, chữ “tiết kiệm” lại hóa ra chữ “tiết canh”.

Bác nói có sách, mách có chứng, Bác đọc một đoạn đăng ở báo *Hải Phòng*: “Vì cán bộ thiếu gương mẫu, ở xã Mỹ Phúc nạn lạm sát lợn vẫn thường xảy ra. Khánh thành trạm bơm cũng giết hai con lợn. Hợp tác xã tổng kết cũng giết bốn con lợn. Rồi đội sản xuất tổ chức ăn tập đoàn cũng giết một con lợn”, v.v...

Lại đây nữa! Xã Đoàn Kết và xã Ngô Quyền ở huyện Thanh Miện đã giết trái phép nhiều lợn và trâu để dùng vào việc ăn uống liên hoan.

Cán bộ, đảng viên làm như vậy là không gương mẫu, nêu gương xấu.

Sở dĩ có tình trạng đó là do không dân chủ. Đảng viên không dám nói, dân không dám nói. Như thế này thì xã viên không oán sao được? Như thế này thì hợp tác xã làm sao mà tiến lên được? Dân người ta làm cả ngày cả đêm mà một số ít người thì đụng tới cái gì cũng chén, mà lại chén nhiều chứ không phải chén ít!

Trên đây là một vài ví dụ những nơi không tốt, nhưng chúng ta cũng có nhiều nơi làm tốt.

Xã D. thuộc Thái Nguyên là một xã người đông, ruộng ít. Sản xuất có nhiều khó khăn. Hơn một năm nay, máy bay giặc Mỹ luôn luôn bắn phá các thôn xóm trong xã. Nhưng nhân dân xã D. vẫn dũng cảm lao động; tổ chức đời sống cho phù hợp với thời chiến, phát triển sản xuất phục vụ sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Vụ mùa năm 1965 thu hoạch kém, mức thu nhập của xã viên bị sút. Bà con xã D. đã động viên nhau sản xuất, bảo đảm tự túc lương thực không ỷ lại vào Nhà nước. Nhân dân trong xã đã khắc phục mọi khó khăn đưa diện tích, năng suất và sản lượng lúa chiêm vừa qua lên cao hơn tất cả các năm trước. Rau, màu trồng gấp đôi, gấp rưỡi. Mọi gia đình đều có vườn rau tự túc. Hợp tác xã chú ý quản lý hoa màu để điều hòa cho những gia đình thiếu ăn trong những ngày giáp hạt. Tệ ăn uống lãng phí trong các dịp cưới xin, cúng bái đều xóa bỏ, bà con tính toán mức ăn hàng tháng

trong gia đình để có kế hoạch ăn thêm màu, tiết kiệm gạo, bảo đảm có đủ lương thực cho đến hết vụ.

Nhờ thực hành tiết kiệm và phát triển sản xuất đúng hướng cho nên trong những ngày giáp hạt, trong lúc nhiều xã khác phải xin Nhà nước cung cấp gạo, thì xã D. không những có đủ lương thực điều hòa trong xã mà còn làm nghĩa vụ lương thực vượt mức kế hoạch Nhà nước.

Như thế là ở đây vừa có thiên tai, vừa có địch họa. Họ sản xuất chẳng những để tự túc mà lại còn làm nghĩa vụ đối với Nhà nước.

Vụ mùa năm 1966 mặc dù bị máy bay địch bắn phá nhiều lần, hạn và sâu bệnh khá nặng, nhưng xã D. vẫn thu được thắng lợi lớn nhất từ trước tới nay. Năng suất lúa tăng từ bốn đến bảy tạ thóc một hécta so với những năm trước. Các xã viên chọn thóc tốt phơi khô, quạt sạch đem nộp ngay cho Nhà nước. Sau khi tính toán đủ mức ăn của xã viên, đã bán thêm năm tạ thóc theo giá khuyến khích. Các cụ “bạch đầu quân” ở hợp tác xã Minh Hòa và Thống Nhất vỡ ruộng cày cấy thu được một số thóc đem bán cho Nhà nước. Mọi người nêu khẩu hiệu: “Tiết kiệm một hạt gạo là cung cấp một viên đạn cho bộ đội ta bắn vào đầu giặc Mỹ”.

Mười trận máy bay địch ném bom, bắn phá, nhiều nhà cửa và tài sản của nhân dân bị hư hại. Song, nhờ tổ chức phòng tránh tốt, cả xã không có người nào chết và bị thương. Bà con bảo nhau “còn người còn cửa”, họ giúp đỡ nhau lương thực, quần áo, nồi niêu, bát đũa, chăn màn, không phải xin Nhà nước một đồng nào.

Hơn hai năm nay, xã D. luôn luôn dẫn đầu phong trào gửi tiền tiết kiệm ở Thái Nguyên. Năm 1965 bình quân mỗi người trong xã gửi được 13 đồng 20. Năm 1966, đến cuối tháng 11 toàn xã đã gửi được 4 vạn 2 nghìn đồng, chưa kể số vốn đã huy động phục vụ sản xuất. Tính bình quân mỗi người gửi được 31 đồng. Hầu hết các đồng chí chi ủy, đảng viên và cán bộ đều nêu gương hàng đầu gửi tiền tiết kiệm.

Nhiều đồng chí sau khi bán lợn, bán gà, bán nông sản chỉ giữ lại số tiền cần thiết để tiêu dùng, còn bao nhiêu đem gửi vào quỹ tín dụng ở xã. Các đồng chí giáo viên ở xã cũng tiết kiệm chi tiêu, gửi được gần 1.000 đồng vào quỹ tín dụng, góp thêm vốn cho bà con nông dân sản xuất. Nhiều bà con trong xã, như bà Lê Thị Thư đã tiết kiệm chi tiêu, gửi được 2.000 đồng.

Nhờ gửi tiền tiết kiệm mà các hợp tác xã có thêm vốn phát triển sản xuất, cải thiện đời sống của xã viên. Năm nay, hợp tác xã tín dụng ở xã đã cho hợp tác xã vay 2.000 đồng để mua các tư liệu sản xuất, mua thêm máy xay xát và 120 con lợn giống; giúp thêm tiền cho những gia đình bị máy bay địch bắn phá.

Hợp tác xã này đáng nêu gương về công tác phòng không làm tốt, sản xuất tốt, tiết kiệm tốt, đoàn kết giúp đỡ nhau tốt. Các xã khác cần noi theo.

Những gương tốt như vậy, ta nên học, nên bắt chước. Còn những gương xấu, ta nên tránh.

6- *Phải tích cực làm tốt công tác phòng không*, đào thêm nhiều hầm hố. Phải giúp đỡ đồng bào sơ tán, nhất là các cụ già, các cháu bé. Giúp đỡ những gia đình bị nạn bom đạn, gia đình thương binh, liệt sĩ và bộ đội đi xa.

Cuối cùng, Bác nhờ các cô, các chú chuyển lời chào của Bác và các đồng chí Trung ương, của Chính phủ đến đồng bào, cán bộ, bộ đội, dân quân, các cháu thanh niên và nhi đồng. Các đồng chí cố gắng làm việc tốt, trở thành huyện “bốn tốt”.

Còn mấy ngày nữa là Tết. Tết này là Tết kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Ta phải tổ chức Tết cho thật vui vẻ nhưng tiết kiệm. Các cô, các chú có hứa sẽ làm như vậy không?

THƯ GỬI CÁC ĐỒNG CHÍ BẮC BỘ*

Cùng các đồng chí Bắc Bộ,

Tôi không có thì giờ gặp các đồng chí để phê bình, kiểm thảo và bàn bạc công việc chung. Tiếc vì hoàn cảnh không tiện. Vậy tôi có mấy lời dặn các đồng chí như sau, mong các đồng chí chú ý:

1. Trong lúc dân tộc đang ở ngã tư đường, chết hay sống, mất hay còn, mỗi đồng chí và toàn cả Đoàn thể phải đem tất cả tinh thần và lực lượng ra để đưa toàn dân quay về một hướng, nhằm vào một mục đích đánh đuổi thực dân Pháp làm cho nước nhà thống nhất và độc lập. Vì vậy mỗi một đồng chí và toàn cả Đoàn thể phải: Sáng suốt, khôn khéo, cẩn thận, kiên quyết, siêng năng, nhất trí.

2. Cuộc trường kỳ kháng chiến này tức là dân tộc cách mệnh đến trình độ tối cao. Trong lúc này tư tưởng và hành động của mỗi một đồng chí rất có quan hệ đến toàn quốc. Nếu một người sơ suất, một việc sơ suất là có thể hỏng việc to; sai một ly đi một dặm.

Vì vậy chúng ta phải kiên quyết tẩy sạch những khuyết điểm sau đây:

a) Địa phương chủ nghĩa.

Chỉ chăm chú lợi ích của địa phương mình mà không nhìn đến lợi ích của toàn bộ. Làm việc ở bộ phận nào chỉ biết bênh vực vun đắp cho bộ phận ấy. Do khuyết điểm đó mà sinh ra những việc, xem qua thì như không quan hệ gì mấy, kỳ thực rất có hại đến kế hoạch chung. Thí dụ: muốn lấy tất cả cán bộ và vật liệu cho địa phương mình, không bằng lòng để cấp trên điều động cán bộ và vật liệu đến những nơi cần thiết.

* Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, tập 5, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 71-75.

b) Óc bè phái.

Ai hẩu với mình thì dù nói không đúng cũng nghe, tài không có cũng dùng. Ai không hẩu với mình thì dù có tài cũng dìm họ xuống, họ phải mấy cũng không nghe.

Đó là một khuyết điểm rất có hại. Nó làm cho Đoàn thể mất cán bộ, kém nhất trí, thường hỏng việc. Đó là một chứng bệnh rất nguy hiểm.

c) Óc quân phiệt quan liêu.

Khi phụ trách ở một vùng nào thì như một ông "vua con" ở đấy, tha hồ hách dịch, hoành hoạ. Đối với cấp trên thì xem thường, đối với cấp dưới cậy quyền lấn áp. Đối với quần chúng ra vẻ quan cách làm cho quần chúng sợ hãi. Cái đầu óc "ông tướng, bà tướng" ấy đã gây ra bao ác cảm, bao chia rẽ, làm cho cấp trên xa cấp dưới, Đoàn thể xa nhân dân.

d) Óc hẹp hòi.

Chúng ta phải nhớ rằng: người đời ai cũng có chỗ hay chỗ dở. Ta phải dùng chỗ hay của người và giúp người chữa chỗ dở. Dùng người cũng như dùng gỗ. Người thợ khéo thì gỗ to, nhỏ, thẳng, cong, đều tùy chỗ mà dùng được.

Tư tưởng hẹp hòi, thì hành động cũng hẹp hòi, thì nhiều thù ít bạn. Người mà hẹp hòi ít kẻ giúp. Đoàn thể mà hẹp hòi không thể phát triển.

e) Ham chuộng hình thức.

Việc gì cũng không xét đến kết quả thiết thực, cần kíp, chỉ nhằm vẻ hình thức bề ngoài, chỉ muốn phô trương cho oai. Thí dụ: ngày nay tập quân sự, cốt là biết bắn súng, dùng dao, ném lựu đạn, dùng địa thế, khéo mò đêm, khéo trinh thám, nói tóm lại cốt tập cho mọi người biết đánh du kích. Thế mà có nhiều nơi chỉ để thì giờ tập "một hai, một hai". Thế thì khác gì tập lễ nhạc để đi chữa cháy.

Nhiều nơi, những hình thức tuyên truyền cổ động chỉ biết kẻ khẩu hiệu, trưng cờ biển và trang hoàng nhà thông tin tuyên truyền cho đẹp, lập chòi diễn thuyết chỉ làm vì, còn hàng ngày không chịu gôn gủi quần chúng để giải thích cho họ hiểu chu đáo những chủ trương của Đoàn thể.

f) Làm việc bằng giấy.

Thích làm việc bằng giấy tờ thật nhiều. Ngồi một nơi chỉ tay năm ngón không chịu xuống địa phương kiểm tra công tác và để chỉ vạch những kế hoạch thi hành chỉ thị, nghị quyết của Đoàn thể cho chu đáo. Những chỉ

thị, nghị quyết cấp trên gửi xuống các địa phương có thực hiện được hay không, các đồng chí cũng không biết đến. Cái lối làm việc như vậy rất có hại. Nó làm cho chúng ta không đi sát phong trào, không hiểu rõ được tình hình bên dưới, cho nên phân nhiều chủ trương của chúng ta không thi hành được đến nơi đến chốn.

g) Vô kỷ luật, kỷ luật không nghiêm.

Trong những vùng chiến tranh lan đến, một số đồng chí đã tự tiện bỏ địa phương mình chạy sang vùng khác làm việc mà không hề có sự quyết định của Đoàn thể, của cấp trên. Như vậy các đồng chí không những đã biểu lộ tinh thần kém cỏi, việc nào dễ hay ưa thích thì làm, việc nào khó khăn không ưa thích thì bỏ, mà các đồng chí lại còn tỏ ra khinh thường kỷ luật của Đoàn thể, làm rối loạn hàng ngũ của Đoàn thể.

Nhiều nơi các đồng chí phạm lỗi, nhưng không bị trừng phạt xứng đáng, có đồng chí bị hạ tầng công tác nơi này, đi nơi khác lại ở nguyên cấp cũ hay chỉ bị hạ tầng công tác theo hình thức nhưng vẫn ở cấp bộ cũ làm việc.

Có đồng chí đáng phải trừng phạt, nhưng vì cảm tình nể nang chỉ phê bình, cảnh cáo qua loa cho xong chuyện. Thậm chí còn có nơi che đậy cho nhau, tha thứ lẫn nhau, lừa dối cấp trên, giấu giếm Đoàn thể. Thi hành kỷ luật như vậy làm cho các đồng chí không những không biết sửa lỗi mình mà còn khinh thường kỷ luật. Tai hại hơn nữa nếu kỷ luật của Đoàn thể lỏng lẻo, những phần tử phản động sẽ có cơ hội chui vào hàng ngũ ta để phá hoại Đoàn thể ta.

h) Ích kỷ, hủ hóa.

Có những đồng chí còn giữ óc địa vị, cố tranh cho được uỷ viên này, chủ tịch kia. Có những đồng chí lo ăn ngon mặc đẹp, lo chiếm của công làm của tư, lợi dụng địa vị và công tác của mình mà buôn bán phát tài, lo việc riêng hơn việc công. Đạo đức cách mạng thế nào, dư luận chê bai thế nào cũng mặc.

Có những đồng chí hay có tính kiêu ngạo, tự mãn, cho mình là cự chính trị phạm, là người của Mặt trận thì giỏi hơn ai hết, ai cũng không bằng mình. Vẫn biết nhà pha đế quốc là nơi huấn luyện, vẫn biết Việt Minh là một đoàn thể gồm những người yêu nước, chăm lo việc cứu nước. Nhưng hẳn rằng ngoài Việt Minh còn biết bao nhiêu người hay, người

giỏi mà Việt Minh chưa tổ chức được. Vả lại nếu chính trị phạm, nếu người của Mặt trận là giỏi hơn ai hết thì những người không có hân hạnh ở tù, những người chưa vào Mặt trận đó là vô tài vô dụng cả sao?

Mỗi một đồng chí ta phải có thái độ khiêm tốn, càng cụt, càng giỏi, càng phải khiêm tốn, phải có lòng cầu tiến bộ, phải nhớ câu nói của ông thầy chúng ta: "Phải học, học thêm, học mãi"¹. Tự mãn, tự túc là co mình lại, không cho mình tiến bộ thêm.

Có những đồng chí còn giữ thói "một người làm quan cả họ được nhờ", đem bà con, bạn hữu đặt vào chức này việc kia, làm được hay không, mặc kệ. Hồng việc, Đoàn thể chịu, cốt cho bà con, bạn hữu có địa vị là được.

Vẫn biết các đồng chí nói chung có nhiều ưu điểm như: nhẫn nại, chịu khó, tháo vát, nhiều sáng kiến. Đó là những tính rất quý báu. Nó làm căn bản cho những tính tốt khác phát triển. Nhưng trong thời kỳ khó khăn nặng nề này, chỉ có những ưu điểm ấy mà thôi, cũng chưa đủ. Các đồng chí cần phải đem căn bản tốt đó mà kiên quyết khắc phục những khuyết điểm vừa kể trên thì chúng ta mới chắc đi đến hoàn toàn thắng lợi.

3. Các đồng chí phải cố làm sao cho được những điều này:

a) Đoàn thể phải quân sự hoá, tư tưởng và hành động phải tuyệt đối nhất trí. Đoàn thể là đạo quân tiên phong. Nếu lúc xung phong mà người nói thế này, kẻ nói thế kia, kèn thổi ngược, trống đánh xuôi thì còn mong gì thắng trận. Chẳng những Đoàn thể ta phải nhất trí mà quân, dân, chính cũng phải nhất trí.

b) Trong các cơ quan chỉ huy chọn người phải đích đáng, quyền hạn phải phân minh, phải liên lạc mật thiết, hợp tác chặt chẽ, phải tuyệt đối tránh cái tệ lạm quyền, bao biện, xung đột, phù diện² và suy ty, không phụ trách.

Lúc này, vấn đề cơ quan chỉ huy rất quan trọng. Cử người vào đó phải cẩn thận, nhưng khi đã cử rồi, thì phải tuyệt đối phục tùng, cấp dưới phải nghe cấp trên, có thể công việc mới chạy.

1. Ý câu của V.I.Lênin. Xem V.I.Lênin: *Toàn tập*, tập 45, Nxb Tiến bộ, Mátxcova, 1978, tiếng Việt, tr.444 (B.T).

2. *Phù diện*: Về ngoài, mặt ngoài, ngoài mặt. Ở đây nên hiểu Chủ tịch Hồ Chí Minh nhắc nhở là phải tránh lối làm việc hình thức, không có chất lượng, hiệu quả (B.T).

c) Phải giữ vững giao thông, liên lạc giữa các tỉnh, các khu và giữa Trung Bộ với Nam Bộ và Bắc Bộ.

Giao thông là mạch máu của mọi việc, giao thông tắc thì việc gì cũng khó. Giao thông tốt thì việc gì cũng dễ dàng.

Mong các đồng chí mang toàn bộ tinh thần cách mạng mà khắc phục các khuyết điểm, phát triển các ưu điểm, đồng tâm hiệp lực, đoàn kết nội bộ, mở rộng hàng ngũ, chấn chỉnh công tác để lãnh đạo toàn dân hăng hái kháng chiến để đi đến thắng lợi vẻ vang.

Chào thân ái và quyết thắng!

Ngày 1 tháng 3 năm 1947

Bản sao lưu trữ

SỬA ĐỔI LỐI LÀM VIỆC*

Viết xong tháng 10-1947.

Ký tên: X.Y.Z.

Nxb Sự thật xuất bản lần

dầu tiên năm 1948, xuất bản

lần thứ 7 năm 1959.

Theo sách xuất bản

lần thứ 7 năm 1959.

I- PHÊ BÌNH VÀ SỬA CHỮA

1. Cán bộ và đảng viên ta, vì bận việc hành chính hoặc quân sự, mà xao nhãng việc *học tập*. Đó là một khuyết điểm rất to. Khác nào người thầy thuốc chỉ đi chữa người khác, mà bệnh nặng trong mình thì quên chữa.

Từ nay, chúng ta cần phải thiết thực học tập, sửa chữa các khuyết điểm. Vì có tẩy sạch khuyết điểm, công việc mới có thể tiến bộ.

2. Trong bức thư trước, Hồ Chủ tịch đã vạch rõ khuyết điểm của chúng ta. Những cán bộ và đảng viên các nơi, hoặc chỉ nghiên cứu qua loa, hoặc nhận thấy khuyết điểm rồi nhưng không cố gắng sửa chữa.

Đó là vì nghiên cứu một cách không thiết thực, không có tổ chức.

Từ nay, chúng ta phải làm như sau này:

A- TỔ CHỨC: Mỗi cơ quan, bộ đội, đoàn thể phải tổ chức một uỷ ban học tập, do cán bộ cao cấp lãnh đạo, do các cấp cử đại biểu tham gia. Số uỷ viên nhiều hay ít, tùy hoàn cảnh mà định.

Uỷ ban này định ra kế hoạch; nghiên cứu, thảo luận, kiểm tra và thực hành.

B- THỜI GIAN HỌC TẬP: Từ 2 đến 3 tháng. Mỗi nơi tùy hoàn cảnh mà định ngày giờ. Dù sao, phải có ngày giờ nhất định.

* Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, tập 5, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tr.229-306.

C- TÀI LIỆU HỌC TẬP: Thư Hồ Chủ tịch và những tài liệu Trung ương sẽ gửi thêm.

D- CÁCH THỨC HỌC TẬP:

1. *Nghiên cứu* - Mỗi người phải đọc kỹ càng các tài liệu, rồi tự kiểm điểm và kiểm điểm đồng chí mình, có khuyết điểm gì và ưu điểm gì.

2. *Thảo luận* - Khai hội thảo luận và phê bình. Trong lúc thảo luận, mọi người được hoàn toàn tự do phát biểu ý kiến, dù đúng hoặc không đúng cũng vậy. Song không được nói gàn, nói vòng quanh, những kết luận trong cuộc thảo luận phải có cấp trên duyệt y mới là chính thức.

Đ- CÁCH PHÊ BÌNH: Mục đích phê bình cốt để giúp nhau sửa chữa, giúp nhau tiến bộ. Cốt để sửa đổi cách làm việc cho tốt hơn, đúng hơn. Cốt đoàn kết và thống nhất nội bộ.

Vì vậy, phê bình mình cũng như phê bình người phải ráo riết, triệt để, thật thà, không nể nang, không thêm bớt. Phải vạch rõ cả ưu điểm và khuyết điểm. Đồng thời, chớ dùng những lời mỉa mai, chua cay, đâm thọc. Phê bình việc làm, chứ không phải phê bình người.

Những người bị phê bình thì phải vui lòng nhận xét để sửa đổi, không nên vì bị phê bình mà nản chí, hoặc oán ghét.

E- KIỂM TRA: Ủy ban học tập phải có một ban kiểm tra để xem xét việc học tập và sự tiến bộ của mọi người, giúp đỡ người tiến bộ ít, khen ngợi người tiến bộ nhiều.

G- BÁO CÁO: Mỗi tháng phải báo cáo về Trung ương một lần.

H- THỰC HÀNH: Người có *ưu điểm* thì phải cố gắng thêm, và người khác phải cố gắng bắt chước. Mọi người phải tích cực sửa chữa *khuyết điểm* của mình và giúp anh em sửa chữa *khuyết điểm* của họ. Mọi người phải nhớ rằng: cộng nhiều khuyết điểm nhỏ thành một khuyết điểm to, sẽ rất có hại. Cộng nhiều ưu điểm nhỏ thành một ưu điểm lớn, rất lợi cho Đảng và công cuộc kháng chiến.

PHẢI SỬA ĐỔI LỐI LÀM VIỆC CỦA ĐẢNG

Đảng ta hy sinh tranh đấu, đoàn kết, lãnh đạo nhân dân, tranh lại thống nhất và độc lập. Công việc đã có kết quả vẻ vang.

Nhưng, nếu mỗi cán bộ, mỗi đảng viên làm việc đúng hơn, khéo hơn, thì thành tích của Đảng còn to tát hơn nữa.

Cán bộ và đảng viên làm việc không đúng, không khéo, thì còn nhiều khuyết điểm. Khuyết điểm nhiều thì thành tích ít. Khuyết điểm ít thì thành tích nhiều.

Đó là lẽ tất nhiên.

Vì vậy ngay từ bây giờ, các cơ quan, các cán bộ, các đảng viên, mỗi người mỗi ngày phải *thiết thực tự kiểm điểm và kiểm điểm đồng chí mình*. Hễ thấy khuyết điểm *phải kiên quyết tự sửa chữa, và giúp đồng chí mình sửa chữa*. Phải như thế. Đảng mới chóng phát triển, công việc mới chóng thành công.

Nếu không kiên quyết sửa chữa khuyết điểm của ta, thì cũng như giấu giếm tật bệnh trong mình, không dám uống thuốc, để bệnh ngày càng nặng thêm, nguy đến tính mệnh.

Khuyết điểm có nhiều thứ. Chúng ta có thể chia tất cả các khuyết điểm vào ba hạng:

- Khuyết điểm về tư tưởng, tức là bệnh *chủ quan*.
- Khuyết điểm về sự quan hệ trong Đảng với ngoài Đảng, tức là bệnh *hẹp hòi*.
- Khuyết điểm về cách nói và cách viết, tức là *ba hoa*.

Đó là ba chứng bệnh rất nguy hiểm. Nếu không chữa ngay, để nó lây ra, thì có hại vô cùng.

A- BỆNH CHỦ QUAN

Mỗi chứng bệnh sinh ra do nhiều nguyên nhân. Nhưng kết quả nó đều làm cho người ta ồm yếu. Nguyên nhân của bệnh chủ quan là: Kém lý luận, hoặc khinh lý luận, hoặc lý luận suông.

Trước hết, ta phải hiểu lý luận là gì?

Lý luận là đem *thực tế* trong lịch sử, trong kinh nghiệm, trong các cuộc tranh đấu, xem xét, so sánh thật kỹ lưỡng rõ ràng, làm thành kết luận. Rồi lại đem nó chứng minh với thực tế. Đó là lý luận chân chính.

Lý luận như cái kim chỉ nam, nó chỉ phương hướng cho chúng ta trong công việc thực tế.

Không có lý luận thì lúng túng như nhắm mắt mà đi.

Hiện nay, phong trào cách mạng rất cao. Nhưng thử hỏi cán bộ và đảng viên ta đã mấy người biết rõ lý luận và biết áp dụng vào chính trị, quân sự, kinh tế, và văn hoá? Đã mấy người hiểu "biện chứng" là cái gì?

Vì kém lý luận, cho nên gặp mọi việc không biết xem xét cho rõ, cân nhắc cho đúng, xử trí cho khéo. Không biết nhận rõ điều kiện hoàn cảnh khách quan, ý mình nghĩ thế nào làm thế ấy. Kết quả thường thất bại.

Đó là chứng *kém lý luận trong bệnh chủ quan*.

Có những cán bộ, những đảng viên cũ, làm được việc, có kinh nghiệm. Cố nhiên, những anh em đó rất quý báu cho Đảng. Nhưng họ lại mắc phải cái bệnh *khinh lý luận*. Họ quên rằng: nếu họ đã có kinh nghiệm mà lại biết thêm lý luận thì công việc tốt hơn nhiều. Họ quên rằng: kinh nghiệm của họ tuy tốt, nhưng cũng chẳng qua là từng bộ phận mà thôi, chỉ thiên về một mặt mà thôi.

Có kinh nghiệm mà không có lý luận, cũng như một mắt sáng, một mắt mờ.

Những anh em đó, cần phải nghiên cứu thêm lý luận, mới thành người cán bộ hoàn toàn.

Có những người xem được sách, xem nhiều sách. Siêng xem sách và xem nhiều sách là một việc đáng quý. Nhưng thế không phải đã là biết lý luận.

Lý luận cốt để áp dụng vào công việc thực tế. Lý luận mà không áp dụng vào thực tế là *lý luận suông*. Dù xem được hàng ngàn hàng vạn quyển lý luận, nếu không biết đem ra thực hành, thì khác nào một cái hòm đựng sách.

Xem nhiều sách để mà *loè*, để làm ra *ta đây*, thế không phải là biết lý luận.

Những anh em đó cần phải ra sức thực hành mới thành người biết lý luận.

Nói tóm lại, mỗi cán bộ, mỗi đảng viên phải *học lý luận*, phải đem lý luận *áp dụng vào công việc thực tế*. Phải chữa cái bệnh kém lý luận, khinh lý luận và lý luận suông.

Đây phải nói rõ vấn đề *trí thức*.

Những người trí thức tham gia cách mạng, tham gia kháng chiến rất quý báu cho Đảng. Không có những người đó thì công việc cách mạng khó khăn thêm nhiều.

Nhưng có đôi người trí thức vì thế mà kiêu ngạo, lên mặt. Chúng kiêu ngạo lên mặt rất có hại cho họ. Nó ngăn trở họ tiến bộ.

Trí thức là gì?

Trí thức là hiểu biết. Trong thế giới chỉ có hai thứ hiểu biết: một là hiểu biết sự tranh đấu sinh sản. Khoa học tự nhiên do đó mà ra. Hai là hiểu biết tranh đấu dân tộc và tranh đấu xã hội. Khoa học xã hội do đó mà ra. Ngoài hai cái đó không có trí thức nào khác.

Một người học xong đại học, có thể gọi là có trí thức. Song y không biết cày ruộng, không biết làm công, không biết đánh giặc, không biết làm nhiều việc khác. Nói tóm lại: công việc thực tế, y không biết gì cả. Thế là y chỉ có trí thức một nửa. Trí thức của y là trí thức *học sách*, chưa phải trí thức hoàn toàn. Y muốn thành một người trí thức hoàn toàn, thì phải đem cái trí thức đó áp dụng vào *thực tế*.

Vì vậy, những người trí thức đó cần phải biết rõ cái khuyết điểm của mình. Phải khiêm tốn. Chớ kiêu ngạo. Phải ra sức làm các việc thực tế.

Lý luận phải đem ra thực hành. Thực hành phải nhằm theo lý luận.

Lý luận cũng như cái tên (hoặc viên đạn). Thực hành cũng như cái đích để bắn. Có tên mà không bắn, hoặc bắn lung tung, cũng như không có tên.

Lý luận cốt để áp dụng vào thực tế. Chỉ học thuộc lòng, để đem *loè* thiên hạ thì lý luận ấy cũng vô ích.

Vì vậy, chúng ta phải *gắng học*, đồng thời học thì phải *hành*.

B- BỆNH HẸP HÒI

Bệnh này rất nguy hiểm, mà nhiều cán bộ và đảng viên còn mắc phải.

Trong, thì bệnh này ngăn trở Đảng thống nhất và đoàn kết.

Ngoài, thì nó phá hoại sự đoàn kết toàn dân.

Nhiều thứ bệnh, như chủ nghĩa địa phương, chủ nghĩa bản vị, chủ nghĩa cá nhân, khuynh hướng tham danh vọng, tham địa vị, đèm người giỏi, bệnh hủ hoá, v.v... đều do bệnh hẹp hòi mà ra!

Có những cán bộ chỉ thấy lợi ích bộ phận của mình, không thấy lợi ích của toàn thể, muốn đem lợi ích của toàn thể phục tùng lợi ích của bộ phận mình. Họ quên hẳn cái chế độ *dân chủ tập trung*. Họ quên rằng thiểu số phải phục tùng đa số, hạ cấp phải phục tùng thượng cấp, bộ phận phải phục tùng toàn thể.

Chúng ta phải kiên quyết chữa ngay bệnh ấy, mỗi một đảng viên, mỗi một bộ phận, mỗi một lời nói, việc làm, tuyệt đối phải nhằm vào lợi ích của toàn cuộc, lợi ích của toàn Đảng.

Vì ham danh vọng và địa vị, cho nên khi phụ trách một bộ phận nào, thì lôi người này, kéo người khác, ưa ai thì kéo vào, không ưa thì tìm cách tẩy ra. Thế là chỉ biết có mình, chỉ biết có bộ phận mình mà quên cả Đảng. Đó là *một thứ bệnh hẹp hòi*, trái hẳn với nguyên tắc tập trung và thống nhất của Đảng.

Cũng vì bệnh hẹp hòi đó mà *cán bộ cấp trên phái đến và cán bộ địa phương* không đoàn kết chặt chẽ.

Phải biết rằng: chỉ có hai hạng cán bộ đó đoàn kết chặt chẽ và chỉ có cán bộ địa phương ngày càng thêm nhiều, thì nền tảng của Đảng mới phát triển và vững vàng. Cán bộ phái đến, trình độ thường cao hơn, kinh nghiệm nhiều hơn. Nhưng cán bộ địa phương lại biết rõ nhân dân, quen thuộc công việc hơn. Hai hạng cán bộ phải giúp đỡ nhau, bồi đắp nhau, thì công việc mới chạy.

Vì *bệnh hẹp hòi* mà cán bộ phái đến thường kiêu ngạo, khinh rẻ cán bộ địa phương, cho họ là dốt kém. Thành thử không thân mật hợp tác.

Từ nay, hễ có việc lôi thôi như thế nữa, thì cán bộ phái đến phải chịu lỗi nặng hơn, nhất là những cán bộ lãnh đạo.

Hai hạng cán bộ phải kết thành một khối, không phân biệt, không kèn cựa. Phải cùng nhau chữa cho tiệt cái nọc bệnh hẹp hòi.

Cán bộ quân sự với cán bộ địa phương cũng vậy, phải đoàn kết nhất trí, giúp đỡ lẫn nhau.

Cán bộ quân sự trong một địa phương thường giữ địa vị lãnh đạo và có quyền lực trong tay. Vì vậy, nếu từ nay còn có sự không hoà thuận giữa hai bên, thì cán bộ quân sự phải chịu lỗi lớn hơn.

Bộ đội này với bộ đội khác, địa phương này với địa phương khác, cơ quan này với cơ quan khác đều phải phản đối *bệnh ích kỷ, bệnh địa*

phương. Thí dụ: không muốn cấp trên điều động cán bộ, hoặc khi điều động thì chỉ dùn những cán bộ kém ra. Có vật liệu gì dù mình có thừa, hoặc không cần đến, cũng thu giấu đi, không cho cấp trên biết, không muốn chia sẻ cho nơi khác.

Bệnh địa phương đó, phải tẩy cho sạch.

Lại còn vấn đề cán bộ cũ và cán bộ mới.

Đảng càng phát triển thì cần đến cán bộ mới càng nhiều.

Vả chẳng, số cán bộ cũ có ít, không đủ cho Đảng dùng. Đồng thời, theo luật tự nhiên, già thì phải yếu, yếu thì phải chết. Nếu không có cán bộ mới thế vào, thì ai gánh vác công việc của Đảng.

Vì vậy cán bộ cũ phải hoan nghênh, dạy bảo, dìu dắt, yêu mến cán bộ mới. Cố nhiên cán bộ mới, vì công tác chưa lâu, kinh nghiệm còn ít, có *nhieu khuyết điểm*. Nhưng họ lại có những *ưu điểm hơn cán bộ cũ*: họ nhanh nhẹn hơn, thường giàu sáng kiến hơn.

Vì vậy, hai bên phải tôn trọng nhau, giúp đỡ nhau, học lẫn nhau, đoàn kết chặt chẽ với nhau.

Cán bộ cũ thường giữ địa vị lãnh đạo. Vì vậy, nếu từ nay, quan hệ giữa hai hạng cán bộ ấy không ổn thỏa, thì cán bộ cũ phải chịu trách nhiệm nhiều hơn. Như thế mới *chữa khỏi bệnh hẹp hòi*.

Từ trước đến nay, vì bệnh *hẹp hòi* mà có những sự *lủng củng* giữa bộ phận và toàn cuộc, đảng viên với Đảng, cán bộ địa phương và cán bộ phái đến, cán bộ quân sự và cán bộ "mặt trận", cán bộ mới và cán bộ cũ, cơ quan này và cơ quan khác, bộ đội này và bộ đội khác, địa phương này và địa phương khác.

Vậy từ nay, chúng ta phải tẩy cho sạch cái bệnh nguy hiểm đó, khiến cho *Đảng hoàn toàn nhất trí, hoàn toàn đoàn kết*.

Bệnh hẹp hòi đối ngoại.

Có nhiều đồng chí có bệnh tự tôn, tự đại, khinh rẻ người ta, không muốn biết, muốn học những ưu điểm của người khác. Biết được vài câu lý luận đã cho mình là giỏi, không xem ai ra gì, tưởng mình là hơn hết. Đó là *bệnh hẹp hòi hạng nặng*.

Họ quên rằng: chỉ đoàn kết trong Đảng, cách mạng cũng không thành công được, còn *phải đoàn kết nhân dân cả nước*. Họ quên rằng: so

với số nhân dân thì số đảng viên chỉ là tối thiểu, hàng trăm người dân mới có một người đảng viên. Nếu không có nhân dân giúp sức, thì Đảng không làm được việc gì hết.

Vì vậy ta cần phải hợp tác với những người ngoài Đảng. Ta không được khinh rẻ họ, chê bai họ. Ta phải liên lạc mật thiết với dân chúng. Không được rời xa dân chúng. Rời xa dân chúng là cô độc. Cô độc thì nhất định *thất bại*.

Cũng vì bệnh *hẹp hòi* mà không biết dùng nhân tài, việc gì cũng ôm lấy hết, ôm lấy hết thì cố nhiên làm không nổi.

Cũng vì bệnh *hẹp hòi* mà không biết cách xử trí khôn khéo với các hạng đồng bào (như tôn giáo, quốc dân thiểu số, anh em trí thức, các quan lại cũ, v.v.).

Từ nay, mỗi cán bộ, mỗi đảng viên, phải kiên quyết chữa cái bệnh hẹp hòi đó để thực hành *chính sách đại đoàn kết*. Chính sách thành công thì kháng chiến mới dễ thắng lợi.

Bệnh chủ quan, bệnh ích kỷ, bệnh hẹp hòi, v.v., mỗi chứng bệnh là một kẻ địch. Mỗi kẻ địch bên trong là một bạn đồng minh của kẻ địch bên ngoài. Địch bên ngoài không đáng sợ. Địch bên trong đáng sợ hơn, vì nó phá hoại từ trong phá ra. Vì vậy ta phải ra sức đề phòng những kẻ địch đó, phải chữa hết những chứng bệnh đó.

Gặp mỗi vấn đề, ta phải đặt câu hỏi:

Vì sao có vấn đề này?

Xử trí như thế này, kết quả sẽ ra sao?

Phải suy tính kỹ lưỡng. Chớ hấp tấp, chớ làm bừa, chớ làm liều. Chớ gặp sao làm vậy.

Để chữa khỏi những bệnh kia, ta phải tự phê bình ráo riết, và phải lấy lòng thân ái, lấy lòng thành thật, mà ráo riết *phê bình đồng chí mình*. Hai việc đó phải đi đôi với nhau.

Trong lúc phê bình, khuyết điểm phải vạch ra rõ ràng, mà ưu điểm cũng phải nhắc đến. Một mặt là để sửa chữa cho nhau. Một mặt là để khuyến khích nhau, bắt chước nhau.

Mỗi cán bộ, mỗi đảng viên, mỗi ngày phải tự kiểm điểm, tự phê bình, tự sửa chữa như mỗi ngày phải rửa mặt. Được như thế thì trong Đảng sẽ không có bệnh mà Đảng sẽ mạnh khỏe vô cùng.

II- MẤY ĐIỀU KINH NGHIỆM

1. Có cán bộ tốt, việc gì cũng xong.

Muôn việc thành công hoặc thất bại, đều do cán bộ tốt hoặc kém. Đó là một chân lý nhất định. Sau đây là những kinh nghiệm rõ ràng:

Chính phủ muốn giúp đồng bào làng X ở thượng du mở mang văn hoá, đã lập ra trường và phái giáo viên đến mấy lần, nhưng không ai đến học. Các giáo viên đều lác đầu trở về.

Đồng chí A ở Vệ quốc quân, đánh giặc bị thương, gãy tay, không cầm súng được nữa, xin đi làm giáo viên.

Được phái đến làng X, A liền đi thăm các nhà, nói chuyện với các bậc cha mẹ và trẻ em. Kết quả những cuộc nói chuyện đó là: vì nhà nghèo, thiếu người, trẻ em phải ở nhà giúp việc không đi học được.

A liền tìm cách giải quyết: *vừa học, vừa làm*. Khuyến các trẻ em hợp thành tiểu tổ, như tổ chần trâu, tổ cắt cỏ, tổ đan nón, v.v... Các trẻ em vừa làm vừa học. Nhờ cách hợp tác, làm lại được nhiều hơn làm riêng ở nhà. Đồng bào trong làng thấy vậy, chẳng những cho các con đã lớn đi học, mà gửi cả con còn bé cho thầy, "học được chữ nào hay chữ ấy". Rồi người lớn thấy vui cũng đi học.

Nhà trường dột, đồng chí A tự mình lợp lại. Đồng bào thấy vậy kéo nhau đến giúp.

Đối với các em làm biếng hoặc nghịch ngợm, A không đánh phạt, chỉ dùng cách khuyên dỗ, và bày cho các em khác phê bình. Thành thử dần dần em nào cũng trở nên ngoan ngoãn.

Khi dân làng có việc gì, A cũng ra tay giúp. Khi có ai cãi cọ nhau, thì A lấy tư cách thầy học trong làng đến dàn xếp.

Thành thử dân làng, nhất là những cha mẹ học trò, ai cũng kính trọng và yêu mến đồng chí A. Những nhà gần làng thấy vậy, cũng gửi con đến học.

Đồng chí A chỉ có bằng tiểu học mà đã làm được công việc những ông giáo khác không làm nổi.

Trong các ngành hoạt động của chúng ta, nào chính trị, kinh tế, nào quân sự, văn hoá, chắc không thiếu những người có năng lực, có sáng kiến như A. Nhưng vì cách lãnh đạo của ta còn kém, thói quan

liêu còn nong cho nên có những người như thế cũng bị chìm xuống, không được cất nhắc.

Muốn tránh khỏi sự hao phí nhân tài, chúng ta cần phải sửa chữa cách lãnh đạo. Thí dụ: *bắt buộc cán bộ trong mỗi ngành phải thiết thực báo cáo và cất nhắc nhân tài.*

2. Chính sách thì đúng, cách làm thì sai.

Chúng ta thường kêu gọi làm làng kiểu mẫu, trại kiểu mẫu, bộ đội kiểu mẫu, nhà máy kiểu mẫu, v.v., khẩu hiệu đó rất đúng. Nhưng đến nay, hoặc chưa làm được, hoặc làm được nửa chừng rồi lại nguội. Vì lẽ gì?

Vì chúng ta quên một lẽ rất giản đơn dễ hiểu: tức là vô luận việc gì, đều do *người* làm ra, và từ *nhỏ* đến *to*, từ *gần* đến *xa*, đều thế cả.

Muốn lập làng kiểu mẫu, đội kiểu mẫu, v.v., thì trước phải đào tạo ra *những người kiểu mẫu*, để làm cán bộ cho làng đó, đội đó. Làm được một làng, một đội rồi lấy đó làm kiểu mẫu, để khuyến khích và cổ động nơi khác.

Từ trước đến nay, chúng ta làm *trái ngược lại*. Chúng ta nghĩ ra một làng, một đội kiểu mẫu trong tư tưởng, mà không bắt đầu từ một làng, một đội sẵn có, cho nên kế hoạch không ăn khớp với những hoàn cảnh thiết thực (khách quan).

Đó cũng là vì *bệnh chủ quan* của chúng ta. Cho nên khẩu hiệu tuy đúng, nhưng thực hành không có kết quả mỹ mãn.

Một lẽ nữa, cũng vì cách lãnh đạo và cách làm không đúng. Khi chúng ta muốn lập một làng hoặc một đội kiểu mẫu, chúng ta đem cán bộ ngoài đến, để xung phong, mà không đào tạo cán bộ ngay ở đó. Khi cán bộ xung phong phải điều động đi nơi khác, thì làng kia hoặc đội kia lại xếp. Như cái bong bóng, thổi hơi vào, thì phồng lên, hơi ra hết, thì xẹp xuống.

Vả lại, chúng ta tham lam làm *nhiều* trong một lúc. Thí dụ: muốn lập một tỉnh kiểu mẫu thì thường hay dàn lực lượng ra làm cả tỉnh, không biết định cho mỗi huyện chọn một tổng làm kiểu mẫu, mỗi tổng chọn một làng làm kiểu mẫu. Thành thử, "ăn nhiều, nuốt không xuống". Chúng ta không biết tập trung lực lượng, làm xong một nơi, lấy đủ kinh nghiệm, rồi làm nơi khác.

Vì vậy, từ nay bất kỳ việc gì, chúng ta phải bắt đầu từ gốc, dần dần đến ngọn, từ ít đến nhiều, từ hẹp đến rộng, chớ nên tham mau, tham nhiều trong một lúc.

3. Không biết nghiên cứu kinh nghiệm đến gốc.

Trong các cuộc vận động, như tăng gia sản xuất, bình dân học vụ, mùa đông bình sĩ, v.v., chúng ta đã được nhiều thành tích rất khá. Nhưng chúng ta không biết nghiên cứu đến nơi đến chốn, vì sao mà có thành tích khá? Nơi nào thành tích tốt nhất? Ai là những người làm được thành tích đó? v.v., để mà học kinh nghiệm, để mà đặt ra khuôn phép cho công việc khác. Thành thử những cái tốt, cái hay đều không phát triển được. Và công việc xong rồi là thôi, cán bộ không học được kinh nghiệm gì, mà cũng không tiến bộ được mấy.

Đồng thời, chúng ta không ra sức nghiên cứu những sự khó khăn, những chỗ sai lầm, để giải quyết và sửa chữa cho kịp thời.

Thí dụ: nhiều cán bộ lo làm công việc của Đảng, nên phải xao nhãng công việc gia đình của họ, thành thử cha mẹ vợ con họ không vui lòng, mà cũng ảnh hưởng đến quần chúng. (Tuy có đôi nơi có sáng kiến, đề xướng khẩu hiệu: "cách mạng hoá gia đình", "cả nhà tham gia công việc kháng chiến", v.v... Song toàn bộ vấn đề vẫn chưa giải quyết). Vấn đề này không giải quyết một cách hợp lý, rất có ảnh hưởng xấu cho sự tiến tới của cán bộ. Dùng cán bộ không đúng tài năng của họ, cũng là một cơ thất bại. Thí dụ: người viết giỏi nhưng nói kém lại dùng vào những việc cần phải nói. Người nói khéo nhưng viết xoàng lại dùng vào công việc viết lách. Thành thử hai người đều không có thành tích.

Từ nay, công việc gì bất kỳ thành công hoặc thất bại, chúng ta cần phải nghiên cứu đến cội rễ, phân tách thật rõ ràng rồi kết luận. Kết luận đó sẽ là cái *thìa khóa phát triển công việc và để giúp cho cán bộ tiến tới*. Có như thế thì người mới có tài, tài mới có dụng.

4. Phải nâng cao sáng kiến và lòng hăng hái.

Chúng ta thường nêu vấn đề đó. Nhưng đến nay, cán bộ và đảng viên vẫn ít sáng kiến, ít hăng hái. Đó là vì lẽ gì?

Vì nhiều lẽ. Mà trước hết là vì: *Cách lãnh đạo của ta không được dân chủ, cách công tác của ta không được tích cực.*

Nếu ai nói chúng ta không dân chủ, thì chúng ta khó chịu. Nhưng nếu chúng ta tự xét cho kỹ, thì thật có như thế.

Đối với cơ quan lãnh đạo, đối với những người lãnh đạo, các đảng viên và các cán bộ dù có ý kiến cũng *không dám nói*, dù muốn phê bình cũng sợ, *không dám phê bình*.

Thành thử cấp trên với cấp dưới tách biệt nhau, quần chúng với Đảng rời xa nhau, trên thì tưởng cái gì cũng tốt đẹp. Dưới thì có gì không dám nói ra.

Họ không nói, không phải vì họ không có ý kiến, nhưng vì họ nghĩ nói ra cấp trên cũng không nghe, không xét, có khi lại bị "trù" là khác.

Họ không dám nói ra thì họ cứ để trong lòng, rồi sinh ra uất ức, chán nản. Rồi sinh ra thói "không nói trước mặt, chỉ nói sau lưng", "trong Đảng im tiếng, ngoài Đảng nhiều mồm", sinh ra thói "thậm thà thậm thụt" và những thói xấu khác.

Kinh nghiệm là: cơ quan nào mà trong lúc khai hội, cấp trên để cho mọi người có gì nói hết, cái đúng thì nghe, cái không đúng thì giải thích, sửa chữa, ở những cơ quan đó mọi người đều hoạt bát mà bệnh "thì thâm thì thào" cũng hết.

Một người mà trong óc đã có uất ức, bất mãn, thì lời hay lẽ phải khó lọt vào bộ óc đó. Để cho họ tháo cái uất ức, bất mãn đó ra, thì lời hay lẽ phải dễ lọt vào óc họ. Đó là một lẽ rất giản đơn. Cấp trên cũng nên thỉnh thoảng trưng cầu ý kiến phê bình của cấp dưới. Có như thế thì cũng khác nào như một người có vết nhọ trên mặt, được người ta đem gương cho soi, mình tự thấy vết nhọ, lúc đó không cần ai khuyên bảo, cũng tự vội vàng đi rửa mặt.

Ta phải biết cách *phê bình* sáng suốt, khôn khéo, như chiếu tấm gương cho mọi người soi thấu những khuyết điểm của mình, để tự mình sửa chữa.

Dân chủ, sáng kiến, hăng hái, ba điều đó rất quan hệ với nhau. Có dân chủ mới làm cho cán bộ và quần chúng đề ra sáng kiến. Những sáng kiến đó được khen ngợi, thì những người đó càng thêm hăng hái, và người khác cũng học theo. Và trong khi tăng thêm sáng kiến và hăng hái làm việc, thì những khuyết điểm lật vặt, cũng tự sửa chữa được nhiều.

Một vấn đề nữa: chúng ta thường nói đến hai chữ *sáng kiến* một cách mênh mông, không thiết thực. Như là phải có tài giỏi đặc biệt mới có sáng kiến. Nếu ta thử hỏi: sáng kiến là gì? Thì chắc nhiều người trả

lời không xuôi. Như thế mà mong cán bộ và đảng viên có sáng kiến thì sao mà có được!

Chúng ta phải nhận rõ: bất kỳ việc to việc nhỏ, *hễ thêm điều lợi, trừ điều hại cho quần chúng, giúp quần chúng giải quyết vấn đề khó khăn, tăng kết quả của việc làm, tăng sức sản xuất của xã hội, đánh đổ sức áp bức của quân thù, đó đều là sáng kiến.*

Cách dạy học của đồng chí A nói trên cũng là sáng kiến.

Sáng kiến không phải cái gì kỳ lạ. Nó chỉ là kết quả của sự nghiên cứu, suy nghĩ trong những hoàn cảnh, trong những điều kiện rất tầm thường, rất phổ thông, rất thiết thực.

Bất kỳ ai, nếu có quyết tâm làm ích lợi cho quần chúng, lại chịu học, chịu hỏi quần chúng, óc chịu khó nghĩ, tay chịu khó làm, thì nhất định có sáng kiến, nhất định làm được những việc có ích cho loài người.

Chúng ta cần phải nâng cao mở rộng dân chủ ra, khuyến khích cán bộ và đảng viên, bày cho họ suy nghĩ, bày cho họ học hỏi quần chúng, cổ động họ tìm tòi, đề nghị, làm những việc ích lợi cho quần chúng. Khi họ đã có ít nhiều sáng kiến, thì giúp đỡ cho họ phát triển, khen ngợi cho họ thêm hăng hái. Như thế, thì những tính lười, tính "gặp chãng hay chớ" ngày càng bớt, mà sáng kiến và tính hăng hái ngày càng nhiều thêm.

5. Vì ai mà làm? Đối ai phụ trách?

Nếu chúng ta hỏi cán bộ: "Việc đó, làm cho ai? Đối với ai phụ trách?", chắc số đông cán bộ sẽ trả lời: "Làm cho Chính phủ hoặc Đảng, phụ trách trước cấp trên".

Câu trả lời đó chỉ đúng một nửa. Nếu chúng ta lại hỏi: "Chính phủ và Đảng vì ai mà làm việc đó? Và phụ trách với ai?" thì e nhiều cán bộ không trả lời được.

Chính phủ và Đảng chỉ mưu giải phóng cho nhân dân, vì thế, bất kỳ việc gì cũng vì lợi ích của nhân dân mà làm và chịu trách nhiệm trước nhân dân.

Đó là một lẽ rất giản đơn, rõ ràng. Nhưng nhiều cán bộ chưa hiểu, cho nên trong lúc làm việc, thường sai lầm; đến nỗi chia cán bộ Chính phủ và Đảng ra làm một phía, quần chúng ra một phía.

Chính phủ và Đảng chẳng những làm những việc trực tiếp lợi cho dân, mà cũng có khi làm những việc mới xem qua *như là hại đến dân*. Thí dụ: quyền tiền, thu thuế, công tác phá hoại, v.v...

Vì cán bộ và đảng viên không hiểu rõ hai lẽ: vì ai mà làm, đối ai phụ trách, khi gặp mỗi công việc không biết *tìm đủ cách giải thích* cho dân hiểu. Cho nên những việc trực tiếp lợi cho dân, như đắp đê, hộ đê, tăng gia sản xuất, bình dân học vụ, v.v., cán bộ chỉ làm theo cách *hạ lệnh*, cách *cưỡng bức*. Kết quả dân *không hiểu*, dân oán. Thì có gì lạ đâu? Một thí dụ rất tầm thường, dễ hiểu: bánh ngọt là một thứ ngon lành, nhưng đem bánh ngọt *bắt người ta ăn*, nhét vào miệng người ta, thì ai cũng chán!

Chúng ta phải ghi tạc vào đầu cái chân lý này: dân rất tốt. Lúc họ đã hiểu thì việc gì khó khăn mấy họ cũng làm được, hy sinh mấy họ cũng không sợ. Nhưng trước hết cần phải *chịu khó tìm đủ cách giải thích* cho họ hiểu rằng: những việc đó là *vì ích lợi của họ* mà phải làm.

Có khi vì cán bộ không hiểu lẽ đó, vì muốn làm cho được việc, rồi dùng cách hạ mệnh lệnh, cách áp bức, phạm vào thói quan liêu, quân phiệt, đến nỗi Chính phủ hoặc Đảng phải trừng phạt. Đối với những bọn vu vơ, dẫu cơ, thì phạt rất đáng. Nhưng với những cán bộ trung thành mà bị phạt, thì Chính phủ và Đảng cũng khổ tâm, mà người bị phạt cũng khổ tâm!

Chẳng những lúc thi hành các mệnh lệnh, cán bộ ta có cái thái độ *xa quần chúng* như thế, mà đối với cách làm việc, cách tổ chức, cũng có thái độ sai lầm đó.

Bao nhiêu cách tổ chức và cách làm việc, đều vì lợi ích của quần chúng, vì cần cho quần chúng. Vì vậy, cách tổ chức và cách làm việc nào không hợp với quần chúng thì ta phải có gan đề nghị lên cấp trên để bỏ đi hoặc sửa lại. Cách nào hợp với quần chúng, quần chúng cần, thì dù chưa có sẵn, ta phải đề nghị lên cấp trên mà đặt ra. Nếu cần làm thì cứ đặt ra, rồi báo cáo sau, miễn là được việc.

Đảng này cán bộ ta chỉ biết khư khư giữ nếp cũ. Cái không hợp cũng không dám sửa bỏ, cái cần thiết cũng không dám đặt mới.

Đó là vì thói *không phụ trách* "quá hữu", gặp sao hay vậy.

Song lại có thái độ xa quần chúng, thói không phụ trách "quá tả" là không suy nghĩ chín chắn, so sánh kỹ càng, hôm nay đặt ra cái này, hôm sau sửa lại cái khác, làm cho quần chúng hoang mang. Như tỉnh nọ, bắt đầu kháng chiến, thì bỏ hết Việt Minh các huyện, các xã. Thật là một hành động khờ dại.

6. Sát quân chúng, hợp quân chúng.

Cán bộ ta có hai chứng bệnh nữa là:

a) Bệnh khai hội.

Khai hội không có kế hoạch, không sắp sửa kỹ lưỡng, không thiết thực. Khai hội lâu, khai hội nhiều quá.

Cán bộ khu về tỉnh, cán bộ tỉnh về huyện, cán bộ huyện về làng, thì khệnh khạng như "ông quan". Lúc khai hội thì trăm ngàn lần như một: "Tình hình thế giới, tình hình Đông Dương thảo luận, phê bình, giải tán".

"Ông cán" làm cho một "tua" hai, ba giờ đồng hồ. Nói gì đâu đâu. Còn công việc thiết thực trong khu, trong tỉnh, trong huyện, trong xã đó, thì *không động đến*. Lúc "ông cán" nói, người ngáp, kẻ ngủ gục, mọi người mong ông thôi đi, để về nhà cho mau. Có ai hiểu gì đâu mà thảo luận!

Vì vậy, mà quân chúng sợ *khai hội*. Mỗi lần họ đi khai hội, chẳng khác gì "đi phu". Đó cũng vì bệnh *xa quân chúng, bệnh hình thức*, khai hội lấy lệ, khai hội để mà khai hội, chớ nào phải vì lợi ích của quân chúng mà khai hội?

Về việc đặt khẩu hiệu, đặt chương trình làm việc, chương trình tranh đấu, tuyên truyền, làm báo tường, viết báo, cũng như thế. Không chịu khó hỏi quân chúng cần cái gì, muốn nghe muốn biết cái gì, ham chuộng cái gì. Chỉ mấy cán bộ đóng cửa lại mà làm, ngồi ý trong phòng giấy mà viết, cứ tưởng những cái mình làm là đúng, mình viết là hay. Nào có biết, cách làm *chủ quan* đó, kết quả là "đem râu ông nọ, chắp cằm bà kia", không ăn thua, không thấm thía, không ích lợi gì cả.

Một việc nữa cần nhắc đến là các *ban huấn luyện*. Huấn luyện là một việc rất cần. Tục ngữ có câu: "Không thầy đố mày làm nên", và câu: "Học ăn, học nói, học gói, học mở".

Những việc rất dễ dàng còn phải học. Hướng chỉ công việc cách mạng, công việc kháng chiến, không có huấn luyện, thì làm sao xuôi? Song những tài liệu huấn luyện phải nhằm vào sự cần dùng, cần thiết của quân chúng. Phải hỏi: người đến chịu huấn luyện rồi, *có áp dụng được ngay không? Có thực hành được ngay không?*

Nếu không thiết thực như thế, thì huấn luyện mấy năm cũng vô ích.

Tiếc thay, nhiều cán bộ huấn luyện của ta chưa hiểu cái lẽ giản đơn đó. Vì vậy mà có cán bộ đem "kinh tế học" huấn luyện cho chị em phụ nữ thôn quê ở thượng du!

Nói tóm lại, cách làm việc, cách tổ chức, nói chuyện, tuyên truyền, khẩu hiệu, viết báo, v.v... của chúng ta, đều phải lấy câu này làm khuôn phép:

"Từ trong quần chúng ra. Về sâu trong quần chúng".

Bất cứ việc to việc nhỏ, chúng ta phải xét rõ và làm cho hợp trình độ văn hóa, thói quen sinh hoạt, trình độ giác ngộ, kinh nghiệm đấu tranh, lòng ham, ý muốn, tình hình thiết thực của quần chúng. Do đó mà định cách làm việc, cách tổ chức. Có như thế, mới có thể kéo được quần chúng.

Nếu không vậy, nếu cứ làm theo ý muốn, theo tư tưởng, theo *chủ quan* của mình, rồi đem cột vào cho quần chúng, thì khác nào "khoét chân cho vừa giày". Chân là quần chúng. Giày là cách tổ chức và làm việc của ta. Ai cũng đóng giày theo chân. Không ai đóng chân theo giày.

b) Bệnh nể nang.

Vì họ hàng quen biết, bầu bạn thân thích, anh em, cho nên lúc họ có sai lầm cũng cứ nể nang không thiết thực phê bình, thiết thực sửa đổi, sợ mất lòng.

III- TƯ CÁCH VÀ ĐẠO ĐỨC CÁCH MẠNG

A- TƯ CÁCH CỦA ĐẢNG CHÂN CHÍNH CÁCH MẠNG

1. Đảng không phải là một tổ chức để làm quan phát tài. Nó phải làm tròn nhiệm vụ giải phóng dân tộc, làm cho Tổ quốc giàu mạnh, đồng bào sung sướng.

2. Cán bộ của Đảng phải hiểu biết lý luận cách mạng, và lý luận cùng thực hành phải luôn luôn đi đôi với nhau.

3. Khi đặt ra khẩu hiệu và chỉ thị, luôn luôn phải dựa vào điều kiện thiết thực và kinh nghiệm cách mạng ở các nước, ở trong nước và ở địa phương.

4. Phải luôn luôn do nơi quần chúng mà kiểm soát những khẩu hiệu và chỉ thị đó có đúng hay không.

5. Phải luôn luôn xem xét lại tất cả công tác của Đảng. Mọi công tác của Đảng luôn luôn phải đúng về phía quần chúng. Phải đem tinh thần

yêu nước và cần, kiệm, liêm, chính mà dạy bảo cán bộ, đảng viên và nhân dân.

6. Mỗi công việc của Đảng phải giữ nguyên tắc và phải liên hợp chặt chẽ với dân chúng. Nếu không vậy, thì chẳng những không lãnh đạo được dân chúng mà cũng không học được dân chúng.

Chẳng những không nâng cao được dân chúng, mà cũng không biết ý kiến của dân chúng.

7. Mỗi công việc của Đảng phải giữ vững tính cách mạng của nó, lại phải khéo dùng những cách thức thi hành cho hoạt bát.

Nếu không vậy thì không biết nắm vững các cách thức tranh đấu và các cách thức tổ chức, không biết liên hợp lợi ích ngày thường và lợi ích lâu dài của dân chúng.

8. Đảng không che giấu những khuyết điểm của mình, không sợ phê bình. Đảng phải nhận khuyết điểm của mình mà tự sửa chữa để tiến bộ, và để dạy bảo cán bộ và đảng viên.

9. Đảng phải chọn lựa những người rất trung thành và rất hăng hái, đoàn kết họ thành nhóm trung kiên lãnh đạo.

10. Đảng phải luôn luôn tẩy bỏ những phần tử hủ hoá ra ngoài.

11. Đảng phải giữ kỷ luật rất nghiêm từ trên xuống dưới.

Kỷ luật này là tư tưởng phải nhất trí, hành động phải nhất trí.

Kỷ luật này là do lòng tự giác của đảng viên về nhiệm vụ của họ đối với Đảng.

12. Đảng phải luôn luôn xét lại những nghị quyết và những chỉ thị của mình đã thi hành thế nào. Nếu không vậy thì những nghị quyết và chỉ thị đó sẽ hoá ra lời nói suông mà còn hại đến lòng tin cậy của nhân dân đối với Đảng.

Muốn cho Đảng được vững bền

Mười hai điều đó chớ quên điều nào

B. PHẬN SỰ CỦA ĐẢNG VIÊN VÀ CÁN BỘ

1. Trọng lợi ích của Đảng hơn hết

Ngoài lợi ích của dân tộc, của Tổ quốc, thì Đảng không có lợi ích gì khác. Cho nên Đảng phải ra sức tổ chức nhân dân, lãnh đạo nhân dân để

giải phóng nhân dân và để nâng cao sinh hoạt, văn hoá, chính trị của nhân dân. Vì toàn dân được giải phóng, tức là Đảng được giải phóng.

Vì vậy, mỗi người trong Đảng phải hiểu rằng: lợi ích của cá nhân nhất định phải phục tùng lợi ích của Đảng. Lợi ích của mỗi bộ phận nhất định phải phục tùng lợi ích của toàn thể. Lợi ích tạm thời nhất định phải phục tùng lợi ích lâu dài.

Nghĩa là phải đặt lợi ích của Đảng lên trên hết, lên trước hết. Vì lợi ích của Đảng tức là lợi ích của dân tộc, của Tổ quốc.

Vô luận lúc nào, vô luận việc gì, đảng viên và cán bộ phải đặt lợi ích của Đảng ra trước, lợi ích của cá nhân lại sau. Đó là nguyên tắc cao nhất của Đảng. Đó là "tính Đảng".

Nếu gặp khi lợi ích chung của Đảng mâu thuẫn với lợi ích riêng của cá nhân, thì phải kiên quyết hy sinh lợi ích của cá nhân cho lợi ích của Đảng. Khi cần đến tính mệnh của mình cũng phải vui lòng hy sinh cho Đảng.

Mỗi đảng viên, mỗi cán bộ phải hiểu rõ, phải thực hành như thế. Vì hiểu rõ và thực hành như thế, cho nên trong Đảng ta đã có những liệt sĩ oanh liệt hy sinh cho Đảng, cho dân tộc, cho Tổ quốc, mà tiếng thơm để muôn đời. Các liệt sĩ đó đã nêu gương anh dũng cho tất cả đảng viên và cán bộ ta bắt chước.

Nhiều khi lợi ích của cá nhân hợp với lợi ích của Đảng. Thí dụ đảng viên và cán bộ cẩn thận giữ gìn sức khoẻ của mình để làm việc. Ham học tập để nâng cao trình độ của mình. Làm đúng cần, kiệm, liêm, chính để cho dân tin, dân phục, dân yêu. Những lợi ích cá nhân đó rất chính đáng. Đảng mong cho đảng viên và cán bộ như thế.

Song ngoài ra, như ham muốn địa vị, tìm cách phát tài, ra mặt anh hùng, tự cao tự đại, v.v... Đó đều là trái với lợi ích của Đảng.

2. Đạo đức cách mạng

Người đảng viên, người cán bộ tốt muốn trở nên người cách mạng chân chính, không có gì là khó cả. Điều đó hoàn toàn do lòng mình mà ra. Lòng mình chỉ biết vì Đảng, vì Tổ quốc, vì đồng bào thì mình sẽ tiến đến chỗ chí công vô tư. Mình đã chí công vô tư thì khuyết điểm sẽ càng ngày càng ít, mà những tính tốt như sau, ngày càng thêm.

Nói tóm lại, tính tốt ấy gồm có năm điều: Nhân, nghĩa, trí, dũng, liêm.

a) *NHÂN* là thật thà thương yêu, hết lòng giúp đỡ đồng chí và đồng bào. Vì thế mà kiên quyết chống lại những người, những việc có hại đến Đảng, đến nhân dân. Vì thế mà sẵn lòng chịu cực khổ trước mọi người, hưởng hạnh phúc sau thiên hạ. Vì thế mà không ham giàu sang, không e cực khổ, không sợ oai quyền.

Những người đã không ham, không e, không sợ gì thì việc gì là việc phải họ đều làm được.

b) *NGHĨA* là ngay thẳng, không có tư tâm, không làm việc bậy, không có việc gì phải giấu Đảng. Ngoài lợi ích của Đảng, không có lợi ích riêng phải lo toan. Lúc Đảng giao cho việc, thì bất kỳ to nhỏ, đều ra sức làm cẩn thận. Thấy việc phải thì làm, thấy việc phải thì nói. Không sợ người ta phê bình mình, mà phê bình người khác cũng luôn luôn đúng đắn.

c) *TRÍ* vì không có việc tư túi nó làm mù quáng, cho nên đầu óc trong sạch, sáng suốt. Dễ hiểu lý luận. Dễ tìm phương hướng. Biết xem người. Biết xét việc. Vì vậy, mà biết làm việc có lợi, tránh việc có hại cho Đảng, biết vì Đảng mà cất nhắc người tốt, đề phòng người gian. . .

d) *DŨNG* là dũng cảm, gan góc, gặp việc phải có gan làm. Thấy khuyết điểm có gan sửa chữa. Cực khổ khó khăn, có gan chịu đựng. Có gan chống lại những sự vinh hoa, phú quý, không chính đáng. Nếu cần, thì có gan hy sinh cả tính mệnh cho Đảng, cho Tổ quốc, không bao giờ rụt rè, nhút nhát.

đ) *LIÊM* là không tham địa vị. Không tham tiền tài. Không tham sung sướng. Không ham người tặng bốc mình. Vì vậy mà quang minh chính đại, không bao giờ hủ hoá.

Chỉ có một thứ ham là ham học, ham làm, ham tiến bộ.

Đó là *đạo đức cách mạng*. Đạo đức đó không phải là đạo đức thủ cựu. Nó là đạo đức mới, đạo đức vĩ đại, nó không phải vì danh vọng của cá nhân, mà vì lợi ích chung của Đảng, của dân tộc, của loài người.

Cũng như sông thì có nguồn mới có nước, không có nguồn thì sông cạn. Cây phải có gốc, không có gốc thì cây héo. Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân. Vì muốn giải phóng cho dân tộc, giải phóng cho loài người là một công việc to tát, mà tự mình không có đạo đức, không có căn bản, tự mình đã hủ hoá, xấu xa thì còn làm nổi việc gì?

3. Phải giữ kỷ luật

Lợi ích của dân tộc, gồm có lợi ích của Đảng. Lợi ích của Đảng, gồm có lợi ích của đảng viên. Vì vậy, sự phát triển và thành công của Đảng, một mặt tức là thành công của dân tộc, một mặt tức là thành công của đảng viên. Vì vậy, chỉ có khi Đảng thành công và thắng lợi, thì đảng viên mới có thể thành công và thắng lợi. Chính vì vậy mà đảng viên cần phải hy sinh lợi ích của mình cho lợi ích chung của Đảng.

Không ai bắt buộc ai vào Đảng làm chiến sĩ xung phong. Đó là do sự "tự giác", lòng hăng hái của mỗi người mà tình nguyện làm đảng viên, làm chiến sĩ xung phong. Đã vậy, thì mỗi người đảng viên phải cố gắng cho xứng đáng là một người trong những người đại biểu của dân tộc.

Nhất là những người cán bộ và lãnh tụ, càng phải làm cho xứng đáng lòng tin cậy của Đảng, của dân tộc. Càng phải làm gương cho tất cả đảng viên, tất cả quần chúng noi theo.

Cũng vì lợi ích của dân tộc, mà Đảng cần phải khuyến khích và khen thưởng những ưu điểm và tài năng của đảng viên, cần phải giúp cho họ học hành, giúp cho họ làm việc và tùy theo hoàn cảnh mà giúp họ về mặt sinh hoạt, trong lúc ốm đau. Khiến cho họ ham làm việc, vui làm việc. Nói tóm lại: mỗi cán bộ, mỗi đảng viên phải hoàn toàn phục tùng lợi ích của Đảng. Không nên có mục đích cá nhân. Không nên vì cá nhân mà yêu cầu Đảng cái này cái khác, hoặc trách móc Đảng không giúp đỡ mình, không khen thưởng mình.

Đồng thời, bất kỳ ở hoàn cảnh nào, đảng viên và cán bộ cần phải luôn luôn ra sức phấn đấu, ra sức làm việc, cố gắng học tập để nâng cao trình độ văn hoá, trí thức và chính trị của mình. Luôn luôn giữ gìn kỷ luật. Luôn luôn xứng đáng một người cán bộ, một người đảng viên.

4. Đối với các hạng đảng viên

Đảng ta là một đảng cách mạng, một đảng vì dân, vì nước. Song Đảng có rất đông đảng viên. Phần đông cố nhiên đã hiểu biết vì dân, vì nước mà vào Đảng. Nhưng cũng có phần vì lẽ khác mà theo vào Đảng. Thí dụ: có người tưởng vào Đảng thì dễ tìm công ăn việc làm. Có người vào Đảng mong làm chức này, tước nọ. Có người vì anh em bạn hữu kéo vào, v.v... Những người này không biết rằng: cách mạng là một sự nghiệp gian nan cực khổ, phải có lòng kiên quyết, có chí hy sinh.

Vì vậy khi gặp sự khó khăn, họ không khỏi dao động, hoang mang.

Dù sao, họ tin Đảng ta, họ kính trọng Đảng ta, họ tìm vào Đảng ta, đó cũng là một điều tốt. Trừ những bọn vào Đảng để mong phá hoại, còn những hạng kia chúng ta đều hoan nghênh. Một khi họ đã theo Đảng thì Đảng phải cảm hoá họ, dạy dỗ họ, nâng cao sự hiểu biết và lòng phụ trách của họ lên dần dần. Trong sự huấn luyện và tranh đấu lâu dài, họ rất có thể thành những người chiến sĩ khá.

Đối với những người không chịu nổi khó nhọc, không chịu nổi kỷ luật nghiêm khắc mà xin ra khỏi Đảng, thì Đảng vẫn bằng lòng để họ ra. Đảng chỉ yêu cầu một điều là: họ thề không lộ bí mật của Đảng, không phản Đảng, không phá hoại Đảng. Như thế thì Đảng vẫn giữ cảm tình thân thiện với họ.

Đảng viên và cán bộ cũng là người. Ai cũng có tính tốt và tính xấu. Song đã hiểu biết, đã tình nguyện vào một Đảng vì dân, vì nước, đã là một người cách mạng thì phải cố gắng phát triển những tính tốt và sửa bỏ những tính xấu. Vì tính xấu của một người thường chỉ có hại cho người đó; còn tính xấu của một đảng viên, một cán bộ, sẽ có hại đến Đảng, có hại đến nhân dân.

5. Những khuyết điểm sai lầm

Trong Đảng ta còn có những người chưa học được, chưa làm được bốn chữ "chí công vô tư", cho nên mắc phải chứng *chủ nghĩa cá nhân*.

Chủ nghĩa cá nhân là như một thứ vi trùng rất độc, do nó mà sinh ra các thứ bệnh rất nguy hiểm, thí dụ những bệnh sau đây:

a) *Bệnh tham lam* - Những người mắc phải bệnh này thì đặt lợi ích của mình lên trên lợi ích của Đảng, của dân tộc, do đó mà chỉ "tự tư tự lợi". Dùng của công làm việc tư. Dựa vào thế lực của Đảng để theo đuổi mục đích riêng của mình.

Sinh hoạt xa hoa, tiêu xài bừa bãi. Tiền bạc đó ở đâu ra? Không xoay của Đảng thì xoay của đồng bào. Thậm chí làm chợ đen buôn lậu. Không sợ mất thanh danh của Đảng, không sợ mất danh giá của mình.

b) *Bệnh lười biếng* - Tự cho mình là cái gì cũng giỏi, việc gì cũng biết. Làm biếng học hỏi, làm biếng suy nghĩ. Việc dễ thì tranh lấy cho mình. Việc khó thì đùn cho người khác. Gặp việc nguy hiểm thì tìm cách để trốn tránh.

e) *Bệnh kiêu ngạo* - Tự cao, tự đại, ham địa vị, hay lên mặt. Ưa người ta tâng bốc mình, khen ngợi mình. Ưa sai khiến người khác. Hễ làm được việc gì hơi thành công thì khoe khoang vênh váo, cho ai cũng không bằng mình. Không thêm học hỏi quần chúng, không muốn cho người ta phê bình. Việc gì cũng muốn làm thầy người khác.

d) *Bệnh hiếu danh* - Tự cho mình là anh hùng, là vĩ đại. Có khi vì cái tham vọng đó mà việc không đáng làm cũng làm. Đến khi bị công kích, bị phê bình thì tinh thần lung lay. Những người đó chỉ biết lên mà không biết xuống. Chỉ chịu được sướng mà không chịu được khổ. Chỉ ham làm chủ tịch này, uỷ viên nọ, chớ không ham công tác thiết thực.

đ) *Thiếu kỷ luật* - Đã mắc bệnh cá nhân thì tư tưởng và hành động cũng đặt cá nhân lên trên. Vì thế mà việc gì cũng không lấy Đảng làm nền tảng. Mình muốn thế nào thì làm thế ấy. Quên cả kỷ luật của Đảng. Phê bình thì cốt công kích những đồng chí mình không ưa. Cát nhắc thì cốt làm ơn với những người mình quen thuộc.

e) *Óc hẹp hòi* - Ở trong Đảng thì không biết cát nhắc những người tốt, sợ người ta hơn mình. Ở ngoài Đảng thì khinh người, cho ai cũng không cách mạng, không khôn khéo bằng mình. Vì thế mà không biết liên lạc hợp tác với những người có đạo đức tài năng ở ngoài Đảng. Vì thế mà người ta uất ức và mình thành ra cô độc.

g) *Óc địa phương* - Bệnh này tuy không xấu bằng các bệnh kia nhưng kết quả cũng rất tai hại. Miễn là cơ quan mình, bộ phận mình, địa phương mình được việc. Còn các cơ quan, bộ phận, địa phương khác ra sao cũng mặc kệ. Đó là vì cạnh thị, không xem xét toàn thể. Không hiểu rằng lợi ích nhỏ phải phục tùng ích lợi to, ích lợi bộ phận phải phục tùng ích lợi toàn thể.

h) *Óc lãnh tụ* - Đánh được vài trận, hoặc làm được vài việc gì ở địa phương đã cho mình là tài giỏi lắm rồi, anh hùng lắm rồi, đáng làm lãnh tụ rồi.

Nào có biết so với công cuộc giải phóng cả dân tộc thì những thành công đó chỉ là một chút cỏn con, đã thấm vào đâu! Mà so với những sự nghiệp to tát trong thế giới, càng không thấm vào đâu.

Cố nhiên, Đảng ta mong cho có nhiều anh hùng, nhiều lãnh tụ, được dân tin, dân phục, dân yêu. Những anh hùng và lãnh tụ như thế là

của quý của Đảng, của dân tộc. Song, những anh hùng và lãnh tụ như thế đều do tranh đấu và kinh nghiệm rèn luyện ra, đều do dân chúng và đảng viên tin cậy mà cử ra, chứ không phải tự mình muốn làm lãnh tụ, làm anh hùng mà được.

Từ xưa đến nay, quần chúng không bao giờ tin cậy và yêu mến những kẻ tự cao, tự đại, những kẻ có óc lãnh tụ, tự xưng ta đây là anh hùng, lãnh tụ.

Dem so với công việc của cả loài người trong thế giới, thì những người đại anh hùng xưa nay cũng chẳng qua làm tròn một bộ phận mà thôi. Mỗi người chúng ta cố làm đầy đủ những công việc Đảng giao phó cho, thế là ta làm tròn nhiệm vụ và lòng tự hào đó giúp cho ta tiến bộ mãi.

6. Những bệnh khác

a) *Bệnh "hữu danh, vô thực"* - Làm việc không thiết thực, không từ chỗ gốc, chỗ chính, không từ dưới làm lên. Làm cho có chuyện, làm lấy rồi. Làm được ít suýt ra nhiều, để làm một bản báo cáo cho oai, nhưng xét kỹ lại thì rỗng tuếch.

Thí dụ việc tổ chức - Trong báo cáo thì làng nào, huyện nào, tỉnh nào cũng có. Hạng người nào cũng có. Có hàng vạn hàng ức người. Nhưng khi soạn lại cặn kẽ, hỏi lại rõ ràng, những nơi đó có bao nhiêu người, những tổ chức đó đã làm việc gì, cán bộ đã đến đó mấy lần, đã làm gì cho những tổ chức đó, thì chưa có gì thiết thực hết.

Thế là không làm tròn nhiệm vụ của mình. Thế là đối trá với Đảng, có tội với Đảng. Làm việc không thiết thực, báo cáo không thật thà, cũng là một bệnh rất nguy hiểm.

b) *Kéo bè kéo cánh* lại là một bệnh rất nguy hiểm nữa.

Từ bè phái mà đi đến chia rẽ. Ai hợp với mình thì dù người xấu cũng cho là tốt, việc dở cũng cho là hay, rồi che đậy cho nhau, ủng hộ lẫn nhau. Ai không hợp với mình thì người tốt cũng cho là xấu, việc hay cũng cho là dở, rồi tìm cách dèm pha, nói xấu, tìm cách dìm người đó xuống.

Bệnh này rất tai hại cho Đảng. Nó làm hại đến sự thống nhất. Nó làm Đảng bớt mất nhân tài và không thực hành được đầy đủ chính sách của mình. Nó làm mất sự thân ái, đoàn kết giữa đồng chí. Nó gây ra những mối nghi ngờ.

c) *Bệnh cận thị* - Không trông xa thấy rộng. Những vấn đề to tát thì không nghĩ đến mà chỉ chăm chú những việc tỉ mỉ. Thí dụ: việc tăng gia sản xuất, việc tiếp tế bộ đội thì không lo đến, mà chỉ lo thế nào để lợi dụng cơm cháy và nước gạo trong các bộ đội.

Những người như vậy, chỉ trông thấy sự lợi hại nhỏ nhen mà không thấy sự lợi hại to lớn.

d) *Bệnh "cá nhân"*

1. Việc gì không phê bình trước mặt để nói sau lưng. Khi khai hội thì không nói, lúc khai hội rồi mới nói. Không bao giờ đề nghị gì với Đảng. Không theo nguyên tắc sinh hoạt của Đảng. Muốn sao làm vậy.

2. Muốn làm xong việc, ai có ưu điểm cũng không chịu học theo, ai có khuyết điểm cũng không dám phê bình.

3. Không phục tùng mệnh lệnh, không tuân theo kỷ luật. Cứ làm theo ý mình.

4. Khi phê bình ai, không phải vì Đảng, không phải vì tiến bộ, không phải vì công việc, mà chỉ công kích cá nhân, cãi bướng, trả thù, tiểu khí.

5. Nghe những lời bình luận không đúng, cũng làm thỉnh, không biện bác. Thậm chí nghe những lời phản cách mạng cũng không báo cáo cho cấp trên biết. Ai nói sao, ai làm gì cũng mặc kệ.

6. Gặp dân chúng thì không điều tra, không hỏi han, không tuyên truyền, không giải thích. Xem như dân chúng không có quan hệ gì với mình.

7. Thấy những việc có hại đến dân chúng cũng mặc kệ, không khuyên răn, không ngăn cản, không giải thích.

8. Làm việc không có kế hoạch, gặp sao làm vậy, làm lầy lệ, làm không có ngăn nắp, làm không đến nơi đến chốn.

9. Tự cho mình là "cách mạng già", "cách mạng cũ"; việc to làm không nổi, việc nhỏ không chịu làm. Làm việc thì lơ mờ, học hành thì biếng nhác.

10. Biết mình có khuyết điểm, nhưng không chịu cố gắng sửa đổi.

Những tật bệnh đó khiến cho Đảng xệch xoạc, ý kiến lung tung, kỷ luật lỏng lẻo, công việc bê trễ. Chính sách không thi hành được triệt để, Đảng xa rời dân chúng.

Mắc phải bệnh đó thì dễ đi đến chỗ để lợi ích cá nhân lên trên, để lợi ích Đảng và dân tộc xuống dưới.

Một người cách mạng bao giờ cũng phải trung thành, hăng hái, xem lợi ích của Đảng và dân tộc quý hơn tính mệnh của mình. Bao giờ cũng quang minh chính trực, ham cách sinh hoạt tập thể, luôn luôn sẵn sóc dân chúng, giữ gìn kỷ luật, kiên quyết chống lại "bệnh cá nhân".

đ) Bệnh lười biếng - Khi tiếp được mệnh lệnh hoặc nghị quyết không chịu nghiên cứu rõ ràng. Không lập tức đưa ngay mệnh lệnh và nghị quyết đó cho cấp dưới, cho đảng viên, cho binh sĩ. Cứ xếp lại đó.

Khi thi hành, kèn kèn càng càng, không hoạt bát nhanh chóng.

Hoặc thi hành một cách miễn cưỡng, không sốt sắng, không đến nơi đến chốn.

Kết quả nhỏ là: nghị quyết đầy túi áo, thông cáo đầy túi quần.

Kết quả nặng là: phá hoại tổ chức của Đảng, giảm bớt kỷ luật của Đảng, bỏ mất thời cơ tốt, lúc nên làm thì không làm, khi làm thì trễ rồi.

Đó là vì tính lười biếng, chậm chạp. Vì không hiểu rằng: Đảng cũng như thân thể một con người. Mệnh lệnh và nghị quyết cũng như mạch máu. Mạch máu chạy đều khắp thân thể thì người mạnh khỏe. Mạch máu dừng lại đâu, không chạy thì chỗ đó sẽ tê liệt, sinh bệnh. Mệnh lệnh và nghị quyết đi mau, đi suốt từ trên đến dưới, công tác mau chóng, việc gì cũng xong xuôi. Nó ngừng lại cấp nào, từ cấp đó trở xuống là tê liệt, không biết đường nào mà công tác.

Cách chữa:

- Các cơ quan chỉ đạo phải có cách lãnh đạo cho đúng. Mỗi việc gì đều phải chỉ bảo cách làm.

- Cấp trên phải hiểu rõ tình hình cấp dưới và tình hình quần chúng, để chỉ đạo cho đúng.

- Khi nghị quyết việc gì, phải cẩn thận, rõ ràng. Khi đã nghị quyết thì phải kiên quyết thi hành.

Mỗi nghị quyết phải mau chóng truyền đến các cấp dưới, đến đảng viên, đến dân chúng.

Cách tiện nhất là khai hội với các đảng viên, khai hội với dân chúng (hoặc binh sĩ), phái người đến báo cáo, giải thích.

- Các cấp dưới, đảng viên và dân chúng (hoặc binh sĩ) phải thảo luận những mệnh lệnh và nghị quyết đó cho rõ ràng, hiểu thấu ý nghĩa của nó và định cách thi hành cho đúng.

- Cấp dưới cần phải báo cáo. Cấp trên cần phải kiểm soát.

e) *Bệnh tật nanh* - Cái gì cũng muốn "bình đẳng".

Thí dụ: Cấp trên vì công việc phải cưỡi ngựa, đi xe. Cấp dưới cũng muốn cưỡi ngựa, đi xe.

Người phụ trách nhiều việc, cần có nhà rộng. Người không phụ trách nhiều việc, cũng đòi nhà rộng.

Phụ cấp cho thương binh cũng muốn nhất luật, không kể thương nặng hay nhẹ.

Làm việc gì, thì muốn già, trẻ, mạnh, yếu đều làm bằng nhau.

Có việc, một người làm cũng được, nhưng cũng chờ có đủ mọi người mới chịu làm.

Bệnh này sinh ra vì hiểu lầm hai chữ bình đẳng. Không hiểu rằng: người khoẻ gánh nặng, người yếu gánh nhẹ. Người làm việc nặng phải ăn nhiều, người làm việc nhẹ thì ăn ít. Thế là bình đẳng.

Cách chữa - Giải thích cho họ hiểu: đồng cam cộng khổ là một điều rất hay, rất tốt. Nhất là trong lúc cái gì cũng còn túng thiếu, và mỗi đảng viên, mỗi cán bộ cần phải làm kiểu mẫu trong sự cần lao, tiết kiệm. Nhưng cũng phải tùy theo hoàn cảnh. Cái gì thái quá cũng không tốt. Bình đẳng thái quá cũng không tốt. Thí dụ: nếu một chiến sĩ bị thương được đi xe, ăn ngon, các chiến sĩ khác đều đòi đi xe, đòi ăn ngon. Hoặc vì bình đẳng mà bắt buộc một trẻ em cũng ăn nhiều, cũng gánh nặng, như một người lớn. Nếu như thế là bình đẳng, thì bình đẳng đó rất vô lý, rất xấu, chúng ta phải kiên quyết chống lại thứ bình đẳng đó.

Sợ mất oai tín và thể diện mình, không dám tự phê bình.

Lại nói: Nếu phê bình khuyết điểm của mình, của đồng chí mình, của Đảng và Chính phủ, thì địch sẽ lợi dụng mà công kích ta.

Nói vậy là làm to. Khuyết điểm cũng như chứng bệnh. Phê bình cũng như uống thuốc. Sợ phê bình, cũng như có bệnh mà giấu bệnh. Không dám uống thuốc. Để đến nỗi bệnh ngày càng nặng, không chết "cũng la lết quả dưa".

Nói về từng người, nể nang không phê bình, để cho đồng chí mình cứ sa vào lầm lỗi, đến nỗi hỏng việc. Thế thì khác nào thấy đồng chí mình ốm, mà không chữa cho họ. Nể nang mình, không dám tự phê bình, để cho khuyết điểm của mình chứa chất lại. Thế thì khác nào mình tự bỏ thuốc độc cho mình!

Nói về Đảng, một Đảng mà giấu giếm khuyết điểm của mình là một Đảng hỏng. Một Đảng có gan thừa nhận khuyết điểm của mình, vạch rõ những cái đó, vì đâu mà có khuyết điểm đó, xét rõ hoàn cảnh sinh ra khuyết điểm đó, rồi tìm kiếm mọi cách để sửa chữa khuyết điểm đó. Như thế là một Đảng tiến bộ, mạnh dạn, chắc chắn, chân chính.

Đảng cần phải biết những ưu điểm và khuyết điểm của mình để dạy dỗ đảng viên, dạy dỗ quần chúng. Sợ phê bình, tức là "quan liêu hoá", tức là tự mãn tự túc, tức là "mèo khen mèo dài đuôi".

Phê bình không phải để công kích, để nói xấu, để chửi rủa.

g) *Bệnh xu nịnh, a dua* - Lại có những người trước mặt thì ai cũng tốt, sau lưng thì ai cũng xấu. Thấy xôi nói xôi ngọt, thấy thịt nói thịt bùi. Theo gió bẻ buồm, không có khí khái.

Còn bệnh quan liêu, bệnh bàn giấy, bệnh nóng tính, bệnh lụp chụp, v.v., đã nói qua, đây không nhắc nữa.

7. Những khuyết điểm sai lầm vì sao mà có và tự đâu mà đến?

Khuyết điểm đâu mà nhiều thế?

Đảng ta là một đảng rất to lớn, bao gồm đủ các tầng lớp trong xã hội. Vì vậy có nhiều tính cách rất trung thành, rất kiên quyết, rất vĩ đại. Song cũng không tránh khỏi những tập tục, những tính nết, những khuyết điểm của xã hội bên ngoài, nó lây, ngấm vào trong Đảng.

Nhưng không vì thế mà kinh sợ. Ta đã thấy rõ những bệnh ấy thì ta tìm được cách chữa.

Mỗi đảng viên, mỗi cán bộ, cần phải thật thà tự xét và xét đồng chí mình, ai có khuyết điểm nào, thì phải thật thà cố gắng tự sửa chữa và giúp sửa chữa lẫn nhau. Thang thuốc hay nhất là *thiết thực phê bình và tự phê bình*.

Đá đi lâu cũng mòn. Sắt mài lâu cũng sắc. Ta cố gắng sửa chữa thì khuyết điểm ngày càng bớt, ưu điểm ngày càng thêm. Đảng viên và cán bộ ngày càng trở nên người chân chính cách mạng. Đảng ngày càng phát triển.

Mong ai nấy đều phải thiết thực sửa đổi.

Đảng ta là một tổ chức rất tiến bộ, đã có những thành tích rất vẻ vang.

Trong Đảng ta, gồm có những người có tài, có đức. Phần đông những người hăng hái nhất, thông minh nhất, yêu nước nhất, kiên quyết, dũng cảm nhất đều ở trong Đảng ta. Chúng ta chắc chắn đi đến thắng lợi và thành công.

Tuy vậy, không phải là người người đều tốt, việc việc đều hay. Trong Đảng ta chưa hoàn toàn tránh khỏi một vài kẻ vu vơ, những việc không chính đáng, như vừa kể trên.

Cũng như một nhà có rể khờ, dẫu dại, không thể cấm họ gặp gỡ bà con. Đảng ta dù muốn giấu những người và những việc không tốt kia, cũng không thể giấu. Quần chúng luôn luôn liên lạc với Đảng ta. Những người hăng hái đồng tình với Đảng ta, hoặc tham gia Đảng ta. Họ chẳng những trông thấy những người tốt, việc tốt, mà họ cũng trông thấy những người xấu, việc xấu trong Đảng. Họ sẽ ngơ ngác mà hỏi "Đảng này là Đảng tốt, đảng viên đều là người tốt, vì sao lại có những người vu vơ, những việc mờ tối như thế nhỉ?".

Câu hỏi đó làm cho chúng ta càng thêm chú ý, làm cho đảng viên và cán bộ phải cẩn thận giữ mình, và cẩn thận săn sóc, dắt dìu những người cảm tình, những đảng viên mới, chớ để họ bị ảnh hưởng xấu. Đồng thời, chúng ta phải trả lời cho câu hỏi đó cho đúng. Nếu không thì người ta sẽ thất vọng và bi quan.

Trả lời thế nào?

Rất là giản đơn, dễ hiểu:

Đảng ta không phải trên trời sa xuống. Nó ở trong xã hội mà ra. Vì vậy, tuy nói chung, thì đảng viên phần nhiều là những phần tử tốt, nhưng vẫn có một số chưa bỏ hết những thói xấu tự tư tự lợi, kiêu ngạo, xa hoa, v.v... Những thói xấu đó có đã lâu, nhất là trong 80 năm nô lệ. Những thói xấu đó, họ mang từ xã hội vào Đảng.

Cũng như những người hàng ngày lội bùn, mà trên mình họ có hơi bùn, có vết bùn. Như thế thì có gì là kỳ quái? Vì lội bùn thì nhất định có hơi bùn. Cần phải tắm rửa lâu mới sạch. Trái lại, nếu lội bùn mà không có hơi bùn, mới thật là kỳ quái. Nếu trong Đảng ta, một đảng mới từ trong xã hội cũ bước ra, nếu nó hoàn toàn không có những người xấu, việc xấu như thế mới là kỳ quái chứ! Cố nhiên nói thế không phải là để tự bào chữa.

Đảng một mặt phải làm công việc giải phóng dân tộc, một mặt phải giáo dục đảng viên và cán bộ, kiên quyết cảm hoá những phần tử xấu, sửa chữa những thói xấu còn lại. Phải cố sửa chữa cho tiệt nọc các chứng bệnh, khiến cho Đảng càng mạnh khỏe, bình an.

8. Cách đối với các khuyết điểm

Vì Đảng rất to, người rất đông; mỗi hạng người lại có thói quen, tính nết, trình độ, tư tưởng, nhận xét khác nhau. Nhất là khi phong trào cách mạng càng sôi nổi, hoàn cảnh càng khó khăn, thì sự khác nhau đó càng rõ rệt, càng trở nên gay go.

Nên giải quyết những mối mâu thuẫn đó thế nào?

Có người thì cho rằng: trong Đảng việc gì cũng tốt, không có khuyết điểm gì đáng lo. Có người lại cho rằng: trong Đảng cái gì cũng kém, đầy những khuyết điểm, vì vậy mà họ bi quan, thất vọng. Hai cách nhận xét đó đều không đúng.

Sự thật là: Đảng ta rất tiên tiến, rất vẻ vang. Nhưng nội bộ vẫn còn những sự sai lầm và khuyết điểm. Đồng thời, chúng ta thấy cái nguồn gốc của những sai lầm khuyết điểm đó, và chắc tìm được cách sửa chữa. Chúng ta quyết tâm công tác thêm, để làm cho Đảng tiến bộ thêm mãi.

Thái độ mỗi người đối với những khuyết điểm của Đảng ta cũng khác nhau.

Bọn phản động thì lợi dụng những khuyết điểm đó và tô vẽ thêm để phá hoại Đảng ta.

Lợi dụng những sai lầm và khuyết điểm đó, để đạt mục đích tự tư tự lợi của họ. Đó là thái độ của đảng viên và cán bộ đầu cơ.

Bọn thứ ba thì sao cũng mặc kệ, sao xong chuyện thì thôi. Không phê bình, không tự phê bình. Đó là thái độ của những đảng viên và cán bộ ươn hèn yếu ớt.

Bọn thứ tư thì đối với những người có khuyết điểm và sai lầm đó, như đối với hổ mang, thường luồng. Họ đòi phải đuổi bọn kia ra khỏi Đảng ngay. Nếu Đảng không làm như thế thì họ cho rằng: Thôi, hỏng hết rồi? Do đó, họ đâm ra chán nản, thất vọng. Hoặc họ không làm gì nữa hết. Thậm chí họ bỏ Đảng. Đó là thái độ những người *máy móc quá*. Đó cũng là bệnh "chủ quan".

Thái độ thứ năm, là thái độ đúng. Tức là:

a) Phân tách rõ ràng, cái gì đúng, cái gì là sai.

b) Không chịu nổi ảnh hưởng của những chủ trương sai lầm, những phần tử không tốt. Ra sức học tập và nâng cao những kiểu mẫu tốt.

c) Không để mặc kệ. Mà ra sức tranh đấu sửa chữa những khuyết điểm, không để nó phát triển ra, không để nó có hại cho Đảng.

d) Không làm cách máy móc. Nhưng khéo dùng cách phê bình và tự phê bình để giúp đồng chí khác sửa đổi những sai lầm và khuyết điểm, giúp họ tiến bộ.

đ) Đoàn kết Đảng bằng sự tranh đấu nội bộ. Nâng cao kỷ luật và uy tín của Đảng.

Bọn phản động và bọn đầu cơ là địch nhân lọt vào trong Đảng để phá hoại. Vì vậy chúng ta phải ra sức đề phòng. Mỗi khi trong Đảng có khuyết điểm thì chúng ta phải tìm cách chớ để cho ai lợi dụng. Đó là phận sự của mỗi một đảng viên chân chính.

Thái độ thứ ba, ai mặc kệ ai, cố nhiên cũng không đúng. Tuy vậy, trong Đảng, còn có nhiều người giữ thái độ đó, nhất là khi cấp dưới đối với cấp trên. Thái độ đó thường sinh ra thói "không nói trước mặt, hục hặc sau lưng". Nó gây nên sự uất ức và không đoàn kết trong Đảng. Nó để cho bọn vu vơ có thể chui vào hoạt động trong Đảng. Nó để cho khuyết điểm ngày càng chồng chất lại và phát triển ra.

Nếu theo thái độ thứ tư thì Đảng chỉ còn một nhóm cùn cùn, vì số đông sẽ bị khai trừ hết. Mà chính những người có thái độ đó cũng bị khai trừ, vì họ đã phạm cái khuyết điểm hẹp hòi.

Kết luận - Trong công tác, trong tranh đấu, trong huấn luyện, các đảng viên, các cán bộ, cần phải luôn luôn tự hỏi mình, tự kiểm điểm mình và đồng chí mình. *Luôn luôn dùng và khéo dùng* cách phê bình và tự phê bình, thì khuyết điểm nhất định hết dần, ưu điểm nhất định thêm lên và Đảng ta nhất định thắng lợi.

C. TƯ CÁCH VÀ BỐN PHẬN ĐẢNG VIÊN¹

1. Tư cách

a) Thừa nhận chính sách của Đảng. Thực hành các nghị quyết của Đảng. Ra sức làm công việc Đảng. Nộp đảng phí.

1. Tác giả viết mục này căn cứ vào Điều lệ Đảng Cộng sản Đông Dương (B.T).

b) Những người trí thức, công nhân, nông dân, phụ nữ, quân nhân hăng hái yêu nước, từ 18 tuổi trở lên đều được vào Đảng.

c) Mỗi người muốn vào Đảng phải có hai đảng viên cũ giới thiệu.

- Những người bỏ đảng phái khác mà vào Đảng, phải có ba người giới thiệu, và phải được cấp trên của Đảng chuẩn y.

- Những người rời Đảng đã lâu, mà có người làm chứng rằng, trong thời gian đó không hề làm việc gì có hại cho Đảng, thì được trở lại làm đảng viên.

d) Những người mới vào Đảng phải qua một thời kỳ dự bị. Nông dân và công nhân hai tháng. Quân nhân ba tháng. Trí thức bốn tháng.

đ) Trong thời kỳ dự bị, Đảng phải dạy dỗ cho họ, và trao việc cho họ làm. Đồng thời, Đảng phải xem xét tính nết, công tác và lịch sử của họ.

- Những người giới thiệu phải giúp đỡ họ học tập và công tác.

e) Những người dự bị phải công tác cho Đảng và nộp đảng phí.

Họ có quyền tham gia huấn luyện, đề ra ý kiến, bàn bạc các vấn đề, nhưng không có quyền biểu quyết.

Họ cũng chưa có quyền giữ các trách nhiệm chỉ đạo như làm tổ trưởng, thư ký, v.v... (Trong những hoàn cảnh đặc biệt, như nơi đó mới bắt đầu có Đảng, hoặc đại đa số đều đảng viên mới, thì không phải theo lệ này).

2. Bốn phạm

a) Suốt đời tranh đấu cho dân tộc, cho Tổ quốc.

b) Đặt lợi ích của cách mạng lên trên hết, lên trước hết.

c) Hết sức giữ kỷ luật và giữ bí mật của Đảng.

d) Kiên quyết thi hành những nghị quyết của Đảng.

đ) Cố gắng làm kiểu mẫu cho quần chúng trong mọi việc.

e) Cố gắng học tập chính trị, quân sự, văn hoá. Phải gần gũi quần chúng, học hỏi quần chúng, cũng như phải lãnh đạo quần chúng.

D. PHẢI RÈN LUYỆN TÍNH ĐẢNG

Mỗi cán bộ, mỗi đảng viên, cần phải có *tính đảng* mới làm được việc. Kém tính đảng, thì việc gì cũng không làm nên.

Tính đảng là gì?

Một là: Phải đặt lợi ích của Đảng, của dân tộc lên trên hết.

Hai là: Việc gì cũng phải điều tra rõ ràng, cẩn thận và phải làm đến nơi đến chốn.

Phải hiểu rằng: Đảng có hiểu rõ tình hình thì đặt chính sách mới đúng. Mà muốn Đảng hiểu rõ thì đảng viên và cán bộ phải điều tra và báo cáo rõ ràng tình hình từng xã, từng huyện, từng tỉnh, từng khu.

Nếu không biết rõ tình hình mà đặt chính sách thì kết quả là "nồi vuông úp vung tròn", không ăn khớp gì hết.

Ba là: Lý luận và thực hành phải luôn luôn đi đôi với nhau.

Vì kém tính đảng mà có những bệnh sau này:

Bệnh ba hoa,	Bệnh chủ quan,
Bệnh địa phương,	Bệnh hình thức,
Bệnh ham danh vị,	Bệnh ích kỷ,
Bệnh thiếu kỷ luật,	Bệnh hủ hoá,
Bệnh cầu thả (gặp sao hay vậy),	Bệnh thiếu ngăn nắp,
Bệnh xa quần chúng,	Bệnh lười biếng.

Mắc phải một bệnh trong mười hai bệnh đó tức là hỏng việc. Vì vậy, chúng ta phải ráo riết dùng *phê bình và tự phê bình* để giúp nhau chữa cho hết những bệnh ấy. Có như thế Đảng mới chóng phát triển.

Phê bình là nêu ưu điểm và vạch khuyết điểm của đồng chí mình.

Tự phê bình là nêu ưu điểm và vạch khuyết điểm của mình.

Tự phê bình và phê bình phải đi đôi với nhau. Mục đích là cho mọi người học lẫn ưu điểm của nhau và giúp nhau chữa những khuyết điểm.

Về mặt Đảng thì phải thực hành những điều sau này:

1. Phải nghiêm ngặt *kiểm tra*, các địa phương phải kiên quyết thực hành những nghị quyết của Đảng. Kiên quyết chống lại cái thói nghị quyết một đường, thi hành một nẻo.

2. Nơi nào sai lầm, ai sai lầm, thì lập tức *sửa chữa*. Kiên quyết chống thói nể nang và che giấu, chống thói "trước mặt thì nể, kể lể sau lưng". Phê bình thì phải rõ ràng, thiết thực, ngay thẳng, thành thật -

mục đích là cốt sửa chữa, chứ không phải để công kích, cốt giúp nhau tiến bộ, chứ không phải làm cho đồng chí khó chịu, nản lòng.

3. Phải kiên quyết thực hành kỷ luật, tức là cá nhân phải tuyệt đối phục tùng tổ chức, số ít phải phục tùng số nhiều, cấp dưới phải phục tùng cấp trên, địa phương phải phục tùng Trung ương.

4. Phải đòi hỏi mỗi đảng viên, trước hết là mỗi cán bộ, phải thật thà tự phê bình, tự sửa chữa những khuyết điểm của mình. Đặt lợi ích của Đảng, của dân tộc lên trên hết. Kiên quyết chống bệnh tự mãn tự túc, tự tư tự lợi, kiêu ngạo, ba hoa. Phải thực hành khẩu hiệu: "Chí công vô tư; cần, kiệm, liêm, chính!"

IV- VẤN ĐỀ CÁN BỘ

1. Huấn luyện cán bộ

Cán bộ là những người đem chính sách của Đảng, của Chính phủ giải thích cho dân chúng hiểu rõ và thi hành. Đồng thời đem tình hình của dân chúng báo cáo cho Đảng, cho Chính phủ hiểu rõ, để đặt chính sách cho đúng.

Vì vậy, cán bộ là cái gốc của mọi công việc.

Vì vậy, huấn luyện cán bộ là công việc gốc của Đảng.

Đảng có mở những lớp huấn luyện cán bộ. Nhưng đại đa số cán bộ, hoặc bận công việc, hoặc xa xôi quá, chưa được huấn luyện. Đối với những cán bộ đó, Đảng cần phải tìm cách huấn luyện họ (hoặc mở lớp ở địa phương, hoặc gửi sách vở cho họ nghiên cứu, v.v.).

Khuyết điểm trong sự huấn luyện - Đã có nơi mở lớp huấn luyện, thế rất tốt. Song những lớp ấy còn nhiều khuyết điểm. Thí dụ: huấn luyện cho cán bộ trong các cơ quan hành chính mà không đụng đến công việc hành chính.

Còn dạy chính trị thì mênh mông mà không thiết thực, học rồi không dùng được.

Phần đông cán bộ là công nhân và nông dân, văn hoá rất kém. Đảng chưa tìm đủ cách để nâng cao trình độ văn hoá của họ.

Huấn luyện lý luận cho những cán bộ cao cấp, đến nay hoặc chưa làm, hoặc làm không đúng, lý luận và thực tế không ăn khớp với nhau,

dạy theo cách học thuộc lòng. Đó là những điều Đảng nên sửa chữa ngay, theo cách sau đây:

a) Huấn luyện nghề nghiệp

Phải thực hành khẩu hiệu: làm việc gì học việc ấy.

Vô luận ở quân sự, chính trị, kinh tế, văn hoá, tổ chức, tuyên truyền, công an, v.v., cán bộ ở môn nào phải học cho thạo công việc ở trong môn ấy.

Những cơ quan lãnh đạo và những người phụ trách phải có kế hoạch dạy cho cán bộ trong môn của mình, do các cấp Đảng giúp vào. Cách học tập gồm có 5 môn:

1. *Điều tra*: tình hình có quan hệ với công tác của mình.

Thí dụ: môn quân sự, thì điều tra, phân tích, nghiên cứu rõ ràng tình hình của địch, của bạn, của ta, chọn những điểm chính làm tài liệu huấn luyện cho cán bộ.

2. *Nghiên cứu*: những chính sách, chỉ thị, nghị quyết. Thí dụ: cán bộ về môn tài chính, phải hiểu rõ chính sách tài chính và những nghị quyết về tài chính của Chính phủ.

3. *Kinh nghiệm*: Thí dụ: ban tuyên truyền thì gom góp tất cả những kinh nghiệm thành công hoặc thất bại trong công việc tuyên truyền, chép thành tài liệu huấn luyện, cho cán bộ tuyên truyền học.

4. *Lịch sử*. Thí dụ: môn kinh tế thì đem những sự thay đổi trong nền kinh tế của nước ta trong thời kỳ gần đây làm tài liệu huấn luyện.

5. *Khoa học*: Thí dụ: các cán bộ quân sự thì phải nghiên cứu khoa học quân sự, cán bộ y tế phải nghiên cứu y học. Cán bộ môn nào thì nghiên cứu lý luận của môn ấy.

Các cơ quan lãnh đạo của mỗi môn phải gom góp tài liệu, sắp xếp cách dạy và học, kiểm tra kết quả, sao cho cán bộ trong môn mình dần dần đi đến thạo công việc.

b) Huấn luyện chính trị

Có hai thứ: thời sự và chính sách.

Cách huấn luyện thời sự là khuyến khích và đốc thúc các cán bộ xem báo, thảo luận và giải thích những vấn đề quan trọng, và định kỳ khai hội cán bộ, báo cáo thời sự.

Huấn luyện chính sách là đốc thúc các cán bộ nghiên cứu và thảo luận những nghị quyết, những chương trình, những tuyên ngôn của Đảng, của Chính phủ.

Huấn luyện chính trị, môn nào cũng phải có. Nhưng phải tùy theo mỗi môn mà định nhiều hay ít. Thí dụ: cán bộ chuyên môn về y tế, về văn nghệ, v.v. thì ít hơn. Cán bộ về tuyên truyền, tổ chức, v.v., thì phải nghiên cứu chính trị nhiều hơn.

c) Huấn luyện văn hoá

Với những cán bộ còn kém văn hoá, thì việc huấn luyện này rất trọng yếu. Trước hết phải dạy cho họ những thường thức: lịch sử, địa dư, làm tính, khoa học tự nhiên, xã hội, chính trị, cách viết báo cáo, nghĩa vụ và quyền lợi người công dân.

Các bài học do một ban phụ trách sắp xếp.

Lớp học do một hoặc vài ba cơ quan tổ chức với nhau.

Những lớp đó cần phải có giáo viên luôn luôn phụ trách và giáo viên ngoài giúp việc.

Các cán bộ có thể thay phiên nhau mà đi học.

Cần phải ưu đãi các giáo viên và khen thưởng những lớp tổ chức tốt.

Những cán bộ học trong những lớp này, phải theo trình độ văn hoá cao hay thấp mà đặt lớp, chứ không theo cấp bậc cán bộ cao hay thấp.

d) Huấn luyện lý luận

Những cán bộ cao cấp và trung cấp mà có sức nghiên cứu lý luận (trình độ văn hoá khá, ham nghiên cứu), thì ngoài việc học tập chính trị và nghề nghiệp đều cần học thêm lý luận.

Huấn luyện lý luận có hai cách:

Một cách là chỉ đem lý luận khô khan nhét cho đầy óc họ. Rồi bày cho họ viết những chương trình, những hiệu triệu rất kêu. Nhưng đối với việc thực tế, tuyên truyền, vận động, tổ chức, kinh nghiệm chỉ nói qua loa mà thôi. *Thế là lý luận suông, vô ích.*

Một cách là trong lúc học lý luận, phải nghiên cứu công việc thực tế, kinh nghiệm thực tế. Lúc học rồi, họ có thể tự mình tìm ra phương hướng chính trị có thể làm những công việc thực tế, có thể trở nên người tổ chức và lãnh đạo. *Thế là lý luận thiết thực, có ích.*

Lý luận do kinh nghiệm cách mạng ở các nước và trong nước ta, do kinh nghiệm từ trước và kinh nghiệm hiện nay gom góp phân tích và kết luận những kinh nghiệm đó thành ra lý luận.

Nhưng phải biết khéo lợi dụng kinh nghiệm. Nếu thấy người ta làm thế nào mình cũng một mực bắt chước làm theo thế ấy. Thí dụ: nghe người ta nói giai cấp đấu tranh, mình cũng ra khẩu hiệu giai cấp đấu tranh, mà không xét hoàn cảnh nước mình như thế nào để làm cho đúng.

Trái lại, kinh nghiệm các nước và ở nước ta đều nói: phải gắn gụi dân chúng, vào sâu trong dân chúng. Điều này rất đúng. Ta phải kiên quyết thực hành theo kinh nghiệm đó.

Kinh nghiệm các nước và ở nước ta nói: phải kiên quyết chống bệnh chủ quan, bệnh hẹp hòi, bệnh ba hoa. Ta cũng phải kiên quyết chống những bệnh đó vì nhận thấy ta thường mắc phải và các bệnh này rất có hại cho công tác, rất hại cho Đảng.

Học tập - Khuôn khổ học tập, chia ra khoa học chính trị, khoa học kinh tế, khoa học lịch sử, v.v., mà học dần dần. Học tập thì theo nguyên tắc: kinh nghiệm và thực tế phải đi cùng nhau. Thí dụ: khoa học chính trị dùng sách vở, bài báo bàn về chiến lược, chiến thuật làm tài liệu lý luận; lấy lịch sử và kinh nghiệm tranh đấu của Đảng làm tài liệu thực tế.

Khoa học kinh tế lấy "kinh tế chính trị học" làm tài liệu lý luận, lấy lịch sử kinh tế của nước ta gần 100 năm nay làm tài liệu thực tế.

Các môn khác cũng thế.

Cách học tập: Tổ chức từng ban cao cấp hoặc trung cấp.

Lấy tự học làm cốt. Do thảo luận và chỉ đạo giúp vào.

- Sắp xếp thời gian và bài học cho những lớp đó, phải cho khéo, phải có mạch lạc với nhau, mà không xung đột với nhau.

- Vô luận công tác môn nào, lớp huấn luyện nào, đều phải tuyệt đối chống bệnh chủ quan, bệnh hẹp hòi, bệnh ba hoa. Các tài liệu huấn luyện phải do cơ quan lãnh đạo xét kỹ.

- Cách huấn luyện này là huấn luyện lâu dài. Cho nên nguyên tắc là: để phát triển nghề nghiệp mà không trở ngại đến nghề nghiệp và sức khỏe của cán bộ. Ở các cơ quan, mỗi ngày ít nhất phải học tập một tiếng đồng hồ. Những nơi vì hoàn cảnh kháng chiến đặc biệt, thời giờ dài hay

ngắn, tùy theo điều kiện mà định. Những giờ học tập đều tính như những giờ làm việc. Khi cất nhắc cán bộ, phải xem kết quả học tập cũng như kết quả công tác khác mà định.

- Cách kiểm tra, thi khảo, thưởng phạt những lớp đó, do Trung ương định.

- Các cơ quan cần phải rất chú ý đến việc huấn luyện cán bộ. Phải lựa chọn rất cẩn thận những nhân viên phụ trách việc huấn luyện đó. Những người lãnh đạo cần phải tham gia việc dạy. Không nên bủn xỉn về các khoản chi tiêu trong việc huấn luyện.

2. Dạy cán bộ và dùng cán bộ

Công việc thành công hoặc thất bại đều do cán bộ tốt hay kém.

Vì vậy Đảng phải nuôi dạy cán bộ, như người làm vườn vun trồng những cây cối quý báu. Phải trọng nhân tài, trọng cán bộ, trọng mỗi một người có ích cho công việc chung của chúng ta.

Đảng ta là một đoàn thể đấu tranh. Trong cuộc tranh đấu thường hao tổn một số cán bộ quý báu. Vì vậy, chúng ta càng phải quý cán bộ, phải bổ sung cán bộ, phải giữ gìn cán bộ cũ và đào tạo cán bộ mới. Mặt trận dân tộc ngày càng rộng, nảy nở ra hàng ngàn hàng vạn người hăng hái, tham gia vào Đảng ta. Họ hăng hái nhưng lý luận còn thiếu, kinh nghiệm còn ít. Trong công tác, họ thường gặp những vấn đề to tát, họ phải tự giải quyết. Vì vậy chúng ta cần phải đặc biệt chú ý săn sóc những cán bộ đó.

Vì vậy, vấn đề cán bộ là một vấn đề rất trọng yếu, rất cần kíp.

Đối với vấn đề đó, Đảng phải làm thế nào?

1. *Phải biết rõ cán bộ* - Từ trước đến nay, Đảng ta chưa thực hành cách thường xem xét cán bộ. Đó là một khuyết điểm to. Kinh nghiệm cho ta biết: mỗi lần xem xét lại nhân tài, một mặt thì tìm thấy những nhân tài mới, một mặt khác thì những người hủ hoá cũng lòi ra.

2. *Phải cất nhắc cán bộ một cách cho đúng.*

Cất nhắc cán bộ là một công tác cần kíp.

Khi cất nhắc một cán bộ, cần phải xét rõ người đó có gần gũi quần chúng, có được quần chúng tin cậy và mến phục không. Lại phải xem người ấy xứng với việc gì. Nếu người có tài mà dùng không đúng tài của

họ, cũng không được việc. Nếu cất nhắc không cẩn thận, không khỏi đem người bô lô ba la, chỉ nói mà không biết làm, vào những địa vị lãnh đạo. Như thế rất có hại.

3. *Phải khéo dùng cán bộ* - Không có ai cái gì cũng tốt, cái gì cũng hay. Vì vậy, chúng ta phải khéo dùng người, sửa chữa những khuyết điểm cho họ, giúp đỡ ưu điểm của họ. Thường chúng ta không biết tùy tài mà dùng người. Thí dụ: thợ rèn thì bảo đi đóng tủ, thợ mộc thì bảo đi rèn dao. Thành thử hai người đều lúng túng. Nếu biết tùy tài mà dùng người, thì hai người đều thành công.

4. *Phải phân phối cán bộ cho đúng* - Thí dụ: Trong một nơi quan trọng ở một thành thị to thì phải phái những cán bộ có quan hệ khăng khít với quần chúng. Họ là người trong quần chúng mà ra, có sáng kiến, tinh thần, chắc chắn, chí khí vững vàng. Phải dùng người đúng chỗ, đúng việc.

5. *Phải giúp cán bộ cho đúng* - Phải luôn luôn dùng lòng thân ái mà giúp đỡ, lãnh đạo cán bộ. Giúp họ sửa chữa những chỗ sai lầm. Khen ngợi họ lúc họ làm được việc. Và phải luôn luôn kiểm soát cán bộ.

6. *Phải giữ gìn cán bộ* - Tại những nơi phải công tác bí mật khi cần thì phải phái cán bộ mới thế cho cán bộ cũ, và phái cán bộ cũ đi nơi khác.

Phải tìm mọi cách để giữ bí mật cho cán bộ.

3. Lựa chọn cán bộ

a) Những người đã tỏ ra rất trung thành và hăng hái trong công việc, trong lúc đấu tranh.

b) Những người liên lạc mật thiết với dân chúng, hiểu biết dân chúng. Luôn luôn chú ý đến lợi ích của dân chúng. Như thế, thì dân chúng mới tin cậy cán bộ và nhận cán bộ đó là người lãnh đạo của họ.

c) Những người có thể phụ trách giải quyết các vấn đề, trong những hoàn cảnh khó khăn.

Ai sợ phụ trách và không có sáng kiến thì không phải người lãnh đạo.

Người lãnh đạo đúng đắn cần phải: Khi thất bại không hoang mang, khi thắng lợi không kiêu ngạo. Khi thi hành các nghị quyết kiên quyết, gan góc không sợ khó khăn.

d) Những người luôn luôn giữ đúng kỷ luật.

Đó là những khuôn khổ để lựa chọn cán bộ, chúng ta phải theo cho đúng.

Trong Đảng ta, có những nơi thường dùng những người văn hay nói khéo, nhưng không làm được việc, không ra tranh đấu. Mà những đồng chí viết không hay nói không thạo nhưng rất trung thành, hăng hái, rất gần gũi quần chúng, thì bị chìm xuống. Chúng ta phải sửa chữa ngay những điểm đó.

Đã lựa chọn dùng cán bộ còn cần phải dạy bảo lý luận cho cán bộ. Chỉ thực hành mà không có lý luận cũng như có một mắt sáng, một mắt mù.

4. Cách đối với cán bộ

Phong trào giải phóng sôi nổi, nảy nở ra rất nhiều *nhân tài ngoài Đảng*. Chúng ta không được bỏ rơi họ, xa cách họ. Chúng ta phải thật thà đoàn kết với họ, nâng đỡ họ. Phải thân thiết với họ, gần gũi họ, đem tài năng của họ giúp ích vào công cuộc kháng chiến cứu nước.

Chúng ta phải tẩy sạch các bệnh kiêu ngạo, bệnh hẹp hòi, bệnh bao biện.

Tóm lại, đối với cán bộ có năm cách:

a) *Chỉ đạo* - Thả cho họ làm, thả cho họ phụ trách, dù sai lầm chút ít cũng không sợ.

Nhưng phải luôn luôn tùy theo hoàn cảnh mà bày vẽ cho họ về phương hướng công tác, cách thức công tác, để cho họ phát triển năng lực và sáng kiến của họ, đúng với đường lối của Đảng.

b) *Nâng cao* - Luôn luôn tìm cách cho họ học thêm lý luận và cách làm việc, làm cho tư tưởng, năng lực của họ ngày càng tiến bộ.

c) *Kiểm tra* - Không phải ngày nào cũng kiểm tra. Nhưng thường thường kiểm tra để giúp họ rút kinh nghiệm, sửa chữa khuyết điểm, phát triển ưu điểm.

Giao công việc mà không kiểm tra, đến lúc thất bại mới chú ý đến. Thế là không biết yêu cầu cán bộ.

d) *Cải tạo* - Khi họ sai lầm thì dùng cách "thuyết phục" giúp cho họ sửa chữa.

Không phải một sai lầm to lớn, mà đã vội cho họ là "cơ hội chủ nghĩa", đã "cảnh cáo", đã "tạm khai trừ". Những cách quá đáng như thế đều không đúng.

đ) Giúp đỡ - Phải cho họ điều kiện sinh sống đầy đủ mà làm việc. Khi họ đau ốm, phải có thuốc thang. Tùy theo hoàn cảnh mà giúp họ giải quyết vấn đề gia đình. Những điều đó rất quan hệ với tinh thần của cán bộ, và sự thân ái đoàn kết trong Đảng.

5. Mấy điểm lớn trong chính sách cán bộ

Đảng ta gồm có hàng triệu người, hàng vạn cán bộ. Trong đó, sĩ, công, nông, thương, binh đều có. Từng lớp xã hội khác nhau, trình độ, văn hóa khác nhau; tính tình cá nhân cũng không giống hết.

Sao cho đối đãi đúng với mọi người? Đó là một vấn đề rất trọng yếu. Vì vậy, chúng ta cần phải chú ý mấy việc dưới đây:

Hiểu biết cán bộ,

Khéo dùng cán bộ,

Cất nhắc cán bộ,

Thương yêu cán bộ,

Phê bình cán bộ.

a) Hiểu biết cán bộ - Biết người, cố nhiên là khó. Tự biết mình, cũng không phải là dễ.

Đã không tự biết mình thì khó mà biết người, vì vậy muốn biết đúng sự phải trái ở người ta, thì trước phải biết đúng sự phải trái của mình. Nếu không biết sự phải trái ở mình, thì chắc không thể nhận rõ người cán bộ tốt hay xấu. Người ta thường phạm những chứng bệnh sau này:

1. Tự cao tự đại,

2. Ưa người ta nịnh mình,

3. Do lòng yêu, ghét của mình mà đối với người,

4. Đem một cái khuôn khổ nhất định, chật hẹp mà lắp vào tất cả mọi người khác nhau.

Phạm một trong bốn bệnh đó thì cũng như mắt đã mang kính có màu, không bao giờ thấu rõ cái mặt thật của những cái mình trông.

Muốn biết rõ cán bộ, muốn đối đãi một cách đúng đắn các hạng người, trước hết phải sửa những khuyết điểm của mình. Mình càng ít khuyết điểm thì cách xem xét cán bộ càng đúng.

Trong thế giới, cái gì cũng biến hoá, tư tưởng của người cũng biến hoá. Vì vậy cách xem xét cán bộ, quyết không nên chấp nhất, vì nó cũng

phải biến hoá. Thí dụ: có người khi trước theo cách mạng mà nay lại phản cách mạng. Có người khi trước không cách mạng mà nay lại tham gia cách mạng. Thậm chí có người nay đang theo cách mạng, nhưng sau này có thể phản cách mạng.

Một người cán bộ khi trước có sai lầm, không phải vì thế mà sai lầm mãi. Cũng có cán bộ đến nay chưa bị sai lầm, nhưng chắc gì sau này không phạm sai lầm? Quá khứ, hiện tại và tương lai của mọi người không phải luôn giống nhau.

Xem xét cán bộ, không chỉ xem ngoài mặt mà còn phải xem tính chất của họ. Không chỉ xem một việc, một lúc mà phải xem toàn cả lịch sử, toàn cả công việc của họ. Có người lúc phong trào cách mạng cao, họ vào Đảng, họ làm việc rất hăng. Nhưng lúc phong trào hơi khó khăn thì đâm ra hoang mang. Lúc gặp sự nguy hiểm thậm chí hoá phản cách mạng, làm mật thám. Muốn làm mật thám được việc, thì nó lại công tác hăng hơn ai hết. Nếu ta không xem xét rõ ràng, thì lầm nó là cán bộ tốt.

Vì vậy nhận xét cán bộ không nên chỉ xét ngoài mặt, chỉ xét một lúc, một việc, mà phải xét kỹ cả toàn bộ công việc của cán bộ.

Ai mà hay khoe công việc, hay a dua, tìm việc nhỏ mà làm, trước mặt thì theo mệnh lệnh, sau lưng thì trái mệnh lệnh, hay công kích người khác, hay tự tăng bốc mình, những người như thế, tuy họ làm được việc, cũng không phải cán bộ tốt.

Ai cứ cắm đầu làm việc, không ham khoe khoang, ăn nói ngay thẳng, không che giấu khuyết điểm của mình, không ham việc dễ, tránh việc khó, bao giờ cũng kiên quyết làm theo mệnh lệnh của Đảng, vô luận hoàn cảnh thế nào, lòng họ cũng không thay đổi, những người như thế, dù công tác kém một chút cũng là cán bộ tốt. Người ở đời, ai cũng có chỗ tốt và chỗ xấu. Ta phải khéo nâng cao chỗ tốt, khéo sửa chữa chỗ xấu cho họ.

b) Khéo dùng cán bộ - Lúc dùng cán bộ, nhiều người phạm vào những chứng bệnh sau đây:

1. Ham dùng người bà con, anh em quen biết, bầu bạn, cho họ là chắc chắn hơn người ngoài.

2. Ham dùng những kẻ khéo nịnh hót mình, mà chán ghét những người chính trực.

3. Ham dùng những người tính tình hợp với mình, mà tránh những người tính tình không hợp với mình.

Vì những bệnh đó, kết quả những người kia đã làm bậy, mình cũng cứ bao dung, che chở, bảo hộ, khiến cho chúng càng ngày càng hư hỏng. Đối với những người chính trực thì bới lông tìm vết để trả thù. Như thế, cố nhiên là hỏng cả công việc của Đảng, hỏng cả danh giá của người lãnh đạo. Thế nào là dùng cán bộ đúng?

- Mình phải có độ lượng vĩ đại thì mới có thể đối với cán bộ một cách chí công vô tư, không có thành kiến, khiến cho cán bộ khỏi bị bỏ rơi.

- Phải có tinh thần rộng rãi, mới có thể gần gũi những người mình không ưa.

- Phải có tính chịu khó dạy bảo, mới có thể nâng đỡ những đồng chí còn kém, giúp cho họ tiến bộ.

- Phải sáng suốt, mới khỏi bị bọn vu vơ bao vây, mà cách xa cán bộ tốt.

- Phải có thái độ vui vẻ, thân mật, các đồng chí mới vui lòng gần gũi mình.

Mục đích khéo dùng cán bộ, cốt để thực hành đầy đủ chính sách của Đảng và Chính phủ. Nếu cán bộ có ý hoang mang, sợ hãi, buồn rầu, uất ức, hoặc công tác không hợp, chắc không thành công được.

Vì vậy muốn cán bộ làm được việc, phải khiến cho họ yên tâm làm việc, vui thú làm việc. Muốn như thế, phải thực hành những điểm này:

1. Khiến cho cán bộ *cả gan nói, cả gan đề ra ý kiến*. Người lãnh đạo muốn biết rõ ưu điểm và khuyết điểm của mình, muốn biết công tác của mình tốt hay xấu, không gì bằng khuyên cán bộ mình mạnh bạo đề ra ý kiến và phê bình. Như thế, chẳng những không phạm gì đến uy tín của người lãnh đạo mà lại tỏ ra dân chủ thật thà trong Đảng.

Nếu cán bộ không nói năng, không đề ý kiến, không phê bình, thậm chí lại tâng bốc mình, thế là một hiện tượng rất xấu. Vì không phải họ không có gì nói, nhưng vì họ *không dám nói, họ sợ*. Thế là mất hết dân chủ trong Đảng. Thế là nội bộ của Đảng âm u, cán bộ trở nên những cái máy, trong lòng uất ức, không dám nói ra, do uất ức mà hoá ra oán ghét, chán nản.

Như thế mà muốn cán bộ công tác cho giỏi thì sao được?

2. Khiến cho cán bộ có *gan phụ trách*, có gan làm việc. Cố nhiên việc hay hay dở, một phần do cán bộ đủ năng lực hay không. Nhưng một phần cũng do cách lãnh đạo đúng hay không. Năng lực của người không phải hoàn toàn do tự nhiên mà có mà một phần lớn do công tác, do tập luyện mà có. Lãnh đạo khéo, tài nhỏ có thể hoá ra tài to. Lãnh đạo không khéo, tài to cũng hoá ra tài nhỏ.

Khi giao công tác cho cán bộ cần phải chỉ đạo rõ ràng, sắp đặt đầy đủ. Vạch rõ những điểm chính, và những khó khăn có thể xảy ra. Những vấn đề đã quyết định rồi, thả cho họ làm, khuyến khích họ cứ cả gan mà làm. Cũng như trong quân đội, khi chiến lược chiến thuật và nhiệm vụ đã quyết định rồi, vị Tổng tư lệnh không cần nhúng vào những vấn đề lặt vặt. Phải để cho các cấp chỉ huy có quyền "tuỳ cơ ứng biến", mới có thể phát triển tài năng của họ. Việc gì cấp trên cũng nhúng vào, cán bộ cũng như một cái máy, việc gì cũng chờ mệnh lệnh, sinh ra ỷ lại mất hết sáng kiến.

Trước khi trao công tác, cần phải bàn kỹ với cán bộ. Nếu họ gánh không nổi, chớ miễn cưỡng trao việc đó cho họ. Khi đã trao cho họ phải hoàn toàn tin họ. Không nên sớm ra lệnh này, trưa đổi lệnh khác.

Nếu không tin cán bộ, sợ họ làm không được, rồi việc gì mình cũng nhúng vào. Kết quả thành chứng bao biện, công việc vẫn không xong. Cán bộ thì vợ vắn cả ngày, buồn rầu, nản chí.

Phải đào tạo một mớ cán bộ phụ trách, có gan làm việc, ham làm việc. Có thể Đảng mới thành công.

Nếu đào tạo một mớ cán bộ nhát gan, dễ bảo "đạp đi, hò đúng", không dám phụ trách. Như thế là một việc thất bại cho Đảng.

3. Không nên tự tôn, tự đại, mà *phải nghe, phải hỏi ý kiến của cấp dưới*.

Nếu ý kiến các đồng chí cấp dưới đúng, ta phải nghe theo, khuyến khích họ thường đề thêm ý kiến, để nâng tinh thần và sáng kiến của họ.

Nếu ý kiến của họ không đúng, ta nên dùng thái độ thân thiết, giải thích cho họ hiểu. Quyết không nên phùng mang trợn mắt, quở trách, giễu cợt họ.

Nếu họ phê bình ta, ta phải vui vẻ thừa nhận. Không nên tỏ vẻ bất bình, để lần sau họ không dám phê bình nữa.

Nếu có cán bộ không yên tâm làm việc, ta phải xét rõ cái chỗ lãnh đạo không đúng của ta, để thuyết phục và khuyên gắng người đó. Nếu vì công tác không hợp với năng lực của họ, phải tìm công việc thích hợp hơn cho họ làm.

c) Phải có gan cất nhắc cán bộ - Cất nhắc cán bộ, phải vì công tác, tài năng, vì cổ động cho đồng chí khác thêm hăng hái. Như thế, công việc nhất định chạy.

Nếu vì lòng yêu ghét, vì thân thích, vì nể nang, nhất định không ai phục, mà gây nên mối lôi thôi trong Đảng. Như thế là có tội với Đảng, có tội với đồng bào.

Trước khi cất nhắc cán bộ, phải nhận xét rõ ràng. Chẳng những xem xét công tác của họ, mà còn phải xét cách sinh hoạt của họ. Chẳng những xem xét cách viết, cách nói của họ, mà còn phải xem xét việc làm của họ có đúng với lời nói, bài viết của họ hay không. Chẳng những xem xét họ đối với ta thế nào, mà còn phải xem xét họ đối với người khác thế nào. Ta nhận họ tốt, còn phải xét số nhiều đồng chí có nhận họ tốt hay không. Phải biết ưu điểm của họ, mà cũng phải biết khuyết điểm của họ, không nên chỉ xem công việc của họ trong một lúc, mà phải xem cả công việc của họ từ trước đến nay.

Biết rõ ràng cán bộ, mới có thể cất nhắc cán bộ một cách đúng mực.

Cất nhắc cán bộ, không nên làm như "giã gạo". Nghĩa là trước khi cất nhắc không xem xét kỹ. Khi cất nhắc rồi không giúp đỡ họ. Khi họ sai lầm thì đẩy xuống, chờ lúc họ làm khá, lại cất nhắc lên. Một cán bộ bị nhắc lên thả xuống ba lần như thế là hỏng cả đời. Đối với cán bộ, chẳng những phải xem xét rõ ràng trước khi cất nhắc. Mà sau khi đã cất nhắc phải giúp đỡ họ, khuyên gắng họ, vun trồng lòng tự tin, tự trọng của họ.

Ai cũng có lòng tự trọng, tự tin. Không có lòng tự trọng, tự tin là người vô dụng.

Nhưng khoe khoang, kiêu ngạo không phải là tự trọng. Đó là một chứng bệnh. Vì vậy, người lãnh đạo cần phải tôn trọng lòng tự tin, tự trọng của các đồng chí mình.

Nếu để sai lầm và khuyết điểm trở nên to tát rồi mới đem ra "chỉnh" một lần, thế là "đập" cán bộ. Cán bộ bị "đập" mất cả lòng tự tin, người hăng hái cũng hoá thành nản chí, từ nản chí đi đến vô dụng.

Vì vậy, hễ thấy cán bộ sai lầm, phải lập tức sửa chữa ngay. Nếu không việc to quá, họ làm không nổi, tốt nhất là đổi việc khác cho thích hợp với họ, mà không cần cho họ biết vì họ không làm nổi việc kia. Đó là để giữ lòng hăng hái của họ, để cho họ khỏi nản lòng.

d) *Yêu thương cán bộ* - Không phải vài ba tháng, hoặc vài ba năm, mà đào tạo được một người cán bộ tốt. Nhưng cần phải công tác, tranh đấu, huấn luyện lâu năm mới được. Trái lại, trong lúc tranh đấu, rất dễ mất một người cán bộ. Vì vậy, Đảng phải thương yêu cán bộ.

Nhưng thương yêu không phải là vỗ về, nuông chiều, thả mặc.

Thương yêu là giúp họ học tập thêm, tiến bộ thêm. Là giúp họ giải quyết những vấn đề khó khăn sinh hoạt, ngày thường thì điều kiện dễ chịu, khi đau ốm được chăm nom, gia đình họ khỏi khốn quẫn, v.v...

Thương yêu là luôn luôn chú ý đến công tác của họ, kiểm thảo họ. Hễ thấy khuyết điểm thì giúp cho họ sửa chữa ngay, để vun trồng cái thói có gan phụ trách, cả gan làm việc của họ. Đồng thời, phải nêu rõ những ưu điểm, những thành công của họ. Làm thế không phải là làm cho họ kiêu căng, mà cốt làm cho họ thêm hăng hái, thêm gắng sức. Phải vun đắp chí khí của họ, để đi đến chỗ "bại cũng không nản, thắng cũng không kiêu". Lúc phê bình họ, ta chớ có thái độ gay gắt. Lúc khen ngợi họ, ta phải cho họ hiểu rằng: năng lực của mỗi người đều có giới hạn, tuy có thành công cũng chớ kiêu ngạo. Kiêu ngạo là bước đầu của thất bại.

đ) *Đối những cán bộ sai lầm* - Người đời ai cũng có khuyết điểm. Có làm việc thì có sai lầm.

Chúng ta không sợ có sai lầm và khuyết điểm, chỉ sợ không chịu cố gắng sửa chữa sai lầm và khuyết điểm. Và càng sợ những người lãnh đạo không biết tìm cách đúng để giúp cán bộ sửa chữa sai lầm và khuyết điểm.

Trừ những người cố ý phá hoại, ngoài ra không ai cố ý sai lầm, sai lầm là vì không hiểu, không biết. Vì vậy, đối với cán bộ bị sai lầm, ta quyết không nên nhận rằng họ muốn như thế, mà công kích họ. Trái lại, ta phải dùng thái độ thân thiết, giúp họ tìm ra cái cố vì sao mà sai lầm? Sai lầm như thế, sẽ có hại đến công việc thế nào? Làm thế nào mà sửa chữa? Tóm lại, phải phê bình cho đúng.

Muốn họ thành tâm sửa chữa, phải giải thích rõ ràng, làm cho họ tự trông thấy, tự nhận rõ sự sai lầm đó, làm cho họ vui lòng sửa đổi, chứ không phải bị cưỡng bức mà sửa đổi.

Sự sửa đổi khuyết điểm, một phần cố nhiên là trách nhiệm của cán bộ đó. Nhưng một phần cũng là trách nhiệm của người lãnh đạo.

Sửa chữa sai lầm, cố nhiên cần dùng cách giải thích thuyết phục, cảm hoá, dạy bảo. Song không phải tuyệt nhiên không dùng xử phạt. Lầm lỗi có việc to, việc nhỏ. Nếu nhất luật không xử phạt thì sẽ mất cả kỷ luật, thì sẽ mở đường cho bọn cố ý phá hoại. Vì vậy, hoàn toàn không dùng xử phạt là không đúng. Mà chút gì cũng dùng đến xử phạt cũng không đúng.

Vì vậy, cần phải phân tách rõ ràng cái cố sai lầm, phải xét kỹ lưỡng việc nặng hay nhẹ, phải dùng xử phạt cho đúng.

Cách đối với cán bộ là một điều trọng yếu trong sự tổ chức công việc, cách đối với cán bộ có khéo, có đúng thì mới thực hiện được nguyên tắc: "Vấn đề cán bộ quyết định mọi việc".

Phê bình cho đúng, chẳng những không làm giảm thể diện và uy tín của cán bộ, của Đảng. Trái lại, còn làm cho sự lãnh đạo mạnh mẽ hơn, thiết thực hơn, do đó mà uy tín và thể diện càng tăng thêm.

V- CÁCH LÃNH ĐẠO

1. Lãnh đạo và kiểm soát

"Chẳng những phải lãnh đạo quần chúng, mà lại phải học hỏi quần chúng".

Câu đó nghĩa là gì?

Nghĩa là: người lãnh đạo không nên kiêu ngạo, mà nên khiêm tốn. Sự hiểu biết và kinh nghiệm của mình cũng chưa đủ cho sự lãnh đạo đúng đắn. Vì vậy, ngoài kinh nghiệm của mình, người lãnh đạo còn phải dùng kinh nghiệm của đảng viên, của dân chúng, để thêm cho kinh nghiệm của mình.

Nghĩa là một giây, một phút cũng không thể giảm bớt mối liên hệ giữa ta và dân chúng.

Nghĩa là phải lắng tai nghe ý kiến của đảng viên, của nhân dân, của những người "không quan trọng".

Lãnh đạo đúng nghĩa là thế nào?

Cố nhiên, không phải cứ ngồi trong phòng giấy mà viết kế hoạch, ra mệnh lệnh.

Lãnh đạo đúng nghĩa là:

1. Phải quyết định mọi vấn đề một cách cho đúng. Mà muốn thế thì nhất định phải so sánh kinh nghiệm của dân chúng. Vì dân chúng chính là những người chịu đựng cái kết quả của sự lãnh đạo của ta.

2. Phải tổ chức sự thi hành cho đúng. Mà muốn vậy, không có dân chúng giúp sức thì không xong.

3. Phải tổ chức sự kiểm soát, mà muốn kiểm soát đúng thì cũng phải có quần chúng giúp mới được.

Những người lãnh đạo chỉ trông thấy một mặt của công việc, của sự thay đổi của mọi người: trông *từ trên xuống*. Vì vậy sự trông thấy có hạn.

Trái lại, dân chúng trông thấy công việc, sự thay đổi của mọi người, một mặt khác: họ trông thấy *từ dưới lên*. Nên sự trông thấy cũng có hạn.

Vì vậy, muốn giải quyết vấn đề cho đúng, ắt phải họp kinh nghiệm *cả hai bên* lại.

Muốn như thế, người lãnh đạo ắt phải có mối liên hệ chặt chẽ giữa mình với các tầng lớp người, với dân chúng.

Giữ chặt mối liên hệ với dân chúng và luôn luôn lắng tai nghe ý kiến của dân chúng, đó là nền tảng lực lượng của Đảng và nhờ đó mà Đảng thắng lợi.

Vì vậy, cách xa dân chúng, không liên hệ chặt chẽ với dân chúng, cũng như đứng lơ lửng giữa trời, nhất định thất bại.

Chọn người và thay người cũng là một vấn đề quan trọng trong việc lãnh đạo.

Những người mắc phải bệnh quan liêu, bệnh bàn giấy, không làm được việc, phải thải đi. Ngoài ra còn có hai hạng người, cũng phải chú ý:

Một là có những người cậy mình là "công thần cách mạng", rồi đâm ra ngang tàng, không giữ gìn kỷ luật, không thi hành nghị quyết của Đảng và của Chính phủ. Thế là họ kiêu ngạo, họ phá kỷ luật của Đảng, của Chính phủ.

Cần phải mời các ông đó xuống công tác hạ tầng, khép họ vào kỷ luật, để chữa tính kiêu ngạo, thói quan liêu cho họ và để giữ vững kỷ luật của Đảng và của Chính phủ.

Hai là hạng người nói suông. Hạng người này tuy là thật thà, trung thành, nhưng không có năng lực làm việc, chỉ biết nói suông. Một thí dụ: Hôm nọ tôi hỏi một cán bộ L:

- Mùa màng năm nay thế nào?

L trả lời: Việc đó tôi đã động viên nhân dân rồi.

Hỏi: Rồi sao nữa?

L trả lời: Tôi đã bày tỏ vấn đề đó một cách rất đầy đủ.

Hỏi: Rồi sao nữa?

L trả lời: Công tác xem chừng khá.

Hỏi: Rồi sao nữa?

L trả lời: Chắc là có tiến bộ.

Hỏi: Nói tóm lại đã cày cấy được mấy mẫu?

L trả lời: Ở vùng chúng tôi, cày cấy hiện nay chưa đâu ra đâu cả?

Trong Đảng ta, có một số người như thế. Chỉ biết nói là nói, nói giờ này qua giờ khác, ngày này qua ngày khác. Nhưng một việc gì thiết thực cũng không làm được. Những người như thế cũng không thể dùng vào công việc thực tế.

Muốn chống bệnh quan liêu, bệnh bàn giấy; muốn biết các nghị quyết có được thi hành không, thi hành có đúng không; muốn biết ai ra sức làm, ai làm qua chuyện, chỉ có một cách, là khéo kiểm soát.

Kiểm soát khéo, bao nhiêu khuyết điểm lòi ra hết, hơn nữa kiểm tra khéo về sau khuyết điểm nhất định bớt đi.

Song, muốn kiểm soát có kết quả tốt, phải có hai điều: một là việc kiểm soát phải có hệ thống, phải thường làm. Hai là người đi kiểm soát phải là những người rất có uy tín.

Kiểm soát cách thế nào?

Cố nhiên, không phải cứ ngồi trong phòng giấy mà chờ người ta báo cáo, mà phải đi tận nơi, xem tận chỗ.

Vì ba điều mà cần phải có kiểm soát như thế:

1. Có kiểm soát như thế mới biết rõ cán bộ và nhân viên tốt hay xấu.
2. Mới biết rõ ưu điểm và khuyết điểm của các cơ quan.

3. Mới biết rõ ưu điểm và khuyết điểm của các mệnh lệnh và nghị quyết.

Kiểm soát có hai cách: một cách là từ *trên xuống*. Tức là người lãnh đạo kiểm soát kết quả những công việc của cán bộ mình.

Một cách nữa là từ *dưới lên*. Tức là quần chúng và cán bộ kiểm soát sự sai lầm của người lãnh đạo và bày tỏ cái cách sửa chữa sự sai lầm đó. Cách này là cách tốt nhất để kiểm soát các nhân viên.

Còn ở trong Đảng, khi khai hội, các đảng viên nghe những người lãnh đạo báo cáo công việc, các đảng viên phê bình những khuyết điểm, cử hoặc không cử đồng chí nọ hoặc đồng chí kia vào cơ quan lãnh đạo. Đó là kiểm soát theo nguyên tắc dân chủ tập trung, phê bình và tự phê bình, những nguyên tắc mà Đảng phải thực hành triệt để.

Ở quần chúng, khai hội, phê bình và bày tỏ ý kiến, bầu cử các uỷ ban, các hội đồng, v.v.; đó là những cách quần chúng kiểm soát những người lãnh đạo.

2. Lãnh đạo thế nào?

Bất kỳ công việc gì, cũng phải dùng hai cách lãnh đạo sau đây: một là liên hợp chính sách chung với sự chỉ đạo riêng. Hai là liên hợp người lãnh đạo với quần chúng.

Thế nào là liên hợp chính sách chung với chỉ đạo riêng?

Bất kỳ việc gì, nếu không có chính sách chung, kêu gọi chung, không thể động viên khắp quần chúng.

Song, nếu người lãnh đạo chỉ làm chung, làm khắp cả một lúc, mà không trực tiếp nhằm một nơi nào đó, thực hành cho kỳ được, rồi lấy kinh nghiệm nơi đó mà chỉ đạo những nơi khác, thì không thể biết chính sách của mình đúng hay sai. Cũng không thể làm cho nội dung của chính sách đó đầy đủ, thiết thực.

Thí dụ: việc chỉnh đốn Đảng. Ngoài những kế hoạch chung về việc đó, mỗi cơ quan hoặc mỗi bộ đội phải chọn vài ba bộ phận trong cơ quan hay bộ đội mình, nghiên cứu rõ ràng và xem xét kỹ lưỡng sự phát triển (công việc chỉnh đốn Đảng) trong những bộ phận đó.

Đồng thời, trong vài ba bộ phận đó, người lãnh đạo lại chọn năm, ba người cán bộ kiểu mẫu, nghiên cứu kỹ càng lịch sử của họ, kinh nghiệm, tư tưởng, tính nết của họ, sự học tập và công tác của họ.

Người lãnh đạo phải tự mình chỉ đạo những người phụ trách trong bộ phận đó, giúp họ giải quyết những vấn đề thực tế, để rút kinh nghiệm.

Những người phụ trách trong một cơ quan hoặc một bộ đội cũng chọn vài ba bộ phận, rồi cũng làm theo cách đó.

Đó là một cách vừa lãnh đạo vừa học tập.

Bất kỳ người lãnh đạo nào, nếu không học tập nổi những việc thiết thực, những người thiết thực và những bộ phận thiết thực của cấp dưới, để rút kinh nghiệm, thì nhất định không biết chỉ đạo chung cho tất cả các bộ phận.

Mỗi cán bộ phụ trách cần phải làm theo cách này cho kỳ được.

Thế nào là liên hợp lãnh đạo với quần chúng?

Bất kỳ việc gì (thí dụ việc chỉnh đốn Đảng), người lãnh đạo phải có một số người hăng hái làm *trung kiên* cho sự lãnh đạo. Nhóm trung kiên này phải mật thiết liên hợp với quần chúng, công việc mới thành.

Nếu chỉ có sự hăng hái của nhóm trung kiên, mà không liên hợp với sự hăng hái của quần chúng, nhóm trung kiên sẽ phải chạy suốt ngày mà không kết quả mấy.

Nếu chỉ có sự hăng hái của quần chúng mà không có sự hăng hái của nhóm trung kiên để tổ chức và dìu dắt, thì sự hăng hái của quần chúng sẽ không bền và không thể tiến tới. Bất kỳ nơi nào có quần chúng, thì nhất định có ba hạng người: hạng hăng hái, hạng vừa vừa, và hạng kém. Mà trong ba hạng đó, hạng vừa vừa, hạng ở giữa, nhiều hơn hết, hạng hăng hái và hạng kém đều ít hơn.

Vì vậy người lãnh đạo phải dùng hạng hăng hái làm trung kiên cho sự lãnh đạo, do trung kiên đó mà nâng cao hạng vừa vừa và kéo hạng kém tiến lên.

Nhóm trung kiên đó phải do công tác và tranh đấu trong đám quần chúng mà nảy nở ra, chứ không phải tự ngoài quần chúng, xa cách quần chúng mà có được.

Mỗi cuộc tranh đấu thường có ba giai đoạn, ba bước: bước đầu, bước giữa và bước cuối cùng. Nhóm trung kiên lãnh đạo trong mỗi cuộc tranh đấu, không có thể mà cũng không nên luôn luôn y nguyên như cũ. Trong

mỗi giai đoạn, cần phải luôn luôn cất nhắc những người hăng hái trong giai đoạn đó, để thay thế cho những người cũ bị đào thải hoặc vì tài không xứng chức, hoặc hủ hoá.

Những nơi công việc không chạy đều vì không có nhóm lãnh đạo mật thiết liên hợp với quần chúng. Thí dụ: trong một trường học, nếu không có một nhóm thầy giáo, chức viên và học sinh hăng hái nhất trong trường, từ mười người đến vài mươi người, đoàn kết thành nhóm trung kiên lãnh đạo, thì công việc của trường đó nhất định uể oải.

Vì vậy, bất kỳ cơ quan nào, bộ đội nào, cũng cần phải chọn một nhóm người hăng hái, trung thành, có năng lực, giữ kỷ luật, đoàn kết họ thành nhóm trung kiên lãnh đạo.

*
* *

Sự lãnh đạo trong mọi công tác thiết thực của Đảng, ắt phải *từ trong quần chúng ra, trở lại nơi quần chúng.*

Nghĩa là gom góp mọi ý kiến rời rạc, lẻ tẻ của quần chúng, rồi phân tích nó, nghiên cứu nó, sắp đặt nó thành những ý kiến có hệ thống. Rồi đem nó tuyên truyền, giải thích cho quần chúng, và làm cho nó thành ý kiến của quần chúng, và làm cho quần chúng giữ vững và thực hành ý kiến đó. Đồng thời nhân lúc quần chúng thực hành, ta xem xét lại coi ý kiến đó đúng hay không. Rồi lại tập trung ý kiến của quần chúng, phát triển những ưu điểm, sửa chữa những khuyết điểm, tuyên truyền, giải thích, làm cho quần chúng giữ vững và thực hành.

Cứ như thế mãi thì lần sau chắc đúng mực hơn, hoạt bát hơn, đầy đủ hơn lần trước.

Đó là cách lãnh đạo cực kỳ tốt.

Vì không biết đoàn kết những phần tử hăng hái, tổ chức họ thành nhóm trung kiên lãnh đạo, hoặc vì không biết làm cho trung kiên đó mật thiết liên hợp với quần chúng, cho nên sự lãnh đạo xa rời quần chúng mà sinh ra bệnh quan liêu.

Vì không biết gom góp ý kiến của quần chúng, kinh nghiệm của quần chúng, cho nên ý kiến của những người lãnh đạo thành ra lý luận suông, không hợp với thực tế.

Vì không biết liên hợp chính sách chung với sự thiết thực chỉ đạo riêng (như mục 2 đã nói), cho nên chính sách không có kết quả, mà sự lãnh đạo cũng hoá ra quan liêu.

Vì vậy, trong công việc chỉnh đốn Đảng, cũng như trong mọi công việc khác, quyết phải thực hành cách liên hợp sự lãnh đạo với quần chúng và liên hợp chính sách chung với chỉ đạo riêng.

Phải dùng cách "từ trong quần chúng ra, trở lại nơi quần chúng".

Gom góp ý kiến và kinh nghiệm trong sự chỉ đạo từng bộ phận, đem làm ý kiến chung. Rồi lại đem ý kiến chung đó để thí nghiệm trong các bộ phận. Rồi lại đem kinh nghiệm chung và mới, đúc thành chỉ thị mới. Cứ như thế mãi.

Biết làm như vậy mới thật là biết lãnh đạo.

*
* *

Bất kỳ công tác gì, chiến tranh, sản xuất, giáo dục, kiểm soát, v.v., cơ quan lãnh đạo cấp trên cần phải kinh qua những người phụ trách chung của cơ quan lãnh đạo cấp dưới, mỗi khi có việc gì liên quan đến một ngành hoạt động nào đó thuộc cấp dưới. Có như thế, mới đạt được mục đích phân công mà thống nhất.

Không nên một bộ phận nào đó thuộc cấp trên chỉ tìm thẳng dọc xuống bộ phận cùng loại thuộc những cơ quan cấp dưới (như ban tổ chức cấp trên chỉ tìm ban tổ chức cấp dưới, ban tuyên truyền cấp trên chỉ tìm ban tuyên truyền cấp dưới, v.v.), để liên lạc chỉ đạo theo hệ thống dọc, thành thử người phụ trách chung thuộc cơ quan cấp dưới, như thư ký, chủ tịch, chủ nhiệm, v.v., không biết đến, hoặc không phụ trách.

Phải cho cả người phụ trách chung và những người phụ trách bộ phận cấp dưới đều biết, đều phụ trách.

Một việc gì do người phụ trách chung chỉ huy, thì nhiều cán bộ hoặc tất cả cán bộ đều ra làm. Như thế tránh được cái tệ cán bộ không phụ trách, mà mọi người đều thành ra cán bộ cho công tác đó.

Đó cũng là một cách: người lãnh đạo liên hợp với quần chúng. Thí dụ: việc kiểm soát cán bộ trong một trường học. Nếu người lãnh đạo động viên số đông hoặc tất cả nhân viên và học sinh trong trường tham

gia công việc kiểm soát, mà nhân viên trong ban kiểm tra cấp trên biết chỉ đạo đúng, theo cách "lãnh đạo liên hợp với quần chúng", thì việc kiểm soát nhất định kết quả tốt.

Bất kỳ địa phương nào, cơ quan nào, thường trong một lúc có nhiều công việc trọng yếu. Trong một thời gian đó, lại có một việc trọng yếu nhất và vài ba việc trọng yếu nữa. Người lãnh đạo trong địa phương hoặc cơ quan đó phải xét kỹ hoàn cảnh mà sắp đặt công việc cho đúng. Việc chính, việc gấp thì làm trước. Không nên luộm thuộm, không có kế hoạch, gặp việc nào, làm việc ấy, thành thử việc nào cũng là *việc* chính, lộn xộn, không có ngăn nắp.

Đối với mỗi địa phương, mỗi cơ quan, người lãnh đạo cấp trên cần phải xét cho rõ tình hình, hoàn cảnh, và điều kiện cả địa phương hoặc cơ quan đó, mà quyết định việc gì là *việc chính* của thời kỳ nào. Khi đã quyết định, thì phải thực hành triệt để, cho đạt kết quả đã định.

Đó cũng là cách "lãnh đạo liên hợp với quần chúng", chính sách chung liên hợp với chỉ đạo riêng.

Trên đây là những nguyên tắc lớn trong việc lãnh đạo.

Những cán bộ phụ trách phải theo nguyên tắc đó, đường lối đó mà làm. Đồng thời phải ra sức suy nghĩ, tìm tòi, để tăng thêm sáng kiến của mình.

Công việc càng gay go thì sự lãnh đạo càng phải liên hợp chặt chẽ với quần chúng, càng phải liên hợp chặt chẽ chính sách chung với chỉ đạo riêng, để phá tan cách lãnh đạo lơ mờ, quan liêu, chủ quan, bần giã.

3. Học hỏi quần chúng nhưng không theo đuôi quần chúng

Dân chúng rất khôn khéo, rất hăng hái, rất anh hùng.

Vì vậy, chúng ta phải học dân chúng, phải hỏi dân chúng, phải hiểu dân chúng.

Vì vậy, mỗi một khẩu hiệu, mỗi một công tác, mỗi một chính sách của chúng ta, phải dựa vào ý kiến và kinh nghiệm của dân chúng, phải nghe theo nguyện vọng của dân chúng.

Mà muốn hiểu biết, học hỏi dân chúng, thì ắt phải có nhiệt thành, có quyết tâm, phải khiêm tốn, phải chịu khó. Nếu không vậy, thì dân chúng sẽ không tin chúng ta. Biết, họ cũng không nói. Nói, họ cũng không nói hết lời.

Dân chúng đồng lòng, việc gì cũng làm được.

Dân chúng không ủng hộ, việc gì làm cũng không nên.

Làm việc với dân chúng có hai cách:

1. Làm việc theo cách *quan liêu*. Cái gì cũng dùng mệnh lệnh. Ép dân chúng làm. Đóng cửa lại mà đặt kế hoạch, viết chương trình rồi đưa ra cột vào cổ dân chúng, bắt dân chúng theo.

Có nhiều cán bộ theo cách đó. Họ còn tự đắc rằng: làm như thế, họ vẫn "làm tròn nhiệm vụ", làm được mau, lại không rầy rà.

Họ quên rằng: Đảng ta và Chính phủ ta làm việc là làm cho dân chúng. Việc gì cũng vì lợi ích của dân mà làm. Làm theo cách quan liêu đó, thì dân oán. Dân oán, dù tạm thời may có chút thành công, nhưng về mặt chính trị là thất bại.

2. Làm theo cách *quần chúng*. Việc gì cũng hỏi ý kiến dân chúng, cùng dân chúng bàn bạc. Giải thích cho dân chúng hiểu rõ. Được dân chúng đồng ý. Do dân chúng vui lòng ra sức làm.

Như thế hơi phiền một chút, phiền cho những người biếng học hỏi và giải thích. Nhưng việc gì cũng nhất định thành công.

Có người nói rằng: mọi việc họ đều phụ trách trước Đảng, trước Chính phủ. Thế là đúng, nhưng chỉ đúng một nửa. Họ phụ trách trước Đảng và Chính phủ, đồng thời họ phải phụ trách trước nhân dân. Mà phụ trách trước nhân dân nhiều hơn phụ trách trước Đảng và Chính phủ, vì Đảng và Chính phủ vì dân mà làm các việc, và cũng phụ trách trước nhân dân. Vì vậy nếu cán bộ không phụ trách trước nhân dân, tức là không phụ trách trước Đảng và Chính phủ, tức là đưa nhân dân đối lập với Đảng và Chính phủ.

Nếu trong những chính sách, những chỉ thị, những khẩu hiệu của cấp trên, có gì khuyết điểm, cán bộ phải có tinh thần phụ trách trước nhân dân mà đề nghị những chỗ nên sửa đổi. Không làm như vậy, tức là cán bộ không phụ trách trước nhân dân, mà cũng không phụ trách trước Đảng và Chính phủ.

Việc gì cũng bàn bạc với nhân dân, giải thích cho nhân dân. Thế là phụ trách trước nhân dân.

Trái lại việc gì cũng dùng cách quan liêu, cũng chỉ ra mệnh lệnh, thế là không phụ trách trước nhân dân. Thế là đem hai chữ "mệnh lệnh"

làm thành một bức tường để tách rời Đảng và Chính phủ với nhân dân, tách rời lợi ích của nhân dân với chính sách của Đảng và Chính phủ.

Có nhiều cán bộ không bàn bạc, không giải thích với dân chúng, không để cho dân chúng phát biểu ý kiến, giải quyết các vấn đề, chỉ bắt buộc dân chúng làm theo mệnh lệnh. Thậm chí khi dân chúng đề ra ý kiến và nêu rõ vấn đề, họ cũng tìm cách dìm đi. Họ chỉ làm theo ý kiến của họ. Kết quả làm cho dân chúng nghi ngờ, uất ức, bất mãn.

Làm cách đó, thì dù việc đó có lợi cho dân chúng, nhưng một là vì không có ý kiến và lực lượng của dân chúng giúp đỡ nên làm không đến nơi đến chốn. Hai là vì dân chúng bị miễn cưỡng, nên không vui lòng. Ba là vì dân chúng không hiểu rõ, nên việc đó không được lâu dài, bền vững.

Vì vậy việc gì cũng phải hỏi ý kiến dân chúng, cùng dân chúng bàn bạc, và giải thích cho dân chúng.

Có người thường cho dân là dốt không biết gì, mình là thông thái tài giỏi. Vì vậy, họ không thêm học hỏi dân chúng, không thêm bàn bạc với dân chúng.

Đó là một sự sai lầm nguy hiểm lắm. Ai có sai lầm đó, phải mau mau sửa đổi. Nếu không sẽ luôn luôn thất bại. Chúng ta phải biết rằng: lực lượng của dân chúng nhiều vô cùng.

Kinh nghiệm trong nước và các nước tỏ cho chúng ta biết: có lực lượng dân chúng việc to tát mấy, khó khăn mấy làm cũng được. Không có, thì việc gì làm cũng không xong. Dân chúng biết giải quyết nhiều vấn đề một cách giản đơn, mau chóng, đầy đủ, mà những người tài giỏi, những đoàn thể to lớn, nghĩ mãi không ra.

Kinh nghiệm các địa phương cho biết: nơi nào công việc kém, là vì cán bộ cách xa dân chúng, không cùng dân chúng bàn bạc, không giải thích. Nơi khá khá, là vì cán bộ biết giải thích, biết cùng dân chúng bàn bạc, nhưng chưa hoàn toàn. Nơi nào khá lắm là vì việc gì to nhỏ, cán bộ cũng biết giải thích, biết cùng dân chúng bàn bạc đến nơi đến chốn, dựa vào dân chúng.

Muốn dân chúng thành thật bày tỏ ý kiến, cán bộ phải thành tâm, phải chịu khó, phải khéo khơi cho họ nói. Do ý kiến và đề nghị lẽ tẻ của dân chúng, ta phải khéo gom góp lại, sắp đặt lại cho có ngăn nắp, thứ tự rồi cùng dân chúng ra sức thi hành. Như vậy, vừa nâng cao trình độ của dân chúng, mà cũng nâng cao kinh nghiệm của mình.

Đặc điểm rõ nhất trong tư tưởng của dân chúng là họ hay *so sánh*.

Họ so sánh bây giờ và họ so sánh thời kỳ đã qua. Họ so sánh từng việc và họ so sánh toàn bộ phận. Do sự so sánh, họ thấy chỗ khác nhau, họ thấy mối mâu thuẫn. Rồi lại do đó, họ kết luận, họ đề ra cách giải quyết.

Dân chúng so sánh đúng, giải quyết đúng, là vì tai mắt họ nhiều, việc gì họ cũng nghe, cũng thấy.

Vì sự so sánh kỹ càng đó, mà cách giải quyết của dân chúng bao giờ cũng gọn gàng, hợp lý, công bình.

Đối với cán bộ cũng vậy. Cán bộ nào tốt, cán bộ nào xấu, cán bộ nào có lầm lỗi mà có thể sửa đổi, ai làm việc gì hay, việc gì quấy, dân chúng cũng do cách so sánh đó, mà họ biết rõ ràng.

Vì vậy, để cho dân chúng phê bình cán bộ, dựa theo ý kiến họ mà cất nhắc cán bộ, nhất định không xảy ra việc thiên tư, thiên vị, nhất định hợp lý và công bằng. Đồng thời do sự dùi mài của dân chúng, cán bộ và dân chúng đều tiến bộ, lại do đó, cán bộ và dân chúng đoàn kết chặt chẽ thêm.

Cố nhiên, dân chúng không nhất luật như nhau. Trong dân chúng, có nhiều tầng lớp khác nhau, trình độ khác nhau, ý kiến khác nhau. Có lớp tiên tiến, có lớp chùng chùng, có lớp lạc hậu.

Tuy vậy, khi đem vấn đề ra bàn trước dân chúng, họ đem các ý kiến khác nhau *so sánh*. So đi sánh lại, sẽ lòi ra một ý kiến mà mọi người đều tán thành, hoặc số đông người tán thành. Ý kiến đó, lại bị họ so sánh tỉ mỉ từng đoạn, họ thêm điểm hay vào, bỏ điểm dở đi. Ý kiến đó trở nên ý kiến đầy đủ, thiết thực.

Sau khi bàn bạc, so sánh, thêm thắt, thành một ý kiến đầy đủ, ý kiến đó tức là cái kích thước nó tỏ rõ sự phát triển trình độ của dân chúng trong nơi đó, trong lúc đó. Theo ý kiến đó mà làm, nhất định thành công. Làm không kịp ý kiến đó, là đầu cơ, nhút nhát. Làm quá ý kiến đó là mạo hiểm, hẹp hòi, "tả".

Có nhiều cách hỏi ý kiến dân chúng. Nói chuyện với từng người. Nói chuyện với đông người. Khai hội, nói chuyện với tầng lớp này, nói chuyện với tầng lớp khác, với mọi tầng lớp. Nếu ta chịu khó, chịu suy nghĩ, bất kỳ nói chuyện với ai cũng có ích cho tư tưởng của ta.

Cố nhiên, không phải dân chúng nói gì, ta cũng cứ nhắm mắt theo. Người cán bộ cũng phải dùng cách so sánh của dân chúng mà tự mình so sánh. Nghĩa là đem các ý kiến khác nhau để so sánh kỹ, phân tích kỹ các nội dung của các tầng lớp xã hội có cái ý kiến đó. Tìm ra mỗi mâu thuẫn trong những ý kiến khác nhau đó. Xem rõ cái nào đúng, cái nào sai. Chọn lấy ý kiến đúng, đưa ra cho dân chúng bàn bạc, lựa chọn lại, để nâng cao dần dần sự giác ngộ của dân chúng.

Thế gọi là: *Tập trung ý kiến, ra sức thi hành.*

So đi sánh lại, phân tích rõ ràng là cách làm việc có khoa học. Mỗi công việc, chúng ta đều phải làm như thế. Làm như thế mới tránh khỏi cái độc đoán, mới tránh khỏi sai lầm. Nghĩa là: nói chuyện và bàn bạc với cán bộ như thế cũng chưa đủ, còn phải nói chuyện và bàn bạc với những phần tử hăng hái trong quần chúng. Nói chuyện và bàn bạc với những phần tử hăng hái trong quần chúng cũng chưa đủ, còn phải nói chuyện và bàn bạc với nhân dân. Đó là một vấn đề rất trọng yếu cho cách làm việc của Đảng.

Từ trước đến nay, nhiều nơi công việc không chạy, chính vì cán bộ không thực hành theo nguyên tắc đó. Nếu không làm theo nguyên tắc đó, thì dù chính sách hay trăm phần trăm, cũng hoá ra vô dụng.

Chúng ta phải kiên quyết bỏ sạch lối quan liêu, lối chật hẹp, lối mệnh lệnh. Chúng ta phải kiên quyết thực hành theo nguyên tắc sau đây:

1. Việc gì cũng phải học hỏi và bàn bạc với dân chúng, giải thích cho dân chúng.

2. Tin vào dân chúng. Đưa mọi vấn đề cho dân chúng thảo luận và tìm cách giải quyết. Chúng ta có khuyết điểm, thì thật thà thừa nhận trước mặt dân chúng. Nghị quyết gì mà dân chúng cho là không hợp thì để họ đề nghị sửa chữa. Dựa vào ý kiến của dân chúng mà sửa chữa cán bộ và tổ chức của ta.

3. Chớ khư khư giữ theo "sáo cũ". Luôn luôn phải theo tình hình thiết thực của dân chúng nơi đó và lúc đó, theo trình độ giác ngộ của dân chúng, theo sự tình nguyện của dân chúng mà tổ chức họ, tùy hoàn cảnh thiết thực trong nơi đó, và lúc đó, đưa ra tranh đấu.

4. Chúng ta tuyệt đối không nên theo đuôi quần chúng. Nhưng phải khéo tập trung ý kiến của quần chúng, hoá nó thành cái đường lối để

lãnh đạo quần chúng. Phải đem cách nhân dân so sánh, xem xét, giải quyết các vấn đề, mà hoá nó thành cách chỉ đạo nhân dân.

5. "Phải đưa chính trị vào giữa dân gian". Trước kia, việc gì cũng từ "trên dội xuống". Từ nay việc gì cũng phải từ "dưới nhoi lên".

Làm như thế, chính sách, cán bộ và nhân dân sẽ nhất trí, mà Đảng ta sẽ phát triển rất mau chóng và vững vàng.

VI- CHỐNG THÓI BA HOA

1. Thói ba hoa là gì?

Chúng ta chống bệnh chủ quan, chống bệnh hẹp hòi, đồng thời cũng phải chống thói ba hoa. Vì thói này cũng hại như hai bệnh kia. Vì ba thứ đó thường đi với nhau. Vì thói ba hoa còn, tức là bệnh chủ quan và bệnh hẹp hòi cũng chưa khỏi hẳn.

Thói ba hoa từ đâu ra?

Vì chúng ta trước kia học chữ Hán, sau này học chữ Pháp, cho nên khi nói khi viết, hay dùng chữ Hán và theo cách Pháp. Thành thử dài dòng mà khó hiểu, khó nghe. Lại cũng vì chủ quan và hẹp hòi.

Thói ba hoa tỏ ra nhiều vẻ.

a) *Dài dòng, rộng tuếch* - Nhiều anh em hay viết dài. Viết dòng này qua dòng khác, trang này qua trang khác. Nhưng không có ích cho người xem. Chỉ làm tốn giấy tốn mực, mất công người xem. Khác nào vãi băng bó mụn lở, đã thối lại dài.

Viết làm gì dài dòng và rộng tuếch như thế? Chỉ có một cách trả lời: là quyết không muốn cho quần chúng xem. Vì đã dài lại rộng, quần chúng trông thấy đã lác đầu, ai còn dám xem nữa? Kết quả chỉ để cho những ai vô công rồi nghề xem, và người xem cũng mắc phải thói xấu như người viết.

Trong lúc kháng chiến này, chiến sĩ trước mặt trận phải đánh giặc, đồng bào ở hậu phương phải tăng gia sản xuất. Ai có thời giờ đâu mà xem những bài dài quá.

Viết dài mà rộng, thì không tốt. Viết ngắn mà rộng, cũng không hay. Chúng ta phải chống tất cả những thói rộng tuếch. Nhưng trước hết phải chống thói đã rộng lại dài.

Thế những sách lý luận, hoặc cuốn sách này chẳng hạn không phải dài sao?

Phải. Nó dài, nhưng mỗi câu, mỗi chữ có một ý nghĩa, có một mục đích, không phải rỗng tuếch.

Tục ngữ nói: "*Đo bò làm chuông, đo người may áo*". Bất kỳ làm việc gì cũng phải có chừng mực. Viết và nói cũng vậy. Chúng ta chống là chống nói dài, viết rỗng. Chứ không phải nhất thiết cái gì cũng phải ngắn mới tốt.

Viết và nói cố nhiên phải vắn tắt. Song trước hết phải có *nội dung*. Phải chữa cho hết bệnh nói dài, viết rỗng.

b) Có thói "*câu kỳ*" - Trên các báo, sách, bức tường, thường có những bức vẽ, những khẩu hiệu, nhiều người xem không ra, đọc không được.

Họ cho thế là "mỹ thuật". Kỳ thực, họ viết, họ vẽ, để họ xem thôi.

Người tuyên truyền bao giờ cũng phải tự hỏi: Viết cho ai xem? Nói cho ai nghe? Nếu không vậy, thì cũng như cố ý không muốn cho người ta nghe, không muốn cho người ta xem.

Nhiều người tưởng: mình viết gì, nói gì, người khác cũng đều hiểu được cả. Thật ra, hoàn toàn không như thế. Dùng cả đoạn chữ Hán, dùng từng đồng danh từ lạ, nói hoặc viết theo cách Tây, mỗi câu dài dằng dặc, thì quần chúng hiểu sao được?

Tục ngữ nói "*gậy đòn tai trâu*" là có ý chế người nghe không hiểu. Song những người tuyên truyền mà viết và nói khó hiểu, thì chính người đó là "trâu".

Muốn làm bạn, phải hiểu nhau. Nếu không hiểu nhau, không thành bạn. Người tuyên truyền không điều tra, không phân tích, không nghiên cứu, không hiểu biết quần chúng, chỉ gặp sao nói vậy, bạ gì viết nấy, nhất định thất bại.

c) *Khô khan, lúng túng* - Nói đi nói lại, cũng chẳng qua kéo ra những chữ "tích cực, tiêu cực, khách quan, chủ quan", và một xối danh từ học thuộc lòng, thậm chí những danh từ đó dùng cũng không đúng. Chỉ làm cho quần chúng chán và ngủ gật.

Chúng ta muốn tuyên truyền quần chúng phải học cách nói của quần chúng, mới nói lọt tai quần chúng.

Tục ngữ có câu: "*Học ăn, học nói, học gói, học mở*". Nói cũng phải học, mà phải chịu khó học mới được. Vì cách nói của dân chúng rất đầy đủ, rất hoạt bát, rất thiết thực, mà lại rất giản đơn. Anh em đi tuyên truyền chưa học được cách nói đó, cho nên khi viết, khi nói, khô khan, cứng nhắc, không hoạt bát, không thiết thực.

Tiếng ta còn thiếu, nên nhiều lúc phải mượn tiếng nước khác, nhất là tiếng Trung Quốc. Nhưng phải có chừng có mực. Tiếng nào ta sẵn có thì dùng tiếng ta.

Có nhiều người có bệnh "dùng chữ Hán", những tiếng ta sẵn có không dùng mà dùng chữ Hán cho bằng được. Thí dụ: ba tháng không nói ba tháng mà nói "tam cá nguyệt". Xem xét không nói xem xét mà nói "quan sát", v.v...

Nhưng sẽ "tả" quá nếu những chữ Hán đã hoá thành tiếng ta, ai cũng hiểu, mà cố ý không dùng. Thí dụ: Độc lập mà nói "đứng một", du kích thì nói "đánh chơi". Thế cũng là tếu.

Chúng ta không chống mượn tiếng ngoại quốc để làm cho tiếng ta đầy đủ thêm. Nhưng chúng ta phải chống cách mượn không phải lối, mượn đến nỗi bỏ cả tiếng ta, đến nỗi quần chúng không hiểu.

Chẳng những các người phụ trách tuyên truyền, những người viết báo, viết sách, những người nghệ sĩ là người tuyên truyền, mà tất cả cán bộ, tất cả đảng viên, hễ những người có tiếp xúc với dân chúng đều là người tuyên truyền của Đảng. Vì vậy, ai cũng phải học nói, nhất là học nói cho quần chúng hiểu.

Nhiều người, trước khi nói không sắp sửa kỹ càng. Lúc ra nói hoặc lặp lại những cái người trước đã nói. Hoặc lặp đi lặp lại cái mình đã nói rồi. Lúng túng như gà mắc tóc. Thôi đi thì trên. Nói nữa thì chán tai.

d) Báo cáo lông bông - Một là báo cáo *giả dối*. Thành công ít, thì suýt ra nhiều. Còn khuyết điểm thì giấu đi, không nói đến. Thành thủ cấp trên không hiểu rõ tình hình mà đặt chính sách cho đúng. Hoặc báo cáo *chậm trễ*. Thành thủ khi cấp trên nhận được báo cáo, thì việc đã trễ rồi, không đối phó kịp.

Hai là trong báo cáo chỉ thấy 1, 2, 3, 4 hoặc a, b, c, v.v... Không nêu rõ vấn đề ra. Không phân tích, không đề nghị cách giải quyết các vấn đề. Không nói rõ tán thành hoặc phản đối.

Sao gọi là vấn đề? Khi việc gì có mâu thuẫn, khi phải tìm cách giải quyết, tức là có vấn đề. Khi đã có vấn đề, ta phải nghiên cứu cho rõ cái gốc mâu thuẫn trong vấn đề đó là gì. Phải điều tra, phải nghiên cứu cái mâu thuẫn đó. Phải phân tách rõ ràng và có hệ thống, phải biết rõ cái nào là mâu thuẫn chính, cái nào là mâu thuẫn phụ. Phải đề ra cách giải quyết.

Gặp mỗi vấn đề, đều phải kinh qua ba bước: đề nó ra, phân tách nó (điều tra, nghiên cứu, sắp đặt), giải quyết nó.

Khi viết một bài hoặc khi diễn thuyết cho khỏi rỗng tuếch, cũng phải như thế.

đ) Lụp chụp cầu thả - Những tệ kể trên, một phần vì thiếu kinh nghiệm, mà một phần vì tính lụp chụp, cầu thả.

Một thí dụ rất rõ ràng: mỗi ngày, chúng ta ai cũng rửa mặt. Rửa mặt rồi, thì chải đầu. Nhiều người chải đầu rồi, còn soi gương xem đã sạch, đã mượt chưa. Nếu viết bài và diễn thuyết cũng cẩn thận như thế thì chắc không đến nỗi có nhiều khuyết điểm.

Không biết rõ, hiểu rõ, chớ nói, chớ viết.

Khi không có gì cần nói, không có gì cần viết, chớ nói, chớ viết càn.

Khi viết xong một bài báo, một bản báo cáo, hoặc thảo một bài diễn văn, nhất định phải đọc lại vài lần. Mình tự phê bình bài của mình, hỏi ý kiến đồng chí khác. Những câu, những chữ thừa, vô ích bỏ đi.

Rửa mặt phải kỳ xát vài ba lần mới sạch. Viết văn, diễn thuyết cũng phải như vậy.

e) Bệnh theo "sáo cũ" - Chẳng những viết, nói, có thói ba hoa, mà huấn luyện, khai hội cũng mắc chứng đó.

Mở lớp huấn luyện là một việc rất tốt, rất cần. Nhưng phải hiểu rằng: *học cốt để mà làm*. Học mà không làm được, học mấy cũng vô ích.

Vì vậy huấn luyện phải *thiết thực*, sao cho những người đến học, học rồi, về địa phương họ có thể thực hành ngay. Nhiều đồng chí ta không hiểu cái lẽ rất giản đơn đó. Cho nên họ đã đưa "thặng dư giá trị" nhồi sọ cho thanh niên và phụ nữ nông dân. Họ đã đưa "tân dân chủ chủ nghĩa" nhồi sọ các em nhi đồng. Họ đã đưa "biện chứng pháp" nhồi sọ công nhân đang học quốc ngữ.

Chỉ trong một cuộc *khai hội* ở địa phương, chúng ta đã có thể thấy rất nhiều khuyết điểm.

1. *Kém chuẩn bị* - Đảng viên đến chỗ khai hội rồi, mà cũng chưa biết vì việc gì mà khai hội. Đến khi chủ tịch mời mọi người phát biểu ý kiến thì quần chúng ai có sẵn ý kiến mà phát biểu?

2. *Nói mênh mông* - Thường thường đại biểu cấp trên đến khai hội với cấp dưới, trong lúc khai hội, chỉ một mình "ông" đại biểu, hay "bà" đại biểu nói, nói hàng hai, ba giờ đồng hồ. Nói mênh mông trời đất. Nói gì cũng có. Nhưng chỉ chừa một điều không nói đến là những việc thiết thực cho địa phương đó, những việc mà dân chúng ở đó cần biết, cần hiểu, cần làm, thì không nói đến!

3. *Không đúng giờ* - Hẹn khai hội tám giờ thì chín, mười giờ mới đến. Làm mất thời giờ của những người khác. Họ không hiểu rằng: giữ đúng thời giờ là một tính tốt của người cách mạng, nhất là trong lúc kháng chiến này.

4. *Giữ nếp cũ* - Bất kỳ bao giờ, bất kỳ ở đâu, cũng khư khư giữ theo nếp cũ:

1. Tình hình thế giới.
2. Tình hình Đông Dương.
3. Báo cáo công tác.
4. Thảo luận.
5. Phê bình.
6. Giải tán.

Hiểu biết tình hình thế giới và trong nước, cố nhiên là việc hay, việc cần. Nhưng khổ thay! Nếu có đại biểu cấp cao đến, thì ông ấy kéo hàng giờ nào kế hoạch Mácsan, nào xứ Paragoay, nào gì gì, mà bà con không hiểu chi hết? Nếu chỉ cán bộ cấp xã, thì biết đâu tình hình thế giới mà nói. Thế mà điểm thứ nhất cứ phải là "tình hình thế giới".

Kết quả là việc thiết thực, việc đáng làm thì không bàn đến.

g) *Nói không ai hiểu* - Đảng thường kêu gọi khoa học hoá, dân tộc hoá, đại chúng hoá. Khẩu hiệu đó rất đúng. Tiếc vì nhiều cán bộ và đảng viên, có "hoá" gì đâu! Vẫn cứ chứng cũ, nếp cũ đó. Thậm chí, miệng càng hô "đại chúng hoá", mà trong lúc thực hành thì lại "tiểu chúng hoá". Vì những lời các ông ấy nói, những bài các ông ấy viết, đại chúng không xem được, không hiểu được. Vì họ không học quần chúng, không hiểu quần chúng.

Nhiều tờ truyền đơn, nhiều bản nghị quyết, nhiều khẩu hiệu của Đảng, mục đích và ý nghĩa rất đúng. Nhưng viết một cách cao xa, mầu mè, đến nỗi chẳng những quần chúng không hiểu, mà cả cán bộ cũng không hiểu.

Thí dụ: Vừa rồi đây, đi đến đâu cũng thấy dán những khẩu hiệu:

"Chống cô độc".

"Chống chủ quan".

"Chống địa phương".

Nhưng khi hỏi kỹ, thì hơn chín phần mười cán bộ cấp dưới không hiểu gì hết. Họ nói: cấp trên bảo dán cứ phải dán, chứ thật ra chúng tôi không hiểu. Thậm chí có người luôn miệng đọc là "chống quan địa phương".

Than ôi! Khẩu hiệu cách mạng của Đảng mà hoá ra lá bùa của thầy cúng. Lỗi đó tự ai? Thế mà bảo "đại chúng hoá", "dân tộc hoá" thì hoá cái gì?

Mỗi khẩu hiệu của Đảng phải là cái ý nguyện và mục đích của hàng ức đảng viên và của hàng triệu dân chúng. Mà muốn như thế, phải làm cho dân chúng đều hiểu, phải học cách nói của dân chúng. Nếu không hàng vạn khẩu hiệu cũng vô ích.

h) Bệnh hay nói chữ - Tiếng ta có thì không dùng, mà cứ ham dùng chữ Hán. Dùng đúng, đã là một cái hại, vì quần chúng không hiểu. Nhiều người biết không rõ, dùng không đúng, mà cũng ham dùng, cái hại lại càng to.

Thí dụ: Pháp và Việt gian bắt buộc đồng bào đi biểu tình, mà một tờ báo nọ của đoàn thể viết là những "cuộc biểu tình tự động". Dùng quân đội quét một vùng, tiếng Trung Quốc gọi là *tảo dãng*, mà một tờ báo của đoàn thể viết là "*tảo đảm*". Lại có tờ viết là "*tảo đảng*"!

Tục ngữ nói: "*xấu hay làm tốt, dốt hay nói chữ*". Cái bệnh nói chữ đó đã lây ra, đã làm hại đến quần chúng. Vì vậy, có người đã nói:

"Chúng tôi xin *thông phong*" (xung phong).

"Các đồng chí phải luyện ái nhau (thân ái nhau), v.v...

Trong một cuộc khai hội phụ nữ có chị cán bộ nọ lên nói: "Thưa chị em, tôi xin *báo cáo kinh nguyệt* của tôi trong tháng này".

Không, đó không phải là những chuyện cười, đó là những chuyện thật. Những chuyện thật đáng đau lòng, do bệnh hay nói chữ sinh ra hoặc do bệnh dốt sinh ra.

2. Cách chữa thói ba hoa

Trên đây đã kể qua những chứng ba hoa. Mỗi đảng viên, mỗi cán bộ đều phải ra sức sửa chữa bệnh đó. Nếu không, sẽ có hại to cho công việc của Đảng.

Sau đây là liều thuốc chữa thói ba hoa. Mọi người phải hiểu, phải nhớ, phải thực hành:

1. Phải học cách nói của quần chúng. Chớ nói như cách giảng sách.

Mỗi tư tưởng, mỗi câu nói, mỗi chữ viết, phải tỏ rõ cái tư tưởng và lòng ước ao của quần chúng.

2. Phải luôn luôn dùng những lời lẽ, những thí dụ giản đơn, thiết thực và dễ hiểu.

3. Khi viết, khi nói, phải luôn luôn làm thế nào cho ai cũng hiểu được. Làm sao cho quần chúng đều hiểu, đều tin, đều quyết tâm theo lời kêu gọi của mình. Bao giờ cũng phải tự hỏi: "Ta viết cho ai xem? Nói cho ai nghe"?

4. Chưa điều tra, chưa nghiên cứu, chưa biết rõ, chớ nói, chớ viết.

5. Trước khi nói, phải nghĩ cho chín, phải sắp đặt cẩn thận. Phải nhớ câu tục ngữ: "Chớ ba quanh mới nằm. Người ba năm mới nói".

Sau khi viết rồi, phải xem đi xem lại ba, bốn lần. Nếu là một tài liệu quan trọng, phải xem đi xem lại chín, mười lần.

Làm được như thế - đảng viên và cán bộ ta quyết phải làm như thế - thì thói ba hoa sẽ bớt dần dần cho đến khi hoàn toàn hết sạch mà công việc của Đảng, tư cách của cán bộ và đảng viên sẽ do đó mà tăng thêm.

Tháng 10 năm 1947

DI CHÚC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH*

VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cuộc chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta dù phải kinh qua gian khổ, hy sinh nhiều hơn nữa, song nhất định thắng lợi hoàn toàn.

Đó là một điều chắc chắn.

Tôi có ý định đến ngày đó, tôi sẽ đi khắp hai miền Nam - Bắc, để chúc mừng đồng bào, cán bộ và chiến sĩ anh hùng; thăm hỏi các cụ phụ lão, các cháu thanh niên và nhi đồng yêu quý của chúng ta.

Kế theo đó, tôi sẽ thay mặt nhân dân ta đi thăm và cảm ơn các nước anh em trong phe xã hội chủ nghĩa, và các nước bầu bạn khắp năm châu đã tận tình ủng hộ và giúp đỡ cuộc chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta.

*

* *

Ông Đỗ Phủ là người làm thơ rất nổi tiếng ở Trung Quốc đời nhà Đường, có câu rằng "Nhân sinh thất thập cổ lai hy", nghĩa là "người thọ 70, xưa nay hiếm".

Năm nay, tôi vừa 79 tuổi, đã là lớp người "xưa nay hiếm" nhưng tinh thần, đầu óc vẫn rất sáng suốt, tuy sức khỏe có kém so với vài năm trước đây. Khi người ta đã ngoài 70 xuân, thì tuổi tác càng cao, sức khỏe càng thấp. Điều đó cũng không có gì lạ.

* Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, tập 12, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 507-512.

Nhưng ai mà đoán biết tôi còn phục vụ cách mạng, phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân được bao lâu nữa?

Vì vậy, tôi để sẵn mấy lời này, phòng khi tôi sẽ đi gặp cụ Các Mác, cụ Lênin và các vị cách mạng đàn anh khác, thì đồng bào cả nước, đồng chí trong Đảng và bầu bạn khắp nơi đều khỏi cảm thấy đột ngột.

TRƯỚC HẾT NÓI VỀ ĐẢNG - Nhờ đoàn kết chặt chẽ, một lòng một dạ phục vụ giai cấp, phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc, cho nên từ ngày thành lập đến nay, Đảng ta đã đoàn kết, tổ chức và lãnh đạo nhân dân ta hăng hái đấu tranh tiến từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

Đoàn kết là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và của dân ta. Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình.

Trong Đảng thực hành dân chủ rộng rãi, thường xuyên và nghiêm chỉnh *tự phê bình và phê bình* là cách tốt nhất để củng cố và phát triển sự đoàn kết và thống nhất của Đảng. Phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau.

Đảng ta là một Đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần *đạo đức cách mạng*, thật sự cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đày tớ thật trung thành của nhân dân.

ĐOÀN VIÊN VÀ THANH NIÊN ta nói chung là tốt, mọi việc đều hăng hái xung phong, không ngại khó khăn, có chí tiến thủ. Đảng cần phải chăm lo giáo dục *đạo đức cách mạng* cho họ, đào tạo họ thành những người thừa kế xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa "hồng" vừa "chuyên".

Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và rất cần thiết.

NHÂN DÂN LAO ĐỘNG ta ở miền xuôi cũng như ở miền núi, đã bao đời chịu đựng gian khổ, bị chế độ phong kiến và thực dân áp bức bóc lột, lại kinh qua nhiều năm chiến tranh.

Tuy vậy, nhân dân ta rất anh hùng, dũng cảm, hăng hái, cần cù. Từ ngày có Đảng, nhân dân ta luôn luôn đi theo Đảng, rất trung thành với Đảng.

Đảng cần phải có *kế hoạch* thật tốt để phát triển kinh tế và văn hoá, nhằm không ngừng *nâng cao đời sống của nhân dân*.

CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ có thể còn kéo dài. Đồng bào ta có thể phải hy sinh nhiều của, nhiều người. Dù sao chúng ta phải quyết tâm đánh giặc Mỹ đến thắng lợi hoàn toàn.

Còn non, còn nước, còn người,

Thắng giặc Mỹ, ta sẽ xây dựng hơn mười ngày nay!

Dù khó khăn gian khổ đến mấy, nhân dân ta nhất định sẽ hoàn toàn thắng lợi. Đế quốc Mỹ nhất định phải rút khỏi nước ta. Tổ quốc ta nhất định sẽ thống nhất. Đồng bào Nam Bắc nhất định sẽ sum họp một nhà. Nước ta sẽ có vinh dự lớn là một nước nhỏ mà đã anh dũng đánh thắng hai đế quốc to - là Pháp và Mỹ; và đã góp phần xứng đáng vào phong trào giải phóng dân tộc.

VỀ PHONG TRAO CỘNG SẢN THẾ GIỚI - Là một người suốt đời phục vụ cách mạng, tôi càng tự hào với sự lớn mạnh của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế bao nhiêu, thì tôi càng đau lòng bấy nhiêu vì sự bất hoà hiện nay giữa các đảng anh em!

Tôi mong rằng Đảng ta sẽ ra sức hoạt động, góp phần đắc lực vào việc khôi phục lại khối đoàn kết giữa các đảng anh em trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và chủ nghĩa quốc tế vô sản, có lý, có tình.

Tôi tin chắc rằng các đảng anh em và các nước anh em nhất định sẽ phải đoàn kết lại.

*

* *

VỀ VIỆC RIÊNG - Suốt đời tôi hết lòng hết sức phục vụ Tổ quốc, phục vụ cách mạng, phục vụ nhân dân. Nay dù phải từ biệt thế giới này, tôi không có điều gì phải hối hận, chỉ tiếc là tiếc rằng không được phục vụ lâu hơn nữa, nhiều hơn nữa.

Sau khi tôi đã qua đời, chớ nên tổ chức diếu phúng linh đình, để khỏi lãng phí thì giờ và tiền bạc của nhân dân.

*

* *

Cuối cùng, tôi để lại muôn vàn tình thân yêu cho toàn dân, toàn Đảng, cho toàn thể bộ đội, cho các cháu thanh niên và nhi đồng.

Tôi cũng gửi lời chào thân ái đến các đồng chí, các bầu bạn và các cháu thanh niên, nhi đồng quốc tế.

Điều mong muốn cuối cùng của tôi là: Toàn Đảng, toàn dân ta đoàn kết phấn đấu, xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới.

Hà Nội, ngày 10 tháng 5 năm 1969

Bản sao lưu trữ

BÀI NÓI CHUYỆN TẠI HỘI NGHỊ CÁN BỘ MIỀN NÚI*

Chính sách của Đảng và Chính phủ ta đối với miền núi là rất đúng đắn. Trong chính sách đó có hai điều quan trọng nhất là: *Đoàn kết dân tộc và nâng cao đời sống của đồng bào*. Cuộc vận động hợp tác hóa kết hợp với hoàn thành cải cách dân chủ là nhằm thực hiện tốt hai điều đó.

Về số người thì đồng bào miền núi chiếm 1 phần 5 tổng số nhân dân nước ta. Miền núi chiếm 2 phần 3 tổng số diện tích nước ta và có hơn 3.000 cây số biên giới. Tục ngữ ta có câu “Rừng vàng, biển bạc”, câu đó rất đúng. Miền núi có tài nguyên rất phong phú, có nhiều khả năng để mở mang nông nghiệp và công nghiệp. Những điểm đó nói rõ rằng miền núi có một địa vị cực kỳ quan trọng về kinh tế, chính trị và quốc phòng của cả nước ta.

Đồng bào miền núi có truyền thống can cù và dũng cảm. Trong thời kỳ cách mạng và kháng chiến, đồng bào miền núi đã có nhiều công trạng vẻ vang và oanh liệt. Ngày nay, trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh để thực hiện hòa bình thống nhất Tổ quốc, đồng bào miền núi đang cố gắng góp phần xứng đáng của mình.

Do sự cố gắng của đồng bào và cán bộ, cuộc vận động ấy đã thu được kết quả khá. Vài ví dụ:

Trước kia, miền núi thường bị đói kém, thường thiếu lương thực. Nay có nhiều vùng sản xuất lương thực đã tăng, đã biến thiếu lương thực thành đủ lương thực, biến đói thành no.

Trước kia, dưới chế độ thối nát của thực dân và phong kiến, hơn 95% nhân dân miền núi bị mù chữ. Nay nhờ sự săn sóc của Đảng và Chính phủ, đại đa số đồng bào đều biết đọc biết viết, nạn mù chữ gần được thanh toán. Đồng bào Thái, Tày, Nùng và Mèo đã có chữ của mình.

* Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 11, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr. 608.

Miền núi đã tiến bộ khá và có những kiểu mẫu tốt, như:

- *Hải Ninh* vừa chú trọng trồng lúa, vừa trồng hoa màu, cho nên vài năm nay chẳng những đã tự túc được lương thực, mà còn có lương thực bán vượt mức cho Nhà nước.

- *Khu tự trị Tây Bắc* phát triển chăn nuôi khá.

- Các huyện *Quý Châu* và *Nghĩa Đàn* (Nghệ An) làm nghề rừng khá.

- *Thái Nguyên* đã có 30 cơ sở công nghiệp địa phương và 67 hợp tác xã thủ công, phần nhiều để phục vụ nông nghiệp.

- *Hòa Bình* có sáng kiến tổ chức trường thanh niên xã hội chủ nghĩa, vừa lao động để tự túc, vừa học tập để trở nên cán bộ địa phương. Trường này, đang phát triển tốt.

Ở Đại hội anh hùng và chiến sĩ thi đua, trong số 50 hợp tác xã được tặng danh hiệu tiên tiến, thì có 16 hợp tác xã của miền núi. Trong số 9 hợp tác xã được tặng cờ thì có 2 hợp tác xã của miền núi là Cao Đa (Tây Bắc) và Tân Tiến (Thái Nguyên).

Hợp tác xã Cao Đa, mỗi xã viên mỗi năm bình quân làm được 170 ngày công, thu nhập mỗi người được gần 420 cân thóc. Hầu hết xã viên đều đã thoát nạn mù chữ.

Hợp tác xã Tân Tiến, vụ mùa năm ngoái mỗi mẫu tây thu được 2.900 cân thóc. Mỗi xã viên được chia hơn 770 cân thóc và gần 700 cân hoa màu. (Năm 1958 chưa có hợp tác xã, mỗi mẫu tây chỉ thu được 1.225 cân thóc).

Miền núi có 64 chiến sĩ thi đua nông nghiệp và 4 anh hùng là các đồng chí: Nguyễn Thị Khương (dân tộc Mường, Hòa Bình); Lò Văn Muôn (dân tộc Thái, Tây Bắc); Bàn Văn Minh (dân tộc Dao, Tây Bắc); Châu Vô Mủn (dân tộc Hán, Hải Ninh).

Trên đây là những người tốt, tập thể tốt, kinh nghiệm tốt mà đồng bào cần phải học tập và thi đua làm theo, để tiến bộ hơn nữa.

Bên những ưu điểm nói trên, miền núi cũng có những khuyết điểm và thiếu sót mà cán bộ và nhân dân cần phải kiên quyết sửa chữa, như:

- Việc chăn nuôi trâu bò và trồng cây công nghiệp là những nguồn lợi lớn cho nhân dân, nhưng phát triển còn chậm, cần đẩy mạnh hơn nữa.

- Nghề rừng phải có kế hoạch chu đáo, phải chấm dứt tình trạng khai thác bừa bãi như hiện nay.

- Về hợp tác xã, nhiều nơi quản lý chưa được tốt. Quản lý tốt thì hợp tác xã phát triển tốt và ngày càng củng cố. Quản lý kém thì xã viên không phấn khởi, không đoàn kết và hợp tác xã không phát triển được. Vì vậy phải ra sức cải tiến việc quản lý của các hợp tác xã. Ban quản trị phải thật dân chủ, thật công bằng, một lòng một dạ phục vụ lợi ích của xã viên và của hợp tác xã.

Quy mô hợp tác xã không nên quá to, quá to thì khó quản lý. Cũng không nên quá nhỏ, quá nhỏ thì sức người ít, khó phát triển. Nên tùy theo điều kiện mỗi địa phương, mỗi hợp tác xã, nhỏ thì độ 20 đến 30 hộ, to thì độ 50, 60 hộ. Như thế là vừa. Những nơi có nhiều dân tộc cùng trong một hợp tác xã thì phải đoàn kết chặt chẽ, đoàn kết tốt thì sản xuất mới tốt.

Các hợp tác xã của những đội vỡ hoang, từ miền xuôi đến, vì người đông hơn và tập trung hơn, cho nên quy mô có thể to hơn.

Các hợp tác xã vỡ hoang, các nông trường và lâm trường của Nhà nước, cần phải đoàn kết và giúp đỡ đồng bào địa phương, cần phải làm đúng chính sách của Đảng về vấn đề dân tộc.

Nhiệm vụ của chúng ta hiện nay là: động viên và lãnh đạo đồng bào miền núi ra sức tăng gia sản xuất và thực hành tiết kiệm, nhằm trong khoảng mười năm nữa (tức là hai kế hoạch 5 năm) sẽ đạt mục đích sau đây:

Nhân dân no ấm hơn, mạnh khỏe hơn.

Văn hóa sẽ cao hơn. Giao thông tiện lợi hơn.

Bản làng vui tươi hơn. Quốc phòng vững vàng hơn.

Phải làm gì để đạt mục đích đó?

Muốn đạt mục đích đó, chúng ta phải củng cố tốt và phát triển tốt các hợp tác xã của nhân dân, các nông trường và lâm trường của Nhà nước.

Phải phát triển nông nghiệp một cách toàn diện. Tùy điều kiện của mỗi địa phương mà trồng nhiều lúa và nhiều hoa màu để bảo đảm lương thực cho nhân dân và nghĩa vụ đối với Nhà nước.

Phải chọn giống tốt, dùng nhiều phân, kịp thời vụ. Phải đẩy mạnh việc cải tiến công cụ, chống xói mòn.

Phải đẩy mạnh ngành chăn nuôi, nghề rừng và phát triển cây công nghiệp.

Phải kết hợp chặt chẽ: công nghiệp địa phương, thủ công nghiệp và nông nghiệp; sản xuất và chế biến, thương nghiệp và giao thông.

Phải đề phòng sâu bệnh, thú rừng, châu chấu, v.v...

Phải phân phối cho tốt sức lao động ở địa phương và khuyến khích đồng bào miền xuôi lên vỡ hoang.

Phải chú trọng bình dân học vụ và bổ túc văn hóa.

Phải đẩy mạnh việc vệ sinh phòng bệnh, để giữ gìn sức khỏe của đồng bào.

Phải luôn luôn nâng cao tinh thần cảnh giác của nhân dân, giáo dục cho mọi người thấm nhuần tinh thần làm chủ và nghĩa vụ giữ gìn trật tự trị an, nghĩa vụ bảo vệ bản làng và Tổ quốc.

Về *lãnh đạo*. Miền núi đất rộng người thưa, tình hình vùng này không giống tình hình vùng khác. Vì vậy, áp dụng chủ trương và chính sách phải thật sát với tình hình thực tế của mỗi nơi. Tuyệt đối chớ rập khuôn, chớ máy móc, chớ nóng vội.

Luôn luôn nâng cao giác ngộ xã hội chủ nghĩa và lập trường giai cấp của đảng viên và đoàn viên. Ra sức bồi dưỡng cán bộ địa phương, cán bộ phụ nữ và cán bộ xã về mọi mặt.

Lãnh đạo phải có *quyết tâm*; phải đi đúng đường lối quân chúng, phải biến những nghị quyết của Đảng thành lực lượng của nhân dân.

Mỗi ngành, mỗi bộ ở Trung ương cần phải nhận rõ phần trách nhiệm đối với miền núi và chú trọng hơn nữa công tác ở miền núi.

Nghị quyết của Trung ương và của Hội nghị này đã nói rõ những việc cần phải làm. Bác chỉ tóm tắt nhắc lại mấy điều quan trọng.

Nhiệm vụ của cán bộ, đảng viên và đoàn viên thanh niên là phải làm *gương mẫu* trong mọi công tác, làm cho miền núi tiến kịp miền xuôi, thực hiện chính sách đoàn kết dân tộc và không ngừng nâng cao đời sống của đồng bào miền núi.

Bác mong các cô, các chú thi đua làm tròn nhiệm vụ vẻ vang đó. Ai có thành tích xuất sắc nhất thì sẽ được thưởng.

Mừng Hội nghị thành công và nhờ các đại biểu chuyển cho đồng bào, bộ đội, công an, dân quân và cán bộ miền núi lời chào thân ái của Trung ương Đảng, của Chính phủ và của Bác.

BÀI NÓI CHUYỆN TẠI ĐẠI HỘI LẦN THỨ III CỦA HỘI NHÀ BÁO VIỆT NAM*

Bác thay mặt Trung ương Đảng và Chính phủ thân ái chào các đại biểu.

Bây giờ Bác lấy tư cách một đồng chí có ít nhiều kinh nghiệm về báo chí, nêu ra vài ý kiến sau đây:

Từ ngày hòa bình được lập lại, cán bộ báo chí, thông tin và đài phát thanh đã có cố gắng nhiều và tiến bộ khá.

Số báo chí cũng đã tăng rất nhiều, tỉnh nào cũng có báo, nhiều ngành cũng có báo. Hiện nay, đã có hơn 150 tờ báo các loại. Theo ý tôi thì tăng hơi nhiều quá. Từ nay, cần phải nâng cao hơn nữa *chất lượng* của báo chí để nó làm tròn nhiệm vụ cao cả của nó. Những *Nghị quyết* của Trung ương Đảng đã nói rõ về điều đó. Nay tôi chỉ nói tóm tắt vài điểm.

Nhiệm vụ của báo chí là phục vụ nhân dân, phục vụ cách mạng.

Hiện nay, ở *miền Bắc* nhiệm vụ của chúng ta là: phát triển kinh tế và văn hóa, nâng cao đời sống của nhân dân, củng cố quốc phòng, xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Đối với *miền Nam*, chúng ta có nhiệm vụ ủng hộ đồng bào ruột thịt đang đoàn kết chặt chẽ, anh dũng đấu tranh chống bọn Mỹ xâm lược và bọn Diệm bán nước; đấu tranh giành cơm áo, tự do và hòa bình thống nhất Tổ quốc. Trên *thế giới*, nhiệm vụ của chúng ta là tăng cường đoàn kết trong đại gia đình xã hội chủ nghĩa; ra sức ủng hộ phong trào giải phóng dân tộc ở các nước châu Á, châu Phi và châu Mỹ Latinh; đấu tranh cho hòa bình thế giới, cấm vũ khí nguyên tử và giải trừ quân bị.

* Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 11, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr. 613.

Đó là nhiệm vụ chung của toàn Đảng, toàn dân ta, cũng là nhiệm vụ chính của báo chí ta.

*
* *

Phê bình và tự phê bình là vũ khí rất cần thiết và rất sắc bén, nó giúp chúng ta sửa chữa sai lầm và phát triển ưu điểm. Vì khéo lợi dụng nó mà Đảng ta và dân ta ngày càng tiến bộ. Đối với báo chí cũng vậy.

Phê bình phải nghiêm chỉnh, chắc chắn, phụ trách, nói có sách mách có chứng.

Phải phê bình với tinh thần thành khẩn, xây dựng, "trị bệnh cứu người". Chớ phê bình lung tung không chịu trách nhiệm.

Những người (bất kỳ ở địa vị nào) và những cơ quan *được phê bình* phải có thái độ thật thà, khiêm tốn. Phê bình đúng, thì phải đăng báo nhận khuyết điểm và quyết tâm sửa chữa. *Nếu phê bình sai*, thì đăng báo giải thích. Quyết không được "phốt" lời phê bình và "trù" người phê bình.

Có một vài cán bộ và cơ quan, vì sợ phê bình mà chẳng những không giúp đỡ người viết báo lại còn có thái độ không tốt với họ, thậm chí đi kiện họ trước tòa án. Những hành động như vậy cần phải chấm dứt. Mặt khác, các báo cũng cần khuyết khích quần chúng giúp ý kiến và phê bình báo mình để tiến bộ mãi.

Sẵn đây, nếu các cô, các chú đồng ý, thì Bác xung phong *phê bình các báo*.

- Bài báo thường quá dài, "dây cà ra dây muống", không hợp với trình độ và thời giờ của quần chúng.

- Thường nói một chiều và đôi khi thổi phồng các thành tích, mà ít hoặc không nói đúng mức đến khó khăn và khuyết điểm của ta.

- Đưa tin tức hấp tấp, nhiều khi thiếu thận trọng.

- Thiếu cân đối, tin nên dài thì viết ngắn, nên ngắn lại viết dài; nên để sau ta để trước, nên trước lại để sau.

- Lộ bí mật.

- Có khi quá lộ bịch.

- Khuyết điểm nặng nhất là dùng chữ nước ngoài quá nhiều và nhiều khi dùng không đúng.

Đời sống xã hội ngày càng phát triển và đổi mới. Có những chữ ta không có sẵn và khó dịch đúng, thì cần phải mượn chữ nước ngoài. Ví dụ: Độc lập, Tự do, Giai cấp, Cộng sản, v.v... Còn những tiếng ta có, vì sao không dùng, mà cũng mượn chữ nước ngoài? Ví dụ:

Không gọi xe lửa mà gọi "hỏa xa"; máy bay thì gọi là "phi cơ". Nhà nước, hoặc nước nhà thì gọi là "quốc gia", đường lớn thì gọi là "đại lộ", vẻ vang - "quang vinh", giúp nhau - "hỗ trợ". Và có hàng vạn cái mượn như vậy.

Tiếng nói là thứ của cải vô cùng lâu đời và vô cùng quý báu của dân tộc. Chúng ta phải giữ gìn nó, quý trọng nó, làm cho nó phổ biến ngày càng rộng khắp. Của mình có mà không dùng, lại đi mượn của nước ngoài, đó chẳng phải là đầu óc quen ỷ lại hay sao?

Báo chí của ta đã có *một địa vị quan trọng* trong dư luận thế giới. Dịch rất chú ý, bạn rất quan tâm đến báo chí ta. Cho nên làm báo phải hết sức cẩn thận về hình thức, về nội dung, về cách viết.

Ngoài những đồng chí đã làm báo trong những năm cách mạng và kháng chiến, số đông cán bộ báo chí ta đều mới vào nghề, vì thế mà kinh nghiệm còn ít, trình độ chưa cao. Muốn tiến bộ, muốn viết hay, thì phải cố gắng học hỏi, ra công rèn luyện. Kinh nghiệm của tôi là thế này: Mỗi khi viết một bài báo, thì tự đặt câu hỏi:

Viết cho ai xem?

Viết để làm gì?

Viết thế nào cho phổ thông dễ hiểu, ngắn gọn dễ đọc?

Khi viết xong, thì nhờ anh em xem và sửa giùm.

Chớ tự ái, tự cho bài của mình là "tuyệt" rồi. Tự ái tức là tự phụ, mà tự phụ là kẻ địch dữ tợn nó ngăn chặn con đường tiến bộ của chúng ta.

Hiện nay, các báo thường có *ảnh và tranh vẽ*. Đó là một tiến bộ nhưng ảnh thì thường lèm nhèm, vẽ thì chưa khéo lắm. Cần phải cố gắng nhiều hơn nữa.

*
* *

Cán bộ báo chí cũng là chiến sĩ cách mạng. Cây bút, trang giấy là vũ khí sắc bén của họ. Để làm tròn nhiệm vụ vẻ vang của mình, cán bộ

báo chí cần phải tu dưỡng *đạo đức cách mạng*, "cố gắng trau dồi tư tưởng, nghiệp vụ và văn hóa; chú trọng học tập chính trị để nắm vững chủ trương, chính sách của Đảng và Chính phủ; đi sâu vào thực tế, đi sâu vào quần chúng lao động". (*Nghị quyết* của Bộ Chính trị, 8-12-1958).

Lời ngắn, ý dài. Cuối cùng chúc các cô, các chú:

Đoàn kết, phấn khởi, cố gắng và tiến bộ!

Bản sao lưu trữ

BÀI NÓI CHUYỆN VỚI NHỮNG CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN HOẠT ĐỘNG LÂU NĂM*

Chúng tôi, đồng chí Khai và hai đồng chí Ủy viên Trung ương ở địa phương là đồng chí Đồng và đồng chí Mân, rất sung sướng thay mặt Trung ương Đảng đến thăm các đồng chí.

Nhân đây, tôi xin nhắc lại mấy điều:

Đảng ta là Đảng chỉ có một điều là phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân, phục xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa. Ngoài ra, không còn có lợi ích nào khác. Trong thời kỳ cách mạng bí mật, thời kỳ kháng chiến, có nhiều đồng chí hy sinh cực kỳ anh dũng. Có đồng chí phải xa nhà xa cửa, xa vợ xa con, bị địch bắt, ít ra cũng bị tù đầy, thường khi bị xử tử là khác. Có đồng chí theo đuổi cách mạng, hoạt động từ đầu đến cuối, khi Đảng giao việc gì, bảo việc gì đều làm nấy, không kể sang hèn, địa vị cao thấp; không có việc gì khó Đảng giao mà không làm. Đó là những anh hùng. Có đồng chí từ năm 1930 đến nay vẫn cứ đeo đuổi cách mạng, không đòi hỏi gì cho gia đình và cho cá nhân cả. Đó là những người con ưu tú của Đảng, của cách mạng. Ngoài lợi ích của nhân dân, Đảng không có lợi ích nào khác. Lúc khổ sở, khó khăn thì đảng viên ta đi trước, khi sướng thì đảng viên ta hưởng sau. Các đồng chí ở đây có biết chữ Trung Quốc không? Chắc các đồng chí đều hiểu câu: "Tiên thiên hạ chi ưu nhi ưu, hậu thiên hạ chi lạc nhi lạc"¹, chớ không phải: "Tiên thiên hạ chi lạc nhi lạc, hậu thiên hạ chi ưu nhi ưu". Hiểu cả chứ?

Cũng vì vậy, Đảng ta, mặc dù bị những cơn khủng bố ác liệt, có khi bị tan rã, nhưng Đảng vẫn ngày càng mạnh. Đảng là gì? Đảng là mỗi

* Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 11, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr. 462.

1. Nghĩa là: Lo thì lo trước mọi người, vui thì vui sau mọi người.

chúng ta. Đảng lớn lên là do mỗi chúng ta lớn lên. Hiện bây giờ Đảng ta đang ngày càng lớn lên, nếu chỉ có đồng chí già thôi, Đảng ta chỉ có từng này thôi, thì cách mạng, kháng chiến có làm được không? Vậy cần phải có đồng chí trẻ. Đảng ta quang minh chính đại. Đảng ta như thế, đảng viên cũng phải như thế. Đảng ta lớn như thế, ta phải hiểu.

Các đồng chí già là rất quý, là gương bên bỉ đấu tranh, dìu dắt, bồi dưỡng, đào tạo thêm đồng chí trẻ. Đồng chí già phải giúp đỡ cho đồng chí trẻ tiến bộ. Như thế đòi hỏi ở đồng chí già phải có thái độ độ lượng, dìu dắt đồng chí trẻ. Đó cũng là một tiêu chuẩn đạo đức cộng sản chủ nghĩa.

Công việc ngày càng nhiều. Trước đây, Đảng ta tổ chức đánh Tây, đánh Nhật rất gian nan cực khổ. Nhưng so với trước, công việc bây giờ khó khăn hơn, to lớn hơn, phức tạp hơn. Bây giờ, Đảng ta phải làm nhiều chuyện: Xây dựng nhà máy, xây dựng hợp tác xã; làm sao cho người nông dân, người công nhân ăn no, mặc ấm; làm sao cho nước càng ngày càng mạnh, dân càng ngày càng giàu. Ngày nay làm cả việc chống trời nữa.

- Làm thủy lợi có phải chống trời không?

- Diệt sâu có phải chống trời không?

Dân không đủ muối, Đảng phải lo. Dân không có gạo ăn đủ no, dân không có vải mặc đủ ấm, Đảng phải lo. Các cháu bé không có trường học, Đảng phải lo. Tôi lo chuyện này lắm: các cháu mất choẹt, da búng. Tất cả mọi việc, Đảng phải lo. Việc xây dựng chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản, đấu tranh giành thống nhất nước nhà, Đảng phải lo. Ngay đến cả tương, cà, mắm, muối của dân, Đảng đều phải lo. Nay tổ chức hợp tác xã, Đảng cũng phải lo sao cho tốt. Các đồng chí phải làm việc rất nhiều. Đảng ngày càng cần nhiều cán bộ. Đảng viên bất kỳ làm gì cũng phải gương mẫu. Ta làm nhà máy, tuy có các đồng chí Liên Xô, Trung Quốc và các nước trong phe xã hội chủ nghĩa giúp đỡ, nhưng cũng cần phải có cán bộ trẻ. Có nhiều chuyện trước không có, bây giờ phải làm, như xem thiên văn để biết gió bão, tin cho máy bay đi, báo cho thuyền đánh cá ngoài biển, v.v... Những việc đó các đồng chí có làm được không? Không làm được. Vì phải học, mà học thì rất khó khăn, tinh vi, cần phải có lớp trẻ. Một cái máy tính, một giây đồng hồ làm được hàng ngàn phép toán, không phải cộng, trừ, nhân, chia thông thường. Ta phải học toán. Toán rất cao. Bà con thường nghe nói Liên Xô bắn tên lửa trúng đích và xa

một vạn hai ngàn cây số. Xa lắm, không thấy đâu, phải có tính toán giỏi mới trúng đích. Những cái đó, bảo chúng mình làm, thì không làm được đâu. Hay như con tàu vũ trụ bay cao hơn 300 cây số, lại bay vòng quanh quả đất, đồng chí đầu bay một vòng rồi trở về; đồng chí thứ hai bay 17 vòng cũng trở về an toàn. Bây giờ bảo chúng mình bay, có bay được không? Lộn nhào được mấy vòng thì có gì trong ruột đều nôn ra hết.

Vì vậy, Đảng nói: cần cán bộ già, đồng thời rất cần nhiều cán bộ trẻ. Các đồng chí già đánh Tây. Đánh Tây là dọn đường. Nhưng không thể nạnh kẻ: chúng tôi vác cuốc, vác cào làm đường, già rồi mà chưa được đi xe, các anh mới lớn lên đã được đi xe. Thế là nạnh người đi xe. Có đúng không? Sau này đến chủ nghĩa cộng sản, bọn trẻ còn đi xe sướng hơn nữa kia. Già có việc già, trẻ có việc trẻ. Tục ngữ có câu "măng mọc quá pheo". Măng mọc sau, mà tốt hơn tre đấy. Không lẽ ta ngồi nói: "Măng, sao mà mọc quá tao?".

Công việc ngày càng nhiều, càng mới. Một mặt, Đảng phải đào tạo, dìu dắt đồng chí trẻ. Một mặt, đảng viên già phải cố gắng mà học.

Tôi năm nay 71 tuổi, ngày nào cũng phải học. Việc lớn, việc nhỏ, tôi phải tham gia. Công việc cứ tiến mãi. Không học thì không theo kịp, công việc nó sẽ gạt mình lại phía sau. Chúng ta là đảng viên già, hiểu biết của chúng ta hồi 30 tuổi so với sự hiểu biết của lớp trẻ bây giờ, kể cả ở Liên Xô, Trung Quốc, thì chúng mình dốt lắm. Tôi cũng dốt lắm. Một cháu bé bây giờ đã nghe nói đến vệ tinh, biết nghe radiô. Tôi và các đồng chí hồi đó không biết. Trước đây, có đồng chí nào biết radiô không? Tôi cũng chưa biết. Thế mà các cháu bé bây giờ đã biết. Nếu thế hệ già khôn hơn thế hệ trẻ thì không tốt. Thế hệ già thua thế hệ trẻ mới là tốt. Các cháu không hơn là bệt. Bệt là không tốt. Người ta thường nói: "Con hơn cha là nhà có phúc". Ta hiểu như thế, nhưng không có tư tưởng thụt lùi, nạnh kẻ: tao làm cách mạng già đời không được gì. Nó mới vào, mà Bộ trưởng, Thứ trưởng, Chủ tịch, Chủ nhiệm, v.v...

Bây giờ, tôi sang phần thứ hai. Đây là những điểm nhỏ, tôi gom góp, nói để các đồng chí rõ:

- Có đồng chí nói thế này: đưa lớp trẻ vào mới làm được việc. Nhưng thâm tâm lại mong muốn là con cháu của mình kia.

Con cháu mình là ai? Con cháu mình là tất cả, là thanh niên Việt Nam. Chứ không phải như thời phong kiến: Cha làm quan, con là cậu

ám. Con mình xấu thì đề bạt sao được. Đảng là Đảng của giai cấp, của nhân dân, của thế giới, chứ không riêng cho con cháu mình.

- Có đồng chí nói: Tôi làm cách mạng nhiều năm, sao nay cứ làm ở xã thôi? Lại có người nói: Sao Đảng lại không đề bạt tôi lên cao hơn nữa?

Cái đó không đúng. Việc của dân, của nước việc gì có ích cho xã hội là làm. Đảng không thiên tư, thiên vị. Không biết các đồng chí có hiểu không? Làm Chủ tịch nước mệt lắm. Trăm việc đều phải lo. Trời mưa, trời nắng, gió bão, v.v... chưa ai lo, mình đã phải lo, các cháu choẹt mắt, chưa ai lo, mình đã phải lo. Trước người ta thường nói: "Thiên tử nhất nhật vạn cơ"¹. Thực ra thì "thiên tử" không có "cơ" gì đâu. Bây giờ làm Chủ tịch, không phải "thiên tử" nhưng lại phải lo mọi việc. Có đồng chí tưởng là làm Chủ tịch, Bộ trưởng mới sướng. Đồng chí nào làm ở hợp tác xã, làm tốt là anh hùng. Bộ trưởng mà không làm tròn nhiệm vụ là tồi. Cho làm việc ở xã là hèn thì không đúng. Vì Đảng ta còn cần nhiều cán bộ làm hợp tác xã tốt. Hợp tác xã tốt là làm cho dân giàu, nước mạnh.

Cũng có một số đồng chí hoạt động không tích cực, nói mình già, yếu, mệt, nhưng lại trách Đảng, trách nhân dân, trách phong trào sao lại không đưa mình lên. Cái đó không nên. Đó là mắc bệnh công thân. Mình mới làm nên một chút đã cho bằng trời rồi. Đảng không đưa mình lên thì mình tìm cách dim đảng viên trẻ mới đề bạt lên. Đảng rất quý, rất trọng các đồng chí già, nhưng Đảng cũng rất cần nhiều cán bộ trẻ để làm những việc mà đảng viên già không làm được. Tôi cũng là một trong những đồng chí già. Tôi có lái được xe không? Không, phải nhờ đồng chí trẻ. Muốn học lái xe thì phải học các đồng chí trẻ. Chớ có nói: Sao mình không được đi, nó lại được đi xe.

- Có đồng chí nói: có những thành phần không tốt, khi trước nó phản cộng sản, nay nó được đề bạt; mình trung thành với cách mạng thì không được chú ý.

Không đúng. Cố nhiên, một đôi lúc các ban tổ chức địa phương hay trung ương không cẩn thận. Đó là nhầm. Nhưng bất kỳ ai, có khả năng, đủ tiêu chuẩn, cần cho nhu cầu của cách mạng là phải dùng. Ví dụ: giữa hai đứa con của người trong Đảng và người ngoài Đảng, con của đồng chí mình thì kém, dốt hơn, con của người ngoài Đảng thì thông minh, ngoan

1. Thiên tử nhất nhật vạn cơ: Một ngày vua có vạn mưu kế.

ngoãn hơn. Vậy thì ta nên đưa ai đi? Con của người ngoài Đảng hay con của người trong Đảng? Đảng ta là Đảng của giai cấp, đồng thời cũng là của dân tộc, không thiên tư, thiên vị. Đảng không lo riêng cho một đồng chí nào hết. Đảng lo việc cho cả nước. Đó là chính sách cán bộ.

*
* *

Khi cách mạng thành công, cả Đông Dương - bao gồm cả Việt, Miên, Lào - chỉ có trong ngoài 5.000 đảng viên. Bây giờ, riêng Nghệ An có 53.000 đảng viên, thế là hơn 10 lần. Nếu Đảng ta không biết chọn lọc, kết nạp, đề bạt đồng chí mới thì đâu có như ngày nay. Kháng chiến bị hy sinh đi một số, nếu Đảng không biết huấn luyện, đào tạo, cất nhắc thì làm sao mà có như ngày nay. Chỉ có 5.000 đảng viên mà làm nổi cờ, nổi trống, cách mạng thành công. Bây giờ Nghệ An có 53.000 đảng viên, lại có 5 vạn - vì đoàn viên thanh niên lao động Nghệ An còn ít - đoàn viên thanh niên lao động. Vậy là có 10 vạn cán bộ cách mạng, mà không làm cho Nghệ An thành một tỉnh gương mẫu, không làm nổi cờ, nổi trống lên thì thế nào? Có xấu hổ không? Các đồng chí già nghĩ thế nào? Đồng chí trẻ nghĩ thế nào? Đồng bào Nghệ An nghĩ thế nào?

Trước đây, tù đày, chết chóc, càng làm càng nguy hiểm mà vẫn làm. Bây giờ, làm cho mình ăn, mình mặc, càng làm càng no ấm mà không làm được à?

Nói chung, các đồng chí vì không hiểu, nên có những tư tưởng phức tạp trên. Nhất là bệnh công thân, cho rằng không ai giỏi bằng ta, không ai làm bằng ta. Các đồng chí giúp nhau tiêu diệt tư tưởng ấy đi. Trước chưa hiểu, nay hiểu rồi thì phải sửa đổi.

Đại đa số các đồng chí hiện nay đang tích cực hoạt động theo khả năng của mình, cần phải cố gắng tích cực hơn nữa. Những đồng chí được đề bạt vào các cấp cũng cần chú ý mà học tập, đừng cho mình già rồi mà tiêu cực. Tôi đi thăm một nông trường ở Liên Xô, có 3 cụ: một cụ 140 tuổi, một cụ 110 tuổi, một cụ 105 tuổi mà vẫn đang hoạt động trong nông trường. Tôi hỏi: Sao các cụ không nghỉ đi thôi? Các cụ nói: Chúng tôi không nghỉ, còn làm được gì thì làm. Cụ cao tuổi nhất mà còn nhảy múa giỏi, cưỡi ngựa giỏi, bắn giỏi. So với các cụ ấy, thì chúng mình đây đang còn thanh niên cả.

Nay chúng ta có hai nhiệm vụ:

1- Bất kỳ Đảng giao cho việc gì, nhân dân giao cho việc gì, phải cố gắng làm tròn nhiệm vụ.

2- Đào tạo thanh niên cho họ làm việc hơn mình, không nên nạnh kệ.

Mặt khác, thanh niên phải biết công lao các đồng chí già, phải thấy các đồng chí già đã trải qua phong ba bão táp, có kinh nghiệm, thanh niên phải học tập. Có số thanh niên tưởng xây dựng chủ nghĩa xã hội ngày nay là trên trời rơi xuống, không biết sự gian nan, cực khổ cũ. Các đồng chí già phải kể lại cho họ nghe. Đó là một cách giáo dục thanh niên. Cố gắng mà dìu dắt thanh niên; không nên công thần, không nên tiêu cực. Đó là hai tư tưởng xấu. Một người cách mạng hoạt động và học tập cho đến phút cuối cùng, không bao giờ tiêu cực. Các đồng chí có tán thành không?

- Có đồng chí xin biểu báo *Học tập*. Báo cũng là một ngành kinh tế. Nó làm công tác giáo dục, nhưng là kinh tế. Có phải nuôi người viết không? Có phải mua giấy, mua mực không? Một người mua không được thì 5, 7 người góp nhau lại mua. Nếu biểu thì biểu ai? Ở đây có bao nhiêu người? Biểu người này, không biểu người kia thì không được, mà biểu cả 900 người thì nay mai không có báo *Học tập* nữa. Nó sập tiệm mà.

- Còn vấn đề lo cho con cháu của các đồng chí. Cái đó là đúng. Nhưng, nếu là con tôi - à, tôi không có con - mà nó không có khả năng, nó xấu cũng phải dẹp lại. Không phải hễ cứ bố là cán bộ thì con là "cậu ấm". Bố có việc của bố, con có việc của con. Cố nhiên, con của những đồng chí đã mất đi, Đảng phải lo. Nhưng nếu bố mẹ nó đang còn, nó xấu, mà đòi hỏi đặc biệt chú ý, thì chú ý cái gì?

- Về việc đề bạt vào các cấp lãnh đạo. Cấp nào là cấp lãnh đạo? Cấp nào là không lãnh đạo? Hợp tác xã có phải là lãnh đạo không? Đội lao động có phải là lãnh đạo không? Xã có lãnh đạo, huyện có lãnh đạo, tỉnh có lãnh đạo. Chỉ sợ mình không có chí khí, chỉ lo mình không có sức mà lãnh đạo. Nói Đảng cất nhắc là thế nào. Đảng là dân chủ, do dưới bầu lên. Các đồng chí trong chi bộ bầu, cấp trên chuẩn y. Cấp trên không có quyền bầu.

Trong lãnh đạo cần có già, có trẻ. Công việc ngày càng mới. Càng về sau này, càng nhiều cái mới, càng ít cái cũ. Con người ta đẻ ra, ai cũng

lớn lên, già đi, rồi chết. Chết rồi thì bảo người ta bầu làm sao được. Có người nay còn lãnh đạo đó, nhưng sau này tiến lên máy móc, nếu không biết kỹ thuật, có lãnh đạo được không? Nếu không biết, phải mời anh ra, cho người khác giỏi hơn vào làm... chứ không phải như ngày xưa mà tưởng rằng: "sống lâu lên lão làng".

Cố nhiên, đối với các đồng chí già, đồng chí trẻ phải có những hành động tỏ rõ lòng tôn trọng của mình, như đi xem văn công đều phải mua vé cả, nhưng mời đồng chí già, nhiều tuổi ngồi trên hay nhường chỗ. Nhưng cũng không phải là "xuân thu lương kỳ"¹ để đồng chí già lên kiệu mà khiêng đi. Nếu làm như thế thì thật là vô lý.

Hôm nay, tôi rất sung sướng gặp các đồng chí, nói lên mấy ý kiến, mong các đồng chí trao đổi. Chúc các đồng chí mạnh khỏe, vui vẻ, phấn chấn, tiến lên mãi mãi.

1. *Xuân thu lương kỳ*: Một năm có hai mùa Xuân, Thu định sẵn, ở đây hiểu là: Những việc làm có tính công thức, thường xuyên, hàng năm.

CHỖ KIÊU NGẠO, PHẢI KHIÊM TỐN*

Bệnh cá nhân chủ nghĩa đẻ ra bệnh kiêu ngạo.

Kiêu ngạo là: khi công tác có ít nhiều thành tích, ít nhiều thắng lợi, thì lên mặt anh chị, lên mặt công thần. Rồi đối với việc *học tập* thì lười biếng, không ra sức nâng cao trình độ của mình. Trong *công tác* thì xem thường nhân dân, xa rời quần chúng. Ở *trong Đảng* thì không thực hiện chế độ dân chủ tập trung, không tuân theo nguyên tắc tập thể lãnh đạo. Phớt kỷ luật và chính sách của Đảng và của Chính phủ. Khinh rẻ ý kiến của cấp dưới. Xem thường chỉ thị của cấp trên. Không muốn chịu kiểm tra, không muốn nghe phê bình. Thân với những kẻ xu nịnh tâng bốc mình. Xa tránh những người tính trực nói thẳng...

Kết quả của bệnh kiêu ngạo là: thoái bộ, xuống dốc, rồi đi đến bất mãn, hủ hóa.

Sự nghiệp cách mạng là sự nghiệp của toàn Đảng, của nhân dân lao động, chứ không phải của anh hùng cá nhân. Công việc kháng chiến kiến quốc ngày càng nhiều, càng to, càng mới. Đại đa số chúng ta thì trình độ còn thấp, kinh nghiệm còn ít. Chúng ta phải cố gắng làm, cố gắng học, cố gắng tiến bộ mãi.

Có như thế mới làm trọn nhiệm vụ mà nhân dân giao phó cho chúng ta.

Chúng ta phải tuyệt đối chống bệnh kiêu ngạo, *phải luôn luôn khiêm tốn*. Mọi *công tác* phải dựa hẳn vào quần chúng, hoan nghênh quần chúng đôn đốc và kiểm tra. Trong đoàn thể thì phải giữ vững dân chủ tập trung, tập thể lãnh đạo, phải mở rộng tự phê bình và phê bình, *nhất là phê bình từ dưới lên trên*. Có như vậy mới tiến bộ chung, tiến bộ mãi.

Thế là *khiêm tốn*. Khiêm tốn là một đạo đức mà mọi người cách mạng phải luôn luôn trau dồi.

* Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 7, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr. 295.

NÂNG CAO ĐẠO ĐỨC CÁCH MẠNG QUÉT SẠCH CHỦ NGHĨA CÁ NHÂN*

Nhân dân ta thường nói: đảng viên đi trước, làng nước theo sau. Đó là một lời khen chân thành đối với đảng viên và cán bộ chúng ta.

Trải qua 39 năm đấu tranh oanh liệt, làm Cách mạng tháng Tám thành công, kháng chiến lần thứ nhất thắng lợi và ngày nay vừa chiến đấu chống Mỹ, cứu nước, vừa xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, nhân dân ta tin tưởng rằng: Đảng ta lãnh đạo rất sáng suốt, đã đưa dân tộc ta tiến lên không ngừng từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Trong lịch sử đấu tranh của Đảng và trong mọi hoạt động hằng ngày, nhất là trên mặt trận chiến đấu và sản xuất, rất nhiều cán bộ, đảng viên ta tỏ ra anh dũng, gương mẫu, gian khổ đi trước, hưởng thụ đi sau và đã làm nên những thành tích rất vẻ vang.

Đảng ta đã đào tạo một thế hệ thanh niên cách mạng, gái cũng như trai, rất hăng hái, dũng cảm trong mọi công tác.

Đó là những bông hoa tươi thắm của chủ nghĩa anh hùng cách mạng. Nhân dân ta và Đảng ta rất tự hào có những người con xứng đáng như thế.

Song bên cạnh những đồng chí tốt ấy, còn có một số ít cán bộ, đảng viên mà đạo đức, phẩm chất còn thấp kém.

Họ mang nặng *chủ nghĩa cá nhân*, việc gì cũng nghĩ đến lợi ích riêng của mình trước hết. Họ không lo "mình vì mọi người" mà chỉ muốn "mọi người vì mình".

Do *cá nhân chủ nghĩa* mà ngại gian khổ, khó khăn, sa vào tham ô, hủ hóa, lãng phí, xa hoa. Họ tham danh trục lợi, thích địa vị quyền

* Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 12, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr. 438.

hành. Họ tự cao tự đại, coi thường tập thể, xem khinh quần chúng, độc đoán, chuyên quyền. Họ xa rời quần chúng, xa rời thực tế, mắc bệnh quan liêu mệnh lệnh. Họ không có tinh thần cố gắng vươn lên, không chịu học tập để tiến bộ.

Cũng do *cá nhân chủ nghĩa* mà mất đoàn kết, thiếu tính tổ chức, tính kỷ luật, kém tinh thần trách nhiệm, không chấp hành đúng đường lối, chính sách của Đảng và của Nhà nước, làm hại đến lợi ích của cách mạng, của nhân dân.

Tóm lại, do *cá nhân chủ nghĩa* mà phạm nhiều sai lầm.

Để làm cho tất cả cán bộ, đảng viên xứng đáng là những chiến sĩ cách mạng, Đảng ta phải ra sức tăng cường giáo dục toàn Đảng về lý tưởng cộng sản chủ nghĩa, về đường lối, chính sách của Đảng, về nhiệm vụ và đạo đức của người đảng viên. Phải thực hành phê bình và tự phê bình nghiêm chỉnh trong Đảng. Phải hoan nghênh và khuyến khích quần chúng thật thà phê bình cán bộ, đảng viên. Chế độ sinh hoạt của chi bộ phải nghiêm túc. Kỷ luật của Đảng phải nghiêm minh. Công tác kiểm tra của Đảng phải chặt chẽ.

Mỗi cán bộ, đảng viên phải đặt lợi ích của cách mạng, của Đảng, của nhân dân lên trên hết, trước hết. Phải kiên quyết *quét sạch chủ nghĩa cá nhân, nâng cao đạo đức cách mạng*, bồi dưỡng tư tưởng tập thể, tinh thần đoàn kết, tính tổ chức và tính kỷ luật. Phải đi sâu đi sát thực tế, gần gũi quần chúng, thật sự tôn trọng và phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân. Phải cố gắng học tập, rèn luyện, nâng cao trình độ hiểu biết để làm tốt mọi nhiệm vụ.

Đó là một cách thiết thực để kỷ niệm ngày thành lập Đảng ta, Đảng vĩ đại của giai cấp công nhân và nhân dân anh hùng của chúng ta. Đó cũng là một việc làm cần thiết để giúp tất cả cán bộ, đảng viên đều tiến bộ, góp sức nhiều hơn nữa cho sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước toàn thắng và xây dựng chủ nghĩa xã hội thành công.

ĐOÀN KẾT TIẾN LÊN GIÀNH THẮNG LỢI MỚI¹

Mồng 3 tháng 2 năm nay là ngày chúc mừng 33 tuổi của Đảng thân yêu và vĩ đại của chúng ta.

Trong 33 năm đó, Đảng ta đã trải qua nhiều phen thử thách gian nan, đã tiến hành những cuộc đấu tranh anh dũng và đã thu được nhiều thắng lợi vẻ vang.

Đảng ta từ mấy nhóm người cách mạng lẻ tẻ trở nên một đội tiên phong hùng mạnh gồm hơn 50 vạn đảng viên.

Đảng ta như biển cả non cao,

Băm ba năm ấy biết bao nhiêu tình!

Hiện nay, cách mạng xã hội chủ nghĩa đã thắng lợi to lớn ở miền Bắc. Chế độ bóc lột đã bị xóa bỏ. Nhân dân lao động đã trở thành người chủ tập thể của nước nhà. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, phong trào thi đua yêu nước sôi nổi khắp nơi, nhân dân ta đang hăng hái tiến lên, dũng cảm phấn đấu, vượt mọi khó khăn, để xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp và công nghiệp, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần. Mỗi người đều hiểu rằng: Tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm, xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, chẳng những là vì hạnh phúc của đồng bào ta ở miền Bắc mà còn vì cuộc đấu tranh thân thánh của toàn dân ta để hòa bình thống nhất nước nhà.

Hơn tám năm qua, đồng bào ta ở miền Nam luôn luôn anh dũng đấu tranh chống chế độ tàn bạo của Mỹ - Diệm. Dù gian khổ hy sinh, cuộc đấu tranh yêu nước vô cùng oanh liệt của đồng bào miền Nam đã

* Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 12, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr. 21.

1. Bài viết nhân dịp kỷ niệm lần thứ 33 ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

thu được nhiều thắng lợi vẻ vang, nêu cao truyền thống anh hùng của dân tộc.

Nhân dân ta hiểu rõ rằng: trong cuộc đấu tranh cách mạng của mình, chúng ta luôn luôn được sự đồng tình và ủng hộ của các nước anh em trong phe xã hội chủ nghĩa, nhất là Liên Xô và Trung Quốc, của các dân tộc đang đấu tranh giành độc lập, tự do và của nhân dân yêu chuộng hòa bình toàn thế giới. Mỗi thắng lợi của cách mạng trên thế giới đều thúc đẩy cách mạng Việt Nam tiến lên. Đồng thời, mỗi thắng lợi của cách mạng Việt Nam cũng góp sức đẩy mạnh cách mạng thế giới. Đoàn kết là sức mạnh, đoàn kết là thắng lợi. Bởi vậy, Đảng ta và nhân dân ta vô cùng quý trọng và luôn luôn cố gắng góp phần bảo vệ tình đoàn kết quốc tế vĩ đại.

Chúng ta đã thu được nhiều thắng lợi. Nhưng con đường cách mạng còn dài. Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và sự nghiệp đấu tranh thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà còn nhiều khó khăn, phức tạp. Chúng ta đã xây dựng được quan hệ sản xuất mới, bước đầu phát triển nông nghiệp và công nghiệp. Nhưng nền kinh tế của ta vẫn còn nghèo. Nước ta còn bị chia cắt, đế quốc Mỹ và bọn tay sai đang giày xéo miền Nam thân yêu của chúng ta. Tình hình ấy đòi hỏi nhân dân ta ở miền Bắc phải vừa ra sức đẩy mạnh sản xuất, xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, vừa phải luôn luôn nâng cao *cảnh giác*, củng cố quốc phòng, sẵn sàng đối phó với mọi âm mưu của kẻ địch. Mỗi người dân phải là một người *lao động* hăng hái đồng thời là một *chiến sĩ* dũng cảm, vừa xây dựng nước nhà, vừa bảo vệ Tổ quốc.

Trước đây, nhân dân ta đã nêu cao tinh thần tự lực cánh sinh, trường kỳ kháng chiến, thì ngày nay chúng ta càng phải nêu cao tinh thần *tự lực cánh sinh, cần kiệm xây dựng nước nhà*. Mọi người đều phải nâng cao tinh thần làm chủ tập thể, không sợ khó khăn, gian khổ, quyết tâm phấn đấu, làm tròn nhiệm vụ của mình.

Cán bộ, đảng viên và đoàn viên thanh niên càng phải giữ vững lập trường giai cấp, nâng cao tinh thần trách nhiệm, trau dồi đạo đức cách mạng, quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ mà Đảng và Nhà nước đã giao cho.

Sức mạnh của Đảng là ở sự *đoàn kết nhất trí*. Mỗi cán bộ, đảng viên phải nâng cao ý thức tổ chức và kỷ luật, nghiêm chỉnh chấp hành đường lối và chính sách của Đảng, tôn trọng nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt của Đảng.

Mỗi chi bộ của Đảng phải là một hạt nhân lãnh đạo quần chúng ở cơ sở, đoàn kết chặt chẽ, liên hệ mật thiết với quần chúng, phát huy được trí tuệ và lực lượng vĩ đại của quần chúng. *Mỗi cấp bộ* của Đảng phải là một cơ quan lãnh đạo vững chắc ở địa phương, theo đúng đường lối, chính sách của Trung ương.

Những thắng lợi to lớn của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng ta 33 năm qua, chứng tỏ nhân dân ta rất giàu lòng yêu nước và tinh thần cách mạng. Nhân dân ta hết sức tin tưởng và yêu mến Đảng ta, vì Đảng ta là người lãnh đạo họ đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

Được như vậy, chính là do Đảng ta luôn luôn trung thành với quyền lợi của giai cấp và của dân tộc, biết vận dụng một cách sáng tạo *chủ nghĩa Mác - Lê nin* vào hoàn cảnh cụ thể của nước ta và luôn luôn đi đúng đường lối quần chúng.

Cán bộ và đảng viên ta nói chung là tốt. Nhiều đồng chí đã luôn luôn nêu cao tinh thần phục vụ nhân dân, ý thức tổ chức và kỷ luật, giữ vững đạo đức cách mạng, sinh hoạt giản dị, tác phong dân chủ, rất xứng đáng với lòng tin cậy của Đảng và của nhân dân.

Nhưng Đảng ta ngày càng phát triển, số đảng viên ngày thêm đông, công việc ngày càng nhiều và phức tạp, cho nên không khỏi có một số cán bộ, đảng viên còn phạm những khuyết điểm, sai lầm cần phải nghiêm khắc phê bình và thật thà sửa chữa.

Cá nhân chủ nghĩa: Ít nghĩ đến lợi ích chung của cách mạng, của nhân dân, mà thường lo cho lợi ích riêng của mình. Tham danh lợi, hay suy tị. Có chút thành tích thì tự cao, tự đại, kiêu ngạo, công thần, gây lũng củng trong nội bộ. Do cá nhân chủ nghĩa mà sinh ra các bệnh sau đây:

Tự do chủ nghĩa: Không nghiên cứu nghiêm chỉnh và chấp hành đúng đắn đường lối, chính sách của Đảng, không tôn trọng pháp luật và thể lệ của Nhà nước. Tự cho mình là đúng, hành động theo ý riêng, phát biểu theo ý riêng, không báo cáo và xin chỉ thị cấp trên, xem thường tổ chức và kỷ luật. Tư tưởng bản vị, coi bộ phận hoặc địa phương mình phụ trách như là một giang sơn riêng, kém tinh thần hợp tác xã hội chủ nghĩa, rốt cuộc là hại cho cả việc chung và việc riêng.

Quan liêu mệnh lệnh: Không đi sâu đi sát phong trào, không nắm được tình hình cụ thể của ngành hoặc của địa phương mình, không gần

gửi quần chúng và học hỏi kinh nghiệm của quần chúng. Thích ngồi bàn giấy hơn là đi xuống cơ sở để hiểu đúng thực tế, kiểm tra việc thi hành chính sách, lắng nghe ý kiến của nhân dân. Thích dùng mệnh lệnh hành chính hơn là kiên nhẫn giáo dục quần chúng một cách có lý, có tình. Do đó mà đường lối, chính sách đúng đắn của Đảng và Chính phủ có khi không thấu đến quần chúng hoặc bị thi hành lệch lạc, kết quả là đã hỏng công việc lại mất lòng người.

Tham ô, lãng phí. Vì thiếu đạo đức cách mạng, thiếu tinh thần trách nhiệm mà đâm ra hư hỏng như ăn cắp của công, vung phí tiền bạc và vật liệu của Nhà nước và của tập thể, làm hại đến việc phát triển kinh tế và văn hóa để nâng cao đời sống của nhân dân.

Lười biếng: Không chịu khó học tập, nghiên cứu để nâng cao trình độ của mình về chính trị, văn hóa và nghiệp vụ. Do ít hiểu biết về tình hình trong nước và ngoài nước, ít nghiên cứu lý luận và kinh nghiệm thực tiễn cho nên gặp thuận lợi thì dễ lạc quan tếu, gặp khó khăn thì dễ dao động bi quan, lập trường cách mạng không vững vàng, thiếu tinh thần độc lập suy nghĩ và chủ động sáng tạo. Do đó mà gặp nhiều khó khăn trong công việc, tác dụng lãnh đạo bị hạn chế.

Trên đây là tóm tắt mấy khuyết điểm chính mà toàn Đảng ta, từ cấp lãnh đạo đến cơ sở, cần kiên quyết khắc phục.

Không ai hoàn toàn tránh khỏi sai lầm, quyết tâm sửa chữa sẽ thành người tốt.

Chúng ta tin rằng với truyền thống tốt đẹp của Đảng ta, với quyết tâm sửa chữa khuyết điểm, phát huy ưu điểm của cán bộ, đảng viên, Đảng ta sẽ có thêm nhiều sức chiến đấu mới để hoàn thành thắng lợi những nhiệm vụ mới.

Tất cả cán bộ và đảng viên một lòng một dạ phục vụ cách mạng, phục vụ nhân dân thì chúng ta nhất định sẽ thực hiện thắng lợi kế hoạch Nhà nước năm 1963 và kế hoạch 5 năm lần thứ nhất.

Năm nay, toàn Đảng ta cần ra sức làm tốt hai cuộc vận động lớn:

1- Cuộc vận động "nâng cao tinh thần trách nhiệm, tăng cường quản lý kinh tế tài chính, cải tiến kỹ thuật, chống tham ô, lãng phí, quan liêu".

2- Cuộc vận động "cải tiến quản lý hợp tác xã, cải tiến kỹ thuật, nhằm phát triển sản xuất nông nghiệp toàn diện, mạnh mẽ và vững chắc".

Ngoài hai cuộc vận động ấy, công việc khai hoang cũng là rất quan trọng.

Dưới ánh sáng của *Nghị quyết* của Đại hội lần thứ III của Đảng và những *Nghị quyết* của các Hội nghị Trung ương, toàn Đảng, toàn dân ta hăng hái đoàn kết tiến lên, phấn khởi và tin tưởng, hăng hái *thi đua yêu nước*, giành nhiều thắng lợi mới.

Bản sao lưu trữ

TỰ PHÊ BÌNH, PHÊ BÌNH, SỬA CHỮA*

Tự phê bình là cá nhân (cơ quan hoặc đoàn thể) thật thà nhận khuyết điểm của mình để sửa chữa, để người khác giúp mình sửa chữa, mà cũng để người khác mà tránh những khuyết điểm mình đã phạm.

Phê bình là thấy ai (cá nhân, cơ quan, đoàn thể) có khuyết điểm thì thành khẩn nói cho họ biết để họ sửa chữa, để họ tiến bộ.

Mục đích tự phê bình và phê bình đều nhằm giúp nhau sửa chữa khuyết điểm, phát triển ưu điểm, cùng nhau tiến bộ.

Từ xưa đến nay, có bao giờ bọn phong kiến, tư bản, đế quốc, thực dân tự phê bình và để người khác phê bình chúng không? Không! Bởi vì chúng không muốn mà cũng không thể sửa chữa khuyết điểm căn bản của chúng là chế độ người bóc lột người. Hơn nữa, ai phê bình thì bị chúng khủng bố. Chỉ có nhân dân dám phê bình chúng bằng cách mạng đánh đổ chúng.

Dưới chế độ dân chủ, thì mọi người, trước hết là mọi cán bộ, mọi cơ quan và đoàn thể cần phải thật thà tự phê bình và hoan nghênh người khác phê bình mình; có như vậy mới tiến bộ được.

Phê bình là cốt để giúp nhau tiến bộ. Cho nên phê bình phải có *thái độ thành khẩn, tính chất xây dựng*. Không nên phê bình ẩu, phê bình suông. Khi phê bình cần phải xét nguyên nhân của khuyết điểm, phải cân nhắc đến ưu điểm, phải đề ra cách sửa chữa. Thí dụ: Nhân dân ta mạnh dạn phê bình. Đó là một điều rất tốt. Thế là dân chủ thật sự. Nhưng khi phê bình, chúng ta cần phải:

- *Xét rõ nguyên nhân của những khuyết điểm, những khó khăn.*
Như: nước ta bị phong kiến thống trị hàng nghìn năm, bị thực dân áp

* Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 8, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr. 222.

bức bóc lột gần 100 năm, chiến tranh tàn phá suốt 15 năm, miền Bắc giải phóng chưa đầy hai năm, hạn lụt liên tiếp, v.v...

- *Kiểm điểm thành tích* - Cải cách ruộng đất căn bản thắng lợi, gần 8 triệu nông dân có ruộng cày, hơn 386 vạn nông dân đã vào nông hội, 14 nông trường lớn và 3.600 cây số đê đã được xây đắp, tu bổ. Chúng ta đã khôi phục nhiều xí nghiệp cũ và xây dựng một số nhà máy mới, đã đắp lại hơn 500 cây số đường xe lửa. Nhiều trường học được mở thêm, chỉ trong mấy tháng đã hơn 2 triệu đồng bào thanh toán nạn mù chữ.

- So với thời gian non hai năm thì những thắng lợi căn bản ấy không phải là ít; nhưng *khuyết điểm* chắc cũng có nhiều. (Có khi khuyết điểm là cái bóng của thành tích).

Đảng và Chính phủ ta rất sẵn sàng nhận những lời phê bình của nhân dân và có quyết tâm sửa chữa. Cho nên khi phê bình, chúng ta cần phê bình một cách thiết thực và đề nghị phương pháp sửa chữa hợp lý. Phê bình và giúp đỡ sửa chữa, đó là quyền lợi và nghĩa vụ dân chủ của nhân dân ta.

Chỉ có đảng chân chính cách mạng và chính quyền thật dân chủ mới *dám mạnh dạn tự phê bình, hoan nghênh phê bình và kiên quyết sửa chữa*. Do tự phê bình và phê bình, nhất là phê bình từ dưới lên - mà chúng ta đoàn kết càng chặt chẽ, càng đồng tâm nhất trí, càng tiến bộ không ngừng, càng chắc chắn thắng lợi trong sự nghiệp xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh.

PHẦN THỨ HAI
TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH
VỀ VAI TRÒ LÃNH ĐẠO VÀ SỨC CHIẾN ĐẤU
CỦA ĐẢNG TRONG ĐIỀU KIỆN
ĐẢNG CẦM QUYỀN

PGS LÊ VĂN LÝ (Chủ biên)
PGS, TS. MẠCH QUANG THẮNG - TS. ĐẶNG ĐÌNH PHÚ
PGS, TS. TRẦN TRUNG QUANG - TS. NGUYỄN VĂN BIỂU

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VAI TRÒ LÃNH ĐẠO VÀ SỨC CHIẾN ĐẤU CỦA ĐẢNG TRONG ĐIỀU KIỆN ĐẢNG CẦM QUYỀN

I. VAI TRÒ VÀ BẢN CHẤT GIAI CẤP CÔNG NHÂN CỦA ĐẢNG

Hồ Chí Minh xác định *vai trò của Đảng* gắn liền với sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta. Trong quá trình tìm đường cứu nước, Hồ Chí Minh đã rút ra kết luận: "*Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản*"¹. "Chỉ có chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và giai cấp công nhân toàn thế giới"². Để hoàn thành sự nghiệp cách mạng to lớn đó, Hồ Chí Minh đã xác định những yếu tố chủ quan và khách quan, bên trong và bên ngoài, dân tộc và quốc tế, truyền thống và hiện đại, v.v... trong đó nhân tố trước tiên, quyết định là phải có đảng cách mạng lãnh đạo. Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng. Nhưng quần chúng phải được giác ngộ, được tổ chức, được lãnh đạo thì mới trở thành sức mạnh to lớn. Ngay từ năm 1927, trong tác phẩm *Đường cách mệnh*, Người viết: "*Cách mệnh* trước hết phải có cái gì? Trước hết phải có đảng cách mệnh, để trong thì vận động và tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc với dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp mọi nơi. Đảng có vững cách mệnh mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thuyền mới chạy". Trong bài *Đạo đức cách mạng* viết năm 1958, Người lại xác định: "Lực lượng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động là rất to lớn, là vô cùng tận. Nhưng lực lượng ấy cần có Đảng lãnh

1. Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 9, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 314.

2. Sđd, tập 12, tr. 474.

đạo mới chắc chắn thắng lợi"¹. Người nhấn mạnh: "Giai cấp mà không có Đảng lãnh đạo thì không làm cách mạng được"². Theo Hồ Chí Minh, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời không phải vì lợi ích của một nhóm người mà trước hết là để cứu lấy con Lạc, cháu Hồng, vì toàn thể quốc dân Việt Nam. Hồ Chí Minh chỉ rõ: nếu không có nhân dân thì Đảng không có lực lượng, nếu không có Đảng thì nhân dân không có người dẫn đường. Hồ Chí Minh nhìn nhận vai trò của Đảng từ những góc độ và bình diện khác nhau, trong các thời kỳ và giai đoạn cách mạng khác nhau, đặc biệt là vai trò lãnh đạo của Đảng khi đã giành được chính quyền. Người nhấn mạnh: "Đánh đổ giai cấp địch đã khó, đấu tranh xây dựng chủ nghĩa xã hội còn gian khổ, khó khăn hơn nhiều"³. Đây là cơ sở để Hồ Chí Minh khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản cầm quyền và Đảng càng phải "to lớn, mạnh mẽ, chắc chắn, trong sạch, cách mạng triệt để"⁴.

Đến năm 1965, qua thực tiễn lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Hồ Chí Minh khẳng định: "Có Đảng lãnh đạo, dân tộc ta đã trở thành một dân tộc anh hùng, được bè bạn khắp năm châu yêu mến và kính trọng"⁵.

Đảng lãnh đạo là nhân tố quyết định thành công của cách mạng, nhưng theo Hồ Chí Minh, đảng đó phải là chính đảng mang bản chất giai cấp công nhân - giai cấp duy nhất có khả năng lãnh đạo cách mạng Việt Nam đi đến thắng lợi cuối cùng. Đó là tư tưởng xuyên suốt, nhất quán ở Hồ Chí Minh. Ngay từ những ngày chuẩn bị thành lập Đảng, cho tới khi giành được chính quyền cũng như trước khi "từ biệt thế giới này", Hồ Chí Minh thường xuyên chú trọng giữ gìn, củng cố bản chất giai cấp công nhân của Đảng.

Một vấn đề đã được đặt ra là: Đảng ta là đảng của ai?

Hồ Chí Minh phân biệt rõ: về bản chất giai cấp thì Đảng ta mang bản chất giai cấp công nhân, nhưng về lợi ích thì Đảng không những đại

1. Sdd, tập 9, tr. 290.

2. Sdd, tập 8, tr. 295.

3. Sdd, tập 9, tr. 279.

4. Sdd, tập 6, tr. 174.

5. Sdd, tập 11, tr. 371.

biểu cho lợi ích của giai cấp công nhân mà còn đại biểu cho lợi ích của nhân dân lao động và của cả dân tộc.

Đảng Cộng sản mang bản chất giai cấp công nhân, vì chỉ có giai cấp công nhân mới có thể "đưa cách mạng giải phóng dân tộc đến thắng lợi và cách mạng xã hội chủ nghĩa đến thành công"¹.

Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân được quy định một cách khách quan, bởi "*Đặc tính cách mạng* của giai cấp công nhân là: kiên quyết, triệt để, tập thể, có tổ chức, có kỷ luật. Lại là giai cấp tiên tiến nhất trong sức sản xuất, gánh trách nhiệm đánh đổ chế độ tư bản và đế quốc, để xây dựng một xã hội mới, giai cấp công nhân có thể thấm nhuần một tư tưởng cách mạng nhất, tức là chủ nghĩa Mác - Lênin. Đồng thời, tinh thần đấu tranh của họ ảnh hưởng và giáo dục các tầng lớp khác. Vì vậy, về mặt chính trị, tư tưởng, tổ chức và hành động, giai cấp công nhân đều *giữ vai trò lãnh đạo*"² rằng "*Chỉ có giai cấp công nhân lãnh đạo* thì kháng chiến mới thắng lợi, kiến quốc mới thành công"³ và "*Chỉ có giai cấp công nhân là dũng cảm nhất, cách mạng nhất, luôn gan góc đương đầu với bọn đế quốc thực dân... giai cấp công nhân ta đã tỏ ra là người lãnh đạo xứng đáng nhất và đáng tin cậy nhất của nhân dân Việt Nam*"⁴. Thực tiễn cách mạng Việt Nam đã cho thấy, chính đảng của giai cấp công nhân "*đã đoàn kết được những lực lượng cách mạng to lớn xung quanh giai cấp mình. Còn các đảng phái của các giai cấp khác thì hoặc bị phá sản, hoặc bị cô lập. Do đó, quyền lãnh đạo của Đảng ta - Đảng của giai cấp công nhân - không ngừng củng cố và tăng cường*"⁵. Từ thực tiễn đó, Người khẳng định: "*Để giành thắng lợi, cách mạng nhất định phải do giai cấp công nhân lãnh đạo. Vì nó là giai cấp tiên tiến nhất, giác ngộ nhất, kiên quyết nhất, có kỷ luật nhất và tổ chức chặt chẽ nhất. Mà đảng vô sản là bộ tham mưu của giai cấp công nhân*"⁶.

Về nội dung bản chất giai cấp công nhân của Đảng, Hồ Chí Minh nhấn mạnh các vấn đề sau:

1. Sđd, tập 12, tr. 303.

2. Sđd, tập 7, tr. 212.

3. Sđd, tập 6, tr. 458.

4, 5. Sđd, tập 10, tr. 9.

6. Sđd, tập 9, tr. 283.

Thứ nhất, Đảng ta thực hiện mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

Trong cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng do Hồ Chí Minh soạn thảo, Người đã khẳng định nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam là "Làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản". Đây là một vấn đề được Hồ Chí Minh xác định từ rất sớm, là vấn đề nhất quán và xuyên suốt trong toàn bộ tư tưởng của Người. Dù mỗi giai đoạn cách mạng khác nhau, tên Đảng nhiều lần thay đổi nhưng lập trường đó vẫn không hề thay đổi.

Thứ hai, Đảng ta theo tư tưởng của giai cấp công nhân. Đó là Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin "làm cốt", luôn luôn trung thành và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa đó vào thực tiễn cách mạng Việt Nam.

Đây là luận điểm quan trọng nhất quyết định bản chất giai cấp công nhân của Đảng Cộng sản; là nguyên lý cơ bản trong học thuyết Mác - Lênin về Đảng Cộng sản.

Lịch sử đã chứng minh rằng, xã hội từ khi có sự phân chia về giai cấp, thì quá trình phát triển của nhân loại cũng là quá trình ra đời và phát triển của các trào lưu tư tưởng, các học thuyết chính trị - xã hội và các đảng chính trị. Lịch sử đấu tranh giai cấp cũng là lịch sử đấu tranh giữa các học thuyết, các trào lưu tư tưởng, các hệ tư tưởng đối lập dưới sự lãnh đạo của các đảng chính trị. Tính chất hoạt động của mỗi đảng chính trị, vì vậy, được quy định bởi đảng đó lựa chọn và đi theo học thuyết nào, trào lưu tư tưởng nào - tức là theo lập trường giai cấp nào, giai cấp cách mạng hay phản động, cơ hội, cải lương.

Từ khi xuất hiện, chủ nghĩa Mác - Lênin đã trở thành vũ khí tư tưởng sắc bén của giai cấp công nhân và nhân dân lao động bị áp bức toàn thế giới trong cuộc đấu tranh chống lại giai cấp tư sản phản động. Đó là học thuyết về giải phóng giai cấp công nhân, nhân dân lao động và các dân tộc bị áp bức; là lý luận về giải phóng con người khỏi mọi sự áp bức, bất công, tiến tới một xã hội văn minh, không còn bóc lột, không còn sự phân chia về giai cấp. Thực chất, đó là lập trường cách mạng triệt để của giai cấp công nhân, là mục tiêu, lý tưởng của giai cấp công nhân. Chính bản chất cách mạng, khoa học và tính nhân đạo cao cả của chủ nghĩa Mác - Lênin đã hấp dẫn những trái tim yêu nước nồng nàn, những khát vọng cháy bỏng muốn cứu nước, giải phóng dân tộc như Hồ Chí Minh.

Nhớ lại buổi đầu tiên khi đọc *Luận cương về những vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của Lênin, Người viết: "Luận cương của Lênin làm cho tôi rất cảm động, phấn khởi, sáng tỏ, tin tưởng biết bao! Tôi vui mừng đến phát khóc lên. Ngồi một mình trong buồng mà tôi nói to lên như đang nói trước quần chúng đông đảo: "Hỡi đồng bào bị đọa đầy đau khổ? Đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta"¹.

Với tình cảm cách mạng nhiệt tình và tư duy chính trị sắc sảo, Hồ Chí Minh đã sớm đi đến kết luận: "Cách mệnh... trước hết phải có đảng cách mệnh... Đảng có vững cách mệnh mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thuyền mới chạy. Đảng muốn vững thì phải có chủ nghĩa làm cốt, trong Đảng ai cũng phải hiểu, ai cũng phải theo chủ nghĩa ấy. Đảng mà không có chủ nghĩa cũng như người không có trí khôn, tàu không có bàn chỉ nam.

Bây giờ học thuyết, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mệnh nhất là chủ nghĩa Lênin"², rằng "muốn cách mệnh thành công thì phải lấy dân chúng (công nông) làm gốc, phải có đảng vững bền, phải bền gan, phải hy sinh, phải thống nhất. Nói tóm lại là phải theo chủ nghĩa Mã Khắc Tư và Lênin"³.

Nắm vững chủ nghĩa Mác - Lênin, gương cao ngọn cờ Mác - Lênin, trung thành và vận dụng sáng tạo lý luận Mác - Lênin vào thực tiễn cách mạng Việt Nam, quan điểm đó của Chủ tịch Hồ Chí Minh trở thành tư tưởng chỉ đạo xuyên suốt quá trình sáng lập, giáo dục, rèn luyện của Đảng ta. Nhờ vậy, Đảng ta luôn luôn được vũ trang bởi lý luận tiên tiến nhất thời đại. Trí tuệ, sức mạnh của Đảng ta không ngừng phát triển, đủ sức làm tròn vai trò lãnh tụ chính trị - lãnh đạo cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Nhờ đứng dưới ngọn cờ của chủ nghĩa Mác - Lênin, Đảng Lao động Việt Nam đã được nhân dân tin tưởng, được nhân dân coi là đội tiên phong giác ngộ của mình"⁴. Nhờ có "học thuyết dạt dào sức sống của chủ nghĩa Mác - Lênin", Đảng ta đã

1. Sđd, tập 10, tr. 127.

2. Sđd, tập 2, tr. 268.

3. Sđd, tập 2, tr. 280.

4. Sđd, tập 7, tr. 517.

"khai nguồn sức mạnh để giành thắng lợi cho sự nghiệp thiêng liêng là hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ, để giành thắng lợi cho chủ nghĩa xã hội"¹. Chủ nghĩa Mác - Lênin trở thành một trong những nhân tố quan trọng nhất, quyết định nhất, một thứ "vũ khí không gì thay thế được" của cách mạng Việt Nam. Hồ Chí Minh viết: "Chúng tôi giành được thắng lợi đó là do nhiều nhân tố, nhưng cần phải nhấn mạnh rằng... chúng tôi giành được những thắng lợi đó trước hết là nhờ cái vũ khí không gì thay thế được là chủ nghĩa Mác - Lênin"², "Chủ nghĩa Lênin đối với chúng ta, những người cách mạng và nhân dân Việt Nam, không những là cái cảm nung thần kỳ, không những là cái kim chỉ nam mà còn là mặt trời soi sáng con đường chúng ta đi tới thắng lợi cuối cùng, đi tới chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản"³.

Đối với Đảng ta, chính đảng của giai cấp công nhân, chủ nghĩa Mác - Lênin là nhân tố cơ bản, không thể thiếu được, để giữ vững lập trường giai cấp công nhân của Đảng. Người viết: "Muốn có lập trường vô sản vững chắc, thì đảng viên phải có ý thức giai cấp, đồng thời phải có lý luận cách mạng. Không có lý luận về chủ nghĩa xã hội khoa học thì không thể có lập trường giai cấp vững vàng. Vì vậy, các cô, các chú phải chịu khó học tập lý luận Mác - Lênin"⁴. Theo quan điểm này, nếu xa rời chủ nghĩa Mác - Lênin là xa rời lập trường giai cấp công nhân, xa rời bản chất giai cấp công nhân của Đảng, làm cho Đảng biến chất, tan rã.

Thứ ba, Đảng mang bản chất giai cấp công nhân là bởi Đảng là khối đoàn kết thống nhất cả ý chí và hành động, thực hiện nghiêm túc nguyên tắc tập trung dân chủ, có kỷ luật nghiêm minh tự giác, thường xuyên tự phê bình và phê bình.

Đảng Cộng sản là tổ chức lãnh đạo, một tổ chức chiến đấu, tổ chức hành động. Là một đảng lãnh đạo, vì vậy, "Đảng ta cần phải mạnh mẽ, trong sạch, kiểu mẫu. Toàn Đảng phải tư tưởng nhất trí, hành động nhất trí, đoàn kết nhất trí mới làm trọn nhiệm vụ của Đảng"⁵.

1. Sdd, tập 7, tr. 520.

2. Sdd, tập 12, tr. 476.

3. Sdd, tập 10, tr. 128.

4. Sdd, tập 12, tr. 92.

5. Sdd, tập 6, tr. 480.

Đảng phải là hiện thân của khối đại đoàn kết thống nhất cả chính trị, tư tưởng, cả ý chí và hành động, là đòi hỏi tất yếu khách quan đối với các chính đảng cách mạng của giai cấp công nhân, là nguyên lý căn bản trong học thuyết Mác - Lênin về đảng kiểu mới. Sự đoàn kết thống nhất của Đảng theo nguyên tắc tập trung dân chủ trở thành một tiêu chuẩn cơ bản để phân biệt với các đảng cơ hội cải lương.

Đoàn kết dân tộc trở thành truyền thống cực kỳ quý báu của dân tộc ta. Hồ Chí Minh khái quát:

Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết,

Thành công, thành công, đại thành công.

Ý thức đoàn kết, đại đoàn kết dân tộc đã xuyên suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của Hồ Chí Minh. Vốn thấm nhuần sâu sắc truyền thống đoàn kết dân tộc nên Hồ Chí Minh đã tiếp nhận, quán triệt nguyên lý đoàn kết thống nhất của Đảng Cộng sản bằng cả lý trí và tình cảm. Người đã vận dụng nhuần nhuyễn, sáng tạo, làm phong phú thêm nội dung của nguyên lý này trong điều kiện cách mạng Việt Nam.

Về "tư cách của đảng chân chính cách mạng" theo quan niệm của Hồ Chí Minh là: "Mỗi công việc của Đảng phải giữ nguyên tắc", "phải giữ vững tính cách mạng của nó", "Đảng phải giữ kỷ luật rất nghiêm từ trên xuống dưới. Kỷ luật này là tư tưởng phải nhất trí, hành động phải nhất trí. Kỷ luật này là do lòng tự giác của đảng viên về nhiệm vụ của họ đối với Đảng"¹. Bảo đảm cho "Đảng ta tuy nhiều người, nhưng khi tiến đánh thì chỉ như một người"².

Trong *Điều lệ vắn tắt của Đảng Cộng sản Việt Nam*, Người đòi hỏi "vào Đảng phải tin theo chủ nghĩa cộng sản... hăng hái tranh đấu và dám hy sinh phục tùng mệnh lệnh Đảng"³. Trong *Báo cáo chính trị tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ II (1951)*, Hồ Chí Minh ghi rõ: "Về tổ chức, Đảng Lao động Việt Nam theo chế độ dân chủ tập trung. Về kỷ luật, Đảng Lao động Việt Nam phải có kỷ luật sắt, đồng thời là kỷ luật tự giác"⁴.

1. Sđd, tập 5, tr. 550.

2. Sđd, tập 5, tr. 553.

3. Sđd, tập 3, tr. 5.

4. Sđd, tập 6, tr. 174.

"Đảng tổ chức theo nguyên tắc dân chủ tập trung" - theo Hồ Chí Minh - nghĩa là: có đảng chương thống nhất, kỷ luật thống nhất, cơ quan lãnh đạo thống nhất. Cá nhân phải phục tùng đoàn thể, số ít phải phục tùng số nhiều, cấp dưới phải phục tùng cấp trên, địa phương phải phục tùng Trung ương"¹. (Nguyên tắc tập trung dân chủ sẽ trình bày cụ thể ở phần sau).

Đảng phải là khối đoàn kết thống nhất theo nguyên tắc tập trung dân chủ và đó là một tất yếu vì Đảng cũng ở trong xã hội, "đảng là do nhiều người cách mạng hợp lại", vì vậy, "Đồng chí ta, tuy có khi khác nhau về chủng tộc hay khác nhau về nguồn gốc giai cấp, nhưng là những người cùng chủ nghĩa, cùng mục đích, cùng sống, cùng chết, chung sướng, chung khổ, cho nên phải thật thà đoàn kết"². Người nhấn mạnh: "Đoàn kết là sức mạnh của Đảng ta. Đoàn kết chặt chẽ và kỷ luật nghiêm khắc. Hai điều đó không thể tách rời nhau. Kỷ luật nghiêm để bảo đảm tư tưởng nhất trí và hành động thống nhất của toàn Đảng, toàn dân". Chính vì vậy, "Chủ trương của Đảng ta là: Trong nội bộ thì mở rộng dân chủ, tự phê bình và phê bình. Nguyên tắc tổ chức thì cực kỳ nghiêm,... *thống nhất ý chí, thống nhất hành động, thống nhất kỷ luật, tập trung lãnh đạo là việc cực kỳ cần thiết và cực kỳ quan trọng*"³.

Hồ Chí Minh coi tự phê bình và phê bình là vũ khí sắc bén để Đảng thường xuyên trở nên trong sạch, vững mạnh. Có lúc Người đặt "phê bình" trước "tự phê bình", nhưng nhiều hơn cả là đặt "tự phê bình" trước "phê bình", đó không phải ngẫu nhiên mà có dụng ý rõ ràng. Đó là dụng ý nhấn mạnh tự phê bình trước rồi sau đó mới phê bình người khác. Trong thực tế, tự phê bình thường khó khăn hơn là phê bình người khác.

Về mục đích tự phê bình và phê bình, Hồ Chí Minh chỉ rõ: cốt để giúp nhau sửa chữa, giúp nhau tiến bộ, cốt để sửa đổi cách làm việc cho tốt hơn, đúng hơn, cốt đoàn kết và thống nhất nội bộ. Do đó, mỗi cán bộ, đảng viên hàng ngày phải tự kiểm điểm, tự phê bình, tự sửa chữa như mỗi ngày phải tự rửa mặt. Được như thế thì trong Đảng sẽ không có bệnh tật nên Đảng sẽ mạnh khỏe vô cùng.

1. Sđd, tập 7, tr. 230.

2. Sđd, tập 5, tr. 552.

3. Sđd, tập 7, tr. 335.

Để đạt mục đích ấy, thái độ tự phê bình và phê bình là phải thành khẩn, trung thực, kiên quyết và có văn hóa. Tự phê bình và phê bình "phải ráo riết", "triệt để", thật thà, không nể nang, không thêm bớt. Hồ Chí Minh nhấn mạnh, nếu không kiên quyết tự phê bình và phê bình thì cũng giống như giấu giếm tật bệnh trong mình, không dám uống thuốc, để bệnh ngày càng nặng thêm, nguy đến tính mạng (giấu bệnh sợ thuốc) nhưng cách phê bình phải thành thật, thấm đượm lòng nhân ái. Phê bình không phải để xoi mói, phê bình phải công khai.

Hồ Chí Minh nhấn mạnh việc tự phê bình và phê bình phải có tính chất xây dựng, không mĩa mai, nói xấu, tránh phê bình lung tung, không chịu trách nhiệm và tránh trù dập người phê bình. Bên cạnh tính kiên quyết tự phê bình và phê bình, Hồ Chí Minh rất coi trọng "cái tâm" trong sáng khi phê bình. Năm 1966, Người bổ sung một câu trong bản *Di chúc*: "Phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau". Quan điểm của Hồ Chí Minh là "một đảng mà giấu giếm khuyết điểm của mình là một đảng hỏng. Một đảng có gan thừa nhận khuyết điểm của mình, vạch rõ những cái đó, vì đâu mà có khuyết điểm đó, xét rõ hoàn cảnh sinh ra khuyết điểm đó, rồi tìm kiếm mọi cách để sửa chữa khuyết điểm đó. Như thế là một đảng tiến bộ, mạnh dạn, chắc chắn, chân chính"¹.

Thư tư, Đảng thể hiện rõ bản chất giai cấp công nhân là Đảng phải gần gũi dân, đoàn kết dân, học hỏi dân, giác ngộ dân và lãnh đạo dân, thực hiện mối liên hệ mật thiết với nhân dân.

Liên hệ mật thiết với nhân dân là mối liên hệ bản chất của Đảng Cộng sản; là sự thể hiện lập trường giai cấp công nhân của Đảng trong giải quyết mối quan hệ với quần chúng lao động, với nhân dân các dân tộc; là một nguyên lý cơ bản trong học thuyết Mác - Lênin về Đảng Cộng sản được Hồ Chí Minh vận dụng sáng tạo, phát triển làm phong phú thêm trong hoàn cảnh của cách mạng Việt Nam.

Đảng phải liên hệ mật thiết với nhân dân, nguyên lý này được quy định bởi vai trò và sức mạnh của chính nhân dân.

Trong chiều sâu tư tưởng Hồ Chí Minh, dân là gốc của nước, là nguồn sức mạnh, là lực lượng to lớn của Đảng, của cách mạng. Trí tuệ và năng lực sáng tạo của Đảng đều bắt nguồn từ quần chúng nhân dân.

1. Sdd, tập 5, tr. 261.

Theo Người, trong bầu trời không gì quý bằng nhân dân, trong thế giới không gì mạnh bằng sức mạnh đoàn kết của nhân dân. Hồ Chí Minh khẳng định:

"Bao nhiêu lợi ích đều vì dân.

Bao nhiêu quyền hạn đều của dân.

Công việc đổi mới, xây dựng là trách nhiệm của dân.

Sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc là công việc của dân.

Chính quyền từ xã đến Chính phủ Trung ương do dân cử ra.

Đoàn thể từ Trung ương đến xã do dân tổ chức nên.

Nói tóm lại, quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân"¹.

Những quan niệm đó càng làm sâu sắc thêm tình cảm của Hồ Chí Minh đối với nhân dân, dân tộc mình. Nó trở thành tư tưởng nền tảng chỉ đạo mọi hoạt động lãnh đạo cách mạng của Hồ Chí Minh. Trong đó, Người đặc biệt quan tâm giáo dục, rèn luyện cho Đảng phải luôn luôn giữ vững, củng cố và không ngừng tăng cường mối liên hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân.

Mối liên hệ mật thiết của đảng chân chính cách mạng với nhân dân, theo Hồ Chí Minh, phải được thể hiện ở những nội dung chủ yếu sau:

Một là, mọi hoạt động của Đảng đều nhằm phục vụ nhân dân, phụng sự Tổ quốc; vì cuộc sống ấm no, hạnh phúc của nhân dân. Đảng thực sự tỏ rõ là đại biểu trung thành cho lợi ích của giai cấp, của nhân dân lao động và của dân tộc.

Từ khi ra đời đến nay, Đảng ta - Đảng do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập, lãnh đạo và rèn luyện - luôn luôn kiên định, phấn đấu cho mục tiêu: Tổ quốc độc lập, thống nhất, tự do, hạnh phúc của nhân dân. Người viết: "Mục đích của Đảng Lao động Việt Nam có thể gồm trong 8 chữ là: ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN, PHỤNG SỰ TỔ QUỐC"².

Mục đích phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân của Đảng ta được kết tinh, hiện thân ở cuộc đời hoạt động cách mạng của Hồ Chí Minh: "Cả đời tôi chỉ có một mục đích là phấn đấu cho quyền lợi của Tổ quốc và hạnh phúc của quốc dân"³. Và thực tế suốt đời hoạt động của Người đã

1. Sđ d, tập 5, tr. 698.

2. Sđd, tập 6, tr. 183.

3. Sđd, tập 4, tr. 240.

"hết lòng hết sức phục vụ Tổ quốc, phục vụ cách mạng, phục vụ nhân dân", cho đến khi trước lúc đi xa, Người vẫn "tiếc rằng không được phục vụ lâu hơn nữa, nhiều hơn nữa"¹. Phấn đấu, hy sinh vì độc lập thống nhất của Tổ quốc, tự do hạnh phúc của nhân dân là "ham muốn tột bậc" của Người. Khi còn "phải ẩn nấp nơi núi non, hoặc ra vào chốn tù tội, xông pha sự hiểm nghèo" cho đến khi giữ cương vị Chủ tịch nước, "Bất kỳ bao giờ, bất kỳ ở đâu, tôi cũng chỉ theo đuổi một mục đích, làm cho ích quốc lợi dân"².

Mục đích thiêng liêng, cao cả, đầy tính nhân văn ấy của Hồ Chí Minh được thể hiện trong cương lĩnh, đường lối lãnh đạo của Đảng. "Tất cả đường lối, phương châm, chính sách... của Đảng đều *chỉ nhằm nâng cao đời sống của nhân dân*"³, nó được thể hiện trong hoạt động thực tiễn của các tổ chức đảng, của đội ngũ cán bộ, đảng viên. Mọi hoạt động của Đảng đều hướng vào phục vụ nhân dân, phấn đấu hy sinh vì lợi ích của Tổ quốc, của nhân dân. "Ngoài lợi ích của Tổ quốc, của giai cấp, của dân tộc, Đảng ta không có lợi ích nào khác"⁴. Người còn nhấn mạnh rằng: "Muốn cho dân yêu, muốn được lòng dân, việc gì có lợi cho dân phải hết sức làm, việc gì có hại cho dân phải hết sức tránh... Nói tóm lại, hết thảy những việc có thể nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của dân phải được ta đặc biệt chú ý"⁵.

Mục đích, lý tưởng của Đảng Cộng sản, xét tới cùng và thực chất, không có gì khác hơn là giác ngộ nhân dân, tổ chức, lãnh đạo nhân dân đấu tranh vì một cuộc sống tốt đẹp hơn - cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc cho mọi người. Vì vậy, thực hiện tư tưởng trên đây của Hồ Chí Minh là đã cụ thể hóa, hiện thực hóa một phần mục tiêu lý tưởng của giai cấp công nhân, sẽ làm cho quần chúng nhân dân ngày càng tin yêu Đảng, gắn bó với Đảng, coi Đảng là lãnh tụ đáng tin cậy nhất của mình. Ngược lại, nếu xa rời mục tiêu trên, là Đảng đã tự cắt mối liên hệ với nhân dân. Đó là nguy cơ lớn nhất của đảng cầm quyền.

1. Sđd, tập 12, tr. 512.

2. Sđd, tập 4, tr. 240.

3. Sđd, tập 10, tr. 380.

4. Sđd, tập 9, tr. 555.

5. Sđd, tập 4, tr. 47-48.

Hai là, phải gần dân, tin dân, dựa vào dân, học hỏi dân. Mối liên hệ mật thiết của Đảng với nhân dân không chỉ thể hiện ở mục đích hoạt động của Đảng. Nó còn được biểu hiện sinh động ở phương pháp, cách thức hoạt động của Đảng trong quan hệ với nhân dân, nhất là hoạt động của các cơ sở đảng, của đội ngũ cán bộ, đảng viên tại cơ sở. Người viết: "mỗi cán bộ chính quyền và đoàn thể cần phải:

- Luôn luôn gần gũi nhân dân.
- Ra sức nghe ngóng và hiểu biết nhân dân.
- Học hỏi nhân dân.

- Lãnh đạo nhân dân bằng cách tuyên truyền giải thích, cổ động, giáo dục, tổ chức nhân dân, dựa vào nhân dân để thực hiện nguyện vọng chính đáng của nhân dân"¹.

Người cho rằng, "Bốn điều ấy phải đi song song với nhau. Vì không gần gũi dân thì không hiểu biết dân. Không hiểu biết dân thì không học hỏi được kinh nghiệm và sáng kiến của dân"².

Hồ Chí Minh thường xuyên căn dặn cán bộ, đảng viên rằng: đối với dân, phải "tuyệt đối không được lên mặt "quan cách mạng", "ra lệnh ra oai", phải "khiêm tốn, không được kiêu ngạo", "phải thực sự tôn trọng quyền làm chủ của nhân dân", phải "tin tưởng lực lượng vĩ đại và đầu óc thông minh của quần chúng"... Chỉ có như vậy mới đoàn kết, lãnh đạo được nhân dân; Đảng mới được dân tin, dân phục, dân yêu, mới làm tròn nhiệm vụ của người lãnh đạo.

Ba là, cán bộ, đảng viên thật sự trong sạch, "làm đúng cần, kiệm, liêm, chính để cho dân tin, dân phục, dân yêu"³. Phải hoan nghênh ý kiến phê bình của nhân dân, chân thành tiếp thu phê bình và quyết tâm sửa chữa. Thực tế cho thấy, nếu không chân thành tiếp thu ý kiến phê bình của dân, không chịu sửa chữa sai lầm, khuyết điểm, thì sẽ đánh mất lòng tin của dân, dân sẽ ca thán, thậm chí bất bình. Khi ấy, Đảng sẽ trở nên xa lạ với dân và tất nhiên, khó lãnh đạo được nhân dân.

Thứ năm, xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên theo quan điểm của giai cấp công nhân.

1, 2. Sdd, tập 6, tr. 88.

3. Sdd, tập 5, tr. 251.

Đội ngũ cán bộ, đảng viên là những chiến sĩ cách mạng tiên phong gương mẫu, nói đi đôi với làm, thực sự tỏ rõ vừa là người lãnh đạo, vừa là người dày tớ thật trung thành của nhân dân.

Bản chất giai cấp công nhân của Đảng không chỉ thể hiện ở hệ tư tưởng, lý luận, ở đường lối chính trị, tổ chức mà còn được biểu hiện cụ thể trong hoạt động của đội ngũ cán bộ, đảng viên. Bởi vì, "Đảng là gì? Đảng là mỗi chúng ta. Đảng lớn lên là do mỗi chúng ta lớn lên"¹. Thực tế cho thấy, Đảng và mọi tổ chức nói chung, đều do con người lập ra. Chúng là sản phẩm của con người và do đó, nó phụ thuộc vào con người. Tổ chức mạnh hay yếu, tính chất hoạt động cách mạng hay phản động, triệt để hay cải lương... phụ thuộc một cách quyết định vào chất lượng của con người trong tổ chức. Tổ chức đảng không nằm ngoài sự tất yếu đó. Đảng là do nhiều đảng viên - những người tiên tiến, tự nguyện, có cùng mục đích hợp lại. Phẩm chất trí tuệ tài năng thực tiễn của cán bộ, đảng viên hợp thành sức mạnh của Đảng. Tính chất kiên định trong nhận thức và hành động của cán bộ, đảng viên, là một trong những nhân tố quan trọng kết thành bản chất của Đảng. Bản chất cách mạng, khoa học của Đảng lại được thể hiện trong hoạt động cụ thể, thường ngày của từng cán bộ, đảng viên. Chính mối quan hệ biện chứng ấy đã đòi hỏi: Đảng chân chính cách mạng của giai cấp công nhân phải xây dựng được đội ngũ cán bộ, đảng viên thực sự tỏ rõ là những chiến sĩ cách mạng, tiên phong gương mẫu.

Sự ra đời, trưởng thành, phát triển của Đảng Cộng sản Việt Nam, những thắng lợi của cách mạng Việt Nam giành được... đều là kết quả của quá trình Hồ Chí Minh dày công giáo dục, rèn luyện, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, đảng viên của Đảng, trở thành những chiến sĩ cách mạng trung thành, kiên cường phấn đấu hy sinh cho sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc.

Đó là nhân tố cực kỳ quan trọng để giữ vững và phát huy bản chất giai cấp công nhân và tính tiên phong của Đảng.

Thứ sáu, Đảng phải chăm lo xây dựng chính quyền thực sự của dân, do dân, vì dân, mang bản chất giai cấp công nhân, vừa có tính nhân dân, tính dân tộc sâu sắc.

1. Sdd, tập 10, tr. 463.

Theo Hồ Chí Minh, "sau khi đã giành được chính quyền thì nhiệm vụ hàng đầu của giai cấp công nhân là phải tăng cường nền chuyên chính vô sản để hoàn thành nhiệm vụ lịch sử của cách mạng"¹. Với tư tưởng đó, Hồ Chí Minh đã chăm lo xây dựng một chính quyền của dân, do dân và vì dân, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng, dựa chắc trên cơ sở công nông liên minh vững chắc.

Trong điều kiện đảng cầm quyền, bản chất giai cấp công nhân và tính tiên phong của Đảng được biểu hiện tập trung thông qua bộ máy nhà nước. Với tư duy đó, Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm chăm lo xây dựng Nhà nước thực sự là cơ quan đại diện quyền lực chính trị cao nhất của nhân dân, thực sự bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân. Tại kỳ họp thứ tư, Quốc hội khóa I, Người nói: "Chế độ ta là chế độ dân chủ, tức là nhân dân là người chủ, mà Chính phủ là người đầy tớ trung thành của nhân dân. Chính phủ chỉ có một mục đích là: hết lòng hết sức phụng sự tổ chức, phục vụ nhân dân"².

Đảng Cộng sản cầm quyền theo tư tưởng Hồ Chí Minh, phải là một Đảng bảo đảm để nhân dân thực hiện quyền làm chủ và là người chủ thực sự để mọi quyền hạn đều là của dân, thuộc về dân, Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm tới việc làm trong sạch bộ máy nhà nước, để Nhà nước làm tròn bổn phận được nhân dân ủy thác. Người đặc biệt nhấn mạnh, Nhà nước phải thực sự tỏ rõ là người đầy tớ trung thành của nhân dân, phải hết sức chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân. Người viết: "Chính sách của Đảng và Chính phủ là *phải hết sức chăm nom đến đời sống của nhân dân*. Nếu dân đói, Đảng và Chính phủ có lỗi; nếu dân rét là Đảng và Chính phủ có lỗi; nếu dân dốt là Đảng và Chính phủ có lỗi; nếu dân ốm là Đảng và Chính phủ có lỗi. Vì vậy, cán bộ đảng và chính quyền từ trên xuống dưới đều *phải hết sức quan tâm đến đời sống của nhân dân*"³. Người thường căn dặn: "Cán bộ đảng, cán bộ chính quyền không phải làm quan cách mạng, ăn trên ngồi trốc. Cán bộ đảng cũng như cán bộ chính quyền, ngay cả Bác là cán bộ cao nhất đều là đầy tớ của nhân dân, phải hết lòng hết sức phục vụ nhân dân, phải cần, kiệm, liêm, chính"⁴.

1. Sdd, tập 12, tr. 304.

2. Sdd, tập 7, tr. 499.

3. Sdd, tập 7, tr. 572.

4. Sdd, tập 8, tr. 513.

Thứ bảy, Đảng chân chính cách mạng của giai cấp công nhân phải là một bộ phận khăng khít của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế.

Đây là một nguyên tắc quan trọng trong học thuyết Mác - Lênin về Đảng Cộng sản.

Nguyên tắc này xuất phát từ bản chất của giai cấp công nhân trong nền đại công nghiệp. Chính nền sản xuất đại công nghiệp là "sợi dây tự nhiên" thắt chặt tình đoàn kết giai cấp công nhân giữa các nước. Theo Ph. Ăngghen, sự đoàn kết quốc tế, nghĩa vụ quốc tế của các Đảng Cộng sản luôn luôn tồn tại, dù người ta "không tự coi mình và cũng chẳng tự tuyên bố mình là một bộ phận của Quốc tế đi nữa". Thực tiễn cuộc đấu tranh giai cấp đã đem đến cho giai cấp công nhân bài học: chỉ có đoàn kết, giai cấp công nhân mới có được sức mạnh để tự giải phóng mình và giải phóng dân tộc, giải phóng những người lao động và bị áp bức nói chung. Vì vậy, năm 1920, Quốc tế Cộng sản kêu gọi: "Vô sản tất cả các nước và các dân tộc bị áp bức, đoàn kết lại!".

Thấm nhuần quan điểm đó của chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh luôn luôn chăm lo vun đắp tình đoàn kết keo sơn giữa các Đảng Cộng sản và công nhân quốc tế. Người cho rằng: "Quan sơn muôn dặm một nhà. Bốn phương vô sản đều là anh em". Nhờ có tình đoàn kết keo sơn ấy mà cách mạng Việt Nam có được sức mạnh để giành những thắng lợi vẻ vang.

Trong thời đại mới, theo Hồ Chí Minh, trong cách mạng giải phóng dân tộc, cũng như trong cách mạng xã hội chủ nghĩa, phải biết *kết hợp chặt chẽ lòng yêu nước với tinh thần quốc tế vô sản*¹. Cách mạng giải phóng dân tộc là bộ phận khăng khít của cách mạng vô sản trong phạm vi toàn thế giới. Thắng lợi của cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc không thể tách rời sự ủng hộ và giúp đỡ tích cực của các Đảng Cộng sản, phong trào công nhân và nhân dân lao động, tiến bộ toàn thế giới. Người từng khẳng định: "Cách mạng giải phóng dân tộc phải phát triển thành cách mạng xã hội chủ nghĩa thì mới giành được thắng lợi hoàn toàn"². Xu thế khách quan trên đây, đòi hỏi các chính đảng cách mạng của giai cấp công nhân vừa phải làm tròn trách nhiệm lịch sử trước dân tộc mình,

1. Sđd, tập 12, tr. 304.

2. Sđd, tập 12, tr. 305.

vừa phải phấn đấu làm tròn nghĩa vụ quốc tế. Đó là yêu cầu tất yếu khách quan.

Những nội dung trên đồng thời là những tiêu chí xác định bản chất giai cấp công nhân của Đảng. Có người nói: giai cấp công nhân Việt Nam số người còn ít, không lãnh đạo được cách mạng. Hồ Chí Minh đã bác bỏ và khẳng định: "Lãnh đạo được hay là không, là do đặc tính cách mạng, chứ không phải do số người nhiều hay ít của giai cấp". Đặc tính cách mạng đó chính là bản chất giai cấp công nhân của Đảng. Thành phần giai cấp công nhân trong Đảng tuy là một yếu tố quan trọng để xác định bản chất giai cấp công nhân của Đảng, nhưng không phải là yếu tố duy nhất và yếu tố quan trọng nhất. Theo Hồ Chí Minh, bảy yếu tố nêu trên mới là những yếu tố quyết định bản chất giai cấp công nhân của Đảng.

II - NÂNG CAO SỨC CHIẾN ĐẤU CỦA ĐẢNG VỀ CHÍNH TRỊ

Xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng và tổ chức là ba mặt có mối quan hệ khăng khít với nhau, việc tách ra để nghiên cứu cũng chỉ là tương đối.

Tư tưởng Hồ Chí Minh trong việc xây dựng Đảng về chính trị có nhiều nội dung, bao gồm xây dựng đường lối chính trị, bảo vệ chính trị, xây dựng và thực hiện nghị quyết, xây dựng và phát triển lý luận, hệ tư tưởng chính trị, củng cố lập trường chính trị, nâng cao bản lĩnh chính trị, v.v... Trong phạm vi cuốn sách này, chúng tôi nêu lên một số vấn đề chính sau:

1. Xây dựng đường lối chính trị

Đường lối chính trị là một vấn đề cốt tử trong sự tồn tại và phát triển của Đảng.

Vì thế, việc xây dựng đường lối chính trị trở thành một trong những vấn đề cực kỳ quan trọng trong xây dựng Đảng ta. Với tư cách là lãnh tụ của Đảng, Hồ Chí Minh là một "kiến trúc sư trưởng" cùng với Đảng hoạch định đường lối của Đảng. Khi vừa ra đời, Đảng ta đã có ngay một cương lĩnh chính trị đúng đắn. Đó là đặc điểm đáng chú ý trong toàn bộ quá trình hoạt động của Đảng.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng (2-1951), ngoài việc đặt trọng tâm cho việc đẩy mạnh kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, Hồ Chí Minh cùng với Đảng ta vạch ra cương lĩnh chính trị chung để kiện toàn Đảng khi Đảng ra hoạt động công khai với tên gọi là "Đảng Lao động Việt Nam". Tại thời điểm này, Hồ Chí Minh và Đảng ta đã nêu cụ thể hơn việc chuẩn bị những tiền đề cho nước ta tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (9-1960), Hồ Chí Minh đã cùng với Đảng hoạch định đường lối cụ thể về cách mạng Việt Nam gồm hai nhiệm vụ chiến lược ở hai miền: cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam để đi đến mục tiêu thống nhất đất nước xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, độc lập, thống nhất, dân chủ và giàu mạnh theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Mối quan hệ cách mạng của hai miền đã được vạch ra một cách cụ thể, sinh động. Thắng lợi của sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước trên phạm vi cả nước cũng như thắng lợi của bước đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc đã chứng minh cho sự đúng đắn hoàn toàn của đường lối chính trị của Đại hội lần thứ III.

Đảng Cộng sản Việt Nam - một đảng duy nhất cầm quyền - có vai trò định hướng phát triển cho toàn xã hội. Đây là vai trò mà không có một tổ chức nào khác có thể thay thế được. Theo Hồ Chí Minh, Đảng Cộng sản Việt Nam thực hiện vai trò lãnh đạo chính trị của mình chủ yếu bằng việc đề ra cương lĩnh, đường lối chiến lược, phương hướng phát triển kinh tế - xã hội cũng như sách lược và quy định những mục tiêu phát triển của xã hội trên phương hướng lâu dài cũng như của từng giai đoạn. Sai lầm về đường lối là sai lầm nghiêm trọng nhất đối với xã hội, với vận mệnh của Tổ quốc và sinh mạng chính trị của hàng triệu đảng viên cũng như của hàng triệu nhân dân lao động. Bài học từ sự sụp đổ của Đảng Cộng sản Liên Xô và nhiều Đảng Cộng sản cầm quyền ở các nước Đông Âu đầu những năm 90 của thế kỷ XX đã nói lên điều đó.

Vậy thế nào là đường lối chính trị đúng đắn và để có đường lối chính trị đúng thì Đảng phải như thế nào?

Hồ Chí Minh khẳng định: "*Phải có đường lối cách mạng đúng, có đảng của giai cấp vô sản lãnh đạo đúng.* Đường lối ấy chỉ có thể là đường lối của *chủ nghĩa Mác - Lênin* được vận dụng một cách sáng tạo vào hoàn cảnh cụ thể của dân tộc. Ở Việt Nam, đường lối ấy chỉ có thể là

đường lối của giai cấp vô sản và đảng của nó là Đảng Lao động Việt Nam. Đảng phải thật sự là đội tiên phong dũng cảm và bộ tham mưu sáng suốt của giai cấp vô sản, của nhân dân lao động và của cả dân tộc"¹.

Như vậy, Đảng muốn xây dựng đường lối chính trị, theo Hồ Chí Minh, cần coi trọng những vấn đề:

Một là: Đường lối chính trị phải dựa trên cơ sở tư tưởng, cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin vào hoàn cảnh cụ thể của nước ta trong từng thời kỳ.

Những tư tưởng của Mác, Ăngghen, Lênin là sự thấu thái về cơ bản cái tinh túy từ các tri thức tiến bộ của nhân loại. Bản thân Hồ Chí Minh từ chủ nghĩa yêu nước truyền thống chuyển sang lập trường chủ nghĩa cộng sản cũng bởi tiếp nhận, giác ngộ chủ nghĩa Mác - Lênin. Vì vậy, chính chủ nghĩa Mác - Lênin là cơ sở chủ yếu nhất cho sự hình thành của tư tưởng Hồ Chí Minh.

Nhưng vấn đề đặc biệt mà Hồ Chí Minh nhấn mạnh trong việc tiếp thu chủ nghĩa Mác - Lênin để xây dựng đường lối chính trị là phải vận dụng một cách sáng tạo vào hoàn cảnh cụ thể. Sáng tạo - đó là yêu cầu quan trọng đầu tiên khi các Đảng Cộng sản áp dụng học thuyết của các nhà sáng lập ra chủ nghĩa xã hội khoa học vào hoàn cảnh cụ thể của dân tộc mình để xây dựng đường lối chính trị.

Để có thể sáng tạo và bổ sung, phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, trước hết phải nắm vững chủ nghĩa Mác - Lênin. Về điều này, Hồ Chí Minh chỉ rõ: "Học tập chủ nghĩa Mác - Lênin là học tập cái tinh thần xử trí mọi việc, đối với mọi người và đối với bản thân mình; là học tập những chân lý phổ biến của chủ nghĩa Mác - Lênin để áp dụng một cách sáng tạo vào hoàn cảnh thực tế của nước ta. Học để mà làm. Lý luận đi đôi với thực tiễn"².

Trong việc vận dụng một cách sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào việc xây dựng đường lối chính trị, một vấn đề đặt ra là việc tiếp thu kinh nghiệm của các Đảng Cộng sản anh em. Vì vậy, Hồ Chí Minh cũng rất chú trọng đến tiếp thu "kinh nghiệm dồi dào của các nước anh em, nhưng chúng ta cũng không thể áp dụng những kinh nghiệm ấy một cách máy

1. Sđd, tập 11, tr. 493-494.

2. Sđd, tập 9, tr. 292.

móc, bởi vì nước ta có những đặc điểm riêng của ta... Chúng ta phải khắc phục bệnh giáo điều đồng thời phải đề phòng chủ nghĩa xét lại"¹.

Chủ nghĩa Mác - Lênin mà Hồ Chí Minh lưu ý là chủ nghĩa Mác - Lênin được vận dụng sáng tạo, không được phép giáo điều. Nếu biến chủ nghĩa Mác - Lênin thành công thức cứng đờ thì đường lối chính trị của Đảng chỉ là sự sao chép và không chứa đựng khả năng thực thi. Quá trình giáo điều của mỗi Đảng Cộng sản cũng đồng thời là quá trình làm nghèo đi chủ nghĩa Mác - Lênin, một học thuyết vốn rất sống động.

Hai là: Trong xây dựng đường lối chính trị, theo Hồ Chí Minh, phải tính đến những điều kiện cụ thể của đất nước và của thời đại trong từng giai đoạn hoặc cả thời kỳ dài.

Hồ Chí Minh cho rằng: "Không chú trọng đến đặc điểm của dân tộc mình trong khi học tập kinh nghiệm của các nước anh em, là sai lầm nghiêm trọng, là phạm chủ nghĩa giáo điều"².

Theo Hồ Chí Minh, phải gắn lý luận Mác - Lênin với tình hình thực tiễn của đất nước. Năm 1957, Hồ Chí Minh khẳng định; "Đảng ta nhờ kết hợp được chủ nghĩa Mác - Lênin với tình hình thực tế của nước ta, cho nên đã thu được nhiều thắng lợi trong công tác. Tuy vậy, việc kết hợp chân lý của chủ nghĩa Mác - Lênin và thực tiễn của cách mạng Việt Nam chưa được hoàn toàn. Có nhiều sai lầm là do sự thiếu kết hợp đó. Ví dụ những sai lầm trong cải cách ruộng đất, chỉnh đốn tổ chức, xây dựng kinh tế"³.

Những đặc điểm thực tế ở nước ta trong từng thời kỳ trở thành một căn cứ cực kỳ quan trọng để Đảng ta hoạch định đường lối, chủ trương. Chính những vấn đề thực tiễn, đến lượt nó, lại tác động bổ sung cho những vấn đề lý luận Mác - Lênin. Hồ Chí Minh cho rằng: "lý luận không phải là một cái gì cứng nhắc, nó đầy tính chất sáng tạo; lý luận luôn luôn cần được bổ sung bằng những kết luận mới rút ra từ trong thực tiễn sinh động"⁴

1. Sđd, tập 8, tr. 499.

2. Sđd, tập 8, tr. 499.

3. Sđd, tập 8, tr. 498.

4. Sđd, tập 8, tr. 496.

Hồ Chí Minh luôn luôn chú trọng nghiên cứu đặc điểm tình hình và nhấn mạnh đến việc xem xét tình hình cụ thể "từng lúc, từng nơi", khi đề ra đường lối, nhiệm vụ để Đảng lãnh đạo phát triển đất nước.

Xét trong mối quan hệ giữa những vấn đề cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin với đặc điểm của dân tộc, thì hai yếu tố này tác động chặt chẽ với nhau, không loại trừ nhau trong khi xây dựng đường lối chính trị. Hồ Chí Minh cho rằng: không chú trọng đến đặc điểm của dân tộc mình trong khi tiếp thu và vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin là một sai lầm nghiêm trọng, là phạm phải chủ nghĩa giáo điều; nhưng nếu quá nhấn mạnh đặc điểm dân tộc để phủ nhận giá trị phổ biến của chủ nghĩa Mác - Lênin thì cũng mắc sai lầm nghiêm trọng, là phạm phải chủ nghĩa xét lại¹.

Một đường lối chính trị đúng còn là đường lối chứa đựng khả năng thực thi trong thực tế, nghĩa là nó đáp ứng được yêu cầu thực tế của cuộc sống. Có như vậy thì đường lối chính trị đó mới mang trong lòng mình tính cách mạng và khoa học. Thực tế hoạt động của Đảng ta trong hơn 70 năm qua đã chứng minh điều đó là hoàn toàn đúng.

Ba là: Để có đường lối nhiệm vụ chính trị đúng, "Đảng phải thật sự là đội tiên phong dũng cảm và là bộ tham mưu sáng suốt của giai cấp vô sản, của nhân dân lao động và cả dân tộc".

Đường lối chính trị phản ánh một cách rất rõ ràng trình độ, năng lực của Đảng. Đảng yếu kém, trí tuệ hạn chế, v.v... thì đường lối chính trị mà Đảng đề ra khó mà đúng đắn được. Tăng cường xây dựng Đảng về chính trị, do đó, lại là vấn đề xây dựng chính bản thân Đảng, Đảng phải thường xuyên tự chỉnh đốn để tăng cường sức mạnh, đủ sức lãnh đạo nhân dân xây dựng một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Trong việc xây dựng đảng để Đảng đề ra đường lối chính trị đúng, Hồ Chí Minh đã đề cập những vấn đề chủ yếu sau đây:

- Không ngừng nâng cao trình độ lý luận, bởi vì lý luận là sự tổng kết kinh nghiệm của loài người, là tổng hợp những tri thức về tự nhiên và xã hội trong quá trình lịch sử.

- Gắn lý luận với thực tiễn, tránh lý luận suông, phải gắn lý luận Mác - Lênin với việc phân tích và giải quyết các vấn đề cụ thể của cách mạng Việt Nam cho phù hợp với điều kiện Việt Nam. Trong khi vận

1. Sđd, tập 8, tr. 499.

dụng chủ nghĩa Mác - Lênin thì phải bổ sung, làm phong phú thêm lý luận đó bằng những kết luận mới rút ra từ trong thực tiễn cách mạng nước ta. Hồ Chí Minh cho rằng: "Thống nhất giữa lý luận và thực tiễn là một nguyên tắc căn bản của chủ nghĩa Mác - Lênin. Thực tiễn không có lý luận hướng dẫn thì thành thực tiễn mù quáng. Lý luận mà không liên hệ với thực tiễn là lý luận suông"¹.

- Mở rộng và thực hành dân chủ ở trong Đảng để mọi đảng viên đóng góp hết ý kiến của mình cho Đảng trên tinh thần xây dựng theo đúng các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt Đảng.

- Phải nghiên cứu tình hình cụ thể, sâu sát, tỉ mỉ, có tác phong công tác tốt, tránh quan liêu, đại khái, hình thức. Phải nắm vững quy luật phát triển của cách mạng, phải tính toán cẩn thận những điều kiện cụ thể, những biện pháp cụ thể; kế hoạch phải chắc chắn, cân đối. Chớ đem chủ quan của mình thay cho điều kiện thực tế. Phải chống bệnh chủ quan, tác phong quan liêu, đại khái. Phải xây dựng tác phong điều tra nghiên cứu trong mọi công tác cũng như khi định ra mọi đường lối, chủ trương của Đảng.

2. Việc thông qua nghị quyết và tổ chức thực hiện nghị quyết

Việc thông qua nghị quyết và tổ chức thực hiện nghị quyết là hai "công đoạn" có quan hệ chặt chẽ với nhau. Có thể có những vấn đề lớn có tính chất cương lĩnh được thông qua bằng nghị quyết, cũng có những nghị quyết về những vấn đề cụ thể nhất định. Nghị quyết của Đảng chính là sự thể hiện quan điểm chính thức của Đảng về nhiệm vụ mà tất cả mọi tổ chức, mọi đảng viên có trách nhiệm thực hiện một cách nghiêm chỉnh.

Để ra nghị quyết, tổ chức đảng phải có sự chuẩn bị kỹ lưỡng về tất cả các mặt: nhận định những yêu cầu, nhiệm vụ đặt ra cho Đảng trong thời gian trước mắt cũng như lâu dài; có sự nghiên cứu trước, đưa ra những dự án; tổ chức thảo luận trong nội bộ Đảng thật sự dân chủ, nếu cần thiết thì mở rộng cho nhân dân tham gia ý kiến, v.v...

Ở đây, phải chú ý từ hai phía: phía cấp ủy, nhất là cán bộ chủ chốt của Đảng và từ phía mỗi đảng viên trong tổ chức đảng.

1. Sdd, tập 8, tr. 496.

Vai trò của cấp ủy, trong đó người đứng đầu là rất quan trọng trong việc lựa chọn vấn đề, các phương án và phải phổ biến trước cho đảng viên. Làm như vậy để cho đảng viên có đủ thời gian cần thiết để nghiên cứu chuẩn bị ý kiến tham gia trong quá trình thảo luận. Như vậy, đòi hỏi phải làm tốt công tác thông tin.

Nhưng thông qua nghị quyết chưa phải là đã xong, mà một vấn đề quan trọng nữa là tổ chức thực hiện nghị quyết. Hồ Chí Minh rất quan tâm đến vấn đề này để biến những điều trong nghị quyết thành hiện thực trong cuộc sống. Nói đến thực hiện nghị quyết của Đảng là nói đến toàn bộ hoạt động thực tiễn hết sức phong phú và kiên trì. Hồ Chí Minh nhấn mạnh đến những điểm chủ yếu sau đây:

- Có sự phân công trách nhiệm cụ thể cho từng người hoặc từng nhóm. Hồ Chí Minh cho rằng: "Việc gì đã được đông người bàn bạc kỹ lưỡng rồi, kế hoạch định rõ ràng rồi, thì cần phải giao cho một người hoặc một nhóm ít người phụ trách theo kế hoạch đó mà thi hành. Như thế mới có chuyên trách, công việc mới chạy"¹.

- Tuyên truyền cho mọi người hiểu đường lối, chủ trương của Đảng.

- Xây dựng kế hoạch chi tiết, cụ thể, thiết thực. Hồ Chí Minh là người rất coi trọng điều này. Hồ Chí Minh cho rằng: kế hoạch phải thiết thực, kế hoạch một phần, biện pháp thực hiện phải hai phần; phải tạo ra hiệu quả công tác, chớ phô trương hình thức.

- Phải thường xuyên kiểm tra, đôn đốc để điều chỉnh, bổ cứu tạo ra hiệu quả cao.

Sau khi thực hiện nghị quyết, phải tổng kết kinh nghiệm.

Như vậy sức chiến đấu của Đảng về chính trị thể hiện ở việc xây dựng đường lối chính trị đúng, cụ thể hóa đường lối chính xác, kịp thời và thực hiện đường lối thắng lợi.

3. Bảo vệ chính trị nội bộ là một nội dung quan trọng của công tác xây dựng Đảng về chính trị

Trong suốt quá trình sáng lập, giáo dục, rèn luyện, lãnh đạo Đảng ta, Hồ Chí Minh luôn luôn cho rằng, công tác bảo vệ Đảng là nhân tố quan trọng, quan hệ đến sự sống còn của Đảng và sự thành bại của cách

1. Sđd, tập 5, tr. 504.

mạng; nó là một bộ phận quan trọng của công tác xây dựng Đảng nhằm giữ vững và không ngừng nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng. Đảng trong sạch, vững mạnh thì cách mạng mới thành công. Đảng muốn mạnh, thì phải được xây dựng và bảo vệ vững chắc. Hai vấn đề đó gắn bó chặt chẽ với nhau và được thể hiện cụ thể sinh động trong hoạt động lý luận và thực tiễn của Hồ Chí Minh.

Bảo vệ Đảng về chính trị, trước hết là phải bảo vệ cương lĩnh, đường lối, chủ trương của Đảng. Đồng thời phải đấu tranh chống các quan điểm phản động cũng như những âm mưu, hành động xuyên tạc, phá hoại đường lối của Đảng ta. Trong nội bộ Đảng và nhân dân ta, phải chú ý phê phán những nhận thức lệch lạc về đường lối, quan điểm của Đảng trong một số cán bộ, đảng viên, thường xuyên kiểm tra, tổng kết để điều chỉnh, bổ khuyết các chủ trương, biện pháp lãnh đạo của Đảng.

Bảo vệ Đảng về tư tưởng trước hết phải đấu tranh để bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin. Hồ Chí Minh chú trọng tới việc chống chủ nghĩa giáo điều, xét lại, cơ hội, hạ thấp hoặc phủ nhận chủ nghĩa Mác - Lênin.

Bảo vệ Đảng về tư tưởng cũng đặt ra yêu cầu đấu tranh, phê phán và gột rửa những biểu hiện của tư tưởng "phi vô sản" trong đội ngũ cán bộ, đảng viên; giáo dục đạo đức cách mạng, đấu tranh với sự thoái hóa, biến chất của cán bộ, đảng viên.

Bảo vệ Đảng về tư tưởng còn phải chống lại hoạt động phá hoại tư tưởng trong xã hội của các thế lực thù địch. Hồ Chí Minh rất quan tâm đến vấn đề này. Người đã vạch trần những thủ đoạn, lời nói mị dân, xuyên tạc hình ảnh người cộng sản, hòng bôi nhọ Đảng. Trong điều kiện Đảng lãnh đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước ở miền Nam, Hồ Chí Minh luôn lưu tâm đến hoạt động phá hoại tư tưởng của đế quốc Mỹ và bọn tay sai bán nước, kêu gọi toàn Đảng, toàn dân phải luôn cảnh giác, chống lại những hoạt động phá hoại của chúng. Người viết: "Chúng ta xây dựng chủ nghĩa xã hội thì bọn Mỹ - Diệm không muốn cho chúng ta thành công. Chúng âm mưu phá hoại ta bằng nhiều cách. Chúng còn bịa đặt tin đồn nhảm, phá hoại tinh thần của dân ta". Chúng nói một đằng chúng làm một nẻo, "tay chúng càng gây ra tội ác dã man, thì miệng chúng lại càng rêu rao "hòa bình", "thương lượng".

Bảo vệ Đảng về tổ chức là chống lại bọn phản động cài cắm người của chúng vào nội bộ Đảng. Hơn nữa, Hồ Chí Minh còn chỉ rõ phải ngăn chặn những hoạt động của bọn phản động lợi dụng những khuyết điểm của Đảng để phá hoại Đảng. Hồ Chí Minh nhấn mạnh: "Bọn phản động thì lợi dụng những khuyết điểm đó và tô vẽ thêm để phá hoại Đảng ta. Lợi dụng những sai lầm và khuyết điểm đó để đạt mục đích tự tư tự lợi của họ... Bọn phản động và bọn đầu cơ là địch nhân lọt vào trong Đảng để phá hoại. Vì vậy chúng ta phải ra sức đề phòng. Mỗi khi trong Đảng có khuyết điểm thì chúng ta phải tìm cách chớ để cho ai lợi dụng"¹.

Bảo vệ Đảng về tổ chức bao gồm cả việc bảo vệ và thực hiện tất các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt Đảng, nghiêm chỉnh tuân theo kỷ luật của Đảng. Hồ Chí Minh chỉ rõ những biểu hiện của việc thi hành kỷ luật không nghiêm và tác hại to lớn của chúng. Người viết: "Nhiều nơi các đồng chí phạm lỗi, nhưng không bị trừng phạt xứng đáng, có đồng chí bị hạ tầng công tác nơi này, đi nơi khác lại ở cấp cũ hay chỉ bị hạ tầng công tác theo hình thức, nhưng vẫn ở cấp bộ cũ làm việc.

Có đồng chí đáng phải trừng phạt, nhưng vì cảm tình nể nang chỉ phê bình, cảnh cáo qua loa cho xong chuyện. Thậm chí còn có nơi che đậy cho nhau, tha thứ lẫn nhau, lừa dối cấp trên, giấu giếm đoàn thể. Thi hành kỷ luật như vậy làm cho các đồng chí không những không biết sửa lỗi mình mà còn khinh thường kỷ luật. Tai hại hơn nữa nếu kỷ luật của đoàn thể lỏng lẻo, những phần tử phản động sẽ có cơ hội chui vào hàng ngũ ta để phá hoại đoàn thể ta"².

Việc bảo vệ sự đoàn kết nhất trí của Đảng cũng như bảo vệ hệ thống tổ chức của Đảng từ Trung ương đến cơ sở cũng là một nội dung mà Hồ Chí Minh chú trọng trong việc bảo vệ Đảng.

Trong công tác bảo vệ Đảng, Hồ Chí Minh nhấn mạnh đến việc tích cực, chủ động phòng ngừa, ngăn chặn âm mưu, thủ đoạn phá hoại của kẻ thù, xử lý kịp thời và nghiêm minh những trường hợp đảng viên vi phạm kỷ luật Đảng.

Giáo dục nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên về âm mưu, thủ đoạn phá hoại của kẻ thù, nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng, giáo dục về phẩm chất đạo đức cách mạng, sự kiên định lập trường tư tưởng của giai cấp công nhân.

1, 2. Sđd, tập 5, tr. 246 và 73.

Để chủ động ngăn chặn sự phá hoại của kẻ thù, Hồ Chí Minh thường xuyên quan tâm đến việc giáo dục đạo đức cách mạng, sự kiên định lập trường của giai cấp công nhân cho cán bộ, đảng viên.

Đối với tiêu chuẩn, nguyên tắc, thủ tục kết nạp đảng viên, Hồ Chí Minh đòi hỏi phải hết sức thận trọng khi thực hiện vấn đề này. Hồ Chí Minh nhấn mạnh rằng, kết nạp đảng viên phải bảo đảm tiêu chuẩn, đúng nguyên tắc, thủ tục và phải được thủ thách cẩn thận nhằm làm cho những người vào Đảng không phải để làm "quan cách mạng", để "thăng quan phát tài" và những kẻ phá hoại Đảng chui vào Đảng.

Theo Hồ Chí Minh, việc quản lý cán bộ phải được thực hiện một cách nghiêm túc và phải biết rõ cán bộ. Chỉ như thế mới sử dụng đúng cán bộ. Việc lựa chọn cán bộ phải được tiến hành một cách cẩn thận, tuân thủ những quy định chặt chẽ của Đảng. Tuân thủ nghiêm ngặt những quy định đó sẽ hạn chế được những kẻ cơ hội, phá hoại chui vào Đảng, nắm giữ những chức vụ quan trọng, gây hậu quả xấu cho Đảng.

Giữ vững các nguyên tắc tổ chức, duy trì kỷ luật nghiêm minh là một biện pháp rất quan trọng để bảo vệ Đảng. Người yêu cầu đảng viên phải tuyệt đối tuân theo mệnh lệnh của Đảng. Nếu kỷ luật Đảng lỏng lẻo thì những phần tử phản động sẽ có cơ hội chui vào Đảng để phá hoại. Đối với những kẻ xấu phá hoại Đảng đã bị phát hiện phải xử lý nghiêm minh. Song, phải xác định rõ từng đối tượng để xử lý đúng mức.

Hồ Chí Minh đặc biệt coi trọng việc phòng gian bảo mật, coi "giữ bí mật của Nhà nước là một bộ phận trong cuộc đấu tranh với địch". Hồ Chí Minh yêu cầu mỗi cán bộ, đảng viên và tổ chức đảng phải giữ bí mật, đồng thời phê phán nghiêm khắc những cán bộ, đảng viên để lộ bí mật của Nhà nước. Hồ Chí Minh viết: Nhiều cán bộ còn phạm khuyết điểm: Không cẩn thận trong việc viết, in, gửi, quản lý và kiểm tra văn kiện bí mật. Mang văn kiện bí mật về nhà xem; xem văn kiện bí mật ở chỗ đông người; ghi chép những việc bí mật vào sổ tay thường của mình. Hay ba hoa, đưa việc bí mật nói với vợ con, bầu bạn... ở quán cơm, rạp hát, công viên, tiệm hớt tóc cũng đưa việc trong cơ quan ra nói. Khi viết thư riêng, hoặc viết bài cho báo chí, cũng nói đến việc bí mật... Như thế là các cán bộ đó đã vô tình mà giúp cho địch¹.

1. Sdd, tập 8, tr. 121-122.

Trước âm mưu, thủ đoạn phá hoại Đảng, phá hoại cách mạng rất thâm độc, xảo quyệt của đế quốc Mỹ và bọn tay sai của chúng. Hồ Chí Minh luôn luôn chú trọng đến việc phòng gian, bảo mật. Người viết: "phải có tinh thần *cảnh giác, phòng gian, bảo mật*. Việc đó chúng ta làm chưa được tốt lắm. Các nơi còn làm lộ bí mật, cán bộ còn nói lung tung, làm lộ bí mật của Đảng, của Nhà nước. Bệnh ba hoa còn nhiều, còn làm mất tài liệu bí mật..."¹.

Hồ Chí Minh khẳng định: "Cuộc chiến tranh thắng hay bại, một phần lớn do biết giữ bí mật hay không biết giữ bí mật, mà quyết định... Ta biết *giữ bí mật*, thì bọn Việt gian mật thám khó mà hoạt động. Ta biết *giữ bí mật*, thì dù địch có trăm tai, ngàn mắt, cũng không dò được tin và đoán trước được sự hành động của ta"². Hồ Chí Minh cũng đặc biệt chú ý việc phải dựa vào nhân dân, tổ chức và động viên nhân dân tích cực tham gia bảo vệ Đảng.

Hồ Chí Minh luôn luôn nhắc nhở cán bộ, đảng viên phải dựa vào dân để tiến hành công tác bảo vệ Đảng, phải tăng cường giáo dục cho nhân dân về trách nhiệm bảo vệ Đảng, giáo dục để họ hiểu rõ âm mưu thủ đoạn phá hoại Đảng của các thế lực thù địch, giáo dục tinh thần cảnh giác cách mạng, ý thức phòng gian, bảo mật... Qua đó, động viên nhân dân tích cực tham gia bảo vệ Đảng. Hồ Chí Minh cho rằng: "Nhân dân ta có hàng chục triệu người, có hàng mấy chục triệu tai mắt, tay chân. Nếu biết dựa vào nhân dân, thì việc gì cũng xong"³. Nếu biết dựa vào dân, tổ chức nhân dân tiến hành bảo vệ Đảng thì chắc chắn Đảng sẽ được bảo vệ vững chắc. Bởi vì "hàng triệu lỗ tai, con mắt của nhân dân chẳng thành những bức "thiên la địa võng" nên lũ mật thám không sao thoát được". Bởi vì, dựa vào dân, động viên nhân dân tham gia bảo vệ Đảng sẽ tạo nên sức mạnh to lớn "thì bọn gian phi, côn đồ sẽ lòi mật ra và sẽ phải cải tà quy chính dưới lực lượng to lớn của quần chúng"⁴.

Việc tuyên truyền cho nhân dân hiểu rõ về âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, về tinh thần cảnh giác cách mạng, về trách nhiệm

1. Sdd, tập 12, tr. 23.

2. Sdd, tập 5, tr. 468-469.

3. Sdd, tập 5, tr. 406.

4. Sdd, tập 7, tr. 363.

bảo vệ Đảng, về lòng yêu nước, truyền thống giữ nước của dân tộc... kết hợp chặt chẽ với hoạt động của công an, quân đội sẽ tạo nên sức mạnh vô địch để tiến hành công tác bảo vệ Đảng. Đó là biện pháp hiệu nghiệm để bảo vệ Đảng. Bởi vì, theo Hồ Chí Minh, "Chống bọn phá hoại cũng như chống mật thám Mỹ, *cách tốt nhất là tổ chức và giáo dục nhân dân đến nơi đến chốn*. Lòng nồng nàn yêu nước và tinh thần cảnh giác của nhân dân, cộng với sự cố gắng của bộ đội và công an - là cái lưới (thiên la địa võng), bất kỳ bọn phá hoại nào, bọn mật thám nào cũng không lọt được cái lưới ấy của nhân dân"¹.

III- NÂNG CAO SỨC CHIẾN ĐẤU CỦA ĐẢNG VỀ TƯ TƯỞNG

Ngay từ khi Đảng chưa ra đời, Hồ Chí Minh đã đặc biệt quan tâm tới công tác tư tưởng. Tại Đại hội toàn quốc lần thứ XVIII của Đảng Xã hội Pháp họp tại Tua (12-1920) trong lời phát biểu của mình, Hồ Chí Minh đã tố cáo tội ác man rợ của thực dân Pháp đối với nhân dân Việt Nam và các dân tộc thuộc địa; đồng thời, Người kêu gọi Đảng Xã hội Pháp cần phải "hoạt động một cách thiết thực để ủng hộ những người bản xứ bị áp bức (...) Đảng phải tuyên truyền chủ nghĩa xã hội trong tất cả các nước thuộc địa"².

Trong suốt cuộc đời hoạt động của mình, Hồ Chí Minh đã rất coi trọng công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao giác ngộ chính trị kể cả ở trong Đảng, trong nhân dân, ở trong nước và quốc tế. Người tận dụng mọi diễn đàn để tuyên truyền, giác ngộ chính trị cho quần chúng. Người đã đề xuất và giải quyết những vấn đề rất cơ bản trọng đại của cách mạng Việt Nam, từ những vấn đề thuộc đường lối chiến lược, sách lược đến những chính sách cụ thể.

Một trong những di sản to lớn mà Hồ Chí Minh để lại cho Đảng ta là kho tàng kinh nghiệm vô giá về công tác tư tưởng. Vì vậy, việc nghiên cứu những tư tưởng của Người nói chung và về công tác tư tưởng nói riêng trong giai đoạn hiện nay có ý nghĩa đặc biệt quan trọng.

1. Sdd, tập 8, tr. 113.

2. Sdd, tập 1, tr. 23.

Vấn đề xây dựng Đảng về tư tưởng bao gồm những nội dung chủ yếu sau đây:

- Vai trò của tư tưởng và công tác tư tưởng.

- Vai trò của lý luận và công tác lý luận.

- Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức cho cán bộ, đảng viên và quần chúng.

1. Vai trò của tư tưởng và công tác tư tưởng

Hồ Chí Minh đánh giá rất cao vai trò của tư tưởng trong đời sống chính trị, xã hội; và vai trò của công tác tư tưởng trong công tác xây dựng Đảng, trong các quá trình hoạt động, lãnh đạo của Đảng. Những quan điểm của Người về vấn đề này tập trung trong những nội dung cơ bản, khái quát sau đây:

- *Giáo dục tư tưởng và lãnh đạo tư tưởng là công việc quan trọng của Đảng.*

Hồ Chí Minh đặc biệt coi trọng công tác xây dựng Đảng về cả ba mặt: chính trị, tư tưởng và tổ chức, trong đó: "giáo dục tư tưởng và lãnh đạo tư tưởng là việc quan trọng nhất của Đảng, phải kiên quyết chống cái thói xem nhẹ tư tưởng"¹. Tư tưởng thông suốt thì hành động mới tích cực, đúng hướng. Do đó, trong mọi hoạt động của con người, của tổ chức, công tác tư tưởng phải luôn luôn đi trước một bước.

Trong tác phẩm *Đường cách mệnh*, Hồ Chí Minh đã nêu rõ lý do: "Vì sao phải viết sách này?" và Người chỉ ra rằng, đó là để giác ngộ đồng bào, đồng chí đứng lên làm cách mạng. Theo Người, phạm làm bất cứ công việc gì lớn hay bé, khó hay dễ nếu không ra sức thì "chắc không thành công" nhưng nếu đồng tâm hiệp lực thì có thể làm nổi. Muốn vậy thì mọi người phải hiểu rõ vì sao mà làm, làm như thế nào..., có như thế "mục đích mới đồng", "chí mới đồng", "tâm mới đồng". Viết tác phẩm này, Người xác định rất rõ mục đích là để đồng bào xem, đồng bào hiểu: vì sao phải làm cách mệnh? Vì sao cách mệnh là việc làm của dân chúng, của mọi người? Ai là bạn? Ai là thù?... Và Người "ước sao đồng bào xem rồi thì nghĩ lại, nghĩ rồi thì tỉnh dậy, tỉnh rồi thì đứng lên đoàn kết nhau mà làm cách mệnh"². Xuất phát từ quan điểm "cách mệnh trước phải

1. Sđd, tập 7, tr. 234.

2. Sđd, tập 2, tr. 261-262.

làm cho dân giác ngộ" nên Hồ Chí Minh đã viết tác phẩm *Đường cách mạng* và như vậy Người đã làm công tác tư tưởng đối với đồng bào, đồng chí. Người đã đưa công tác tư tưởng đi trước một bước nhằm giác ngộ mọi người, tập hợp lực lượng, thống nhất mục đích, đồng tâm hiệp lực làm cách mạng. Công tác tư tưởng chính là khâu đột phá đầu tiên, là chiếc "chìa khóa" để bắt đầu tiến hành bất kỳ một quá trình, một hoạt động tự giác nào của mọi người, mọi tổ chức trong đời sống xã hội.

Hồ Chí Minh rất coi trọng những kinh nghiệm của tổ tiên. Trong *Lời hiệu triệu*, Người viết: Người xưa có nói rằng: "đánh vào lòng là hơn hết; đánh vào thành trì là thứ hai" và Người khẳng định "trước hết là bằng tinh thần: bại không nản, thắng không kiêu... đồng tâm, nhất trí"¹.

Tinh thần, tư tưởng, sự giác ngộ luôn luôn là yếu tố đầu tiên tạo nên lòng quyết tâm, ý chí kiên cường của người cách mạng; là tiền đề, cơ sở để có hoạt động thống nhất, mạnh mẽ, có hiệu lực. Hồ Chí Minh coi sự thống nhất về tư tưởng, về hành động là nguồn sức mạnh to lớn của Đảng. Người nhấn mạnh: "Nếu đảng viên tư tưởng và hành động không nhất trí, thì khác nào một mớ cát rời, "trống đánh xuôi, kèn thổi ngược". Như vậy, thì không thể lãnh đạo quần chúng, không thể làm cách mạng"².

- *Công tác tư tưởng là một biện pháp quan trọng để tranh thủ sự đồng tình và ủng hộ của quần chúng, để tập hợp lực lượng cách mạng.*

Khi bàn về vấn đề này, Người chỉ ra rằng, dân vận là vận động lực lượng của mỗi người dân, góp thành lực lượng toàn dân. Người cho rằng, công tác dân vận không thể chỉ dùng báo chí, sách vở, khẩu hiệu..., mà theo Người, "Trước nhất là phải tìm mọi cách *giải thích cho mỗi một người dân hiểu rõ ràng*: Việc đó là lợi ích cho họ và nhiệm vụ của họ, họ phải hăng hái làm cho kỳ được"³.

- *Tư tưởng cách mạng là vũ khí tuyên truyền mạnh mẽ và công tác tư tưởng là mặt trận quan trọng của người cộng sản.*

Trong bài viết *Lênin và các dân tộc thuộc địa*, Hồ Chí Minh coi việc Lênin giải quyết vấn đề dân tộc hết sức phức tạp ở nước Nga là một bài

1. Sđd, tập 4, tr. 187-188.

2. Sđd, tập 9, tr. 288.

3. Sđd, tập 5, tr. 698.

học kinh nghiệm rất quý báu về công tác tư tưởng, tuyên truyền đối với các nước thuộc địa. Nhân dân các nước thuộc địa nhận thức rõ những tư tưởng của Lênin về vấn đề thuộc địa, từ đó, họ tin tưởng vào chủ nghĩa Mác - Lênin, đặt niềm tin to lớn vào chủ nghĩa cộng sản và họ đứng lên làm cách mạng để tự giải phóng mình. Hồ Chí Minh coi tư tưởng, công tác tư tưởng là một mặt trận và những cán bộ, đảng viên "phải là những chiến sĩ trên mặt trận tư tưởng"¹.

- Công tác tư tưởng là một nội dung, phương thức lãnh đạo quan trọng của Đảng.

Trong bài viết *Phải tẩy sạch bệnh quan liêu*, khi bàn về nghĩa vụ "phụng sự nhân dân", "làm đầy tớ nhân dân" của Đảng và Nhà nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ ra rằng: "Lãnh đạo nhân dân bằng cách tuyên truyền, giải thích, cổ động, giáo dục, tổ chức nhân dân..."².

Theo Hồ Chí Minh, công tác tư tưởng có một vị trí rất lớn trong quá trình tổ chức việc thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng. Người chỉ ra rằng sau khi có đường lối, chủ trương rồi, phải có biện pháp tổ chức thực hiện đường lối cho tốt. Đó là "kế hoạch một phần, biện pháp phải hai phần và quyết tâm phải ba phần". Người khẳng định rằng, công tác tư tưởng, chính trị phải kết hợp chặt chẽ với công tác tổ chức. "Tư tưởng thông, mọi người hăng hái thực hiện kế hoạch mới tốt"³.

- Công tác tư tưởng là một biện pháp quan trọng để xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa.

Hồ Chí Minh cho rằng, muốn có chủ nghĩa xã hội thì phải có những con người xã hội chủ nghĩa và công tác tư tưởng là biện pháp rất quan trọng để giáo dục, xây dựng con người xã hội chủ nghĩa. Trong quá trình đi lên chủ nghĩa xã hội, Đảng ta đã tiến hành nhiều cuộc vận động chỉnh huấn. Thực chất của chỉnh huấn là một cuộc vận động lớn về tư tưởng trong Đảng và trong nhân dân "*nhằm xây dựng những con người của chủ nghĩa xã hội, có tư tưởng và tác phong xã hội chủ nghĩa*"⁴.

1. Sđd, tập 11, tr. 78.

2. Sđd, tập 6, tr. 88.

3. Sđd, tập 10, tr. 266.

4. Sđd, tập 10, tr. 310.

Tóm lại, theo Hồ Chí Minh, tư tưởng là vấn đề cốt lõi của đời sống tinh thần con người; tư tưởng bao gồm lập trường quan điểm, trình độ hiểu biết về lý luận chính trị, truyền thống đạo đức của con người. Hồ Chí Minh quan niệm công tác tư tưởng luôn luôn giữ vai trò chủ đạo, đầu tiên chi phối sự suy nghĩ hành động của con người. Tư tưởng đúng đắn, thông suốt, lập trường giai cấp vững vàng luôn luôn là yếu tố quan trọng hàng đầu tạo nên lòng quyết tâm, ý chí kiên cường của người cách mạng; là tiền đề, là cơ sở để hành động thống nhất, mạnh mẽ, có hiệu lực. Ngược lại, những tư tưởng lạc hậu, phản động là những lực cản kìm hãm quá trình tiến bộ xã hội. Sự thống nhất về chính trị, tư tưởng và tổ chức là nguồn sức mạnh đặc biệt to lớn của Đảng.

2. Vai trò của lý luận và công tác lý luận

Cách mạng xã hội chủ nghĩa là một quá trình hoạt động tự giác của quần chúng nhân dân lao động dưới sự lãnh đạo của Đảng nhằm cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới. Để quá trình hoạt động đó tránh được những sai lầm, thiếu sót, giành được những thắng lợi to lớn thì rất cần phải có sự chỉ dẫn của *lý luận khoa học*.

Vai trò tiên phong của các Đảng Cộng sản như Mác và Ăngghen chỉ ra trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, được thể hiện trên hai phương diện lý luận và hoạt động thực tiễn.

Trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, Hồ Chí Minh rất coi trọng hoạt động lý luận tập trung trên ba mặt chủ yếu:

Một là, ra sức học tập, nghiên cứu để nắm vững chủ nghĩa Mác - Lênin và những kinh nghiệm quý báu của các thế hệ ông cha ta trong hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước cũng như kinh nghiệm của các nước.

Hai là, từ thực tiễn của đời sống chính trị, kinh tế, xã hội, con người Việt Nam, Hồ Chí Minh rất coi trọng việc vận dụng lý luận và tổng kết thực tiễn rút ra những bài học kinh nghiệm cho cách mạng Việt Nam.

Ba là, truyền bá lý luận Mác - Lênin để đồng bào, đồng chí hiểu Đảng, hiểu cách mạng, hiểu đường lối, chủ trương của Đảng rồi đứng lên đánh đuổi đế quốc, giành độc lập tự do cho Tổ quốc, xây dựng nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa giàu mạnh, ai cũng đủ cơm no, áo ấm, ai cũng được học hành...

Trên cả ba mặt đó, Người luôn luôn căn dặn Đảng phải chú ý chống bệnh chủ quan, giáo điều, máy móc và thổi phồng những đặc thù, coi thường lý luận, rơi vào chủ nghĩa xét lại.

Hồ Chí Minh quan niệm lý luận là sự tổng kết những kinh nghiệm của loài người, là tổng hợp những tri thức về tự nhiên và xã hội trong lịch sử. Lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin, theo Người, đó "là sự tổng kết những kinh nghiệm của phong trào công nhân từ trước đến nay ở tất cả các nước,... khoa học về các quy luật phát triển của tự nhiên và xã hội, khoa học về cách mạng của quần chúng bị áp bức và bị bóc lột... khoa học về xây dựng chủ nghĩa cộng sản"¹.

Hồ Chí Minh quan niệm lý luận là những vấn đề rất thực tế, từ "thực tế trong lịch sử, trong kinh nghiệm, trong các cuộc tranh đấu, xem xét, so sánh thật kỹ lưỡng rõ ràng, làm thành kết luận. Rồi lại đem nó chứng minh với thực tế. Đó là lý luận chân chính"².

Hồ Chí Minh đánh giá cao vai trò của lý luận, đặc biệt là lý luận Mác - Lênin; đồng thời Người cũng rất coi trọng công tác lý luận của Đảng nhằm nắm vững những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, kinh nghiệm của tổ tiên trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam; nhằm tổng kết những kinh nghiệm của cách mạng nước ta, rút ra những bài học có ý nghĩa, có giá trị lý luận.

Vai trò của lý luận theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, tập trung ở những luận điểm cơ bản sau đây:

Một là, lý luận đóng vai trò định hướng cho hành động.

Lý luận là sự tổng kết những kinh nghiệm thực tiễn của quá trình phát triển của xã hội loài người, tổng kết những thành công và cả những thất bại của cách mạng qua các giai đoạn, các thời kỳ lịch sử. Từ những bài học kinh nghiệm thực tiễn lặp đi lặp lại đó, con người rút ra những quy luật vận động của sự vật, hiện tượng.

Khi đặt vấn đề Đảng lãnh đạo thế nào và lãnh đạo bằng cái gì, Hồ Chí Minh chỉ ra rằng, lý luận rất quan trọng: "Không có lý luận thì lúng

1. Sđd, tập 8, tr. 497.

2. Sđd, tập 5, tr. 233.

túng như nhắm mắt mà đi"¹. Rằng, nguyên nhân của bệnh chủ quan, bảo thủ là do "kém lý luận, hoặc khinh lý luận, hoặc lý luận suông"².

Vì kém lý luận nên không biết xem xét đánh giá đúng sự vật, hiện tượng; không biết nhanh chóng xử trí, giải quyết đúng những mâu thuẫn; không nhận rõ được điều kiện, hoàn cảnh khách quan, chủ quan; "ý mình nghĩ thế nào làm thế ấy. Kết quả thường thất bại"³.

Hai là, lý luận đóng vai trò dự đoán tương lai.

Sự vật luôn luôn vận động, phát triển không ngừng. Những hiện tượng của hôm nay đều có nguồn gốc nảy sinh từ quá khứ. Cái hiện tại có thể sẽ là bước đi tiếp theo nào đó nảy sinh trong tương lai. Lý luận giúp con người từ hiện tại có khả năng phán đoán được tương lai. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: "Lý luận như cái kim chỉ nam, nó chỉ phương hướng cho chúng ta trong công việc thực tế"⁴; rằng, trong thực tế, có những cán bộ có nhiều kinh nghiệm, điều đó rất quý, nhưng nếu họ "biết thêm lý luận thì công việc lợi hơn nhiều. Họ quên rằng: kinh nghiệm của họ tuy tốt, nhưng cũng chẳng qua là từng bộ phận mà thôi, chỉ thiên về một mặt mà thôi". Người nói: "Có kinh nghiệm mà không có lý luận cũng như một mắt sáng một mắt mờ"⁵.

Lý luận giúp con người định hướng đúng cho hành động hiện tại, phán đoán đúng những bước đi và sự phát triển của tương lai. "Lý luận cốt để áp dụng vào công việc thực tế. Lý luận mà không áp dụng vào thực tế là lý luận suông"⁶. Người viết rằng, dù đọc được ngàn vạn cuốn sách lý luận, nhưng nếu không biết đem ra thực hành thì như thế "không phải đã là biết lý luận", "khác nào một cái hòm đựng sách", "xem nhiều sách để mà lờ, để mà ra ta đây, thế không phải là biết lý luận". Người khẳng định: "Lý luận phải đem ra thực hành. Thực hành phải nhằm theo lý luận.

Lý luận cốt để áp dụng vào thực tế. Chỉ học thuộc lòng, để đem lờ thiên hạ thì lý luận ấy cũng vô ích.

Vì vậy, chúng ta phải *gắng học*, đồng thời học thì phải *hành*"⁷.

1, 2, 3. Sdd, tập 5, tr. 233-234.

4, 5. Sdd, tập 5, tr. 233-234.

6. Sdd, tập 5, tr. 233.

7. Sdd, tập 5, tr. 235.

Ba là, lý luận giúp con người tạo lập niềm tin, kiên định lập trường, tư tưởng.

Hiểu chủ nghĩa Mác - Lênin, làm theo chủ nghĩa Mác - Lênin, đó là nhiệm vụ, là trách nhiệm của mỗi đảng viên. Lý luận Mác - Lênin giúp chúng ta hiểu các quy luật vận động của xã hội loài người, hiểu con đường nên đi và cần đi để xây dựng một xã hội Việt Nam ấm no, hạnh phúc.

Trong *Bài nói chuyện ở lớp huấn luyện đảng viên mới* (5-1966) ở Hà Nội, Hồ Chí Minh đã nêu rõ, muốn xứng đáng với danh hiệu đảng viên, phải không ngừng rèn luyện tư tưởng vô sản và giữ vững lập trường, phải cố gắng học để nâng cao trình độ hiểu biết của mình. Người nói rằng Người "đã 76 tuổi nhưng vẫn cố gắng học thêm"; để lãnh đạo cách mạng, Đảng phải mạnh; "Đảng mạnh là do chi bộ tốt. Chi bộ tốt là do các đảng viên đều tốt. Muốn xây dựng chi bộ "bốn tốt" thì phải bồi dưỡng lập trường vô sản cho đảng viên. Muốn có lập trường vô sản vững chắc, thì đảng viên phải có ý thức giai cấp, đồng thời phải có lý luận cách mạng. Không có lý luận về chủ nghĩa xã hội khoa học thì không thể có lập trường giai cấp vững vàng"¹.

Cách mạng là một quá trình đấu tranh để giải quyết các mâu thuẫn. Suốt quá trình đó, mâu thuẫn này được giải quyết thì đồng thời mâu thuẫn khác lại xuất hiện. Phong trào cách mạng lôi cuốn hàng triệu quần chúng nhân dân lao động.

Công việc cách mạng là vô cùng phức tạp, khó khăn, vì vậy "Để cân nhắc mọi hoàn cảnh phức tạp, nhìn rõ các mâu thuẫn, để giải quyết đúng các vấn đề, thì chúng ta phải cố gắng học tập lý luận Mác - Lênin"².

Trong các tác phẩm của mình, Hồ Chí Minh đã thể hiện rõ sự quan tâm sâu sắc đến lý luận và công tác lý luận; đặc biệt, Người hết sức coi trọng việc vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện thực tiễn của cách mạng Việt Nam. Hầu như trong các bài viết và câu nói của Người đều gắn với thực tế Việt Nam, xuất phát từ thực tiễn cách mạng Việt Nam. Người luôn luôn nhắc nhở cán bộ, đảng viên rằng, sự "thống nhất giữa lý luận và thực tiễn là một nguyên tắc căn bản của chủ nghĩa Mác - Lênin"; "Những người cộng sản các nước phải cụ thể hóa chủ nghĩa Mác - Lênin

1. Sdd, tập 12, tr. 92.

2. Sdd, tập 9, tr. 292.

cho thích hợp với điều kiện hoàn cảnh từng lúc và từng nơi"; Đảng cần mở trường để giáo dục, đào tạo, nâng cao trình độ lý luận cho đội ngũ cán bộ, đảng viên; việc học tập lý luận đó không phải nhằm biến họ thành những người lý luận suông mà nhằm làm cho công tác của họ ngày càng tốt hơn, lập trường tư tưởng vô sản của họ ngày càng vững vàng hơn; học tập chủ nghĩa Mác - Lênin là "học tập tinh thần của chủ nghĩa Mác - Lênin"; học tập lập trường, quan điểm và phương pháp của chủ nghĩa Mác - Lênin "để áp dụng lập trường, quan điểm và phương pháp ấy mà giải quyết cho tốt những vấn đề thực tế trong công tác cách mạng của chúng ta"¹.

Theo Hồ Chí Minh, để việc nghiên cứu học tập lý luận đạt kết quả tốt thì phải có thái độ học tập đúng. Đó là phải khiêm tốn, thật thà, đào sâu suy nghĩ, cái gì biết thì nói biết, không biết thì nói không biết, "kiêu ngạo, tự phụ, tự mãn là kẻ thù số một của học tập"; phải tự nguyện, tự giác "xem công tác học tập cũng là một nhiệm vụ, mà người cán bộ, đảng viên phải hoàn thành cho được; phải tích cực, nêu cao tinh thần chịu khó, cố gắng "không lùi bước trước bất kỳ khó khăn nào trong việc học tập"².

Trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, Hồ Chí Minh đã thể hiện tấm gương mẫu mực trong hoạt động lý luận. Người đặc biệt nêu cao vai trò của lý luận. Người luôn nhắc nhở rằng, lý luận không phải là cái gì cao siêu, xa rời và thoát ly thực tiễn; lý luận không phải là thứ để trang sức, để "lòe" thiên hạ; lý luận luôn luôn là kim chỉ nam cho hành động. Xuất phát từ quan niệm đầy đủ và đúng đắn vai trò của lý luận, Người đã rất coi trọng công tác lý luận và hoạt động kiên cường trên mặt trận lý luận.

Khi viết báo, viết sách, tham gia các diễn đàn, hội nghị... ở đâu và lúc nào Người cũng tận dụng mọi thời cơ để tuyên truyền, giáo dục lý luận, phổ biến đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước cho cán bộ, đảng viên và nhân dân lao động. Người luôn luôn viết và nói một cách giản dị, rõ ràng, dễ hiểu, dễ nhớ, dễ vận dụng.

Tóm lại, theo Hồ Chí Minh, cách mạng xã hội chủ nghĩa là một quá trình hoạt động tự giác của đông đảo quần chúng nhân dân lao động

1. Sdd, tập 8, tr. 497.

2. Sdd, tập 8, tr. 499.

dưới sự lãnh đạo của Đảng nhằm giải quyết hàng loạt nhiệm vụ vô cùng khó khăn, phức tạp. Để vượt qua mọi trở ngại, thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ thực tiễn đó và tránh được những sai lầm, vấp vấp, tăng cường và giữ vững được vai trò lãnh đạo của mình, Đảng cần có sự chỉ dẫn của lý luận khoa học, cách mạng.

Lý luận cách mạng giúp Đảng định hướng đúng mọi hoạt động; dự đoán được các bước phát triển của cách mạng, của xã hội trong tương lai; tạo lập niềm tin, kiên định lập trường tư tưởng vô sản. Trình độ lý luận cao là cơ sở đầu tiên tạo lập cho Đảng có bản lĩnh chính trị vững vàng trước mọi biến động ở trong nước và trên thế giới; đề ra được đường lối, chủ trương đúng đắn, tránh được các khuynh hướng máy móc, giáo điều, chủ quan nóng vội; không hoang mang, dao động trước những diễn biến phức tạp.

Vì vậy, mọi đảng viên phải ra sức học tập lý luận Mác - Lênin, "cố gắng nắm vững những quy luật phát triển của cách mạng Việt Nam"¹.

Theo Người, học lý luận là "nhằm mục đích để vận dụng chứ không phải học lý luận vì lý luận", không phải để có "cái vốn" để sau này "đưa ra mặc cả với Đảng", học lý luận Mác - Lênin, đó là "học tập tinh thần", "học tập lập trường, quan điểm và phương pháp của chủ nghĩa Mác - Lênin để áp dụng đúng lập trường, quan điểm và phương pháp ấy mà giải quyết cho tốt những vấn đề thực tế trong công tác cách mạng"².

Năm 1960, khi tổng kết những hoạt động của Đảng ta, Hồ Chí Minh đã chỉ ra rằng trong 30 năm ấy, Đảng ta đã luôn luôn đứng vững trên lập trường vô sản, tuyệt đối trung thành với lợi ích của giai cấp và của nhân dân; đề ra được đường lối, chủ trương đúng đắn; không ngừng đấu tranh chống những khuynh hướng cải lương, manh động, "tả", hữu khuynh; lãnh đạo cách mạng Việt Nam giành được những thắng lợi hết sức to lớn. Sở dĩ cách mạng đạt được những thành tựu to lớn đó là vì Đảng ta trung thành với chủ nghĩa Mác - Lênin, biết vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào thực tiễn cách mạng. Người kết luận: "Chủ nghĩa Mác - Lênin đã giúp Đảng ta vượt qua những trận thử thách ấy"³.

1. Sđd, tập 10, tr. 21.

2. Sđd, tập 8, tr. 497.

3. Sđd, tập 10, tr. 17.

Xuất phát từ sự nhận thức đánh giá cao vai trò của lý luận cách mạng, Hồ Chí Minh luôn nhắc nhở Đảng không lúc nào được sao nhãng công tác lý luận, Đảng phải quan tâm giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin cho đội ngũ cán bộ, đảng viên, phải ra sức tuyên truyền đường lối, chính sách cho dân hiểu, dân làm, dân đi theo Đảng.

Đảng phải thường xuyên tổng kết thực tiễn, bổ sung cho kho tàng lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin. Trong hoạt động lý luận, Người luôn nhắc nhở phải giữ vững nguyên tắc lý luận liên hệ với thực tiễn, phải kiên quyết khắc phục chủ nghĩa giáo điều, đề phòng xét lại.

3. Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên và quần chúng.

Việc giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân lao động là nhằm từng bước trang bị, nâng cao nhân sinh quan và thế giới quan vô sản, tình yêu Tổ quốc, yêu đồng bào, củng cố và tăng thêm niềm tin vững chắc vào sự nghiệp cách mạng của Đảng, vào tiền đồ, tương lai của dân tộc, vào thắng lợi tất yếu của chủ nghĩa xã hội ở nước ta cũng như trên phạm vi toàn thế giới. Tất nhiên, yêu cầu đối với từng đối tượng không như nhau.

Cùng với việc triển khai công tác tư tưởng trong nội bộ Đảng, Hồ Chí Minh cho rằng, Đảng cũng cần phải coi trọng lãnh đạo công tác tư tưởng đối với các tầng lớp nhân dân, nhằm xây dựng ý thức xã hội, bảo đảm cho chủ nghĩa Mác - Lênin, quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng trở thành cơ sở cho suy nghĩ và hành động của mọi công dân; nhằm góp phần bảo đảm cho đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước được chấp hành nghiêm chỉnh, đạt hiệu quả cao.

Nói cách khác, làm công tác chính trị, tư tưởng đối với nhân dân là nhằm động viên nhân dân thực hiện thắng lợi nhiệm vụ cách mạng trong từng thời kỳ. Cơ sở xuất phát của tư tưởng này là do Chủ tịch Hồ Chí Minh đã xác định đúng đắn vai trò to lớn của quần chúng nhân dân trong lịch sử và cách mạng là sự nghiệp sáng tạo của bản thân quần chúng nhân dân lao động.

Theo Hồ Chí Minh, công tác tư tưởng đối với quần chúng nhân dân phải được tiến hành thường xuyên, không ngừng tác động theo hướng khơi dậy những tiềm năng to lớn của dân tộc, nêu cao ý thức tự lực, tự

cường theo tinh thần "đem sức ta mà tự giải phóng cho ta", mở rộng khối đoàn kết toàn dân, theo phương châm "thêm bạn, bớt thù" tập trung lực lượng tiến công vào đối tượng đấu tranh chủ yếu, trực tiếp của cách mạng trong từng thời kỳ, ở từng thời điểm lịch sử cụ thể.

Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức cho cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân lao động bao gồm những nội dung chủ yếu sau đây:

- Giáo dục lý tưởng cộng sản chủ nghĩa;
- Giáo dục lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin;
- Giáo dục đường lối, chính sách;
- Giáo dục nhiệm vụ của người đảng viên;
- Giáo dục đạo đức cách mạng;
- Giáo dục truyền thống cách mạng, truyền thống đoàn kết, yêu nước, yêu lao động, lòng nhân ái của dân tộc ta...

Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ rằng: chủ nghĩa cộng sản là mục đích cuối cùng của Đảng Cộng sản, người cộng sản vào Đảng là để đấu tranh cho lý tưởng cao đẹp đó của Đảng. Vì vậy, "đấu tranh cho chủ nghĩa cộng sản là lẽ sống của người đảng viên"¹.

Giáo dục cho đội ngũ cán bộ, đảng viên có một niềm tin vững chắc vào lý tưởng, vào sự nghiệp của Đảng là điều Hồ Chí Minh thường xuyên quan tâm. Tuy nhiên, Người không nói lý tưởng một cách trừu tượng. Người đã cụ thể hóa lý tưởng cộng sản chủ nghĩa vào thực tiễn cách mạng Việt Nam và Người nhắc nhở những người cộng sản Việt Nam: "không được phút nào quên lý tưởng cao cả của mình là: suốt đời làm cách mạng phấn đấu cho Tổ quốc hoàn toàn độc lập, làm cho chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản thắng lợi hoàn toàn trên Tổ quốc ta và trên thế giới"².

Chủ tịch Hồ Chí Minh đánh giá rất cao vai trò đặc biệt to lớn của chủ nghĩa Mác - Lênin, Người ví như "cái cảm nang thần kỳ", là "mặt trời soi sáng" cho cách mạng Việt Nam. Vì vậy, Người coi việc nghiên cứu, học tập chủ nghĩa Mác - Lênin là một nội dung quan trọng của đạo đức cách mạng.

1, 2. Sđd, tập 12, tr. 93.

Để làm cho tất cả cán bộ, đảng viên xứng đáng là những chiến sĩ cách mạng, Hồ Chí Minh đòi hỏi Đảng phải ra sức tăng cường giáo dục toàn Đảng về lý tưởng cộng sản chủ nghĩa, về lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin, về đường lối, chủ trương của Đảng; đồng thời, Người yêu cầu Đảng phải tăng cường giáo dục đạo đức cách mạng.

Đây là một vấn đề đặc biệt quan trọng được Người quan tâm nhằm làm cho mỗi cán bộ, đảng viên của Đảng thực sự là những chiến sĩ tiên phong, mẫu mực nêu gương sáng cho quần chúng nhân dân lao động noi theo. Theo Người, thẩm nhuần đạo đức cách mạng là nguồn gốc dẫn đến những thành công của người cán bộ. "Có đạo đức cách mạng thì khi gặp thuận lợi và thành công cũng vẫn giữ vững tinh thần gian khổ, chất phác, khiêm tốn; người cộng sản phải biết "lo trước thiên hạ, vui sau thiên hạ"; lo hoàn thành nhiệm vụ cho tốt chứ không kèn cựa về mặt hưởng thụ; không công thân, không quan liêu, không kiêu ngạo, không hủ hóa"¹.

Đạo đức cách mạng theo quan niệm của Hồ Chí Minh là "Quyết tâm suốt đời đấu tranh cho Đảng, cho cách mạng. Đó là điều chủ chốt nhất.

Ra sức làm việc cho Đảng, giữ vững kỷ luật của Đảng, thực hiện tốt đường lối, chính sách của Đảng. Đặt lợi ích của Đảng và của nhân dân lao động lên trên, lên trước lợi ích riêng của cá nhân mình. Hết lòng hết sức phục vụ nhân dân. Vì Đảng, vì dân mà đấu tranh quên mình, gương mẫu trong mọi việc.

Ra sức học tập chủ nghĩa Mác - Lê nin, luôn luôn dùng tự phê bình và phê bình để nâng cao tư tưởng và cải tiến công tác của mình và cùng đồng chí mình tiến bộ"².

Quan niệm của Hồ Chí Minh về đạo đức như trên cũng chính là những nội dung chủ yếu và cụ thể của đạo đức cách mạng. Người luôn luôn đòi hỏi người đảng viên phải nêu gương đạo đức cho quần chúng noi theo. Trước lúc đi xa, trong Di chúc, Người dặn dò rằng: "Đảng ta là một đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần *đạo đức cách mạng*, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đày tớ thật trung thành của nhân dân"³.

1. Sđd, tập 9, tr. 284.

2. Sđd, tập 9, tr. 285.

3. Sđd, tập 12, tr. 510.

Theo Người, hình thức, phương pháp giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức là con đường và cách thức tác động, chuyển tải những nội dung để nâng cao trình độ tư duy, định hướng cho quá trình nhận thức nhằm giải quyết những mâu thuẫn về tư tưởng, phát triển tiềm năng sáng tạo của con người trên lĩnh vực tinh thần. Vì vậy, đây là một vấn đề rất phong phú, không dễ dàng; đòi hỏi sự kiên trì, bền bỉ, tính linh hoạt, sáng tạo của tổ chức đảng và sự nỗ lực cao của mỗi cán bộ, đảng viên. Người quan tâm cả hai hình thức giáo dục.

Một là, giáo dục thông qua chế độ sinh hoạt nội bộ Đảng, sinh hoạt của các tổ chức quần chúng.

Hai là, thông qua công tác đào tạo, bồi dưỡng qua các trường, lớp ngắn hạn hoặc dài hạn.

Người chỉ rõ, muốn tư tưởng của Đảng trong sạch thì trước hết tư tưởng của cán bộ, đảng viên phải trong sạch; muốn giáo dục, cải tạo người thì trước hết phải tự giáo dục, tự cải tạo mình. Vì vậy, Người rất quan tâm tới việc bồi dưỡng, giáo dục, nâng cao trình độ chính trị, tư tưởng và đạo đức cho đội ngũ cán bộ, đảng viên. Để công tác giáo dục đạt kết quả tốt, các tổ chức đảng phải chủ động, có chương trình, kế hoạch cụ thể, giữ vững nguyên tắc; đồng thời mỗi cá nhân cán bộ, đảng viên phải nêu cao tinh thần tu dưỡng, rèn luyện, tự học. Theo Người, tự phê bình cũng là những hình thức giáo dục và tự giáo dục. Giáo dục chính trị, tư tưởng không chỉ qua các trường, lớp huấn luyện, qua sinh hoạt nội bộ Đảng, sinh hoạt cơ quan, đơn vị mà còn cần phải quan tâm tới hình thức phương pháp giáo dục bằng nêu gương. Một người phải biết học nhiều người. Người nói: Trong xã hội những gương người tốt làm việc tốt muôn hình muôn vẻ là vật liệu quý để các chú xây dựng con người. Lấy gương tốt trong quần chúng nhân dân và cán bộ, đảng viên để giáo dục lẫn nhau còn là một phương pháp lấy quần chúng giáo dục quần chúng rất sinh động và có sức thuyết phục rất lớn. Đó cũng là thực hành đường lối quần chúng trong công tác giáo dục.

Theo Người, trong phương pháp giáo dục, phải chú ý tuân theo "nguyên tắc *tự nguyện, tự giác*, giải thích, bàn bạc, chứ không gò bó"¹. Nội dung giáo dục "cốt thiết thực, chu đáo hơn tham nhiều", "Đừng bôi bác, nếu ở trên bôi bác thì càng xuống dưới càng sai lệch"².

1. Sdd, tập 8, tr. 216.

2. Sdd, tập 6, tr. 48.

Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng phải xuất phát từ nhu cầu, "nhằm đúng nhu cầu", đúng đối tượng, "phải gắn liền lý luận với công tác thực tế".

Xuất phát từ thực tiễn cách mạng Việt Nam, từ lập trường và phương pháp cách mạng chủ đạo của mình, Hồ Chí Minh đã hình thành và xác định rõ ranh giới quan điểm "ta - bạn - thù". Lập trường này không chỉ chi phối đường lối cách mạng Việt Nam, chiến lược đoàn kết dân tộc mà còn chi phối các hoạt động tư tưởng theo ba hướng cơ bản:

Một là, công tác tư tưởng trong nội bộ bao gồm Đảng và các tầng lớp nhân dân lao động Việt Nam. Hồ Chí Minh coi đây là hướng tác động cơ bản nhất quyết định sức mạnh của cách mạng Việt Nam. Do vậy, đây là hướng mà Người đã dành nhiều thời gian và công sức trong cuộc đời hoạt động của mình. Ở hướng này, Người đã "kết hợp chặt chẽ hai quá trình công tác tư tưởng trong nội bộ Đảng và lãnh đạo tư tưởng các tầng lớp nhân dân lao động, trong đó công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức cách mạng trong nội bộ Đảng là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu trong công tác xây dựng Đảng.

Cùng với việc triển khai công tác tư tưởng trong nội bộ Đảng, Hồ Chí Minh rất coi trọng việc lãnh đạo công tác tư tưởng đối với các tầng lớp nhân dân lao động nhằm thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ cách mạng trong từng thời kỳ. Đây vừa là phương thức lãnh đạo vừa là mục tiêu chiến lược của cách mạng. Cơ sở xuất phát của tư tưởng này là sự xác định đúng đắn vai trò to lớn của quần chúng trong lịch sử, vai trò quan trọng đặc biệt của khối liên minh công nông trong cách mạng Việt Nam.

Về nội dung công tác tư tưởng với nhân dân lao động, Người coi trọng giáo dục truyền thống dân tộc, yêu nước thương nòi; cần cù, dũng cảm, quật cường qua hàng nghìn năm dựng nước, giữ nước... và nâng cao nhận thức nhiệm vụ cách mạng cho nhân dân.

Về hình thức, phương pháp công tác tư tưởng với quần chúng nhân dân, theo Người phải sử dụng nhiều hình thức, phương pháp với nội dung cụ thể, thiết thực. Các bài nói, bài viết của Người thường ngắn gọn, giản dị, dễ hiểu. Người rất quan tâm tới hình thức nêu gương "người tốt, việc tốt", "người thật việc thật", kiên trì giáo dục thuyết phục, không gò ép, áp đặt. Người đòi hỏi cán bộ, đảng viên phải là tấm gương sáng để quần chúng noi theo.

Hai là, công tác tư tưởng trên lĩnh vực đối ngoại. Người yêu cầu Đảng, Nhà nước và các đoàn thể quần chúng phải tích cực tăng cường các hoạt động tuyên truyền; một mặt, tố cáo vạch trần bộ mặt kẻ thù; mặt khác, bày tỏ lập trường quan điểm của nhân dân ta nhằm tranh thủ sự đồng tình ủng hộ của nhân dân tiến bộ thế giới đối với sự nghiệp chính nghĩa của dân tộc Việt Nam.

IV- NÂNG CAO SỨC CHIẾN ĐẤU CỦA ĐẢNG VỀ TỔ CHỨC

Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng là nhằm nâng cao sức chiến đấu của Đảng về tổ chức, bao gồm các vấn đề xây dựng đội ngũ đảng viên, cán bộ; nguyên tắc tập trung dân chủ; hệ thống tổ chức bộ máy của Đảng; tổ chức cơ sở Đảng và công tác kiểm tra thi hành kỷ luật trong Đảng.

- Tư tưởng Hồ Chí Minh về đảng viên và xây dựng đội ngũ đảng viên.

Vấn đề đảng viên là một trong những nội dung cơ bản của xây dựng Đảng. Đảng Cộng sản chỉ có thể thực hiện được vai trò người lãnh tụ, người thầy và người tổ chức giai cấp công nhân nếu Đảng tập hợp được trong hàng ngũ của mình những chiến sĩ ưu tú của giai cấp công nhân, nông dân, trí thức và các tầng lớp lao động khác. Do vậy, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn luôn quan tâm đến vấn đề đảng viên và việc xây dựng đội ngũ đảng viên. Khi nói về vị trí, vai trò của người đảng viên, Hồ Chí Minh khẳng định: "Đảng là gồm các đảng viên mà tổ chức nên. Mọi công việc Đảng đều do đảng viên làm. Mọi nghị quyết Đảng đều do đảng viên chấp hành. Mọi chính sách của Đảng đều do đảng viên mà thấu đến quần chúng. Mọi khẩu hiệu, mọi kế hoạch của Đảng đều do đảng viên cố gắng thực hiện"¹ và "đảng viên là người thay mặt Đảng đại biểu cho lợi ích của giai cấp công nhân và nhân dân lao động"². Người cho rằng, trong mọi công việc đảng viên phải giữ vai trò tiên phong gương mẫu, thực hiện khẩu hiệu: "đảng viên đi trước, làng nước theo sau". Khi Đảng ta trở thành đảng cầm quyền, Hồ Chí Minh yêu cầu: mỗi cán bộ, đảng

1. Sđd, tập 7, tr. 235-236.

2. Sđd, tập 9, tr. 288.

viên "phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người dày tớ thật trung thành của nhân dân"¹.

Vị trí, vai trò của đảng viên rất quan trọng trong mọi công việc của Đảng, vì vậy Hồ Chí Minh nêu rõ những đối tượng có thể kết nạp vào Đảng.

Trong *Điều lệ vắn tắt của Đảng Cộng sản Việt Nam* (1930), Hồ Chí Minh đã chỉ ra: "Ai tin theo chủ nghĩa cộng sản, chương trình Đảng và Quốc tế Cộng sản, hăng hái tranh đấu và dám hy sinh phục tùng mệnh lệnh Đảng và đóng kinh phí, chịu phấn đấu trong một bộ phận Đảng thời được vào Đảng"². Trong *Báo cáo chính trị tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng* tháng 2-1951, Hồ Chí Minh chỉ rõ: "*Về thành phần, Đảng Lao động Việt Nam sẽ kết nạp những công nhân, nông dân, lao động trí óc, thật hăng hái, thật giác ngộ cách mạng*"³. Khi nói chuyện với cán bộ Tỉnh ủy Thanh Hoá cuối tháng 12-1968, Hồ Chí Minh cho rằng, chỉ kết nạp những người vào Đảng để phục vụ Đảng, phục vụ nhân dân. Còn đối với những người có tư tưởng vào Đảng để làm quan, thì phải đóng cửa lại, không cho họ vào.

Vậy, bằng cách nào để kết nạp vào Đảng những người trung thành với Đảng, với Tổ quốc, với nhân dân, Hồ Chí Minh cho rằng, cần phải làm rõ tiêu chuẩn đảng viên. Tiêu chuẩn là những tiêu chí và chuẩn mực để xem xét và kết nạp đảng viên trong từng giai đoạn cách mạng. Do đó tiêu chuẩn đảng viên được bổ sung, phát triển gắn liền với từng giai đoạn cách mạng. Khi cách mạng Việt Nam đồng thời phải làm hai nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh thống nhất nước nhà, Hồ Chí Minh nói về tiêu chuẩn của người đảng viên như sau:

"Khi kết nạp mỗi một đảng viên mới, cần phải đưa vào *sáu tiêu chuẩn của người đảng viên*.

Sáu tiêu chuẩn ấy là:

1- Suốt đời kiên quyết phấn đấu cho chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản.

2- Rèn luyện tư tưởng vô sản, sửa chữa tư tưởng sai lầm. Kiên quyết đứng hẳn trên lập trường giai cấp công nhân, không đứng chân trong chân ngoài.

1. Sđd, tập 12, tr. 498.

2. Sđd, tập 3, tr. 5.

3. Sđd, tập 6, tr. 174.

3- Đặt lợi ích của Đảng lên trên hết, trước hết. Biết đem lợi ích riêng của cá nhân phục tùng lợi ích chung của cách mạng.

4- Tuyệt đối chấp hành nghị quyết và kỷ luật của Đảng.

5- Liên hệ chặt chẽ với quần chúng.

6- Luôn luôn cố gắng học tập; thật thà tự phê bình và thành khẩn phê bình đồng chí mình.

Đó là mấy tiêu chuẩn rất cần thiết để xứng đáng là người đảng viên¹. Trong tiêu chuẩn đảng viên, Hồ Chí Minh đã nói nghĩa vụ của đảng viên là: "Cố gắng học tập chủ nghĩa Mác - Lênin", "giữ gìn kỷ luật của Đảng", "ra sức phục vụ nhân dân".

Hồ Chí Minh không chỉ nói rõ nghĩa vụ hay là nhiệm vụ của đảng viên mà Người còn quan tâm đến quyền lợi của đảng viên. Theo Người, "Mọi đảng viên có những quyền lợi như sau:

1- Có quyền tự do và thiết thực thảo luận cách thi hành chính sách của Đảng, trên các báo chí và trong các cuộc hội nghị của Đảng.

Để thi hành triệt để chính sách và công tác của Đảng, mọi đảng viên có quyền tự do phát biểu ý kiến của mình (trên báo chí và trong hội nghị của Đảng), dù ý kiến ấy không đồng ý với ý kiến của đại đa số, không ai được ngăn cấm.

2- Có quyền tuyển cử và ứng cử vào các cơ quan lãnh đạo của Đảng.

3- Có quyền đưa ra những đề nghị, những thanh minh, những lời kêu nài trước các cơ quan của Đảng, từ chi bộ đến Trung ương, không ai được ngăn trở.

4- Trong các cuộc hội nghị của Đảng có quyền phê bình đảng viên và cán bộ, phê bình công tác của các cơ quan Đảng².

Hồ Chí Minh còn cho rằng: quyền phê bình của đảng viên có thể nâng cao tính hăng hái và tinh thần phụ trách của các đảng viên; có thể bảo đảm sự đấu tranh của đảng viên chống những gì có hại đến Đảng; quyền phê bình là một vũ khí chống quan liêu, mệnh lệnh; nó cải thiện sự quan hệ giữa cán bộ và đảng viên; nó giúp cải thiện các công việc của Đảng. Vì vậy mọi người phải tôn trọng quyền phê bình của đảng viên.

1. Sdd, tập 9, tr. 571.

2. Sdd, tập 7, tr. 239.

Như vậy, Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: vị trí, vai trò của đảng viên; điều kiện để kết nạp vào Đảng; tiêu chuẩn đảng viên; nghĩa vụ (nhiệm vụ) và quyền lợi của đảng viên.

Để có một đội ngũ đảng viên đáp ứng yêu cầu của mỗi giai đoạn cách mạng, Đảng phải không ngừng tiến hành công tác đảng viên của mình. Đó là một trong những nội dung chủ yếu, quan trọng của công tác xây dựng Đảng, nâng cao sức chiến đấu của Đảng, bởi vì chất lượng đảng viên quyết định năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng. Do vậy, Hồ Chí Minh luôn luôn quan tâm xây dựng đội ngũ đảng viên có chất lượng, quan tâm việc xem xét, lựa chọn người vào Đảng, vì đây là một vấn đề có ý nghĩa quyết định đến chất lượng đội ngũ đảng viên. Hồ Chí Minh cho rằng, vào Đảng để phụng sự Đảng, phụng sự Tổ quốc, phụng sự nhân dân, do đó Đảng phải lựa chọn những người đã kinh qua thử thách và đủ điều kiện vào Đảng, đó là "những người con ưu tú trong công nhân, nông dân, trí thức và các tầng lớp khác"¹.

Quá trình tồn tại và phát triển của Đảng gắn liền với những đòi hỏi ngày càng cao của sự nghiệp cách mạng của giai cấp công nhân. Do đó, việc giáo dục, rèn luyện không ngừng nâng cao phẩm chất, năng lực cho đội ngũ đảng viên là một nhiệm vụ đặt ra tất yếu, thường xuyên đối với mỗi đảng viên và tổ chức đảng để không ngừng "nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân". Theo Hồ Chí Minh, chủ nghĩa cá nhân hoàn toàn trái ngược với đạo đức, tư cách người cộng sản, bởi vì "Chủ nghĩa cá nhân đẻ ra trăm thứ bệnh nguy hiểm, quan liêu, mệnh lệnh, bè phái, chủ quan, tham ô, lãng phí... Nó trói buộc, nó bịt mắt những nạn nhân của nó, những người này bất kỳ việc gì cũng xuất phát từ lòng tham muốn danh lợi, địa vị cho cá nhân mình, chứ không nghĩ đến lợi ích của giai cấp, của nhân dân"². Hồ Chí Minh còn cho rằng, chủ nghĩa cá nhân là kẻ địch hung ác của chủ nghĩa xã hội. Do vậy, người cán bộ, đảng viên phải kiên quyết quét sạch chủ nghĩa cá nhân.

Hồ Chí Minh thường xuyên nhắc nhở các cấp ủy phải quan tâm hơn nữa đến việc giáo dục đảng viên và phải coi công tác giáo dục đảng viên "là một điều quan trọng trong chương trình công tác của cấp ủy".

1. Sdd, tập 8, tr. 417.

2: Sdd, tập 9, tr. 292.

Người thường nhắc nhở mọi người phải thực hiện lời dạy của Lenin: Học, học nữa, học mãi! Phải cố gắng học, học nhiều; không chịu học thì không tiến bộ được, không chịu học "thì lạc hậu, mà lạc hậu là bị đào thải, tự mình đào thải mình"¹. Hồ Chí Minh còn căn dặn các cấp ủy phải nêu gương; giữ nghiêm kỷ luật. Người nói: "Đảng phải luôn luôn tẩy bỏ những phần tử hủ hóa ra ngoài... Phải giữ kỷ luật rất nghiêm từ trên xuống dưới"².

Cùng với việc nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ, giữ nghiêm kỷ luật của Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh căn dặn trong *Di chúc*: "Trong Đảng thực hành dân chủ rộng rãi, thường xuyên và nghiêm chỉnh *tự phê bình và phê bình* là cách tốt nhất để củng cố và phát triển sự đoàn kết và thống nhất của Đảng"³.

- *Tư tưởng Hồ Chí Minh về cán bộ và xây dựng đội ngũ cán bộ.*

Trong toàn bộ sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta cũng như trong công tác xây dựng Đảng, Hồ Chí Minh quan tâm đặc biệt tới vấn đề cán bộ. Người đã giải quyết vấn đề cán bộ một cách căn bản và toàn diện. Từ quan điểm về cán bộ, đến phương hướng nội dung, phương pháp, biện pháp xây dựng đội ngũ cán bộ. Người quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ không những trước mắt mà cả lâu dài, cả ở Trung ương và địa phương, cơ sở. Tất cả các vấn đề đó đều được Người chỉ ra một cách rõ ràng, cụ thể.

Không chỉ dừng lại ở những bài nói, bài viết, những chỉ thị về công tác cán bộ mà Người còn trực tiếp mở các lớp đào tạo, huấn luyện cán bộ; tham gia giảng dạy và chỉ dẫn công việc, hướng dẫn, dạy bảo cán bộ trong công tác thực tế.

Hồ Chí Minh ví cán bộ như dây chuyền của bộ máy. Nếu dây chuyền không tốt, không chạy thì động cơ dù tốt, toàn bộ bộ máy cũng bị tê liệt. Cán bộ là những người đem chính sách của Đảng và Chính phủ thi hành trong nhân dân, nếu cán bộ dở thì chính sách hay cũng không thể thực hiện được.

1. Sđd, tập 9, tr. 554.

2. Sđd, tập 5, tr. 250.

3. Sđd, tập 12, tr. 497-498.

Hồ Chí Minh xác định: "Cán bộ là cái gốc của mọi công việc"¹, "công việc thành công hoặc thất bại đều do cán bộ tốt hay kém"², "vấn đề cán bộ là một vấn đề trọng yếu, rất cần kíp"³.

Về tiêu chuẩn cán bộ, Hồ Chí Minh xác định tiêu chuẩn chung và tiêu chuẩn riêng của từng loại cán bộ. Tiêu chuẩn đó xuất phát từ yêu cầu của cách mạng, đòi hỏi của thực tiễn chứ không phải từ ý muốn chủ quan.

Trong tiêu chuẩn chung của cán bộ, Hồ Chí Minh nhấn mạnh hai mặt đức và tài. Hai mặt đó là một thể thống nhất, quan hệ biện chứng, không thể thiếu mặt nào, trong đó đức là gốc. Người cán bộ có tài mà thiếu đức thường gây ra những tác hại không nhỏ. Ngược lại, chỉ có đức mà thiếu tài thì cũng chẳng khác nào ông bụt ngồi ở trong chùa.

Nội dung đức, tài ở các thời kỳ cách mạng khác nhau được Hồ Chí Minh cụ thể hóa, bổ sung, phát triển phù hợp với tình hình nhiệm vụ từng thời kỳ. Đặc biệt là khi có chính quyền, nội dung cụ thể của đức, tài được Hồ Chí Minh nêu ra những yêu cầu và tiêu chuẩn khác với lúc chưa có chính quyền.

Trong bài *Người cán bộ cách mạng* viết ngày 3-3-1955, Hồ Chí Minh phê phán một số cán bộ tưởng rằng cách mạng là cốt để làm cho họ có địa vị, được hưởng thụ. Do đó mà họ mắc những sai lầm: kiêu ngạo, hưởng lạc, lãng phí của công, tự tư tự lợi, không biết tiết kiệm "đồng tiền, bát gạo" - mồ hôi nước mắt của nhân dân. Trong nhiều bài viết, bài nói, Hồ Chí Minh còn nói rõ nội dung của đạo đức cách mạng là quyết tâm suốt đời phấn đấu cho sự nghiệp của Đảng, cho hạnh phúc của nhân dân. Người cho đó là điều chủ chốt nhất. Người nhấn mạnh phải đặt lợi ích của Đảng, của nhân dân lao động lên trên, lên trước lợi ích riêng của cá nhân mình. Hết lòng, hết sức phục vụ nhân dân, vì Đảng, vì dân đấu tranh quên mình, gương mẫu trong mọi việc, không ngừng học tập, rèn luyện để nâng cao trình độ mọi mặt; quan hệ mật thiết với quần chúng, có tinh thần tập thể, đoàn kết, thương yêu đồng bào, đồng chí; có tính tổ chức kỷ luật; cần kiệm liêm chính, chí công vô tư; trung, hiếu, nhân, nghĩa, trí, dũng. Về năng lực của cán bộ, Hồ Chí Minh nhấn mạnh

1. Sdd, tập 5, tr. 269.

2. Sdd, tập 5, tr. 273.

3. Sdd, tập 5, tr. 274.

những hiểu biết mới, những năng lực mới: "Ngày nay Đảng yêu cầu cán bộ và đảng viên chẳng những thạo về chính trị mà còn phải giỏi về chuyên môn".

- Về đào tạo, huấn luyện cán bộ.

Từ quan niệm "cán bộ là cái gốc của mọi công việc", Hồ Chí Minh xác định "huấn luyện cán bộ là công việc gốc của Đảng". Đào tạo bao gồm: "nuôi dạy", huấn luyện, bồi dưỡng cán bộ. Đó là công việc mà Đảng phải bỏ nhiều công sức, tiến hành "chu đáo, công phu". "Đảng phải nuôi dạy cán bộ như người làm vườn vun trồng những cây cối quý báu". Hồ Chí Minh cho rằng: "huấn luyện học tập không phải là một việc đơn giản, muốn làm được thì phải hiểu cho rõ"¹. Trước hết, phải xác định đúng mục đích huấn luyện, học tập. Tức là huấn luyện, học tập để làm gì? Điều này phải được quán triệt ở cả chủ thể huấn luyện và đối tượng huấn luyện.

Hồ Chí Minh căn dặn cán bộ đi học là để "làm việc, làm người, làm cán bộ". Trước hết, học để làm người rồi mới làm cán bộ chứ không phải trước hết để làm cán bộ. Tuy ba mục đích ấy là thống nhất, quan hệ chặt chẽ với nhau, nhưng trong thực tế dễ bị đảo lộn thứ tự, nhận thức và hành động sai mục đích, nhất là đối với người học. Do đó, đối với người học, Hồ Chí Minh nhấn mạnh "học để sửa chữa tư tưởng", "học để tu dưỡng đạo đức cách mạng", "học để tin tưởng", "học để hành", v.v... Hồ Chí Minh chỉ rõ: "phải đào tạo một đội ngũ cán bộ có gan phụ trách, có gan làm việc, ham làm việc. Có thể Đảng mới thành công". "Nếu đào tạo một mớ cán bộ nhát gan dễ bảo, "đạp đi, hò đứng" không dám phụ trách, như thế là một việc thất bại của Đảng. Đào tạo "thế là phí công, phí của, vô ích". Hồ Chí Minh nghiêm khắc phê phán cách đào tạo hình thức, chạy theo số lượng mà không thiết thực, chu đáo, chất lượng kém.

Hồ Chí Minh đã chỉ ra những vấn đề cụ thể, thiết thực, đến nay vẫn còn nguyên giá trị như:

- "Huấn luyện ai?". Trước hết là huấn luyện cán bộ, vì "cán bộ là tiền vốn của Đoàn thể". "Có vốn mới làm ra lãi. Bất cứ chính sách, công

1. Sđd, tập 6, tr. 45.

tác gì nếu có cán bộ tốt thì thành công, tức là có lãi. Không có cán bộ tốt thì hỏng việc, tức là lỗ vốn"¹.

- "Ai huấn luyện?". Không phải ai cũng huấn luyện được. Phải lựa chọn rất cẩn thận nhân viên phụ trách việc huấn luyện. Những người lãnh đạo cần phải tham gia việc dạy. Tùy đối tượng huấn luyện và nội dung huấn luyện mà chọn người huấn luyện tương xứng. "Người huấn luyện của Đoàn thể phải *làm kiểu mẫu về mọi mặt*: tư tưởng, đạo đức, lối làm việc"². Người huấn luyện phải học thêm mãi. "Người nào tự cho mình là đã biết đủ cả rồi, thì người đó dốt nhất".

- "*Huấn luyện gì*", Hồ Chí Minh đề cập đến bốn nội dung.

Trước hết là huấn luyện lý luận. Người nêu hai cách huấn luyện lý luận: lý luận suông, vô ích và lý luận thiết thực, có ích. Tránh cách huấn luyện thứ nhất và làm theo cách huấn luyện thứ hai. Lý luận mà không thực hành cũng vô ích. Vì vậy học phải đi đôi với hành.

Ngoài dạy lý luận còn phải dạy công tác; phải dạy văn hóa, nâng cao trình độ cán bộ, để làm cơ sở giúp họ tiến bộ về lý luận và công tác. Với những cán bộ còn kém văn hóa thì việc huấn luyện này rất trọng yếu. Người chỉ rõ: "Những cán bộ học trong những lớp này, phải theo trình độ văn hóa cao hay thấp mà đặt lớp, chứ không theo cấp bậc cán bộ cao hay thấp"³. Cuối cùng là huấn luyện chuyên môn. "Mỗi người phải biết một nghề để sinh hoạt", "riêng về cán bộ, ai lãnh đạo trong ngành hoạt động nào thì phải biết chuyên môn về ngành ấy"⁴. Cán bộ môn nào thì nghiên cứu lý luận của môn ấy.

"Huấn luyện thế nào?". Hồ Chí Minh nhấn mạnh: "*Cốt thiết thực, chu đáo hơn tham nhiều...* Việc cốt yếu là phải làm cho người học hiểu thấu vấn đề"⁵.

· Phải lấy người ở cấp dưới lên huấn luyện rồi trở lại cấp dưới để họ huấn luyện cho cấp dưới nữa. Muốn vậy phải huấn luyện chu đáo. "Đừng bôi bác, nếu ở trên bôi bác thì càng xuống dưới càng sai lệch"⁶. Quá trình

1, 2. Sđd, tập 6, tr. 46.

3. Sđd, tập 5, tr. 271.

4. Sđd, tập 6, tr. 47.

5, 6. Sđd, tập 6, tr. 48.

huấn luyện phải gắn với lý luận công tác thực tế, phải nhằm đúng nhu cầu. Hồ Chí Minh nhắc nhở huấn luyện phải chú trọng việc cải tạo tư tưởng: "Phải *huấn và luyện*. Huấn là dạy dỗ, luyện là rèn giũa cho sạch những vết xấu xa trong đầu óc"¹. Huấn luyện cán bộ, một mặt chú trọng trang bị kiến thức, nâng cao khả năng, mặt khác phải "tẩy rửa khuyết điểm cho họ".

Hồ Chí Minh nhấn mạnh: "Phải nâng cao và hướng dẫn việc tự học". Người học phải biết tự động, tự giác học tập, xác định đúng mục đích, động cơ học tập. Học tập lý luận "theo nguyên tắc: *kinh nghiệm và thực tế phải đi cùng nhau*"². Cách học tập là: "Lấy tự học làm cốt". Trong mục "học ở đâu", Hồ Chí Minh chỉ rõ: "Học ở trường, học ở sách vở, học lẫn nhau và học nhân dân, không học nhân dân là một thiếu sót rất lớn.

Về lựa chọn cán bộ.

Lựa chọn cán bộ là vấn đề rất hệ trọng. Làm sao chọn được những cán bộ có phẩm chất, năng lực, uy tín thật sự. Cần loại bỏ những người có động cơ không đúng. Phân biệt và loại bỏ những cán bộ coi địa vị lãnh đạo, quản lý là chỗ mưu cầu danh lợi. Những người này thường hay chạy chọt, luồn lọt bằng mọi cách đạt cho được địa vị, mặc dù tư cách của họ không xứng với chức danh đó. Có người tỏ ra hăng hái, sốt sắng, tích cực chưa hẳn đã có động cơ đúng và tốt. Người có đức, có tài thường không phô trương ồn ào. Chọn cán bộ cần xem xét họ ở trạng thái động chứ không phải chỉ ở trạng thái tĩnh. Đánh giá họ qua cả những tình huống gay cấp, khi gặp khó khăn, phức tạp chứ không chỉ lúc thuận lợi.

Năm 1947, Hồ Chí Minh đưa ra chuẩn mực để lựa chọn cán bộ, gồm bốn điểm sau:

a) Những người đã tỏ ra rất trung thành và hăng hái trong công việc, trong lúc đấu tranh.

b) Những người liên lạc mật thiết với dân chúng, hiểu biết dân chúng. Luôn luôn chú ý đến lợi ích của dân chúng.

c) Những người có thể phụ trách các vấn đề, trong những hoàn cảnh khó khăn.

1. Sđd, tập 6, tr. 49.

2. Sđd, tập 5, tr. 272.

Ái sợ phụ trách và không có sáng kiến thì không phải là người lãnh đạo. Người lãnh đạo đúng cần phải: khi thất bại không hoang mang, khi thắng lợi không kiêu ngạo. Khi thi hành các nghị quyết kiên quyết, gan góc không sợ khó khăn.

d) Những người luôn luôn giữ đúng kỷ luật.

Hồ Chí Minh cho đó là những khuôn khổ để lựa chọn cán bộ. Người lưu ý tránh tình trạng dùng người văn hay, nói khéo nhưng không làm được việc, không ra tranh đấu. Trong khi đó, những người viết không hay, nói không thạo nhưng rất trung thành, hăng hái, rất gần gũi quần chúng thì bị chìm xuống.

Về chính sách cán bộ.

Hồ Chí Minh chỉ ra mấy điểm lớn trong chính sách cán bộ. Đó là chính sách đoàn kết mọi lực lượng cán bộ, phát huy mọi tiềm năng cán bộ. Trong đó, sĩ, công, nông, thương, binh đều có, làm sao phải đối đãi đúng với mọi người... Người nhắc nhở những việc lớn:

a) *Hiểu biết cán bộ*

Muốn nhận rõ người cán bộ tốt hay xấu phải có quan điểm, phương pháp đánh giá cán bộ đúng.

Hồ Chí Minh chỉ ra những chứng bệnh thường mắc phải khi đánh giá cán bộ:

Thứ nhất, tự cao tự đại,

Thứ hai, ưa người ta nịnh mình,

Thứ ba, do lòng yêu ghét của mình mà đối với người,

Thứ tư, đem một cái khuôn khổ nhất định chặt hẹp mà lắp vào tất cả mọi người khác nhau.

Nếu phạm một trong bốn bệnh đó thì cũng như mắt đã mang kính có màu, không bao giờ thấu rõ cái mặt thật của những cái mình trông. Do đó, muốn biết rõ cán bộ đối xử đúng đắn với mọi người, trước hết phải sửa chữa những khuyết điểm của mình.

Đánh giá cán bộ có quan điểm biện chứng, toàn diện, lịch sử, cụ thể và phát triển. Một người cán bộ khi trước có sai lầm, không phải vì thế mà sai lầm mãi. Cũng có cán bộ đến nay chưa bị sai lầm, nhưng chắc gì sau này không phạm sai lầm? Xem xét cán bộ, không chỉ đánh giá bề

ngoài mà còn phải xem tính chất của họ. Không chỉ xem một việc, một lúc mà phải xem toàn bộ lịch sử, toàn cả công việc của họ. Ai mà hay khoe công việc, hay a dua, tìm việc nhỏ mà làm, trước mặt thì theo mệnh lệnh, sau lưng thì trái mệnh lệnh, hay công kích người khác, hay tự tăng bốc mình, những người như thế, tuy họ làm được việc, cũng không phải cán bộ tốt.

b) Khéo dùng cán bộ

Hồ Chí Minh cho rằng, không có ai cái gì cũng tốt, cái gì cũng hay. Vì vậy, phải khéo dùng người, sửa chữa khuyết điểm giúp họ, phát huy ưu điểm của họ. Người phê phán tình trạng không biết tùy tài mà dùng người, như: thợ rèn thì bảo đi đóng tủ, thợ mộc thì bảo đi rèn dao. Thành thử cả hai người đều lúng túng. Trong trường hợp này, nếu biết tùy tài mà dùng người, thì hai người đều thành công.

Hồ Chí Minh cũng phê phán những người khi dùng cán bộ thì mắc phải những chứng bệnh sau đây:

"1- Ham dùng người bà con, anh em quen biết, bầu bạn, cho họ là chắc chắn hơn người ngoài.

2- Ham dùng những kẻ khéo nịnh hót mình, mà chán ghét những người chính trực.

3- Ham dùng những người tính hợp với mình mà tránh những người tính tình không hợp với mình.

Vì những bệnh đó, kết quả những người kia đã làm bậy, mình cũng bao dung, che chở, bảo hộ, khiến cho chúng càng ngày càng hư hỏng. Đối với những người chính trực thì bối lung tìm vết để trả thù. Như thế, cố nhiên là hỏng cả công việc của Đảng, hỏng cả danh giá của người lãnh đạo"¹.

Theo Người, cách dùng cán bộ đúng, nghĩa là:

- Phải có độ lượng thì mới có thể đối với cán bộ một cách chí công vô tư...

- Phải có tinh thần rộng rãi, mới có thể gần gũi những người mình không ưa.

1. Sđd, tập 5, tr. 279.

- Phải có tính chịu khó dạy bảo, mới có thể nâng đỡ nhân dân, đồng chí còn kém, giúp cho họ tiến bộ.

- Phải sáng suốt, mới khỏi bị bọn vu vơ bao vây mà cách xa cán bộ tốt.

- Phải có thái độ vui vẻ, thân mật, các đồng chí mới vui lòng gần gũi mình.

Muốn cán bộ làm được việc, phải khiến cho họ yên tâm làm việc, vui thú làm việc, phải khiến cho cán bộ có gan nói, cả gan đề ra ý kiến. Khiến cho cán bộ có gan phụ trách, có gan làm việc". Không nên tự tôn, tự đại mà phải nghe, phải hỏi ý kiến của cấp dưới.

c) Cát nhắc cán bộ

Hồ Chí Minh nhắc nhở, cát nhắc cán bộ là một công tác cần kíp nhưng phải làm đúng. Nếu cát nhắc không cẩn thận, không khỏi đem những người bô lô, bô la, chỉ nói mà không làm vào những địa vị lãnh đạo. Như thế rất có hại. Cát nhắc cán bộ phải vì công tác, tài năng, vì cố động cho đồng chí khác thêm hăng hái. Như thế công việc nhất định chạy.

Cát nhắc cán bộ không nên làm như "giã gạo". Nghĩa là trước khi cát nhắc không xem xét kỹ. Khi cát nhắc rồi không giúp đỡ họ. Khi họ sai lầm thì đẩy xuống, chờ lúc họ làm khá lại cát nhắc lên. Một cán bộ bị nhắc lên thả xuống ba lần như thế là hỏng cả đời. Đối với cán bộ, chẳng những phải xem xét rõ ràng trước khi cát nhắc, mà sau khi đã cát nhắc phải giúp đỡ họ...

Nếu để sai lầm và khuyết điểm trở nên to tát rồi mới đem ra "chỉnh" một lần, thế là "đập" cán bộ. Cán bộ bị "đập" mất cả lòng tin, người hăng hái cũng hóa thành nản chí, từ nản chí đi đến vô dụng. Vì vậy, hễ thấy cán bộ sai lầm, phải lập tức sửa chữa ngay.

d) Thương yêu cán bộ

Yêu thương cán bộ không phải là vỗ về, nuông chiều, thả mặc, mà là giúp đỡ cán bộ học tập, công tác tiến bộ ngày càng nhiều, quan tâm giúp đỡ cán bộ giải quyết những khó khăn trong đời sống sinh hoạt hàng ngày.

đ) Phê bình cán bộ

Hồ Chí Minh nhắc nhở: người đời ai cũng có khuyết điểm. Có làm việc thì có khuyết điểm. Chúng ta không sợ có sai lầm khuyết điểm, chỉ

sợ không chịu cố gắng sửa chữa sai lầm và khuyết điểm. Và, càng sợ những người lãnh đạo không biết tìm cách đúng để giúp cán bộ sửa chữa sai lầm và khuyết điểm. Để cán bộ sửa chữa khuyết điểm phải phê bình cho đúng. Cần phải phân tích rõ ràng cái cố sai lầm, phải xét kỹ lưỡng việc nặng hay nhẹ, phải dùng xử phạt cho đúng. Cách đối với cán bộ có khéo, có đúng thì mới thực hiện được nguyên tắc: "Vấn đề cán bộ quyết định mọi việc".

Tư tưởng Hồ Chí Minh về nguyên tắc tập trung dân chủ.

Quá trình hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh về khái niệm tập trung dân chủ không tách rời quá trình hình thành và phát triển tư tưởng của Người về Đảng và xây dựng Đảng. Trong tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc* viết năm 1947, Người cho rằng: "Còn ở trong Đảng, khi khai hội các đảng viên nghe những người lãnh đạo báo cáo công việc, các đảng viên phê bình những khuyết điểm, cử hoặc không cử các đồng chí nọ hoặc đồng chí kia vào cơ quan lãnh đạo. Đó là kiểm soát theo nguyên tắc dân chủ tập trung"¹. Trong tác phẩm *Thường thức chính trị* viết năm 1953 ký tên ĐX, khi đề cập vấn đề tổ chức, Hồ Chí Minh cho rằng: Đảng phải giữ vững chế độ dân chủ tập trung của Đảng. Người cho rằng: *Tập trung trên nền tảng dân chủ*².

Hồ Chí Minh giải thích điều này như sau:

Cơ quan lãnh đạo của Đảng có uy tín và quyền lực chân chính. Những phương châm, chính sách, nghị quyết của Đảng, mọi đảng viên nhất định phải chấp hành.

Kỷ luật của Đảng, mọi đảng viên phải tuân theo. Thế là *tập trung*. Nhưng tập trung ấy không phải là cá nhân chuyên chính; nó là xây dựng trên nền tảng *dân chủ*. Nghĩa là:

1- Các cơ quan lãnh đạo đều do quần chúng đảng viên bầu cử lên.

2- Phương châm, chính sách, nghị quyết của Đảng đều do quần chúng đảng viên tập trung kinh nghiệm và ý kiến lại mà thành. Rồi lại do các cuộc hội nghị Đảng thảo luận giải quyết, chứ không ai được tự ý độc đoán.

1. Sdd, tập 5, tr. 288.

2. Sdd, tập 7, tr. 240-241.

3- Quyền lực của cơ quan lãnh đạo là do quần chúng đảng viên giao phó cho, chứ không phải tự ai tranh giành được. Vì vậy, người lãnh đạo phải gần gũi và học hỏi quần chúng đảng viên, nghe ngóng ý kiến của họ. Nếu lên mặt với quần chúng, lạm dụng quyền lực - thế là sai lầm.

4- Trật tự của Đảng là: cá nhân phải phục tùng tổ chức; số ít phải phục tùng số nhiều; cấp dưới phải phục tùng cấp trên; các địa phương phải phục tùng Trung ương.

- Dân chủ dưới sự chỉ đạo tập trung¹

Ở trong Đảng, mọi đảng viên có quyền nêu ý kiến, đặt đề nghị, tham gia giải quyết vấn đề. Nhưng quyết không được trái sự lãnh đạo tập trung của Đảng, trái nghị quyết và trái kỷ luật của Đảng. Quyết chống: không xét thời gian, địa điểm, điều kiện mà nói lung tung; tự do hành động; dân chủ quá trớn.

1- Chỉ có *cơ quan lãnh đạo* có quyền khai các cuộc hội nghị.

2- Tất cả các nghị quyết của Đảng phải do *cơ quan lãnh đạo chuẩn bị* kỹ càng, rồi giao cho các cấp *thảo luận*. Không được làm qua loa, sơ sài.

3- Khi bầu cử các *cơ quan lãnh đạo* trong Đảng, phải xem xét rất kỹ lưỡng để lập danh sách những đảng viên ứng cử.

4- Toàn thể đảng viên phải theo đúng Đảng chương thống nhất, kỷ luật thống nhất của Đảng. Toàn thể đảng viên phải theo sự *lãnh đạo thống nhất* của Trung ương².

Qua nội dung của nguyên tắc tập trung dân chủ, chúng ta thấy tư tưởng thống nhất, xuyên suốt của Hồ Chí Minh về nguyên tắc này là sự thống nhất biện chứng giữa hai mặt tập trung và dân chủ trong một chỉnh thể thống nhất của nguyên tắc: "Tập trung trên cơ sở dân chủ" và "dân chủ dưới sự chỉ đạo tập trung". Đó là bản chất của nguyên tắc tập trung dân chủ. Điều đó cũng có nghĩa là, trong tập trung đã chứa đựng yếu tố dân chủ, cũng như trong dân chủ đã chứa đựng yếu tố tập trung. Do đó, tập trung chân chính không thể tồn tại nếu như không có dân chủ chân chính. Ngược lại, dân chủ chân chính không thể tồn tại nếu như không có tập trung chân chính.

1, 2. Sđd, tập 7, tr. 241.

Từ đó, có thể khái quát tư tưởng Hồ Chí Minh về nguyên tắc tập trung dân chủ như sau: Đây là nguyên tắc chỉ đạo toàn bộ công tác tổ chức, sinh hoạt và hoạt động của Đảng, là nguyên tắc cơ bản nhất có ý nghĩa sống còn của Đảng. Nội dung cơ bản của nguyên tắc này là: tập trung trên cơ sở dân chủ và dân chủ dưới sự chỉ đạo của tập trung. Tập trung cao mà hạn chế dân chủ là trượt sang tập trung quan liêu. Mở rộng dân chủ nhưng hạn chế tập trung là trượt sang dân chủ vô tổ chức kỷ luật, mất kỷ cương.

- Tư tưởng Hồ Chí Minh về hệ thống tổ chức bộ máy của Đảng.

Xây dựng hệ thống tổ chức bộ máy của Đảng theo tư tưởng Hồ Chí Minh là một cấu trúc khoa học. Người đề cập đến tất cả những yếu tố tạo nên sức mạnh của hệ thống tổ chức bộ máy; bảo đảm sự liên kết chặt chẽ giữa các tổ chức bộ máy trong một chỉnh thể thống nhất; bảo đảm cho cả hệ thống hoạt động nhịp nhàng, ăn khớp, hiệu quả. Dưới đây, có thể khái quát những nội dung chủ yếu trong tư tưởng của Người về hệ thống tổ chức bộ máy của Đảng.

Một là, cấu trúc hệ thống (hay là tính hệ thống của cấu trúc). Đây là quan điểm nhất quán của Hồ Chí Minh, được hình thành từ những năm 20 của thế kỷ XX.

Trong xây dựng tổ chức, Hồ Chí Minh đặc biệt coi trọng cấu trúc hệ thống của chỉnh thể, không có tổ chức đứng riêng rẽ, mà nó phải (và nhất thiết phải) liên hệ chặt chẽ với nhau trong một hệ thống. Tư tưởng đó, lần đầu tiên được Hồ Chí Minh giải thích trong *Đường cách mệnh* (1927): "Cái gì là hệ thống của công hội?" - Người giảng giải: "Hệ thống là cách tổ chức ngang hay là dọc.

Ngang là như trong một tỉnh có hội thợ rèn, hội thợ may, hội thợ mộc, hội thợ nề, vân vân, tất cả các hội tổ chức thành tỉnh tổng công hội; hội nào cũng bình đẳng, bằng ngang nhau.

Dọc là như mỗi huyện có một hội thợ may, 4, 5 hội huyện tổ chức một hội thợ may tuyến tỉnh, tất cả hội thợ may trong mấy tỉnh tổ chức một hội thợ may cả nước, ấy là dọc, nghĩa là từ dưới lên trên"¹.

Như vậy, hệ thống tổ chức, theo Hồ Chí Minh là sự đan kết giữa hai mạng ngang và dọc, tạo nên sự cố kết về tổ chức, thành khối thống nhất bền vững. Với tư tưởng trên, sau này Hồ Chí Minh đã vận dụng vào xây

1. Sđd, tập 2, tr. 304.

dựng hệ thống tổ chức bộ máy của Đảng, được thể hiện tập trung trong *Điều lệ vắn tắt của Đảng Cộng sản Việt Nam* soạn thảo đầu năm 1930 và trong cuốn *Thường thức chính trị* viết năm 1953.

Cấu trúc hệ thống của tổ chức còn thể hiện ở sự bố trí, sắp xếp cân đối, hợp lý giữa các bộ phận và sự liên hệ chặt chẽ giữa các bộ phận ấy trong một chỉnh thể. Người viết: "Trong Đảng và Nhà nước ta có sự phân công chặt chẽ như các bộ phận trong chiếc đồng hồ: cái kim, dây cốt khác nhau nhưng hợp tác chặt chẽ với nhau. Thiếu một bộ phận nào cũng không được"¹; cũng như "Trong một công xưởng, có nhiều loại máy móc hình dạng khác nhau và công dụng khác nhau. Những máy móc khác nhau ấy phải bố trí và kết hợp thật ăn khớp với nhau, thì sản xuất mới tốt"².

Xây dựng tổ chức bộ máy theo quan điểm cấu trúc hệ thống, Hồ Chí Minh không chỉ chăm lo xây dựng hệ thống tổ chức bộ máy của Đảng. Người còn đặc biệt quan tâm xây dựng, củng cố bộ máy nhà nước; xây dựng công hội, nông hội, hội phụ nữ, hội thanh niên... Tất cả các tổ chức đó đều quan hệ chặt chẽ, thống nhất trong mặt trận, hoạt động dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhằm mục tiêu: độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Với quan điểm trên, Hồ Chí Minh coi Đảng là tổ chức thành viên trong hệ thống tổ chức của cả nước; hệ thống tổ chức đảng đan kết với các hệ thống tổ chức khác, hòa vào trong cái hệ thống ấy, tạo nên mạng lưới tổ chức rộng khắp trong cả nước. Nhờ vậy Đảng đã tập hợp, giác ngộ, lãnh đạo, đoàn kết được toàn dân, phát huy được sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc, tạo nên sức mạnh vô cùng to lớn, chiến thắng mọi kẻ thù hung bạo.

Hai là, trong xây dựng tổ chức bộ máy của Đảng, Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm việc xác định đúng và rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mỗi tổ chức bộ máy trong hệ thống và nhiệm vụ, quyền hạn của mỗi thành viên.

Người khẳng định, tổ chức phải gọn gàng, nhiệm vụ của mỗi bộ phận, mỗi người phải quy định rõ ràng. Các cấp và các cán bộ lãnh đạo phải giúp đỡ và đôn đốc thường xuyên, phải kiểm tra chặt chẽ. Người

1. Sdd, tập 9, tr. 555-556.

2. Sdd, tập 10, tr. 352.

giải thích: Cũng như các bộ phận trong chiếc thuyền, bộ phận nào cũng quan trọng cả. Nhưng mỗi bộ phận có chức năng, nhiệm vụ riêng mà không thể thay thế: như chèo thì luôn luôn vùng vẫy, lái thì ngâm mình dưới nước tận sau thuyền... buồm thì thảnh thơi. Nếu ba bộ phận ấy đòi đổi chỗ cho nhau: lái làm buồm, buồm làm chèo, chèo làm lái. Như thế sẽ đi đến đâu? Sẽ không thành thuyền nữa.

Đó là một chân lý không thể đảo ngược. Tư tưởng trên của Hồ Chí Minh về xây dựng tổ chức được thể hiện rất rõ ở mục "43 - Hệ thống tổ chức của Đảng" trong *Thường thức chính trị*. Người xác định nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan lãnh đạo trong hệ thống tổ chức đảng như sau:

"Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đảng là *Toàn quốc đại biểu đại hội*.

Đại hội có quyền:

- 1- Nghe, thảo luận và phê chuẩn các báo cáo của Trung ương.
- 2- Quyết định và sửa đổi Đảng cương, Đảng chương.
- 3- Quyết định chính sách và phương châm chính của Đảng.
- 4- Bầu cử Trung ương.

Trong khoảng từ đại hội này đến đại hội khác, cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đảng là Trung ương.

Trung ương không thể ngày ngày khai hội. Để lãnh đạo mọi công tác, Trung ương cử ra *Bộ Chính trị* và *Ban Bí thư*.

Để chỉ đạo những địa phương xa, Trung ương có thể đặt những *Cục Trung ương*.

Khi cần, Trung ương có thể họp *Toàn quốc đại biểu hội nghị*. Hội nghị có quyền:

- 1- Quyết định chính sách trước mắt của Đảng.
- 2- Cử thêm một số ủy viên Trung ương mới, hoặc cất chức ủy viên nào không làm nhiệm vụ.

Những nghị quyết của Hội nghị phải có Trung ương phê chuẩn mới được thi hành.

Các cấp xã, huyện, tỉnh, khu cũng có đại hội của cấp mình; do đại hội cử ra chi ủy, huyện ủy, tỉnh ủy, khu ủy.

...

Trung ương và các cấp có thể lập ra những ban: Quản lý việc Đảng, Tuyên truyền giáo dục, Dân vận, Kinh tế, Quân sự... Ban của cấp nào, do ủy viên hội cấp ấy lãnh đạo"¹.

Như vậy, mỗi cơ quan trong hệ thống tổ chức bộ máy của Đảng được thành lập đều nhằm đáp ứng nhu cầu hoạt động thực tiễn của Đảng và đều được phân định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn một cách rõ ràng. Đó là nhân tố cực kỳ quan trọng bảo đảm cho hệ thống tổ chức bộ máy của Đảng vận hành nhịp nhàng, ăn khớp, hiệu quả, tránh được sự chồng chéo và "trống đánh xuôi, kèn thổi ngược".

Ba là, phải xây dựng và không ngừng hoàn thiện cơ chế vận hành của tổ chức.

Cơ chế vận hành là nhân tố giữ vai trò quyết định bảo đảm cho tổ chức làm tròn và đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình. Thiếu cơ chế vận hành khoa học thì nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức sẽ không có hiệu lực trên thực tế, mà chỉ có trên danh nghĩa. Vì vậy, trong suốt quá trình xây dựng hệ thống tổ chức bộ máy, cần phải thường xuyên chăm lo xây dựng và hoàn thiện cơ chế vận hành của tổ chức.

Về chế độ, nguyên tắc và lề lối làm việc của tổ chức, Người đòi hỏi hoạt động của các tổ chức "từ tiểu tổ đến đại hội đều theo cách dân chủ tập trung", "Từ Trung ương đến chi bộ xã đều phải làm đúng nguyên tắc lãnh đạo tập thể, cá nhân phụ trách, chống các tệ sùng bái cá nhân và quan liêu mệnh lệnh; đều phải thật thà tự phê bình và phê bình thẳng thắn; đều phải thật sự dân chủ". Người nhấn mạnh rằng: "Để lãnh đạo tốt, các cấp ủy phải thật đoàn kết, thật dân chủ, phải thực hành chế độ "tập thể lãnh đạo cá nhân phụ trách và phê bình, tự phê bình để không ngừng tiến bộ"²; (các huyện ủy, thành ủy, tỉnh ủy cần phải đi sâu đi sát đến các chi bộ, cần phải giúp đỡ các chi bộ một cách thiết thực và thường xuyên"³; "các bộ, các ban, các ngành ở Trung ương cần phải thường xuyên đi kiểm tra và giải quyết công việc tại

1. Sđd, tập 7, tr. 241-242.

2. Sđd, tập 10, tr. 600.

3. Sđd, tập 12, tr. 79.

chỗ, phải chống bệnh giầy tờ, hội họp nhiều"¹. Người nhấn mạnh: "Thì giờ là vàng bạc". "Phải kiên quyết chống thói hội họp lu bù, mất thì giờ, hại sức khỏe mà không kết quả thiết thực"².

Bốn là, xây dựng tổ chức, bộ máy theo tư tưởng Hồ Chí Minh phải tinh gọn, trong sạch. Bởi vì: "Là một Đảng lãnh đạo, Đảng ta cần phải mạnh mẽ, trong sạch, kiểu mẫu"³. Tổ chức như bộ máy đồng hồ phải chạy đều. Muốn chạy đều phải sạch sẽ. Đảng muốn trong sạch, mạnh mẽ thì mỗi bộ phận, mỗi đảng viên phải trong sạch, mạnh mẽ.

Người yêu cầu các cơ quan phải thực hành tiết kiệm. Tiết kiệm từng chiếc phong bì. "Chúng ta phải *kiên quyết chống nạn lãng phí* ở các cơ quan và trong sự sinh hoạt của chúng ta. Chống cách tiêu dùng bừa bãi tiền của của nhân dân và vốn liếng của Chính phủ"⁴. Các cơ quan phải thực hiện "giản chính" để tiết kiệm sức người. Đồng thời phải nâng cao năng suất công tác, nên phải "tinh cán", phải chọn cán bộ, dùng cán bộ cho đúng. "Giản chính và tinh cán" phải đi đôi với nhau.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về tổ chức cơ sở đảng.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về tổ chức cơ sở đảng được bắt nguồn từ luận điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin: Đảng phải gắn bó với quần chúng, liên hệ chặt chẽ với quần chúng; ở đâu có quần chúng, ở đó cần có sự lãnh đạo của Đảng. Mọi tầng lớp nhân dân không phân biệt dân tộc, tôn giáo, không trừ một ai đều sinh sống, lao động sản xuất, công tác, học tập ở một đơn vị cơ sở nhất định trong hệ thống tổ chức xã hội. Vì vậy, Đảng phải thành lập được tổ chức của mình tại các đơn vị cơ sở. Người viết: Ở mỗi xưởng máy, hầm mỏ, xí nghiệp, cơ quan, trường học, đường phố, nông thôn, đại đội - có 3 đảng viên trở lên thì lập một chi bộ.

Mỗi chi bộ có thể chia làm mấy *tiểu tổ*..

Nơi nào đảng viên quá đông (ở nông thôn quá 50, ở nhà máy, cơ quan, v.v... quá 100 đảng viên) thì có thể lập *Tổng chi bộ*, dưới *Tổng chi bộ*, lập mấy *Phân chi bộ*"⁵.

1. Sđd, tập 12, tr. 20.

2. Sđd, tập 10, tr. 314.

3. Sđd, tập 6, tr. 480.

4. Sđd, tập 6, tr. 500.

5. Sđd, tập 7, tr. 242.

Như vậy, theo quan niệm của Hồ Chí Minh, tổ chức cơ sở đảng là một tổ chức của Đảng được lập tại các đơn vị cơ sở, gắn liền với một đơn vị cơ sở, là cấp thấp nhất trong hệ thống tổ chức của Đảng.

Theo Hồ Chí Minh, tổ chức cơ sở đảng có vị trí, vai trò như sau:

Trước hết, xét trong hệ thống tổ chức của Đảng thì, tổ chức cơ sở đảng là "nền tảng", "gốc rễ" của Đảng. Người viết: "*Chi bộ* là gốc rễ của Đảng"¹. Rằng "chi bộ là nền tảng của Đảng, của cách mạng ở xã..."². Một cây không thể thiếu gốc rễ, một ngôi nhà không thể thiếu nền tảng, nền móng. Điều đó đủ nói lên vị trí, vai trò rất quan trọng của chi bộ với tư cách là tổ chức cơ sở đảng.

Trong hoạt động lãnh đạo của Đảng trên mọi mặt của đời sống xã hội, Hồ Chí Minh khẳng định: các tổ chức cơ sở của Đảng là những "hạt nhân lãnh đạo", là "đồn lũy" của Đảng ở cơ sở. "Mỗi chi bộ ta phải là hạt nhân vững chắc, lãnh đạo đồng bào thi đua yêu nước, cần kiệm xây dựng nước nhà"³. Rằng, "mỗi *chi bộ* của Đảng phải là một hạt nhân lãnh đạo quần chúng ở cơ sở"⁴. Đồng thời nhấn mạnh: "Chi bộ là đồn lũy của Đảng chiến đấu ở trong quần chúng"⁵.

Trong mối liên hệ giữa Đảng với nhân dân, vai trò của tổ chức cơ sở đảng là những "sợi dây chuyên" nối liền Đảng với dân. Người viết: "Tác dụng của chi bộ là cực kỳ quan trọng, vì nó là sợi dây chuyên để liên hệ Đảng với quần chúng"⁶.

Từ việc xem xét vị trí, vai trò của tổ chức cơ sở đảng trong các mối quan hệ trên, Hồ Chí Minh đã khái quát: "Đảng mạnh là do các *chi bộ* mạnh"⁷; rằng "các chi bộ mạnh tức là Đảng mạnh"⁸. Nhận định đó của Người vừa phản ánh sự tác động biện chứng giữa các cơ sở đảng với toàn Đảng, vừa là một kết luận được rút ra từ thực tiễn gần 40 năm Người chăm lo xây dựng; phát huy vai trò của tổ chức cơ sở đảng.

1. Sđd, tập 7, tr. 242.

2. Sđd, tập 7, tr. 467.

3. Sđd, tập 10, tr. 207.

4. Sđd, tập 11, tr.83.

5. Sđd, tập 7, tr. 242.

6. Sđd, tập 7, tr. 243.

7. Sđd, tập 7, tr. 467.

8. Sđd, tập 7, tr. 243.

Trong xây dựng tổ chức, phát huy sức mạnh của tổ chức, điều quan trọng là phải xác định đúng, rõ chức năng, nhiệm vụ của nó. Tư tưởng đó được Hồ Chí Minh thể hiện rất rõ khi Người xác định chức năng, nhiệm vụ của các cơ sở đảng. Người không chỉ xác định chức năng nhiệm vụ chung cho tất cả các loại hình tổ chức cơ sở đảng, mà trên cơ sở đó còn chỉ ra những nhiệm vụ cụ thể cho từng loại hình cơ sở đảng.

Trong cuốn sách *Thường thức chính trị*, Hồ Chí Minh đã chỉ ra năm nhiệm vụ chung cho tất cả các loại hình cơ sở đảng, thể hiện tập trung ở ba nội dung chủ yếu sau:

Một là, tuyên truyền, giáo dục và tổ chức lãnh đạo quần chúng "thực hiện khẩu hiệu và chính sách của Đảng".

Hai là, nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của quần chúng, kịp thời báo cáo lên trên; luôn luôn quan tâm chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của quần chúng; đồng thời giáo dục, tổ chức nhân dân để giải quyết các vấn đề cho nhân dân".

Ba là, tiến hành các hoạt động xây dựng nội bộ Đảng. Coi trọng việc nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên, bao gồm cả phát triển đảng viên mới, quản lý, giáo dục, rèn luyện đảng viên và sàng lọc đảng viên. Giữ gìn kỷ luật Đảng.

Song thực tế cho thấy, tổ chức cơ sở đảng là "hạt nhân lãnh đạo" ở đơn vị cơ sở, nhưng tính chất, nhiệm vụ của các đơn vị cơ sở không giống nhau. Vì vậy, trên cơ sở nhiệm vụ chung, Hồ Chí Minh đã chỉ ra những nhiệm vụ cụ thể của từng loại hình cơ sở đảng, phù hợp với tính chất, nhiệm vụ của từng đơn vị cơ sở.

Với các tổ chức cơ sở đảng nông thôn, Người chỉ rõ: "Chi bộ trong xã phải thiết thực lãnh đạo, giúp đỡ tổ đổi công. Tổ đổi công tốt hay xấu, chi bộ phải phụ trách một phần lớn"¹; "Chi bộ nào tốt là hợp tác xã đó tốt, bởi vì chi bộ lãnh đạo hợp tác xã"².

Với các tổ chức cơ sở đảng trong các doanh nghiệp, Người nhấn mạnh: "công nhân bây giờ làm chủ, không phải đi làm thuê như trước", vì vậy các tổ chức cơ sở đảng ở đó "phải khéo tổ chức công nhân tham gia

1. Sđd, tập 7, tr. 541.

2. Sđd, tập 10, tr. 441.

quản lý nhà máy", phải lãnh đạo "bảo đảm kế hoạch cả về sản lượng và chất lượng. Phải làm nhiều, nhanh, tốt, rẻ"¹.

Với các tổ chức cơ sở đảng trong cơ quan, Người yêu cầu các tổ chức cơ sở đảng ở đó phải "tẩy trừ bệnh quan liêu, hình thức, tham ô, lãng phí, a dua, đối trá trái luật lệ của Chính phủ, trái kỷ luật lao động", phải "xét kỹ ngân sách cơ quan, nâng cao năng suất công tác, giữ gìn bí mật của nước nhà"².

Tư tưởng Hồ Chí Minh về tổ chức cơ sở đảng là cơ sở phương pháp luận để Đảng ta xác định chức năng nhiệm vụ các cơ sở đảng của các đơn vị cơ sở mới xuất hiện như các doanh nghiệp tư nhân, các đơn vị liên doanh, liên kết với nước ngoài.

Nhằm phát huy vai trò của các cơ sở đảng trong thực tiễn, Hồ Chí Minh đã có nhiều chỉ dẫn quan trọng về phương thức hoạt động của các tổ chức cơ sở đảng.

Với tư cách là hạt nhân lãnh đạo chính trị tại cơ sở, phương thức lãnh đạo của các tổ chức cơ sở đảng là phải bằng cách thuyết phục giáo dục, phát huy vai trò tiên phong gương mẫu của cán bộ, đảng viên và mở rộng dân chủ, phát huy dân chủ tại cơ sở để thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình. Người chỉ rõ: "chi bộ là một tổ chức lãnh đạo chính trị, chứ không phải là một tổ chức hành chính". Vì vậy, "chi bộ phải dùng cách chính trị, giáo dục, đề nghị, giải thích, khai hội bàn bạc với quần chúng"... "Tuyệt đối không được lạm quyền, mệnh lệnh", "phải thật sự mở rộng dân chủ... phải luôn luôn dùng cách thật thà tự phê bình và thẳng thắn phê bình" mỗi đảng viên phải xung phong gương mẫu trong mọi công việc.

"Đảng mạnh là do chi bộ mạnh", "chi bộ tốt mọi việc sẽ tốt". Với nhận thức ấy, Hồ Chí Minh luôn coi trọng củng cố cơ sở đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các cơ sở đảng. "Đối với Đảng ta, xây dựng chi bộ tốt, cho vững mạnh là một việc vô cùng quan trọng"³. Người nhấn mạnh: đó "là một việc quan trọng bậc nhất"⁴.

1. Sđd, tập 9, tr. 379.

2. Sđd, tập 7, tr. 268.

3. Sđd, tập 12, tr. 77.

4. Sđd, tập 7, tr. 570.

Hồ Chí Minh là người khởi xướng cuộc vận động "xây dựng chi bộ bốn tốt và đảng bộ bốn tốt". Một chi bộ đạt tiêu chuẩn bốn tốt theo Người phải là những chi bộ có "đảng viên gương mẫu trong mọi công việc, liên hệ chặt chẽ với quần chúng, nội bộ thật sự đoàn kết; chấp hành tốt đường lối, chính sách của Đảng, lãnh đạo tốt sản xuất và chiến đấu; một lòng một dạ phục vụ nhân dân, thiết thực chăm lo đến đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân; đối với Đảng thì củng cố tốt và phát triển tốt"¹.

Để có nhiều chi bộ "bốn tốt", Người yêu cầu "mỗi huyện ủy, thành ủy, tỉnh ủy nên trực tiếp giúp một chi bộ kém trở thành "bốn tốt". Giúp chứ không bao biện. Rồi làm cách vết dầu loang đến chi bộ khác". Người nhấn mạnh, "từ nay các huyện ủy, thành ủy, tỉnh ủy cần phải đi sâu, đi sát chi bộ, cần giúp đỡ các chi bộ một cách thiết thực và thường xuyên".

Tư tưởng Hồ Chí Minh về công tác kiểm tra và thi hành kỷ luật trong Đảng.

Trong di sản tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng Cộng sản cầm quyền, công tác kiểm tra và thi hành kỷ luật Đảng chiếm một vị trí quan trọng.

Lãnh đạo tất yếu phải kiểm tra. Đó là quan điểm sâu sắc, nhất quán ở Hồ Chí Minh trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của Người. Trong *Sửa đổi lối làm việc* (10-1947), Người viết: "Lãnh đạo đúng nghĩa là:

- 1- Phải quyết định mọi vấn đề một cách cho đúng...
- 2- Phải tổ chức sự thi hành cho đúng...
- 3- Phải tổ chức sự kiểm soát"².

Người còn khẳng định: "Chính sách đúng là nguồn gốc của thắng lợi.

Song từ nguồn gốc đi đến thắng lợi thực sự, còn phải tổ chức, phải đấu tranh.

Khi đã có chính sách đúng, thì sự thành công hoặc thất bại của chính sách đó là do nơi cách tổ chức công việc, nơi lựa chọn cán bộ và do nơi kiểm tra. Nếu ba điều ấy sơ sài thì về chính sách đúng mấy cũng vô ích"³.

1. Sdd, tập 12, tr. 77.

2. Sdd, tập 5, tr. 285.

3. Sdd, tập 5, tr. 520.

Kiểm tra là một nội dung, một khâu không tách rời trong quy trình hoạt động lãnh đạo của Đảng. Lãnh đạo đúng phụ thuộc vào nhiều yếu tố, trong đó công tác kiểm tra là một yếu tố quan trọng. Có kiểm tra Đảng mới nắm và hiểu rõ tình hình thì khi đề ra chính sách mới đúng. Ngược lại, không kiểm tra sẽ không nắm được tình hình và không có cơ sở để xác định chính sách đúng đắn, thiết thực. Vì vậy, kiểm tra là yêu cầu tất yếu của quá trình lãnh đạo. Bất kỳ nhiệm vụ gì, Đảng phải định phương châm, chính sách, phải có kế hoạch, có tổ chức, lãnh đạo, kiểm tra.

Đảng phải có kỷ luật sắt, đồng thời là kỷ luật tự giác. Đó cũng là quan điểm sâu sắc, bền vững và nhất quán ở Hồ Chí Minh. Đảng ta gồm những người ưu tú, tiên tiến, tự nguyện, có cùng một mục đích. Nhưng Đảng cũng ở trong xã hội mà ra, vì vậy khó tránh khỏi những tập tục, những thói hư, tật xấu của xã hội bên ngoài có nguy cơ lây lan vào trong Đảng. Do vậy, trong quá trình giáo dục, rèn luyện Đảng ta, Người luôn luôn đòi hỏi mọi cán bộ, đảng viên phải luôn luôn "giữ vững kỷ luật của Đảng, phải phục tùng sự lãnh đạo và chấp hành những nghị quyết của Đảng". Có kỷ luật thống nhất mới có sự thống nhất ý chí, thống nhất hành động và Đảng mới có sức mạnh. Người viết: "mỗi đảng viên phải tuyệt đối tuân theo *kỷ luật* của Đảng. Có như vậy mới thành một Đảng đoàn kết chặt chẽ, ý chí thống nhất, hành động nhất trí"¹. Người nhấn mạnh: Đảng ta tuy nhiều người nhưng khi tiến đánh thì như một người. Đó là nhờ có kỷ luật, kỷ luật của ta là kỷ luật sắt, nghĩa là nghiêm túc và tự giác. Các đồng chí chúng ta cần phải ra sức giữ gìn kỷ luật sắt của Đảng.

Như vậy, việc thi hành kỷ luật, giữ nghiêm kỷ luật Đảng cũng là một tất yếu khách quan đối với Đảng Cộng sản. "Thống nhất ý chí, thống nhất hành động, thống nhất kỷ luật, tập trung lãnh đạo" theo Người, đó là "*việc cực kỳ cần thiết và cực kỳ quan trọng*"².

Hồ Chí Minh đã nêu rõ mục đích, ý nghĩa và nội dung của công tác kiểm tra, thi hành kỷ luật trong Đảng là: giúp cho các cấp ủy đảng nắm được thực chất tình hình lãnh đạo; thấy rõ mặt tốt, chưa tốt và những lệch lạc trong chấp hành chỉ thị, nghị quyết; hiểu được mặt mạnh, mặt yếu của đội ngũ và từng cán bộ, đảng viên. Người cho rằng, nên tổ chức kiểm tra chu đáo, đó là "ngọn đèn pha" giúp các cấp ủy đảng thấy rõ và thấy hết

1. Sdd, tập 7, tr. 236.

2. Sdd, tập 7, tr. 335.

những ưu điểm, khuyết điểm của từng tổ chức, từng con người trong mọi công việc. Người khẳng định: "Nếu tổ chức sự kiểm tra được chu đáo, thì công việc của chúng ta nhất định tiến bộ gấp mười gấp trăm"¹. Kiểm tra không chỉ nhằm nắm và phát huy ưu điểm, ngăn ngừa khuyết điểm, thiết thực giúp đỡ sửa chữa, mà còn khơi dậy tính tích cực và sức mạnh của nhân dân, củng cố uy tín của Đảng trước nhân dân; kiểm tra còn là biện pháp bảo vệ cán bộ. Người nhắc nhở: "Giao công việc mà không kiểm tra, đến lúc thất bại mới chú ý đến. Thế là không biết yêu cầu cán bộ"².

Ý nghĩa bao trùm của kiểm tra là góp phần củng cố Đảng về tư tưởng, tổ chức, "vì kiểm tra có tác dụng thúc đẩy và giáo dục đảng viên và cán bộ làm tròn nhiệm vụ đối với Đảng, đối với Nhà nước, làm gương mẫu tốt cho nhân dân. Do đó mà góp phần vào việc củng cố Đảng về tư tưởng, về tổ chức"³.

Mục đích và nội dung kiểm tra, kiểm soát được Hồ Chí Minh khái quát như sau:

- 1- Có kiểm soát... mới biết rõ cán bộ và nhân viên tốt hay xấu.
- 2- Mới biết rõ ưu điểm và khuyết điểm của các cơ quan.
- 3- Mới biết rõ ưu điểm và khuyết điểm của các mệnh lệnh và nghị quyết.

Như vậy, nội dung kiểm tra, theo Hồ Chí Minh, không chỉ kiểm tra việc, kiểm tra người mà còn kiểm tra các tổ chức, cơ quan, kiểm tra các mệnh lệnh, nghị quyết, nhằm mục đích khẳng định ưu điểm và chỉ rõ khuyết điểm.

Thi hành kỷ luật trong Đảng là việc tiếp nối sau công tác kiểm tra; nó xuất phát từ kết quả của công tác kiểm tra. Song công tác kiểm tra và thi hành kỷ luật đều nhằm ngăn ngừa và giáo dục là chính, đều nhằm giữ nghiêm kỷ luật, kỷ cương của Đảng, bảo đảm sự đoàn kết thống nhất của Đảng về ý chí và hành động.

Để giữ kỷ luật nghiêm minh, theo Hồ Chí Minh "phải chú ý hai điểm: thưởng, phạt. "Thưởng người có công, phạt người có tội". Cả hai (thưởng, phạt) đều cần thiết như nhau. Nếu không thưởng thì không có

1. Sđd, tập 5, tr. 521.

2. Sđd, tập 5, tr. 276.

3. Sđd, tập 11, tr. 300.

khuyến khích; nếu không có phạt thì không giữ vững kỷ luật. Đương nhiên, để sửa chữa sai lầm, cần dùng cách giải thích, thuyết phục, cảm hóa, dạy bảo. Song, theo Hồ Chí Minh, "không phải tuyệt nhiên không dùng xử phạt". Vì rằng, "lầm lỗi có việc to, việc nhỏ. Nếu nhất loạt không xử phạt thì sẽ mất cả kỷ luật, thì sẽ mở đường cho bọn cố ý phá hoại. Vì vậy, hoàn toàn không dùng xử phạt là không đúng. Mà chút gì cũng dùng xử phạt, cũng không đúng"¹.

Như vậy, mọi sự vi phạm đều phải được xem xét, nếu đến mức phải thi hành kỷ luật thì xử lý thích đáng theo nguyên tắc: mọi người bình đẳng trước kỷ luật của Đảng, không có ngoại lệ, phải kiên quyết chống thói nể nang, bao che. Thường, phạt phải công minh, chớ vì ưa thì thưởng, ghét thì phạt.

Kiểm tra muốn đạt hiệu quả cao, theo Hồ Chí Minh, phải "khéo" kiểm tra. Tức là phải có hình thức, biện pháp khoa học linh hoạt:

- Phải đến tận nơi xem tận chỗ. Không nên ngồi trong phòng chờ người ta báo cáo. Người nhắc các cấp ủy đảng, các cán bộ lãnh đạo, những người phụ trách bộ, ban, ngành... phải thiết thực kiểm tra, giúp đỡ cấp dưới, cơ sở.

- Kiểm tra phải có hệ thống, phải dùng cách thật thà tự phê bình, phê bình, mới tỏ rõ khuyết điểm và tìm cách sửa chữa.

- Phải biết kết hợp linh hoạt các hình thức phương pháp kiểm tra. Trong đó, Hồ Chí Minh đặc biệt nhấn mạnh sự kết hợp kiểm tra từ dưới lên và từ trên xuống, kiểm tra thường xuyên và kiểm tra trực tiếp.

- Phải tổ chức kiểm tra chu đáo. Muốn vậy phải củng cố kiện toàn ủy ban kiểm tra và đặc biệt chú trọng lựa chọn những người thực sự có uy tín làm công tác kiểm tra. Các đồng chí lãnh đạo chủ chốt phải đích thân kiểm tra. Người viết: "muốn kiểm soát có kết quả tốt, phải có hai điều: một là việc kiểm soát phải có hệ thống, phải thường làm. Hai là người đi kiểm soát phải là những người rất có uy tín"².

- Phải dựa hẳn vào quần chúng, "hoan nghênh quần chúng đôn đốc và kiểm tra", "lập ban kiểm tra là đúng, nhưng ban kiểm tra phải dựa vào quần chúng mà tiến hành công tác"³.

1. Sđd, tập 5, tr. 284.

2. Sđd, tập 5, tr. 287.

3. Sđd, tập 12, tr. 567.

V- NỘI DUNG, PHƯƠNG THỨC LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN CẦM QUYỀN ĐỐI VỚI NHÀ NƯỚC

Quan hệ giữa Đảng với Nhà nước và đoàn thể quần chúng thực chất là quan hệ giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ. Nói đến "đảng cầm quyền" trước hết là đề cập đến vấn đề Đảng lãnh đạo Nhà nước, bởi vì trong hệ thống chính trị, Nhà nước thể hiện quyền lực xã hội một cách tập trung nhất. Một trong mười mục tiêu đấu tranh mà Đảng vạch ra trong *Cương lĩnh chính trị* đầu tiên của Đảng tháng 2 năm 1930 là "thành lập Chính phủ công nông binh", Chính phủ đó phải do Đảng Cộng sản lãnh đạo. Như vậy, ở nước ta, "đảng cầm quyền" là chính quyền nhà nước mới do Đảng lãnh đạo nhân dân đấu tranh lập nên.

Tư tưởng về đảng cầm quyền xuyên suốt quá trình hoạt động lãnh đạo cách mạng của Hồ Chí Minh: Đảng có vai trò lãnh đạo Nhà nước và Nhà nước phải đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của cách mạng. Người khẳng định, vai trò lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước không phải chỉ đem lại lợi ích cho riêng Đảng, cho các đảng viên mà với mục tiêu phục vụ nhân dân ngày càng tốt hơn. Mục tiêu, lý tưởng của Đảng và mục tiêu cách mạng của dân tộc hòa quyện vào nhau. Khi có chính quyền Đảng phải nắm chính quyền, lãnh đạo tổ chức, chăm lo xây dựng chính quyền ngày càng trưởng thành, vững mạnh.

Sau khi giành được chính quyền năm 1945, Đảng lãnh đạo nhân dân cả nước xây dựng bảo vệ chính quyền dân chủ nhân dân non trẻ, đồng thời tiến hành cuộc kháng chiến trường kỳ chống thực dân Pháp xâm lược. Nội dung sự lãnh đạo của Đảng, do hoàn cảnh khách quan chi phối, ở một số lĩnh vực còn đơn sơ, chưa toàn diện, phong phú như ngày nay. Phương thức lãnh đạo của Đảng khi đó là vận động và tổ chức trong điều kiện có bộ máy chính quyền.

Đảng lãnh đạo Nhà nước, lãnh đạo nhân dân là tất yếu khách quan. Không chỉ lãnh đạo chính quyền mà Đảng còn "phải lãnh đạo tất cả những tổ chức khác của nhân dân lao động"¹. Song, Đảng dùng cách gì và làm thế nào để lãnh đạo? Hồ Chí Minh đã khái quát phương thức

1. Sdd, tập 7, tr. 229.

lãnh đạo gồm ba nội dung chủ yếu: truyền bá lý luận Mác - Lênin; đề ra khẩu hiệu, mục đích, kế hoạch đấu tranh; "kinh qua đảng viên và các tổ chức của Đảng, Đảng liên hệ chặt chẽ với quần chúng"¹.

Quá trình hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh về nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng trong giai đoạn xây dựng, bảo vệ chính quyền non trẻ và kháng chiến kiến quốc là bước phát triển quan trọng nhất. Người đã dày công tìm kiếm phương thức lãnh đạo cho phù hợp với điều kiện đảng cầm quyền, đã có sự kết hợp "Đảng và Chính phủ", "Đoàn thể và Chính phủ trong việc lãnh đạo và quản lý". Tư tưởng trên được thể hiện trong nhiều bài viết quan trọng, trong đó nổi bật nhất là tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc* (10-1947). Trong tác phẩm này, khi đưa ra tiêu chí một Đảng cách mạng chân chính, có 12 điều thì 8 điều liên quan đến phương thức lãnh đạo. Trong sáu chương, thì Người dành riêng một chương bàn về "cách lãnh đạo". Hồ Chí Minh đã chỉ ra các căn bệnh của đảng cầm quyền, nhất là các bệnh về phương thức lãnh đạo, nổi bật là "bệnh lạm quyền", quản lý đất nước theo cách chế độ cũ thường làm - tức là *cai trị, đề đầu cúi cổ nhân dân*. Đồng thời, Người nghiêm khắc phê bình những cán bộ, đảng viên, tổ chức đảng, chính quyền nhiệm phải các căn bệnh đó. Nhằm giữ vững và tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng và Chính phủ phải triệt để sửa đổi lối làm việc, tích cực chữa chạy bệnh tật theo những "phác đồ" cụ thể đối với từng "bệnh". Đặc biệt "trong công tác, trong tranh đấu, trong huấn luyện, các đảng viên, các cán bộ, cần phải luôn luôn tự hỏi mình, tự kiểm điểm mình và đồng chí mình. *Luôn luôn dùng và khéo dùng* cách phê bình và tự phê bình, thì khuyết điểm nhất định hết dần, ưu điểm nhất định thêm lên và Đảng ta nhất định thắng lợi"².

Đặc điểm nổi bật nhất của thời kỳ 1954-1969 là: đất nước chuyển sang giai đoạn mới - tạm thời chia làm hai miền; Đảng cùng một lúc lãnh đạo hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng ở hai miền: miền Bắc xây dựng chủ nghĩa xã hội, miền Nam tiếp tục tiến hành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. Hai miền thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược khác nhau, vì vậy phương thức lãnh đạo của Đảng ở hai miền cũng có sự khác nhau. Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng lãnh đạo và xây dựng chủ nghĩa xã hội, phát triển kinh tế, văn hóa... đã được hoàn thiện với nội dung phong phú.

1. Sđd, tập 7, tr. 232-233.

2. Sđd, tập 5, tr. 265.

Trong điều kiện đảng cầm quyền, Đảng lãnh đạo nhiều lĩnh vực với nội dung, phạm vi, quy mô rộng lớn, có những lĩnh vực mới như: phát triển khoa học - kỹ thuật, mở rộng quan hệ đối ngoại,... đòi hỏi phải có một phương thức lãnh đạo thích hợp. Hồ Chí Minh khẳng định: Đảng lãnh đạo xây dựng miền Bắc, nhưng không chỉ riêng cho miền Bắc mà còn để chi viện cho miền Nam. Đồng thời, Đảng vẫn tiếp tục lãnh đạo cách mạng miền Nam. Ở thời kỳ này, tư tưởng Hồ Chí Minh về phương thức lãnh đạo của Đảng hết sức phong phú, toàn diện và có bước phát triển mới, trong đó, Đảng lãnh đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội, phát triển kinh tế - văn hóa ở miền Bắc là nét mới cần phải nghiên cứu.

Ngay từ Đại hội lần thứ II của Đảng, trong Báo cáo chính trị, tổng kết một thời kỳ lịch sử, Hồ Chí Minh đã kết luận: "dù là bí mật Đảng vẫn lãnh đạo chính quyền và nhân dân"¹. Một thời gian sau, trong cuốn *Thường thức chính trị*, Người lại tiếp tục khẳng định: Cách mạng thắng lợi rồi, quần chúng và nhân dân vẫn cần có Đảng lãnh đạo, vì:

- Dù nhân dân đã nắm chính quyền, nhưng đấu tranh giai cấp trong nước và mưu mô đế quốc xâm lược vẫn còn.

- Vì phải xây dựng kinh tế, quốc phòng, văn hóa, xã hội cho nên Đảng vẫn phải tổ chức, lãnh đạo, giáo dục quần chúng để đưa nhân dân lao động tiến đến thắng lợi hoàn toàn.

Sau khi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp thắng lợi, tư tưởng Hồ Chí Minh về phương thức lãnh đạo của Đảng lại có sự bổ sung và phát triển. Tại phiên bế mạc Hội nghị lần thứ 7 (mở rộng) Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam, tháng 3-1955, Người đã kết luận: "Hội nghị đã nêu rõ được phương pháp thiết thực để kiện toàn sự lãnh đạo, như:

Lãnh đạo phải sát thực tế hơn.

Lãnh đạo phải tập thể và dân chủ, phải thống nhất và tập trung.

Phải nâng cao trình độ lý luận của toàn Đảng và nâng cao trình độ tổ chức cho thích hợp với nhiệm vụ và công tác mới. Phải cải thiện sự lãnh đạo tổ chức.

Phải luôn luôn thực hiện tự phê bình và phê bình, nhất là phê bình từ dưới lên"².

1. Sđd, tập 6, tr. 161.

2. Sđd, tập 7, tr. 491.

Hồ Chí Minh quan niệm: lãnh đạo đúng có nghĩa là phải quyết định mọi vấn đề cho đúng, phải tổ chức sự thi hành cho đúng, phải kiểm soát, "chọn người thay và thay người".

Đảng "lãnh đạo", Nhà nước "quản lý".

Việc phân định ranh giới giữa phương thức lãnh đạo của Đảng với phương thức quản lý của Nhà nước không đơn giản. Quan điểm của Hồ Chí Minh là: Đảng và Nhà nước đều phục vụ nhân dân, mục đích hoạt động đều đưa lại lợi ích cho nhân dân. Cán bộ đảng hay cán bộ nhà nước đều là đầy tớ của nhân dân. Như vậy, Đảng và Chính phủ chỉ có một đối tượng phục vụ đó là nhân dân. Dù giai đoạn nào thì Đảng và Nhà nước cũng có một cái chung căn bản đó là phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc. Trong phương thức hoạt động, Đảng và Nhà nước cũng có nhiều điểm chung, Đảng lấy ý kiến dân, Chính phủ cũng lấy ý kiến dân... Tuy nhiên, có những điều thì Đảng không trực tiếp làm như ban hành các văn bản pháp luật..., mà chỉ Nhà nước làm, Đảng chỉ lãnh đạo phương hướng chính trị, bố trí cán bộ, kiểm tra...

Trước đây, Lênin cho rằng, Đảng lãnh đạo Nhà nước là một vấn đề có tính nguyên tắc nhưng phải chống lẫn lộn chức năng lãnh đạo của Đảng với chức năng quản lý của Nhà nước, chống sự can thiệp vụn vặt vào công việc của các Xô viết, dành cho Đảng sự lãnh đạo chung. Đảng không bận bịu với những công việc manh mún. Hồ Chí Minh đã tiếp thu tư tưởng đó. Những vấn đề lớn do Đại hội Đảng, Trung ương và Bộ Chính trị bàn bạc quyết định... Khi thực hành thì đảng viên nhân danh cán bộ nhà nước thể hiện quyết định của Đảng. Hồ Chí Minh là lãnh tụ, là đảng viên của Đảng nhưng khi đứng ra giải quyết thì với tư cách Chủ tịch nước. Người là Chủ tịch Đảng đồng thời là Chủ tịch nước. Tư tưởng của Người là Đảng không bao biện làm thay các công việc của Nhà nước. Khi thực thi pháp luật, kế hoạch của Nhà nước, đảng viên với tư cách là công dân lúc đó trở thành những tấm gương hành động, gương mẫu chấp hành các quyết định của Nhà nước, chấp hành Hiến pháp và pháp luật.

Đảng lãnh đạo Nhà nước trong lĩnh vực xây dựng hệ thống pháp luật và các lĩnh vực khác đều phải định hướng, tổ chức hướng dẫn nhân dân góp ý kiến, các đảng viên hoạt động trong cơ quan nhà nước với tư cách là đại biểu các tổ chức dân cử thuyết phục, đấu tranh bảo vệ quan điểm của Đảng và biểu quyết theo quan điểm của Đảng.

Sau khi định hướng chính trị cho các hoạt động của các cơ quan nhà nước, Đảng phải tổ chức xây dựng bộ máy nhà nước, xây dựng đội ngũ cán bộ công chức, bảo đảm cho Nhà nước giữ vững bản chất giai cấp công nhân, nhà nước của dân, do dân, vì dân, đặc biệt quan tâm đến công tác quản lý và đào tạo đội ngũ cán bộ, công chức. Đảng phải lãnh đạo và tổ chức để đội ngũ đảng viên được nhân dân tín nhiệm bầu vào cơ quan quyền lực chiếm một tỷ lệ cần thiết quyết định. Hồ Chí Minh đặc biệt chú ý vấn đề giáo dục cán bộ, công chức về lý tưởng, đạo đức cách mạng luôn luôn vì lợi ích đất nước, lợi ích nhân dân; luôn gắn bó và phục vụ nhân dân. Sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước cuối cùng được thể hiện ở các đảng viên hoạt động trong cơ quan nhà nước từ cơ sở. Do vậy, trách nhiệm các đảng viên đó là phải biến quyết định, ý chí của Đảng thành quyết định, ý chí của Nhà nước.

Bản sao lưu trữ

HỒ CHÍ MINH VẬN DỤNG SÁNG TẠO, BỔ SUNG, PHÁT TRIỂN HỌC THUYẾT MÁC - LÊNIN VỀ ĐẢNG CỘNG SẢN CẨM QUYỀN

Đây là một vấn đề càng đi vào nghiên cứu càng thấy nảy sinh những khó khăn, phức tạp. Một mặt, rất khó tách bạch vấn đề nào là vấn đề riêng của Hồ Chí Minh; mặt khác, như một số người quan niệm: vận dụng sáng tạo đã bao hàm bổ sung, phát triển, không cần nhấn mạnh, bổ sung phát triển nữa.

Mác, Ăngghen và Lênin thường xuyên lưu ý các Đảng Cộng sản phải vận dụng sáng tạo, bổ sung và phát triển học thuyết của các ông. Linh hồn sống của học thuyết Mác là phân tích cụ thể tình hình cụ thể. Lênin khẳng định: "Chúng ta không hề coi lý luận của Mác như là một cái gì đã xong xuôi hẳn và bất khả xâm phạm; trái lại, chúng ta tin rằng lý luận đó chỉ đặt nền móng cho môn khoa học mà những người xã hội chủ nghĩa *cần phải* phát triển hơn nữa về mọi mặt, nếu họ không muốn trở thành lạc hậu đối với cuộc sống. Chúng tôi nghĩ rằng, những người xã hội chủ nghĩa ở Nga đặc biệt cần phải tự mình phát triển hơn nữa lý luận của Mác, vì lý luận này chỉ đề ra những nguyên lý chỉ đạo chung, còn việc áp dụng những nguyên lý ấy thì, xét riêng từng nơi, ở Anh không giống ở Pháp, ở Pháp không giống ở Đức, ở Đức không giống ở Nga"¹.

Như vậy, học thuyết Mác - Lênin là học thuyết mở, nó luôn luôn cần được nạp thêm năng lượng mới từ thực tiễn cách mạng. Chính nhờ quá trình đó mà học thuyết Mác - Lênin ngày càng phát triển và sống mãi.

1. V.I Lênin, *Toàn tập*, tập 4, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1974, tr. 232.

Là một người trung thành và kiên trì đi theo chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: "Học tập chủ nghĩa Mác - Lênin là học cái tinh thần xử trí mọi việc, đối với mọi người và đối với bản thân mình; là học tập những chân lý phổ biến của chủ nghĩa Mác - Lênin để áp dụng một cách sáng tạo vào hoàn cảnh thực tế ở nước ta"¹. Trong một báo cáo viết năm 1924, Hồ Chí Minh cho rằng: "Mác đã xây dựng học thuyết của mình trên một triết lý nhất định của lịch sử, nhưng lịch sử nào? Lịch sử châu Âu. Mà châu Âu là gì? Đó chưa phải là toàn thể nhân loại". Hồ Chí Minh còn nhắc lại nhiệm vụ "xem xét lại chủ nghĩa Mác về cơ sở lịch sử của nó, củng cố nó bằng dân tộc học phương Đông"².

Như vậy, có sự nhất quán giữa các nhà sáng lập chủ nghĩa cộng sản khoa học và Hồ Chí Minh về sự vận dụng sáng tạo, bổ sung, phát triển học thuyết đó cho phù hợp với thực tiễn cách mạng của mỗi nước.

Việc phân biệt ranh giới giữa vận dụng sáng tạo, bổ sung và phát triển của Hồ Chí Minh đối với chủ nghĩa Mác - Lênin về Đảng chỉ là tương đối.

- "Sáng tạo", theo *Từ điển tiếng Việt* xuất bản năm 1992 có hai nghĩa: Một là, tạo ra những giá trị mới về vật chất hoặc tinh thần. Hai là, tìm ra cái mới, cách giải quyết mới, không gò bó, phụ thuộc vào cái đã có.

- "Bổ sung" có nghĩa là: "thêm vào cho đủ".

- "Phát triển" có nghĩa là: "biến đổi hoặc làm cho biến đổi từ ít đến nhiều, hẹp đến rộng, thấp đến cao, đơn giản đến phức tạp".

Ba động từ trên có nghĩa là rất gần nhau, liên quan mật thiết với nhau. Có thể nói, "sáng tạo" là đã làm rõ được bản chất của vấn đề. Tuy nhiên, từ "bổ sung" và "phát triển" có những nội dung và ý nghĩa khác không hoàn toàn đồng nhất với "sáng tạo".

Trong cuốn sách này, chúng tôi quan niệm sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin của Hồ Chí Minh bao gồm:

- Cơ sở và tiền đề của sự sáng tạo là nắm vững chủ nghĩa Mác - Lênin. Nắm vững bản chất cách mạng và khoa học; nắm phương pháp luận, nắm nội dung, nguyên lý cơ bản của học thuyết. Nắm vững còn có

1. Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 9, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 292.

2. Sđd, tập 1, tr. 465.

nghĩa là nắm hệ thống nguyên lý lý luận chứ không phải cắt xén. Do đó, quá trình nghiên cứu nắm vững chủ nghĩa Mác - Lênin của Hồ Chí Minh chính là cơ sở và tiền đề cho quá trình sáng tạo.

- Trên cơ sở nắm vững, trung thành với chủ nghĩa Mác - Lênin mà sáng tạo. Việc vận dụng những nguyên lý phổ biến của chủ nghĩa Mác - Lênin phù hợp với thực tiễn cách mạng nước ta, tạo ra những giá trị mới về vật chất và tinh thần là sáng tạo.

Quá trình vận dụng phân biệt được đúng, sai; cái nào là nguyên tắc, cái nào là sách lược, cái nào còn phù hợp, cái nào phải bổ sung, phát triển mới, đáp ứng được tình hình. Trên cơ sở đó tìm ra cái mới, cách giải quyết mới. Đó là sáng tạo. Như vậy, sáng tạo khác về bản chất với bảo thủ, giáo điều và xét lại.

Quá trình vận dụng sáng tạo tuy đã có khía cạnh bổ sung, phát triển nhưng nói đúng hơn mới chỉ là cơ sở, tiền đề cho việc bổ sung, phát triển.

- Quá trình bổ sung, phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin là quá trình áp dụng những nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin vào thực tế, tiếp thu tinh hoa, trí tuệ của dân tộc và thời đại để tổng kết, tìm ra những vấn đề mới, phát hiện ra những quy luật mới.

Chỉ những kinh nghiệm thực tiễn được nâng lên thành lý luận, trở thành một bộ phận không thể tách rời chủ nghĩa Mác - Lênin mới được thừa nhận là bổ sung, phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin.

Trên ý nghĩa nào quá trình vận dụng sáng tạo của Hồ Chí Minh cũng là quá trình bổ sung, phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin. Song, việc phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin của Hồ Chí Minh về Đảng và xây dựng Đảng là cấp độ cao nhất do quá trình vận dụng, sáng tạo và bổ sung... đưa lại. Bổ sung, phát triển là sáng tạo, nhưng sáng tạo chưa hẳn đã là bổ sung, phát triển. Quá trình này đòi hỏi Đảng Cộng sản hoặc cá nhân nào đó có tầm tư duy sắc bén, có biệt tài về tổng kết thực tiễn mới thực hiện được.

Hồ Chí Minh chính là một người như thế. Vì vậy, những người nghiên cứu tư tưởng Hồ chí Minh đều nhất trí rằng: Hồ Chí Minh không những là người vận dụng sáng tạo, mà còn luôn luôn bổ sung, phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin trong thời đại mới. Vì vậy, Đại hội

đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng đã khẳng định lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động.

- Phân biệt ranh giới giữa sáng tạo với bổ sung, phát triển chỉ là tương đối và phân biệt cái gì là riêng của Hồ Chí Minh so với chủ nghĩa Mác - Lênin và với quan điểm, đường lối của Đảng ta cũng chỉ là tương đối. Bởi vì, trong bản chất, trong cội nguồn của những luận điểm tư tưởng Hồ Chí Minh đã có chủ nghĩa Mác - Lênin. Đó là cơ sở và tiền đề rất căn bản của tư tưởng Hồ Chí Minh.

Ở đây chúng tôi đi sâu làm rõ Hồ Chí Minh vận dụng sáng tạo, bổ sung, phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin về Đảng và xây dựng Đảng Cộng sản cầm quyền. Mốc thời gian chủ yếu từ năm 1945 đến năm 1969. Trong thời gian đó, Hồ Chí Minh là lãnh tụ của Đảng, đồng thời là nguyên thủ quốc gia trong 24 năm.

Khi nghiên cứu học thuyết Mác - Lênin về Đảng Cộng sản, người ta thường nghiên cứu "đảng độc lập" do Mác, Ăngghen sáng lập và "đảng kiểu mới" do Lênin sáng tạo. Học thuyết Mác - Lênin về Đảng Cộng sản được thể hiện ở "đảng độc lập" và bổ sung, phát triển ở "đảng kiểu mới".

Theo Mác và Ăngghen, "đảng độc lập" không phải là đảng cô độc, đơn độc, đảng độc lập có nghĩa là độc lập về chính trị, tư tưởng và tổ chức; không lệ thuộc vào các đảng tiểu tư sản và không là cái đuôi của giai cấp tư sản. "Đảng độc lập" phải gắn bó mật thiết với giai cấp vô sản và quần chúng lao động. "Đảng độc lập" quan hệ hợp tác với các đảng khác vì lợi ích chung của toàn bộ phong trào vô sản.

Mác và Ăngghen đã dùng quan điểm duy vật lịch sử, xuất phát từ cơ sở kinh tế, xã hội để phân tích, rút ra những kết luận về vai trò, bản chất và tính tất yếu ra đời của Đảng Cộng sản.

Quá trình hoạt động lý luận và thực tiễn của hai ông đồng thời cũng là quá trình chuẩn bị, đấu tranh cho sự ra đời và hoạt động của Đảng Cộng sản. Do hoàn cảnh và điều kiện lúc đó, hai ông sớm đề ra nguyên lý xây dựng đảng độc lập của giai cấp vô sản. Bản thân hai ông đã tích cực xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Điều này đã được Ăngghen khẳng định. Việc thành lập tổ chức Hội liên hiệp công nhân quốc tế là một thành quả tuyệt đỉnh của toàn bộ sự nghiệp của Mác.

Mác và Ăng ghen chưa có điều kiện để đề xuất lý luận về đảng cầm quyền. Qua Công xã Pa-ri (1871), Mác và Ăng ghen có đề cập đến một số khía cạnh về đảng cầm quyền, nhưng về cơ bản hai ông chưa nghiên cứu lý luận về đảng cầm quyền.

Trong điều kiện lịch sử mới, Lênin đã phát triển sáng tạo tư tưởng của Mác về Đảng Cộng sản, nghiên cứu tỉ mỉ và áp dụng trong thực tế những nguyên tắc xây dựng đảng kiểu mới, khác về bản chất với các đảng kiểu cũ của Quốc tế II do bọn cơ hội thao túng. Sau thắng lợi của Cách mạng tháng Mười Nga (1917), năm 1923, Lênin đã đề xuất một loạt những quan điểm về nguyên tắc xây dựng Đảng Cộng sản trong điều kiện có chính quyền. Song, mới có sáu năm, chưa đủ thời gian để Lênin nhìn nhận rõ sự vật, hiện tượng mới, để phát hiện đầy đủ những quy luật của đảng cầm quyền. Ngay chính những chủ trương, chính sách của Đảng Cộng sản Nga do Lênin lãnh đạo lúc đó cũng thay đổi luôn, chưa đủ thời gian để kiểm nghiệm, tổng kết thực tiễn và khẳng định một cách chắc chắn.

Trong bài *Thà ít mà tốt*, Lênin đọc cho thư ký ghi lại lúc cuối đời đã đánh giá, sau 5 năm cải tiến bộ máy nhà nước: "đó chỉ là một hoạt động phí công,... vô hiệu, thậm chí còn vô ích, còn có hại là khác".

Như vậy, trong tất cả các vấn đề đòi hỏi những người cộng sản phải vận dụng sáng tạo, bổ sung, phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin thì vấn đề đảng cầm quyền là một vấn đề mới mẻ cấp thiết và là vấn đề khó khăn, phức tạp, thường dễ sai lầm, lệch lạc nhất.

Hồ Chí Minh đã vận dụng sáng tạo, bổ sung phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin phù hợp với thực tiễn cách mạng nước ta trên tất cả các lĩnh vực. Đặc biệt về vấn đề đảng cầm quyền được Hồ Chí Minh đề cập toàn diện, cơ bản, hệ thống và cụ thể. Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng và xây dựng đảng cầm quyền được đề cập cả ở phương diện lý luận, quan điểm, nguyên tắc, trong chỉ đạo thực tiễn xây dựng Đảng và ở tấm gương hành động của Người. Dưới đây là một số vấn đề chủ yếu nhất:

I- VỀ VAI TRÒ, BẢN CHẤT VÀ QUY LUẬT HÌNH THÀNH ĐẢNG CỘNG SẢN

- *Phát hiện được sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân và vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam là sự sáng tạo đầu tiên về Đảng của Hồ Chí Minh.*

Đảng Cộng sản là đảng của giai cấp công nhân. Ở những nước công nghiệp phát triển, công nhân chiếm số đông trong dân cư thì việc có Đảng Cộng sản là dễ hiểu. Nhưng ở những nước vốn là thuộc địa nửa phong kiến như Việt Nam, nơi nông dân chiếm đại đa số trong dân cư thì đó là vấn đề khó được chấp nhận. Ngay ở nước Nga - một nước có nền nông nghiệp phát triển vào cỡ trung bình - mà nhận thức về vấn đề này cũng không đơn giản. Vì thế, để thành lập Đảng Bôn-sê-vích, Lênin đã phải đấu tranh chống phái "Dân túy" để bảo vệ học thuyết Mác về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân. Theo phái "Dân túy" thì lực lượng chính của cách mạng Nga là giai cấp nông dân chứ không phải là giai cấp công nhân. Năm 1894, Lênin viết tác phẩm *Những người "bạn dân" là thế nào và họ đấu tranh chống những người dân chủ - xã hội ra sao* và năm 1899, ông viết tiếp tác phẩm *Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ở Nga*. Trong hai tác phẩm này, Lênin đã làm rõ những luận cứ khoa học để phê phán sai lầm của phái "Dân túy", đặt cơ sở lý luận và thực tiễn cho việc xác lập vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân.

Để bảo vệ học thuyết Mác - Lênin, Hồ Chí Minh lúc đó mang tên Nguyễn Ái Quốc đã viết nhiều bài báo đề cập đến vai trò giai cấp công nhân: "Phong trào công nhân Trung Quốc", phong trào công nhân công nghiệp, công nhân nông nghiệp. Trong thời kỳ lịch sử mà giai cấp tư sản dân tộc vẫn có vai trò nhất định qua thắng lợi của cách mạng Thổ Nhĩ Kỳ. Nguyễn Ái Quốc đặc biệt nhấn mạnh vai trò của giai cấp công nhân. Dù giai cấp tư sản dân tộc có vai trò nhất định trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, nhưng luận điểm trên của Nguyễn Ái Quốc vẫn giữ nguyên giá trị.

Tại Đại hội Quốc tế nông dân (1923), Nguyễn Ái Quốc đã lập luận một cách khoa học, dứt khoát rằng nông dân là lực lượng cách mạng to lớn nhưng chỉ với lực lượng của riêng mình, nông dân không bao giờ trút bỏ được gánh nặng đang đè nén họ.

Những kết luận của Hồ Chí Minh về vai trò của giai cấp công nhân Việt Nam là kết quả của một quá trình quan sát thực tế, nghiên cứu ở nhiều nước từ năm 1911 khi Người ra đi tìm đường cứu nước. Khi được tin 600 thợ nhuộm ở Chợ Lớn bãi công năm 1922, Nguyễn Ái Quốc đã chỉ rõ: "Khắp nơi giai cấp công nhân cũng bắt đầu giác ngộ về lực lượng và giá trị của mình... Đây là lần đầu tiên một phong trào như thế nhóm lên

ở thuộc địa..."¹ và Người coi đó mới chỉ là "do bản năng tự vệ" của những công nhân "không được giáo dục và tổ chức" nhưng đã là "dấu hiệu... của thời đại".

Ở nước ta sự xâm nhập của chủ nghĩa tư bản Pháp bằng chính sách khai thác thuộc địa đã làm xuất hiện một lực lượng xã hội mới - giai cấp công nhân - nhưng còn quá nhỏ bé. Đến năm 1930, số lượng công nhân Việt Nam mới chỉ có 22 vạn người, chiếm tỷ lệ nhỏ trong dân cư (1,2%). Đây cũng là một trong nhiều nguyên nhân làm cho nhiều nhà yêu nước đương thời không nhận thấy vai trò lịch sử của giai cấp công nhân đối với sự nghiệp giải phóng dân tộc. Cụ Phan Bội Châu (1864-1940) đã bôn ba hải ngoại 20 năm để tìm đường "cứu vớt giống nòi" nhưng đã không nhận thức được vai trò lịch sử của giai cấp công nhân. Cụ Phan Chu Trinh (1782-1926) đã từng ở Pháp 15 năm (1911-1925), sống giữa phong trào công nhân nhưng vẫn không nhận thức được vai trò của giai cấp công nhân nên vẫn hy vọng dựa vào tư sản Pháp để đánh đổ nền quân chủ phong kiến Việt Nam, cuối cùng rồi rơi vào chủ nghĩa cải lương.

Phát hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân thế giới là công lao của Mác và Ăngghen. Qua những cuộc tranh luận lý luận về vấn đề này, trong phong trào cách mạng và phong trào công nhân, từ sau khi Mác và Ăngghen mất và xem xét vấn đề đó vào những điều kiện cụ thể của Việt Nam vào những năm 20 của thế kỷ XX mới thấy đầy đủ giá trị lý luận và thực tiễn mà Hồ Chí Minh đã cống hiến cho cách mạng Việt Nam. Sau này đánh giá về giai cấp công nhân Việt Nam, Hồ Chí Minh đã khẳng định: Chỉ có giai cấp công nhân là dũng cảm nhất, cách mạng nhất, luôn luôn gan góc đương đầu với bọn đế quốc thực dân. Với lý luận tiên phong và kinh nghiệm của phong trào cộng sản quốc tế, giai cấp công nhân ta tỏ ra là người lãnh đạo xứng đáng nhất và tin cậy nhất của công nhân Việt Nam. Thừa nhận hay không thừa nhận sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân là một trong những tiêu chuẩn quan trọng nhất để phân biệt người mácxít - leninnít chân chính với những kẻ cơ hội chủ nghĩa. Từ sau Cách mạng tháng Mười Nga, đặc biệt là sau khi chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô sụp đổ, các thế lực thù địch đã đẩy mạnh cuộc phản kích quyết liệt nhằm xóa bỏ các nước xã hội chủ nghĩa còn lại. Chúng tập trung vào việc đánh phá hệ thống tư tưởng của giai cấp công

1. Sđd, tập 2, tr. 114.

nhân nhằm xóa bỏ chủ nghĩa Mác - Lênin và từ đó thủ tiêu vai trò lãnh đạo của các Đảng Cộng sản. Một trong những vấn đề lý luận nền tảng của chủ nghĩa Mác - Lênin mà chúng tập trung bác bỏ, xuyên tạc là học thuyết Mác về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân.

Về mặt lý luận, Hồ Chí Minh đã sớm khẳng định vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân Việt Nam và sớm sáng lập đảng tiên phong của giai cấp công nhân - Đảng Cộng sản Việt Nam.

- Phát hiện được quy luật hình thành Đảng Cộng sản ở một nước nông nghiệp lạc hậu như Việt Nam là sự sáng tạo, bổ sung, phát triển lớn của Hồ Chí Minh trong việc vận dụng học thuyết Mác - Lênin về sự ra đời của Đảng Cộng sản.

Đảng Cộng sản là sản phẩm của sự kết hợp chủ nghĩa xã hội khoa học với phong trào công nhân. Đó là nguyên lý chung của học thuyết Mác - Lênin về đảng vô sản. Nhưng tình hình Việt Nam hoàn toàn khác với nước Nga và các nước châu Âu. Làm thế nào để thành lập được đảng vô sản ở một nước mà nông dân chiếm số đông như Việt Nam là vấn đề mới và khó. Lênin chỉ rõ: sự ra đời của các đảng vô sản có quy luật chung, nhưng đặc điểm của mỗi nước đòi hỏi phải có những con đường riêng biệt. Trong tất cả các nước, chỉ có sự kết hợp giữa chủ nghĩa xã hội với phong trào công nhân mới xây dựng được một cơ sở vững chắc cho cả hai. Nhưng trong mỗi nước, sự kết hợp ấy lại là một sản phẩm của lịch sử, lại được thực hiện bằng con đường đặc biệt, tùy theo điều kiện không gian và thời gian.

Hồ Chí Minh đã vận dụng và phát triển tư tưởng đó của Lênin như thế nào để tìm ra con đường riêng biệt của Việt Nam? Người đã nhận thức được những điều kiện lịch sử mới, đặc điểm mới của phong trào yêu nước của Việt Nam. Từ cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, chủ nghĩa tư bản đã phát triển thành chủ nghĩa đế quốc, giai cấp tư sản đã phản bội lại lợi ích của dân tộc. Giai cấp công nhân - giai cấp tiên phong trở thành người đại biểu quyền lợi của cả giai cấp và của cả dân tộc. Phong trào dân tộc trở thành một bộ phận của cách mạng vô sản thế giới sau thắng lợi của Cách mạng tháng Mười Nga. Những điều kiện lịch sử mới đó đã hướng những người yêu nước Việt Nam theo chủ nghĩa xã hội, gắn liền mục tiêu độc lập dân tộc với mục tiêu chủ nghĩa xã hội, để tiếp thu chủ nghĩa Mác - Lênin và trở thành những người cộng sản. Trước sự chuyển

biến quan trọng đó của phong trào yêu nước, Hồ Chí Minh không chờ cho giai cấp công nhân Việt Nam phát triển đến một số lượng và tỷ lệ nhất định mới hình thành Đảng Cộng sản. Thực tiễn cách mạng Việt Nam đã chỉ rõ: nhược điểm của giai cấp công nhân về số lượng được bổ sung bằng các tầng lớp vô sản và dân nghèo, tiểu tư sản trí thức yêu nước khi họ tiếp thu được chủ nghĩa Mác - Lênin và tự nguyện chiến đấu cho lợi ích của giai cấp công nhân và dân tộc. Những người không phải xuất thân từ giai cấp vô sản nhưng khi đã tiếp thu được thế giới quan Mác - Lênin, được rèn luyện trong phong trào cách mạng đều trở thành những người cộng sản ưu tú.

Ở một nước thuộc địa nửa phong kiến như Việt Nam không thể có phong trào thuần túy vô sản. Trung thành và vận dụng sáng tạo tư tưởng Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của Việt Nam, Hồ Chí Minh truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào phong trào công nhân và cả phong trào yêu nước để đưa phong trào yêu nước theo hướng xã hội chủ nghĩa. Phong trào yêu nước theo hướng mới đó ngay từ đầu đã có sự chuyển biến về chất, gắn liền hai mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Hồ Chí Minh thực hiện việc truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin và con đường cứu nước của mình bằng nhiều hình thức: sách báo, truyền đơn, các cuộc tiếp xúc... Người cũng sử dụng nhiều hình thức tổ chức quá độ như: "Hội liên hiệp thuộc địa" ở Pháp, "Thế giới bị áp bức dân tộc liên hiệp hội" ở Trung Quốc, "Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên" để từng bước tập hợp, giáo dục thanh niên yêu nước hướng họ đi theo con đường Cách mạng tháng Mười Nga.

Trong điều kiện của Việt Nam những năm 1925-1930, việc tổ chức Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên như một tổ chức tiền thân của Đảng, là một sáng tạo lớn của Hồ Chí Minh về tổ chức. Đây là tổ chức thu hút những người yêu nước ưu tú trong phong trào công nhân và phong trào yêu nước. Hội có vai trò quyết định trong việc đưa những người yêu nước Việt Nam đi từ giác ngộ dân tộc đến giác ngộ giai cấp và trở thành đảng viên cộng sản. Hội được tổ chức chặt chẽ, có hệ thống từ Trung ương đến cơ sở và trên thực tế Hội đã làm nhiệm vụ chuẩn bị về chính trị, tư tưởng và tổ chức cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Đảng ta ra đời ngày 3-2-1930 là kết quả của sự kết hợp chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam. Tổng

kết kinh nghiệm 80 năm xây dựng Đảng, Hồ Chí Minh viết: "Chủ nghĩa Mác - Lênin kết hợp với phong trào công nhân và phong trào yêu nước đã dẫn tới việc thành lập *Đảng Cộng sản Đông Dương* vào đầu năm 1930"¹.

Hồ Chí Minh đã giáo dục, rèn luyện, xây dựng Đảng ta thành một đảng Mác - Lênin vững mạnh, giữ vững và tiếp tục phát triển sự nghiệp do Người để lại.

II- VỀ XÂY DỰNG ĐƯỜNG LỐI, XÁC ĐỊNH NHIỆM VỤ CHÍNH TRỊ CỦA ĐẢNG

Năm 1920, Nguyễn Ái Quốc tìm thấy "cái cần thiết cho chúng ta, con đường giải phóng chúng ta" trong tác phẩm của Lênin: *Luận cương về các vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa*.

Đường lối, nhiệm vụ chính trị của những người yêu nước ở các thuộc địa là giáo dục, giác ngộ, vận động, tổ chức quần chúng nhân dân đứng lên đấu tranh tự giải phóng khỏi ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc thực dân. *Đặt cách mạng giải phóng dân tộc của các thuộc địa vào phạm trù của cách mạng vô sản*. Đó là một trong những phát hiện mới, sáng tạo trong quan điểm, đường lối chính trị của Nguyễn Ái Quốc.

Trong việc xác định đường lối, nhiệm vụ chính trị, Hồ Chí Minh luôn luôn đặt ra những nhiệm vụ trước mắt và mục tiêu cuối cùng cần đi tới.

Sau Cách mạng tháng Tám 1945, Đảng Cộng sản Việt Nam đã trở thành đảng cầm quyền. Mục tiêu độc lập dân tộc đã thực hiện được cơ bản song kẻ thù đã trở lại xâm lược, do đó chưa thực hiện được độc lập hoàn toàn. Nhân dân ta phải tiến hành 30 năm chiến tranh giải phóng (1945-1975) mới hoàn thành triệt để mục tiêu độc lập dân tộc. Trong hoàn cảnh lịch sử như vậy, đường lối, nhiệm vụ chính trị do Hồ Chí Minh và Đảng ta đề ra là tiếp tục hoàn thành mục tiêu giải phóng dân tộc, từng bước thực hiện mục tiêu dân chủ, tạo tiền đề và điều kiện để tiến tới xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đường lối và nhiệm vụ chính trị đó tiếp tục con đường giải phóng mà lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin đã mở ra và được vận dụng phù hợp với đặc điểm lịch sử và thực tiễn của đất nước.

1. Sđd, tập 10, tr. 8.

Năm 1946, một nhà báo nước ngoài hỏi Chủ tịch Hồ Chí Minh: "Thưa Chủ tịch, chúng tôi nghe nói Chủ tịch có xu hướng cộng sản, nhưng có phải Chủ tịch cho rằng đất nước Việt Nam chưa thể cộng sản hóa được trước một thời hạn là 50 năm không?". Hồ Chí Minh trả lời: "Tất cả mọi người đều có quyền nghiên cứu một chủ nghĩa. Riêng tôi, tôi đã nghiên cứu chủ nghĩa Các Mác... Còn khi nào chủ nghĩa Các Mác thực hiện thì tôi không thể trả lời được. Muốn cho chủ nghĩa cộng sản thực hiện được, cần phải có kỹ nghệ, nông nghiệp và tất cả mọi người đều được phát triển hết khả năng của mình, ở nước chúng tôi, những điều kiện ấy chưa có đủ"¹.

Câu trả lời trên đây của Hồ Chí Minh vẫn thể hiện kiên định con đường chủ nghĩa cộng sản đồng thời nhận thức rõ điều kiện có thể của đất nước để đề ra đường lối, nhiệm vụ chính trị cũng như bước đi thích hợp tạo dựng những điều kiện cần có thể tiến tới mục tiêu chủ nghĩa xã hội. Phấn đấu để đất nước có nền kỹ nghệ phát triển là sự phát triển của công nghiệp và khoa học công nghệ; có nền nông nghiệp phát triển: "Trong công cuộc xây dựng nước nhà, Chính phủ trông mong vào nông dân, trông cậy vào nông nghiệp một phần lớn". Và con người phát triển hết khả năng của mình, khả năng trí tuệ, khả năng lao động sản xuất, làm kinh tế vì dân giàu, nước mạnh, "đem tài dân, sức dân, của dân làm lợi cho dân".

Trong tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc* viết năm 1947, Hồ Chí Minh đã đề cập sâu sắc vấn đề xây dựng Đảng trong điều kiện đảng cầm quyền. Người nêu ra 12 điều cần thiết để bảo đảm "tư cách của Đảng chân chính cách mạng". Trong 12 điều đó đã nêu rõ việc xây dựng đường lối, nhiệm vụ chính trị của Đảng muốn đúng đắn và mang lại kết quả cần phải chú trọng những điểm gì.

Sau ngày miền Bắc được giải phóng (1954), đường lối của Đảng là tiếp tục sự nghiệp đấu tranh để hoàn thành cách mạng giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước đồng thời đưa miền Bắc quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Năm 1957, Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu rõ: "Ngày nay miền Bắc nước ta đang khôi phục kinh tế, phát triển văn hóa tiến dần lên chủ nghĩa xã hội"². Trước đó, Người cũng đã xác định "chủ nghĩa xã hội

1. Sdd, tập 4, tr. 272.

2. Sdd, tập 8, tr. 338.

không thể làm mau được mà phải làm dần dần"¹... "Tiến lên chủ nghĩa xã hội không thể một sớm một chiều. Đó là cả một công tác tổ chức và giáo dục"². Hồ Chí Minh xác định tiến lên chủ nghĩa xã hội thể hiện mục tiêu nhất quán trong đường lối chính trị, đồng thời cũng là sự vận dụng sáng tạo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về thời kỳ quá độ. Đó là thời kỳ cải biến cách mạng sâu sắc và không thể không trải qua nhiều chặng đường và cần phải qua những bước đi trung gian quá độ khác nhau. Mọi sự ấn định thời gian đều có thể phạm sai lầm chủ quan, nóng vội, duy ý chí. Chính V.I Lênin, trong bài *Bàn về thuế lương thực* viết năm 1921 đã cho rằng, những giả định về thời gian nêu ra năm 1918 là sai lầm.

Ngay ở thời điểm cuối cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, Hồ Chí Minh đã đề cập việc xây dựng và phát triển 5 loại kinh tế khác nhau ở nước ta (thành phần kinh tế):

"A- Kinh tế quốc doanh (thuộc chủ nghĩa xã hội, vì nó là của chung của nhân dân).

B- Các hợp tác xã (nó là nửa xã hội chủ nghĩa và sẽ tiến lên chủ nghĩa xã hội).

C- Kinh tế của cá nhân, nông dân và thủ công nghệ (có thể tiến dần vào hợp tác xã tức là nửa chủ nghĩa xã hội).

D- Tư bản của tư nhân.

E- Tư bản của nhà nước (như nhà nước hùn vốn với tư bản tư nhân để kinh doanh).

Trong năm loại ấy, loại A là kinh tế lãnh đạo và phát triển mau hơn cả. Cho nên, kinh tế ta sẽ phát triển theo hướng chủ nghĩa xã hội chứ không theo hướng chủ nghĩa tư bản"³. Với sự tồn tại của các thành phần kinh tế, chính sách của Đảng và Chính phủ là công tư đều lợi chủ thợ đều lợi; công nông giúp nhau; lưu thông trong ngoài. Hồ Chí Minh lưu ý: Công tức là kinh tế quốc doanh là nền tảng và lãnh đạo nền kinh tế, tư là kinh tế tư bản tư nhân, kinh tế cá nhân của nông dân và thủ công nghệ, đó là lực lượng kinh tế cần thiết. Về quan hệ chủ thợ, Hồ Chí Minh

1. Sdd, tập 8, tr. 226.

2. Sdd, tập 8, tr. 228.

3. Sdd, tập 7, tr. 247-248.

nêu rõ: "Nhà tư bản thì không khỏi bóc lột. Nhưng Chính phủ ngăn cấm họ bóc lột công nhân quá tay. Chính phủ phải bảo vệ lợi quyền của công nhân. Đồng thời, vì lợi ích lâu dài, anh chị em thợ cũng để cho chủ được số lợi hợp lý, không yêu cầu quá mức.

Chủ và thợ đều tự giác tự động, tăng gia sản xuất lợi cả đôi bên"¹. Đường lối, chính sách Hồ Chí Minh đề ra trên đây chính là sự vận dụng "lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin về thời kỳ quá độ, nhất là luận điểm V.I Lênin về sự tồn tại đan xen các thành phần kinh tế trong thời kỳ quá độ. Sự vận dụng đó hoàn toàn sát hợp với tình hình đất nước và nguyện vọng của các tầng lớp nhân dân ta. Nội dung đường lối, nhiệm vụ chính trị đó và nhất là phương pháp nhận thức và vận dụng lý luận của Hồ Chí Minh đến nay vẫn giữ nguyên giá trị.

Hồ Chí Minh cho rằng: "Cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa là một cuộc biến đổi khó khăn nhất và sâu sắc nhất. Chúng ta phải xây dựng một xã hội hoàn toàn mới xưa nay chưa từng có trong lịch sử nước ta". Phải tiến hành quá trình biến đổi đó trong "những điều kiện đặc biệt nước ta". Đó là một xã hội vừa thoát khỏi ách thực dân, phong kiến hết sức lạc hậu. Hồ Chí Minh chỉ rõ: "Trong những điều kiện như thế, chúng ta phải dùng những phương pháp gì, hình thức gì, đi theo tốc độ nào để tiến dần lên chủ nghĩa xã hội? Đó là những vấn đề đặt ra trước mắt Đảng ta hiện nay. Muốn giải quyết tốt những vấn đề đó, muốn bớt mò mẫm, đỡ sai phạm, thì chúng ta phải học tập kinh nghiệm các nước anh em và áp dụng kinh nghiệm ấy một cách sáng tạo. Chúng ta phải nâng cao sự tu dưỡng về chủ nghĩa Mác - Lênin mà tổng kết những kinh nghiệm của Đảng ta, phân tích một cách đúng đắn những đặc điểm của nước ta. Có như thế, chúng ta mới có thể hiểu được quy luật phát triển của cách mạng Việt Nam, định ra được những đường lối, phương châm, bước đi cụ thể của cách mạng xã hội chủ nghĩa thích hợp với tình hình nước ta. Như thế là phải học tập lý luận, phải nâng cao trình độ lý luận chung của Đảng, trước hết là cán bộ cốt cán của Đảng".

Hồ Chí Minh quan niệm về chủ nghĩa xã hội hết sức rõ ràng, cụ thể "chủ nghĩa xã hội trước hết nhằm làm cho nhân dân lao động thoát nạn bần cùng, làm cho mọi người có công ăn việc làm, được ấm no và sống

1. Sđd, tập 7, tr. 221.

một đời hạnh phúc"¹; "chủ nghĩa xã hội là làm cho mọi người dân được ấm no, hạnh phúc và học hành tiến bộ"²; "*chủ nghĩa xã hội* nghĩa là tất cả mọi người các dân tộc ngày càng ấm no, con cháu chúng ta ngày càng sung sướng"³. Người nhấn mạnh, muốn tiến lên chủ nghĩa xã hội thì phải cải tạo xã hội cũ thành một xã hội mới, một xã hội không có chế độ người bóc lột người, một xã hội bình đẳng, nghĩa là ai cũng phải lao động và có quyền lao động, ai làm nhiều thì hưởng nhiều, làm ít hưởng ít, không làm không hưởng. Ngay từ đầu cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, Hồ Chí Minh cùng với toàn Đảng tập trung lãnh đạo, chỉ đạo kháng chiến chống ngoại xâm, nhưng vẫn không quên mục đích của Chính phủ phấn đấu "Làm cho người nghèo thì đủ ăn. Người đủ ăn thì khá giàu. Người khá giàu thì giàu thêm. Người nào cũng biết chữ. Người nào cũng biết đoàn kết, yêu nước"⁴.

Mục tiêu rõ ràng và cụ thể trong đường lối và nhiệm vụ chính trị được xác định như vậy, song việc thực hiện là cả một quá trình phấn đấu lâu dài, gian khổ và đòi hỏi phải có những hình thức tổ chức và phương pháp thích hợp.

Trong quá trình cùng với Trung ương Đảng lãnh đạo sự nghiệp cách mạng Việt Nam ở những thời điểm có tính bước ngoặt như thành lập Đảng (1930), Cách mạng tháng Tám thành công (1945), đưa miền Bắc bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (1954), trong xây dựng đường lối, nhiệm vụ chính trị Hồ Chí Minh luôn luôn chú trọng vận dụng lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin sát hợp với đặc điểm, hoàn cảnh đất nước. Nội dung đường lối, nhiệm vụ chính trị của Đảng và Hồ Chí Minh không chỉ trung thành với chủ nghĩa Mác - Lênin mà còn phát triển sáng tạo phù hợp với đặc điểm một nước thuộc địa nửa phong kiến, nông nghiệp lạc hậu, đấu tranh giải phóng dân tộc và từng bước tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Sự phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin trong xây dựng đường lối, nhiệm vụ chính trị của Đảng chính là ở chỗ, nhiệm vụ chính

1. Sđd, tập 10, tr. 17.

2. Sđd, tập 10, tr. 97.

3. Sđd, tập 10, tr. 317-318.

4. Sđd, tập 5, tr. 66.

trị cụ thể phải được đặt trong hoàn cảnh lịch sử cụ thể. Chính vì vậy nó có khả năng hiện thực hóa cao và tránh được những sai lầm chủ quan. Điều cần nhấn mạnh ở đây chính là phương pháp khoa học của Hồ Chí Minh trong xây dựng đường lối, nhiệm vụ chính trị là luôn luôn kết hợp chủ nghĩa Mác - Lênin với đặc điểm, điều kiện, hoàn cảnh đất nước, coi trọng phân tích đặc điểm hoàn cảnh thực tiễn, không bao giờ lấy tình cảm, ý chí chủ quan làm điểm xuất phát cho việc hoạch định đường lối, nhiệm vụ chính trị. Hồ Chí Minh luôn luôn nhấn mạnh việc nắm vững bản chất cách mạng và khoa học, linh hồn của chủ nghĩa Mác - Lênin, học tập phương pháp của chủ nghĩa Mác - Lênin, phương pháp khoa học và sáng tạo.

III- VỀ TƯ TƯỞNG VÀ CÔNG TÁC TƯ TƯỞNG

Cũng như các lĩnh vực khác, trong công tác tư tưởng Hồ Chí Minh đã vận dụng sáng tạo, bổ sung và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin trên nhiều vấn đề rất quan trọng. Đó là hai cấp độ khác nhau của cùng một quá trình được triển khai trong thực tiễn. Việc phân định, làm sáng tỏ hai cấp độ đó không đơn giản chỉ làm rõ vai trò, công lao của Hồ Chí Minh mà còn có ý nghĩa lý luận - thực tiễn to lớn trong việc mở ra phương hướng không ngừng phát triển của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong hoàn cảnh mới.

Xét về bản chất, chủ nghĩa Mác - Lênin là một học thuyết nhằm giải phóng giai cấp công nhân và nhân dân lao động thoát khỏi ách áp bức bóc lột một cách khoa học, chắc chắn nhất. Nó được hình thành trên cơ sở tổng kết thực tiễn, rút ra những vấn đề có tính quy luật, những chân lý phổ biến để chỉ đạo hoạt động cách mạng. Vì vậy, giá trị căn bản của học thuyết là ở chỗ nó đóng vai trò như "kim chỉ nam", như "cẩm nang thần kỳ" cho các hoạt động cách mạng mà tuyệt nhiên không phải là những tín điều bất di bất dịch. Nhận thức được đặc điểm trên, Hồ Chí Minh cho rằng, học tập chủ nghĩa Mác - Lênin chính là học tập "cái tinh thần xử trí mọi việc", "những chân lý phổ biến" của chủ nghĩa Mác - Lênin để áp dụng một cách sáng tạo vào hoàn cảnh cụ thể của nước ta.

Từ thực tiễn chỉ đạo cách mạng Nga, Lênin cho rằng, công tác tư tưởng là một công tác cách mạng đòi hỏi tính năng động, sáng tạo rất cao, trên cơ sở giữ vững các nguyên tắc, tính đảng, tính khoa học và tính gắn bó với cuộc sống. Vì vậy, tìm hiểu Hồ Chí Minh vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin trên lĩnh vực tư tưởng chính là xem xét sự quán triệt vận dụng các nguyên tắc đó của Người vào thực tiễn cách mạng Việt Nam.

1. Nguyên tắc tính đảng trong công tác tư tưởng

Đây là nguyên tắc quan trọng hàng đầu của Đảng, nó bảo đảm cho các hoạt động tư tưởng của Đảng được giữ vững trên lập trường giai cấp công nhân. Nguyên tắc này vừa giữ vai trò chủ đạo định hướng các quan hệ công tác tư tưởng vừa là một tiêu chuẩn quan trọng để đánh giá bản chất của Đảng. Kinh nghiệm thực tế cho thấy sai lầm, lệch lạc của nhiều đảng bắt đầu từ những vấn đề này. Đối với Đảng ta, một đảng ra đời, hoạt động trong một nước nông nghiệp lạc hậu, thường xuyên phải đương đầu với nhiều thế lực thù địch thì việc giữ vững tính đảng trong công tác tư tưởng là nhiệm vụ vô cùng khó khăn, phức tạp. Tuy nhiên, Hồ Chí Minh đã giải quyết vấn đề đó một cách sáng tạo bằng cách tăng cường tính đảng trong hàng loạt những nhân tố có quan hệ trực tiếp đến hoạt động tư tưởng. Chẳng hạn, về nội dung công tác tư tưởng, Hồ Chí Minh luôn chú trọng tăng cường giáo dục lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, phát triển hệ tư tưởng của giai cấp công nhân. Về hình thức, phương pháp, Người coi trọng mở rộng dân chủ, tăng tính giáo dục thuyết phục, thể hiện bản chất đặc thù hoạt động tư tưởng của Đảng Cộng sản... Người luôn nhắc nhở phòng ngừa, phê phán những biểu hiện quan liêu, áp đặt tư tưởng, vi phạm quyền làm chủ của đảng viên và nhân dân. Về quá trình triển khai thực hiện, trong Đảng phải thể hiện rõ sự có tổ chức, có lãnh đạo trên lĩnh vực công tác tư tưởng; đặc biệt do nhận thức được vai trò then chốt của đội ngũ cán bộ nên Hồ Chí Minh rất chú trọng giữ vững tính đảng thông qua hàng loạt những hoạt động của đội ngũ cán bộ, đảng viên. Người đòi hỏi họ phải thường xuyên học tập nâng cao giác ngộ chính trị, rèn luyện đạo đức cách mạng; phải thực hành dân chủ rộng rãi thường xuyên và nghiêm chỉnh thực hiện tự phê bình và phê bình, giữ gìn đoàn kết, giữ vững kỷ luật; nghiêm chỉnh chấp hành đường lối, chủ

trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước... Trong các hoạt động tư tưởng, người cán bộ phải đề cao ý thức trách nhiệm, "chống thói ba hoa" làm lộ bí mật của Đảng, Nhà nước... Do tính chất phức tạp, quyết liệt của lĩnh vực hoạt động, Hồ Chí Minh đòi hỏi người cán bộ trên lĩnh vực tư tưởng phải là người chiến sĩ có bản lĩnh, có tính chiến đấu cao "phải có lập trường vững vàng: ta, bạn, thù"¹ rõ rệt.

2. Nguyên tắc tính khoa học trong công tác tư tưởng

Lênin nêu lên nguyên tắc này vì hai lẽ:

Một là, chủ nghĩa xã hội khoa học là nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản, mọi hoạt động của Đảng phải trên cơ sở khoa học, phản ánh đúng bản chất của đảng.

Hai là, do tính đa dạng, phức tạp của công tác tư tưởng đòi hỏi nên công tác tư tưởng phải tiến hành khoa học mới có chất lượng, hiệu quả... Đối với Đảng ta, do trình độ nhận thức và năng lực công tác của đội ngũ cán bộ, đảng viên còn nhiều hạn chế mang đậm dấu ấn của người sản xuất nhỏ, cơ sở vật chất còn nghèo nàn, phân tán... vì vậy việc thực hiện nguyên tắc này là một yêu cầu rất cấp bách song cũng đặt ra rất nhiều khó khăn. Trong thực tiễn hoạt động cách mạng để đảm bảo tính khoa học trong công tác tư tưởng, Hồ Chí Minh chú trọng những vấn đề sau:

- *Những vấn đề có liên quan chi phối, tác động ảnh hưởng lớn đến tư tưởng cán bộ, đảng viên và nhân dân.*

Theo Hồ Chí Minh, đời sống tư tưởng, tinh thần bao giờ cũng tồn tại, vận động theo những quy luật đặc thù, do đó phải đặt những hoạt động tư tưởng trong các mối quan hệ biện chứng với đời sống chính trị, kinh tế, xã hội, trong những hoàn cảnh lịch sử cụ thể mới có thể có chủ trương, phương hướng tác động trên lĩnh vực tư tưởng sát hợp. Theo hướng đó, Hồ Chí Minh nhấn mạnh một số vấn đề chủ yếu sau đây:

+ Việt Nam có nền văn hiến lâu đời, dân tộc Việt Nam vốn có truyền thống yêu nước thương nòi, đoàn kết đấu tranh chống ngoại xâm.

+ Việt Nam từ một xã hội thuộc địa nửa phong kiến tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa. Đây là đặc điểm lớn nhất chủ đạo chi phối các hoạt động cách mạng, trong đó có công tác tư tưởng.

1. Sđd, tập 7, tr. 117.

Trong quá trình phát triển, cách mạng Việt Nam luôn phải đương đầu với những đế quốc lớn mạnh, với những thủ đoạn chiến tranh tàn bạo, xảo quyệt, v.v...

Ngoài những vấn đề trên, Hồ Chí Minh còn thường lưu ý các tình huống, các thời điểm cần quan tâm lãnh đạo tư tưởng: thời điểm chuyển giai đoạn - từ hòa bình sang chiến tranh và ngược lại; thời điểm trước và sau những bước ngoặt; những lúc cách mạng thắng lợi hoặc thất bại tạm thời, v.v...

Bằng những chỉ dẫn trên, Hồ Chí Minh đã chuẩn bị cho đội ngũ cán bộ những tri thức mới, tinh thần mới, tâm thế mới để sẵn sàng đáp ứng yêu cầu của thực tiễn cách mạng một cách chủ động, tự tin.

- Quan tâm chăm lo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ làm công tác tư tưởng.

Sở dĩ Hồ Chí Minh quan tâm đến vấn đề này vì hai lẽ: *Một là*, trình độ năng lực cán bộ quyết định đến chất lượng hoạt động của công tác tư tưởng; *hai là* về thực trạng, phần đông đội ngũ cán bộ hoạt động trên lĩnh vực này chưa được đào tạo, sự hiểu biết chuyên môn còn hạn chế. Người đã nhiều lần gặp gỡ trao đổi về kinh nghiệm hoạt động trên lĩnh vực tư tưởng, văn hóa, nghệ thuật với những cán bộ thuộc những binh chủng trên mặt trận tư tưởng, văn hóa, nghệ thuật. Với mục tiêu góp phần nâng cao chất lượng công tác cho đội ngũ cán bộ này, những chủ đề Người quan tâm nhiều nhất là: cách viết, cách nói, cách diễn đạt, cách sáng tác, phê bình... trên các lĩnh vực. Đặc biệt, chính bản thân Người là mẫu mực tuyệt vời về phong cách, phương pháp viết, nói nên đã có tác dụng lớn góp phần vào sự nghiệp lãnh đạo tư tưởng của Đảng.

- Quan tâm đến vấn đề lợi ích, có nghệ thuật xử lý đúng đắn, góp phần tạo động lực to lớn trên lĩnh vực tư tưởng.

C.Mác đã từng cho rằng nguồn gốc tư tưởng con người bắt nguồn từ chính lợi ích của bản thân họ, rằng tách tư tưởng với lợi ích, tư tưởng tự nó sẽ bị làm nhục. Vận dụng luận điểm trên, Hồ Chí Minh đã xử lý một cách sáng tạo, linh hoạt cả từ những chủ trương chiến lược, chính sách tầm vĩ mô đến những sự việc đơn giản hàng ngày. Những khẩu hiệu nổi tiếng: "Độc lập dân tộc", "Người cày có ruộng", "Không có gì quý hơn độc lập, tự do", v.v... là những ví dụ điển hình về sự vận dụng sáng tạo

những động lực lợi ích để khơi dậy tiềm năng to lớn trên lĩnh vực tinh thần của dân tộc trong sự nghiệp đấu tranh cách mạng. Những chế độ, chính sách trong thời kỳ do chính Người ban hành, những chuyến thăm viếng, những đợt úy lạo động viên, khen thưởng các đơn vị, cá nhân có thành tích, những lời khích lệ, những phần thưởng đúng lúc của Người đã thật sự có tác dụng sâu xa trên lĩnh vực tư tưởng.

- *Chủ trương giữ vững bản sắc dân tộc trong các hoạt động tư tưởng.*

Nguyên tắc tính khoa học trong công tác tư tưởng không bài trừ, thủ tiêu vấn đề bản sắc dân tộc; ngược lại bảo đảm tính khoa học đúng nghĩa của nó là phải tìm cách bảo tồn, phát huy những yếu tố, bản sắc dân tộc. Nhận thức đúng đắn vấn đề đó, Hồ Chí Minh chủ trương giữ vững bản sắc dân tộc trong hoạt động tư tưởng bằng các biện pháp cụ thể:

+ Bảo vệ, giữ gìn tiếng nói, chữ viết của dân tộc - công cụ giao tiếp, giao lưu tư tưởng, tình cảm của người Việt Nam.

+ Thông qua những loại hình văn hóa nghệ thuật (văn học, thơ ca, hò vè, hội họa...) qua những tập quán dân tộc (lễ hội, v.v...) thậm chí qua các nghi thức tín ngưỡng, tôn giáo để tiến hành các hoạt động tư tưởng.

+ Luôn kết hợp được các yếu tố truyền thống và hiện đại, dân tộc và thời đại, giữa "lý và tình".

Để nâng cao chất lượng, hiệu quả của công tác tư tưởng, vấn đề then chốt là xây dựng đội ngũ cán bộ tư tưởng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

Cán bộ vốn là "gốc" của công việc, Hồ Chí Minh cho rằng công việc thành công hay thất bại phụ thuộc vào cán bộ tốt hay kém. Trong lĩnh vực công tác tư tưởng cũng vậy, Hồ Chí Minh cho rằng, để bảo đảm tính khoa học, chất lượng của công tác tư tưởng xét đến cùng phải xây dựng đội ngũ cán bộ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Ngoài những tiêu chuẩn chung của đội ngũ cán bộ, cần phải nhấn mạnh, người cán bộ công tác tư tưởng phải có trình độ chính trị vững vàng, tính trung thực, đạo đức trong sáng, ý thức tổ chức kỷ luật cao, có trình độ chuyên môn ngang tầm cần thiết, v.v...

3. Nguyên tắc công tác tư tưởng phải gắn bó với cuộc sống

Trên thực tế, mỗi đảng hoạt động trong những nước với những hoàn cảnh đặc biệt rất khác nhau nên xuất hiện các nhu cầu trên lĩnh vực

công tác tư tưởng cũng khác nhau. Hơn nữa, nếu xa rời hiện thực cuộc sống, công tác tư tưởng dễ rơi vào sai lầm hoặc là giáo điều, hoặc chủ quan duy ý chí. Đối với Việt Nam, một nước ở khu vực châu Á, có nhiều đặc điểm khác với các nước khác (nhất là với các nước châu Âu) nên việc nhận thức và quán triệt nguyên tắc này là tất yếu khách quan, là điều kiện bảo đảm cho cách mạng thắng lợi.

Để bảo đảm nguyên tắc này trong công tác tư tưởng, Hồ Chí Minh chú trọng những vấn đề sau:

+ Thường xuyên lưu ý những đặc điểm, hoàn cảnh đặc thù của cách mạng Việt Nam đối với cán bộ, đảng viên. Đặc biệt Người coi trọng việc phát huy tính tự chủ, độc lập, sáng tạo của cán bộ, đảng viên.

+ Yêu cầu cán bộ, đảng viên thường xuyên học tập nắm vững bản chất, tinh thần lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin để vận dụng trong thực tiễn cho đúng.

+ Luôn yêu cầu công tác tư tưởng phải biết xuất phát từ nhiệm vụ chính trị và thúc đẩy thực tiễn cùng tiến lên.

+ Cán bộ làm công tác tư tưởng phải tăng cường thâm nhập cuộc sống, tìm hiểu, nắm vững tâm tư nguyện vọng nhân dân để có phương hướng lãnh đạo sát hợp.

+ Cán bộ, đảng viên phải gắn bó với cơ sở, với quần chúng, thực hiện thống nhất lời nói đi đôi với việc làm.

+ Phải làm tốt công tác tổng kết kinh nghiệm, phát hiện và nhân rộng những nhân tố mới, đưa thực tiễn phát triển đi lên.

+ Khiêm tốn học hỏi kinh nghiệm của các nước để vận dụng sáng tạo vào điều kiện của nước mình, v.v...

Đồng thời với quá trình vận dụng sáng tạo các nguyên tắc về công tác tư tưởng của chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh còn cho rằng *công tác tư tưởng của Đảng Cộng sản phải có tính văn hóa*.

Tiến hành công tác tư tưởng phải trên lập trường nhân đạo cộng sản, có lòng tin ở con người, khơi dậy giá trị đạo đức tốt đẹp; tính nhân văn của con người. Trong các hoạt động tư tưởng phải thể hiện tính văn hóa cao; giữ gìn, phát huy bản sắc dân tộc và tiếp thu văn minh nhân loại, v.v...

- Ngoài ra, Người còn bổ sung nhiều kinh nghiệm quý giá trong việc tiến hành công tác tư tưởng của Đảng Cộng sản trong một nước nông nghiệp lạc hậu tiến lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa. Đó là:

Kinh nghiệm xây dựng tư tưởng của một Đảng Cộng sản trong sạch, vững mạnh trong một nước nông nghiệp lạc hậu.

Kinh nghiệm định hướng tư tưởng chính trị trong một nước thuộc địa nửa phong kiến đi lên chủ nghĩa xã hội.

Kinh nghiệm triển khai công tác tư tưởng theo hai quá trình (trong nội bộ Đảng và với xã hội), theo ba tuyến (ta - bạn - thù) trong đấu tranh cách mạng.

Kinh nghiệm tiến hành công tác tư tưởng với giai cấp nông dân.

Kinh nghiệm đấu tranh khắc phục những tàn dư tư tưởng phong kiến trong một nước nông nghiệp tiến lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa.

Kinh nghiệm lãnh đạo tư tưởng trong một nước nhỏ tiến hành đấu tranh, chống những đế quốc lớn trong thời đại ngày nay, v.v...

Bên cạnh việc vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào thực tiễn cách mạng Việt Nam, Hồ Chí Minh còn phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin trên lĩnh vực tư tưởng, ở hai vấn đề sau:

Một là, khi bàn về điều kiện xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: "Muốn xã hội chủ nghĩa, phải có người xã hội chủ nghĩa. Muốn có người xã hội chủ nghĩa, phải có tư tưởng xã hội chủ nghĩa"¹.

Hai là, khi bàn về đạo đức cách mạng, Hồ Chí Minh khẳng định: "Chủ nghĩa cá nhân là một kẻ địch hung ác của chủ nghĩa xã hội. Người cách mạng phải tiêu diệt nó"². Bằng phương thức "Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân", Người nhấn mạnh: "...*Thắng lợi của chủ nghĩa xã hội không thể tách rời thắng lợi của cuộc đấu tranh trừ bỏ chủ nghĩa cá nhân*"³.

1. Sđd, tập 9, tr. 296.

2. Sđd, tập 9, tr. 292.

3. Sđd, tập 9, tr. 291.

Hai vấn đề trên gắn bó hữu cơ với nhau, khẳng định sự thành bại của cách mạng do chính bản thân con người quyết định. Đó là những kết luận hết sức chính xác của Hồ Chí Minh, là kết quả của quá trình nghiên cứu, chiêm nghiệm mà Người đã nhận định từ rất sớm: "Sửa cái xã hội cũ đã mấy ngàn năm làm xã hội mới, ấy là rất khó. Nhưng biết cách làm, biết đồng tâm hiệp lực mà làm thì chắc làm được, thế thì không khó. Khó dễ cũng tại mình, mình quyết chí thì làm được"¹.

IV- VỀ TỔ CHỨC

Hồ Chí Minh vận dụng sáng tạo, bổ sung và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin trong xây dựng Đảng, nâng cao sức chiến đấu của Đảng về tổ chức, nổi bật ở các nội dung sau:

1. Về xây dựng hệ thống tổ chức bộ máy của Đảng

Những quan điểm, nội dung, cách làm trong xây dựng, phát huy sức mạnh của hệ thống tổ chức bộ máy của Đảng mà Hồ Chí Minh thể hiện là sự trung thành và sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin về xây dựng tổ chức bộ máy của Đảng Cộng sản Việt Nam trong điều kiện và hoàn cảnh nước ta. Trong đó nổi lên những nội dung chính sau đây:

Một là, Hồ Chí Minh sáng tạo ra những hình thức tổ chức bộ máy phù hợp với đặc điểm tình hình, nhiệm vụ của từng giai đoạn cách mạng.

Với nhãn quan chính trị sâu rộng, Hồ Chí Minh đã nhạy bén đưa ra những quyết định sáng suốt về hình thức tổ chức bộ máy và phương thức hoạt động của Đảng. Việc "Đảng tuyên bố tự giải tán - nhưng sự thật là Đảng rút vào hoạt động bí mật" là một ví dụ. Hoặc ở thời kỳ đầu Đảng mới thành lập, ngoài 4 cấp như hiện nay (Trung ương, tỉnh, huyện, cơ sở) còn lập các xứ ủy. Đến thời kỳ chống Pháp còn có các khu ủy. Khi hòa bình lập lại ở miền Bắc, điều kiện cho phép lại bỏ xứ cấp ủy và khu ủy, chỉ giữ lại khu tự trị (Việt Bắc, Tây Bắc). Hay việc lập Trung ương Cục miền Nam, trực tiếp lãnh đạo Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam... Chính nhờ có sự linh hoạt, sáng tạo về hình thức tổ chức và phương thức hoạt động như vậy mới bảo đảm cho hoạt động của Đảng

1. Sđd, tập 2, tr. 267.

được thông suốt, mau lẹ, kịp thời, thống nhất từ Trung ương đến cơ sở. Những hình thức tổ chức Đảng do Hồ Chí Minh sáng lập, đó là sự sáng tạo trong vận dụng.

Hai là, về lề lối làm việc và cơ chế vận hành của tổ chức bộ máy. Sau hai năm giành được chính quyền (10-1947), Hồ Chí Minh đã viết cuốn *Sửa đổi lối làm việc* nhằm giáo dục, rèn luyện cho cán bộ, đảng viên biết giữ vững những nguyên tắc tổ chức của đảng kiểu mới trong sinh hoạt và hoạt động lãnh đạo của các tổ chức đảng, bảo đảm cho bộ máy của Đảng vừa phát huy được dân chủ, vừa giữ vững kỷ luật kỷ cương; làm cho các tổ chức của Đảng luôn bám sát cơ sở, bám sát thực tiễn, sát quần chúng và kịp thời giải quyết những vấn đề nảy sinh trong thực tiễn.

2. Về nguyên tắc tập trung dân chủ

Nguyên tắc tập trung dân chủ đã được các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin đề cập rất sớm. Về phương diện lý luận, Mác - Ăngghen chưa dùng khái niệm nguyên tắc tập trung dân chủ, nhưng về phương diện thực tiễn thì hai ông đã chỉ đạo xây dựng "Liên đoàn những người cộng sản" và "Hội liên hiệp công nhân quốc tế theo tinh thần của nguyên tắc đó. Một số nội dung cơ bản của nguyên tắc tập trung dân chủ như vấn đề bầu cử, dân chủ, bình đẳng; quyền thảo luận, thông qua cương lĩnh, điều lệ; cấp dưới phục tùng cấp trên; thiểu số phục tùng đa số, mọi thành viên đều có trách nhiệm thực hiện kỷ luật bắt buộc như nhau, v.v... đã được Mác - Ăngghen đề cập.

Sau khi Mác - Ăngghen qua đời, Lênin là người kế tục xuất sắc sự nghiệp của Mác - Ăngghen, đã vận dụng sáng tạo, bổ sung, phát triển tư tưởng của Mác - Ăngghen về tập trung dân chủ. Khái niệm "tập trung dân chủ" đã được Lênin sử dụng từ năm 1905, sau đó được đưa vào Điều lệ của Đảng Công nhân dân chủ - xã hội Nga (Đại hội IV - 1906) và được các đảng trong Quốc tế III thừa nhận và khẳng định: "các đảng gia nhập Quốc tế Cộng sản phải được xây dựng theo nguyên tắc tập trung dân chủ".

Hồ Chí Minh luôn luôn trung thành với tư tưởng của Mác, Ăngghen, Lênin về nguyên tắc tập trung dân chủ và sáng tạo, bổ sung, phát triển tư tưởng đó trong tổ chức sinh hoạt và hoạt động của Đảng cho phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh cụ thể của Đảng Cộng sản Việt Nam, trình

độ dân trí của Việt Nam. Lênin cho rằng: Cần phải hiểu chế độ tập trung dân chủ, một mặt thật khác xa chế độ tập trung quan liêu chủ nghĩa và mặt khác, thật khác xa chủ nghĩa vô chính phủ. Hồ Chí Minh đã diễn đạt rất cô đọng nguyên tắc này là: "Tập trung trên nền tảng dân chủ" và "dân chủ dưới sự chỉ đạo tập trung".

Sự sáng tạo, bổ sung, phát triển nguyên tắc tập trung dân chủ của Hồ Chí Minh thể hiện rõ nhất ở việc thực hành nguyên tắc này "Nghĩa là có việc gì thì ai cũng được bàn, cũng phải bàn. Khi bàn rồi thì bỏ thăm, ý kiến nào nhiều người theo hơn thì được. Ấy là dân chủ. Đã bỏ thăm rồi, thì giao cho hội ủy viên làm, khi ấy thì tất cả hội viên phải tuân theo mệnh lệnh hội ấy. Ấy là tập trung. Ai không nghe lời thì ủy viên hội có quyền phạt"¹. Hồ Chí Minh còn cho rằng: "Để làm cho Đảng mạnh, thì phải mở rộng dân chủ (thật thà tự phê bình và phê bình), thực hành lãnh đạo *tập trung*, nâng cao tính tổ chức và kỷ luật"².

Trước đây, các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin đã đề cập đến cách thức lãnh đạo của Đảng, đó là tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, song do điều kiện hoàn cảnh cụ thể lúc đó chưa được các ông đề cập kỹ. Hồ Chí Minh đã vận dụng sáng tạo tư tưởng trên của các nhà kinh điển, đồng thời bổ sung và phát triển cho phù hợp với hoàn cảnh cụ thể của Việt Nam. Người lý giải: "Vì sao cần phải có tập thể lãnh đạo?"

Vì một người dù khôn ngoan tài giỏi mấy, dù nhiều kinh nghiệm đến đâu, cũng chỉ trông thấy, chỉ xem xét được một hoặc nhiều mặt của một vấn đề, không thể trông thấy và xem xét tất cả mọi mặt của một vấn đề.

Vì vậy, cần phải có nhiều người. Nhiều người thì nhiều kinh nghiệm. Người thì thấy rõ mặt này, người thì trông thấy rõ mặt khác của vấn đề đó.

Góp kinh nghiệm và sự xem xét của nhiều người, thì vấn đề đó được thấy rõ khắp mọi mặt. Mà có thấy rõ khắp mọi mặt, thì vấn đề ấy mới được giải quyết chu đáo, khỏi sai lầm.

Ý nghĩa của tập thể lãnh đạo rất giản đơn, chân lý của nó rất rõ rệt. Tục ngữ có câu: "Khôn bầy hơn khôn độc" là nghĩa đó.

1. Sđd, tập 2, tr. 306.

2. Sđd, tập 7, tr. 241.

Vì sao cần phải cá nhân phụ trách?

Việc gì đã được đông người bàn bạc kỹ lưỡng rồi, kế hoạch định rõ ràng rồi, thì cần phải giao cho một người hoặc một nhóm ít người phụ trách theo kế hoạch đó mà thi hành. Như thế mới có chuyên trách, công việc mới chạy.

Nếu không có cá nhân phụ trách, thì sẽ sinh ra cái tệ người này ủy cho người kia, người kia ủy cho người nọ, kết quả là không ai thi hành. Như thế thì việc gì cũng không xong. Tục ngữ có câu: "Nhiều sãi không ai đóng cửa chùa" là như thế.

Vì lẽ đó, cho nên lãnh đạo cần phải tập thể, mà phụ trách cần phải cá nhân.

Lãnh đạo không tập thể, thì sẽ đi đến cái tệ bao biện, độc đoán, chủ quan. Kết quả là hỏng việc.

Phụ trách không do cá nhân; thì sẽ đi đến cái tệ bừa bãi, lộn xộn, vô chính phủ. Kết quả cũng là hỏng việc.

Tập thể lãnh đạo và cá nhân phụ trách cần phải luôn luôn đi đôi với nhau.

Nhưng không phải vấn đề gì nhỏ nhặt, vụn vặt, một người vẫn có thể giải quyết được cũng đưa ra bàn - mới là tập thể lãnh đạo. Nếu làm như vậy, là hiểu tập thể lãnh đạo một cách quá máy móc. Kết quả là cứ khai hội mà hết ngày giờ.

Những việc bình thường, một người có thể giải quyết đúng thì người phụ trách cứ cần thận giải quyết đi. Những việc quan trọng, mới cần tập thể quyết định.

Tập thể lãnh đạo là *dân chủ*.

Cá nhân phụ trách là *tập trung*.

Tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, tức là *dân chủ tập trung*. Làm việc mà không theo đúng cách đó, tức là làm trái dân chủ tập trung¹.

Ở mọi lúc, mọi nơi, kể cả trong tình huống phức tạp, hiểm nghèo nhất, Hồ Chí Minh luôn luôn coi trọng tập thể, không bao giờ có biểu hiện lấn át tập thể. Ở Người tính quyết đoán, trách nhiệm cá nhân rất

1. Sdd, tập 5, tr. 504-505.

cao nhưng không thấy gợn lên một chút nào sự độc đoán cá nhân hoặc quyết định sai nguyên tắc. Tin vào tập thể Ban Chấp hành Trung ương Đảng, tin vào đồng chí, đồng bào đó là một biểu hiện đặc sắc trong nhân cách Hồ Chí Minh.

Dân chủ phải đi đôi với tập trung, đi liền với kỷ luật; cá nhân phục tùng tổ chức, cấp dưới phục tùng cấp trên, địa phương phục tùng Trung ương. Người nhấn mạnh: Trong Đảng phải triệt để chống tập trung quan liêu, độc đoán, dân chủ hình thức, phân tán cục bộ, hẹp hòi, bè phái, tự do vô kỷ luật. Hồ Chí Minh cho rằng, dân chủ đi liền với kỷ luật, vì nếu chỉ phát huy dân chủ mà không tăng cường kỷ luật thì dân chủ sẽ trở thành vô chính phủ. Kỷ luật đảng nghiêm minh sẽ tạo nên sức mạnh của Đảng, tạo sự thống nhất ý chí và hành động. Kỷ luật đảng là kỷ luật sắt, nghĩa là nghiêm túc và tự giác. Và để đạt đến trình độ nghiêm túc và tự giác trên phải mở rộng dân chủ, phải sử dụng biện pháp dân chủ.

Suốt cuộc đời hoạt động cách mạng, trong công việc cũng như trong sinh hoạt hằng ngày, Hồ Chí Minh luôn luôn là tấm gương mẫu mực trong việc thực hiện chế độ dân chủ tập trung. Mọi nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương, của Bộ Chính trị, của tổ chức đảng nơi mình sinh hoạt, Người đều chấp hành nghiêm túc, vô điều kiện. Với cương vị là Người đứng đầu của Đảng và Nhà nước ta, Hồ Chí Minh luôn luôn đề cao, tôn trọng, phát huy trí tuệ của tập thể. Ở Người chưa thấy có và không bao giờ có biểu hiện tư tưởng gia trưởng, độc đoán cá nhân.

Ở Người luôn thể hiện trọn vẹn nhất quán tư cách của một người cộng sản: "Quyết đoán, dũng cảm, phục tùng đoàn thể"; sáng tạo trong thực hiện nguyên tắc: "Dĩ bất biến, ứng vạn biến"... Uy tín, vai trò cá nhân, trách nhiệm phụ trách trước Đảng, tầm nhìn xa trông rộng của Người được thể hiện nổi bật ở mọi thời điểm của cách mạng nước ta.

3. Về tổ chức cơ sở đảng

Xây dựng thành công hệ thống tổ chức cơ sở đảng xứng đáng với vai trò "hạt nhân lãnh đạo" ở cơ sở trong điều kiện cách mạng Việt Nam là thành quả sáng tạo của Hồ Chí Minh cả về lý luận và thực tiễn. Trong đó, những sáng tạo có giá trị tiêu biểu phải kể đến là:

Thứ nhất, quan niệm của Hồ Chí Minh về vị trí, vai trò của tổ chức cơ sở đảng rất linh hoạt, sáng tạo, phản ánh sát thực vai trò của nó

trong các mối quan hệ nhất định. Trong "Điều lệ của Liên đoàn những người cộng sản" xác định chi bộ là cấp thấp nhất trong hệ thống tổ chức của Liên đoàn. Nhưng Mác, Ăngghen chưa chỉ rõ vai trò quan trọng của nó. Sau này, Lênin đã khẳng định các cơ sở của đảng - ở mọi loại hình - đều có vai trò là "điểm tựa", là "hạt nhân và người lãnh đạo". Hồ Chí Minh xem xét vị trí, vai trò quan trọng của tổ chức cơ sở đảng tùy thuộc ở từng mối quan hệ. Chẳng hạn: trong hệ thống tổ chức của Đảng nó giữ vai trò là "nền móng", "nền tảng", là "gốc rễ" của Đảng. Trong mối quan hệ với nhân dân, nó có vai trò là "sợi dây chuyền" nối liền Đảng với dân. Với sự hoạt động lãnh đạo của Đảng thì các tổ chức cơ sở đảng giữ vai trò là: "hạt nhân lãnh đạo", là "đồn lũy" chiến đấu ở cơ sở và là động lực ở mỗi cơ quan, là "cái gốc trong lãnh đạo".

Quan niệm sáng tạo trên của Hồ Chí Minh đã làm phong phú thêm quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về vị trí, vai trò của tổ chức cơ sở đảng trong điều kiện đảng cầm quyền.

Thứ hai, Hồ Chí Minh không chỉ xác định nhiệm vụ chung cho các loại hình cơ sở đảng, mà trên cơ sở nhiệm vụ chung Người đã cụ thể hóa chức năng, nhiệm vụ của từng loại hình cơ sở đảng cho phù hợp với tính chất, nhiệm vụ của từng loại đơn vị cơ sở: nông thôn, đường phố, doanh nghiệp, cơ quan.

Thứ ba, Hồ Chí Minh có nhiều sáng tạo về nội dung, hình thức, cách tiến hành củng cố, kiện toàn, phát huy vai trò của tổ chức cơ sở đảng trong điều kiện đảng cầm quyền.

+ Hồ Chí Minh luôn luôn chăm lo xây dựng và không ngừng hoàn thiện phương thức hoạt động, lề lối làm việc cho phù hợp với tính chất, nhiệm vụ của từng loại đơn vị cơ sở. Chẳng hạn, với chi bộ ở cơ quan, Người yêu cầu: "Phải thật sự mở rộng dân chủ trong cơ quan. Phải luôn luôn dùng cách thật thà tự phê bình và thẳng thắn phê bình...", "mỗi một đảng viên phải xung phong làm gương mẫu trong mọi việc"¹.

+ Hồ Chí Minh nhấn mạnh: "Chỉnh đốn chi bộ". Coi đó "là một công việc thiết thực và thường xuyên". Vì vậy, Người thường xuyên chỉ đạo tổ chức những đợt chỉnh huấn, sinh hoạt tự phê bình, phê bình... để qua đó nâng cao chất lượng chi bộ. Vấn đề "thanh đảng" có thể phù hợp với một

1. Sdd, tập 7, tr. 268-269.

số đảng. Song ở Việt Nam, Hồ Chí Minh chủ trương "chỉnh đốn" Đảng là cách làm phù hợp.

+ Hồ Chí Minh cho rằng: "Chi bộ tốt là do các đảng viên đều tốt", do đó, Người đặc biệt chăm lo xây dựng đội ngũ cốt cán trong các cơ sở.

+ Là người khởi xướng mở cuộc vận động xây dựng chi bộ, đảng bộ "bốn tốt" và chính Người lãnh đạo tổ chức, duy trì, đẩy mạnh phong trào này.

4. Vấn đề cán bộ, đảng viên và xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên

Chủ nghĩa Mác - Lênin thường nói trách nhiệm của Đảng với tư cách là người thầy, người lãnh tụ của quần chúng. Đảng lãnh đạo quần chúng "xóa bỏ áp bức bóc lột". Nhưng trong điều kiện của Đảng ta và thực tế nhiều đảng cầm quyền trên thế giới, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh: "Mỗi người đảng viên, mỗi người cán bộ từ trên xuống dưới đều phải hiểu rằng: *minh vào Đảng để làm đày tớ cho nhân dân*. Bác nhấn mạnh: *làm đày tớ nhân dân chứ không* phải là "quan" nhân dân"¹. Theo Hồ Chí Minh, lãnh đạo không chỉ là dẫn đường chỉ lối, theo nghĩa thông thường như chúng ta vẫn hiểu, mà khái niệm đó còn bao hàm cả mục đích đấu tranh của Đảng. Người nói: "Lãnh đạo là làm đày tớ nhân dân và phải làm cho tốt"².

Quan điểm hết lòng hết sức phục vụ nhân dân, phục vụ giai cấp quán xuyên trong mọi hoạt động, trong suốt cuộc đời của Người. Với Hồ Chí Minh, nghĩa vụ vẻ vang của người cộng sản là làm người con trung thành của Đảng, người đày tớ tận tụy của nhân dân" chứ không phải để có quyền cao, chức trọng. Lòng kính trọng, yêu quý quần chúng phải trở thành tình cảm thúc đẩy mọi suy nghĩ, mọi hành động của những người cộng sản. Người dạy: Việc gì có lợi cho dân ta phải hết sức làm việc, việc gì có hại cho dân ta phải hết sức tránh. Chúng ta phải yêu dân, kính dân, thì dân mới yêu ta, kính ta"³. Trong *Di chúc*, một lần nữa Người lại nhấn mạnh rằng, mỗi người cộng sản phải thực sự xứng đáng là người đày tớ thật trung thành của nhân dân.

Làm người đày tớ của dân, theo Người, là phải hết lòng hết sức phục vụ dân, phải gần dân, nghe dân, học dân; phải biết biến quyết tâm

1, 2. Sdd, tập 12, tr. 222.

3. Sdd, tập 4, tr. 56-57.

của Đảng thành quyết tâm của dân; phải luôn luôn quan tâm đến đời sống, tâm tư, tình cảm, nguyện vọng của dân; phải cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư; không tham ô, lãng phí của dân; phải chống quan liêu mệnh lệnh; phải có tinh thần trách nhiệm cao và gương mẫu trước quần chúng. Người có chức vụ càng cao thì yêu cầu về sự gương mẫu đối với họ càng lớn.

Hồ Chí Minh thường nhắc chúng ta phải luôn luôn quan tâm đến lợi ích, đến đời sống hàng ngày của nhân dân lao động kể cả những việc nhỏ như tương cà, mắm muối. Dân không đủ muối Đảng phải lo, dân không có đủ gạo ăn no, dân không có vải đủ mặc ấm, Đảng phải lo. Các cháu bé không có trường học, Đảng phải lo. Trước khi đi xa, trong *Di chúc*, Người căn dặn: "Đảng cần phải có *kế hoạch* thật tốt để phát triển kinh tế và văn hóa, nhằm không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân"¹.

5. Về chống bệnh quan liêu, tham ô, lãng phí

Tiếp thu những quan điểm của Mác, Ăngghen, Lênin về chống quan liêu, Hồ Chí Minh không chỉ vận dụng trung thành mà Người còn sáng tạo, bổ sung, phát triển làm phong phú thêm, phù hợp với thực tiễn cách mạng Việt Nam. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chống quan liêu biểu hiện khá rõ ở một số nội dung chủ yếu sau đây:

- *Quan liêu cùng với tham ô, lãng phí là "giặc nội xâm", "là tội ác".*

Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: bệnh quan liêu hết sức nguy hiểm, những người và những cơ quan lãnh đạo nào mắc phải bệnh này thì "có mắt mà không thấy suốt, có tai mà không nghe thấu, có chế độ mà không giữ đúng, có kỷ luật mà không nắm vững". Nguy hiểm hơn, bệnh quan liêu đã áp ụ, dung túng, che chở cho nạn tham ô, lãng phí; có nạn tham ô, lãng phí là vì có bệnh quan liêu; nơi nào bệnh quan liêu càng nặng thì nơi đó càng nhiều lãng phí, tham ô. Bệnh quan liêu tiếp tay cho những cán bộ kém, những người xấu thỏa sức đục khoét ngân khố, tài sản quốc gia. Nó phá hoại đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên; phá hoại tinh thần, phạm sức lực, tiêu hao của cải của Chính phủ và nhân dân. Thực chất bệnh quan liêu không phải đơn thuần là sai lầm về tác phong, phương pháp công tác mà chính là một căn bệnh nguy hiểm, có quan hệ trước hết

1. Sđd, tập 12, tr. 511.

và chủ yếu đến lập trường tư tưởng, đạo đức cách mạng; có ảnh hưởng trực tiếp đến sự tồn vong của Đảng và Nhà nước. Quan liêu đi liền với mệnh lệnh, cửa quyền, coi thường quần chúng, làm khó cho người... Nó làm "biến dạng" các tổ chức đảng và cơ quan nhà nước, làm cho những tổ chức đó vốn là cơ quan lãnh đạo, đại diện quyền lực và là đày tớ của dân trở thành những tổ chức xa dân, đứng trên nhân dân, thoát ly thực tế, dẫn đến việc ra quyết định, chính sách, chủ trương công tác không sát, thậm chí sai lầm, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến mối quan hệ Đảng, Nhà nước và quần chúng. Quan liêu là đi ngược lại dân chủ.

Từ những tác hại to lớn do bệnh quan liêu, tệ tham ô, lãng phí gây ra, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: tham ô, lãng phí và bệnh quan liêu là kẻ thù của nhân dân, của bộ đội và của Chính phủ, là "giặc ở trong lòng", là "giặc nội xâm" và là tội ác.

- Những biểu hiện của bệnh quan liêu.

Theo Hồ Chí Minh thì những cán bộ và cơ quan mắc bệnh quan liêu thường không đi sâu đi sát phong trào, không nắm được tình hình cụ thể của ngành hoặc địa phương mình, không gần gũi với quần chúng và học hỏi kinh nghiệm của quần chúng, thích ngồi bàn giấy "chỉ tay năm ngón". Cái gì cũng dùng mệnh lệnh ép dân làm. Đóng cửa lại mà đặt kế hoạch, viết chương trình rồi đưa ra "cột vào cổ dân chúng, bắt dân chúng theo". Họ ngại đi xuống cơ sở để hiểu đúng thực tế, kiểm tra việc thi hành chính sách, lắng nghe ý kiến của nhân dân. Trong lãnh đạo, chỉ đạo thì chung chung, đại khái; không tự giác (thậm chí sợ) tự phê bình và phê bình; không giữ đúng nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách; ngại tiếp xúc, đối thoại với quần chúng và cấp dưới.

Những biểu hiện của bệnh quan liêu rất nhiều, nhưng bộc lộ rõ nét là xa rời quần chúng và xa rời thực tế. Chính vì xa rời quần chúng và xa rời thực tế mà những kẻ quan liêu có mắt cũng như mù, có tai cũng như điếc, không nắm bắt được tâm tư nguyện vọng của quần chúng, không hiểu được tình hình thực tế, dẫn đến lãnh đạo không sát, chỉ đạo vu vơ, vi phạm kỷ luật, kỷ cương...

- Nguyên nhân của bệnh quan liêu.

Không dừng lại ở xác định, miêu tả đúng những triệu chứng của bệnh quan liêu, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đi sâu tìm hiểu nguyên nhân

phát sinh căn bệnh nguy hiểm này. Người cho rằng, bệnh quan liêu do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan gây ra. Về khách quan, bệnh quan liêu có từ xã hội cũ và từ chế độ xã hội cũ lây truyền sang chế độ xã hội mới. Còn về nguyên nhân chủ quan thì đó chính là những vấn đề thuộc về bản thân đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức nhà nước.

Người cán bộ, đảng viên, công chức nhà nước nào cái tâm không trong sáng, động cơ vào Đảng không rõ ràng, giác ngộ về Đảng thấp, quan điểm quần chúng lệch lạc... thì rất dễ mắc bệnh quan liêu. Do đó, những người được gọi là đảng viên, thì phải nhận rõ, phải biết rõ Đảng ta phải làm gì, vào Đảng để làm gì? Vào Đảng là để phục vụ nhân dân, phục vụ giai cấp, phục vụ cách mạng... chứ không phải là "quan" nhân dân. Cần phải phê phán nghiêm khắc những cán bộ, đảng viên tưởng mình ở trong cơ quan của Chính phủ là thần thánh rồi, coi khinh nhân dân, cử chỉ lúc nào cũng vác mặt "quan cách mạng". Họ tự cho mình cái gì cũng giỏi, họ xa rời quần chúng, không muốn học hỏi quần chúng, mà chỉ muốn làm thầy quần chúng. Họ ngại tuyên truyền giáo dục quần chúng, thích lối làm việc hành chính, mệnh lệnh "ngồi một nơi chỉ tay năm ngón". Tất cả những nhận thức tư tưởng và hành động lệch lạc kể trên đều xa lạ với bản chất của người cán bộ, đảng viên, công chức nhà nước xã hội chủ nghĩa và đều có thể tạo điều kiện, môi trường thuận lợi cho bệnh quan liêu sinh sôi, phát triển.

- Các biện pháp đấu tranh chống bệnh quan liêu.

Đấu tranh chống bệnh quan liêu, từng bước khắc phục và loại bỏ nó ra khỏi bộ máy của Đảng, cơ quan nhà nước và xã hội là đòi hỏi tất yếu khách quan. Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: Chúng ta muốn xây dựng một xã hội mới, một xã hội tự do, bình đẳng, một xã hội cần, kiệm, liêm, chính thì phải tẩy cho sạch hết những thói xấu của xã hội cũ. "Những người mắc phải bệnh quan liêu, bệnh bàn giấy, không làm được việc phải thải đi" và phải "tẩy sạch nó". Cuộc đấu tranh đó "cũng quan trọng và cần kíp như việc đánh giặc trên mặt trận. Đây là mặt trận tư tưởng và chính trị, là "việc rất cần thiết và phải làm thường xuyên".

Đấu tranh chống quan liêu, lãng phí, tham ô - kẻ thù không mang gươm, mang súng, nằm ngay trong từng cơ quan, từng người - là hết sức khó khăn, phức tạp. Hồ Chí Minh coi đây là một cuộc cách mạng nội bộ, một cuộc đấu tranh gay go giữa cái tốt và cái xấu, cái cũ và cái mới, giữa

đạo đức và phản đạo đức. Muốn giành được thắng lợi thì phải có tư tưởng chỉ đạo hành động đúng đắn, quyết tâm cao và phải có biện pháp đồng bộ, thiết thực, quy trình tiến hành hợp lý, chặt chẽ.

Nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về chống quan liêu chúng ta thấy thiên tài của Người không chỉ dừng lại ở việc chỉ ra tác hại nguy hiểm, những triệu chứng và nguồn gốc phát sinh của nó mà còn đưa ra được một "phác đồ" điều trị (biện pháp đấu tranh) đúng đắn, đạt hiệu quả cao nhất. Những biện pháp đó là:

Thứ nhất: Làm tốt công tác tư tưởng.

Trong công tác tư tưởng phải chú ý làm tốt các bước: *Một là*, phải "đánh thông tư tưởng". Bởi vì, nhận thức tư tưởng của mỗi cấp ủy, chính quyền, cán bộ, đảng viên và quần chúng có thông suốt thì mới có thể tiến hành đấu tranh chống quan liêu thắng lợi. Để làm tốt bước mở đầu này, theo chỉ dẫn của Hồ Chí Minh, các tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể, cơ quan, đơn vị, v.v... phải tổ chức khai hội đủ mặt mọi người để giải thích rõ ràng và "nói đi, nói lại" cho mọi người đều hiểu: quan liêu, tham ô, lãng phí có hại cho dân, cho nước như thế nào; vì sao phải chống nó? *Hai là*, khi mọi người đã hiểu đại thể, muốn hiểu cụ thể và sâu sắc hơn phải tăng cường việc nghiên cứu. Để thực hiện tốt bước này, các tiểu tổ vừa nghiên cứu, vừa thật thà tự phê bình và phê bình. Nên nhằm vào mấy điểm chính và thiết thực như có quan liêu, xa cách quần chúng không? Có tham ô không? Có ăn bớt của công cho đơn vị riêng của mình không? Có lười biếng, có kém trách nhiệm không?... Trong khi tự phê bình và phê bình, phải thật thà, trung thực, đấu tranh có lý, có tình. *Ba là*, tổ chức kiểm thảo chung trong toàn cơ quan, đơn vị để giải quyết các vấn đề, giải thích các thắc mắc, sửa chữa những khuyết điểm, biểu dương những tập thể cá nhân làm tốt. Chủ tịch Hồ Chí Minh còn lưu ý thêm: cán bộ cao cấp, chủ chốt phải thật thà tự kiểm điểm để làm gương; thật thà báo cáo tình hình của đơn vị, cơ quan mình. Trong đấu tranh chống tham ô, lãng phí, phải lấy giáo dục là chính, trừng phạt là phụ.

Thứ hai: Dựa hẳn vào quần chúng, phát động quần chúng tích cực tham gia đấu tranh chống quan liêu, tham ô, lãng phí.

Hồ Chí Minh cho rằng: chống tham ô, lãng phí, quan liêu là cách mạng. Người luận giải: cách mạng là tiêu diệt những cái xấu, xây dựng cái mới. Nhưng, cách mạng là sự nghiệp của quần chúng nhân dân. Cho

nên, cũng như mọi công việc khác, việc chống quan liêu, tham ô, lãng phí phải dựa hẳn vào quần chúng, phát động, động viên, tổ chức quần chúng tham gia thì mới chắc chắn thành công. "Quần chúng tham gia càng đông, thành công càng đầy đủ, mau chóng". Chúng ta phải ghi tạc vào đầu cái chân lý này: dân rất tốt. Tai mắt nhân dân rất tinh tường, mọi hành vi của những kẻ quan liêu, tham nhũng, lãng phí đều không sao thoát khỏi "lưới trời nhân dân".

Thứ ba: Tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, thanh tra và xử lý kỷ luật.

Hồ Chí Minh coi đây là một biện pháp rất quan trọng để đấu tranh chống bệnh tham ô, lãng phí, quan liêu đạt kết quả tốt. Người chỉ rõ: khi đã có chính sách đúng, thì sự thành công hoặc thất bại của chính sách là do cách tổ chức công việc, lựa chọn cán bộ và do kiểm tra. Nếu ba điều ấy làm sơ sài, thì chính sách đúng mấy cũng vô ích. Kiểm tra giúp cho các cấp ủy, chính quyền nắm chắc được tình hình chấp hành nghị quyết, chính sách, biết ai làm đúng, ai làm sai; ai ra sức làm, ai làm qua loa, chiếu lệ. Hồ Chí Minh còn khẳng định: nếu tổ chức kiểm tra được chu đáo thì cũng như có ngọn đèn pha; bao nhiêu tình hình, bao nhiêu ưu điểm và khuyết điểm của cán bộ chúng ta đều thấy rõ.

Thứ tư: Thường xuyên chỉnh đốn đội ngũ cán bộ, đảng viên.

Hồ Chí Minh coi đây cũng là một biện pháp rất quan trọng để chống quan liêu, tham ô, lãng phí có kết quả, vì "cán bộ là cái gốc của mọi công việc", "công việc thành công hay thất bại đều do cán bộ tốt hay kém". Có cán bộ, đảng viên tốt "việc gì cũng xong". Ngay từ khi cách mạng Việt Nam còn trứng nước, Người đã quan tâm mở các lớp huấn luyện cán bộ. Theo Hồ Chí Minh, người cán bộ, đảng viên tốt là người hội tụ đủ cả hai yếu tố đức và tài, phải: hồng thắm, chuyên sâu. Đạo đức là cái gốc của người cán bộ, đảng viên, "cũng như sông thì có nguồn mới có nước, không có nguồn thì sông cạn. Cây phải có gốc, không có gốc thì cây héo. Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì tài giỏi đến mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân". Với người cán bộ, đảng viên phải có đạo đức làm nền, mới hoàn thành được nhiệm vụ vẻ vang. Nội dung đạo đức cách mạng được Hồ Chí Minh diễn đạt ngắn gọn ở 10 chữ: Trung, hiếu, nhân, nghĩa, trí, dũng, cần, kiệm, liêm, chính. Trung với nước, với Đảng và hiếu với dân là cái gốc của người cán bộ, đảng

viên, là chuẩn mực và giá trị cao nhất của đạo đức cách mạng. Nhân là yêu con người, yêu nhân dân, yêu Tổ quốc, quê hương, gia đình... Đã có nhân thì phải có nghĩa, trước hết là nghĩa lớn đối với dân tộc. Trí là sự sáng suốt trong suy nghĩ và hành động. Dũng là có tinh thần quyết đấu tranh bảo vệ lẽ phải. Cần là phải tận tâm làm việc và tôn trọng kỷ luật. Kiệm là phải biết tiết kiệm tiền của, thời gian, không "hao phí mồ hôi nước mắt của nhân dân", v.v...

Đội ơn cán bộ, đảng viên của một Đảng Cộng sản cầm quyền nắm giữ hầu hết các cương vị chủ chốt, các lĩnh vực quan trọng trong bộ máy nhà nước, các tổ chức kinh tế - xã hội... nếu từng người biết tự giác tu dưỡng, rèn luyện, không ngừng nâng cao khả năng "miễn dịch" trước mọi cám dỗ là đã góp phần thiết thực vào cuộc đấu tranh chống "giặc nội xâm". Song, như vậy chưa đủ, người cán bộ, đảng viên còn phải đi tiên phong, biết lôi cuốn, tổ chức quần chúng, lời nói đi đôi với việc làm. Có như vậy mới tạo được niềm tin tưởng bền vững của quần chúng đối với Đảng. Như Hồ Chí Minh đã viết: "Trước mặt quần chúng, không phải ta cứ viết lên trán chữ "cộng sản" mà ta được họ yêu mến".

Từ thực tiễn cuộc đấu tranh trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin rất chú trọng tới *cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội trong Đảng*. Các ông chỉ ra rằng, Đảng phải đoạn tuyệt với chủ nghĩa cơ hội, phải đuổi những phần tử cơ hội ra khỏi Đảng và như vậy Đảng sẽ mạnh lên. Đồng thời, các ông cũng chỉ ra rằng, chủ nghĩa cơ hội có nguồn gốc từ chủ nghĩa cá nhân. Nhưng chưa ai coi chủ nghĩa cá nhân là kẻ địch hung ác của chủ nghĩa xã hội như Hồ Chí Minh đã khẳng định. Người còn khẳng định chủ nghĩa cá nhân là một thứ vi trùng rất độc, gây ra các thứ bệnh rất nguy hiểm... Người còn chỉ ra một cách cụ thể các bệnh do chủ nghĩa cá nhân sinh ra mà đảng viên chúng ta cần tránh là:

- Tham lam, tự tư tự lợi, xa hoa...
- Lười biếng, việc dễ tranh lấy cho mình, việc khó thì đùn cho người khác, gặp việc nguy hiểm thì tìm cách để trốn tránh.
- Tự kiêu, lên mặt, ham địa vị, ưa người ta tặng bốc mình, khoe khoang, vênh váo, cho ai cũng không bằng mình, việc gì cũng muốn làm thầy người khác.

- Hiếu danh, không ham công việc thiết thực, chỉ biết lên mà không biết xuống.

- Thiếu kỷ luật.

- Hẹp hòi, sợ người ta hơn mình.

- Địa phương chủ nghĩa.

- Có đầu óc lãnh tụ.

- Có bệnh "hữu danh vô thực", kéo bè kéo cánh, cận thị, không trông xa thấy rộng, bệnh lười biếng, bệnh tị nạnh, bệnh xu nịnh, a dua. Người khẳng định: "Chủ nghĩa cá nhân là kẻ địch hung ác của chủ nghĩa xã hội. Người cách mạng phải tiêu diệt nó"¹. Vậy tiêu diệt chủ nghĩa cá nhân bằng cách nào? Hồ Chí Minh cho rằng, một trong các biện pháp của Đảng là: "Đảng ta phải ra sức tăng cường giáo dục toàn Đảng về lý tưởng cộng sản chủ nghĩa, về đường lối, chính sách của Đảng, về nhiệm vụ và đạo đức của người đảng viên. Phải thực hành phê bình và tự phê bình nghiêm chỉnh trong Đảng. Phải hoan nghênh và khuyến khích quần chúng thật thà phê bình cán bộ, đảng viên. Chế độ sinh hoạt của chi bộ phải nghiêm túc. Kỷ luật của Đảng phải nghiêm minh. Công tác kiểm tra của Đảng phải chặt chẽ"². Đối với mỗi cán bộ, đảng viên thì một trong những biện pháp quan trọng là phải "nâng cao đạo đức cách mạng" thì mới quét sạch chủ nghĩa cá nhân. Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng: Người đảng viên, người cán bộ tốt muốn trở nên người cách mạng chân chính, không có gì là khó cả. Điều đó hoàn toàn do lòng mình mà ra. Lòng mình chỉ biết vì Đảng, vì Tổ quốc, vì đồng bào thì mình sẽ tiến đến chỗ chí công vô tư. Mà đã chí công vô tư thì khuyết điểm sẽ càng ngày càng ít, mà những tính tốt như sau, ngày càng thêm. Nói tóm tắt, tính tốt ấy gồm có năm điều: nhân, nghĩa, trí, dũng, liêm"³.

Có thể nói, việc khẳng định chủ nghĩa cá nhân là kẻ địch hung ác của chủ nghĩa xã hội, những biểu hiện cụ thể của chủ nghĩa cá nhân và chỉ ra những biện pháp cho Đảng cũng như mỗi cán bộ, đảng viên của Đảng để chữa trị nó, đó là sự vận dụng, bổ sung, phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin về vấn đề cán bộ, đảng viên của Hồ Chí Minh.

1. Sdd, tập 9, tr. 292.

2. Sdd, tập 12, tr. 439.

3. Sdd, tập 5, tr. 251.

Mác, Ăngghen cho rằng, phong trào vô sản nhất thiết phải trải qua các bước phát triển khác nhau, trong mỗi bước phát triển đó đều có một số người dừng lại, không thể đi xa hơn nữa. Do đó, hai ông chỉ ra: một trong những nhiệm vụ hàng đầu của đảng vô sản là phải loại trừ những con người đó.

Kế thừa và phát triển tư tưởng của Mác và Ăngghen, Lênin đã không ngừng đấu tranh và đưa ra khỏi đảng (thanh đảng) những phần tử cơ hội, những đảng viên thoái hóa, biến chất đi ngược lại mục đích của Đảng, lợi ích của giai cấp để bảo đảm sự trong sạch trong đội ngũ đảng viên, nhất là khi Cách mạng tháng Mười Nga thành công, Đảng Bôn-sê-vích Nga trở thành đảng cầm quyền. Có thể nhận thấy Lênin đặc biệt chú ý vấn đề thanh đảng trong điều kiện đảng trở thành đảng cầm quyền.

Quán triệt tư tưởng của các nhà kinh điển, từ thực tiễn Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh chưa bao giờ dùng từ thanh đảng mà luôn dùng từ chỉnh đảng. Người cho rằng: Đảng phải thật mạnh, thật trong sạch để thiết thực lãnh đạo những nhiệm vụ của cách mạng. Muốn lãnh đạo vững thì trước hết cán bộ và đảng viên phải có tư tưởng và lập trường vững chắc để lãnh đạo, để xung phong làm gương mẫu. Vì vậy, khi có tình hình và nhiệm vụ mới đặt ra, Hồ Chí Minh cho rằng: *"Chỉnh Đảng là việc chính mà chúng ta phải làm ngay."*

Chỉnh Đảng phải làm từng bước, phải có trọng tâm:

- Chỉnh huấn cán bộ trước rồi mới chỉnh đốn chi bộ.
- Chỉnh đốn tư tưởng trước rồi mới chỉnh đốn tổ chức.
- Chỉnh đốn cán bộ cao cấp phải do Trung ương trực tiếp lãnh đạo vì đó là mấu chốt của việc chỉnh đốn toàn Đảng.
- Chỉnh huấn nhằm vào nâng cao trình độ tư tưởng và chính trị của cán bộ và đảng viên, tẩy bỏ tư tưởng phi vô sản và tiểu tư sản, thống nhất tư tưởng, thống nhất hành động, đoàn kết toàn Đảng để Đảng làm tròn nhiệm vụ nặng nề và vẻ vang của mình"¹. Trong quá trình chỉnh Đảng phải luôn luôn đưa những phần tử thoái hóa, biến chất ra khỏi Đảng. Nhưng "cần phải xem công tác củng cố và phát triển đảng là một

1. Sđd, tập 6, tr. 465.

công tác quan trọng và thường xuyên. Và phải nắm vững phương châm phát triển đảng là trọng chất hơn lượng"¹.

Như vậy, việc dùng khái niệm chính đảng cả về mặt chính trị, tư tưởng và tổ chức, đặc biệt làm rõ mục đích của chính đảng và các bước tiến hành, đó là sự vận dụng sáng tạo, bổ sung, phát triển vào kho tàng lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin về xây dựng Đảng nói chung cũng như việc xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên nói riêng phù hợp với thực tế Việt Nam.

V- VỀ PHƯƠNG THỨC LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG

Hồ Chí Minh quan niệm: lãnh đạo đúng có nghĩa là phải quyết định mọi vấn đề cho đúng, phải tổ chức thi hành cho đúng, phải kiểm soát, chọn người và thay người. Đây là nét độc đáo sáng tạo nổi bật của Hồ Chí Minh.

1. Lãnh đạo là quyết định vấn đề cho đúng

Có đường lối chính trị đúng mới làm cho nhân dân giác ngộ về mục tiêu đấu tranh, hiểu rõ tình hình, tình thế, ý thức rõ được những việc cần làm.

Không có đường lối chính trị đúng đắn, rõ ràng thì phong trào quần chúng không thoát ra khỏi phong trào tự phát. Đường lối chính trị đúng đắn làm cho phong trào cách mạng trở thành hành động tự giác của quần chúng nhân dân. Hồ Chí Minh khẳng định: Kinh nghiệm thế giới và trong nước chúng ta tỏ rằng: những cuộc đấu tranh "tự phát" của nhân dân, thường không có mục đích rõ ràng, kế hoạch đầy đủ, tổ chức chắc chắn. Vì vậy mà lực lượng rời rạc, nơi này lên thì nơi khác sụp xuống. Kết quả là thất bại.

Với nhiều năm trên cương vị vừa là lãnh tụ của Đảng (từ Đại hội II của Đảng, tháng 2-1951 là Chủ tịch Đảng) và là người lãnh đạo cao nhất của Nhà nước trong điều kiện đảng cầm quyền (1945-1969), Hồ Chí Minh càng đặc biệt chú trọng xây dựng đường lối chính trị nhằm hoàn thành triệt để sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, đưa

1. Sđd, tập 11, tr. 155.

đất nước tiến lên theo con đường xã hội chủ nghĩa; xây dựng đường lối đối nội, đối ngoại; xây dựng và củng cố nhà nước; tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân; xây dựng và chỉnh đốn Đảng. Hồ Chí Minh lưu ý lời căn dặn của Lênin về một trong những nguy cơ của một đảng cầm quyền là sai lầm về đường lối. "Chúng ta phải khắc phục bệnh giáo điều, đồng thời phải đề phòng chủ nghĩa xét lại". Tinh thần đó được Người coi trọng trong suốt quá trình cùng Trung ương Đảng lãnh đạo cách mạng.

Quyết định vấn đề cho đúng trên nhiều lĩnh vực, nhưng trước hết là tìm đường cách mạng, đề ra đường lối, chủ trương, phương hướng hành động - thực chất là lãnh đạo chính trị. Lãnh đạo hiểu theo nghĩa đơn giản là đề ra chủ trương, đường lối và tổ chức, động viên thực hiện. Có con đường rồi người lãnh đạo dẫn dắt quần chúng đi theo con đường đó. Điều đó đúng nhưng chưa đủ. Theo Hồ Chí Minh thì Đảng trước hết phải tìm con đường. Trên thực tế Người đã dành nhiều công sức, tâm huyết cho việc "tìm đường". Ở địa phương, cơ sở, đơn vị, Người cũng yêu cầu phải "tự tìm ra phương hướng chính trị", tìm ra con đường phát triển của từng thời kỳ phù hợp với điều kiện của mình. Phải dự báo được tình hình, tìm ra được phương hướng phát triển.

Để xác định được đường lối, phương hướng đúng, để khắc phục được bệnh chủ quan, cần phải nắm vững lý luận, cốt yếu là chủ nghĩa Mác - Lênin. Hồ Chí Minh cho rằng, nguyên nhân của bệnh chủ quan là do kém lý luận, khinh lý luận hoặc là lý luận suông. Cần phải có "cái cảm nang thần kỳ" để làm "kim chỉ nam cho hành động". Đồng thời muốn hoạch định được phương hướng, đường lối đúng phải xuất phát từ thực tiễn. Thực tiễn kinh tế - xã hội Việt Nam, thực tiễn "nơi đó, lúc đó". Người yêu cầu người lãnh đạo không nghĩ ra một làng kiểu mẫu, một đội kiểu mẫu, một nhà máy kiểu mẫu mà phải từ trong thực tế để xây dựng, phải xuất phát từ thực tiễn để vận dụng lý luận.

Chuẩn mực xác định đường lối, chính sách đúng của Hồ Chí Minh là phù hợp với quy luật khách quan, phù hợp với quan điểm chủ nghĩa Mác - Lênin và thực tiễn Việt Nam, thực tiễn địa phương, đơn vị ở từng thời kỳ, được thực tiễn kiểm nghiệm.

Cách thức, phương pháp, biện pháp để "quyết định vấn đề cho đúng": khi Đảng đã có lý luận, nắm vững quan điểm thực tiễn, nhằm phục vụ lợi ích của nhân dân, của dân tộc, Đảng còn cần phải có kinh

nghiệm để kết hợp với kinh nghiệm của quần chúng. Hồ Chí Minh cho rằng, lãnh đạo phải biết nghe, biết gom góp, so sánh ý kiến của quần chúng, ý kiến của "những người không quan trọng". Để làm người hướng dẫn, lãnh đạo nhân dân, theo Người trước hết phải học hỏi dân, phải là học trò của nhân dân. Điều này hoàn toàn phù hợp với tư tưởng của Lênin cho rằng, nhân dân có thể giải quyết nhiều vấn đề phức tạp mà một đảng ưu tú cũng chưa giải quyết được. Để làm lãnh tụ, làm thầy quần chúng, Lênin đòi hỏi người cộng sản phải biết khiêm tốn học hỏi quần chúng. Còn Hồ Chí Minh thì viết: "Dân chúng biết giải quyết nhiều vấn đề một cách giản đơn, mau chóng, đầy đủ, mà những người tài giỏi, những đoàn thể to lớn, nghĩ mãi không ra"¹. Tổ chức đảng, đảng viên không phải là "bách khoa toàn thư" nên khi tìm kiếm đường lối, quyết định vấn đề luôn luôn phải hỏi ý kiến của dân. Sau khi giành được chính quyền, chuẩn bị bước vào giai đoạn kiến quốc, Đảng và Chính phủ chưa có kinh nghiệm, Hồ Chí Minh đã viết bài "Nhân tài và kiến quốc", đăng trên báo đề nghị nhân dân đưa sáng kiến và kế hoạch xây dựng và phát triển đất nước. Đây là một việc làm độc đáo, mới mẻ.

Hồ Chí Minh đòi hỏi phải thực hiện "liên hợp người lãnh đạo với quần chúng"; lãnh đạo không phải ngồi trong phòng kín để viết kl.âu hiệu, chỉ thị suy nghĩ từ đầu óc, ý muốn của mình rồi "buộc và cổ dân" mà phải nghe ý kiến của quần chúng, so sánh phân tích, sắp đặt thành hệ thống rồi giải thích cho dân chúng.

Theo Người, đó là "cách lãnh đạo cực kỳ tốt".

Để xây dựng được đường lối, chủ trương đúng đắn, Hồ Chí Minh còn nêu ra cách lãnh đạo liên hợp chính sách chung với chỉ đạo riêng". Tinh thần cơ bản là người lãnh đạo phải nắm đường lối, phương hướng chung để chỉ đạo cụ thể và cũng thông qua chỉ đạo cụ thể mà kiểm tra đường lối, chính sách đúng hay sai. Người cho đó là một cách vừa lãnh đạo vừa học tập; mà "bất kỳ người lãnh đạo nào, nếu không học tập nổi những việc thiết thực, những người thiết thực và những bộ phận thiết thực của cấp dưới để rút kinh nghiệm, thì nhất định không biết chỉ đạo chi ng cho tất cả các bộ phận"².

1. Sdd, tập 5, tr. 295.

2. Sdd, tập 5, tr. 289.

Hồ Chí Minh còn nêu ra cách lãnh đạo từ dưới lên mà không phải "từ trên dội xuống". Người cho rằng, không chỉ trên nhìn thấy vấn đề mà ở dưới cũng nhìn rõ vấn đề. Có thể trên nhìn thấy rộng, nhìn thấy dài, nhưng dưới thì nhìn thấy cụ thể, thấy sâu sắc, vì ở dưới trực tiếp, tiếp xúc với mọi hoạt động của cuộc sống. Người nói: "Dân chúng là người chịu sự lãnh đạo của ta". Cho nên, muốn quyết định vấn đề cho đúng không chỉ cần lý luận, kinh nghiệm chung mà phải kết hợp kinh nghiệm của địa phương, của đơn vị, phải chịu "sự kiểm soát của dân chúng". Năm 1960, khi về thăm tỉnh Ninh Bình thấy chỉ tiêu kế hoạch kinh tế không đạt, Người chỉ ra nguyên nhân do từ trên dội xuống, mà không từ dưới đề xuất lên. Bám sát quần chúng, bám sát thực tiễn, học hỏi quần chúng để ra các quyết định lãnh đạo đó là ý thức, tư tưởng của Hồ Chí Minh và cũng là hoạt động thực tiễn của Người.

Để quyết định vấn đề cho đúng, Hồ Chí Minh còn chỉ ra phải "tìm việc chính, việc gấp thì làm trước". Trong cả nước, một địa phương, một cơ quan, đơn vị lúc này thì vấn đề này nổi lên, lúc khác thì vấn đề khác nổi lên cần phải tìm ra và phải quyết định, khi đã quyết định thì phải thực hành triệt để. Ra quyết định lãnh đạo cần phải chống rập khuôn máy móc, giáo điều, Hồ Chí Minh yêu cầu một trong những nguyên tắc lãnh đạo là: "Chớ khư khư theo sách cũ", "luôn luôn phải theo tình hình thiết thực của dân chúng nơi đó và lúc đó, theo trình độ giác ngộ của dân chúng, theo sự tình nguyện của dân chúng mà tổ chức họ"¹.

Để quyết định vấn đề cho đúng, Hồ Chí Minh yêu cầu lãnh đạo phải tổng kết thực tiễn, phải "nghiên cứu kinh nghiệm đến gốc", thực hiện một chủ trương gì đã thành công hay thất bại cũng tổ chức rút kinh nghiệm, phải tìm ra nguyên nhân vì sao thắng lợi, vì sao thất bại, rút ra bài học và Người cho đó là "chìa khóa" cho việc giải quyết các vấn đề sau.

Để quyết định vấn đề cho đúng phải thực hành dân chủ, phải tạo ra trong sinh hoạt nội bộ Đảng một không khí sinh hoạt dân chủ, cởi mở, để cho người cán bộ, đảng viên có sáng kiến và trình bày sáng kiến đóng góp và lãnh đạo. Không để trong nội bộ u ám uất ức, đảng viên, cán bộ không dám nói, không cả gan có ý kiến. Lãnh đạo muốn nghe được ý kiến "những người không quan trọng" thì phải thực hành dân

1. Sdd, tập 5, tr. 297-298.

chủ trong Đảng. Công thức của Hồ Chí Minh nêu ra là: "Dân chủ, sáng kiến, lòng hăng hái". Dân chủ không chỉ là mục đích phấn đấu, là quyền của đảng viên mà còn là cách lãnh đạo, là phương thức để tổ chức đảng ra các quyết định lãnh đạo cho đúng. Đối lập với cách lãnh đạo là "bệnh chủ quan", "bệnh quan liêu" mà rất nhiều lần Hồ Chí Minh phê phán. Người phê phán những người lãnh đạo chỉ ngồi trong phòng viết chỉ thị, nghị quyết, mệnh lệnh mà mệnh lệnh thì như "bức tường" ngăn cách quần chúng với Đảng. Người phê phán những cán bộ, đảng viên trở thành những "quan cách mạng" cho mình là tài giỏi hơn ai hết. Tháng 3 năm 1947, trong thư "Gửi các đồng chí Bắc Bộ", Người viết: "Có những đồng chí hay có tính kiêu ngạo, tự mãn, cho mình là cựu chính trị phạm, là người của Mặt trận, thì giỏi hơn ai hết, ai cũng không bằng mình... vẫn biết Việt Minh là một đoàn thể gồm những người yêu nước, chăm lo việc cứu nước. Nhưng hẳn rằng ngoài Việt Minh còn biết bao người hay, người giỏi mà Việt Minh chưa tổ chức được. Vả lại nếu chính trị phạm, nếu người của Mặt trận là giỏi hơn ai hết thì những người không có hân hạnh ở tù, những người chưa vào Mặt trận đó là vô tài vô dụng cả hay sao"¹.

2. "Tổ chức thi hành cho đúng"; "kiểm soát"; "chọn người và thay người"

Hồ chí Minh cho rằng, chính sách đúng là nguồn gốc của thắng lợi, song từ nguồn gốc đến thắng lợi thực sự còn phải tổ chức, phải đấu tranh. Do đó lãnh đạo còn phải "tổ chức thi hành cho đúng". Trong quan niệm của Người, lý luận có "sức mạnh định hướng". Xuất phát từ thực tiễn, bằng phương pháp luận khoa học với những phương thức lãnh đạo đúng, Đảng ta và Hồ Chí Minh xác định được "đường đi", "phương hướng" của cách mạng Việt Nam trong thời kỳ 1945-1954 là: kháng chiến thắng lợi, xây dựng dân chủ mới, để tiến lên chủ nghĩa xã hội. "Phương hướng đã định, ta nhằm vào phương hướng ấy mà đi, thế nào ta cũng đi tới đích"². Vấn đề còn lại là tổ chức thực hiện như thế nào? là bằng mọi cách để "ai đi nhầm đường thì chúng ta giúp họ đi vào con đường chính... Thấy người khác đi xiên, đi sai, ta ra sức giúp họ đi theo đường thẳng, đường đúng"³.

1. Sdd, tập 5, tr. 74.

2. Sdd, tập 5, tr. 551.

3. Sdd, tập 8, tr. 138.

Trong lãnh đạo thực hiện, có vấn đề kế hoạch. Quan điểm của Hồ Chí Minh là lãnh đạo phải có kế hoạch. Đối với công việc "phải có kế hoạch bước đầu làm thế nào? bước thứ hai làm thế nào? bước thứ ba làm thế nào?". Yêu cầu "kế hoạch phải *thiết thực*, phải làm được. Chớ làm kế hoạch đẹp mắt, to tát, kể hàng triệu nhưng không thể thực hiện được"¹. Có những kế hoạch lớn như sau khi thắng lợi, Đảng phải có kế hoạch phát triển kinh tế - văn hóa, kế hoạch phát triển 5 năm, 3 năm, hàng năm, Trung ương họp bàn thông qua; và có những kế hoạch cụ thể để thực hiện từng việc. Kế hoạch không được nhiều việc quá, chỉ tiêu không cao quá và không sao chép lẫn nhau, có như vậy mới thiết thực, không chủ quan.

Có đường lối, có kế hoạch, lãnh đạo cần phải truyền đạt tới mọi đảng viên và biến quyết tâm của Đảng thành quyết tâm của quần chúng. "Sau khi có nghị quyết, chúng ta cần phải tổ chức việc phổ biến nghị quyết trong Đảng, rồi phổ biến những điểm cần thiết trong nhân dân".

Việc phổ biến nghị quyết này là một việc rất quan trọng. Trong nội bộ phải đấu tranh tư tưởng, mới đi đến nhất trí được. Chúng ta phải hết sức kiên nhẫn để đạt được sự nhất trí trong Đảng. Nội bộ có nhất trí thì nghị quyết mới thực hiện được.

"Việc phổ biến một số quyết định ở trong các tầng lớp nhân dân cũng sẽ gặp khó khăn. Chúng ta phải *kiên quyết thuyết phục* để tranh thủ sự đồng tình nhất trí của nhân dân với nghị quyết của Đảng ta"². Theo đó trong Đảng phải phổ biến toàn bộ nghị quyết, còn trong nhân dân thì chỉ đạo của Người là "phổ biến những điểm cần thiết". Về hình thức phổ biến thì tùy điều kiện để vận dụng nhưng cũng có thể "khai hội giải thích", "truyền đơn", "khẩu hiệu", "báo", "ca kịch", "đi tuần thị"... Khi phổ biến nghị quyết của Đảng, phải để đảng viên, quần chúng thảo luận, tranh luận, không để tình trạng "chỉ thị của Trung ương, cán bộ chỉ đưa ra giảng như thầy giáo giảng bài, công nhân chỉ ngồi nghe, ít đi sâu thảo luận"³. Phổ biến nghị quyết của Đảng trong nhân dân phải nâng cao tính thuyết phục, giải thích, tránh gò ép, mệnh lệnh, cưỡng

1. Sdd, tập 5, tr. 65.

2. Sdd, tập 8, tr. 275.

3. Sdd, tập 9, tr. 454.

bức. Thuyết phục quần chúng bằng lý lẽ nhưng quan trọng hơn là nêu gương. Từ đặc điểm nước ta là một nước mà "một tấm gương sống có giá trị hơn 100 bài diễn văn tuyên truyền" cho nên Người yêu cầu các tổ chức đảng và đảng viên phải gương mẫu, đảng viên phải đi trước để "làng nước theo sau", đảng viên nói thì phải làm. Đề ra chính sách, vạch ra kế hoạch, đảng viên phải thi hành trước, phải thi hành đúng. Việc tuyên truyền giải thích phải làm nhiều lần, đơn giản, thiết thực, nghe rồi làm được, "tốt nhất là miệng nói tay làm, *làm gương* cho người khác bắt chước"¹.

3. Lãnh đạo và kiểm soát, lãnh đạo phải có kiểm tra, kiểm soát

Trong di sản lý luận của Mác, vấn đề kiểm tra được ông đề cập như là một phương thức hành động mang tính quy luật để thực hiện mục đích. Nhưng vấn đề kiểm tra đảng thì cả Mác và Ăngghen chưa bàn tới.

Khi sáng lập đảng kiểu mới của giai cấp công nhân và trực tiếp lãnh đạo, xây dựng đảng cầm quyền, Lênin đặc biệt coi trọng công tác kiểm tra đảng và đặt nó cùng với hệ thống thanh tra, kiểm tra, kiểm soát của nhà nước và chính Lênin là người đầu tiên sáng tạo ra những quan điểm lý luận về kiểm tra đảng và thanh tra, kiểm tra, kiểm soát của nhà nước vô sản.

Tư tưởng của Lênin về vấn đề này được thể hiện tập trung ở những nội dung chủ yếu sau:

- + Tính tất yếu phải kiểm tra, thanh tra, kiểm soát...
- + Những nội dung cơ bản của kiểm tra, kiểm soát...
- + Chủ thể và đối tượng của kiểm tra, kiểm soát...
- + Bộ máy và hình thức, phương thức tiến hành kiểm tra.

Là người sáng lập, giáo dục và rèn luyện Đảng Cộng sản Việt Nam trong điều kiện, hoàn cảnh không giống với nước Nga, Hồ Chí Minh đã quán triệt, vận dụng tư tưởng của Lênin về công tác kiểm tra đảng một cách sáng tạo, phù hợp với thực tiễn cách mạng Việt Nam, góp phần làm phong phú thêm lý luận về kiểm tra đảng của chủ nghĩa Mác - Lênin. Những sáng tạo đó của Hồ Chí Minh được thể hiện ở những nội dung chủ yếu sau đây:

1. Sđd, tập 5, tr. 108.

Một là, Hồ Chí Minh có cách tiếp cận, tìm ra những luận cứ mới để khẳng định tính tất yếu phải kiểm tra. Nếu Lenin khẳng định tính tất yếu phải kiểm tra là do những yêu cầu khách quan từ các đối tượng lãnh đạo, như trọng tâm của nhiệm vụ cách mạng chuyển từ "tước đoạt" sang quản lý, xây dựng; là do nền kinh tế kiệt quệ, do những tiêu cực xã hội, do bộ máy nhà nước yếu kém... thì Hồ Chí Minh cho rằng, kiểm tra là một nội dung, một khâu không thể thiếu trong quy trình hoạt động lãnh đạo của Đảng. Lãnh đạo phải cụ thể, không quan liêu. Phải dân chủ bàn bạc, phải kiểm tra. Không kiểm tra thì không biết kết quả ra sao, không hiểu sai lệch thế nào để sửa chữa. Theo Người, hoạt động kiểm tra là nhân tố quan trọng bảo đảm sự lãnh đạo sát đúng, thiết thực, hiệu quả.

Hai là, trung thành với tư tưởng của Lenin: kiểm tra không phải là để "tóm bắt" mà nhằm phát huy ưu điểm, ngăn ngừa, sửa chữa khuyết điểm. Không dừng ở đó, Hồ Chí Minh đã đào sâu hơn, đề ra mục đích, ý nghĩa, tác dụng... sâu sắc của kiểm tra là "góp phần vào củng cố Đảng về tư tưởng, về tổ chức, rằng "có kiểm tra mới huy động được tinh thần tích cực và lực lượng to lớn của nhân dân", tổ chức tốt công tác kiểm tra thì "công việc nhất định sẽ tiến bộ gấp trăm". Người nhấn mạnh: "Có sự kiểm tra đôn đốc của Đảng và nhân dân... Đảng sẽ thành trong sạch, kiểu mẫu".

Ba là, Hồ Chí Minh đã sáng tạo, bổ sung tư tưởng của Lenin về nội dung kiểm tra. Theo Lenin, nội dung kiểm tra - nói một cách khái quát là kiểm tra người, kiểm tra việc. Hồ Chí Minh đã bổ sung thêm: kiểm tra các tổ chức và kiểm tra các mệnh lệnh, nghị quyết. Người viết: "kiểm soát như thế mới biết rõ cán bộ và nhân viên tốt hay xấu (đó là kiểm tra người); "mới biết rõ ưu điểm và khuyết điểm của các cơ quan" (đó là kiểm tra các tổ chức); "mới biết rõ ưu điểm, khuyết điểm của các mệnh lệnh và nghị quyết" (tức là kiểm tra, làm rõ sự đúng sai của bản thân các quyết định của Đảng).

Bốn là, Hồ Chí Minh có nhiều sáng tạo về cách kiểm tra, Lenin chỉ rõ: "Cần phải dùng nhiều hình thức và biện pháp kiểm tra từ dưới lên trên". Sự sáng tạo của Hồ Chí Minh là: phải biết kết hợp linh hoạt các hình thức, biện pháp kiểm tra. Trong đó Người nhấn mạnh: phải kết hợp giữa kiểm tra từ trên xuống và kiểm tra từ dưới lên, phải kết hợp sự kiểm tra của cấp ủy, của ủy ban kiểm tra với việc thu hút quần chúng kiểm tra, dựa vào quần chúng mà kiểm tra.

4. Kiểm tra và kỷ luật phải đi liền với nhau

Trong Đảng có kỷ luật thống nhất, cấp dưới phải phục tùng cấp trên, toàn Đảng phục tùng Trung ương và Đại hội Đảng. Tư tưởng đó của Mác và Ăngghen được thể hiện rất rõ trong Điều lệ "Liên đoàn những người cộng sản".

Khi sáng lập ra đảng kiểu mới và trong điều kiện đảng cầm quyền xây dựng xã hội mới trong vòng vây của chủ nghĩa đế quốc, Lênin đặc biệt coi trọng kỷ luật của Đảng. Người cho rằng, trong thời kỳ chuyên chính vô sản, nếu kẻ nào làm suy yếu - dù chỉ một chút ít - kỷ luật sắt trong Đảng của giai cấp vô sản, là thực tế đã giúp cho giai cấp tư sản chống lại giai cấp vô sản.

Trung thành với quan điểm Mác - Lênin, Hồ Chí Minh đã sáng tạo, bổ sung, phát triển những nội dung mới về vấn đề kỷ luật trong Đảng, phù hợp với điều kiện cách mạng Việt Nam. Dưới đây là những sáng tạo tiêu biểu.

Một là, Hồ Chí Minh đã có những quan niệm mới về mục đích, ý nghĩa của kỷ luật trong Đảng.

- Hồ Chí Minh cho rằng, kỷ luật là yếu tố tạo nên sự đoàn kết thống nhất của Đảng, tạo nên sức mạnh của Đảng. Người viết: "Nhờ kỷ luật mà Đảng đoàn kết, nhất trí, mạnh mẽ, để lãnh đạo nhân dân đến thắng lợi"¹. Rằng "sức mạnh của Đảng chính là ở sự tập trung thống nhất "kỷ luật sắt của Đảng".

- Hồ Chí Minh luôn nhấn mạnh mục đích chính của thi hành kỷ luật trong Đảng là giáo dục, ngăn ngừa. Theo Người, "khuyết điểm thì phải tùy nặng nhẹ mà xử trí cho đúng mức để mọi người biết mà tránh"². Người còn nhấn mạnh "giáo dục là chính, trừng phạt là phụ".

Hai là, Hồ Chí Minh nêu lên quan niệm mới về tính chất của kỷ luật Đảng

Theo Lênin, kỷ luật Đảng là "kỷ luật sắt". Hồ Chí Minh cho rằng, tính chất của kỷ luật Đảng là "nghiêm túc và tự giác". Người giải thích: "Kỷ luật của Đảng là kỷ luật sắt, nghĩa là nghiêm túc tự giác", rằng "kỷ

1. Sdd, tập 7, tr. 241.

2. Sdd, tập 6, tr. 413.

luật của Đảng là tự nguyện tự giác; đã tự nguyện tự giác nghĩa là kỷ luật sắt"¹.

Ba là, Hồ Chí Minh chỉ rõ mối quan hệ giữa dân chủ và kỷ luật. Dân chủ và kỷ luật quan hệ biện chứng với nhau. Người viết: "Phải hết sức chú ý vấn đề dân chủ và kỷ luật. Kỷ luật trong dân chủ, dân chủ phải có kỷ luật"². Như vậy, kỷ luật là yêu cầu tất yếu của dân chủ, là yếu tố cấu thành của dân chủ. Đó là quan điểm sáng tạo, một sự phát triển của Hồ Chí Minh về bản chất của kỷ luật.

Bốn là, trong điều kiện đảng cầm quyền, giữ gìn kỷ luật của Đảng phải gắn liền với kỷ luật của chính quyền và các đoàn thể quần chúng. Người viết: "đảng viên chẳng những phải giữ kỷ luật sắt, kỷ luật tự giác của Đảng mà còn phải giữ gìn kỷ luật chính quyền, của cơ quan, đoàn thể cách mạng, của nhân dân"³.

Nói về lãnh đạo, Hồ Chí Minh còn chỉ ra: "*Chọn người và thay người* cũng là một vấn đề quan trọng trong việc lãnh đạo".

Đảng lãnh đạo toàn xã hội vừa trực tiếp vừa thông qua lãnh đạo bộ máy nhà nước và các tổ chức đoàn thể, Đảng lãnh đạo bằng việc vạch ra cương lĩnh, đường lối phương hướng chính trị, nhưng để đường lối chính trị đến với quần chúng, đi vào cuộc sống phải có đội ngũ cán bộ, đảng viên vững mạnh, vừa trung thành, vừa có "lề lối làm việc" phù hợp. Đội ngũ cán bộ, đảng viên phải đưa được phương hướng chính trị của Đảng vào quyết định của Nhà nước và đoàn thể, biến quyết tâm của Đảng thành quyết tâm của dân và chịu sự giám sát, phản hồi của nhân dân để kiểm tra lại quyết định lãnh đạo của mình. Người cán bộ, đảng viên vừa là "dây chuyền bộ máy" vừa là người đem đường lối, chính sách của Đảng, của Chính phủ đến với dân, đem ý kiến của dân phản ánh cho Đảng và Chính phủ.

- *Tin ở dân, dựa vào dân, phát huy sức dân, không ngừng nâng cao trình độ cho dân và hết lòng chăm lo đời sống cho nhân dân.* Đây là đặc trưng nổi bật, bao trùm trong tư tưởng Hồ Chí Minh về phương thức lãnh đạo của Đảng. Theo Người, "không có lực lượng nhân dân thì việc

1. Sdd, tập 8, tr 417-418.

2. Sdd, tập 11, tr. 466.

3. Sdd, tập 7, tr. 31.

nhỏ mấy, dễ mấy, làm cũng không xong, có lực lượng nhân dân, thì việc khó mấy, to mấy, làm cũng được". Vì vậy, muốn thực hiện thành công những nhiệm vụ của cách mạng, thì mọi hoạt động lãnh đạo của Đảng đều "phải đem hết sức dân, tài dân, của dân làm cho dân", "phải thật thà quan tâm đến đời sống của nhân dân, tin và dựa vào lực lượng, sáng kiến của nhân dân". Người khẳng định: "Cán bộ đi đường lối quần chúng, dựa vào dân; trước hết phải tin tưởng vào lực lượng và trí tuệ của nhân dân là vô cùng tận. Tuyên truyền, giáo dục, đoàn kết, tổ chức được trí tuệ và lực lượng đó thì việc gì khó mấy cũng làm được". Hồ Chí Minh luôn vững tin ở dân, dựa chắc vào dân, dùng mọi cách khéo léo để phát huy sức mạnh của nhân dân và đều nhằm chăm lo đời sống của nhân dân, đều vì lợi ích của nhân dân, phục vụ nhân dân.

Tư tưởng trên đây của Hồ Chí Minh về phương thức lãnh đạo nói chung, phong cách lãnh đạo của đội ngũ cán bộ nói riêng vừa thể hiện động cơ, mục đích hoạt động, phấn đấu của Đảng Cộng sản, vừa là con đường, biện pháp để bảo đảm làm giàu trí tuệ của mình, để tạo dựng nền móng vững chắc của cách mạng và phát huy tiềm lực cách mạng to lớn của nhân dân.

Kiên định mục tiêu, giữ vững nguyên tắc nhưng phương pháp để đạt mục tiêu phải hết sức mềm dẻo, linh hoạt.

"Dĩ bất biến, ứng vạn biến" là tư tưởng chỉ đạo xuyên suốt trong hoạt động lãnh đạo của Hồ Chí Minh.

Đấu tranh cách mạng là quá trình khó khăn phức tạp đòi hỏi người lãnh đạo của Đảng phải có bản lĩnh chính trị vững vàng, khôn khéo, mềm dẻo để giữ vững nguyên tắc, thực hiện cho kỳ được mục tiêu của cách mạng. "*Mục đích* bất di bất dịch của ta vẫn là hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ. *Nguyên tắc* của ta thì phải vững chắc, nhưng *sách lược* của ta thì linh hoạt"¹. "Cần nhận rõ tình thế để rồi tùy cơ ứng biến mà tiến..."². Lịch sử đã chứng minh, Hồ Chí Minh đã từng đối mặt với những kẻ thù hung bạo, với những tình thế hết sức hiểm nghèo, nhưng Người luôn chiến thắng.

Phong cách lãnh đạo Hồ Chí Minh không chấp nhận những lối làm thụ động, rập khuôn, cứng nhắc. Người phê phán: "Nhiều ủy ban nhân

1. Sdd, tập 7, tr 319.

2. Sdd, tập 4, tr. 213.

dân, một khi nhận được mệnh lệnh gì của cấp trên là chỉ biết cắm đầu cắm cổ thi hành đúng như vậy, thi hành một cách máy móc"¹. Người căn dặn: "Mọi hành động, các địa phương phải tuân thủ những nguyên tắc và thời hạn do Trung ương quy định, còn cách thức thực hiện, họ có thể tùy cơ ứng biến"². Rằng; "Tình hình vùng này không giống tình hình vùng khác. Vì vậy, áp dụng chủ trương và chính sách thật sát với tình hình thực tế của mỗi nơi. Tuyệt đối chớ rập khuôn, chớ máy móc, chớ nóng vội"³.

Thống nhất giữa tính mục đích, tính nguyên tắc với tính sáng tạo, uyển chuyển, linh hoạt là đặc trưng nổi bật trong phong cách lãnh đạo của Hồ Chí Minh. Độc lập, thống nhất của Tổ quốc, tự do, hạnh phúc cho nhân dân. Đó là khát vọng cháy bỏng của Hồ Chí Minh, là bản lĩnh, ý chí sắt son của Người. Nhưng trong tình thế nhất định, nếu "già néo" sẽ "đứt dây", vì vậy phải "lạt mềm buộc chặt". Sự sáng tạo của Hồ Chí Minh đã tìm ra phương sách giải quyết hài hòa giữa trước mắt và lâu dài, giữa cái cơ bản và cái không cơ bản. Đó là phong cách lãnh đạo khoa học, có khả năng thích ứng với nhiều tình huống cụ thể khác nhau.

Sự thống nhất giữa tính dân chủ, tập thể với tính kỷ luật và đề cao trách nhiệm cá nhân.

Mở rộng dân chủ, phát huy trí tuệ của tập thể, thống nhất với tăng cường kỷ luật, đề cao trách nhiệm cá nhân vừa là đặc trưng tiêu biểu trong phong cách lãnh đạo, vừa là phẩm chất cao quý trong nhân cách Hồ Chí Minh.

Thực hiện dân chủ, chăm lo xây dựng và phát huy dân chủ là tư tưởng mục đích lớn lao trong suốt cuộc đời hoạt động lãnh đạo của Người.

Hoạt động lãnh đạo của Hồ Chí Minh là một quá trình liên tục đi tới dân chủ, phát huy ngày càng cao năng lực sáng tạo của cán bộ, đảng viên và nhân dân. Trên cương vị lãnh đạo cao nhất của Đảng và Nhà nước, ở đâu và bao giờ Hồ Chí Minh cũng luôn luôn tôn trọng các thành viên trong tập thể lãnh đạo, phát huy trí tuệ, tài năng sáng tạo của tập

1. Sdd, tập 4, tr. 40.

2. Sdd, tập 3, tr. 455.

3. Sdd, tập 10, tr. 611.

thể, khiêm nhường học hỏi, lắng nghe các đồng sự, cấp dưới và quần chúng. Những hiện tượng kiêu căng, cao đạo, gia trưởng độc đoán, lạm quyền... đều hoàn toàn xa lạ trong nhân cách, phong cách lãnh đạo Hồ Chí Minh.

Người luôn luôn yêu cầu người cán bộ dám "cả gan nói, cả gan phụ trách". Người trọng dụng mọi tài năng có ích cho công việc chung và kịp thời khuyến khích, biểu dương những nhân tố mới, những người tốt, việc tốt. Đồng thời, Người luôn coi trọng tăng cường giữ nghiêm kỷ luật. Người viết: "Phải nâng cao kỷ luật, giữ vững kỷ luật. Những cán bộ có ưu điểm thì phải khen thưởng; người làm trái kỷ luật thì phải phạt. Nếu không thưởng thì không có khuyến khích, nếu không có phạt thì không giữ vững kỷ luật. *Thưởng phạt nghiêm minh là cần thiết*"¹. "Trong một nước phải thưởng phạt nghiêm minh thì nhân dân mới yên ổn, kháng chiến mới thắng lợi, kiến quốc mới thành công". Chính Người là tấm gương sáng về tính kỷ luật nghiêm minh. Người rất độ lượng khoan dung, nhưng không nương nhẹ bao che những thiếu sót, khuyết điểm của cán bộ, đảng viên dù người đó ở bất kỳ cương vị nào.

Tôn trọng tập thể, phát huy tập thể, nhưng theo Hồ Chí Minh, không được ỷ lại vào tập thể. Phải luôn luôn đề cao trọng trách trước tập thể, trước nhân dân, trước dân tộc trong những tình huống hiểm nghèo, trong những lúc khó khăn, những bước ngoặt của cách mạng.

Đề cao trách nhiệm cá nhân phụ trách và tôn trọng, phát huy trí tuệ và sức mạnh tập thể là hai mặt luôn luôn thống nhất trong phong cách lãnh đạo của Hồ Chí Minh. Đó là nguồn gốc tạo nên những tầm cao trí tuệ và năng lực tổ chức thực tiễn của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Với phong cách làm việc dân chủ, tập thể trong lãnh đạo, Hồ Chí Minh đã tạo nên "cái uy", "cái đức" trong Đảng và trong xã hội; đề cao trách nhiệm cá nhân, giữ nghiêm kỷ luật, kỷ cương đã tạo nên "cái uy" của người lãnh đạo quản lý.

Đó cũng chính là giá trị sáng tạo của Hồ Chí Minh về phong cách lãnh đạo của Đảng Cộng sản cầm quyền.

- Luôn luôn bám sát thực tiễn cuộc sống, sâu sát cơ sở, gần bó mật thiết với nhân dân.

1. Sdd, tập 7, tr. 466.

Liên hệ mật thiết với nhân dân là mối liên hệ bản chất của Đảng Cộng sản. Nếu xa rời nhân dân, cắt đứt mối quan hệ với nhân dân, theo Lênin là một trong những nguy cơ lớn nhất của đảng cầm quyền.

Trung thành với quan điểm đó của chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh đã sáng tạo ra nội dung, cách làm phù hợp với điều kiện Việt Nam:

Một là, phải giác ngộ quần chúng, đoàn kết quần chúng, tổ chức quần chúng đấu tranh.

Hai là, phải dựa vào quần chúng, học hỏi quần chúng.

Ba là, hết sức chăm lo đời sống của nhân dân, đem lại lợi ích thiết thực cho nhân dân. Vì lợi ích chân chính của nhân dân là mục tiêu phấn đấu của Đảng, vừa là động lực của cách mạng.

Bốn là, muốn gắn bó mật thiết với dân, hoạt động của Đảng phải sâu sát cơ sở, bám sát thực tiễn cuộc sống của nhân dân để hiểu dân, kịp thời giải đáp những vấn đề nảy sinh tại cơ sở. "Nếu xa quần chúng thì không làm được việc gì"¹.

- Tính cụ thể thiết thực, toàn diện và trọng điểm.

Trong tư duy cũng như trong hoạt động thực tiễn, ở Hồ Chí Minh luôn có sự thống nhất, hài hòa giữa tính toàn diện, trọng điểm, cụ thể và thiết thực. Nó trở thành một trong những đặc trưng rất ổn định, nổi bật trong phong cách lãnh đạo, chỉ đạo của Hồ Chí Minh.

"Lãnh đạo phải cụ thể, kịp thời, phải thiết thực, phải có trọng điểm và nắm điển hình". Người chỉ rõ: "Về lãnh đạo: cán bộ muốn lãnh đạo tốt phải có chỉ đạo riêng. Bắt tay vào chỉ đạo riêng, rút kinh nghiệm chỉ đạo chung". Với tư tưởng đó, nhiều năm trên cương vị lãnh đạo cao nhất, phải nắm và xử lý vô vàn công việc, nhưng Hồ Chí Minh không bỏ sót một lĩnh vực nào, một dữ kiện nào và càng những lúc cách mạng gặp khó khăn, phức tạp, cam go, Hồ Chí Minh càng vượt trội lên về bản lĩnh, về tầm nhìn xa, trông rộng, bao quát, tìm ra những mắt khâu trọng yếu để giải quyết.

Người luôn luôn quan tâm toàn diện mọi khía cạnh, mọi chi tiết của cách mạng, mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Nhưng Hồ Chí Minh không sa vào sự bề bộn của công việc, mà Người luôn luôn biết giải quyết hài

1. Sdd, tập 10, tr. 179.

hòa giữa toàn diện và trọng điểm, giữa trước mắt và lâu dài, giữa cái chủ yếu và cái thứ yếu, tạo nên một phong cách lãnh đạo luôn ung dung, thư thái mà luôn luôn đạt hiệu quả cao. Người nghiêm khắc phê phán những lối làm việc "không thiết thực, không từ chỗ gốc, chỗ chính, không từ dưới làm lên. Làm cho có chuyện. Làm được ít suýt ra nhiều, để làm một bản báo cáo cho oai, nhưng xét kỹ lại rỗng tuếch...". Hồ Chí Minh luôn luôn yêu cầu: Đảng bộ tỉnh, huyện và xã phải đi sâu, đi sát, lãnh đạo phải toàn diện, thật chặt chẽ và kịp thời:

Tính thiết thực, cụ thể, toàn diện và trọng điểm trong phong cách lãnh đạo là yêu cầu khách quan của cuộc sống, nó luôn luôn vận động trong mối liên hệ đa dạng, nhiều chiều. Hoạt động của con người chỉ có hiệu quả, khi nhận thức đúng và biết giải quyết khoa học những mối liên hệ đó. Theo yêu cầu đó, phong cách lãnh đạo của Hồ Chí Minh đã được thực tiễn kiểm định là một chuẩn mực.

Phát huy tự phê bình và phê bình, thường xuyên tiến hành sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm phát huy ưu điểm, kịp thời sửa chữa khuyết điểm.

Ở Hồ Chí Minh, tự phê bình và phê bình trở thành một phẩm chất trong nhân cách và là một đặc trưng tiêu biểu trong phong cách lãnh đạo của Người. Dù ở cương vị lãnh đạo cao nhất, Người vẫn thực hành tự phê bình và phê bình một cách nghiêm túc, nêu tấm gương sáng về đức tính trung thực, thẳng thắn, về thái độ và phương pháp phê bình cho cán bộ, đảng viên noi theo.

Nhờ thường xuyên rút kinh nghiệm tự phê bình và phê bình mà trí tuệ và năng lực thực tiễn của Đảng và của cán bộ, đảng viên từng bước được nâng lên ngang tầm yêu cầu nhiệm vụ của từng giai đoạn cách mạng. Người chỉ rõ: "gom góp sáng kiến, rút kinh nghiệm, tổng kết kinh nghiệm, trao đổi và phổ biến kinh nghiệm... Sáng kiến và kinh nghiệm là của quý chung của cả dân tộc. Chúng ta phải ra sức làm cho nó dồi dào thêm và lan rộng mãi". "Bất kỳ người lãnh đạo nào, nếu không học tập nổi những việc thiết thực, những người thiết thực và những bộ phận thiết thực của cấp dưới để rút kinh nghiệm, thì nhất định không biết chỉ đạo chung"¹.

1. Sđd, tập 5, tr. 289.

Phát huy tự phê bình và phê bình gắn liền với sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm từ thực tiễn giúp cho Đảng có cơ sở để khẳng định sự đúng đắn, chính xác của đường lối, chính sách. Đồng thời giúp cho Đảng phát hiện những sai sót để chấn chỉnh bổ sung, phát triển đường lối ngày một hoàn chỉnh hơn, sát gần chân lý cuộc sống hơn. Đó là điều kiện cực kỳ quan trọng để Đảng lãnh đạo cách mạng đến thành công, xứng đáng và làm tròn vai trò lãnh tụ chính trị của giai cấp và dân tộc.

Hồ Chí Minh đã nghiên cứu, trung thành tiếp thu, vận dụng và bổ sung sáng tạo quan điểm của Mác, Ăngghen, Lênin về vấn đề tự phê bình và phê bình một cách hết sức cụ thể và độc đáo. Điều này được thể hiện đậm nét trong nhiều tác phẩm, tập trung nhất ở *Sửa đổi lối làm việc* (1947), *Đạo đức cách mạng* (1958), *Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân* (1969).

Từ một quan niệm hết sức giản dị nhưng bao hàm tính triết lý và biện chứng sâu sắc: người đời không phải là thần thánh, không ai tránh khỏi khuyết điểm. Tổ chức đảng cũng vậy, Đảng không phải trên trời rơi xuống, "Đảng là người, nên có sai lầm" - tức là cũng có lúc khỏe mạnh, lúc ốm đau, bệnh tật. Đó là lẽ thường tình, không vì thấy ốm đau mà phát sinh tư tưởng lo sợ, bi quan, tuyệt vọng, giấu giếm bệnh tật trong mình.

Do đó, có bệnh tật thì phải mạnh dạn, chủ động, khẩn trương, kiên trì chạy chữa. Khuyết điểm cũng như chứng bệnh. Hồ Chí Minh chỉ ra liệu "thần dược", "thang thuốc hay nhất" để chữa trị các chứng bệnh trong cơ thể của tổ chức đảng và mỗi cá nhân đảng viên là tự phê bình và phê bình. Người nói: "Phê bình cũng như uống thuốc. Sợ phê bình, cũng như có bệnh mà giấu bệnh. Không dám uống thuốc. Để đến nỗi bệnh ngày nặng, không chết "cũng la lét quả dưa"¹.

Đảng cách mạng cần tự phê bình và phê bình như ta cần không khí. "Một đảng mà giấu giếm khuyết điểm của mình là một đảng hỏng. Một đảng có gan thừa nhận khuyết điểm của mình, vạch rõ những cái đó, vì đâu mà có khuyết điểm đó, xét rõ hoàn cảnh sinh ra khuyết điểm đó, rồi tìm kiếm mọi cách để sửa chữa khuyết điểm đó. Như thế là một đảng tiến bộ, mạnh dạn, chắc chắn, chân chính"². Đảng cần phải biết những

1. Sđd, tập 5, tr. 260.

2. Sđd, tập 5, tr. 261.

ưu điểm và khuyết điểm của mình "để dạy dỗ đảng viên, dạy dỗ quần chúng". Sự phê bình, tức là "quan liêu hóa", tức là tự mãn, tự túc, tức là "mèo khen mèo dài đuôi".

Hồ Chí Minh yêu cầu mỗi cán bộ, đảng viên "mỗi ngày phải tự kiểm điểm, tự phê bình, tự sửa chữa như mỗi ngày phải rửa mặt".

Tự phê bình và phê bình là "thứ vũ khí sắc bén nhất", nó giúp cho Đảng ta mạnh và ngày càng thêm mạnh. Nhờ nó mà chúng ta sửa chữa khuyết điểm, phát huy ưu điểm, tiến bộ không ngừng. Trong Đảng muốn đoàn kết chặt chẽ, "ắt phải thống nhất tư tưởng, mở rộng dân chủ nội bộ, mở rộng tự phê bình và phê bình"¹.

Do đó phải "luôn luôn và khéo dùng cách tự phê bình và phê bình". "Được như thế thì trong Đảng sẽ không có bệnh mà Đảng sẽ khỏe vô cùng"², "ưu điểm nhất định thêm lên và Đảng ta nhất định thắng lợi"³.

Lênin đã nhiều lần nhấn mạnh tính tất yếu của tự phê bình và phê bình. Ông cho rằng: "Không nghi ngờ gì cả, tự phê bình là một việc tuyệt đối cần thiết cho hết thảy mọi chính đảng sống và đầy sức sống"; đối với người cách mạng thì không nên che giấu sai lầm, "không sợ công khai phơi bày các sai lầm", thậm chí trước cả kẻ thù. "Ai sợ điều đó, người ấy không phải là người cách mạng". Người cách mạng chỉ có thể "học được cách chiến thắng" khi nào không sợ thừa nhận những thất bại và thiếu sót, chỉ khi nào dám nhìn thẳng vào sự thật, dù sự thật đáng buồn nhất. Bởi vì "sai lầm được sửa chữa thì sẽ hết đi. Sai lầm không sửa chữa thì sẽ thành một vết loét thối. Trong những trường hợp như vậy phải dũng cảm đến ngay phòng mổ". Lênin khẳng định: "Tất cả những đảng cách mạng đã bị tiêu vong cho tới nay, đều bị tiêu vong vì tự cao tự đại, vì không biết nhìn rõ cái gì tạo nên sức mạnh của mình và vì sợ sệt không dám nói lên những nhược điểm của mình".

Qua những luận dẫn so sánh trên, chúng ta thấy Hồ Chí Minh đã vận dụng quan điểm của Lênin một cách trung thành, nhuần nhuyễn và đầy sáng tạo. Sự sáng tạo của Người nổi bật ở chỗ: *Thứ nhất*, Người diễn đạt quan điểm của Lênin bằng thể loại văn chính luận mộc mạc, dễ hiểu,

1. Sđd, tập 7, tr. 492.

2. Sđd, tập 5, tr. 239.

3. Sđd, tập 5, tr. 265.

súc tích; dùng nhiều hình ảnh ví von, so sánh, cùng những câu phương ngôn gần gũi với đời sống thường ngày của cán bộ, đảng viên và nhân dân ta. Chính điều đó càng làm tăng tính hiệu quả của công tác tư tưởng. *Thứ hai*, Người đã xác định rõ: tự phê bình và phê bình là "thứ vũ khí sắc bén nhất", là "thang thuốc hay nhất" để sửa chữa khuyết điểm, phát huy ưu điểm và để xây dựng Đảng. Đã là vũ khí sắc bén nhất, thang thuốc hay nhất thì tổ chức đảng nào, cán bộ, đảng viên nào cũng đều nhận thấy phải tự giác, chủ động "thủ" sẵn trong mình để sẵn sàng đưa ra sử dụng khi cần thiết. Tính chủ động, tích cực ở đây cao hơn hẳn.

Tự phê bình và phê bình là nhu cầu nội tại của tổ chức đảng và đảng viên. Song, sử dụng nó phải đúng mục đích thì mới có tác dụng, hiệu quả cao. Nếu sử dụng không đúng mục đích thì dù đó là vũ khí sắc bén cũng không tiêu diệt được kẻ thù, là "thần dược" cũng không trị được bệnh.

Lênin xác định: mục đích của tự phê bình và phê bình là để sửa chữa khuyết điểm, sai lầm, "là để đưa ra được những nghị quyết đúng đắn". Hồ Chí Minh đã phát triển quan điểm của Lênin và chỉ rõ: "Mục đích phê bình cốt để giúp nhau sửa chữa, giúp nhau tiến bộ. Cốt để sửa cách làm việc cho tốt hơn, đúng hơn. Cốt đoàn kết và thống nhất nội bộ"¹. "Phê bình và tự phê bình là để học cái hay, tránh cái dở, chứ không phải để nói xấu nhau"². Tự phê bình và phê bình là để "trị bệnh cứu người"; là để dân chủ trong Đảng tốt hơn, kỷ luật cao hơn, cán bộ, đảng viên gương mẫu hơn; làm cho tổ chức đảng ngày càng trong sạch, vững mạnh.

Đối tượng trực tiếp và nội dung của tự phê bình và phê bình là "phê bình việc làm, chứ không phải phê bình người"³, tức là gột rửa những thói hư tật xấu, những cái nhơ bẩn lây bám, xâm nhập vào con người chứ không phải cắt bỏ thân thể con người. Nó giống như ta uống thuốc xổ, xổ xong rồi phải bồi bổ cho con người khỏe mạnh. Tư tưởng nhân văn, đề cao nhân tố con người của Hồ Chí Minh ở đây thật bao la, sâu sắc và chan chứa tình người. Điều đó tránh cho con người ta không rơi vào cái "tôi, vị kỷ, sự hận thù, đố kỵ"... giữa con người với nhau.

1, 3. Sdd, tập 5, tr. 231.

2. Sdd, tập 11, tr. 467.

Mác đã từng phê phán, bác bỏ quan niệm sử dụng phê phán như là một động lực và Lênin cũng không đồng ý với "một sự phê phán không có nội dung, một sự phê phán để mà phê phán". Hồ Chí Minh đã vận dụng quan điểm của các nhà kinh điển về đối tượng, nội dung, bản chất của tự phê bình và phê bình thật nhuần nhuyễn.

Người bổ sung, làm phong phú hơn nội dung và xác định bản chất của tự phê bình và phê bình là cách mạng khoa học, hướng tới sự hoàn mỹ. Phê bình và tự phê bình không đồng nghĩa với phê phán và trừng trị.

Khái niệm tự phê bình và phê bình được Hồ Chí Minh giải nghĩa thật rõ ràng và độc đáo: Tự phê bình là cá nhân (cơ quan hoặc đoàn thể) thật thà nhận khuyết điểm của mình để sửa chữa, để người khác giúp mình sửa chữa, mà cũng để người khác biết mà tránh những khuyết điểm mình đã phạm.

Phê bình là thấy ai (cá nhân, cơ quan, đoàn thể) có khuyết điểm thì thành khẩn nói cho họ biết, để họ sửa chữa, để họ tiến bộ.

Đây chính là sự sáng tạo, bổ sung mới của Người.

Từ quan điểm xuất phát thể hiện tính dân chủ và nhân đạo cao cả, Hồ Chí Minh đã chỉ ra phương pháp, hình thức và những yêu cầu để tiến hành tự phê bình và phê bình đạt hiệu quả cao nhất.

Một là, phê bình phải đi đôi với tự phê bình; tự phê bình và phê bình phải gắn liền với sửa chữa, với biểu dương khen thưởng. Nếu chỉ biết phê bình người khác mà không tự phê bình thì chẳng khác nào "thầy thuốc chỉ đi chữa người khác, mà bệnh nặng trong mình thì quên chữa"¹. Tại buổi lễ bế mạc lớp bổ túc trung cấp (10-1947), Hồ Chí Minh đã nói: "Tự phê bình rồi lại phải phê bình người khác nữa... Nếu tôi có vết nhọ trên trán, các đồng chí trông thấy, lại lấy có "nể Cụ" không nói, là tôi mang nhọ mãi. Nhọ ở trên trán thì không quan trọng, nhưng nếu có vết nhọ ở trong óc, ở tinh thần, mà không nói cho người ta sửa tức là hại người... Thấy cái xấu của người mà không phê bình là một khuyết điểm rất to. Không phê bình, tức là để cho cái xấu của người ta phát triển"².

1. Sđd, tập 5, tr. 231.

2. Sđd, tập 5, tr. 224.

Tự phê bình và phê bình phải gắn với sửa chữa, tức là phải chỉ rõ ưu, khuyết điểm và phương hướng để phát huy hoặc khắc phục. Đồng thời, phải gắn với động viên, khen thưởng; xử phạt rõ ràng. Đối với những người có thành tích, phải khen thưởng, đối với những người mắc sai lầm thì phải phê bình, kiểm thảo, giúp cho họ sửa chữa.

Hai là, tự phê bình và phê bình phải đạt tới cái đích là làm rõ đúng, sai, "lý lẽ phân minh, nghĩa tình đầy đủ"; bảo đảm tính khách quan, trung thực, thẳng thắn và chân tình. Tự phê bình cũng như phê bình người phải ráo riết, triệt để, thật thà, không nể nang, không thêm bớt. Phải vạch rõ các ưu điểm và khuyết điểm. "Phê bình phải nghiêm chỉnh, chắc chắn, phụ trách, nói có sách mách có chứng. Phải phê bình với tinh thần thành khẩn, xây dựng, "trị bệnh cứu người". Chớ phê bình lung tung không chịu trách nhiệm"¹. Khi phê bình "chớ dùng những lời mỉa mai, chua cay, đâm thọc"². Để chữa khỏi bệnh, "ta phải tự phê bình ráo riết và phải lấy lòng thân ái, lấy lòng thành thật, mà ráo riết *phê bình đồng chí mình*. Hai việc đó phải đi đôi với nhau. Trong lúc phê bình, khuyết điểm phải vạch ra rõ ràng, mà ưu điểm cũng phải nhắc đến. Một mặt là để sửa chữa cho nhau. Một mặt là để khuyến khích nhau, bắt chước nhau"³. Mỗi cán bộ, đảng viên cần phải thật thà tự xét và xét đồng chí mình, ai có khuyết điểm nào, thì phải thật thà cố gắng, tự sửa chữa và giúp sửa chữa lẫn nhau.

Ba là, khi tiến hành tự phê bình và phê bình phải bảo đảm tốt tính dân chủ công khai. Công khai phân tích, nhận xét, đánh giá ưu, khuyết điểm của mình, đồng chí mình và tổ chức đảng trước hội nghị; phê phán nghiêm khắc tình trạng "ngồi lê đôi mách, "việc gì cũng không phê bình trước mặt mà để nói sau lưng", phê bình ở ngoài tổ chức. Kiểu phê bình như vậy là biểu hiện của bệnh "cá nhân".

Tự phê bình và phê bình muốn đạt kết quả cao thì phải được tiến hành trong bầu không khí thật sự dân chủ, bình đẳng. Chỉ có dân chủ rộng rãi thì mọi cán bộ, đảng viên, nhân dân mới tích cực, chủ động, nói thẳng, nói thật. Song mở rộng dân chủ trong tự phê bình và phê bình không có nghĩa là muốn nói gì thì nói, muốn phê gì thì phê. Một cuộc tự

1. Sdd, tập 10, tr. 614.

2. Sdd, tập 5, tr.232.

3. Sdd, tập 5, tr. 239.

phê bình và phê bình nghiêm túc là: "Trong lúc thảo luận, mọi người được tự do hoàn toàn phát biểu ý kiến, dù đúng hoặc không đúng cũng vậy. Song không được nói gàn, nói vòng quanh"¹. Ở đây, vai trò của đội ngũ cán bộ chủ chốt rất quan trọng, như Hồ Chí Minh đã dạy: cán bộ cao cấp phải gương mẫu tự phê bình và phê bình trước.

Bốn là, tự phê bình và phê bình phải được tiến hành thường xuyên, phê bình từ trên xuống và từ dưới lên, nhất là từ dưới lên, có như vậy mới đạt hiệu quả cao. Bởi vì, nếu chỉ phê bình một chiều thì cũng giống người "đi một chân, không thể đi được"².

Khi tiến hành tự phê bình và phê bình, phải bảo đảm đúng nguyên tắc, song cách thức tiến hành phải mềm dẻo, khéo léo. Nếu chỉ dùng phương pháp cứng rắn, mệnh lệnh, ép buộc thì rất khó tiếp thu, chẳng khác gì hiện tượng "bánh ngọt là một thứ ngon lành, nhưng đem bánh ngọt *bắt người ta ăn*, nhét vào miệng người ta thì ai cũng chán"³, hướng chỉ đây lại là "thuốc chữa bệnh" đắng ngắt.

Năm là, người, tổ chức được phê bình phải có thái độ thành khẩn, "vui lòng nhận xét để sửa đổi, không nên vì bị phê bình mà nản chí, hoặc oán ghét"⁴. Hết sức tránh thái độ "bung mắt bắt chim", "giấu bệnh sợ thuốc", bị phê bình thì im lìm, không công khai đăng báo, không tìm cách sửa chữa. Hồ Chí Minh gọi đó là "thái độ không thật thà, không đúng đắn" và thái độ sẽ dẫn đến hậu quả rất nghiêm trọng, bệnh nặng ngày càng nặng thêm, thậm chí nguy hiểm đến tính mạng.

- *Nêu gương*.

Tư tưởng xuyên suốt trong phong cách lãnh đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh là giáo dục, thuyết phục bằng nêu gương.

Nêu gương là phương pháp giáo dục, thuyết phục bằng sự thật, bằng hành động trực quan; là phương pháp tác động gây ấn tượng sâu sắc trong nhận thức, vừa có sức thuyết phục, hướng dẫn hành động cao; đó cũng là con đường không ngừng nâng cao uy tín thực của người lãnh đạo, của cán bộ, đảng viên nói chung.

1. Sdd, tập 5, tr. 232.

2. Sdd, tập 8, tr. 387.

3. Sdd, tập 5, tr. 246.

4. Sdd, tập 5, tr. 232.

Qua nghiên cứu nhiều dân tộc trên thế giới, Hồ Chí Minh đã đi đến kết luận: "Nói chung thì các dân tộc phương Đông đều giàu tình cảm và đối với họ một tấm gương sống còn giá trị hơn một trăm bài diễn văn tuyên truyền"¹. Bởi vậy, hoạt động lãnh đạo của Đảng Cộng sản ở một nước phương Đông như Việt Nam, ắt phải thực hành "đảng viên đi trước, làng nước theo sau". Người còn đòi hỏi mỗi cán bộ, đảng viên phải làm kiểu mẫu trong công tác và lối sống, trong mọi lúc, ở mọi nơi; nói phải đi đôi với làm để quần chúng noi theo. Nếu cán bộ, đảng viên mắc vào chứng bệnh "nói một đằng làm một nẻo", thì trước con mắt của nhân dân, họ không còn là người chiến sĩ tiên phong nữa, họ tuyên truyền sẽ chẳng ai nghe nữa; và thực chất, họ đã tự tước mất vai trò của người lãnh đạo.

Vì thế, muốn giữ vững và phát huy vai trò người chiến sĩ tiên phong, thì trong mọi việc cán bộ phải làm gương. Người nhấn mạnh: "Nhất là cán bộ cao cấp, phải làm đầu tàu, làm gương mẫu, giúp đỡ mọi người cùng tiến bộ". "Nhất là đối với chữ CẦN, chữ KIÊM, chữ HY SINH, chữ CÔNG BẰNG, thì các bạn phải thực hành trước, phải làm gương cho dân chúng theo"².

Đồng thời với việc giáo dục, rèn luyện các cán bộ, đảng viên gương mẫu, Hồ Chí Minh rất coi trọng xây dựng làng, xã kiểu mẫu. Từ những mô hình, điển hình tiên tiến làm gương mẫu, dấy lên những phong trào thi đua đua, vượt các điển hình tiên tiến sôi nổi giữa các ngành, địa phương, đơn vị. Nhờ vậy, phong trào nối tiếp phong trào, tạo nên khí thế cách mạng hào hùng trong sản xuất, chiến đấu, công tác rộng khắp trong cả nước.

1. Sđd, tập 1, tr. 263.

2. Sđd, tập 4, tr. 94.

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CẦN CHÚ TRỌNG TRONG VIỆC QUẢN TRIỆT, VẬN DỤNG VÀ PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VAI TRÒ LÃNH ĐẠO VÀ SỨC CHIẾN ĐẤU CỦA ĐẢNG TRONG ĐIỀU KIỆN NƯỚC TA HIỆN NAY

I - ĐIỀU KIỆN VÀ HOÀN CẢNH MỚI - MỘT CĂN CỨ ĐỂ QUẢN TRIỆT, VẬN DỤNG, PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẢNG CỘNG SẢN CẨM QUYỀN

Đặc điểm tình hình, nhiệm vụ cách mạng nước ta hiện nay rất khác với thời kỳ Chủ tịch Hồ Chí Minh còn sống. Để quản triệt, vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản cầm quyền trong điều kiện hiện nay, cần thấy rõ các đặc điểm sau:

Thứ nhất, Đảng ta trở thành đảng cầm quyền từ cuối năm 1945. Nhưng đảng cầm quyền lúc đó có nhiệm vụ chủ yếu là lãnh đạo chính quyền tiến hành cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Từ năm 1954 đến năm 1975, khi miền Bắc được giải phóng, đảng cầm quyền lãnh đạo nhân dân ta bước vào thời kỳ cải tạo, xây dựng chủ nghĩa xã hội nhưng chiến lược bao trùm, mục tiêu chủ yếu vẫn là để giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước. Như vậy, từ năm 1954 đến năm 1969 (khi Hồ Chí Minh là lãnh tụ của đảng cầm quyền và là Chủ tịch nước), việc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc lúc đó là để làm cơ sở, hậu thuẫn cho cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà. *Đảng cầm quyền lãnh đạo xây*

dựng đất nước, nhưng quy luật chiến tranh vẫn chi phối là chủ yếu. Vì vậy, vai trò, phương thức lãnh đạo của Đảng lúc đó có những yêu cầu và đặc điểm rất khác hiện nay.

Thứ hai, trước đây nước ta và cả hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa chưa chú trọng xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa như hiện nay.

Bên cạnh mặt tích cực, nền kinh tế thị trường có những mặt tiêu cực như: phân hóa giàu nghèo, mất công bằng xã hội và suy thoái đạo đức.

Đảng ta đã có những chủ trương và giải pháp khắc phục những tiêu cực của nền kinh tế thị trường. Tuy nhiên, để đạt mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh trong điều kiện kinh tế thị trường rất phức tạp. Điều này khác với thời kỳ thực hiện cơ chế tập trung, quan liêu bao cấp và trong điều kiện chiến tranh. Do đó, công tác xây dựng Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng có những nội dung, hình thức và phương pháp khác trước.

Thứ ba, trước đây chúng ta chỉ quan hệ đối ngoại với các nước xã hội chủ nghĩa và bạn bè thân thiết là chủ yếu, nay mở rộng quan hệ, hợp tác với tất cả các nước có chế độ chính trị xã hội khác nhau, tôn giáo, tín ngưỡng khác nhau. Điều đó đòi hỏi đội ngũ cán bộ, đảng viên của Đảng càng phải có lập trường, quan điểm, tư tưởng vững vàng hơn, đạo đức, lối sống trong sáng hơn, trình độ năng lực và ý thức tổ chức kỷ luật tốt hơn.

Thứ tư, thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước diễn ra trong điều kiện cuộc cách mạng khoa học và công nghệ trên thế giới phát triển rất nhanh. Dự báo thế kỷ XXI, khoa học - công nghệ sẽ phát triển như vũ bão. Tính chất, nội dung và điều kiện công nghiệp hóa hiện nay cũng khác với "đẩy mạnh công nghiệp hóa là nhiệm vụ trung tâm" trong giai đoạn trước đây.

Hơn nữa, Đảng lãnh đạo sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong thời kỳ mới với xu thế toàn cầu hóa, hội nhập kinh tế quốc tế đang diễn ra nhanh chóng. Việc nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng để đáp ứng đòi hỏi của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa hiện nay cũng khác trước.

Thứ năm, chúng ta đang xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam: Nhà nước của dân, do dân, vì dân. Vai trò lãnh đạo và

sức chiến đấu của Đảng khi có nhà nước pháp quyền đặt ra những yêu cầu mới.

Thứ sáu, từ sau khi chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ, so sánh lực lượng giữa cách mạng và phản cách mạng trên thế giới thay đổi hẳn, có lợi cho các lực lượng thù địch. Chủ nghĩa xã hội lâm vào thoái trào, chiến lược "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch tiến công vào nước ta ngày càng quyết liệt. Cuộc tiến công đó trên tất cả các lĩnh vực, bằng nhiều thủ đoạn tinh vi nhằm xóa bỏ Đảng ta và chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Chúng ta đã từng bước ngăn chặn và đẩy lùi nguy cơ đó, song cuộc đấu tranh còn rất quyết liệt và phức tạp.

Thứ bảy, bản thân Đảng ta sau mười lăm năm đổi mới đất nước và xây dựng, chỉnh đốn Đảng đã trưởng thành và được củng cố trên nhiều mặt, song cũng bộc lộ nhiều khuyết điểm, yếu kém. Những khuyết điểm và yếu kém này có những nguồn gốc, nguyên nhân và biểu hiện khác với thời kỳ trước đây. Do đó, những giải pháp để khắc phục những yếu kém hiện nay của Đảng ta cũng khác trước. Tư tưởng của Hồ Chí Minh về vai trò lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng vẫn còn nguyên giá trị, nhưng nhiều vấn đề phải bổ sung, phát triển.

Trên đây là một số đặc điểm có liên quan trực tiếp tới vai trò lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, là cơ sở để suy nghĩ, quán triệt vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản cầm quyền trong điều kiện hiện nay.

II - MỘT SỐ NỘI DUNG CHỦ YẾU CẦN QUÁN TRIỆT, VẬN DỤNG, PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VAI TRÒ LÃNH ĐẠO VÀ SỨC CHIẾN ĐẤU CỦA ĐẢNG TA HIỆN NAY

1. Đảng lãnh đạo bảo đảm dân chủ và quyền lực thuộc về nhân dân

Mục đích phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân là vấn đề xuyên suốt, nổi trội trong cuộc đời của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đảng phải liên hệ mật thiết với nhân dân, gắn bó máu thịt với nhân dân là tư tưởng thường trực ở Người.

Khi trở thành đảng cầm quyền, nhân dân lao động từ địa vị làm thuê trở thành người làm chủ. Hồ Chí Minh nhấn mạnh, chế độ ta là chế độ dân chủ, dân là chủ, dân làm chủ, mọi quyền lực phải thuộc về số đông nhân dân, chớ để quyền lực nằm trong tay một số ít người, chúng ta sẽ phải làm đi, làm lại cuộc cách mạng nhiều lần. Đó là sự tổng kết lịch sử rất sâu sắc.

Như vậy, bản thân đảng và nhà nước tự nó cũng không có quyền lực. Quyền lực chính trị của đảng cầm quyền và quyền lực của nhà nước đều do nhân dân trao cho. Và nhân dân chỉ trao cho đảng cầm quyền và nhà nước quyền thực thi quyền lực, quyền sử dụng quyền lực để lãnh đạo, quản lý đất nước, còn *quyền sở hữu quyền lực vẫn nằm trong tay nhân dân*.

Các chế độ xã hội trước đây, khi đảng cầm quyền chiếm luôn cả quyền sở hữu quyền lực của nhân dân nên mâu thuẫn đối kháng với nhân dân và nhân dân đã làm cách mạng lật đổ tập đoàn cầm quyền, lật đổ chế độ xã hội đương thời.

Chế độ ta ưu việt, khác về bản chất so với các chế độ trước đây chủ yếu nhất cũng là ở vấn đề này. Đây thực chất và là mục tiêu của cả hệ thống chính trị ở nước ta. Các tổ chức trong hệ thống chính trị phải xoay quanh nhằm thực hiện mục tiêu này. Đánh giá vai trò, chất lượng hoạt động của các tổ chức trong hệ thống chính trị cũng phải căn cứ vào đó. Vai trò, uy tín của Đảng, mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân có vững chắc hay không cuối cùng và cơ bản nhất cũng ở đó. Sức mạnh vô địch của chế độ xã hội chủ nghĩa và sức chiến đấu của Đảng phụ thuộc vào nội dung chủ yếu ấy. Vai trò, uy tín của Đảng ta và vấn đề dân chủ của dân, quyền lực của nhân dân là thống nhất. Không có cái này cũng không có cái kia. Không có đảng cầm quyền lãnh đạo thì dân chủ của dân, quyền lực của dân cũng không thực hiện được. Đảng mà không thực hiện được dân chủ của dân, bảo đảm quyền thuộc về dân thì đảng cũng không đứng vững được, chế độ xã hội chủ nghĩa cũng sẽ sụp đổ.

Vậy những điều kiện cần thiết và những giải pháp lớn để bảo đảm dân chủ của dân và quyền lực thuộc về nhân dân hiện nay cần tập trung giải quyết vấn đề gì?

Thứ nhất, bản thân đảng cầm quyền phải là một đảng cách mạng, chân chính, thật sự vì dân, phấn đấu vì sự nghiệp của nhân dân, của

dân tộc. Ngoài lợi ích của nhân dân và dân tộc, đảng không có lợi ích nào khác. Mọi cán bộ, đảng viên trước hết là những người có chức, có quyền phải phấn đấu và trung thành với lý tưởng, phải đặt lợi ích của dân tộc, của nhân dân và của giai cấp lên trên hết và trước hết. Từng đảng viên có lợi ích riêng chính đáng, nhưng khi lợi ích riêng mâu thuẫn với lợi ích chung thì phải đặt lợi ích chung lên trên. Nếu không như thế thì không thể bảo đảm dân chủ và quyền lực của dân.

Điều đầu tiên bảo đảm dân chủ của dân, quyền lực thuộc về dân là phải giải quyết vấn đề quan liêu, tham nhũng, của quyền sách nhiễu dân. Làm sao trong bộ máy lãnh đạo, quản lý, điều hành trong toàn bộ hệ thống chính trị không còn tình trạng quan liêu, tham nhũng, hách dịch, đặc quyền, đặc lợi.

Thứ hai, Đảng phải có đủ trí tuệ, năng lực, bản lĩnh bảo đảm xây dựng đường lối luôn luôn đúng đắn, cụ thể hóa đường lối chính xác, kịp thời và tổ chức thực hiện đường lối thắng lợi.

Thiếu điều kiện trên đây, không thể lãnh đạo, lôi cuốn, tập hợp được nhân dân, do đó cũng không thể bảo đảm dân chủ và quyền lực của dân.

Cương lĩnh, đường lối đúng đắn của Đảng thể hiện ở chỗ: vừa phản ánh đúng quy luật khách quan, vừa có cơ sở khoa học, vừa phù hợp với ý chí, nguyện vọng của nhân dân, thể hiện quyền lợi của nhân dân và tương lai của dân tộc.

Nếu lý luận, cương lĩnh, đường lối chính trị đã sai lầm, hoặc cụ thể hóa đường lối không chính xác, kịp thời và tổ chức thực hiện đường lối không thắng lợi thì căn bản không thể bảo đảm được dân chủ của dân và quyền lực thuộc về dân.

Thứ ba, vai trò lãnh đạo của đảng cầm quyền phải được thể hiện ở việc lãnh đạo xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa bảo đảm là nhà nước thực sự của dân, do dân, vì dân trong thực tế. Dân chủ của dân, quyền lực của nhân dân trong điều kiện đảng cầm quyền được thể hiện trước hết, tập trung nhất ở ngay trong nhà nước, đảng cầm quyền được hiện thân ở nhà nước thật sự của dân, do dân, vì dân, trong sạch, vững mạnh. Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa vừa thể hiện sự lãnh đạo của đảng, vừa thể hiện lợi ích, ý chí, quyền lực của nhân dân. Nhà nước là công cụ đặc lực của nhân dân, là trụ cột của hệ thống chính trị,

là trung tâm quyền lực của nhân dân. Vai trò, uy tín và sức chiến đấu của đảng và quyền lực của nhân dân đều được thể hiện thông qua nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Các nhà nước tư bản cũng xác định nhà nước của họ là nhà nước của dân, do dân, vì dân, dân chủ của dân và quyền lực của dân. Nhưng trên thực tế không có nước tư bản nào đạt được điều đó. Bởi vì có những tiền đề và yếu tố bảo đảm dân chủ và quyền lực của nhân dân mà chế độ tư bản không thể nào có được.

- *Điểm thứ nhất.* Đó là các yếu tố sau: *đội ngũ cán bộ do nhân dân lựa chọn bầu để ủy quyền cho họ phải là những người của dân, do dân, vì dân thật sự.* Điều đó sẽ quyết định bản chất nhà nước. Khâu quan trọng nhất, then chốt nhất, quyết định nhất là ở đó.

Ở các nước tư bản, những người được bầu và bổ nhiệm để nắm quyền lực nhà nước hầu hết phải có hai điều kiện:

Một là, phải có tiềm lực kinh tế mạnh. Người dân lao động bình thường không thể ra ứng cử Quốc hội và dù có ứng cử cũng không thể trúng cử.

Hai là, phải có thế lực mạnh. Nếu không được một đảng tư sản cầm quyền mạnh, có uy tín giới thiệu và lãnh đạo để dân bầu thì người đó cũng không thể trúng cử được.

Mặt khác, cử tri ở các nước tư bản đi bầu cử thường bị đồng tiền chi phối và các thế lực chính trị khổng lồ, nhân dân không thể tự lựa chọn bầu cử theo ý chí, nguyện vọng của mình.

Vì vậy, những người được bầu hoặc bổ nhiệm để nắm quyền lực nhà nước ở các nước tư bản hầu hết là những người thuộc giai cấp tư sản, tầng lớp trên của xã hội. Nhân dân lao động không có điều kiện ra ứng cử và không thể trúng cử. Những người nắm quyền lực nhà nước không phải của dân, do dân, vì dân thì nhà nước cũng không thể là nhà nước của dân, do dân, vì dân.

Ở nước ta, ngay từ năm 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta đã lãnh đạo tổng tuyển cử lần đầu tiên trong cả nước. Những người được Đảng ta và nhân dân đề cử giới thiệu hầu hết là những người của dân, do dân, vì dân, những người ưu tú tiên phong, gương mẫu trong phong trào cách mạng của quần chúng, một số trí thức dưới chế độ cũ cũng thực sự là những người yêu nước, có tinh thần cách mạng.

Vì vậy, nhà nước dân chủ nhân dân ở nước ta ngay từ đầu đã mang bản chất nhà nước của dân, do dân, vì dân. Hơn nửa thế kỷ qua, từ nhà nước dân chủ nhân dân đến nhà nước xã hội chủ nghĩa, Đảng ta luôn luôn quan tâm xây dựng nhà nước trong sạch, vững mạnh, bảo đảm nhà nước của dân, do dân, vì dân. Song thực tế vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu, nguyện vọng của dân. Một trong những vấn đề chủ yếu nhất, cơ bản nhất vì đội ngũ cán bộ, viên chức nắm giữ và điều hành bộ máy nhà nước, một bộ phận chưa thực sự là của dân, do dân, vì dân.

Điểm thứ hai, dân chủ của dân, quyền lực của nhân dân phải được bảo đảm bằng một hệ thống luật pháp, một nền pháp chế thể hiện ý chí của dân.

Có như vậy trật tự kỷ cương xã hội, cùng những công cụ bạo lực mới có thể chống lại và đập tan những hành động phá hoại, bảo vệ cuộc sống yên bình, quyền và lợi ích của nhân dân. Không có nhà nước pháp quyền thì không thực thi được dân chủ. Pháp luật phải ngự trị trước hết ở ngay trong bản thân nhà nước. Pháp luật là tối thượng đối với nhân dân, đối với xã hội. Thiếu luật pháp thì nhân dân và xã hội không yên được với những thế lực chống phá, gây rối xã hội, làm sao thực hiện được dân chủ và quyền lực của dân.

Song vấn đề quyết định ở đây là luật pháp gì và pháp chế nào?

Ở các nước tư bản, giai cấp tư sản đã xây dựng được hệ thống luật pháp và một nền pháp chế tương đối hoàn thiện bảo đảm dân chủ, quyền lực và lợi ích cho giai cấp tư sản, tập đoàn tư sản cầm quyền. Nó hoàn chỉnh tới mức là tập đoàn tư sản nào lên cầm quyền cũng phải thực hiện đúng pháp luật và pháp chế do họ đã vạch ra. Hệ thống luật pháp và nền pháp chế đó đối lập với lợi ích, quyền lực của nhân dân lao động.

Hệ thống luật pháp và nền pháp chế ở nước ta có bản chất khác hẳn với các nước tư bản. Hệ thống này phải được hoàn thiện tới mức thể hiện đầy đủ ý chí của nhân dân, lợi ích của dân, dân chủ của dân và quyền lực của dân. Có như vậy những người được nhân dân lựa chọn, ủy quyền quản lý đất nước, mới có điều kiện phục vụ nhân dân tốt nhất. Nếu ai vi phạm pháp luật sẽ bị loại khỏi bộ máy tổ chức. Có hệ thống luật pháp và pháp chế hoàn chỉnh thì mọi người mới có thể thực hiện tốt nhiệm vụ của mình và kẻ xấu làm sai, làm trái pháp luật sẽ bị nghiêm trị hoặc bị loại bỏ.

- Điểm thứ ba, Đảng phải tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo đối với Nhà nước.

Đảng Cộng sản cầm quyền lãnh đạo nhà nước kể từ sau Cách mạng tháng Mười Nga (năm 1917) đến nay đã trên 80 năm. Một thời kỳ dài tình trạng Đảng bao biện làm thay Nhà nước tương đối phổ biến. Lúc chưa giành được chính quyền mọi việc đều do Đảng quyết định là đúng. Từ việc đề ra đường lối, đến việc cụ thể hóa đường lối, tổ chức thực hiện đường lối, Đảng đều trực tiếp quyết định. Khi giành được chính quyền, có Nhà nước của dân, do dân, vì dân, đáng lẽ nhiều vấn đề thuộc chức năng Nhà nước, Đảng phải thông qua Nhà nước, nhưng nhiều khi theo nếp cũ, Đảng vẫn quyết định trực tiếp.

Thời kỳ này Đảng lãnh đạo nhân dân giành được độc lập dân tộc, lập nên nhà nước công nông, nhà nước kiểu mới do Đảng Cộng sản trực tiếp lãnh đạo. Đội ngũ cán bộ lãnh đạo của Đảng lại là những người được rèn luyện, thử thách, tôi luyện trong chiến tranh cách mạng, lập trường quan điểm vững vàng, phẩm chất đạo đức trong sáng, nên uy tín của Đảng rất lớn. Thông thường những người có đức, tài tốt nhất, uy tín lớn nhất giữ chức bí thư các cấp của Đảng. Những người ở vị trí thứ hai, - thứ ba... được phân công đảm nhiệm chức vụ của nhà nước... Tuy nhiên, do kéo dài - tình trạng Đảng bao biện, làm thay một số công việc của Nhà nước đã làm cho vai trò quản lý của Nhà nước bị suy yếu, làm biến dạng vai trò lãnh đạo của Đảng, làm xuất hiện những biểu hiện tiêu cực trong bộ máy của Đảng và Nhà nước, nhất là tệ quan liêu, tham nhũng, đặc quyền đặc lợi, thậm chí quyết định các chủ trương chính sách lệch lạc, sai lầm... dẫn tới khủng hoảng kinh tế, xã hội.

Ở Đông Âu và Liên Xô từ chỗ phê phán đảng bao biện, làm thay chuyển sang phủ nhận vai trò lãnh đạo của đảng đối với nhà nước, buông lỏng sự lãnh đạo của đảng đối với nhà nước. Và khi đảng cộng sản đã mất quyền lãnh đạo nhà nước thì nhà nước cũng không còn là nhà nước của dân, do dân, vì dân nữa và cuối cùng tất yếu dẫn đến sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa, sự tan rã của đảng cộng sản.

Một số đảng cộng sản cầm quyền ở một số nước xã hội chủ nghĩa tìm kiếm mô hình mới đảng lãnh đạo nhà nước để vừa tránh bao biện, làm thay, vừa tránh mất quyền lãnh đạo.

Ở nước ta, từ Đại hội VI đến nay, Đảng ta đã xác định nội dung và phương thức lãnh đạo Nhà nước đối với quan niệm mới. Các nội dung và phương thức đó có thể khái quát như sau:

- Đảng quyết định đường lối, chính sách lớn, những chủ trương cụ thể quan trọng, có liên quan đến nhiều mặt, có ảnh hưởng chính trị rộng lớn.

- Đảng lãnh đạo Nhà nước cụ thể hóa, thể chế hóa đường lối, Nghị quyết của Đảng và tổ chức việc thực hiện. Nhà nước cụ thể hóa, thể chế hóa không được trái với đường lối, Nghị quyết của Đảng.

- Đảng lãnh đạo xây dựng tổ chức, bộ máy nhà nước trong sạch, vững mạnh và thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ, có phân công phân cấp.

- Đảng kiểm tra hoạt động của bộ máy nhà nước để khuyến khích mặt tốt, uốn nắn lệch lạc và cho ý kiến chỉ đạo kịp thời. Qua công tác kiểm tra để bổ sung hoàn thiện đường lối, chủ trương của Đảng.

- Đảng lãnh đạo tư tưởng, chính trị, phối hợp thống nhất hành động giữa các tổ chức trong hệ thống chính trị nhằm mục tiêu chung.

Các nội dung Đảng lãnh đạo nêu trên, xét về góc độ khác, đó cũng là phương thức lãnh đạo, Đảng quyết định đường lối, chính sách là nội dung lãnh đạo. Nhưng khi nói Đảng lãnh đạo bằng đường lối, chính sách thì đó lại là phương thức lãnh đạo. Khi nói Đảng kiểm tra hoạt động của bộ máy nhà nước, đó là nội dung lãnh đạo. Song khi nói Đảng lãnh đạo bằng kiểm tra, thông qua công tác kiểm tra thì đó lại là phương thức lãnh đạo.

Đến nay chúng ta đã xác định rõ hơn về quan niệm tăng cường sự lãnh đạo của Đảng ở Trung ương khác với ở các ngành và ở địa phương, cơ sở.

Sự khác nhau ấy thể hiện ở hai điểm chủ yếu:

- *Điểm thứ nhất*, Trung ương có quyền quyết định *trực tiếp* về đường lối, chính sách, còn tổ chức đảng ở các địa phương, cơ sở chỉ có quyền quyết định nhiệm vụ chính trị cho địa phương và cơ sở mình.

Điểm thứ hai, Đảng lãnh đạo Nhà nước thông qua Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc và cấp ủy đảng ngang cấp.

Song ở các ngành, các địa phương và cơ sở, Đảng lãnh đạo chính quyền và chuyên môn thông qua nhiều kênh. Kênh thứ nhất là đường

lối, nghị quyết, chính sách, Hiến pháp, pháp luật của Đảng và Nhà nước từ Trung ương đưa xuống. Kênh thứ hai là Đại hội Đảng và cấp ủy đảng ngang cấp. Kênh thứ hai phải phục tùng kênh thứ nhất, tránh tình trạng có nơi cấp ủy đảng địa phương, cơ sở ra nghị quyết trái Hiến pháp, pháp luật (vì Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước là đường lối của Đảng được cụ thể hóa). Cấp ủy Đảng ở địa phương và cơ sở không thể quan niệm đó chỉ là của Nhà nước.

Đảng cầm quyền lãnh đạo Nhà nước còn thông qua đội ngũ đảng viên do Đảng giới thiệu và được nhân dân bầu vào cơ quan quyền lực của Nhà nước. Đây là bộ phận của *Đảng nắm ngay trong cơ cấu quyền lực nhà nước, trực tiếp nắm quyền lực nhà nước, có quyền trực tiếp sử dụng công cụ bộ máy nhà nước*. Bộ phận này được nhân dân lựa chọn bầu nên hợp hiến, hợp pháp không sợ bao biện làm thay.

Thứ tư, coi trọng, đề cao và phát huy đầy đủ vai trò của Mặt trận dân tộc thống nhất, của các đoàn thể nhân dân, trước hết là các đoàn thể chính trị, xã hội.

Ở nước ta trong điều kiện một đảng duy nhất lãnh đạo thì vai trò của Mặt trận và các đoàn thể nhân dân càng quan trọng. Đây là một kênh rất quan trọng bảo đảm dân chủ và quyền lực của dân. Nhân dân làm chủ và thực hiện quyền lực của mình thông qua hệ thống chính trị, tức là thông qua sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước và hoạt động của Mặt trận cùng các đoàn thể nhân dân.

Vấn đề hiện nay là phải tìm ra được các hình thức và cơ chế phong phú, sinh động, phù hợp để mặt trận và các đoàn thể nhân dân phát huy được vai trò của mình đầy đủ hơn.

Thứ năm, phải nâng cao trình độ dân trí và hoàn thiện cơ chế dân chủ.

Nhìn chung, nhân dân ta có ý thức chính trị và trình độ chính trị, nhưng trình độ dân trí ở nước ta còn chưa cao, nhất là ở vùng xa, vùng sâu. Không ít người khi đi bầu cử thường hỏi dò xem nên bầu ai, gạch ai rồi làm theo. Nhiều người không nghiên cứu kỹ nhân sự khi bầu, thậm chí một số người bầu ai có lợi cho cá nhân mình là được.

Nước ta không qua chế độ tư bản, chưa trải qua trường học dân chủ, dù là dân chủ tư sản. Mặc dù dân chủ tư sản là thứ dân chủ cất

xén, phiến diện, hình thức nhưng nó cũng tạo ra ý thức dân chủ trong nhân dân. Nó kích thích người ta đòi hỏi dân chủ và đấu tranh đòi thực hiện dân chủ. Thực hiện dân chủ và quyền lực của nhân dân là một quá trình. Quá trình đó phải gắn liền với quá trình nâng cao trình độ dân trí và hoàn thiện cơ chế dân chủ. Tránh tình trạng như ở một số nơi muốn trúng cử thì để ở khu vực bầu cử này, muốn trượt thì đưa sang khu vực bầu cử kia, hoặc trúng cử thì để ở ê kíp bầu cử này, muốn trượt thì đưa sang ê kíp bầu cử kia... Cơ chế dân chủ phải hoàn thiện tới mức người tốt thì để khu vực bầu cử nào, ê kíp bầu cử nào cũng trúng cử, còn người kém thì đưa đi đâu cũng bị loại.

2. Đề phòng và khắc phục nguy cơ của Đảng Cộng sản cầm quyền

Đây cũng là vấn đề mà Chủ tịch Hồ Chí Minh rất quan tâm. Khi trở thành đảng cầm quyền, Lênin và Chủ tịch Hồ Chí Minh thường nhắc nhở phải đề phòng nguy cơ sai lầm về đường lối và cán bộ, đảng viên quan liêu xa rời quần chúng, đặc quyền, đặc lợi, thoái hóa, biến chất. Trong điều kiện đảng cầm quyền dễ xảy ra các nguy cơ đó, nhưng không phải tất yếu sẽ xảy ra. Có xảy ra hay không và khi xảy ra có khắc phục được không còn phụ thuộc vào bản thân Đảng.

Điều kiện, hoàn cảnh khách quan của các nguy cơ đó là:

Khi chưa giành được chính quyền, sự lãnh đạo của Đảng chủ yếu trên các lĩnh vực chính trị, quân sự, ngoại giao. Song khi giành được chính quyền, trở thành đảng cầm quyền, hàng chục lĩnh vực mới xuất hiện, đòi hỏi Đảng phải lãnh đạo. Đó là các lĩnh vực kinh tế, khoa học công nghệ, văn hóa nghệ thuật, giáo dục đào tạo, y tế, thể dục thể thao, v.v... Vai trò lãnh đạo của Đảng trên các lĩnh vực đó trước hết phải thể hiện ở cương lĩnh, đường lối, chủ trương đúng đắn của Đảng về các vấn đề đó. Để đề ra đường lối đúng, phải có những yếu tố và điều kiện bảo đảm. Một trọng các yếu tố quyết định nhất là Đảng phải có tri thức và kinh nghiệm về các lĩnh vực đó. Song vừa mới trở thành đảng cầm quyền, Đảng phải có thời gian để nghiên cứu, học tập, xem xét sự vật mới. Từ đó Đảng mới có thể định ra đường lối, chủ trương chính xác. Mặt khác, thực tiễn cách mạng đòi hỏi Đảng phải có đường lối, chủ trương, chính sách ngay, không được chậm trễ. Vì vậy, Đảng dễ mắc sai lầm về đường lối. Ngay trong lĩnh vực quân sự cũng có nhiều vấn đề mới. Vì quân sự trong chiến tranh giải phóng dân tộc khác với quân sự trong bảo vệ Tổ quốc.

Đảng phải có kiến thức và kinh nghiệm về bảo vệ Tổ quốc thì việc xác định đường lối, chủ trương mới tránh được sai lầm.

Xác định đường lối đã khó, nhưng cụ thể hóa đường lối càng khó khăn phức tạp, dễ sai lầm hơn. Vì đề ra đường lối chung, về mặt tri thức Đảng phải nắm bắt những quy luật chung, những nguyên lý phổ biến, còn cụ thể hóa đường lối đúng đắn, chính xác, kịp thời đòi hỏi Đảng phải nắm bắt được các quy luật đặc thù, các kiến thức và kinh nghiệm cụ thể. Chẳng hạn để đề ra đường lối, chủ trương về chống lạm phát, về giá cả, về tiền lương không chỉ dừng ở các quy luật, nguyên lý chung về kinh tế mà phải nắm bắt được các quy luật, kiến thức và kinh nghiệm cụ thể về các lĩnh vực đó. Hơn nữa, đi vào các lĩnh vực cụ thể như vậy càng phải vận dụng rất sáng tạo vào điều kiện, hoàn cảnh cụ thể nếu không sẽ sai lầm. Nếu Đảng không có kiến thức, kinh nghiệm và vận dụng sáng tạo thì nguy cơ sai lầm càng lớn.

- Khi chưa giành được chính quyền, nhất là lúc còn hoạt động bí mật, cán bộ, đảng viên buộc phải gắn bó với dân, dựa vào dân để sống và hoạt động được. Nhân dân có che chở, bảo vệ, cán bộ, đảng viên mới không bị địch bắt. Vì vậy, quan hệ giữa cán bộ, đảng viên với nhân dân thực sự là quan hệ máu thịt, như cá với nước. Khi đảng cầm quyền, nhiều cán bộ, đảng viên trở thành người có chức, có quyền. Mối quan hệ giữa cán bộ, đảng viên với nhân dân khác trước. Trong điều kiện đảng cầm quyền, nhân dân cần đến cán bộ, đảng viên chứ không phải cán bộ, đảng viên đến nhờ cậy dân như trước. Không ít cán bộ, đảng viên không muốn tiếp xúc với dân. Từ đó bệnh quan liêu, xa rời quần chúng có điều kiện phát triển.

Lúc chiến tranh, tài sản mà nhân dân giao cho người cán bộ, đảng viên chủ yếu, phổ biến là súng đạn. Song, khi đảng cầm quyền, tài sản mà nhân dân trao cho cán bộ, đảng viên quản lý thường là những tài sản quý giá, hấp dẫn. Vì vậy, một bộ phận cán bộ, đảng viên không vững vàng, đạo đức kém dễ lợi dụng chức quyền để tham nhũng, tiêu cực.

Mặt khác, trong giai đoạn cách mạng dân tộc dân chủ, chúng ta tập trung giải quyết hai mâu thuẫn chủ yếu, đó là mâu thuẫn giữa dân tộc ta với bọn đế quốc xâm lược và mâu thuẫn giữa nông dân với địa chủ, phong kiến. Làm cách mạng để giải quyết hai mâu thuẫn trên có sự phù hợp thống nhất rất tự nhiên giữa lợi ích cá nhân với lợi ích giai cấp và

lợi ích dân tộc. Do đó, đây là động lực mạnh mẽ thúc đẩy nhân dân ta sẵn sàng xả thân, hy sinh vì sự nghiệp giải phóng dân tộc.

Song, khi trở thành đảng cầm quyền, tuy lâu dài ba lợi ích nêu trên vẫn thống nhất nhưng trước mắt có rất nhiều mâu thuẫn nảy sinh. Bởi vì thời kỳ hòa bình, xây dựng đất nước nổi lên những mâu thuẫn phải giải quyết, phải xử lý là mâu thuẫn giữa hai con đường, giữa lợi ích chung và lợi ích riêng, giữa cá nhân và tập thể. Do đó, khi chuyển sang giai đoạn đảng cầm quyền, nhiều cán bộ, đảng viên không vượt qua được các mâu thuẫn mới. Một bộ phận đã bị đào thải. Ở giai đoạn cách mạng dân tộc dân chủ có khi chỉ yêu nước, giác ngộ dân tộc là đã có thể sẵn sàng hy sinh, xả thân, nhưng sang giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa, phải giác ngộ xã hội chủ nghĩa mới có thể vượt lên được. Vì thế Chủ tịch Hồ Chí Minh và các đồng chí lãnh đạo Đảng ta đã có một loạt bài viết và chỉ đạo các cuộc vận động xây dựng chủ nghĩa tập thể, chống chủ nghĩa cá nhân.

Bốn nguy cơ mà Đảng ta xác định những năm gần đây ở nước ta là:

- Tụt hậu ngày càng xa về kinh tế.
- Chệch hướng xã hội chủ nghĩa.
- Một bộ phận cán bộ, đảng viên quan liêu, tham nhũng, suy thoái về đạo đức, lối sống.
- Chiến lược "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch nhằm xóa bỏ Đảng ta và chế độ ta.

Trong đó nguy cơ thứ hai và thứ ba là những biểu hiện cụ thể của các nguy cơ mà Hồ Chí Minh đã từng nhắc nhở.

Vai trò và sức chiến đấu của Đảng Cộng sản cầm quyền phải thể hiện ở việc đề phòng các nguy cơ đó. Khi các nguy cơ ấy thành hiện thực phải có những giải pháp khắc phục kịp thời và có hiệu quả.

3. Tiếp tục đổi mới, chỉnh đốn Đảng, nâng cao sức chiến đấu của Đảng về chính trị, tư tưởng và tổ chức

Suy cho cùng, mọi vấn đề có thực hiện được hay không cuối cùng tùy thuộc ở năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng. Vì vậy vấn đề đổi mới, chỉnh đốn Đảng, nâng cao sức chiến đấu của Đảng về chính trị, tư tưởng và tổ chức vừa là vấn đề cơ bản vừa là vấn đề cấp thiết nhất hiện nay. Không giải quyết tốt khâu then chốt này sẽ không thực hiện được các vấn đề khác.

- Xây dựng Đảng về chính trị trong điều kiện hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh trước hết là kiên trì đường lối độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

Nói một cách khái quát: con đường phát triển của đất nước mà Hồ Chí Minh đã lựa chọn là con đường cách mạng vô sản, độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

Chọn hướng đi cho cả dân tộc là một công việc hệ trọng. Hồ Chí Minh, bằng thiên tài và trí tuệ của mình, đã nắm bắt được xu thế của lịch sử, nắm chắc đặc điểm của cách mạng Việt Nam, đã chọn hướng đi cho dân tộc từ năm 1920, sau đó khẳng định lại, đưa vào cương lĩnh của Đảng năm 1930, từ đó đến nay Đảng ta luôn luôn kiên trì con đường đó.

Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào sự nghiệp đổi mới trước hết và chủ yếu là đi theo con đường mà Người đã chọn. Đó không những là vấn đề của quá khứ mà còn là vấn đề của hiện tại và tương lai. Và đó là một trọng tâm của công tác xây dựng Đảng về chính trị, là thước đo về phẩm chất mácxít - lêninnít của Đảng ta, thể hiện lòng trung thành của Đảng về lý tưởng cộng sản chủ nghĩa.

Xây dựng đường lối, chủ trương, chính sách đúng đắn; cụ thể hóa đường lối chính xác, kịp thời và tổ chức thực hiện đường lối thắng lợi.

Đường lối, chủ trương bao gồm: cương lĩnh, nghị quyết, những chủ trương lớn, cho đến những chủ trương cụ thể, Đảng không thể sai lầm về chính trị, tức sai lầm về đường lối, chủ trương.

Thấm nhuần tư tưởng Hồ Chí Minh, trong giai đoạn cách mạng hiện nay, khi nước ta chuyển sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, càng phải coi trọng những yếu tố đảm bảo cho đường lối đúng.

Những vấn đề sau đây mang tính nguyên tắc mà thiếu nó, Đảng sẽ bị chệch hướng.

Một là, kiên định mục tiêu, lý tưởng của giai cấp công nhân, độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, bảo đảm dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Hai là, luôn luôn lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của Đảng. Bất kỳ trong hoàn cảnh nào cũng phải kiên trì nguyên tắc này.

Đương nhiên, khi lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động, không bao giờ được giáo điều và chú ý vận dụng sáng tạo, không nên biến chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh thành những công thức, hoặc những điều trở thành kinh thánh... hoặc tuyệt đối hóa một số mặt nào đó trong hệ thống luận điểm của các ông. Mọi mưu toan dùng quan điểm của người này phủ nhận quan điểm của người kia trong di sản chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, hoặc khai thác, nhấn mạnh, đề cao có chủ định nhằm tuyệt đối hóa những điểm nào đó cũng chỉ nhằm tầm thường hóa, thô thiển hóa, bóp méo và xuyên tạc chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh mà thôi. Hơn lúc nào hết, việc bảo vệ, giữ gìn sự trong sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh phải được chú ý, bởi vì hoàn cảnh quốc tế cũng như trong nước đang có những chuyển biến phức tạp.

Ba là, Đảng Cộng sản Việt Nam là lực lượng duy nhất lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Vai trò của Đảng đã trải qua những thử thách, đã chứng tỏ trên thực tế Đảng là lực lượng lãnh đạo toàn xã hội mà không có một lực lượng nào khác có thể thay thế được.

Cần nhấn mạnh điều này bởi vì hiện đang có những thế lực phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Cần trong cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa càng cần tăng cường sự lãnh đạo của Đảng. Hơn 70 năm qua vai trò lãnh đạo của Đảng đã được thể chế hóa trong Điều 4, Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Bốn là, trong cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, vai trò quản lý của Nhà nước càng phải thể hiện rõ là nhà nước của dân, do dân, vì dân, thể hiện khối đoàn kết toàn dân trên nền tảng liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Năm là, trong khi xây dựng đường lối, chủ trương, Đảng luôn luôn coi tập trung dân chủ là nguyên tắc cơ bản trong tổ chức, sinh hoạt và hoạt động của Đảng, Hồ Chí Minh đã lý giải rất rõ nguyên tắc này. Dân chủ luôn luôn đi đôi với tập trung, không đối lập nhau như một số người có dụng ý xấu hay nhấn mạnh. Chẳng hạn, họ cho rằng, hai mặt này như lửa với nước, đã có tập trung thì thôi dân chủ và ngược lại, đã dân chủ thì thôi tập trung. Hồ Chí Minh nêu một cách biện chứng rằng: tập

trung trên nền tảng của dân chủ và dân chủ dưới sự chỉ đạo của tập trung. Tập trung mà hạn chế dân chủ là tập trung quan liêu. Dân chủ mà không tập trung là dân chủ vô kỷ luật, mất kỷ cương cần phải phê phán, bác bỏ. Nhận thức và thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở trong Đảng ta hiện nay cần đi sâu vào các khía cạnh sau:

Toàn Đảng phải nhận thức sâu sắc và thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ hơn nữa. Đây là nguyên tắc thuộc về bản chất của đảng cộng sản chân chính; là nguyên tắc tổ chức cơ bản nhất, có ý nghĩa sống còn đối với Đảng; là tiêu chuẩn để phân biệt đảng cộng sản chân chính với các đảng phi mácxít; là thước đo của mỗi tổ chức đảng và đảng viên. Tập trung dân chủ là nguyên tắc chỉ đạo việc xây dựng tổ chức và mọi hoạt động của Đảng chứ không chỉ là nguyên tắc sinh hoạt Đảng. Nguyên tắc tập trung dân chủ bảo đảm sự thống nhất ý chí và hành động; tập hợp được trí tuệ, sức mạnh của tập thể, đoàn kết được nội bộ. Khi trở thành đảng cầm quyền, nguyên tắc tập trung dân chủ còn trở thành nguyên tắc trong xây dựng tổ chức và hoạt động của nhà nước. Kinh nghiệm thực tiễn cũng đã khẳng định sự thành công hay thất bại của các đảng cộng sản trên thế giới đều có nguyên nhân từ nhận thức và việc thực hiện đúng hay sai nguyên tắc tập trung dân chủ. Vì vậy, phải thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ; xa rời nguyên tắc này Đảng sẽ trở thành một thứ câu lạc bộ, mở đường cho chủ nghĩa cơ hội, bè phái vô chính phủ phát triển. Nội bộ Đảng sẽ chia rẽ, phân liệt. Cuối cùng đưa đến tan rã Đảng, cũng tức là thủ tiêu bản thân Đảng.

Nguyên tắc tập trung dân chủ là nguyên tắc tổ chức trong đó quy định sự lãnh đạo tập trung trên cơ sở tôn trọng và phát huy dân chủ. Đây không phải là nguyên tắc "tập trung, dân chủ" cũng không phải "tập trung + dân chủ", "tập trung" và "dân chủ" tách rời nhau có nội hàm khác "tập trung" và "dân chủ" trong nguyên tắc tập trung dân chủ.

Trong nguyên tắc tập trung dân chủ hai mặt tập trung, dân chủ không tách rời và không thể đối lập nhau.

Trước năm 1959, Chủ tịch Hồ Chí Minh thường nói nguyên tắc "dân chủ tập trung". Từ năm 1959 khi chủ trì Hội nghị đóng góp ý kiến vào Hiến pháp, sau khi nghe các ý kiến phát biểu, lúc kết luận Người dùng thuật ngữ nguyên tắc "tập trung dân chủ". Từ đó về sau khi dùng thuật

ngũ dân chủ tập trung hay tập trung dân chủ ở Người vẫn nhất quán về nội dung. Đó là tập trung trên cơ sở dân chủ và dân chủ dưới sự chỉ đạo của tập trung. Không bao giờ Người tách rời, đối lập giữa hai mặt tập trung với dân chủ trong nguyên tắc.

"Tập trung trên cơ sở dân chủ", nếu xét về mặt trình tự thì "dân chủ" trước, "tập trung" sau. Nghĩa là trước khi dùng quyền tập trung, quyết định một vấn đề gì *phải thực hiện dân chủ trước*. Nếu xét về mặt logic thì dân chủ là tiền đề, là điều kiện còn tập trung là kết quả. Kết quả không dựa trên tiền đề và điều kiện đó sẽ sai lầm.

Tập trung có trên cơ sở dân chủ *mới tránh được tập trung quan liêu*. Điều này cũng làm cho tập trung của đảng cộng sản khác về bản chất với "chuyên chế", "độc tài".

"Dân chủ dưới sự chỉ đạo của tập trung". Nếu xét về *mặt lý luận* thì đây là một loại dân chủ *mang tính mục đích*. Tức là không phải dân chủ vì dân chủ mà là *vì mục đích do tập trung quy định*. Nếu xét về *mặt thực tiễn*, đây là loại dân chủ *mang tính trình tự và tính quy phạm*. Dân chủ không có nghĩa muốn làm gì thì làm mà phải tuân thủ theo quy tắc, theo quy định do tập trung đưa ra. Điều này làm cho nó *khác dân chủ cực đoan và chủ nghĩa vô chính phủ*. Quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh là phải nhận thức và thực hiện tốt điều đó.

Sáu là, đường lối đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam còn là sự kết hợp chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế trong sáng của giai cấp công nhân.

Sau khi chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ, các thế lực phản động quốc tế đang tìm cách làm mưa làm gió, bất chấp luật pháp, dư luận quốc tế, chà đạp lên chủ quyền của nhiều nước theo kiểu "chân lý thuộc về kẻ mạnh", "cá lớn nuốt cá bé".

Trong quan hệ quốc tế hiện nay, càng nổi lên vấn đề lợi ích dân tộc. Đảng ta đã chú trọng giải quyết tốt vấn đề lợi ích dân tộc trong mối quan hệ quốc tế, thấm đượm chủ nghĩa quốc tế trong sáng của giai cấp công nhân.

Để xây dựng đường lối, chủ trương đúng đắn, một vấn đề rất quan trọng nữa mà Đảng ta đã xác định là phải nâng cao trình độ lý luận, chú trọng tổng kết thực tiễn, gắn lý luận với thực tiễn, làm rõ hơn những vấn đề đặt ra trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Các nhà sáng lập ra chủ nghĩa xã hội khoa học không vạch sẵn mô hình chủ nghĩa xã hội cho các dân tộc. Đòi hỏi có một mô hình chủ nghĩa xã hội định sẵn là máy móc, giáo điều, không đúng cả về mặt lý luận lẫn thực tiễn. Chính đòi hỏi của thực tiễn sẽ làm nảy sinh và làm sâu sắc những vấn đề lý luận đã có. Trong sự nghiệp cách mạng của nước ta hiện nay, thực tế đặt ra hàng loạt vấn đề cần nghiên cứu, tổng kết để nâng cao trình độ lý luận và làm cơ sở chắc chắn trong việc hoạch định đường lối, chủ trương, chính sách đúng đắn.

Bên cạnh đường lối đúng, phải có những biện pháp để thực hiện tốt đường lối, tức là có quy trình triển khai thực hiện đường lối. Không phải chỉ thông qua đường lối, nghị quyết đúng mà có ngay được kết quả theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Biện pháp sai, hoặc thực hiện không đến nơi đến chốn thì nguy cơ chệch hướng xã hội chủ nghĩa vẫn là nguy cơ thực tế. Sau khi có đường lối đúng cần thể chế hóa bằng Hiến pháp và pháp luật, bằng sự quản lý có hiệu quả của nhà nước, bằng sự phát huy quyền làm chủ của nhân dân mà con đường chủ yếu là thông qua các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội. Hơn nữa, để biến đường lối thành hiện thực thì phải thông qua công tác tổ chức và giáo dục chính trị tư tưởng. Tổ chức đảng, nhà nước, các đoàn thể nhân dân (hệ thống chính trị) phải vững mạnh. Cán bộ, đảng viên trong hệ thống chính trị phải thật sự trong sạch, thật sự là những chiến sĩ tiên phong trong sự nghiệp đổi mới. Như vậy, kiên định con đường mà Hồ Chí Minh đã vạch ra còn thể hiện ngay cả ở những chủ trương, chính sách và hành động cụ thể của các tổ chức trong hệ thống chính trị, trong chính sách và biện pháp đối nội, đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta.

Thực tế trong mấy chục năm xây dựng chủ nghĩa xã hội trên phạm vi cả nước cũng như mấy chục năm miền Bắc vừa xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa đẩy mạnh cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, có rất nhiều vấn đề Đảng ta đã chỉ ra và đưa vào nghị quyết của mình. Song, nhiều vấn đề phải được nhắc lại trong các nghị quyết sau, bởi vì khâu triển khai tổ chức thực hiện còn rất nhiều yếu kém.

Trong việc ra nghị quyết, chỉ thị của Đảng cũng còn nhiều khuyết điểm. Thường nghị quyết được viết dài, cách tổ chức học tập quán triệt chưa được cải tiến để nhanh chóng đưa nghị quyết vào cuộc sống. Học tập và vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về mặt này là phải chú trọng hơn

nữa đến biện pháp thực hiện. Những năm gần đây Đảng ta đã có nhiều cải tiến. Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII tháng 2-1999 là một bước cải tiến quan trọng trong việc ra nghị quyết và tổ chức thực hiện nghị quyết của Đảng. Nghị quyết của Đảng phải bảo đảm ngắn gọn, rõ ràng để triển khai thực hiện được ngay, tránh thời gian chờ đợi hướng dẫn, cụ thể hóa. Các cấp dưới căn cứ vào nghị quyết của tổ chức đảng cấp trên có thể xây dựng được ngay chương trình hành động phù hợp với cấp mình, tránh việc ra nghị quyết chung chung, sao chép nghị quyết của tổ chức đảng cấp trên.

Xây dựng đảng về chính trị theo tư tưởng Hồ Chí Minh còn đòi hỏi công bố công khai nghị quyết, các chủ trương cụ thể của các cấp ủy, (nếu điều đó không cần giữ bí mật) để cho nhân dân biết. Bởi vì Đảng hình thành và phát triển không vì mục đích tự thân mà Đảng vì nhân dân, được nhân dân giao cho trách nhiệm lãnh đạo đất nước đi lên con đường xã hội chủ nghĩa. Tham gia xây dựng Đảng là trách nhiệm của dân. Nghị quyết của Đảng không đưa xuống dân, dân không biết, không hiểu thì sẽ dẫn đến việc dân không làm, nghị quyết chỉ nằm trên giấy.

Coi trọng khâu tổ chức thực hiện nghị quyết của Đảng cũng như khâu thông qua nghị quyết. Đây là sự thống nhất giữa nói và làm, điều mà Hồ Chí Minh chú ý trong công tác xây dựng Đảng, trong tư cách của người cán bộ cách mạng. Đảng ta cũng đã chỉ đạo: trong quá trình thực hiện nghị quyết, phải thường xuyên tổng kết rút kinh nghiệm, bổ khuyết, điều chỉnh những chủ trương đã đề ra cho phù hợp với từng lúc và từng nơi, để những nghị quyết sau không lặp lại những vấn đề đã nêu ở nghị quyết trước. Tăng cường công tác kiểm tra, thực hiện chế độ báo cáo trung thực, nghiêm minh.

- Coi trọng hơn nữa công tác bảo vệ Đảng.

Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng, một lần nữa, Đảng ta khẳng định lại tầm quan trọng của công tác xây dựng Đảng nói chung và công tác bảo vệ Đảng nói riêng. Bởi vì, một trong những âm mưu thâm hiểm của các thế lực phản động đối với nước ta là phá chế độ xã hội chủ nghĩa từ trong phá ra. Để thực hiện âm mưu đó, chúng cho rằng, phải từng bước hạ thấp, tiến tới xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Nếu Đảng bị mất vai trò lãnh đạo hoặc đi đến tan rã, thì điều tất yếu sau đây sẽ xảy ra ngay lập tức: chế độ xã hội chủ

nghĩa ở nước ta sẽ bị sụp đổ; đất nước sẽ đi theo con đường khác, mọi thành quả của cách mạng do công lao, sức lực, trí tuệ mà máu xương của bao thế hệ đồng bào, đồng chí sẽ bị tiêu tan.

Vì thế, sau năm 1975 và nhất là từ khi đất nước ta bước vào thời kỳ đổi mới, các thế lực phản động đã tìm đủ mọi cách để chống phá Đảng ta, hòng đưa nước ta đi chệch sang con đường khác. Sau khi chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ, các thế lực thù địch đoán rằng, Việt Nam cũng sẽ chung số phận như vậy. Chúng đã tăng cường việc tuyên truyền tư tưởng dân chủ tư sản, đa nguyên chính trị và đa đảng đối lập vào nước ta, khơi dậy và lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo, nhân quyền. Chúng đẩy mạnh chiến tranh tâm lý, tác động tư tưởng từ bên ngoài, thông qua hoạt động viện trợ nhân đạo, đầu tư kinh tế... móc nối tập hợp lực lượng hòng gây bạo loạn, lật đổ. Hệ thống truyền thông phản động từ bên ngoài tiến hành hàng loạt chiến dịch công kích vào sự lãnh đạo của Đảng, xuyên tạc chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Chúng đưa vào nước ta một khối lượng lớn tài liệu phản động đả kích trực diện vào Đảng, vào lực lượng công an, quân đội, đòi "phi chính trị hóa" các lực lượng này, chia rẽ và cô lập họ đối với Đảng. Chúng tập trung mũi nhọn vào việc phá hoại nội bộ Đảng ta, nhằm phá vỡ sự đoàn kết thống nhất trong Đảng.

Công tác bảo vệ, xây dựng Đảng về chính trị trở thành một nhiệm vụ bức xúc trong tình hình hiện nay.

Công tác đó đặt ra cho chúng ta những yêu cầu:

Trước hết, chú trọng hơn nữa mặt trận tư tưởng, văn hóa, bảo đảm sự thống nhất tư tưởng trong Đảng trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

Trên thực tế, bọn phản động phá hoại Đảng ta bao giờ cũng bắt đầu từ hoạt động phá hoại tư tưởng. Chúng đã dùng mọi cách bôi nhọ chủ nghĩa Mác - Lênin, kể cả đả kích vào giá trị tinh thần thiêng liêng nhất của toàn dân tộc Việt Nam là tư tưởng Hồ Chí Minh. Sự thống nhất về tư tưởng sẽ tạo ra một sức mạnh to lớn để phát triển. Vì vậy, thống nhất tư tưởng trong toàn Đảng trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh cũng như trên cơ sở đường lối, chủ trương của Đảng là yêu cầu số một trong nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt của Đảng.

Kiên quyết đưa ra khỏi Đảng những đảng viên nào nhiễm tư tưởng đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập, những đảng viên bất mãn và hay gây ra mất đoàn kết nội bộ nghiêm trọng, kéo dài, vì đó là miếng đất tốt cho tư tưởng phản động chui vào. Dân chủ vừa là mục tiêu vừa là động lực của sự nghiệp đổi mới. Nhưng lĩnh vực này lại hay bị kẻ thù lợi dụng nhất. Chần chừ, hữu khuynh, mất cảnh giác là hết sức nguy hiểm. Nhiệm vụ bảo vệ Đảng đòi hỏi kết hợp nhiều phương sách trên mặt trận tư tưởng: vừa đấu trí, đấu lực, vừa trấn áp, vừa giáo dục, phân hóa làm tan rã dần lực lượng thù địch, chống đối với tinh thần chủ động.

Thứ hai, công tác bảo vệ Đảng đòi hỏi phải bảo vệ và thực hiện thắng lợi cương lĩnh chính trị, đường lối, chủ trương của Đảng.

Việc bảo vệ và thực hiện thắng lợi cương lĩnh, đường lối chủ trương của Đảng bao gồm cả quá trình thể chế hóa những điều đó trong các cơ quan nhà nước. Từ việc dự thảo và thông qua Hiến pháp, pháp luật đến các chính sách và kế hoạch cụ thể đều không được trái với cương lĩnh, đường lối của Đảng.

Đáng chú ý là hiện nay, tệ tham nhũng đang nổi lên như một "quốc nạn". Trước đây Hồ Chí Minh gọi tệ nạn đó là "giặc nội xâm". Kề hở của cơ chế, chính sách cộng với cán bộ, đảng viên có chức quyền thoái hóa biến chất là hai yếu tố chủ yếu trực tiếp sinh ra tham nhũng. Tham nhũng trực tiếp đánh vào bản chất của Đảng, làm cho Đảng bị suy yếu, mất uy tín. Tham nhũng rõ ràng là hành động tiếp tay cho bọn phản động chống phá Đảng. Các tổ chức cơ sở đảng là một trong những lực lượng cơ bản trên mặt trận chống tham nhũng. Cần chú ý nắm vững dư luận xã hội, tâm trạng chính trị, những phản ứng của đảng viên cơ sở, của các tầng lớp nhân dân để đề xuất với Đảng và Nhà nước nhằm bổ sung, điều chỉnh chính sách, chủ trương, không để cho các vụ việc nảy sinh tồn đọng kéo dài.

Thứ ba, công tác bảo vệ Đảng gắn chặt với công tác bảo vệ cả hệ thống chính trị.

Hệ thống chính trị ở nước ta bao gồm Đảng, Nhà nước, mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội khác tạo thành một chỉnh thể vận hành phù hợp với quy luật phát triển của cách mạng nước ta. Trong hệ thống chính trị đó, chức năng, nhiệm vụ của mỗi thành viên có khác nhau nhưng cùng tạo ra một tổng hợp lực, đưa đất nước phát triển theo định

hướng xã hội chủ nghĩa. Đảng Cộng sản Việt Nam đóng vai trò lãnh đạo đối với Nhà nước và các đoàn thể chính trị - xã hội nhưng vai trò của Nhà nước và các đoàn thể cũng rất lớn. Ở đây, công tác bảo vệ Đảng đòi hỏi phải chống cả nội gián, không cho địch thâm nhập vào bộ máy của hệ thống chính trị. Nếu công tác bảo vệ an ninh nội bộ trong các bộ máy của hệ thống chính trị không được coi trọng thì bí mật quốc gia bị lọt ra ngoài bằng nhiều kênh khác nhau. Trong cơ chế thị trường hiện nay, khi đất nước thực hiện chính sách mở cửa, khi khoa học - công nghệ phát triển như vũ bão, thông tin nhanh nhạy với nhiều phương tiện hiện đại, việc giữ bí mật quốc gia càng khó khăn phức tạp. Do vậy, việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng nói chung, của cán bộ chủ chốt nói riêng, đồng thời tăng cường sự phối hợp, tham mưu của lực lượng công an để bảo vệ an ninh nội bộ là yêu cầu rất cần thiết hiện nay.

Những việc cần phối hợp trong công tác bảo vệ Đảng là:

- Thường xuyên giáo dục cho cán bộ, công chức nâng cao cảnh giác, chủ động đấu tranh với các hoạt động phá hoại của các thế lực thù địch, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội để đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội.

- Phối hợp thực hiện các nội quy, quy chế bảo vệ nội bộ, vận động nhân dân tích cực tham gia công tác bảo vệ nội bộ.

- Phối hợp xây dựng và củng cố lực lượng chuyên trách bảo vệ nội bộ, có đào tạo, bồi dưỡng trình độ nghiệp vụ và trang bị phương tiện cần thiết để duy trì hoạt động có hiệu quả.

- Có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan hoạt động đối ngoại với các cơ quan an ninh trong việc quản lý các hoạt động đối ngoại về kinh tế, khoa học - kỹ thuật, giáo dục - đào tạo, du lịch... bởi vì đây là những kênh tiếp xúc mà kẻ địch có thể lợi dụng.

- Phối hợp trong việc giải quyết nhanh chóng, chính xác hậu quả của các vụ vi phạm an ninh nội bộ.

Thứ tư, một công tác không thể thiếu được trong bảo vệ Đảng là coi trọng xây dựng đội ngũ cán bộ chuyên trách làm công tác bảo vệ Đảng.

Đội ngũ làm công tác này trước hết phải là những người có phẩm chất chính trị tốt, có nghiệp vụ giỏi. Đầu tư để đào tạo, bồi dưỡng, rèn luyện đội ngũ cán bộ này có ý nghĩa sống còn đối với việc bảo vệ Đảng.

Hơn nữa, bọn phản động cũng cố tìm mọi cách để chia rẽ, kích động, lôi kéo, ly gián đội ngũ này với Đảng. Do vậy, chính đội ngũ cán bộ cũng phải thường xuyên làm công tác bảo vệ chính trị nội bộ. Ở đâu và thời kỳ nào cũng có sự đào thải khắc nghiệt của cuộc sống. Tổ chức chuyên trách bảo vệ Đảng cũng nằm trong tình hình ấy. Ở đây, ngoài số lượng, phải đặc biệt coi trọng chất lượng. Đào tạo, bồi dưỡng, bảo vệ chính những người làm công tác bảo vệ Đảng vẫn là một quốc sách ở tất cả các thời kỳ của cách mạng nước ta. Bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ, trở thành một trọng trách không những của Đảng Cộng sản Việt Nam, của cán bộ, đảng viên mà còn là trách nhiệm của tất cả mọi người Việt Nam yêu nước.

Về tư tưởng, cần tổng kết công tác tư tưởng từ Đại hội VI của Đảng đến nay.

Đây là một việc làm có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong tình hình hiện nay.

Bởi tư tưởng con người hàng ngày hàng giờ luôn luôn chịu sự tác động của những sự việc hiện tượng xảy ra trong đời sống xã hội, của môi trường hoạt động. Môi trường xã hội tốt, tạo điều kiện nảy sinh những con người tốt và ngược lại. Những đặc điểm, điều kiện, hoàn cảnh thế giới và trong nước không thể không tác động đến tâm tư, tình cảm của đội ngũ cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân lao động. Đảng cần tiến hành điều tra khảo sát từ cơ sở ở khắp các ngành, các địa phương trong cả nước về tư tưởng và công tác tư tưởng.

Xây và chống là hai mặt quan trọng trong công tác tư tưởng. Việc tổng kết cần làm rõ cả hai mặt ưu điểm và khuyết điểm trên cả hai phương diện tư tưởng và công tác tư tưởng; đồng thời, tổng kết phải trên tinh thần nhìn thẳng vào sự thật, nói rõ sự thật, nói đúng sự thật.

Chỉ có trên cơ sở đánh giá đúng thực trạng mới có khả năng đưa ra được những chủ trương, giải pháp đúng.

Đối tượng cần khảo sát, điều tra là cán bộ, đảng viên ở các cấp, các ngành, các lĩnh vực từ cơ sở tới Trung ương, là quần chúng nhân dân thuộc các giai cấp, các tầng lớp trong xã hội; ở thành phố, ở nông thôn, miền núi, v.v... Nghĩa là khảo sát toàn diện để xem hiện nay mọi người đang nghĩ gì về Đảng, về xã hội, về tất cả những diễn biến xảy ra chung quanh họ.

Khi khảo sát, điều tra cần hỏi ý kiến mọi người xem họ đánh giá sự việc ấy như thế nào và theo họ nên giải quyết bằng cách nào.

Là một đảng duy nhất cầm quyền trong điều kiện hiện nay, hơn lúc nào hết Đảng ta cần đặc biệt coi trọng vai trò của lý luận và công tác lý luận.

Cách mạng vô sản mở đầu là Cách mạng tháng Mười Nga thành công đến nay hơn 80 năm. So với lịch sử phát triển của xã hội loài người, thời gian đó là quá ngắn ngủi. Đảng ta giành được chính quyền đã hơn nửa thế kỷ. Trong suốt thời gian đó, Đảng ta phải lãnh đạo nhân dân tiến hành ba cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc và bảo vệ biên giới. Kể từ khi tiến hành công cuộc đổi mới đến nay, Đảng ta mới có điều kiện và thời gian thực sự để tập trung lãnh đạo công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Để xây dựng thành công xã hội mới theo con đường mà Đảng ta đã lựa chọn, đòi hỏi Đảng và nhân dân ta phải thử nghiệm và có những việc buộc chúng ta phải làm đi làm lại nhiều lần với tinh thần tỉnh táo, kiên trì, không biết mệt mỏi; với ý chí kiên cường và lòng dũng cảm để vượt qua những thử thách gay go, phức tạp khó lường hết được. Nhất là khi tình hình trong nước và quốc tế đang có nhiều diễn biến phức tạp.

Lý luận Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh đã soi đường cho cách mạng Việt Nam đi đến thắng lợi hôm nay. Lý luận Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh đã đóng vai trò vô cùng quan trọng tạo nên thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Hơn bao giờ hết, trên con đường đi lên, lý luận và công tác lý luận chắc chắn vẫn giữ vai trò quan trọng đặc biệt chỉ dẫn cho cách mạng nước ta vượt qua những khó khăn, trở ngại đi tới những mục tiêu mà Đảng ta đã đề ra.

Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội trong điều kiện mới đặt ra nhiều vấn đề về chính trị, kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh... đòi hỏi Đảng ta phải giải thích, phải trả lời, phải tìm ra các phương án giải quyết phù hợp.

Tính đúng đắn và khoa học trong hệ thống lý luận của Đảng là một trong những nhân tố trọng yếu có ý nghĩa quyết định đối với chặng đường đi lên của đất nước.

Không thể nói đến sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước nếu không có sự phát triển của lý luận.

- Hơn bao giờ hết, Đảng cần tăng cường việc giáo dục, rèn luyện phẩm chất, đạo đức lối sống của cán bộ, đảng viên.

Với Chủ tịch Hồ Chí Minh, đạo đức luôn là cái "gốc" của người cách mạng, ví như "cây phải có gốc, không có gốc thì cây héo", "sông phải có nguồn, không có nguồn thì sông cạn". Đạo đức, phẩm chất, lối sống tạo nên sức mạnh tinh thần, ý chí, sự trong sáng của người cách mạng. Đó là một nguồn gốc rất quan trọng tạo nên uy tín to lớn của Đảng. Nếu như đường lối, chủ trương chính sách đúng là ngọn cờ tư tưởng để tập hợp quần chúng nhân dân thì đạo đức, phẩm chất, lối sống giản dị, trong sáng của người cán bộ, đảng viên là tấm gương hiện thực trong đời sống để quần chúng nhân dân học tập, noi theo. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng căn dặn chúng ta rằng, muốn cải tạo người khác thì trước hết phải cải tạo mình. Đảng muốn cải tạo xã hội thì trước hết đội ngũ cán bộ, đảng viên của Đảng cũng cần phải không ngừng được đào tạo, bồi dưỡng, giáo dục, tự cải tạo, tu dưỡng.

Đồng thời với việc xây dựng đạo đức cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh rằng cần tích cực đấu tranh quét sạch chủ nghĩa cá nhân và đó là việc làm thường xuyên của các chi bộ đảng và của mọi cán bộ, đảng viên.

Hiện nay, bên cạnh số đông cán bộ, đảng viên vẫn giữ được phẩm chất, đạo đức cách mạng, lối sống lành mạnh, giản dị, cũng còn một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên thoái hóa về đạo đức, lối sống. Đặc biệt là có một số có chức có quyền đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn của mình để tham nhũng, làm giàu bất chính, lãng phí của công, ăn chơi trác táng, ức hiếp quần chúng, xa rời nhân dân... Những hiện tượng này có chiều hướng gia tăng, nhất là tệ cửa quyền, tham nhũng và các tệ nạn xã hội như ma túy, mại dâm đang là những vấn đề rất nhức nhối được xã hội quan tâm nhiều nhất. Những tệ nạn nói trên hoàn toàn xa lạ với tiêu chí đạo đức của con người xã hội chủ nghĩa, hoàn toàn trái với những yêu cầu mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đòi hỏi ở con người của chế độ mới. Do vậy, hơn lúc nào hết, Đảng cần quan tâm chăm lo bồi dưỡng, giáo dục rèn luyện đạo đức, phẩm chất, lối sống cho đội ngũ đảng viên và cả quần chúng nhân dân trong xã hội. Vấn đề giáo dục đạo đức công dân trong các trường phổ thông, trường đại học cần được đặt ra nghiêm túc hơn. Cần có những tiêu chí đạo đức để xét tốt nghiệp lên lớp đối với học sinh, sinh viên các trường phổ thông, cao đẳng, đại học.

Các tổ chức đảng cần nghiêm túc thực hiện những yêu cầu đã được Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII chỉ ra, đồng thời nghiêm chỉnh thực hiện cuộc vận động phê bình và tự phê bình đã được Đảng ta phát động nhân dịp kỷ niệm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (19-5-1999).

Xây dựng nền kinh tế tăng trưởng phải thực hiện nghiêm túc lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh "nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân". Trước mắt cần tập trung đấu tranh không khoan nhượng chống tư tưởng cơ hội, thực dụng về chính trị và tổ chức của những người có lập trường, quan điểm chính trị không rõ ràng, ngả nghiêng, tùy thời vì địa vị của cá nhân mình. Đó là tư tưởng và hành động tìm mọi cách để leo cao, chạy chức, chạy quyền, chạy bằng cấp, chạy tội. Họ chỉ biết nhất trí với những chủ trương, biện pháp có lợi cho bản thân và đơn vị mình. Những người đó thường ngại khó, ngại khổ, ngại va chạm, không thẳng thắn đấu tranh tự phê bình và phê bình, gây bè cánh, chia rẽ nội bộ.

- Cần sắp xếp lại bộ máy, kiện toàn tổ chức, thường xuyên quan tâm nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác tư tưởng nói chung và công tác lý luận nói riêng.

Lãnh đạo công tác tư tưởng là trách nhiệm của mọi cấp ủy, mọi cơ sở đảng. Tuy nhiên, cần thấy rõ đội ngũ cán bộ tư tưởng chính là người chủ yếu giúp các cấp ủy đảng lãnh đạo, thực hiện công tác tư tưởng. Đội ngũ này mạnh hay yếu góp phần quan trọng quyết định chất lượng và hiệu quả của công tác tư tưởng.

Đội ngũ cán bộ chuyên trách làm công tác tư tưởng nhìn chung chưa mạnh, nguyên nhân chủ yếu là do đội ngũ này trưởng thành từ nhiều nguồn, chưa thực sự được đào tạo huấn luyện cơ bản và có hệ thống, ít nhiều còn chắp vá. Đồng thời, Đảng và Nhà nước cũng chưa có chính sách khuyến khích động viên tạo điều kiện cho họ khắc phục những khó khăn để yên tâm hoạt động trong lĩnh vực công tác tư tưởng.

Cần đầu tư mạnh hơn nữa kinh phí cho việc trang bị những công cụ phương tiện làm công tác tư tưởng.

Hiện nay ở nhiều vùng sâu, vùng xa không phải kênh truyền hình nào cũng phủ sóng tới. Các tờ báo như *Nhân dân*, *Quân đội nhân dân*, *Tiến phong*, *Phụ nữ*... mỗi xã với 5, 7 thôn xóm mới có mỗi thứ một tờ

báo, làm sao người dân hàng ngày có đủ báo để đọc? Cần có chính sách trợ giá cho một số tờ báo để nhân dân, nhất là ở vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa có báo đọc... Với giá báo như hiện nay, khó có nhiều người, nhất là người nông dân thường xuyên mua báo.

Chủ tịch Hồ Chí Minh là người sáng lập, giáo dục, rèn luyện Đảng ta. Người đã dày công xây dựng Đảng ta thành một Đảng chân chính, cách mạng. Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt coi trọng công tác tư tưởng. Một trong những di sản to lớn mà Người để lại cho Đảng ta là những kinh nghiệm vô giá về công tác tư tưởng.

Các quan điểm của Người đều thể hiện rõ sự trung thành và sáng tạo việc vận dụng lý luận Mác - Lênin vào thực tiễn cách mạng Việt Nam. Những lời nói, bài viết của Người không chỉ chứa đựng những tư tưởng quan điểm sâu sắc mà còn là những mẫu mực về sự gắn liền giữa lý luận và thực tiễn; mẫu mực về phương pháp tư tưởng trong sáng, giản dị, rõ ràng, mạch lạc đầy sức thuyết phục; có khả năng to lớn động viên đồng bào, đồng chí; có tác dụng tập hợp đông đảo quần chúng một lòng đi theo Đảng làm cách mạng. Mặt khác, cuộc đời hoạt động của Người cũng là một tấm gương mẫu mực về nói đi đôi với làm, về tinh thần cầu thị, tích cực học tập lý luận; nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân.

Hơn lúc nào hết, trong điều kiện và hoàn cảnh hiện nay, Đảng cần đẩy mạnh hơn nữa công tác tư tưởng đối với toàn Đảng, toàn dân, toàn quân nhằm tăng cường sự thống nhất về nhận thức, ý chí hành động, kiên trì đấu tranh đẩy lùi bốn nguy cơ; đảng viên nói và làm theo nghị quyết, thực hiện đúng Cương lĩnh, Điều lệ của Đảng và pháp luật Nhà nước; động viên toàn dân phấn khởi thực hiện thắng lợi những mục tiêu kinh tế, xã hội mà Đại hội lần thứ IX của Đảng đã đề ra.

Về tổ chức, trước hết là quán triệt và vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về đảng viên và xây dựng đội ngũ cán bộ trong thời kỳ mới.

Thời gian qua Đảng ta đã chú trọng làm tốt công tác xây dựng đội ngũ đảng viên theo tư tưởng Hồ Chí Minh. Do bản thân đảng viên tự rèn luyện cùng với việc Đảng ta làm tốt công tác đảng viên, cho nên đội ngũ đảng viên của Đảng nhìn chung có bản chất cách mạng, luôn phấn đấu cho mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, đóng góp một phần không nhỏ vào thành quả của công cuộc đổi mới đất nước.

Tuy nhiên, trước những yêu cầu của thời kỳ mới, trong công tác xây dựng Đảng nói chung cũng như công tác đảng viên nói riêng đã bộc lộ những sai lầm, khuyết điểm. Cụ thể, không ít các tổ chức đảng chưa chú ý quản lý và rèn luyện cán bộ, đảng viên về mặt phẩm chất chính trị và đạo đức cách mạng, nhất là trong điều kiện kinh tế thị trường và mở rộng quan hệ đối ngoại; không xử lý kỷ luật nghiêm minh những cán bộ, đảng viên có nhiều sai phạm.

Qua phân tích chất lượng đảng viên, các tổ chức đảng phải đánh giá được từng mặt mạnh, yếu của từng đảng viên để có biện pháp thiết thực cho từng đảng viên.

- Các cấp ủy đảng, nhất là cấp ủy cơ sở, căn cứ vào kết quả kiểm tra, phân tích chất lượng đảng viên, chủ động xây dựng kế hoạch, biện pháp bồi dưỡng, rèn luyện đội ngũ đảng viên. "Trong tình hình hiện nay, phải rất chú trọng việc giáo dục, rèn luyện nâng cao bản lĩnh chính trị, phẩm chất cách mạng và trình độ trí tuệ của cán bộ, đảng viên". Ngoài việc bồi dưỡng tại trường lớp, phần quan trọng là rèn luyện đảng viên trong các hoạt động thực tế ở cơ sở.

Đặc biệt đối với đảng viên là người có chức có quyền trong bộ máy quyền lực của Nhà nước, ý thức đảng càng phải cao.

- Làm trong sạch, sàng lọc đội ngũ đảng viên là một trong những biện pháp xây dựng đội ngũ đảng viên vững mạnh, vươn lên đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp đổi mới, nâng cao sức chiến đấu của Đảng, loại bỏ những nhân tố đang trở thành nguy cơ cho Đảng.

Để giữ cho đội ngũ Đảng trong sạch, phải kiên quyết đưa ra càng sớm càng tốt khỏi hàng ngũ của Đảng tất cả những kẻ cơ hội, những người phai nhạt lý tưởng, tê liệt ý chí cách mạng, những kẻ làm giàu bất chính, đầu cơ, tham ô, hối lộ, ức hiếp quần chúng. Đối với đảng viên có trình độ quá thấp qua giáo dục của tổ chức đảng vẫn không tiến bộ, thì cũng đưa ra khỏi Đảng. Đưa ra khỏi Đảng bằng các hình thức thích hợp những đảng viên không tha thiết với Đảng, giảm sút ý chí chiến đấu, thực sự không có tác dụng đối với công tác lãnh đạo của Đảng. Việc tổ chức cho quần chúng góp ý kiến vào việc đưa những người không đủ tiêu chuẩn ra khỏi Đảng, phê bình đảng viên, kiểm tra hoạt động của đảng viên có ý nghĩa to lớn trong công tác xây dựng Đảng hiện nay.

- Đi đôi với việc kiên quyết đưa ra khỏi Đảng những người không đủ tư cách, cần thu hút vào Đảng những người ưu tú trong giai cấp công nhân, nông dân, trí thức, các chiến sĩ trong lực lượng vũ trang, thanh niên, phụ nữ và tầng lớp lao động khác, xuất hiện trong phong trào cách mạng của quần chúng. Thông qua phong trào quần chúng của các đoàn thể chính trị - xã hội, qua thực tiễn lao động sản xuất, công tác, chiến đấu và học tập mà phát hiện, lựa chọn những người ưu tú, có triển vọng để bồi dưỡng kết nạp họ vào Đảng.

Phải coi trọng chất lượng, không chạy theo số lượng. Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh là đội hậu bị của Đảng, do đó các tổ chức đảng phải quan tâm bồi dưỡng, giáo dục thanh niên, tạo nguồn phát triển Đảng. Chú trọng trẻ hóa và tăng thêm thành phần công nhân trong Đảng.

Nâng cao chất lượng đảng viên cần kết hợp cả ba nội dung: bồi dưỡng, sàng lọc và phát triển đảng viên. Ba nội dung này có mối quan hệ tác động lẫn nhau, trước hết phải coi trọng việc bồi dưỡng rèn luyện để nâng cao chất lượng là chủ yếu.

Cần tổng kết việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 khóa VIII về chiến lược cán bộ. Chú trọng hoàn chỉnh tiêu chuẩn chức danh cán bộ và các quy chế cán bộ.

Đặc biệt là thực hiện bầu cử có nhiệm kỳ, bổ nhiệm có thời hạn và tuyển dụng cán bộ công khai. Bố trí đề bạt cán bộ phải đúng người, đúng việc, đúng chỗ, đúng sở trường. Coi trọng việc đào tạo đội ngũ cán bộ kế tục sự nghiệp cách mạng có chất lượng, v.v...

Quán triệt, vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong thời kỳ mới.

Coi trọng tổ chức cơ sở đảng, thường xuyên chăm lo củng cố, kiện toàn, phát huy năng lực lãnh đạo và sức mạnh chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng tại các cơ sở. Đó là quan điểm xuyên suốt, nhất quán của Đảng ta trong mọi giai đoạn cách mạng. Quan điểm đó được thể hiện cả trong nhận thức, lý luận (ghi trong các văn kiện của Đảng, nhất là trong Báo cáo xây dựng Đảng và trong Điều lệ Đảng) và cả trong hoạt động thực tiễn của Đảng ta.

Hệ thống tổ chức cơ sở đảng, nhờ vậy, mà không ngừng được củng cố, phát triển, phát huy tốt vai trò hạt nhân lãnh đạo chính trị tại cơ sở,

trực tiếp góp phần biến các chủ trương, đường lối lãnh đạo của Đảng thành thắng lợi hiện thực.

Tuy nhiên, bước vào thời kỳ đổi mới, nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, hệ thống tổ chức cơ sở đảng đã và đang bộc lộ những hạn chế, yếu kém ở những mức độ khác nhau. Đại hội Đảng VIII đã đánh giá: "Tổ chức cơ sở đảng ở nhiều nơi còn yếu kém, có nơi tê liệt; phương thức lãnh đạo và sinh hoạt lúng túng, có tình trạng vừa kém dân chủ vừa thiếu kỷ luật, kỷ cương". Hậu quả của tình hình trên là hệ trọng! Bởi vì "nền móng" yếu thì không thể vững, "gốc rễ" có phần bị "tê liệt" thì cây không thể khỏe mạnh, phát triển tốt tươi. Vì vậy "cùng với sự kiện toàn tổ chức đảng các cấp... phải rất quan tâm củng cố tổ chức cơ sở đảng", thực sự đang là đòi hỏi bức xúc.

Quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh về củng cố, kiện toàn tổ chức cơ sở đảng trong điều kiện mới hiện nay, Đảng ta đã có nhiều chủ trương biện pháp, được thể hiện tập trung ở Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VII) và Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII. Trên cơ sở đó, cần tập trung giải quyết 3 vấn đề vừa cơ bản, vừa cấp bách sau đây:

Một là, tiếp tục sắp xếp, chỉnh đốn lại tổ chức cơ sở đảng và các chi bộ trong đảng bộ cơ sở cho thật sát với tính chất, nhiệm vụ của từng loại đơn vị cơ sở.

Cơ chế mới ra đời đang trong quá trình phát triển, hoàn thiện, kéo theo nó là sự biến động về tổ chức và chức năng nhiệm vụ của các tổ chức kinh tế, các đơn vị công tác. Do đó tổ chức cơ sở đảng không thể không phát triển theo. Ví dụ: một doanh nghiệp nhà nước, nay chuyển thành doanh nghiệp cổ phần, tổ chức cơ sở đảng ở đó tất yếu phải có sự chỉnh đốn về tổ chức, nhất là về chức năng nhiệm vụ quy chế hoạt động cho phù hợp. Đó là việc không thể không làm. Nếu không làm hoặc làm không tốt, thì sức mạnh chiến đấu, vai trò hạt nhân lãnh đạo ở đó sẽ không tránh khỏi suy giảm.

Hai là, cấp ủy đảng các cấp, mà trước hết là tỉnh ủy, huyện ủy và trực tiếp là đảng ủy cơ sở cần tập trung nghiên cứu sớm có giải pháp hữu hiệu để căn bản xóa các điểm trắng không có đảng viên, không có chi bộ đảng. Đó là những nơi vùng sâu, vùng xa, những đơn vị liên doanh, liên kết, những doanh nghiệp tư nhân... đã có hoặc mới xuất hiện. Những điểm trắng, chính là những khoảng trống, thiếu vắng sự lãnh đạo trực

tiếp của chi bộ, đảng viên, ở đó, quan điểm đường lối của Đảng khó tới được với quần chúng lao động, Đảng không nắm vững được dân, xa dân, đó chính là nơi các lực lượng thù địch dễ lợi dụng. Vì vậy, xóa những điểm trắng không có đảng viên, không có chi bộ là một nhiệm vụ cấp bách, là trách nhiệm chính trị của các cấp ủy đảng.

Ba là, cần phải luật hóa các hoạt động của Đảng, nhất là ở các lĩnh vực mới. Thực tế cho thấy, trong cơ chế thị trường, các tổ chức đảng trong doanh nghiệp tư nhân, trong các đơn vị liên doanh, liên kết và cả trong các trường đại học dân lập, lúng túng, khó hoạt động vì thiếu cơ sở pháp lý. Vì vậy, việc luật hóa hoạt động của các tổ chức đảng, nhất là các tổ chức cơ sở đảng là yêu cầu vừa cơ bản, vừa cấp bách hiện nay.

- Thực hiện tư tưởng Hồ Chí Minh về nguyên tắc tập trung dân chủ trong thời kỳ phát triển mới của đất nước.

Thời kỳ phát triển mới của đất nước như trên đã trình bày khác với thời kỳ trước đây, do đó đòi hỏi Đảng ta phải quán triệt và vận dụng sáng tạo, bổ sung, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về nguyên tắc tập trung dân chủ vào hoàn cảnh thực tế ở nước ta hiện nay.

Sự quán triệt và vận dụng sáng tạo, bổ sung, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh được thể hiện trước hết trong các văn kiện của Đảng. Đảng ta coi tập trung dân chủ là "nguyên tắc cơ bản về xây dựng Đảng" nói chung và "lấy tập trung dân chủ làm nguyên tắc tổ chức cơ bản" của Đảng nói riêng. Đó cũng là "nguyên tắc quan trọng nhất chỉ đạo mọi hoạt động tổ chức, sinh hoạt nội bộ và phong cách làm việc của chúng ta".

Về nội dung cơ bản của nguyên tắc tập trung dân chủ được Đảng ta khẳng định trong Điều lệ Đảng và những nội dung đó được Đảng ta không ngừng sửa đổi, bổ sung và phát triển cho phù hợp với hoàn cảnh thực tế của Đảng qua từng thời kỳ cách mạng.

Quán triệt và vận dụng sáng tạo, bổ sung, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về nguyên tắc tập trung dân chủ trong hành động, thời gian qua Đảng ta đã "giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách. Có tiến bộ về thực hiện dân chủ trong Đảng và lãnh đạo thực hiện dân chủ trong xã hội, phát huy trí tuệ của tập thể, sức mạnh tổng hợp của khối đại đoàn kết toàn dân". Điều đó được thể hiện từ việc chuẩn bị nghị quyết, chính sách, luật pháp đến việc tổ chức

chỉ đạo thực hiện; từ việc bầu cử trong Đảng, bầu cử các cơ quan Nhà nước đến việc định hướng, bố trí, sử dụng cán bộ; từ sinh hoạt, trong Đảng, trong Quốc hội, trong các đoàn thể, đến các hoạt động thông tin báo chí, xuất bản, văn hóa văn nghệ... dưới sự lãnh đạo của Đảng với những quy trình cụ thể như là một cơ chế thực hiện. Tất cả đều mang một sinh khí mới, hơi thở mới: dân chủ hơn, cởi mở hơn. Đảng khuyến khích và tạo điều kiện cho cán bộ, đảng viên độc lập suy nghĩ và sáng tạo, phát huy mọi sáng kiến, góp phần cùng với Đảng và Nhà nước giải quyết công việc do thực tiễn đặt ra. Bộ Chính trị thực hiện sự lãnh đạo tập thể, chỉ đạo tập trung trong việc cụ thể hóa và phát triển Nghị quyết Đại hội VIII và Đại hội IX, đề ra nhiều chủ trương, chính sách về đổi mới cơ cấu kinh tế, cơ chế quản lý, về văn hóa, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, xây dựng Đảng...

- Nội dung cơ bản của nguyên tắc tập trung dân chủ được Đảng ta không ngừng sửa đổi, bổ sung và phát triển cho phù hợp với hoàn cảnh thực tế của Đảng ta qua từng thời kỳ cách mạng.

- Bước đầu cụ thể hóa những nội dung cơ bản của nguyên tắc tập trung dân chủ thành những quy định cụ thể như là một cơ chế bảo đảm thực hiện tốt nguyên tắc này trong thời kỳ phát triển mới của đất nước.

Bên cạnh những ưu điểm và tiến bộ nói trên, việc thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ theo tư tưởng Hồ Chí Minh của Đảng ta trong thời gian qua còn không ít khuyết điểm.

Để khắc phục những yếu kém đó, trước hết cần phải làm cho cán bộ, đảng viên có nhận thức đúng đắn và thống nhất về khái niệm, nội dung, bản chất của nguyên tắc tập trung dân chủ. Cần bồi dưỡng thường xuyên cho cán bộ, đảng viên hiểu đúng nguyên tắc tập trung dân chủ trong điều kiện và hoàn cảnh mới của Đảng ta.

- Đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đề ra phải đúng đắn và quy trình tổ chức thực hiện phải khoa học, mọi tổ chức đảng, mọi cán bộ, đảng viên hiểu đúng và làm đúng.

- Trong việc xây dựng cơ quan lãnh đạo các cấp, phải bảo đảm đầy đủ tính chất dân chủ (đương nhiên dân chủ phải lãnh đạo). Đề nghị các chức danh cán bộ lãnh đạo chủ chốt trong hệ thống chính trị cần giới thiệu 2, 3 ứng cử viên. Người ra ứng cử vào chức danh đứng đầu các cấp bầu cử từ

cấp huyện trở lên đều phải có phương án công tác. Đại hội tín nhiệm ai, bầu ai gắn liền với quyết định lựa chọn phương án của người ấy.

- Trong các cơ quan lãnh đạo cần quy định rõ chế độ sinh hoạt tập thể. Việc chuẩn bị hội nghị phải trải qua những thủ tục nhất định về công tác điều tra, nghiên cứu, về việc lấy ý kiến của các cơ quan có trách nhiệm và của cấp dưới, làm cho hội nghị được tiến hành nhanh, gọn, có chất lượng cao.

Việc thảo luận trong hội nghị phải thật sự dân chủ, cởi mở và có kết luận rõ ràng, khi cần thì biểu quyết - kể cả bằng phiếu kín, làm cho mỗi đề án công tác hoặc nghị quyết được thông qua đều là sản phẩm của trí tuệ tập thể. Đối với những vấn đề mới và khó hoặc còn nhiều ý kiến khác nhau, cần thực hiện chế độ làm thử để rút kinh nghiệm trước khi quyết định và cần có nhiều phương án để lựa chọn. Cần quy định rõ chế độ lấy ý kiến cấp dưới và quần chúng trước khi ra một quyết định quan trọng có liên quan rộng rãi đến hoạt động chính trị, kinh tế - xã hội và đời sống của quần chúng.

Để thực hiện tốt chế độ tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, cần quy định rõ: tất cả những vấn đề thuộc về chủ trương và những biện pháp lớn của Đảng nhất thiết phải được tập thể cấp ủy hoặc tập thể chi bộ bàn bạc và quyết định, còn những vấn đề thuộc về kế hoạch, biện pháp cụ thể thực hiện chủ trương đó thì giao cho cá nhân phụ trách, có quyền tự giải quyết.

- Một biện pháp quan trọng về mặt tổ chức là phải cải tiến bộ máy Đảng, Nhà nước và đoàn thể theo hướng tinh giản và nâng cao hiệu quả; xác định rõ hơn chức năng, nhiệm vụ và mối quan hệ giữa các tổ chức, kiện toàn các cấp ủy đảng, giải quyết các mối quan hệ và nâng cao chất lượng hoạt động của các ban đảng, các đảng đoàn, ban cán sự, đảng ủy khối, đảng ủy cơ quan.

- Chú ý giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa Trung ương và địa phương, cấp trên và cấp dưới (bao gồm cả mối quan hệ giữa cấp ủy đảng và các ngành) khắc phục tình trạng tự do tùy tiện, phân tán tản mạn, cục bộ địa phương. Một mặt cấp trên phải giữ vững quyền lãnh đạo tập trung của mình; mặt khác lại phải mạnh dạn giao quyền hạn (phân cấp) cho cấp dưới trong giới hạn không làm suy yếu sự lãnh đạo tập trung thống nhất của cấp trên, giúp cấp dưới nâng cao tinh thần chủ động

sáng tạo, giải quyết mọi vấn đề thuộc thẩm quyền của mình theo đúng chủ trương phương hướng của cấp trên.

- Cần có quy định cụ thể bảo đảm cho mọi đảng viên được thảo luận và tham gia quyết định các chủ trương công tác của tổ chức đảng; thiếu số phục tùng đa số, cá nhân phục tùng tổ chức, cấp dưới phục tùng cấp trên, các tổ chức trong toàn Đảng phục tùng Ban Chấp hành Trung ương và Đại hội toàn quốc của Đảng. Những quyết định thuộc thẩm quyền của tập thể phải biểu quyết theo đa số, mọi thành viên phải chấp hành quyết định của tập thể.

- Cần phải có những quy chế cụ thể để mọi cán bộ, đảng viên phải rèn luyện tính tổ chức, tính kỷ luật, tự giác đặt mình trong sự quản lý của chi bộ, tham gia đầy đủ sinh hoạt chi bộ, tuân thủ kỷ luật Đảng, không để một đảng viên nào đứng ngoài sự quản lý của tổ chức. Mọi hoạt động vô tổ chức, vô kỷ luật, không chấp hành chỉ thị, nghị quyết của Đảng, gây chia rẽ bè phái trong Đảng đều phải xử lý nghiêm minh.

- Thực hiện nghiêm túc chế độ tự phê bình và phê bình; chống cách làm hình thức, chiếu lệ, không sửa chữa khuyết điểm như một số nơi vừa qua đã làm. Nghiêm cấm hiện tượng trấn áp, trù dập người phê bình cũng như hiện tượng lợi dụng phê bình để vu cáo, đả kích cá nhân, gây rối nội bộ.

- Tập trung sức giải quyết cho được tình trạng mất đoàn kết nghiêm trọng ở một số ngành và địa phương, phân tích đúng nguyên nhân, có biện pháp giải quyết phù hợp. Chúng tôi cho rằng cần phải sớm tổng kết để rút ra bài học kinh nghiệm trong việc giải quyết tình trạng mất đoàn kết nghiêm trọng ở một số ngành và địa phương hiện nay.

Đó là những giải pháp cơ bản mang tính cấp bách nhằm thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ trong thời kỳ mới theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

- Đảng ta quán triệt, vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng tổ chức bộ máy của Đảng trong thời kỳ mới.

Thấm nhuần sâu sắc tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng hệ thống tổ chức bộ máy của Đảng, Đảng ta luôn coi trọng công việc xây dựng, củng cố và kiện toàn hệ thống tổ chức bộ máy của Đảng từ Trung ương đến cơ sở. Đó là quan điểm xuyên suốt, nhất quán của Đảng ta được thể hiện tập trung trong Điều lệ của Đảng, với những nội dung chính như sau:

- Xác lập hệ thống các cơ quan lãnh đạo của Đảng - các Ban Chấp hành từ Trung ương đến cơ sở. Xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, phạm vi lãnh đạo của cơ quan lãnh đạo ở từng cấp.

- Đi liền với hệ thống cơ quan lãnh đạo, Đảng ta xác lập hệ thống bộ máy giúp việc của cơ quan lãnh đạo ở từng cấp. Bộ máy giúp việc ở mỗi cấp không giống nhau, số lượng nhiều hay ít được quy định bởi nhiệm vụ, quyền hạn, phạm vi lãnh đạo của cấp đó.

- Để tăng cường sự lãnh đạo chặt chẽ của Đảng trong các cơ quan nhà nước, các đoàn thể quần chúng, Đảng đã thành lập tổ chức đảng, đoàn, ban cán sự.

- Đảng định các chế độ, nguyên tắc sinh hoạt và hoạt động lãnh đạo của Đảng; xây dựng quy chế làm việc; thường xuyên cải tiến lề lối làm việc, nhằm bảo đảm cho hệ thống tổ chức bộ máy vận hành có hiệu quả nhất.

Với hệ thống tổ chức bộ máy được xây dựng như vậy, trên thực tế đã bảo đảm sự lãnh đạo tập trung, thống nhất, thông suốt, mau lẹ từ Trung ương tới cơ sở; phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng ở tất cả các cấp, các ngành, các lĩnh vực đời sống xã hội. Hệ thống đó đã thực sự bảo đảm cho Đảng có sự thống nhất cả ý chí và hành động, có đủ sức mạnh làm tròn nhiệm vụ lãnh đạo của đội tiên phong chính trị của giai cấp và dân tộc.

Tuy nhiên, đối chiếu với tư tưởng Hồ Chí Minh và yêu cầu công cuộc đổi mới hiện nay, hệ thống tổ chức bộ máy của Đảng còn bộc lộ những hạn chế như: bộ máy công kênh, nặng nề, chưa thực sự trong sạch, bệnh quan liêu, giấy tờ còn nặng, hiệu quả hoạt động thấp; việc chậm nghiên cứu xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, quy chế làm việc đã làm cho hoạt động của một số tổ chức bộ máy vừa chồng chéo vừa lỏng lẻo.

Để khắc phục có hiệu quả những hạn chế nêu trên, phát huy sức mạnh của hệ thống tổ chức bộ máy trong thời kỳ mới, Đảng cần tập trung giải quyết những vấn đề chủ yếu sau đây:

Một là, tiếp tục chấn chỉnh tổ chức bộ máy theo tư tưởng "giản chính, tinh cán" của Hồ Chí Minh. Bộ máy của ta hiện nay còn khá công kênh nặng nề, còn không ít chồng chéo, hoạt động hiệu quả thấp, gây lãng phí sức người, sức của.

Tinh giản bộ máy cần theo hướng: giảm thiểu những khâu trung gian, giảm tới mức thấp nhất những lực lượng lao động gián tiếp và số

lượng phục vụ trong từng tổ chức, bộ máy. Tình giản bộ máy phải bảo đảm nâng cao hiệu suất công tác; bảo đảm sự thông suốt, mau lẹ của cả hệ thống; bảo đảm phục vụ nhân dân thuận tiện, hiệu quả hơn.

Hai là, cải tiến nội dung và lề lối làm việc của các tổ chức bộ máy, nhất là cấp ủy đảng các cấp từ Trung ương đến cơ sở. Theo Hồ Chí Minh: "Muốn biết Đảng địa phương mình mạnh hay yếu, khá hay kém, hãy nhìn vào sự lãnh đạo của cấp ủy".

"Hội họp lu bù" đang là một thực trạng ở trong nhiều cơ quan lãnh đạo của Đảng ta. Tình trạng nghị quyết trước chưa đi vào cuộc sống đã có nghị quyết sau khá phổ biến. Đảng ta lãnh đạo bằng nghị quyết, do đó, việc ra chủ trương nghị quyết lãnh đạo là việc làm thường xuyên, liên tục. Song ra được nghị quyết đúng chưa phải đã hoàn thành trách nhiệm. Điều quan trọng là phải đưa nghị quyết vào cuộc sống. Vì vậy, cải tiến nội dung lãnh đạo, lề lối làm việc của các cơ quan lãnh đạo đang là yêu cầu rất bức xúc.

Theo hướng đó, vấn đề then chốt là cải tiến chế độ thông tin. Mọi thành viên trong các cơ quan lãnh đạo phải thường xuyên được cập nhật những thông tin cần thiết phục vụ cho lãnh đạo. Trên cơ sở nguồn tư liệu đó mà lựa chọn, xử lý, xác định đúng những vấn đề trọng tâm, then chốt phải giải quyết. Đó là con đường bảo đảm cho nội dung lãnh đạo luôn luôn sát, đúng, thiết thực, có tính khả thi cao.

Đồng thời phải xây dựng chế độ trách nhiệm rõ ràng, cụ thể và xây dựng một quy trình ra nghị quyết bảo đảm khai thác, phát huy cao độ trí tuệ của tập thể lãnh đạo, thái độ được trí tuệ sáng tạo của các chuyên gia và của quần chúng nói chung.

- Quán triệt, vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về công tác kiểm tra và thi hành kỷ luật của Đảng trong thời kỳ mới.

Từ khi ra đời đến nay, Đảng ta luôn luôn coi trọng công tác kiểm tra, giữ gìn kỷ luật Đảng. Trong quá trình xây dựng Đảng và hoạt động lãnh đạo cách mạng, Đảng ta ngày càng nhận thức sâu sắc hơn ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác kiểm tra, kỷ luật của Đảng. Đảng ta coi kiểm tra là một trong những chức năng lãnh đạo của Đảng; là một khâu không thể thiếu trong quy trình hoạt động lãnh đạo của Đảng. Tiến hành công tác kiểm tra, thi hành kỷ luật là trách nhiệm của toàn Đảng, mà trước hết là của cấp ủy đảng các cấp.

Từ nhận thức đó, trong các giai đoạn cách mạng, cả trên lời nói và trong hoạt động thực tiễn, Đảng ta đều nghiêm túc thực hiện công tác kiểm tra, giữ gìn kỷ luật của Đảng; Đảng thường xuyên củng cố, kiện toàn ủy ban kiểm tra của Đảng ở các cấp, cụ thể hóa nội dung kiểm tra, kỷ luật, vận dụng sáng tạo, linh hoạt các hình thức, biện pháp kiểm tra, thi hành kỷ luật của Đảng. Điều đó đã góp phần tích cực vào việc giữ gìn, củng cố khối đoàn kết thống nhất của Đảng, tạo nên sức chiến đấu của Đảng.

Tuy nhiên, bước vào thời kỳ mới, công tác kiểm tra, thi hành kỷ luật của Đảng cũng đã và đang bộc lộ những khuyết điểm, tồn tại cần khắc phục: không ít nơi cấp ủy đảng chưa nhận thức đầy đủ về ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác kiểm tra, thi hành kỷ luật của Đảng; nhiều nơi buông lỏng, thậm chí khoán trắng cho ủy ban kiểm tra... Vì thế, những hiện tượng sai lệch trong chấp hành chủ trương nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước cũng như tiêu cực trong quản lý kinh tế, tài chính; những hiện tượng quan liêu, tham nhũng, sa sút phẩm chất đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên... chậm được phát hiện và xử lý kịp thời, đã gây ra các hậu quả nghiêm trọng.

Để giữ vững và phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng, xây dựng Đảng ngang tầm yêu cầu nhiệm vụ thời kỳ mới, Đảng ta đã có nhiều chủ trương, giải pháp đồng bộ (thể hiện rõ trong Văn kiện của Đại hội VI, VII, VIII, IX và các Hội nghị Trung ương). Trong đó Đảng ta nhấn mạnh phải đẩy mạnh và *tăng cường công tác kiểm tra, vừa mở rộng dân chủ vừa tăng cường giữ vững kỷ luật của Đảng trong thời kỳ mới.*

Để làm tốt công tác kiểm tra và thi hành kỷ luật, cần thực hiện tốt các nội dung chủ yếu sau:

1- Tăng cường công tác kiểm tra của các cấp ủy đảng và các tổ chức khác của Đảng hơn nữa, đặc biệt là nâng cao chất lượng lãnh đạo công tác kiểm tra và tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra của các cấp ủy đảng.

2- Tiếp tục củng cố, kiện toàn nâng cao chất lượng tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ kiểm tra của ủy ban kiểm tra các cấp, đáp ứng yêu cầu nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra trong thời kỳ mới. Trong đó coi trọng việc kiện toàn ủy ban kiểm tra và bồi dưỡng cán bộ của ủy ban kiểm tra cấp cơ sở.

3- Xây dựng và hoàn thiện cơ chế (tiến tới luật pháp hóa) hoạt động của ủy ban kiểm tra của Đảng. Phối hợp chặt chẽ với hệ thống thanh tra nhà nước, tạo nên sức mạnh của cả hệ thống.

4- Trong bối cảnh hiện nay, nội dung và đối tượng kiểm tra nên tập trung vào các lĩnh vực trọng điểm: kinh tế, các chương trình, dự án đầu tư, nông thôn và bảo vệ pháp luật.

5- Đảng bộ các cấp, các ngành cần tập trung lãnh đạo xây dựng (tạo nên) phong trào quần chúng rộng rãi tham gia vào việc giám sát hoạt động tổ chức đảng, chính quyền và các cán bộ, đảng viên.

6- Cần có chương trình nghiên cứu để đổi mới việc bầu Ủy ban Kiểm tra Trung ương, đổi mới chức năng nhiệm vụ của Ủy ban Kiểm tra Trung ương theo hướng: tạo cơ sở pháp lý và bảo đảm Ủy ban Kiểm tra Trung ương có quyền kiểm tra cấp ủy và ủy viên cùng cấp.

Bản sao lưu trữ

PHẦN THỨ BA
THẾ GIỚI CA NGỌI
TƯ TƯỞNG VÀ ĐẠO ĐỨC
CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

Bản sao lưu trữ

**TOÀN VĂN NGHỊ QUYẾT CỦA TỔ CHỨC GIÁO DỤC,
KHOA HỌC VÀ VĂN HÓA LIÊN HỢP QUỐC (UNESCO)
VỀ KỶ NIỆM 100 NĂM NGÀY SINH CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH**

Phiên họp toàn thể;

Xét thấy việc tổ chức kỷ niệm trên quy mô quốc tế những nhà trí thức lỗi lạc và danh nhân văn hóa và góp phần vào việc thực hiện những mục tiêu của UNESCO và vào sự hiểu biết trên thế giới;

Nhắc lại quyết định số 18C 4351 về việc tổ chức kỷ niệm những vĩ nhân và những sự kiện đã để lại dấu ấn trong quá trình phát triển của nhân loại;

Ghi nhận rằng năm 1990 sẽ được đánh dấu bằng lễ kỷ niệm lần thứ 100 Ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh, vị anh hùng giải phóng dân tộc của Việt Nam và là một nhà văn hóa lớn;

Xét thấy Chủ tịch Hồ Chí Minh là một biểu tượng kiệt xuất về quyết tâm của cả một dân tộc, đã cống hiến trọn đời mình cho sự nghiệp giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam, góp phần vào cuộc đấu tranh chung của các dân tộc vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội;

Xét thấy sự đóng góp quan trọng về nhiều mặt của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong các lĩnh vực văn hóa, giáo dục và nghệ thuật là kết tinh của truyền thống văn hóa hàng ngàn năm của nhân dân Việt Nam và những tư tưởng của Người là hiện thân của những khát vọng của các dân tộc trong việc khẳng định bản sắc dân tộc của mình và tiêu biểu cho việc thúc đẩy sự hiểu biết lẫn nhau;

1. Khuyến nghị các quốc gia thành viên kết hợp kỷ niệm lần thứ 100 Ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh bằng cách tổ chức những hoạt

động đa dạng để tưởng niệm Người, để làm cho mọi người hiểu được tầm vóc to lớn của những tư tưởng và sự nghiệp của Người vì công cuộc giải phóng dân tộc;

2. Đề nghị ông Tổng Giám đốc UNESCO tiến hành những bước đi phù hợp để kỷ niệm lần thứ 100 Ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh và giúp đỡ các hoạt động tưởng niệm chung được tổ chức nhân dịp này, đặc biệt là những hoạt động diễn ra ở Việt Nam.

Bản sao lưu trữ

Ở NGƯỜI, LÒNG YÊU NƯỚC CHÂN CHÍNH LUÔN QUYỆT CHẶT VỚI CHỦ NGHĨA QUỐC TẾ TRONG SÁNG*

CAY-XỎN PHÔM-VI-HẢN

Tổng Bí thư Đảng nhân dân cách mạng Lào

Đoàn đại biểu cấp cao Đảng và Nhà nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào vô cùng xúc động được đến đất nước Việt Nam anh hùng, quê hương của Chủ tịch Hồ Chí Minh muôn vàn kính yêu, cùng với những người đồng chí anh em ruột thịt của mình kỷ niệm ngày sinh lần thứ 100 của Chủ tịch Hồ Chí Minh, anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hóa lớn của Việt Nam và thế giới.

Từ diễn đàn trọng thể này, Đoàn đại biểu cấp cao Đảng và Nhà nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào xin thay mặt nhân dân các bộ tộc Lào bày tỏ lòng biết ơn vô hạn và tình cảm thiêng liêng nhất đến Bác Hồ. Xin gửi đến Đảng Cộng sản Việt Nam quang vinh và nhân dân Việt Nam anh hùng lời chào mừng nồng nhiệt và thân thiết nhất.

Chủ tịch Hồ Chí Minh, vị anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hóa lớn của Việt Nam và thế giới là một chiến sĩ lỗi lạc của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. Công lao to lớn của Người đối với phong trào giải phóng dân tộc, tư tưởng yêu nước; yêu dân, lòng nhân ái và tinh thần quốc tế trong sáng của Người hết sức sâu sắc và rộng lớn. Ở Người, lòng yêu nước chân chính luôn luôn quyện chặt với chủ nghĩa quốc tế trong sáng. Người đã quan tâm sâu sắc và hết lòng ủng hộ cuộc đấu tranh giải phóng của các dân tộc bị áp bức trên thế giới; Người đã tổ chức ra Hội Liên hiệp các thuộc địa. Người viết bản án chế độ thực dân trong lúc chúng đang hưng thịnh và cũng chính Người đã động viên tổ chức nhân dân Việt Nam; nhân dân Lào, nhân dân Cam-pu-chia cùng

* Đầu đề do chúng tôi đặt (BT).

với các dân tộc bị thực dân đế quốc áp bức thi hành thắng lợi bản án đó, làm sụp đổ chế độ thực dân cũ và tan rã chế độ thực dân mới. Đó là sự cống hiến to lớn của Người đối với các dân tộc và nhân loại. Vì vậy, đối với phong trào giải phóng dân tộc, Người vừa là người dẫn đường chỉ lối, vừa là người bạn chiến đấu thủy chung. Người phân biệt rõ bọn đế quốc thực dân với nhân dân tiến bộ các nước đế quốc và chính Người là một trong những người sáng lập ra Đảng Cộng sản Pháp. Với giai cấp vô sản toàn thế giới, Người là người anh em thân thiết, là bạn chiến đấu chí tình như Người thường nói: "Bốn phương vô sản đều là anh em".

Chủ tịch Hồ Chí Minh là một nhà chiến lược thiên tài, đồng thời cũng là một nhà tổ chức kiệt xuất. Người luôn luôn suy nghĩ sáng tạo, tìm tòi bước đi, biện pháp phù hợp và có lợi nhất cho cách mạng, luôn luôn bình tĩnh và ứng phó sáng suốt trong mọi tình huống, quyết đoán đúng đắn trước các bước ngoặt lịch sử nên đã vững lái con thuyền cách mạng Việt Nam vượt qua bao sóng gió đi đến thắng lợi to lớn ngày nay.

Sức mạnh tổ chức của Chủ tịch Hồ Chí Minh là sự gắn bó mật thiết với nhân dân, với tư tưởng lấy dân làm gốc. Người tin tưởng sâu sắc ở sức mạnh của nhân dân, luôn luôn coi nhân dân là lực lượng quyết định của cách mạng, luôn luôn chăm lo giáo dục, động viên, bồi dưỡng sức dân. Người quan tâm săn sóc già, chăm nom trẻ nhỏ, giải phóng phụ nữ, yêu thương chiến sĩ. Người thường xuyên chăm lo xây dựng mặt trận đại đoàn kết toàn dân, chính quyền nhân dân, lực lượng vũ trang nhân dân thật sự của dân, do dân và vì dân. Khẩu hiệu "Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết; Thành công, thành công, đại thành công" của Người đã chỉ đạo tổ chức việc kết hợp chặt chẽ sức mạnh của khối đoàn kết toàn dân Việt Nam, sức mạnh liên minh ba nước Đông Dương với sức mạnh của thời đại, sức mạnh đoàn kết đó đã thật sự trở thành một lực lượng hùng hậu để chiến thắng mọi kẻ thù xâm lược hung hãn và to lớn.

Chủ tịch Hồ Chí Minh là tấm gương tiêu biểu cho đạo đức cách mạng, luôn luôn kiên định lý tưởng cách mạng, cứu nước, cứu dân. Người cũng là biểu hiện phong thái hiền triết của người lãnh đạo, trước phong ba bão tố Người vẫn ung dung, thanh thản, chủ động và tin tưởng vững chắc vào thắng lợi của cách mạng. Người tượng trưng cho tinh thần cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, luôn luôn chống mọi thói hư tật xấu, mọi bảo thủ, trì trệ, nóng vội chủ quan. Khi Đảng đã trở thành

đảng cầm quyền, Người đã đấu tranh không khoan nhượng với tệ quan liêu, tham ô, hối lộ, lãng phí... mà Người coi như một thứ giặc "nội xâm" một nguy cơ lớn của đảng cầm quyền. Chủ tịch Hồ Chí Minh là sự thống nhất hài hoà giữa Tổ quốc và nhân dân, giữa dân tộc và giai cấp, giữa quốc gia và quốc tế, giữa người lãnh đạo tối cao của Đảng và Nhà nước với người công dân gương mẫu, giữa người chiến sĩ cách mạng với một nhà hiền triết, giữa nhà lý luận cách mạng với nhà thơ. Chủ tịch Hồ Chí Minh rất vĩ đại nhưng lại rất giản dị, thanh cao chan hoà, gần gũi với mọi tầng lớp nhân dân, triệt để cách mạng nhưng lại rất hiền từ độ lượng, khiến kẻ thù cũng phải kính nể, rất kiên định về chiến lược nhưng mềm dẻo khôn khéo về sách lược, rất uyên bác nhưng lại vô cùng khiêm tốn, lắng nghe ý kiến mọi người, vừa nhìn xa trông rộng nhưng lại rất cụ thể, tỉ mỉ, chú trọng đến bát cơm manh áo của mọi người dân.

Ôn lại lịch sử, trong những ngày ba nước Đông Dương bị chìm đắm trong cảnh nô lệ lầm than, đã có biết bao người con ưu tú của ba dân tộc anh em vùng lên đấu tranh chống kẻ thù xâm lược nhưng các cuộc đấu tranh đó đều bị đàn áp đẫm máu.

Trong hoàn cảnh đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã bôn ba bốn bể năm châu và đã tìm thấy con đường cứu nước đúng đắn, đó là con đường cách mạng vô sản. Người đã nói: "Bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mạng nhất là chủ nghĩa Lê-nin". Người đã đem hết tâm huyết nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lê-nin và truyền bá vào Việt Nam, Lào và Cam-pu-chia. Từ đó cách mạng ba nước đã có kim chỉ nam hướng đến thắng lợi. Cũng chính Người đã thành lập Đảng Cộng sản Đông Dương - Đảng Mác - Lê-nin chân chính - tiền thân của Đảng Cộng sản Việt Nam, Đảng Nhân dân cách mạng Lào, Đảng Nhân dân cách mạng Cam-pu-chia. Từ đó cuộc đấu tranh cứu nước của ba nước có người dẫn đường chỉ lối vững vàng nên càng gắn bó khăng khít với nhau và đã vượt qua mọi gian nan thử thách, giành thắng lợi hết sức vẻ vang, cả ba nước đều được độc lập, tự do và đang xây dựng cuộc sống ấm no hạnh phúc.

Riêng đối với cách mạng Lào chúng tôi, tư tưởng và tình cảm cách mạng cao quý của Bác là ngọn đuốc soi đường, là nguồn cổ vũ sức mạnh đoàn kết đấu tranh của nhân dân các bộ tộc Lào chúng tôi. Từ những

ngày cách mạng Lào còn trứng nước đến lúc đã trưởng thành, Bác Hồ luôn luôn quan tâm dẫn đường chỉ lối. Bác thường giáo dục chúng tôi phải "nâng cao tinh thần độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường". Bác nhấn mạnh: "Có nâng cao tinh thần độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường thì cách mạng mới phát triển nhanh chóng, đoàn kết quốc tế mới vững chắc".

Khi cuộc kháng chiến của nhân dân ba nước Đông Dương lớn mạnh, cách mạng ba nước đã trưởng thành, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhìn xa trông rộng, với tư tưởng chỉ đạo sáng suốt đã đề nghị Đại hội II của Đảng Cộng sản Đông Dương (tháng 2-1951) quyết định thành lập từng đảng ở mỗi nước. Quyết định lịch sử hết sức đúng đắn đó đã phát huy cao độ tinh thần độc lập tự chủ và ý thức trách nhiệm của những người cách mạng ở mỗi nước đối với vận mệnh của dân tộc mình và thúc đẩy cuộc đấu tranh cứu nước của ba nước Đông Dương phát triển vượt bậc.

Bác Hồ luôn luôn giáo dục chúng tôi phải nắm vững sự nghiệp cách mạng Lào là của nhân dân Lào, phải đi vào dân, đi xuống cơ sở, bám chắc lấy dân, lấy việc giáo dục động viên tổ chức nhân dân làm cách mạng là mục tiêu phấn đấu để hoàn thành nhiệm vụ - cách mạng. Bác thường xuyên nhắc nhở chúng tôi chăm lo đoàn kết nhân dân các bộ tộc Lào.

Qua mỗi bước trưởng thành của cách mạng Lào, Bác và những người học trò gần gũi của Bác; đồng chí Lê Duẩn, Trường Chinh, Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp... đã góp ý kiến, trao đổi kinh nghiệm với chúng tôi để xây dựng cơ sở, lập căn cứ cách mạng, mở rộng vùng giải phóng, xây dựng lực lượng vũ trang, phát động đấu tranh ở vùng địch, tạm thời kiểm soát, tiến hành đấu tranh liên hiệp, thực hiện hoà hợp dân tộc...

Bác đã chỉ bảo chúng tôi nắm vững chiến lược, có sách lược đấu tranh sáng tạo, nhờ đó cách mạng Lào đã qua ba lần hoà hợp dân tộc, mỗi lần liên hiệp với đối phương là mỗi lần đưa cách mạng Lào đến gần thắng lợi hơn và khi có thời cơ thuận lợi đã giành được thắng lợi hoàn toàn.

Bác Hồ hết sức coi trọng việc giúp đỡ xây dựng lực lượng bên trong của cách mạng Lào, cho đó là yếu tố quyết định thành công của cách mạng Lào.

Bác đặc biệt coi trọng và luôn luôn chăm lo, vun đắp cho mối quan hệ đặc biệt Việt - Lào, Việt - Lào - Cam-pu-chia, coi đó là một nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng mỗi nước.

Người luôn luôn nhắc nhở nhân dân ba nước anh em Lào, Việt Nam, Cam-pu-chia phải đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau thì mới đánh thắng kẻ thù chung, mỗi nước mới có độc lập, nhân dân mới có ấm no, hạnh phúc.

Mối quan hệ đặc biệt đã biến thành hành động cách mạng của nhân dân hai nước. Trong nửa thế kỷ qua, nhiều thế hệ con em của nhân dân Việt Nam đã sang giúp nhân dân Lào chiến đấu giành độc lập, tự do và xây dựng cuộc sống ấm no hạnh phúc. Nhiều đồng chí đã cống hiến cả cuộc đời để phục vụ cách mạng Lào, coi Lào như Tổ quốc thứ hai của mình. Trên khắp mọi miền của đất nước Lào, máu của các chiến sĩ quốc tế Việt Nam đã hoà quyện với máu của cán bộ, đảng viên, chiến sĩ và nhân dân Lào vì sự sống còn của đất nước Lào.

Nhân dân Lào cũng đã biết bao hy sinh, góp phần mình vào việc tăng cường và củng cố mối quan hệ đặc biệt đó. Nhân dân Lào vô cùng tự hào dọc theo phía Tây dải Trường Sơn đã có con đường mang tên Bác, đã hiên ngang đứng vững trước hàng triệu tấn bom đạn của quân thù, cùng với con đường phía Đông Trường Sơn góp phần to lớn vào sự nghiệp giải phóng nước Lào và miền Nam Việt Nam. Mối quan hệ đặc biệt đó thường xuyên thể hiện bằng tình cảm đặc biệt của Bác đối với cán bộ và nhân dân Lào chúng tôi. Trong trái tim tôi luôn luôn khắc sâu kỷ niệm trong một lần gặp Bác. Lúc đó trời rét căm căm, tôi húng hắng ho, Bác đã lấy ngay chiếc khăn của Bác quàng vào cổ tôi. Được sưởi ấm trong hơi ấm của Bác, tôi rất xúc động và hiểu rằng Người muốn qua tôi gửi muôn vàn tình thương yêu tới cán bộ, đảng viên, chiến sĩ và nhân dân các bộ tộc Lào.

Tình yêu thương rộng lớn của Bác đã được thể hiện sâu sắc trong những vần thơ bất hủ của Người nói lên tấm lòng của hai dân tộc Việt - Lào:

"Thương nhau mấy núi cũng trèo,

Mấy sông cũng lội, mấy đèo cũng qua.

Việt - Lào hai nước chúng ta

Tình sâu hơn nước Hồng Hà, Cửu Long".

Để thực hiện di huấn của Bác, để xứng đáng với xương máu của biết bao liệt sĩ, anh hùng, với bao dòng nước mắt đau thương của biết bao bà mẹ, người chị, với công sức và tâm huyết của biết bao đồng bào, đồng chí hai nước chúng ta, trong ngày lễ thiêng liêng này, chúng tôi nguyện cùng nhân dân Việt Nam giữ gìn mãi mãi tình đoàn kết đặc biệt đó. Từ thế hệ này sang thế hệ khác, tình đoàn kết chân thành đó

mãi mãi là truyền thống quý báu của nhân dân hai nước, không một kẻ thù nào có thể phá vỡ nổi.

Đến Việt Nam lần này, Đoàn đại biểu cấp cao của Đảng và Nhà nước Lào rất vui mừng trước những thắng lợi to lớn của Việt Nam trong công cuộc đổi mới và kết quả tốt đẹp của Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam. Điều đó chứng minh đường lối đổi mới và bước đi cụ thể mà Ban Chấp hành Trung ương Đảng, đứng đầu là đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh kính mến, đã đề ra là đúng đắn. Nó nói lên Đảng Cộng sản Việt Nam luôn luôn xứng đáng là một đảng mác-xít - lê-nin-nít kiên cường do Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu sáng lập và rèn luyện, đã vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào điều kiện thực tế trách nhiệm với nhân dân, giai cấp, dân tộc và quốc tế. Đảng đã khẳng định đúng đắn thành quả đã đạt được và con đường đi lên của cách mạng Việt Nam, đồng thời dũng cảm chỉ ra sai lầm khuyết điểm và kiên quyết động viên toàn Đảng, toàn dân và toàn quân sửa chữa để tiến lên. Thắng lợi đó cũng là thắng lợi của lòng dũng cảm tuyệt vời, trí thông minh và tài năng sáng tạo của dân tộc Việt Nam đã chiến thắng oanh liệt những đế quốc to và đang vượt qua mọi khó khăn thử thách để xây dựng đất nước giàu mạnh, cuộc sống ấm no, hạnh phúc. Chúng tôi đánh giá cao những thắng lợi của Việt Nam, coi đó là sự đóng góp tích cực vào sự nghiệp bảo vệ thành quả xã hội chủ nghĩa, chống sự xâm nhập chống phá quyết liệt của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực chống chủ nghĩa xã hội hiện nay.

Nước Lào chúng tôi cũng đang tiến hành công cuộc đổi mới toàn diện mà trọng tâm của nó là phát triển sản xuất, cải thiện đời sống và phát huy quyền làm chủ của nhân dân các bộ tộc trong mọi lĩnh vực hoạt động của đất nước. Chúng tôi cũng đã giành được kết quả bước đầu. Từ thực tiễn công cuộc đổi mới của Lào, chúng tôi thấy rằng muốn đổi mới thành công phải kiên định con đường đi lên mà Đại hội lần thứ III và thứ IV của Đảng đã vạch ra, phải biết vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin và kinh nghiệm của các nước anh em phù hợp với thực tiễn đất nước. Đảng phải tự đổi mới để lãnh đạo công cuộc đổi mới của đất nước, tăng cường mối quan hệ máu thịt với nhân dân các bộ tộc và phải luôn luôn phân rõ bạn, thù, không để cho chủ nghĩa đế quốc và các thế lực chống chủ nghĩa xã hội lợi dụng đổi mới, cải tổ và những khó khăn trước mắt để phủ định thành quả cách mạng, thực hiện diễn biến hoà bình và lật đổ chế độ mới.

Trong suốt quá trình chiến đấu cứu nước bảo vệ Tổ quốc và xây dựng chế độ mới, Đảng, Nhà nước và nhân dân Lào đã luôn luôn được Đảng, Nhà nước và nhân dân Việt Nam dành cho sự ủng hộ mạnh mẽ và sự giúp đỡ to lớn chí tình và có hiệu quả. Thay mặt Đảng, Nhà nước và nhân dân Lào tôi xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc nhất đối với sự giúp đỡ quý báu đó và xin gửi đến các anh chị em thương bệnh binh, gia đình liệt sĩ và anh chị em cán bộ, chiến sĩ, các chuyên gia đã chiến đấu và công tác giúp Lào, lòng biết ơn chân thành và lời thăm hỏi ân cần nhất.

Trong lễ kỷ niệm lần thứ 100 Ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh và sau hơn 20 năm từ ngày Bác đi xa, chúng tôi rất vui mừng báo cáo với Bác đã làm hết sức mình để thực hiện những điều Bác đã dặn dò, nhưng chúng tôi còn ân hận là chưa làm đầy đủ và thật tốt lời Bác dạy.

Hiện nay, trước những thử thách mới, tình hình quốc tế lại hết sức phức tạp, chúng tôi càng phải nắm vững những lời dạy của Bác để tăng cường đoàn kết các lực lượng hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội, chống âm mưu đen tối của các thế lực đế quốc và phản động. Lúc này hơn bao giờ hết, chúng tôi sẽ làm hết sức mình để tăng cường liên minh đoàn kết đặc biệt Lào - Việt Nam. Lào - Việt Nam - Cam-pu-chia, kiên quyết bảo vệ mối quan hệ truyền thống đoàn kết đặc biệt đó - di sản quý báu do Bác để lại như bảo vệ con người của mắt mình.

Đảng Nhân dân cách mạng Lào, nhân dân các bộ tộc Lào mãi mãi tuân theo các lời dạy bảo của Bác, nguyện từ thế hệ này sang thế hệ khác, luôn luôn là người kế tục trung thành sự nghiệp của Bác, vì đó là chân lý độc lập, tự do, thống nhất, thịnh vượng của nhân dân Lào.

Chủ nghĩa Mác - Lê-nin muôn năm!

Bác Hồ sống mãi trong sự nghiệp cách mạng của chúng ta!

Tinh thần đoàn kết đặc biệt Lào - Việt Nam, Lào - Việt Nam - Cam-pu-chia đời đời bền vững.

**SỰ NGHIỆP GIẢI PHÓNG DÂN TỘC
VÀ SỰ NGHIỆP GIẢI PHÓNG XÃ HỘI LÀ HAI ĐIỂM
THEN CHỐT TRONG HỌC THUYẾT CỦA NGƯỜI**

(Trích)

PHI-ĐEN CA-XTO-RÔ

*Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành trung ương
Đảng Cộng sản Cu-ba phát biểu tại Hà Nội,
ngày 12-9-1973*

Việt Nam là một tên gọi vô cùng thân thiết, vô cùng gần gũi đối với trái tim của mọi người Cu-ba. Việt Nam đối với chúng tôi là một tấm gương, một nguồn cổ vũ trong cuộc đấu tranh của chúng tôi. Nhân dân Cu-ba hiểu rất rõ vai trò vô cùng lớn lao của nhân dân Việt Nam trong phong trào cách mạng và trong phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới. Việt Nam đã nêu cho tất cả dân tộc bị áp bức, bóc lột trên thế giới một bài học bất hủ. Không có một phong trào giải phóng dân tộc nào, không một dân tộc nào đã từng đấu tranh để giành độc lập của mình mà đã phải tiến hành một cuộc đấu tranh lâu dài và anh hùng như nhân dân Việt Nam. Cần nhắc lại hoàn cảnh rất khó khăn, phức tạp khi nhân dân Việt Nam bắt đầu cuộc đấu tranh của mình. Nói tới điều đó không thể không nhắc tới cái tên vô cùng tôn kính và thân yêu: Chủ tịch Hồ Chí Minh. Do hiểu rõ tầm quan trọng lịch sử vô cùng lớn lao và ảnh hưởng của cuộc Cách mạng tháng Mười vinh quang, do tiếp thu tư tưởng sáng ngời của Lê-nin, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thấy rất rõ trong chủ nghĩa Mác - Lê-nin bài học và con đường để tìm ra giải pháp cho tất cả các dân tộc bị chủ nghĩa thực dân áp bức và bóc lột. Đồng chí Hồ Chí Minh đã kết hợp một cách thiên tài cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc và cuộc đấu tranh vì quyền lợi của quần chúng bị bọn phong kiến và giai cấp bóc lột áp bức. Người đã tìm ra con đường kết hợp giữa những tư tưởng yêu nước của các dân tộc với sự cần thiết phải giải thoát họ khỏi sự bóc lột xã hội.

Sự nghiệp giải phóng dân tộc và sự nghiệp giải phóng xã hội là hai điểm then chốt trong học thuyết của Người. Chủ tịch Hồ Chí Minh còn thấy rằng các

dân tộc lạc hậu do sự áp bức, bóc lột của chủ nghĩa thực dân có thể có những bước nhảy vọt trong lịch sử và xây dựng nền kinh tế của mình theo con đường xã hội chủ nghĩa, không phải trải qua sự hy sinh và những nỗi kinh hoàng của chủ nghĩa tư bản. Chủ tịch Hồ Chí Minh không những có quan điểm chiến lược rõ ràng mà còn thấy sự cần thiết phải thành lập và xây dựng một đảng tiên phong lãnh đạo cuộc đấu tranh đó. Và chính Người đã bắt tay xây dựng nên Đảng Cộng sản Đông Dương, và sau này là Đảng Lao động Việt Nam. Người đã tổ chức nên Đảng, giáo dục Đảng và rèn luyện Đảng trong cuộc đấu tranh. Chính nhờ vậy mà nhân dân Việt Nam đã có được đội tiên phong của mình, một Đảng sáng suốt biết đoàn kết tất cả các lực lượng tiến bộ của nhân dân trong một mặt trận rộng rãi để đưa họ đến thắng lợi. Chúng tôi nghĩ rằng tất cả các dân tộc bị áp bức trên thế giới sẽ tìm thấy trong cuộc đời của đồng chí Hồ Chí Minh, trong tư tưởng chính trị của Người, trong quan điểm chiến thuật và chiến lược trong sáng của Người, một nguồn trí thức vô cùng phong phú để giải quyết những vấn đề của bản thân mình. Đồng chí Hồ Chí Minh đã biết vận dụng một cách thiên tài vào hoàn cảnh cụ thể của Việt Nam những nguyên lý bất hủ của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, và lịch sử đã chứng minh sự đúng đắn của Người. Vì nếu làm khác đi thì không một dân tộc nào có thể viết được trang sử vẻ vang và anh hùng như nhân dân Việt Nam: đánh bại chủ nghĩa thực dân Pháp và sau đó đánh bại chủ nghĩa đế quốc Mỹ.

Nhân dân Việt Nam vốn là một dân tộc nhỏ bé và nghèo nàn nhưng đã đánh bại hai lực lượng phản động hùng mạnh nhất trong thế giới hiện đại. Đó là một tấm gương vĩ đại mà nhân dân Việt Nam đã nêu cho thế giới. Ngoài ra, Chủ tịch Hồ Chí Minh còn có một quan niệm rất rõ về các lực lượng của phong trào cách mạng quốc tế. Ngay từ đầu, Người đã hiểu rằng cách mạng Việt Nam là bộ phận của các lực lượng ấy. Chính Người đã dựa vào các lực lượng của phong trào cách mạng quốc tế và dựa vào sự đoàn kết của phong trào cách mạng ấy, vì nếu không có sự đoàn kết đó thì không một dân tộc nào có thể thắng được các lực lượng hùng mạnh của chủ nghĩa đế quốc trên thế giới ngày nay. Đây là một trong những bài học tuyệt vời khác mà Đảng Lao động Việt Nam và nhân dân Việt Nam đã chỉ ra tất cả các dân tộc cách mạng trên thế giới. Ngoài ra, Chủ tịch Hồ Chí Minh là một người bảo vệ kiên quyết nhất sự đoàn kết của các lực lượng tiến bộ và cách mạng trên thế giới. Người hiểu rằng mọi sức mạnh cần thiết để chiến thắng kẻ thù đế quốc chính là ở trong sự đoàn kết đó.

CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH SỐNG MÃI TRONG TRÁI TIM NHỮNG NGƯỜI CỘNG SẢN VÀ TRONG TÌNH CẢM NHÂN DÂN TIẾN BỘ TRÊN THẾ GIỚI

HÈNG XOM-RIN

*Chủ tịch Đảng Nhân dân cách mạng
Cam-pu-chia*

Đoàn đại biểu cấp cao Đảng và Nhà nước Cam-pu-chia vô cùng phấn khởi được đến dự buổi mít tinh trọng thể kỷ niệm lần thứ 100 Ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh, người con ưu tú của nhân dân Việt Nam, vị lãnh tụ thiên tài của Đảng Cộng sản Việt Nam anh em.

Thay mặt Đảng, Chính phủ và toàn thể nhân dân Cam-pu-chia và thay mặt Đoàn, tôi xin bày tỏ sự cảm ơn chân thành và sâu sắc đối với các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã dành cho Đoàn chúng tôi sự đón tiếp với tình cảm anh em hết sức thân thiết và nồng nhiệt.

Tôi xin bày tỏ lòng cảm ơn về những lời lẽ thắm đậm tình cảm anh em của đồng chí Nguyễn Văn Linh, đã một lần nữa khẳng định truyền thống giữa nhân dân hai nước Cam-pu-chia - Việt Nam anh em.

Tổ quốc Việt Nam đã sinh ra một người con ưu tú và dân tộc Việt Nam hoàn toàn có quyền tự hào về người con của mình. Đó là Chủ tịch Hồ Chí Minh. Hai chữ "Hồ Chí Minh - Việt Nam" đã gắn chặt với nhau trong một thời kỳ dài của cuộc đấu tranh của dân tộc Việt Nam và được thế giới biết rất rõ. Chủ tịch Hồ Chí Minh, người sáng lập ra Đảng Cộng sản Đông Dương, tiền thân của Đảng Cộng sản Việt Nam, Đảng Nhân dân cách mạng Lào. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã hiến dâng cả cuộc đời cao quý của mình không chỉ cho sự nghiệp giải phóng đất nước Việt Nam mà còn cống hiến to lớn vào sự nghiệp giải phóng các dân tộc Đông Dương, vì sự tiến bộ, vì chủ nghĩa xã hội và hoà bình trên thế giới.

Tư tưởng cao đẹp xuyên suốt mọi hoạt động cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh thể hiện trong câu nói của Người: "Không có gì quý hơn độc lập tự do". Đó là chân lý và là mục tiêu của thời đại.

Dưới sự lãnh đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Cách mạng tháng Tám đã thu được thắng lợi và nước Việt Nam dân chủ cộng hoà. Nhà nước công nông đầu tiên và duy nhất ở Đông Nam Á đã ra đời.

Tấm gương anh hùng và đạo đức đầy lòng yêu nước thương dân sâu sắc nhất, tính chiến đấu kiên quyết chống thực dân đế quốc của Người được truyền lại cho những người con của dân tộc Việt Nam, các thế hệ sau đã tiến hành cuộc đấu tranh anh dũng, vượt qua mọi khó khăn trở ngại to lớn, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đã đánh bại đế quốc Mỹ xâm lược, giành thắng lợi hoàn toàn vào tháng 4-1975, thống nhất đất nước Việt Nam, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc tươi đẹp và phồn vinh.

Chủ tịch Hồ Chí Minh sống mãi trong trái tim những người cộng sản và trong tình cảm của nhân dân tiến bộ trên thế giới. Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhà hoạt động lỗi lạc của phong trào cộng sản quốc tế và phong trào giải phóng dân tộc, nhà mác-xít - lê-nin-nít kiên cường. Chủ tịch Hồ Chí Minh là một chiến sĩ đấu tranh, không mệt mỏi vì sự nghiệp xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa. Tên tuổi của Người sống mãi trong sự nghiệp và trong những thành tựu của Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia đang tiến bước vững chắc trên con đường xây dựng sự nghiệp phồn vinh của mỗi nước.

Tình đoàn kết chiến đấu lâu đời Cam-pu-chia - Việt Nam cũng như Cam-pu-chia - Việt Nam - Lào do Chủ tịch Hồ Chí Minh dày công vun đắp và chăm sóc đã được tôi luyện và thử thách trong cuộc kháng chiến cứu nước đầy hy sinh và gian khổ, là nhân tố quyết định sự thắng lợi và sự phát triển của cách mạng mỗi nước và là sức mạnh bảo đảm cho nhân dân ba nước Cam-pu-chia - Việt Nam - Lào tiến lên giành những thắng lợi mới.

11 năm qua, cùng với sự giúp đỡ của các nước bạn bè xã hội chủ nghĩa, sự giúp đỡ hết sức to lớn và vô giá của Đảng, Chính phủ và nhân dân Việt Nam anh hùng, kể cả việc hy sinh xương máu của mình đã góp phần to lớn và quý báu vào việc làm cho đất nước Cam-pu-chia được hồi sinh và tươi đẹp như ngày nay.

Tình hình Cam-pu-chia 11 năm qua nhất là sau khi rút hết quân tình nguyện Việt Nam khỏi đất nước Cam-pu-chia (tháng 9-1989) đã chứng minh rằng những âm mưu thâm độc của kẻ thù không thể lật đổ được cách mạng Cam-pu-chia. Vượt qua những mất mát và khó khăn, nhân dân Cam-pu-chia chúng tôi đã thu được những thành tựu có ý nghĩa sâu sắc về mọi mặt. Hiện nay Đảng, Chính phủ và nhân dân Cam-pu-chia tiếp tục thực hiện một cách nhất quán và đầy đủ chính sách hoà hợp dân tộc, và đã liên tiếp đưa ra sự nhượng bộ với mong muốn sớm chấm dứt xung đột ở Cam-pu-chia và mang lại hoà bình, hạnh phúc thật sự cho Tổ quốc và nhân dân. Nhưng điều hết sức đáng tiếc là cho đến nay cả ba nhóm Khơ-me phản động lại bác bỏ những gì là nguyện vọng tha thiết của nhân dân Cam-pu-chia. Họ thật sự thiếu thiện chí trong việc hoà giải để chấm dứt chiến tranh. Họ vẫn chủ tâm muốn tiếp tục cuộc chiến tranh và ra sức phá hoại những cố gắng hoà bình của chúng tôi trong các hoạt động ngoại giao. Một số nước tuy tỏ lo ngại về khả năng quay trở lại của chế độ diệt chủng Pôn Pốt nhưng cũng chưa đóng góp được biện pháp thiết thực nào để ngăn chặn điều đó, ngược lại họ còn tiếp tục cung cấp vũ khí cho bọn diệt chủng, cộng tác với bọn diệt chủng để phản kích lại các lực lượng chống chế độ Pôn Pốt.

Nhân đây, một lần nữa chúng tôi xin khẳng định sự ủng hộ của mình đối với giải pháp toàn bộ cho vấn đề Cam-pu-chia. Nhưng chúng tôi hiểu rằng để tiến tới mục tiêu đó cần phải bắt đầu từ một số việc then chốt, cơ bản như sau:

- Ngừng bắn.
- Chấm dứt viện trợ quân sự.
- Kiểm soát quốc tế.

Dù sao chúng tôi cũng tin rằng sự nghiệp chính nghĩa của nhân dân Cam-pu-chia sẽ được sự ủng hộ của các nước anh em và của nhân dân tiến bộ trên thế giới. Chúng tôi tin tưởng vững chắc rằng chính nghĩa nhất định sẽ thắng.

Nhân dịp trọng thể này, thay mặt Đảng, Chính phủ và nhân dân Cam-pu-chia chúng tôi xin bày tỏ niềm tự hào sâu sắc về những thắng lợi rực rỡ mà Đảng, Chính phủ và nhân dân Việt Nam anh em đã đạt được trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc tươi đẹp của mình và những thắng lợi bước đầu đang đạt được trong việc thực hiện một cách sáng tạo

Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ VI của Đảng Cộng sản Việt Nam. Với tình cảm anh em cách mạng, Đảng, Chính phủ và toàn thể nhân dân Cam-pu-chia coi những thắng lợi nói trên như thắng lợi của chính mình và cho đó là sự đóng góp tích cực vào sự nghiệp hoà bình, ổn định và tiến bộ xã hội ở Đông Dương cũng như ở Đông Nam Á và trên thế giới.

Chúng tôi xin bày tỏ sự ủng hộ mạnh mẽ đối với những cố gắng của Đảng, Chính phủ và nhân dân Việt Nam anh em nhằm bình thường hóa quan hệ với nước láng giềng, coi đó là sự đóng góp quan trọng vào việc làm dịu tình hình trong khu vực và trên thế giới.

Kỷ niệm lần thứ 100 Ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh, hơn bao giờ hết, nhân dân hai nước Cam-pu-chia - Việt Nam anh em càng tăng cường cảnh giác trước âm mưu thâm độc của kẻ thù, càng ra sức phấn đấu để hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ bảo vệ và xây dựng Tổ quốc của mỗi nước và, hơn bao giờ hết, nhân dân hai nước Cam-pu-chia - Việt Nam, cũng như nhân dân ba nước Cam-pu-chia - Việt Nam - Lào anh em, thực hiện lý tưởng trong sáng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, càng phải ra sức củng cố và phát triển tình hữu nghị, tăng cường khối đoàn kết cùng nhau tiến bước vững chắc vì độc lập, tự do, dân chủ và phồn thịnh của mỗi nước, vì hoà bình, ổn định trong khu vực và trên thế giới.

- Tình đoàn kết, hữu nghị keo sơn bất diệt Cam-pu-chia - Việt Nam; Cam-pu-chia - Việt Nam - Lào muôn năm!

- Chủ tịch Hồ Chí Minh sống mãi trong sự nghiệp của chúng ta!

BÁC HỒ CỦA TÔI, BÁC HỒ CỦA CÁC BẠN, BÁC HỒ CỦA CÁC DÂN TỘC TRÊN THẾ GIỚI*

RÔ-MÉT CHAN-ĐRA

Chủ tịch Hội đồng Hoà bình thế giới

Hôm nay, nhân danh hàng trăm triệu người nam nữ bình thường của tất cả các nước có đại diện trong Hội đồng Hoà bình thế giới và các phong trào quần chúng quốc gia và quốc tế thành viên tại 145 nước trên khắp các lục địa, tôi xin chào mừng các bạn.

Hồ Chí Minh đã một trăm tuổi, mới có một trăm tuổi. Đây là lễ sinh nhật thứ 100 của Bác Hồ của tôi, Bác Hồ của các bạn, Bác Hồ của các dân tộc trên thế giới.

Hồ Chí Minh đang sống, Hồ Chí Minh đang ở đây, ở giữa chúng ta. Các bạn hãy nhắm mắt lại một khoảnh khắc. Lẽ nào các bạn lại không thấy nụ cười hiền từ đầy tình thương yêu của Người?

Ngọn cờ Hồ Chí Minh đang được giương cao bởi tất cả các dân tộc, tất cả các hiệp hội và tổ chức quần chúng, tất cả các cá nhân, tất cả những ai hoạt động vì hoà bình, vì độc lập dân tộc và tự do, vì dân chủ và nhân văn, vì công bằng xã hội và kinh tế.

Tôi tự hào vì cuộc đời của riêng tôi, cũng như cuộc đời của biết bao nhà hoạt động hoà bình khác, đã gắn liền với đất nước Việt Nam của Hồ Chí Minh, với nhân dân của Hồ Chí Minh. Trong những thời kỳ chủ yếu của cuộc đấu tranh vẻ vang của nhân dân Việt Nam, chúng tôi đã có điểm phức được có mặt ở đây, trong lòng các bạn, được học hỏi các bạn, được đứng bên cạnh các bạn. Cứ mỗi thời kỳ chúng tôi lại đem đến cho các dân tộc trong Hội đồng Hoà bình thế giới và tới những phong trào quần chúng khác ủng hộ sự nghiệp tốt đẹp nhất của toàn nhân loại

* Đầu đề do chúng tôi đặt (BT).

thông điệp của Việt Nam. Cứ mỗi thời kỳ, đó lại là thông điệp của lòng dũng cảm và chủ nghĩa anh hùng, của sự trung thành với nguyên tắc, của sự thống nhất và vững chãi trước mặt chủ nghĩa đế quốc và phản động, của tình đoàn kết quốc tế.

Được sự cổ vũ của Lê-nin, Cách mạng tháng Mười và của Liên Xô, Hồ Chí Minh đã lãnh đạo cuộc đấu tranh của Việt Nam vì độc lập dân tộc. Trái tim chúng tôi ở bên nhân dân Việt Nam khi các bạn chiến đấu chống thực dân Pháp. Chúng tôi vui cùng các bạn, nhân dân đất nước của Hồ Chí Minh, khi các bạn đánh bại bọn thực dân. Điện Biên Phủ là thắng lợi của các bạn, đối với nhân dân các bạn và đối với mọi dân tộc trên hành tinh này.

Tôi đã đứng giữa đống đổ nát của phố phường Hà Nội bị đánh bom sau những trận ném bom "Nô-en" khủng khiếp của bọn đế quốc Mỹ. Tôi đã đứng bên những nam nữ thanh niên dũng cảm đã bảo vệ Hà Nội bằng súng phòng không. Và tôi đã chuyển tới mọi miền đất nước lời nói của các đồng chí Việt Nam của tôi: "Việt Nam chắc chắn sẽ đánh bại đế quốc Mỹ - sức mạnh của chúng tôi chính là ở sự thống nhất của chúng tôi và ở sự đoàn kết của các bạn".

Nhân dân Việt Nam đã đánh bại bọn xâm lược. Một lần nữa bằng lòng quả cảm và những hy sinh của mình, các bạn đã cứu được Tổ quốc mình, và như vậy, đã tăng thêm sức mạnh cho các dân tộc trên thế giới.

Tôi đã có mặt ở biên giới Việt Nam năm 1978, cúi đầu trước năm mộ của những thường dân Việt Nam bị chính quyền Pôn Pốt sát hại trong những trận càn quét vào trong lãnh thổ Việt Nam. Tôi đã chuyển tới toàn thế giới sự thật về những hành động diệt chủng của Pôn Pốt và bè lũ chống lại nhân dân Cam-pu-chia. Chúng tôi đã đứng bên cạnh Việt Nam khi Việt Nam đáp ứng một cách tuyệt vời lời kêu gọi của nhân dân Cam-pu-chia nhằm giúp họ tự giải phóng khỏi tập đoàn Pôn Pốt dã man.

Chúng tôi đã tận mắt nhìn thấy kết quả của sự giúp đỡ vô tư, nhân đạo, thực tế và tự nguyện mà nhân dân Việt Nam dành cho Cam-pu-chia trong việc xây dựng lại nền kinh tế và ngay chính sự sống đã bị bọn sát nhân Khơ-me đỏ tàn phá. Chúng tôi đã nói cho thế giới biết những gì chúng tôi đã thấy, và với sự thật đó, với những cứ liệu mà chúng tôi đã biết, chúng tôi giúp chống lại chiến dịch nói dối và vu cáo ác hiểm chống Việt Nam mà lúc này chính quyền Mỹ và những kẻ chung đường với họ đang tiến hành.

Những đề nghị do Việt Nam, Lào và Cam-pu-chia đưa ra về một khu vực hoà bình và hợp tác ở Đông Nam Á đã được sự ủng hộ của tất cả những người thành tâm tìm kiếm một nền hoà bình thật sự và lâu dài.

Sau khi hoàn thành sứ mệnh hợp tác xây dựng lại Cam-pu-chia, việc Việt Nam rút quân tình nguyện khỏi Cam-pu-chia đã gạt bỏ cái cố giả tạo cuối cùng mà bọn đế quốc dùng để tiếp tục can thiệp vào công việc nội bộ của Cam-pu-chia, trực tiếp và gián tiếp vũ trang và tài trợ cho bọn Pôn Pốt và đồng minh của chúng.

Tuy nhiên trong thực tế, viện trợ quân sự cho các lực lượng vũ trang Pôn Pốt vẫn tiếp tục và còn tăng lên. Khước từ mọi nỗ lực và đề nghị do Thủ tướng Hun-xen và Chính phủ Cam-pu-chia đề ra nhằm hoà giải và vì một giải pháp hoà bình, bọn Pôn Pốt và đồng minh của chúng tiếp tục từ bên ngoài tiến công vào Cam-pu-chia.

Hội đồng Hoà bình thế giới đã luôn luôn đứng bên cạnh nhân dân Việt Nam trong đấu tranh.

Với tư cách đại diện của Hội đồng Hoà bình thế giới, tôi đã có vinh dự là một trong những người tổ chức phong trào thống nhất rộng rãi trong nhiều năm trời, như Hội nghị Xtóc-khôm về Việt Nam, đã hoạt động vì tình đoàn kết với Việt Nam và đòi chấm dứt cuộc xâm lược của Mỹ. Đại diện của các phong trào hoà bình và đoàn kết, của các giáo hội, các nghiệp đoàn, của các hiệp hội phụ nữ, thanh niên, nhà văn, nghệ sĩ, sinh viên, luật gia... với những xu hướng và quan điểm chính trị đa dạng nhất, đều cùng hoạt động vì Việt Nam.

Và như vậy, tại mỗi cuộc biểu tình, trong mọi cuộc mít tinh, lời của Chủ tịch Hồ Chí Minh vang lên, cổ vũ mọi người.

Sau khi Hồ Chí Minh không còn nữa, phong trào đoàn kết ấy vẫn tiếp tục và phát triển, lại vẫn luôn luôn có tên tuổi và lời nói không bao giờ quên của Người vang lên ở khắp nơi, cho tới khi cuộc xâm lược phải chấm dứt và cũng là khi chiến thắng.

Cuộc đấu tranh của Việt Nam và phong trào đòi chấm dứt cuộc xâm lược của Mỹ đã làm thay đổi bộ mặt của phong trào hoà bình: Từ nay trở đi, khác hẳn trước đây, tất cả đều hiểu sự gắn bó không thể tách rời giữa đấu tranh vì hoà bình với đấu tranh vì độc lập dân tộc - hạt nhân chống đế quốc của phong trào hoà bình.

Kỷ niệm lần thứ 90 Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh năm 1980, Hội đồng Hoà bình thế giới phối hợp với Ủy ban Hoà bình Việt Nam đã tổ chức một hội nghị đặc biệt ở Hà Nội để trao đổi ý kiến về sự đóng góp của Người đối với sự phát triển và tăng cường của các phong trào hoà bình và giải phóng trong thời đại chúng ta.

Hôm nay, chúng tôi lại có mặt ở Việt Nam để được nghe Đảng, Chính phủ và nhân dân Việt Nam thông báo về những kết quả quan trọng đã đạt được trong công cuộc đổi mới, trong việc thực hiện những quyết định của Đại hội toàn quốc lần thứ VI của Đảng Cộng sản Việt Nam. Chúng tôi tới đây để được biết cách thức mà toàn Đảng và toàn dân các bạn đang làm nhằm đẩy mạnh tiến trình đổi mới trong mọi lĩnh vực, củng cố và phát triển những thành tựu đã đạt được, khắc phục thiếu sót và yếu kém, nhanh chóng giải quyết những vấn đề cấp bách mà đất nước đang phải đương đầu.

Những hoạt động kỷ niệm lần thứ 100 Ngày sinh Hồ Chí Minh được tiến hành trên phạm vi thế giới theo lời kêu gọi của UNESCO và Hội đồng Hoà bình thế giới là dịp để chúng ta rút ra những bài học mới trong tình hình quốc tế biến động hiện nay, nhằm có tư duy mới, có cách thức mới đưa lại gần hơn những mục tiêu hàng ấp ủ mà cả nhân loại đang phấn đấu vươn tới.

Ngay lúc sinh thời, Hồ Chí Minh đã thấy trước những khó khăn mới đứng trước các nước ngày nay đã giành được độc lập về chính trị, trong giai đoạn lịch sử vĩ đại kết thúc chủ nghĩa thực dân cũ này. Người nói: "Thắng được đế quốc và phong kiến thì tương đối dễ. Thắng được nghèo nàn và lạc hậu mới khó khăn hơn nhiều".

Hồ Chí Minh, trong lời Di chúc nổi tiếng nhất của Người được viết trong khi Mỹ đang xâm lược Việt Nam, đã tuyên bố theo cách đặc trưng của Người:

"Còn non, còn nước, còn người,

Thắng giặc Mỹ, ta sẽ xây dựng hơn mười ngày nay".

Quá trình đổi mới hiện nay đang tiến hành ở Việt Nam chính là quá trình Hồ Chí Minh xây dựng tại Việt Nam.

Hồ Chí Minh từ lâu đã thấy rõ rằng dân tộc đều phải giành lấy và tận dụng những thay đổi trong tình hình quốc tế và quốc gia: "Tận dụng

cơ hội và tạo ra cơ hội". Nhưng Người nhấn mạnh: "Chúng ta phải biết dĩ bất biến ứng vạn biến".

Trong khi sửa chữa sai lầm, các đảng, các phong trào, các dân tộc có thể đôi lúc lại phạm phải sai lầm mới, thậm chí có tính chất nghiêm trọng hơn. Từ bỏ hoặc suy giảm lòng trung kiên đối với nguyên tắc trong thời gian gần đây đã dẫn đến những sai lầm và khủng hoảng nghiêm trọng ở một số nước. Mặt khác, cứng nhắc và không chịu nhìn nhận rằng thế giới đang thay đổi cũng như cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật đòi hỏi phải có tư duy mới và có phản ứng linh hoạt cũng đã dẫn tới những đảo lộn và những vấn đề thảm họa tương tự.

Niềm tin đầy tình cảm của Hồ Chí Minh vào nhân dân đã tạo cho Người sức mạnh đó, không có nó, không thể thành công trong bất cứ sự nghiệp nào.

Người nói: Trên đời này, không gì quý bằng nhân dân. Trên đời này, không gì mạnh bằng sức mạnh đoàn kết của nhân dân. Trong xã hội, không gì cao đẹp bằng phục vụ quyền lợi của nhân dân.

Hiện nay, các lực lượng đế quốc và phản động đang tăng cường sự can thiệp và phá hoại cũng như chiến dịch nói dối và vu cáo của chúng chống lại những nước ủng hộ chủ nghĩa xã hội, ủng hộ tiến bộ kinh tế và xã hội, bảo vệ độc lập dân tộc và chủ quyền của mình, vì nền hoà bình thực sự cho cả thế giới. Bằng bộ máy thông tin tuyên truyền tốn hàng tỷ đồng, chúng tìm cách ép các lãnh tụ của mỗi nước phải tự tách khỏi cội nguồn gốc rễ của mình, chúng đe nẹt hăm dọa họ.

Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam đã chỉ ra một cách đúng đắn và sắc bén rằng "chủ nghĩa xã hội đang trải qua một thời kỳ đầy khó khăn và thử thách nghiêm trọng.

Đồng thời, hội nghị cũng tin tưởng cho rằng "trong cuộc đấu tranh ác liệt nhằm bảo vệ và phát triển chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa xã hội chắc chắn sẽ vượt qua mọi thử thách, từng bước khắc phục những khó khăn, tiếp tục tiến lên phía trước".

Chúng tôi còn được cổ vũ thêm bởi tuyên bố rõ ràng của hội nghị: "Cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội, bất chấp còn nhiều khó khăn gian khổ, chắc chắn sẽ tiếp tục phát triển và không thể lực nào ngăn cản nổi. Đây là quy luật của lịch sử".

Đây là tiếng nói của những ai trung thành với di sản của Hồ Chí Minh. Đây là tiếng nói của Hồ Chí Minh.

Đòi hỏi lúc này là sự tham gia một mặt trận rộng rãi của tất cả các tổ chức và phong trào, tất cả các lực lượng đang hoạt động ở mọi nước vì những sự nghiệp sống còn không thể tách rời nhau - hoà bình, độc lập dân tộc và tự do, giải trừ quân bị và an ninh quốc tế, dân chủ, nhân quyền và quyền của các dân tộc, bảo vệ môi trường tiến bộ và phát triển kinh tế - xã hội.

Chúc cho năm kỷ niệm lần thứ 100 Ngày sinh Hồ Chí Minh, năm 1990, là năm tất cả các dân tộc cùng đến với nhau nhằm xây dựng một trật tự thế giới mới, một trật tự không có chiến tranh, vũ khí hạt nhân, bạo lực và xung đột khu vực, không có nghèo đói, xung đột chủng tộc và sắc tộc, không còn đế quốc và thực dân mới.

Hồ Chí Minh sống mãi trong sự nghiệp của mọi dân tộc, mọi miền đất.

Người không bao giờ chết. Người đang ở đây. Bác Hồ ơi, Bác đang ở đây, và chúng cháu hùng hậu, bởi lẽ Bác đang ở đây.

Bác Hồ của tôi, Bác Hồ của các bạn, Bác Hồ yêu quý và kính mến của tất cả các dân tộc trên thế giới muôn năm.

HỒ CHÍ MINH, MỘT NHÂN VẬT VĨ ĐẠI ĐÃ CỐNG HIẾN TRỌN ĐỜI MÌNH CHO SỰ MỆNH TỰ DO VÀ ĐỘC LẬP*

Tiến sĩ M.AT-MÉT

*Giám đốc UNESCO khu vực châu Á - Thái Bình Dương,
Đại diện đặc biệt của Tổng Giám đốc UNESCO*

Đây thật sự là một niềm vinh dự cho tôi được phát biểu trước các nhà trí thức và thông thái cao quý tụ tập ở đây ngày hôm nay để kỷ niệm 100 năm Ngày sinh Hồ Chí Minh, người chiến sĩ dũng cảm đã giải phóng dân tộc mình khỏi một thế kỷ đô hộ thực dân, bằng sự lãnh đạo khôn khéo và quyết tâm vững chắc. Người là một trong những động lực đầu tiên của phong trào chống thực dân thời kỳ sau Đại chiến thế giới thứ hai ở châu Á, và là một trong những lãnh tụ có ảnh hưởng nhiều nhất của các dân tộc ở thế kỷ XX. Hội nghị UNESCO phiên thứ 24 đã quyết định kỷ niệm 100 năm Ngày sinh của Người vào năm 1990. Đây là một cử chỉ tôn kính đối với một nhân vật vĩ đại đã cống hiến trọn đời mình cho sự mệnh tự do và độc lập. UNESCO rất vui sướng được tham gia vào sự kiện đáng ghi nhớ này. Điều đó biểu hiện sự cam kết sâu sắc của tổ chức này trong việc duy trì các giá trị và công lao của nhân vật vĩ đại được nhân loại công nhận và kính trọng. Những tình cảm này được thể hiện rõ rệt trong Nghị quyết của Đại hội đồng với sự nhấn mạnh rằng: Tư tưởng của Người chứa đựng nguyện vọng của nhân dân muốn khẳng định nền văn hóa riêng của mình và xúc tiến sự hiểu biết lẫn nhau. Nghị quyết này cũng yêu cầu Tổng Giám đốc UNESCO giúp đỡ cho các hoạt động kỷ niệm được tổ chức nhân dịp này, đặc biệt ở Việt Nam.

Tên gọi cuộc Hội thảo khoa học là "Chủ tịch Hồ Chí Minh - Anh hùng giải phóng dân tộc Việt Nam, nhà văn hóa lớn" nhằm nêu bật

* Đầu đề do chúng tôi đặt (BT).

nhiều mặt của nhân cách con người vĩ đại này. Do đó, tôi thấy sẽ không khiếm tốn nếu bàn về cuộc đời và các thành tựu của Người khi bao nhiêu diễn giả nổi tiếng có mặt tại đây và là những người mà tôi tin chắc sẽ góp phần quan trọng là điều sẽ rất đáng ca ngợi và làm phong phú kinh nghiệm cho mọi người.

Đây là một thành tựu không nhỏ đối với Người, con một nhà Nho của một nước nghèo. Người trở thành nhà lãnh đạo không thể chối cãi của nhân dân Việt Nam và riêng mình đã phải chịu đựng những khó khăn khủng khiếp suốt trên ba thập kỷ. Nếu ta nhìn về thời niên thiếu của Người, chúng ta thấy một con người đang lo tìm một nơi cắm neo. Người không thể hoàn tất việc học tập của mình và sau đó đã trở thành một thầy giáo. Người vào học một trường kỹ thuật. Trong vài năm trời, Người trở thành một thủy thủ đi hết hải cảng này đến hải cảng khác. Giữa chiến tranh thế giới thứ nhất, ta lần lượt gặp Người là người coi vườn, quét tuyết, hầu bàn, rửa ảnh và thợ đốt lò. Dĩ nhiên Người cảm thấy không thanh thản và lo tìm một ý nghĩa cho cuộc sống của mình.

Chính ở Pháp, giữa 1917 và 1923, Người đã trở thành một nhà xã hội chủ nghĩa tích cực và chính vào lúc này, ta thấy bản chất thực sự của Người bùng nổ. Năm 1920, được cổ vũ bởi thành công của cách mạng cộng sản ở Nga, Người đứng về phía những người cộng sản Pháp khi họ rút khỏi Đảng Xã hội. Đây là một bước ngoặt lớn và về sau dẫn tới việc thành lập Đảng Cộng sản Đông Dương năm 1930. Người tích cực xây dựng lực lượng của phong trào yêu nước ở Việt Nam và bắt tay với đồng minh chống Nhật. Khi cuộc chiến tranh kết thúc, cuộc tổng khởi nghĩa đã nổ ra trong cả nước. Ngày 2 tháng 9 năm 1945, trước một cuộc mít tinh lớn ở Quảng trường Ba Đình, Hồ Chủ tịch tuyên bố Việt Nam độc lập, Người nói:

"Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc"¹. Nhưng Người đã không được nghỉ ngơi. Thế nhưng Người không bỏ cuộc. Người khôn khéo kết hợp chiến thuật với ngoại giao, kiên trì thương lượng, bởi vì Người biết rằng thời gian thuộc về phía mình. Quan điểm sáng suốt

1. Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 4, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1984, tr.1.

và khả năng làm chủ sự kiện giúp Người đạt mục tiêu của mình. Lòng yêu nước của Người được phát huy cùng với sự hiểu biết sâu sắc về khoa học chính trị và quân sự, về lịch sử và văn hóa, và trên tất cả Người hết lòng yêu mến nhân dân. Trong khi chiến đấu cả đời mình chống lại ách thống trị thực dân, Người vẫn là một nhà nhân văn chân chính trong tư tưởng và hành động.

Bây giờ cho phép tôi đề cập đến một phương diện khác về con người Hồ Chủ tịch, đó là một nhà văn hóa lớn. Việt Nam là một nước tương đối đồng nhất về mặt xã hội; xét theo quan điểm dân tộc thì vào khoảng 85% toàn bộ nhân dân cùng có chung một nền văn hóa Việt Nam chủ đạo. Tuy nhiên, sự tồn tại của nhiều nhóm thiểu số tôn giáo cùng với các nhóm thiểu số dân tộc thật sự tạo ra nhiều khó khăn trong việc hình thành một xã hội liên kết. Tuy vậy, Hồ Chí Minh đã thành công trong việc liên kết nhiều sắc thái văn hóa vào một nền văn hóa Việt Nam duy nhất. Người đã làm được việc này nhờ sự hiểu biết sâu sắc và tôn trọng những đặc điểm văn hóa khác nhau. Người đã hoàn thành được nhiệm vụ này và trong việc làm lời nói của Người, ta có thể nhìn thấy rõ hình ảnh, tư tưởng của nhà thơ, nhà văn, nhà nghệ sĩ dân ca, những người đem lại nguồn cảm xúc cho nhiều thế hệ nhân dân Việt Nam. Cuộc đời của Người mang ảnh hưởng của những giá trị và truyền thống dân tộc, có những đóng góp vào việc tạo nên một nền văn hóa Việt Nam hiện đại. Chỉ có ít nhân vật trong lịch sử trở thành một bộ phận của huyền thoại ngay khi còn sống và rõ ràng Hồ Chí Minh là một trong số đó. Người sẽ được ghi nhớ không phải chỉ là người giải phóng cho Tổ quốc và nhân dân bị đô hộ, mà còn là một nhà hiền triết hiện đại đã mang lại một viễn cảnh và hy vọng mới cho những người đang đấu tranh không khoan nhượng để loại bỏ bất công, bất bình đẳng khỏi trái đất này. Tôi hy vọng cuộc Hội thảo này sẽ làm sáng tỏ thêm cuộc đời và thành tích của Hồ Chí Minh. Đó là một đóng góp có ý nghĩa nhất vào việc tưởng niệm nhân vật vĩ đại.

CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH - VỊ ANH HÙNG KHÔNG NGHĨ TỚI MÌNH

*U.BÓC-SÉT
(Ô-xtrây-li-a)*

TẤM GƯƠNG CỦA NHÂN DÂN VIỆT NAM

Nói tới một con người mà cả cuộc đời đã để lại ân tình sâu nặng cho nhân dân thì không có một ai khác ngoài Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh, điều ân hận là Người đã qua đời trước khi hoàn thành sự nghiệp cách mạng và đạt được mục đích giành độc lập hoàn toàn cho một nước Việt Nam thống nhất mà Người đã cống hiến cả đời mình, nhưng ít nhất thì Người cũng đã ra đi với một lòng tin tưởng vào thắng lợi không còn bao xa nữa.

Đồng chí Hồ Chí Minh là một người đã cảm hóa tất cả mọi người Việt Nam từ già đến trẻ. Người là một con người thẳng thắn, khiêm tốn, giản dị. Hình ảnh anh hùng không nghĩ tới mình trước sau như một của Người, từ cuộc kháng chiến chống Pháp của Việt Minh trước đây đến cuộc kháng chiến chống Mỹ của Việt cộng (Mặt trận Dân tộc giải phóng) ngày nay, đã cổ vũ trở thành tấm gương cho hàng chục vạn thanh niên Việt Nam thà chết, không chịu làm nô lệ.

Từ khi bắt đầu ném bom miền Bắc, Mỹ đã dùng mọi cách tàn phá những công trình công nghiệp, y tế, giáo dục - tất cả đều được xây dựng sau khi thắng Pháp - hầu như tất cả những di sản của tổ tiên để lại cũng đều bị bom đạn Mỹ biến thành những đồng gạch vụn, nhưng toàn thể nhân dân miền Bắc Việt Nam đều tuân theo lời dạy của Hồ Chủ tịch: "Không có gì quý hơn độc lập tự do" dù có bị tàn phá nặng nề đến như thế nào, dù cả Hà Nội và Hải Phòng cũng bị tàn phá chẳng nữa.

Trong thời gian miền Bắc bị ném bom ác liệt nhất, một nông dân Việt Nam đã nói với tôi: "Ném bom quả là đáng sợ thật, nhưng so với ách chiếm đóng của bọn thực dân thì không nghĩa lý gì. Có bị tàn phá thì chúng tôi lại xây dựng lại".

LÀM VIỆC Ở NGOÀI HIÊN

Một chuyện điển hình về Hồ Chủ tịch là sau khi kháng chiến chống Pháp thắng lợi, Người đã đặt văn phòng Chủ tịch ở một căn nhà nguyên là chỗ ở của những nhân viên phục vụ phủ toàn quyền của Pháp trước đây. Còn phủ toàn quyền, Người chỉ chuyên dành cho các cuộc tiếp đãi chính thức.

Khi tôi hỏi Người: "Văn phòng của Chủ tịch đâu?". Câu trả lời của Người làm cho tôi kinh ngạc: "Lúc nào trời tối thì ở ngoài hiên, khi trời mưa thì ở trong buồng ngủ".

Sự thực là người không có một ngôi nhà nào khác. Khi tôi đến thăm Người, với bộ quần áo vải nâu mà những người nhân dân thường mặc và đôi dép cao su lớp ô tô, Người ra đón tôi như đón một người quen cũ. Tác phong giản dị, không cầu kỳ đó, Hồ Chủ tịch suốt đời không thay đổi.

MỘT CON NGƯỜI ÍT NÓI

Một đặc điểm nữa của Hồ Chủ tịch là Người trình bày những sự việc hết sức phức tạp bằng những lời lẽ rất ngắn gọn, dùng những hình ảnh hết sức trong sáng khiến cho ai cũng có thể hiểu được.

Sau khi Mỹ đưa quân đội chiến đấu vào miền Nam Việt Nam, có dư luận cho rằng chúng sẽ tiến công ra miền Bắc. Tôi hỏi Hồ Chủ tịch là nếu quân Mỹ làm như vậy thì kết quả sẽ ra sao?

Hồ Chủ tịch đã để cho tôi liên tưởng tới chuyện: "Con cáo bị mắc bẫy một chân" rồi trả lời tôi: "Nếu cứ giãy giụa lung tung định hòng thoát bẫy thì còn chân kia cũng sẽ mắc nốt. Nếu Mỹ dám tiến công miền Bắc thì kết quả rồi sẽ như vậy".

Lần đầu tiên được gặp Hồ Chủ tịch, tôi cũng đã được thấy những hình ảnh tả thực, được nghe những câu nói ngắn gọn như những lời tiên tri như vậy. Đó là vào đầu tháng 3 năm 1954. Tuy mới đặt chân lên đất nước Việt Nam, nhưng trên đường tới đây tôi đã được nghe đài phát thanh Hà Nội - lúc này vẫn đang ở trong tay người Pháp - đưa tin về tình hình hoạt động của quân Pháp ở phía sau quân "Việt Minh" từ căn cứ Điện Biên Phủ. Khi đó tên Điện Biên Phủ mới bắt đầu được nói tới trong cuộc chiến tranh, do đó tôi đã hỏi Hồ Chủ tịch về Điện Biên Phủ.

Hồ Chủ tịch đặt ngửa chiếc mũ lên bàn, chỉ vào đáy mũ và nói: "Đây là Điện Biên Phủ, một thung lũng có núi bao bọc xung quanh". Sau đó Người vòng tay theo vành mũ, nói tiếp: "Quân viễn chinh Pháp ở dưới thung lũng này, chúng tôi từ trên núi ở xung quanh bao vây chúng. Chúng nhất định không thể thoát được".

Đó là xu thế tất nhiên và lịch sử đã chứng minh rằng Hồ Chủ tịch đã nói đúng.

Khi Mỹ bắt đầu ném bom miền Bắc tôi lại hỏi Hồ Chủ tịch là Người nghĩ như thế nào đối với việc Mỹ tuy thừa nhận là chúng không thể thắng trong cuộc chiến tranh ở miền Nam Việt Nam nhưng lại huênh hoang là bằng cách ném bom miền Bắc chúng sẽ có thể thắng được. Hồ Chủ tịch trả lời: "Mỹ đã tính lầm nếu cho rằng dựa vào việc tàn phá miền Bắc bằng bom đạn, chúng sẽ có thể thắng ở miền Nam", "chúng tôi quyết không ngừng chiến đấu, dù là 5 năm, 10 năm, 20 năm hay lâu hơn nữa. Cuộc chiến đấu của chúng tôi là chính nghĩa, chúng tôi sẽ được sự ủng hộ của nhân dân toàn thế giới kể cả nhân dân Mỹ. Chúng tôi sẽ thắng".

Ấn tượng nổi bật nhất mà bất cứ ai lần đầu tiên gặp Hồ Chủ tịch cũng đều cảm thấy là trí tuệ tập trung ở đôi mắt đen ngời sáng của Người, là lòng nhân đạo và sức hấp dẫn làm cho người tới thăm thấy gần gũi ngay với Người. Ấn tượng thứ hai là khả năng đi thẳng vào cốt lõi của vấn đề bằng những lời lẽ ngắn gọn và rất đúng. Điều này chứng tỏ Người nắm rất chắc một cách toàn diện nội dung bàn luận.

Người không những biết sử dụng rất nhiều thứ tiếng Âu, Á mà đồng thời còn rất hiểu tình hình trong nước của những người khách đến thăm.

Lịch sử sẽ dành cho Người vinh dự của một vị lãnh tụ vĩ đại mà thế kỷ XX đã sinh ra. Nhân dân Việt Nam sẽ mãi mãi ca ngợi Người.

HÃY HỌC Ở HỒ CHÍ MINH NHỮNG PHẨM CHẤT ĐỂ THỂ HIỆN TRONG SUỐT CUỘC ĐẤU TRANH CÁCH MẠNG LÂU DÀI CỦA NGƯỜI*

A-LAN A-XBON
Nhà văn Ô-xtrây-li-a

Một trong những nét nổi bật về cuộc đời Chủ tịch Hồ Chí Minh là Người đã sống đến năm ở nước ngoài - ở châu Âu, Anh, Liên Xô, Mỹ và Trung Quốc. Người đã từng là công nhân trong nền kinh tế tư bản chủ nghĩa, nhưng ở Mát-xcơ-va và trong các đảng xã hội ở châu Âu, Người được thừa nhận là một vị lãnh tụ cách mạng quan trọng trong cuộc đấu tranh chống thực dân. Đương nhiên, Người không quan niệm mình là trên hết, nên phẩm chất lãnh đạo của Người được phát huy không chỉ do am hiểu lý luận xã hội chủ nghĩa mà còn do bản chất khiêm tốn, giản dị và cởi mở. Nói rõ hơn, Người không bao giờ có tham vọng cá nhân, phù phiếm; Người không cố công để trở thành một nhân vật xuất chúng, theo ngôn ngữ của các xã hội tư bản. Những năm tháng sống ở nước ngoài, Người dành thời gian chủ yếu cho việc nghiên cứu và học hỏi, nghiên cứu chủ nghĩa tư bản trong thực tế có phần dựa vào kinh nghiệm hằng ngày của bản thân trong giai cấp công nhân; và đặc biệt sau Cách mạng tháng Mười Nga vĩ đại năm 1917, nghiên cứu chủ nghĩa xã hội đang dần dần từ lý luận biến thành hiện thực trên toàn Liên Xô. Những năm tháng sống ở nước ngoài, Người vẫn luôn luôn suy nghĩ làm thế nào để giải phóng nhân dân nước mình khỏi ách đô hộ và bóc lột thực dân. Người cũng nhận thức sâu sắc rằng cần phải kết hợp sức chiến đấu của ý thức dân tộc Việt Nam đang trở dậy với những mục tiêu đồng cảm về cơ bản là hoà bình và nhân đạo của chủ nghĩa xã hội. Trong gần ba thập kỷ, Người đã sống và làm việc ở nước ngoài nhưng về ý thức, Người không hề xa Tổ quốc. Tương lai của Việt Nam và

* Đầu đề do chúng tôi đặt (BT).

nhân dân Việt Nam là cơ sở tư tưởng của Người về hầu hết các vấn đề lý luận và chiến lược; phấn đấu cho nền độc lập và tự do của Việt Nam là cơ sở để Người vươn lên về trí tuệ và chính trị.

... Tháng 1-1967, khi hành động bạo lực của Mỹ chống Việt Nam lên đến mức ác liệt nhất, nhiều tác giả bảo thủ nổi tiếng ở Anh đã gửi thư cho tờ *Thời báo* (Times) lên án các cuộc biểu tình phản đối chiến tranh và tự cho mình là "tiếng nói của lý trí". Những người đó viết: "Khi tất cả các vấn đề ít quan trọng được giải quyết, chúng ta đứng ở phía nào?". Tất nhiên câu trả lời của họ là phía Mỹ. Nhưng như hồi đó tôi đã phát biểu, việc giết và làm bị thương một triệu, một nửa triệu hay một phần tư triệu trẻ em Việt Nam phải chăng là một "vấn đề ít quan trọng"? Phải chăng lý trí phương Tây, triết học phương Tây, văn minh phương Tây, đạo đức phương Tây của chúng ta thường được khoe khoang nhiều đã đưa con người phương Tây của chúng ta tới chỗ coi việc thiêu sống trẻ em bằng bom na-pan và bom phốt-pho là một vấn đề ít quan trọng, một vấn đề không đáng quan tâm?

Dù thế nào thì cuộc chiến tranh ở Việt Nam không phải bắt đầu trong những năm 60 của thế kỷ này như báo chí, đài phát thanh, vô tuyến truyền hình phương Tây giới thiệu. Nó bắt đầu từ năm 1858, khi lần đầu tiên thực dân Pháp xâm nhập cơ cấu xã hội Đông Dương. Chiến tranh không phải đã diễn ra 10 năm như nhiều người phương Tây tưởng; nó đã diễn ra trong 117 năm. Trước hết, đó không phải là cuộc chiến tranh do người An Nam gây ra mà là do sự ngạo mạn của phương Tây, sự xâm lược của phương Tây, sự tàn bạo của phương Tây, sự lừa bịp của phương Tây và lòng tham của phương Tây. Đối với nhân dân Việt Nam, cuộc chiến tranh đó đã trở thành nhiều cuộc chiến tranh chống lại sự chiếm đóng và nô dịch của Pháp, sự xâm lược của Nhật Bản với sự cộng tác của chính phủ Vi-si, sự trở lại chiếm đóng của Pháp và cuối cùng là sự xâm lược của Mỹ và chư hầu. Chủ tịch Hồ Chí Minh là nhân vật chủ chốt, nhân vật lãnh đạo trong cuộc đấu tranh lâu dài này. Nói như vậy không phải là làm giảm những nỗ lực anh hùng của những người khác, hoặc của toàn thể nhân dân Việt Nam. Nhưng ngay ở phương Tây, Hồ Chủ tịch cũng được thừa nhận là người có sức mạnh tập hợp trong cuộc kháng chiến và cách mạng của Việt Nam.

Tôi xin trích lời một nhà bình luận phương Tây, một người chống cộng cứng rắn ở Úc tên là Đơ-nít Oác-nơ. Trong cuốn sách của mình

"*Người theo đạo Không cuối cùng*" ông ta có nói rằng Hồ Chủ tịch luôn luôn có mặt khi mọi người cần tới mình. Oác-nơ viết: "Vừa mới tập hợp những người cộng sản lại với nhau năm 1930, thì khi cuộc chiến tranh Thái Bình Dương mới nổ ra, Cụ Hồ lại đã sẵn sàng bắt tay vào việc tập hợp những người theo chủ nghĩa dân tộc và những người cộng sản vào một mặt trận thống nhất mới rộng rãi hơn. Tại một hội nghị ở Tĩnh Tây, Nam Trung Quốc, gần biên giới Đông Dương, vào mùa xuân 1941, những người Đông Dương dưới sự dẫn dắt rất lôi cuốn của Cụ Hồ đã thống nhất lập một mặt trận chung và tổ chức "Việt Minh" đã được thành lập". Tôi đã trích dẫn lời một nhà bình luận, mà tôi bất đồng ý kiến về hầu hết các vấn đề chính trị chỉ vì một câu nói lên nhiều ý - đó là "sự dẫn dắt rất lôi cuốn của Cụ Hồ". Tôi không thể nghĩ đến một lãnh tụ dân tộc nào khác lại có thể khiến một người ở phe thù ca ngợi như vậy.

Sự thống trị thuộc địa ở Việt Nam lẽ ra phải chấm dứt vào năm 1945 với Tuyên ngôn độc lập của Hồ Chí Minh như các bạn đã biết, đó là một bản tuyên bố, trên thực tế, chứa đựng những từ ngữ của bản Tuyên ngôn độc lập năm 1776 của Mỹ. Trong 3 năm rưỡi, Việt Nam đã chiến đấu chống quân Nhật mà không hề được bên ngoài giúp đỡ. Nhưng các cường quốc đế quốc không hề biết ơn về điều này. Quân Anh chiếm Sài Gòn, tái vũ trang quân Nhật đã bị đánh bại và bằng cách hèn hạ đó, muốn tái lập quyền lực đế quốc. Dĩ nhiên, hành động này biểu lộ việc bắt đầu chia cắt bất hợp pháp Việt Nam thành miền Nam và miền Bắc. Tháng 11-1946, quân Pháp trở lại, đưa 4 tàu chiến đến gần cảng Hải Phòng và giết hại 6.000 người Việt Nam trong một trận bắn phá buổi chiều. Pháp đã khẳng định lại chiến lược đế quốc như nhà chính trị người Anh, ông Pan-mốc-xton (Palmerston), đã vạch ra vào thời kỳ gọi là "Chiến tranh thuốc phiện" ở Trung Quốc. Ông ta nói: "Chúng ta phải đánh một đòn khác ở Trung Quốc". "Các chính phủ văn minh nửa mùa này không những chỉ phải nhìn thấy cái gậy mà phải cảm thấy cái gậy ở trên vai họ".

Trước năm 1942, Pháp thống trị gián tiếp thông qua bọn quan lại và đến lúc đó lại cố gắng làm như vậy, trong khi Hồ Chí Minh đang phục hồi phong trào dân tộc và đặc biệt là Việt Minh, giống như năm 1930 và năm 1941, "sự dẫn dắt rất lôi cuốn" - nếu tôi có thể dùng lại những từ đó - lại có tính chất quyết định cho thắng lợi cuối cùng. Một giai đoạn

quan trọng của cuộc đấu tranh giành độc lập thực sự đã kết thúc với thất bại to lớn của Pháp ở Điện Biên Phủ năm 1954, nhưng bộ máy kiểm soát của bọn quan lại ở thành thị vẫn hoạt động trong chừng mực nào đó ở miền Nam. Bộ máy này - tuy đã thối rữa nhưng vẫn tồn tại - đã bị Mỹ nắm lấy để thống trị miền Nam. Sự đồng loã của các cường quốc đế quốc đã rõ ràng. Từ năm 1945, Mỹ đã nhúng tay vào nhiều hoạt động ở Việt Nam, khuyến khích các hoạt động quân sự Pháp bằng cách viện trợ tới 800 triệu đô-la một năm. Tháng 12-1954, trách nhiệm tổ chức và huấn luyện quân đội Sài Gòn được chuyển giao từ Bộ chỉ huy Pháp sang cho phái đoàn quân sự Mỹ, bằng một hiệp định bí mật, rõ ràng là vi phạm Hiệp định Giơ-ne-vơ. Sau đó, Mỹ bắt tay vào hiện đại hóa chế độ Bảo Đại - tức là tạo nên một kiểu đế quốc chủ nghĩa do các tỉnh trưởng và lính đánh thuê Việt Nam điều hành. Tổng thống Mỹ Ai-xen-hao đã nói một cách đặc biệt thẳng thắn về các lợi ích kinh tế của Mỹ ở Đông Dương: đối với ông ta, các nguồn thiếc, cao su, lúa gạo, khô dừa, tung-xten và dầu lửa của toàn vùng Đông Nam Á đang bị đe dọa. Trong đầu óc của giới thống trị ở Mỹ, các lợi ích vật chất của Mỹ là tối cao và trên cùng tận của sự thôi thúc về lợi ích vật chất cơ bản này là một hệ tư tưởng phù hợp. Cần phải có một cuộc chiến tranh thần thánh chống chủ nghĩa cộng sản, nguy trang cho điều chủ yếu là một cuộc chiến tranh nhằm theo đuổi lợi ích vật chất và quyền lực. Hệ tư tưởng này thừa nhận cái gọi là "nền độc lập" của miền Nam, thách thức công khai những điều đã được ghi trong Hiệp nghị Giơ-ne-vơ.

Năm 1961, tôi cùng dự một cuộc họp với Cơ-rít-xna Mơ-nông, một chính khách lớn Ấn Độ và ông ta nói: "Tôi biết các nguyên tắc của Hiệp định vì tôi có mặt ở đó". Rồi ông ta tiếp tục: "Về vấn đề Việt Nam dựa trên nguyên tắc chỉ có một Việt Nam... Vĩ tuyến 17 là ranh giới ngừng bắn, không có gì khác... ranh giới này - sông Bến Hải - không phải là sự phân chia giữa hai nước. Và đó không chỉ là ý kiến của tôi mà đã được ghi trong Hiệp định". Mỹ vẫn tiếp tục giả bộ cho rằng có hai nước ở Việt Nam và tin chắc rằng tuyến cử tự do hứa hẹn trong Hiệp định sẽ không bao giờ diễn ra. Vì sao? Vì các cấp chính quyền khác nhau ở Oa-sinh-tơn tin rằng Hồ Chí Minh sẽ thắng trong cuộc tuyển cử tự do. Theo quan điểm của Mỹ, họ thừa nhận rằng vấn đề là ở chỗ Hồ Chí Minh thu hút được sự mến mộ to lớn của nhân dân trên khắp nước Việt Nam.

Các nhà ngoại giao và nhà báo phương Tây đều bối rối vì Người không giống như hình ảnh đã được tiêu chuẩn hóa ở phương Tây về một nhà cách mạng hung hăng, mị dân và giống như người lính. Người dịch thơ từ tiếng Trung Quốc, và bản thân Người cũng là một nhà thơ lớn. Người sống giản dị không giả dối, không xa hoa. Người hoạt động tự do giữa lòng nhân dân. Người đã hoạt động rất nhiều năm ở phương Tây, là nơi mà Người đã hiểu được rất sâu sắc nền văn hóa và lối tư duy. Thậm chí đối với những người phương Tây hiểu biết rộng, sự giản dị và nhã nhặn, lịch sự của Người dường như khó có thể hoà hợp được với quyết tâm và sự kiên định chính trị của Người. Người không cư xử như một người cầm quyền, nhưng theo một ý nghĩa quan trọng, Người rõ ràng thu phục được trái tim và khối óc của nhân dân Việt Nam. Khó khăn của người phương Tây trong việc cố gắng hiểu được điều này là ở phương Tây, các tổng thống, thủ tướng, vua chúa và tướng lĩnh gần như luôn luôn làm ra vẻ và hoạt động như là những kẻ thống trị, bao quanh họ bằng những phù hoa và nghi lễ, truyền đạt qua giọng nói, cử chỉ, lời lẽ một thái độ chỉ huy... Hồ Chủ tịch là nhà lãnh đạo khác hẳn.

Người luôn luôn gắn bó với nhân dân mình, rút ra bài học từ những nổi thống khổ của nhân dân, khâm phục lòng can đảm và ý chí quyết tâm của nhân dân.

Âm mưu chia cắt Việt Nam của Mỹ bị thất bại. Năm 1960, Mặt trận Dân tộc giải phóng được thành lập ở miền Nam và tới năm 1963, bộ máy được gọi là "kiểm soát kiểu quan lại" đã gần sụp đổ. Hệ thống cố vấn quân sự của Mỹ chấm dứt và đến năm 1965 toàn bộ quân đội Mỹ đã được đưa vào trận với danh nghĩa là để bảo vệ một dân tộc không tồn tại trên thực tế và được gọi là Nam Việt Nam. Nhưng mục đích thực thì lại khác. Một cuộc tiến công vũ trang trên quy mô lớn đã được phát động chống lại Việt Nam. Vào lúc này, có một sự chia rẽ rõ ràng trong dư luận phương Tây, Việt Nam, đất nước mà các nước phương Tây đã cố gắng dùng những thoả thuận và cấu kết để chia cắt một cách bất hợp pháp, thì nay lại chia rẽ chính các nước phương Tây và sự chia rẽ đó xảy ra trong chính các nước đó nhiều hơn là giữa các nước đó với nhau. Trong khi nhân dân Việt Nam ngày càng thống nhất và quyết tâm hơn, nhân dân các nước đế quốc và chư hầu như Úc lại càng ngày càng mất đoàn kết và thiếu kiên quyết. Ở phần lớn các nước phương Tây, đã diễn ra một sự

chấn động xã hội là kết quả của sự thách thức trực tiếp những giá trị của sự bá chủ của các thế lực quân sự tư bản chủ nghĩa. Đầu năm 1960, Tổng thống Mỹ Giôn-xơn tuyên bố ông ta sẽ không tái tranh cử và điều đó là dấu hiệu cho thấy sự đầu hàng của ông ta trước những sức ép của dư luận và cũng cho thấy ông ta nhận ra rằng không bao giờ người Việt Nam có thể bị đánh bại. Phải mất 7 năm nữa để buộc Mỹ rút lui hoàn toàn, nhưng chiến thắng của Việt Nam trong cuộc chiến tranh về cơ bản đã rõ từ cuộc tiến công Tết năm 1968.

Tới lúc này, Hồ Chí Minh đã ở vào giai đoạn cuối cuộc đời của mình. Trong gần 80 năm, bắt đầu từ những kinh nghiệm của Người trong phong trào yêu nước, người đã phấn đấu để xây dựng một xã hội dựa trên tự do, tự quyết, bình đẳng và công bằng về kinh tế. Người cộng sản xuất sắc của Ý An-tô-ni-ô Gơ-ram-xi, đã từng nói rằng trong cuộc đấu tranh vì một xã hội chủ nghĩa, chúng ta phải sẵn sàng tuân theo câu châm ngôn là: "Sự bi quan của trí tuệ là sự lạc quan của ý chí". Trong phần cuối của cuộc đời mình, Gơ-ram-xi đã bị giam cầm trong một nhà tù của phát xít Mút-xô-li-ni. Theo tôi nghĩ, điều ông muốn nói bằng câu châm ngôn này là trong khi sự bi quan của trí tuệ có giá trị trong việc đánh giá thực tế xã hội (trong trường hợp của Gơ-ram-xi) đó là chủ nghĩa phát xít, thì sự lạc quan của ý chí là hoàn toàn cần thiết trong việc xây dựng một thực tại xã hội mới. Hai cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa trong 40 năm qua đã diễn ra ở Cu-ba và Việt Nam, nơi mà sự lạc quan của ý chí đã chiến thắng những khó khăn to lớn. Ở Việt Nam, điều tưởng như không thể có được cũng đã xảy ra với việc một đội quân nông dân đã đánh bại một trong những bộ máy chiến tranh hùng mạnh nhất về mặt kỹ thuật. Mặc dù Hồ Chí Minh không còn sống đến ngày thắng lợi, xét về mặt lịch sử, Người là kiến trúc sư của thắng lợi đó.

Chúng ta đang sống trong một thời đại có nhiều thay đổi và phức tạp. Như Phạm Văn Đồng đã nói, chủ nghĩa xã hội "không phải là một khuôn mẫu, một kiểu mẫu cứng nhắc mà là một chế độ xã hội tiến bộ thừa hưởng tất cả những thành tựu của loài người". Nói một cách khác, ông cho rằng khả năng thay đổi và điều chỉnh là thuộc về bản chất tiến bộ của chủ nghĩa xã hội. Xã hội xã hội chủ nghĩa không bao giờ được dừng lại ở tình trạng cố định bất di bất dịch. Xã hội đó phải luôn có khả năng đổi mới cả về lý luận lẫn thực tiễn. Đa số dư luận ở phương Tây cho

rằng chủ nghĩa xã hội đang bị khủng hoảng. Có thể là như vậy, nhưng đừng bao giờ quên rằng chủ nghĩa tư bản đã hoạt động trong khủng hoảng hơn 500 năm, khủng hoảng là căn bệnh kinh niên của chủ nghĩa tư bản.

Đây không phải là lúc nói về sự bi quan của trí tuệ. Đây là lúc nói về sự lạc quan của ý chí. Nếu chúng ta muốn đối phó một cách hợp lý và mạnh mẽ với những vấn đề mà chủ nghĩa xã hội đang gặp phải, chúng ta phải học ở Hồ Chí Minh bằng cách phát triển những phẩm chất đã thể hiện trong suốt cuộc đấu tranh cách mạng lâu dài của Người: kiên nhẫn và vững vàng theo đuổi mục đích và bình tĩnh trong những lúc khó khăn; linh hoạt về tư duy và chính trị khi xây dựng khối đoàn kết xã hội chủ nghĩa: khiêm tốn và gần gũi với nhân dân, nhất là với công nhân và nông dân; có sự đồng cảm để đạt tới sự hoà giải dân tộc; có tinh thần quốc tế mạnh mẽ; sự sáng tạo và nhạy bén về văn hóa, một sự hiểu biết có phân tích về lịch sử, đặc biệt là về cách thức mà những biến đổi lịch sử đã diễn ra; và phẩm chất mà Hồ Chí Minh có một cách dồi dào - đó là sự lạc quan của ý chí.

**CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH -
NHÀ ÁI QUỐC VIỆT NAM VĨ ĐẠI, NGƯỜI BẠN LỚN
CỦA NHÂN DÂN ẤN ĐỘ VÀ TOÀN NHÂN LOẠI**

T.N. CA-UN

*Chủ tịch Trung tâm Ấn Độ nghiên cứu
về Đông Dương*

Với cương vị Chủ tịch Trung tâm Ấn Độ nghiên cứu về Đông Dương, tôi rất tự hào được tham dự Hội thảo quốc tế kỷ niệm 100 năm Ngày sinh của cố Chủ tịch Hồ Chí Minh. Tôi đã được vinh dự từ những năm 1957 và 1958 (khi tôi làm Chủ tịch Ủy ban giám sát và kiểm soát quốc tế ở Việt Nam) gặp Nhà ái quốc Việt Nam vĩ đại đó, người chiến sĩ dũng cảm đấu tranh cho tự do của tất cả nhân dân bị áp bức, người bạn lớn của Ấn Độ và toàn nhân loại.

Bác Hồ, cách gọi triu mến của chúng tôi ở Ấn Độ, đã kết hợp được trong bản thân Người những đức tính của Mác, Lê-nin, Ma-hát-ma Găng-đi và Gia-oa-hác-lan Nê-ru. Người đại diện cho sự vĩ đại vốn có của nhân dân Việt Nam - bình dị, chuyên cần, yêu quý trẻ thơ và thanh niên, thẳng thắn, trung thực, chân thành và một ý thức mạnh mẽ về nhân văn kết hợp với nhiệt tình và tinh thần cách mạng - đó là phương châm cho mọi hành động của Người. Do đó, người ta không ngạc nhiên khi thấy Người có thể lãnh đạo, hướng dẫn, tổ chức và chỉ đạo cuộc đấu tranh chống thực dân Pháp, đế quốc Mỹ, quân phiệt Nhật và Tưởng Giới Thạch xảo quyệt một cách thành công. Sự ủng hộ toàn tâm của nhân dân đã làm cho dân tộc Việt Nam đánh đuổi được những kẻ áp bức ngoại bang, cảm hóa được cả những tay sai và bể lũ của chúng và cuối cùng hoàn thành thống nhất đất nước năm 1975. Mặc dù Chủ tịch Hồ Chí Minh không còn sống để chứng kiến thành tựu vĩ đại này, Người đã tiên đoán với sự tin tưởng mạnh mẽ về điều này trong *Di chúc* của Người.

Với quý vị thính giả ở đây, tôi nghĩ không cần thiết phải nhắc nhở và gọi lại công lao to lớn của Bác Hồ đối với cuộc đấu tranh của nông dân và công nhân, trí thức yêu nước ở Việt Nam, bằng sự gắn liền cuộc đấu tranh đó với cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới chống chủ nghĩa thực dân, chống áp bức, chống sự thống trị của đế quốc, đặc biệt là ở châu Á. Người không phải là một nhà dân tộc hẹp hòi, mà có những tình cảm lớn đối với mọi tầng lớp trong xã hội, đặc biệt là những người nghèo, những người bất hạnh và bị áp bức. Điểm lại cuộc đấu tranh hơn một ngàn năm của nhân dân Việt Nam chống ách đô hộ của nước ngoài, ngay cả từ khi thực dân Pháp xâm lược, Hồ Chủ tịch xem đó là một bộ phận, một bộ phận quan trọng của cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới chống chủ nghĩa thực dân và chủ nghĩa đế quốc. Người không buộc tội nhân dân Pháp hoặc nhân dân Mỹ, mà chỉ lên án chính quyền thực dân đế quốc của họ. Trên thực tế, Người kêu gọi công nhân Pháp hãy làm nhiều hơn nữa cho sự giải phóng nhân dân bị áp bức ở các thuộc địa của Pháp. Hơn nữa, trong bản Tuyên ngôn Độc lập do Người thảo và đọc ngày 2 tháng 9 năm 1945, Người đã trích dẫn cả lời kêu gọi của cách mạng Pháp về tự do, bình đẳng, bác ái và cả Tuyên ngôn Độc lập của Mỹ về quyền bất khả xâm phạm của con người đối với hoà bình và mưu cầu hạnh phúc.

Tôi chỉ xin nêu ra vài nét trong rất nhiều nét lớn của bậc vĩ nhân này, nhằm nhấn mạnh sự hiểu biết rộng rãi, lòng tin tưởng mạnh mẽ của Người vào nhân dân mình cũng như vào toàn nhân loại và ý chí quyết tâm vững chắc của Người đạt tới các mục đích và lý tưởng cao cả mà Người đã đề ra trước nhân dân mình. Tôi xin được nhắc lại ngắn gọn một số hồi tưởng của bản thân mình.

Khi tôi đến thăm Người lần đầu năm 1957 tại cơ quan của Người ở Hà Nội, tôi rất ngạc nhiên về cách ăn mặc giản dị của Người. Người mặc một bộ đồ bằng vải ka ki, chân đi dép cao su. Người đưa tôi đi thăm căn nhà mà Người đang ở. Đó là một ngôi nhà gỗ nhỏ bé, tiện nghi sơ sài, đầy cây xanh. Mặc dù giữ chức vụ cao, Hồ Chí Minh vẫn duy trì một nếp sống giản dị, làm cho Người có điều kiện gần gũi với quần chúng và quần chúng cũng đồng cảm với Người.

Người kể cho tôi nghe ngắn gọn về lịch sử Việt Nam và nguyện vọng cháy bỏng của nhân dân đối với việc thống nhất đất nước. Ngôn ngữ, văn hóa, lịch sử và truyền thống của dân tộc Việt Nam đã làm cho

họ trở thành một quốc gia và không một cường quốc nước ngoài nào có thể chia cắt được. Lúc đó Người hỏi tôi một câu có vẻ đơn giản: Với tư cách là Chủ tịch Ủy ban giám sát và kiểm soát quốc tế, Ngài có thể làm một điều gì đó được chăng để giúp cho việc thông tin và xúc tiếp giữa các gia đình bị chia ly, kẻ Bắc, người Nam? Tôi nói với Người rằng, tôi sẽ cố hết sức thuyết phục nhà cầm quyền miền Nam Việt Nam để họ đồng ý với việc này và nhờ Người nói với Chính phủ cho tôi danh sách những gia đình đó cùng với địa chỉ. Người đồng ý ngay và cảm ơn tôi. Tôi đã có được sự đồng ý về nguyên tắc của nhà cầm quyền Nam Việt Nam về đề nghị nhân đạo này. Về sau họ lại đề ra những điều kiện để gây rắc rối, chứ không phải để giúp cho các gia đình chia ly và do đó cố gắng của tôi rút cuộc chẳng đi đến đâu. Khi gặp Người lần thứ hai, tôi kể cho Người về toàn bộ sự việc. Người cảm ơn tôi về những điều tôi đã làm và nói sẽ tiếp tục gắng sức bằng mọi cách. Người chỉ thị cho Thủ tướng, lúc đó là Ngài Phạm Văn Đồng và Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, là Đại tướng Võ Nguyên Giáp tiếp tục liên hệ với tôi.

Lần thứ ba, tôi gặp Người vào dịp Quốc khánh Ấn Độ, 26 tháng 1 năm 1958. Cơ hội ấy thật là tốt đẹp vì Người đã đến và lưu lại với chúng tôi gần một giờ. Tôi lúc nào cũng quý trọng bức ảnh chụp chung với Người vào dịp đó.

Lần cuối cùng, tôi gặp Người vào mùa xuân năm ấy, khi một đoàn văn hóa của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa sắp sửa lên đường sang thăm Ấn Độ. Tôi tổ chức một cuộc chiêu đãi nhỏ vào buổi tối để tiễn đoàn Việt Nam và hỏi ý kiến Vụ trưởng Vụ Lễ tân, xem có nên mời Hồ Chủ tịch và các vị khác hay không. Tôi được thông báo rằng, có thể cứ gửi giấy mời, nhưng rất ít khả năng Hồ Chủ tịch sẽ đến tư thất của tôi vì Người chưa hề làm như vậy, đối với bất kỳ một vị đại sứ nào hồi đó. Tôi gửi giấy mời Hồ Chủ tịch theo phép lịch sự, nhưng không dự kiến Người sẽ tới. Tuy nhiên, giữa buổi liên hoan, khi chúng tôi đang hát những bài Ấn Độ và Việt Nam cùng với các thành viên trong đoàn, tôi rất ngạc nhiên và vui sướng thấy Vụ trưởng Vụ Lễ tân vào thông báo: "Hồ Chủ tịch đã tới". Quả thật tôi hết sức vui mừng. Tôi ra đón Người và đưa Người vào phòng. Người cùng hát với chúng tôi, dùng một chút nước quả và trái cây, rồi ra về sau nửa giờ. Đây thật sự là một cử chỉ đẹp đẽ của Người mà tôi sẽ không bao giờ quên. Người nói về sự tôn trọng của mình đối với Ma-hát-ma Găng-đi, Păng-dit Nê-ru và nhờ tôi chuyển lời

thăm hỏi tới cháu "In-di-ra" của Người. In-di-ra Găng-đi vốn thường gọi Người bằng "Bác" và viết thư cho Người.

Tôi muốn đặc biệt nói tới một bức thư Bác Hồ gửi cho Păng-dit Nê-ru đang ở trong tù. Bức thư viết theo thể thơ như sau:

I

*Khi tôi phấn đấu, anh hoạt động,
Anh phải vào lao, tôi ở tù.
Muôn dặm xa vời chưa gặp mặt,
Không lời mà vẫn cảm thông nhau.*

II

*Đôi ta cảnh ngộ vốn không khác,
Cảnh ngộ giờ đây khác bội phần;
Tôi, chốn lao tù người bạn hữu,
Anh, trong gông xích bọn cừu nhân¹.*

Để kết luận, tôi xin bày tỏ lòng cảm phục đối với nhân dân và các nhà lãnh đạo Việt Nam. Đây là những con người cần mẫn nhất, tận tụy nhất, yêu nước nhất trên thế giới này. Tôi đã học được nhiều điều ở họ, nhiều hơn ở bất cứ nơi nào khác trong suốt nửa thế kỷ công tác ở các nơi trên thế giới, trong đó có Mỹ, Liên Xô, Trung Quốc và Anh. Nhân dân hai nước Ấn Độ và Việt Nam có nhiều điểm tương đồng về lịch sử và văn hóa, về mục tiêu và lý tưởng, về truyền thống và triết lý nhân sinh. Tương lai hoà bình ở châu Á phụ thuộc nhiều vào quan hệ hữu nghị và hợp tác, không phải chỉ giữa nhân dân hai nước Ấn Độ và Việt Nam, mà còn giữa chúng ta với nhân dân các nước khác ở châu Á và thế giới.

Những sự đổi thay và biến động lớn lao đang diễn ra trên thế giới. May mắn thay, những sự kiện đó cho đến nay đã diễn ra nói chung là hoà bình. Tuy nhiên cũng đã diễn ra tình trạng sói mòn và thất vọng đối với vai trò của đảng cầm quyền ở nhiều nước - xã hội chủ nghĩa và không xã hội chủ nghĩa. Thế giới ngày nay có thể rút ra được một bài học trong đường lối của Hồ Chủ tịch kêu gọi đảng viên trong đảng của mình hãy phục vụ nhân dân, giúp đỡ họ và học tập ở họ, không được ra lệnh hay bắt họ phải phục tùng. Đây là điều mà các đảng chính trị và các lãnh tụ đảng có thể học hỏi.

1. Gửi Nê-ru, trong *Nhật ký trong tù*, Nxb Văn học, Hà Nội, 1983.

Vì họ đã vi phạm nguyên tắc thiêng liêng này nên vai trò tiên phong trong xã hội của họ bị xói mòn... Hồ Chủ tịch đã nhìn thấy nguy cơ này hàng chục năm trước đây và lên tiếng cảnh tỉnh Đảng. Đảng đã tiếp thu lời khuyên của Người nên giữ được niềm tin của nhân dân và vai trò lãnh đạo của mình trong sự nghiệp phục vụ nhân dân. Mọi người khác hãy noi theo tấm gương này.

Một cống hiến quan trọng khác của Hồ Chủ tịch là chủ trương làm khởi sắc và tăng cường truyền thống văn hóa Việt Nam, gắn nó với các nền văn hóa khác trên thế giới. Các bài thơ, tiểu luận và diễn văn của Người phản ánh một sự hiểu biết sâu sắc về lịch sử và văn minh nhân loại và một niềm tin chung thủy đối với bản sắc văn hóa của mỗi dân tộc, quốc gia, kể cả dân tộc mình và các dân tộc khác trên thế giới. Vì vậy, Người được yêu mến, khâm phục và kính trọng trên toàn thế giới. Tôi còn nhớ rõ nhân dân miền Nam Việt Nam, khi đất nước còn bị chia cắt đã hôn lên chân dung của Người in trên giấy bạc như thế nào. Hiếm có lãnh tụ nào trên thế giới lại được nhân dân mình hết lòng mến mộ, tin yêu và kính trọng như Hồ Chủ tịch. Tôi mong rằng Ủy ban Khoa học xã hội và UNESCO sẽ sớm bắt tay vào việc dịch ra nhiều thứ tiếng nước ngoài mọi tác phẩm của Hồ Chủ tịch vì những tác phẩm này nói lên bản chất nhân đạo, lòng ưu ái, trí tuệ và tình cảm chan hoà mà Bác Hồ là hiện thân.

VAI TRÒ CỦA CỤ HỒ Ở CHÂU Á

(Trích)

Bài của A.R RÔ-XƠ

đăng trên thời báo Ma-ni-la

(Phi-líp-pin), số ra ngày 6-9-1969

...

Chắc chắn Cụ Hồ Chí Minh sẽ giành được địa vị của mình trong lịch sử, khi mà tương lai lâu dài của lịch sử thoát khỏi sự hãi hùng đã tạo ra chiến tranh lạnh và những hiện tượng chia rẽ các dân tộc. Người là một nhân vật nổi tiếng ở châu Á. Tính chất yêu nước và dân tộc chủ nghĩa là hiện thân của những khái niệm chính trị của người. Cụ Hồ Chí Minh là một lãnh tụ châu Á được nhân dân Việt Nam tôn kính, cụ được coi là một người thật sự chân thành đã cống hiến cả đời mình cho sự nghiệp cách mạng, chống lại những kẻ thống trị ích kỷ và tham tàn ở phương Đông. Người ta có thể không đồng tình với quan điểm chính trị của Cụ, nhưng vẫn tỏ lòng tôn kính và khâm phục đúng mức đối với một lãnh tụ như Cụ. Việt Nam tuy là một quốc gia nhỏ bé nhưng đã chống lại lực lượng quân sự hùng mạnh của Mỹ, điều đó chứng tỏ rằng sự lãnh đạo của Người đã được sự ủng hộ của toàn thể nhân dân. Ngay từ lúc thiếu thời, Cụ Hồ đã tham gia phong trào chống Pháp giành độc lập cho Việt Nam. Trải qua chiến tranh chống Nhật, và cuộc đấu tranh chống Pháp, rồi sau đó đất nước Việt Nam bị chia cắt và cho đến cuộc chiến tranh ở Việt Nam hiện nay, Cụ Hồ đã tích lũy được kinh nghiệm của cả một cuộc đời chiến đấu vũ trang giành độc lập cho dân tộc Cụ.

Theo chúng tôi nghĩ, Cụ Hồ là một biểu tượng của châu Á, không những Cụ đã thành công trong sự lãnh đạo một cách mẫu mực, toàn tâm, toàn ý phục vụ quyền lợi của nhân dân mà còn nêu lên một chân lý chưa từng thấy, là một dân tộc dù nhỏ bé với tài nguyên không đáng kể, nhưng nếu quyết tâm thì có thể chống lại cả những cường

quốc quân sự mạnh nhất. Chắc chắn điều đó đã làm thay đổi nếp suy nghĩ của các nước lớn và một chính sách đối ngoại mới trong tương lai sẽ hình thành. Dù chính kiến có khác nhau, nhưng người ta vẫn phải khâm phục sự dũng cảm của nhân dân Việt Nam, một dân tộc đã bị lực lượng hùng mạnh của Mỹ và đồng minh của Mỹ bao vây.

Chính là do tinh thần bất khuất của con người mà chúng ta khâm phục Cụ Hồ Chí Minh, không kể đến chính kiến của Cụ như thế nào. Lòng dũng cảm, sự cống hiến của Người cho sự nghiệp đấu tranh giành độc lập chưa thể nào so sánh được với sự dúi dất của Người về mặt tinh thần đã thấm sâu vào tâm khảm của nhân dân Việt Nam. Sự lãnh đạo đó của một người châu Á không chịu khuất phục bất cứ một cường quốc nào, dù là Pháp, Nhật hay Mỹ, xứng đáng với lời chào của chúng ta. Một cuộc đời đấu tranh cho sự nghiệp như vậy không thể tách rời khỏi lịch sử nhân loại.

Bản sao lưu trữ

HỒ CHỦ TỊCH KÍNH MẾN Ở CẢ TRONG TRÁI TIM CHÚNG TÔI

LAI-LA EN-GIÊ-BA-LI

Biên tập viên đối ngoại của báo

Cộng hòa Ai Cập (Ai Cập)

Lịch sử sẽ ghi lại cho nhiều thế hệ mai sau về những thành quả của cuộc đấu tranh của Bác Hồ, một trong số những nhà lãnh đạo vĩ đại nhất được yêu mến và kính trọng nhất trong thời đại chúng ta. Thậm chí cả những người đang sống dưới chế độ đế quốc cũng không thể nói xấu được Chủ tịch Hồ Chí Minh... mà chỉ có thể tỏ lòng tôn kính Người thôi.

Ở nước chúng tôi, chúng tôi đang phải đương đầu với cùng một kẻ thù mà các bạn đang chiến đấu chống lại, đó là bọn phục thù Do Thái, đó là It-xra-en, căn cứ của đế quốc Mỹ. Chúng tôi sẽ không bao giờ quên được Bác Hồ vĩ đại. Người luôn luôn là nhân vật thần thoại của cuộc đấu tranh cách mạng chống chủ nghĩa đế quốc. Cuộc cách mạng của Người đã vượt ra ngoài biên giới nước các bạn tới mọi nơi mà nhân dân đang đấu tranh chống mọi thứ chủ nghĩa thực dân và chủ nghĩa đế quốc.

Các bạn Việt Nam thân mến, ở đây chúng tôi coi cuộc đấu tranh anh hùng của các bạn là mẫu mực của cuộc đấu tranh của chúng tôi. Bác Hồ đã gieo những hạt giống cho cuộc đấu tranh cách mạng ở tất cả những nơi mà ở đây nhân dân đang bị áp bức, bóc lột. Người đã thành công trong việc gieo trồng những giá trị văn minh nhất, nhân đạo nhất trong tâm trí của mỗi người công dân Việt Nam. Chắc chắn Người cũng là vị lãnh tụ xã hội chủ nghĩa nhân đạo, văn minh, vĩ đại nhất chưa từng có trong thời đại chúng ta.

Chúng tôi biết rằng với những giá trị văn minh và nhân đạo đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh mãi mãi có khả năng động viên toàn thể nhân dân anh hùng nước các bạn chống lại và chiến thắng mọi đế quốc dù chúng hùng mạnh thế nào đi nữa.

Các bạn càng giành hết thắng lợi này đến thắng lợi khác, thì các bạn lại càng giúp đỡ chúng tôi ở Trung Đông và giúp đỡ tất cả các nơi khác trên thế giới đang đấu tranh. Hàng ngày, các bạn chứng minh rằng chủ nghĩa đế quốc có thể dễ dàng bị đánh bại trước một dân tộc đoàn kết, được động viên và chiến đấu cho đất nước mình.

Các bạn đọc thân mến, cho phép tôi được trích dẫn một số câu trong một bức thư của một người bình thường gửi cho tôi, sau khi tôi viết một bài báo ngày 6 tháng 9 để tỏ lòng thương tiếc Bác Hồ kính mến vĩ đại:

"Thưa bà... Tôi đồng ý với hai bài báo của bà nói rằng Chủ tịch Hồ Chí Minh là câu chuyện thân kỳ của thời đại này, và là tượng trưng cho mọi dân tộc đang đấu tranh trên toàn thế giới. Cảnh tượng phi thường nhất để lại trong tâm trí, ấn tượng mạnh mẽ nhất để lại trong trái tim và kỷ niệm to lớn nhất để lại trong lịch sử là cảnh tượng trong những giờ phút vĩnh biệt Bác Hồ. Đó là cảnh tượng đã làm cho tâm trí mỗi người rối bời, ngòi bút trở nên bất lực không thể hiện nổi sự vĩ đại của con người "Hồ Chí Minh".

Dưới đây là đoạn trích trong bức thư của một người bình thường đang sống ở một thị trấn nhỏ tên là Me-nuy-a An Kam.

"... Con trai tôi lên 7 tuổi, tên là A-mét đã kêu khóc thảm thiết khi được tin Bác Hồ từ trần. Con tôi hỏi tôi: "Mẹ ơi, tại sao Bác Hồ lại mất trước khi bọn Mỹ chấm dứt việc giết hại các bạn chúng ta ở Việt Nam...?".

Ở đây, chúng tôi không bao giờ quên lời của Chủ tịch Hồ Chí Minh: "Các phong trào dân chủ và hoà bình trên thế giới mạnh mẽ hơn bao giờ hết đã giúp Việt Nam giành thắng lợi. Ngược lại, thắng lợi của chúng tôi sẽ góp phần xứng đáng vào việc bảo vệ hoà bình ở châu Á và thế giới".

Các bạn Việt Nam thân mến, đúng là thắng lợi của các bạn sẽ góp phần bảo vệ hoà bình trên toàn thế giới, trong đó cuộc đấu tranh của nhân dân Á-rập chúng tôi là một bộ phận quan trọng. Ở đây chúng tôi hiểu rõ và đánh giá hoàn toàn đúng đắn lập trường vững chắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh về tình đoàn kết quốc tế rộng lớn.

Cuộc kháng chiến của các bạn cùng với cuộc kháng chiến của chúng tôi chống các nước đế quốc và tay sai của chúng, đứng đầu là Mỹ, nhất định sẽ góp phần đem lại hoà bình ở Đông Nam Á và Trung Đông...

Tư tưởng và giá trị của Chủ tịch Hồ Chí Minh thân kỳ muôn năm!

Nhân dân Việt Nam anh hùng, vĩ đại và nước Việt Nam độc lập, thống nhất và phồn vinh muôn năm!

HỒ CHÍ MINH TRONG LÒNG NHÂN DÂN AN-GIÊ-RI*

MÔ-HA-MÉT LA-MA-RI

Đại sứ đặc mệnh toàn quyền nước

Cộng hoà dân chủ nhân dân

An-giê-ri tại Việt Nam

Lòng đầy xúc động tôi tham dự vào cuộc họp ca ngợi Chủ tịch Hồ Chí Minh, một trong những người yêu nước, những nhà cách mạng, những nhà tư tưởng, những nhà văn đã đánh dấu sâu sắc nhất thế kỷ của chúng ta.

Tôi tự cho mình được phép gọi Người là Bác Hồ, bởi vì tuy thuộc nhân dân Việt Nam, Người vẫn thuộc vào gia tài của nhân loại, cái gia tài của mọi dân tộc yêu tự do, giải phóng đã phải tiến hành đấu tranh chống lại ách thực dân hay đế quốc.

Tên của Người đặc biệt gợi cảm đối với những người An-giê-ri chúng tôi. Tháng 5 năm 1954, dưới sự lãnh đạo cao cả của Người, nhân dân Việt Nam đã giành được chiến thắng lẫy lừng, đánh bại đạo quân thực dân hùng mạnh. Tháng 11-1954, cuộc đấu tranh vũ trang của nhân dân An-giê-ri để tự giải phóng được phát động. Ta phải nhìn thấy, trong sợi dây liên hệ các biến cố của thời kỳ này, tình đoàn kết giữa hai cuộc cách mạng An-giê-ri và Việt Nam, sự củng cố niềm tin của chúng tôi rằng quá trình giành lại độc lập của các dân tộc thuộc địa là tất yếu.

Ưu điểm lớn nhất của Chủ tịch Hồ Chí Minh là không chỉ đấu tranh cho một lá cờ, cho một sự giải phóng ở bề mặt bên ngoài, Người muốn tiến hành một cuộc chiến đấu cho phẩm giá con người, cho sự giải phóng và phúc lợi của toàn dân và nhờ thế mà cuộc cách mạng Người phát động đã mang tầm cỡ thế giới.

* Đầu đề do chúng tôi đặt (BT).

Các diễn giả sẽ nhắc đến nhà văn, nhà thơ và lòng nhân ái sâu sắc của Người, nhà tư tưởng mà tác phẩm thấm nhuần bao nhiêu điều sáng suốt; tôi chỉ muốn nhắc đến sự tôn kính mà nhà văn lớn An-giê-ri là Ka-tép Ya-xin đã dâng lên Người trong vở kịch "Con người đi dép cao su". Tôi xin đọc:

*Bác Hồ thức dậy bao giờ
Những người quét rác còn lo quét đường
Điều trước tiên, Bác lo thể dục
Đời Bác nào có khác đời ta
Tay cầm chổi quét sân nhà
Rau vườn Bác tưới, khác ta chỗ nào?
Bát cơm Bác, thức ăn cũng một
Cửa sổ kia thấp suốt đêm khuya!*

Không ưa nghi lễ, bao giờ Bác cũng mang cùng một bộ đồ vải, một đôi dép lốp. Người vẫn giữ phong thái xưa của người du kích. Mỗi tháng, Người lĩnh 240 đồng. Sự khiêm tốn ấy là một bài học kinh tế học. Không xa hoa, không khổ cực. Và đây là cảnh chót vở kịch:

*Trong mơ ta, Bác còn vẫn bước,
Con người đi dép lốp cao su
Giữa đình công, trong bóng tối mịt mờ
Trong giấc mơ, ta vẫn nhìn Bác bước
Người quét đường và nhà chiến lược,
Người cùng nô trán ngẩng cao đầu.
Người ta gọi tên đơn giản Bác Hồ
Hồ Chí Minh con người soi sáng
Con người mà cả toàn dân gọi đến
Con người không đòi hỏi bao nhiêu
Trong giấc mơ, chân Người vẫn bước đều
Người đi dép cao su quen thuộc.*

TÂM QUAN TRỌNG CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH TRONG CÔNG CUỘC CHỐNG MÙ CHỮ Ở CHÂU Á VÀ THÁI BÌNH DƯƠNG

*T.M. SA-KY-A
UNESCO - Băng-kốt*

Thật là một sự trùng hợp rất đáng phấn khởi là: Năm Quốc tế chống mù chữ và kỷ niệm 100 năm Ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng diễn ra trong năm 1990. Quả thật, đây là một sự kiện rất phù hợp, vì Chủ tịch Hồ Chí Minh là người đã nhận thức được tầm quan trọng của công cuộc chống mù chữ cho nhân dân đối với quyền tự do và phát triển của nhân dân trước nhiều lãnh tụ thế giới, đặc biệt là ở châu Á.

Dịp kỷ niệm 100 năm Ngày sinh của Người cho chúng ta một cơ hội nhớ lại một lần nữa, Chủ tịch Hồ Chí Minh, một chiến sĩ vĩ đại phấn đấu cho công cuộc chống mù chữ, là người như thế nào. Người ta có thể nhớ lại rằng, với tư cách là vị Chủ tịch mới của nước Việt Nam tự do, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tuyên bố rằng: "Một dân tộc dốt là một dân tộc yếu"; "sự ngu dốt cũng nguy hiểm như nạn đói và nạn ngoại xâm". Trong buổi họp đầu tiên của Hội đồng Chính phủ, ngày 3 tháng 9 năm 1945, Người đã "đề nghị mở một chiến dịch để chống nạn mù chữ" - một "nhiệm vụ cấp bách thứ hai" của đất nước.

Bức "Thư gửi cho học sinh" vào đầu năm học thứ nhất, tháng 9 năm 1945, sau khi Việt Nam giành được độc lập, đầy sức hấp dẫn. Người viết cho học sinh của nước Việt Nam tự do: "Non sông Việt Nam có trở nên tươi đẹp hay không, dân tộc Việt Nam có bước tới đài vinh quang để sánh vai với các cường quốc năm châu được hay không, chính là nhờ một phần lớn ở công học tập của các em".

Nguồn cổ vũ của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dẫn tới thắng lợi của công cuộc chống mù chữ ở Việt Nam. Một niềm kiêu hãnh lớn đối với Việt Nam là nạn mù chữ phần.lớn đã bị xoá bỏ từ 1978.

Năm nay, 1990, có thể nêu rõ rằng, vẫn còn hơn 649 triệu người mù chữ ở khu vực châu Á và Thái Bình Dương, chiếm khoảng 75% số người mù chữ trên thế giới. Nhìn chung, trong toàn khu vực, mỗi năm có hơn 25 triệu học sinh cấp I bỏ học trước khi học xong lớp 4 vào thập kỷ 1980. Theo số liệu năm 1985, ở Việt Nam có khoảng 570.000 học sinh bỏ học. Do đó, giáo dục cấp I và chương trình xoá mù chữ phải được phát triển và tăng cường song song với nhau để đạt được mục tiêu phổ cập giáo dục cơ sở cho mọi người và đó cũng là mục tiêu của năm Quốc tế chống mù chữ.

Rất may là các nước trong khu vực châu Á và Thái Bình Dương đã nhìn thấy vấn đề này. Hội nghị lần thứ V toàn khu vực của các bộ trưởng giáo dục và những người chịu trách nhiệm về kế hoạch hóa nền kinh tế (MINEDAP), tổ chức tại Băng-kốc (Thái Lan), năm 1985, đã đề nghị UNESCO phát động một chương trình khu vực kết hợp các chiến lược phổ cập giáo dục cấp I với chống mù chữ và giáo dục tiếp tục vì phát triển.

Đề nghị đó đã được kỳ họp lần thứ 23 của Đại hội UNESCO, tổ chức tại Sofia, năm 1985, thông qua. Sau đó, UNESCO đã phát động Chương trình giáo dục cho mọi người ở châu Á - Thái Bình Dương (APPEAL), ngày 23 tháng 2 năm 1987, tại Niu Đê-li (Ấn Độ).

Ở nhiều nước, chương trình chống mù chữ được coi như vấn đề làm một lần cho xong. Quan niệm không đúng này đã có nhiều ảnh hưởng không tốt tới các chương trình chống mù chữ. Trong giáo dục, không hề có chuyện như tiêm chủng, có thể phòng các bệnh chỉ cần tiêm một lần là thôi. Giáo dục là một quá trình liên tục. Xoá mù chữ là bước đầu tiên để tiến tới quá trình học tập suốt đời. Một khi đã giành được, giáo dục sẽ không duy trì được lâu nếu nó không được thường xuyên củng cố và nâng cao. Và một khi đã đạt được, giáo dục cũng vẫn không bao giờ đủ. Đó đó, tất cả chúng ta đều phải học kiến thức mới, kỹ năng mới để có thể đáp ứng được với hoàn cảnh thay đổi và nhu cầu mới. Do đó, APPEAL đang cố gắng đẩy mạnh và cải tiến giáo dục tiếp tục với cùng ưu tiên và nhiệt tình như xoá mù chữ.

Tất cả chúng ta đều biết, Hội nghị thế giới về giáo dục cho mọi người, đáp ứng những nhu cầu học tập cơ bản được tổ chức mới đây tại Jomtien, Thái Lan, ngày 5 - 9 tháng 3 năm 1990, đã thông qua "Tuyên ngôn thế giới về giáo dục cho mọi người" và chương trình hành động để

thực hiện Tuyên ngôn đó. Chúng ta hy vọng rằng Tuyên ngôn thế giới đó sẽ giúp thúc đẩy công cuộc giáo dục rộng rãi, cả phổ cập giáo dục cấp I và xoá mù chữ ở các nước đang phát triển trên toàn thế giới trong thập kỷ 1990 tới năm 2000.

Thực hiện nhiệm vụ đó không dễ. Các nước đang phát triển do gặp khó khăn về tài chính, nên phải xem xét cẩn thận hơn nữa các chiến lược giáo dục của mình. Sự lãng phí trong giáo dục và việc làm đi làm lại nhiều lần không thể để diễn ra được mãi. Về phần mình, UNESCO cũng bị ảnh hưởng to lớn vì tình hình khó khăn kinh tế này. Tuy nhiên, Văn phòng châu Á - Thái Bình Dương của UNESCO vẫn cố gắng vượt qua khó khăn này bằng cách huy động thêm các nguồn ngân sách.

Những báo cáo kinh tế - xã hội của thế giới cho thấy châu Á - Thái Bình Dương là khu vực có nền kinh tế phát triển nhanh nhất trên thế giới. Tuy nhiên, kinh tế chỉ phát triển ở một số nước nhưng lại giảm sút ở những nước khác. Nếu các nước châu Á và Thái Bình Dương cộng tác với nhau thì chúng tôi dám chắc rằng có thể tìm được con đường thoát khỏi khó khăn này.

Đây chính lại là một dịp may nữa cho chúng ta tìm được nguồn cổ vũ ở một chính khách như Chủ tịch Hồ Chí Minh, là người đã nhấn mạnh tầm quan trọng của giáo dục cho mọi người, nhằm tạo sức mạnh cho những người dân bình thường vượt qua bất cứ khó khăn nào mà họ có thể vấp phải.

Do đó, chúng ta hãy toàn tâm toàn ý cống hiến cho sự nghiệp mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chủ trương theo đuổi suốt đời - đó là xoá bỏ nạn mù chữ và đẩy mạnh học tập suốt đời cho tất cả mọi người vào đúng dịp kỷ niệm 100 năm Ngày sinh của Người.

HỒ CHÍ MINH VỚI VĂN HÓA DÂN TỘC VÀ QUỐC TẾ

PHIÊNNG XI-XU-LAT
Thứ trưởng Bộ Giáo dục
và Thể thao Lào

Đã có nhiều nhà chính trị, nhà văn hóa, nhà khoa học lớn của Việt Nam và thế giới viết về thân thế và sự nghiệp vĩ đại của Chủ tịch Hồ Chí Minh, về tài năng, đạo đức, tác phong của Người. Đặc biệt, chúng tôi hoàn toàn nhất trí với sự đánh giá của đồng chí Phạm Văn Đồng trong tác phẩm "Hồ Chí Minh, một con người, một dân tộc, một thời đại, một sự nghiệp". Chúng tôi cho rằng đó là những lời đánh giá tuyệt đối đúng và hết mực sâu sắc về Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Bằng sự hiểu biết có hạn của mình, hôm nay, tôi muốn bàn về những đóng góp của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong lĩnh vực văn hóa, văn học và nghệ thuật mà nó xuyên suốt cả cuộc đời hoạt động cách mạng của Người. Văn hóa dân tộc, theo quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh là toàn bộ những di sản, những giá trị vật chất và tinh thần của tổ tiên ta và nhân loại để lại mà mỗi chúng ta có nghĩa vụ phải bảo toàn, học tập và phát huy những mặt tốt đẹp, nhằm xây dựng nên cuộc sống mới, con người mới, con người có trách nhiệm làm tròn sự nghiệp cách mạng của dân tộc.

Ngay từ những năm còn hoạt động cách mạng ở nước ngoài, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn luôn gìn giữ bản sắc dân tộc, thể hiện trong đời sống, trong mối quan hệ tiếp xúc với bạn bè quốc tế. Những tác phẩm "Mấy ý nghĩ về vấn đề thuộc địa", "Con rồng tre", "Bản án chế độ thực dân Pháp", mà Chủ tịch Hồ Chí Minh viết khi còn hoạt động ở Pháp và hoạt động trong Quốc tế Cộng sản, là những tác phẩm vừa có tính chính trị cao, đồng thời cũng là những tác phẩm văn học điển hình. Nó cực lực lên án chế độ thực dân Pháp; nó thể hiện tâm hồn của một con người yêu

nước, yêu đồng bào, lòng nhớ thương Tổ quốc; nó mang bản sắc của người Á Đông nhưng đồng thời cũng rất đậm nét tính con người Việt Nam; nó không chỉ chống áp bức bóc lột, chống bạo quyền mà còn đòi được độc lập và tự do.

Với tư cách là người lãnh đạo Đảng và Nhà nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhận thức rõ tầm quan trọng của lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật trong sự nghiệp cách mạng. Người đã vạch ra con đường đúng đắn cho cách mạng, đồng thời cũng vạch ra một đường lối đúng đắn cho văn hóa, văn học, nghệ thuật Việt Nam. Người coi "văn hóa, nghệ thuật cũng là một mặt trận; văn nghệ sĩ phải là chiến sĩ trên mặt trận ấy".

Trong những năm kháng chiến chống thực dân Pháp cũng như sau khi hoà bình lập lại, mặc dù bận trăm công ngàn việc, Người vẫn luôn luôn quan tâm chỉ bảo và vạch đường lối cho văn hóa, văn học, nghệ thuật Việt Nam phát triển. Những lời nói giản dị, những bài viết ngắn gọn của Người làm toát lên những vấn đề lớn của thời đại. Năm 1954, cuộc kháng chiến chống Pháp vừa thắng lợi, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đến viếng mộ Tổ - đền thờ Vua Hùng tại Vĩnh Phú. Đó là việc làm rất phù hợp với truyền thống văn hóa lâu đời của con người Việt Nam. Tại đây, Người đã nói chuyện với con cháu: "Các Vua Hùng đã có công dựng nước, Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước". Một lời dạy bảo giản dị, mộc mạc nhưng nói lên truyền thống của ngày hôm qua, nhiệm vụ ngày nay, và còn có ý nghĩa với muôn đời mai sau. Khi cuộc kháng chiến chống Mỹ bước vào giai đoạn ác liệt, trong lời kêu gọi đồng bào và chiến sĩ cả nước quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược (ngày 17-6-1966), Người khẳng định: "Không có gì quý hơn Độc lập, Tự do!". Một câu nói giản dị, ngắn gọn đã trở thành một câu danh ngôn mang những âm vang cộng hưởng không chỉ bó hẹp trong đất nước, con người Việt Nam mà còn là lý tưởng đấu tranh của nhân dân các nước bị áp bức bóc lột và nhân dân yêu chuộng hoà bình trên thế giới.

Chủ tịch Hồ Chí Minh là con người cách mạng, Người nhận mình là "Nhà cách mạng chuyên nghiệp" và không nhận mình là nhà văn, nhà thơ. Nhưng chính bản thân Người còn là tác giả của nhiều tác phẩm vừa đậm đà bản sắc dân tộc, vừa rất hiện đại. Vì là một nhà văn hóa chân chính mà Người làm cách mạng và làm cách mạng không chỉ giải phóng con người khỏi áp bức bóc lột mà cái cao quý nhất là để giải phóng con

người thoát khỏi nền văn hóa nô dịch và xây dựng nền văn hóa mới của dân tộc. Hằng năm, cứ mùa xuân đến, Người lại làm thơ chúc Tết toàn dân. Mỗi bài thơ của Người vừa là một chỉ thị sáng suốt, một lời khuyên nhủ ân cần, vừa là một bông hoa nở trên từng chặng đường kháng chiến. Người rất hiểu những rung động và sự khao khát đi tìm cái đẹp của người nghệ sĩ. Đồng thời, Người cũng nghiêm túc yêu cầu "văn hóa, nghệ thuật cũng như mọi hoạt động khác không thể ở ngoài mà phải ở trong kinh tế và chính trị".

Văn hóa, văn nghệ theo quan điểm của Người phải tham gia trực tiếp vào cuộc đấu tranh cách mạng. Nhiệm vụ của văn hóa, văn nghệ là phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân, sáng tạo nên những tác phẩm ca ngợi những truyền thống tốt đẹp của cha ông và những tư tưởng, hành động tiên tiến xuất hiện trong cuộc sống mới. Chính vì vậy, trong những sáng tác của mình, Người viết rất ngắn gọn, súc tích, ngôn ngữ trong sáng, dễ hiểu, gần gũi với nhân dân. Người dùng những điển tích rất đúng chỗ, đúng lúc nên càng làm đẹp thêm vốn cổ của dân tộc và làm hay cho văn chương Việt Nam ngày hôm nay.

Chủ tịch Hồ Chí Minh là người am hiểu rất rộng và sâu sắc vốn văn hóa văn nghệ thế giới. Vậy mà Người không lạm dụng tiếng nước ngoài, cũng không hề bài ngoại. Người làm giàu vốn ngôn ngữ dân tộc mình bằng ngôn ngữ nước ngoài.

Chủ tịch Hồ Chí Minh sống và hoạt động trên 30 năm ở nước ngoài, đi khắp năm châu, bốn biển, trải qua bao nhiêu nghề: làm báo, làm ảnh, viết sách và hoạt động cách mạng, lúc hợp pháp, lúc bí mật, lúc bị cầm tù và chính những năm tháng đi tìm đường để cứu nước, cứu dân đó đã giúp cho Người hiểu tường tận văn hóa, văn nghệ của thế giới. Người đã nhiều lần trò chuyện với các tác giả nước ngoài về các nhà văn hào thế giới, Người đã viết những bài phê bình, giới thiệu các nhà đại văn hào thế giới, viết về triết học và nghệ thuật Ấn Độ (1958), và nền nghệ thuật In-đô-nê-xi-a (1958). Văn phong của Người là tổng hoà vốn văn hóa nghệ thuật giữa Á và Âu mà chúng ta có thể tìm thấy trong các tác phẩm "Bản án chế độ thực dân Pháp", "Nhật ký trong tù", v.v... những lối châm biếm của Pháp, những nụ cười của Anh và chất hàm súc của Đường thi. Chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ am hiểu về nền văn hóa dân tộc mình mà còn rất am hiểu nền văn hóa thế giới và Người không chỉ

làm cho nền văn hóa văn nghệ Việt Nam phong phú thêm mà Người còn đóng góp cho nền văn hóa thế giới.

Chủ tịch Hồ Chí Minh là một nhà văn hóa lớn. Cuộc đời hoạt động và sự nghiệp vĩ đại của Người là tấm gương cao đẹp trong sáng về một quan niệm nhân sinh và thế giới, toả sáng chủ nghĩa nhân văn mới, kết tinh những tư tưởng, tình cảm, những ước mơ lớn của nhân loại. Bởi thế những tư tưởng văn hóa của Người đến với các dân tộc như một lẽ tự nhiên, có sức cổ vũ sâu sắc mỗi con người, mỗi dân tộc. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gắn bó sâu sắc với dân tộc mình; đồng thời Người cũng đã dành tình cảm thấm thiết cho mọi dân tộc trên thế giới.

Hai nước Lào và Việt Nam vốn có truyền thống đoàn kết lâu đời. Tình đoàn kết đó lại càng thêm bền chặt từ khi được Chủ tịch Hồ Chí Minh vun đắp và nó đã thấm nhuần vào từng cơ thể của mỗi người dân Lào và Việt Nam. Nó xuyên suốt trong mọi lĩnh vực công tác cách mạng. Nó là những dòng máu đỏ cùng chảy về một con tim. Khi chúng tôi nói Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đưa ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào Việt Nam, đã đưa lại cho nhân dân Việt Nam một nền văn hóa, văn học, nghệ thuật mới cũng tức là Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đưa lại cho nền văn hóa, văn học, nghệ thuật của dân tộc Lào một luồng gió mới, mở ra một thời đại mới, một nền văn hóa, văn học, nghệ thuật mới, vừa kế tục nền văn hóa, văn học, nghệ thuật cổ truyền của dân tộc, vừa được nâng lên để vươn tới một nền văn hóa, văn học, nghệ thuật của thời đại và tương lai - đó là nền văn hóa, văn học, nghệ thuật cách mạng. Những tư tưởng lớn, những quan điểm về văn hóa và những tác phẩm của Người đã trực tiếp giúp cho đội ngũ văn nghệ sĩ Lào thấy rõ con đường đi hướng về tương lai xán lạn. Chúng tôi mãi mãi biết ơn Chủ tịch Hồ Chí Minh, mãi mãi ghi nhớ những câu thơ của Người:

*Thương nhau mấy núi cũng trèo,
Mấy sông cũng lội, mấy đèo cũng qua,
Việt - Lào hai nước chúng ta,
Tình sâu hơn nước Hồng Hà, Cửu Long.*

CỤ HỒ CHÍ MINH NHÀ NGHIÊN CỨU VĂN HỌC, NHÀ VĂN, NHÀ THƠ...

*Trích bài của ÁP-ĐEN MA-LÉCH KHA-LIN
đăng trên báo Tin tức (Ai Cập),
số ra ngày 10-9-1969*

Nếu lịch sử hiện đại chưa bao giờ chứng kiến một cuộc chiến tranh ác liệt và tàn khốc nào như cuộc chiến tranh do lực lượng phản động to lớn nhất là đế quốc Mỹ đang tiến hành, thì nhân loại cũng chưa bao giờ biết đến một cuộc kháng chiến và một sự bền gan chịu đựng nào có thể vượt hoặc ít ra là sánh kịp cuộc chiến đấu ngoan cường và bền bỉ của nhân dân Việt Nam để giành lấy thắng lợi trong việc đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của Mỹ và làm cho những kẻ gây ra nó phải nếm mùi nhục nhã.

Chính nhân dân Việt Nam đã không ngừng chiến đấu theo tinh thần đó và cũng chính vì thế mà Cụ Hồ Chí Minh từ trần đã trở thành bất diệt trong ý thức của hàng triệu người Việt Nam và chiến sĩ... Cụ đã trở thành như một vị thánh, một người thầy, một người tiêu biểu cho cuộc kháng chiến, một nhà văn, một nhà tuyên truyền chính trị, một nhà nghiên cứu văn học sắc bén và một nhà thơ giàu tình cảm.

Thiên thần thoại của Cụ là ở một cuộc sống giản dị và khiêm tốn...

Cụ bằng lòng với những sự giản dị đó và không bao giờ loá mắt vì những chuyến đi khắp các nước trên thế giới, nhất là ở phần lớn các nước châu Âu là những nước đã được hưởng sự xa hoa, tiến bộ và kỹ thuật...

Khi sống trong rừng rậm, suốt hơn nửa thế kỷ, cũng như khi làm Chủ tịch nước và Chủ tịch Đảng Cộng sản ở nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Cụ đều luôn luôn giản dị và thanh bạch...

Lần đầu tiên, thế giới được thấy vị Chủ tịch của một đảng cộng sản kết hợp chặt chẽ văn học với chính trị, kết hợp những bài thơ với những con số...

Thật vậy, trong các cuộc họp Đảng hoặc Quốc hội ở nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Cụ Hồ Chí Minh thường bắt đầu những bài diễn văn

và những bài nói sâu sắc của mình bằng cách đọc lên những câu thơ rút ra từ văn học dân gian Việt Nam...

Trước đây cũng vậy, những lời châm biếm mỉa mai của Cụ đã từng là những ngọn roi quất mạnh vào mặt bọn chúa tể ở Pháp và các nơi khác...

Còn về nhà thơ Hồ Chí Minh thì phải nói rằng Cụ vào loại có một không hai trong cả khu vực Đông Nam Á, như đã thể hiện trong các bài thơ Cụ sáng tác trong thời gian bị tù đày ở Trung Quốc dưới chế độ Tưởng Giới Thạch, khi Cụ bị bọn cầm quyền Trung Quốc giam giữ, gông cùm và xiềng xích... Cụ phải đi hết nhà tù này đến nhà tù khác, trên những đoạn đường dài bằng nửa chu vi toàn bộ nước Pháp. Ở xà lim, Cụ bị cùm chân và khi ngủ thường phải dựa vào một người bạn tù không quen biết. Bao lần Cụ thao thức suốt đêm... Có một hôm, người bạn tù chết lúc nào không biết.

Cụ Hồ Chí Minh đã ghi lại những bài thơ của mình trong tập *Nhật ký trong tù*.

Mở đầu là bài thơ tứ tuyệt:

*"Ngâm thơ ta vốn không ham,
Nhưng vì trong ngục biết làm chi đây?
Ngày dài ngâm ngợi cho khuây,
Vừa ngâm vừa đợi đến ngày tự do".*

Trong một bài thơ khác nhan đề "Người bạn tù thổi sáo". Cụ viết:

*"Bỗng nghe trong ngục sáo vi vu,
Khúc nhạc tình quê chuyển điệu sầu.
Muôn dặm quan hà khôn xiết nỗi,
Lên lầu, ai đó ngó trông nhau".*

Trong một bài thơ thứ ba, nhan đề "Ngắm trăng", Cụ viết:

*"Trong tù không rượu cũng không hoa,
Cảnh đẹp đêm nay khó hững hờ,
Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ,
Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ".*

Tiếp theo còn nhiều bài thơ khác nữa...

Nguồn thơ của Cụ lai láng không bao giờ dứt... Và những bài thơ đó tự nó cũng đã hợp thành một bản anh hùng ca về một con người tin tưởng vào sự nghiệp đấu tranh và những cuộc chiến đấu của mình.

Nếu Việt Nam là sự thức tỉnh lương tri của thời đại chúng ta, thì Cụ Hồ Chí Minh là người đã tạo ra lương tri đó.

BÁC HỒ ĐÃ GIÚP CHÚNG TÔI MỞ ĐƯỜNG ĐI ĐẾN ÁNH SÁNG

A-MIN
(CHDCND Y-ê-men)

Tôi được tin Người đã mất. Tin đó đến với tôi thật bất ngờ. Sao cái chết của Người lại đến đúng vào lúc không ai có thể ngờ được đó! Cuộc đời của Người đã bất diệt cơ mà! Ngày đầu tiên trong cuộc đời của Người là ngày Người cùng với các đồng chí của mình lập nên Đảng Cộng sản Pháp ở Pa-ri. Ý nghĩa ngày đó đối với cuộc đời của Người là ở chỗ Người đã bắt đầu mang lại một ánh sáng mới cho nhân loại đau thương.

Và ngày mà Người cùng các đồng chí Việt Nam của mình gieo những hạt giống đầu tiên trong cuộc đấu tranh của nhân dân nước Người, đó là ngày bình minh đã xuất hiện ở châu Á. Với ánh sáng bình minh ấy, các trẻ em Việt Nam đang quần quai đau thương dưới gót giày của chủ nghĩa đế quốc, cảm thấy rằng thế giới mới của mình đã tạo nên một con người, đó là Bác Hồ Chí Minh. Và các em bé Việt Nam, sống dưới bom đạn của bọn xâm lược Mỹ ấy đã gọi Người là "Bác Hồ". Người không những là Bác, là Cha của thiếu nhi Việt Nam, mà Người còn là Bác, là Cha của thiếu nhi toàn thế giới, đặc biệt là thiếu nhi Ả-rập chúng tôi.

Thiếu nhi Y-ê-men của chúng tôi cũng như thiếu nhi trên bán đảo Ả-rập ở nhiều vùng rộng lớn trong Tổ quốc Ả-rập chúng tôi còn quần quai đau thương dưới gót giày của bọn đế quốc quốc tế và bọn phản động. Chúng ngăn cản ánh bình minh đến với các em, chúng không cho chúng tôi đem lại ánh sáng cho các em.

Chính Người, Bác Hồ, đã đóng hàng triệu mũi đinh lên chiếc quan tài của chủ nghĩa đế quốc Mỹ ở trên đất nước Việt Nam. Chính Người đã giúp chúng tôi mở đường đi đến ánh sáng, để cho những đôi mắt của trẻ em chúng tôi trở nên trong sáng và đáng yêu, để cho trẻ em chúng tôi

được tới trường học và để thay thế những thùng rác kia bằng những vườn hoa.

Chính Người, Bác Hồ, đã đóng hàng triệu mũi đinh vào cái quan tài của chủ nghĩa đế quốc Mỹ ở trên đất nước Việt Nam và giúp cho chúng tôi tìm thấy con đường giải phóng khỏi ách gông cùm cho những con người trên bán đảo Ả-rập, để cho chúng tôi trở lại làm người và không bị coi khinh bởi những tên man rợ.

Chính Người, Bác Hồ đã xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam dưới bom đạn của đế quốc Mỹ và dạy cho chúng tôi biết rằng uy lực và cường bạo không thể lay chuyển ý chí kiên cường của những chiến sĩ cách mạng, không thể ngăn cản bước đi của họ. Người trung thực với chính bản thân mình và cả thế giới. Người đã mang lại ánh sáng cho nhân dân Người. Sự nghiệp của Người là sự nghiệp của tất cả các chiến sĩ đang đấu tranh vẻ vang. Người tin tưởng vững chắc rằng: khối ý chí sắt thép được tạo nên ở trong Đảng sẽ thay đổi được thế giới. Người đã làm như vậy ngay từ ngày đầu cùng với các đồng chí của Người ở Pa-ri, và sau đó Người đã làm như vậy cùng với các đồng chí của Người ở Việt Nam.

Cuộc đời của Người sẽ sống mãi!

Người không bao giờ chết cả!

Cái chết của Người sẽ sống mãi!

Cuộc đời và cái chết của Người đã trở nên rạng rỡ!

NHÀ THƠ HỒ CHÍ MINH VÀ SỰ GIẢI PHÓNG CON NGƯỜI*

Tiến sĩ VI-VEN-XI-Ô HÔ-XÊ

*Trưởng khoa Nghệ thuật và văn học Trường Đại học
Phi-líp-pin, Chủ tịch Hội hữu nghị Phi-líp-pin - Việt Nam*

Đối với thanh niên những năm 60 và 70 tại nhiều nơi trên thế giới, Việt Nam là trung tâm của cuộc đấu tranh giải phóng mà ranh giới không được xác định. Các ranh giới của nó vượt qua giới hạn của Việt Nam trên quy mô thế giới vì những người có thiện cảm với những chiến sĩ chiến đấu cho tự do của Việt Nam đã chống lại bọn diều hâu và các chính phủ của họ đã phạm tội đứng về phía kẻ thù của Việt Nam. Cái chiến trường liên tục không có biên giới này, trong đó các đạo quân xung đột nhau cả ngày và đêm tạo nên những anh hùng và liệt sĩ của nó, và cố nhiên cả những đứa con của nó, những người đã tổ chức những cuộc biểu tình phản kháng khổng lồ tại các thủ đô trên thế giới để giúp đỡ Việt Nam thực hiện mục tiêu của mình.

Tình hữu ái đối với nhân dân Việt Nam ngày càng sâu thêm đến nỗi lúc đó nó trở thành một niềm tin trong số những người con của chiến tranh rằng bất cứ ai chiến đấu cho tự do ở các nơi đều là người Việt Nam. Những đứa con của chiến tranh nảy sinh từ mọi dân tộc. Họ sôi sục tinh thần hăng hái của tuổi trẻ và được cổ vũ bởi một niềm tin cách mạng tuy còn giản đơn nhưng chân thực rằng: những người ở trong cuộc đấu tranh sinh tử kia sẽ giải quyết được cuộc xung đột của họ để cho những người bảo vệ đất nước chiến thắng bọn xâm lược và đánh bại chúng một cách nhục nhã.

Lúc đó yêu tự do tức là người Việt Nam. Đây là một lô-gích huyền bí nhưng có tính lịch sử, mà ở trung tâm của nó, trong đầu óc của những đứa con của chiến tranh kia, hiện lên một hình ảnh hiển từ và đáng kính. Đó là Hồ Chí Minh.

* Dấu đề do chúng tôi đặt (BT).

I. NHẬT KÝ TRONG TÙ VÀ NHỮNG SỰ VIỆC KHÁC

A. Nguồn gốc của Nhật ký trong tù

Một điểm sáng quan trọng của cuộc đời Hồ Chí Minh là cội nguồn của tập thơ của Người. Vào tháng 8 năm 1942, Người đang lo chuẩn bị cuộc tổng khởi nghĩa. Nhưng bọn cảnh sát của Tưởng Giới Thạch đã bắt giữ Người ở gần biên giới Trung - Việt. Chúng cầm tù Người từ mùa thu năm 1942 đến mùa thu năm 1943, bắt Người phải đi hàng tháng trời, lần lượt chuyển qua 30 nhà tù¹ vì cái tội, như Người viết: "Tội trung với nước với dân à?"². Nhiều khi Người bị giam trong một xà lim đen tối, chật hẹp, cách xa các đồng chí của mình trong khi cả thế giới đang có chiến tranh. Người không chấp nhận thất bại, trái lại quyết định:

*Ngày dài ngâm ngợi cho khuây,
Vừa ngâm vừa đợi đến ngày tự do.*

Một bài thơ viết trong hoàn cảnh này cũng có biểu lộ tâm trạng lo lắng:

BUỒN BỰC

*Tráng sĩ đua nhau ra mặt trận,
Hoàn cầu lửa bốc rục trời xanh
Trong ngục người nhàn, nhàn quá đỗi,
Chí cao mà chẳng đáng đồng chinh.*

Ở đây trong những điều kiện khổ cực, bị giam cầm như vậy, vẫn biểu hiện cái tinh thần bất khuất của con người. Trong những phút thuận tiện, Người thường ghi lại những ấn tượng của mình. Để cho bọn cai tù khỏi ngờ vực, Người sử dụng ngôn ngữ của họ - "tiếng Hán cổ điển" chứ không phải tiếng mẹ đẻ. Người ta có thể hình dung sự vất vả và ý chí phi thường đã nâng đỡ Người vượt qua những trở lực như vậy. Sự quyết chí của Người là rõ ràng và dứt khoát. Ta thấy điều đó nói lên trong một bài thơ kể lại nỗi nhớ nhà của Người, những thử thách trong tù và sự an ủi của thơ.

ĐÊM THU

*Trước cửa lính canh bông súng đứng,
Trên trời trăng lướt giữa làn mây.*

1, 2. Hồ Chí Minh, *Nhật ký trong tù* - Nguyễn Khắc Viện, Vietnamese Literature.

*Rệp bò ngang dọc như xe cóc,
Muỗi lượn hung hăng tựa máy bay;
Nghìn dặm băng khuông hồn nước cũ,
Muôn tở vương vấn mộng sâu nay;
Ở tù năm trọn thân vô tội,
Hòa lệ thành thơ tả nỗi này.*

Trong khi dốc tâm trí vào thơ, Người đã viết được một kiệt tác về văn học "bằng ngôn ngữ cổ điển của các nhà nho, được làm phong phú thêm bởi những cách nói hiện đại và cách diễn đạt dân gian". Các bài tứ tuyệt này biểu hiện tuyệt vời những tình cảm sâu sắc của Người và những ý nghĩ cao cả nhất.

B. Sự chuẩn bị về văn học

Những bài thơ này không phải là sản phẩm của lối viết theo cảm hứng, mà đó là những kết quả lô-gích của tài năng một nhà thơ biến những tình cảm nhân đạo và những đau khổ của con người thành những vần thơ đẹp. Thực vậy, đây là sản phẩm của một sự chuẩn bị lâu dài, bắt nguồn từ cội rễ truyền thống yêu nước của dân tộc, khi Người hãy còn là một cậu học trò học cái đẹp của ngôn ngữ và những điều kỳ diệu của thơ, rồi sau đó là một thầy giáo tìm cách dạy tất cả những điều đó cho các học sinh chăm chỉ của Người ở nhà trường.

Thời gian dài Người sống ở nước ngoài là rất quan trọng cho sự phát triển này. Không những nó làm cho cuộc đời Người thêm phong phú mà còn làm cho cả kinh nghiệm trí tuệ, nghệ thuật và chính trị của Người càng phong phú thêm. Ở nước ngoài Người đọc Lỗ Tấn bằng chữ Hán, Sếch-xpia (Shakespeare) và Đích-ken (Dickens) bằng tiếng Anh, Huy-gô (Hugo) và Dô-lạ (Zola) bằng tiếng Pháp. A-na-tôn Phơ-răng-xơ (Anatole France) và Lep Tôn-xtôi (Lep Tolstoi) đã có ảnh hưởng to lớn tới sự nghiệp của Người với tư cách một nhà văn. Những nhu cầu và những mục đích thúc đẩy Người viết những truyện ngắn đăng trên báo *Nhân đạo* (L'Humanité) và vở kịch "Con rồng tre", Người bước vào ngành báo chí (*Người cùng khổ*)... xuất bản một quyển sách (*Bản án chế độ thực dân Pháp*) và nhiều tác phẩm khác sau này tập hợp lại trong bộ *Tuyển tập* của Người gồm bốn tập¹.

1. Sdd, tr.53-54, 58-59.

Một nền tảng tri thức và văn học phong phú như vậy sau này sẽ biểu hiện dồi dào. Giống như trường hợp các cá nhân khác, trong đó nhà tù là một thánh đường để sáng tạo. Hồ Chí Minh có được điều "may mắn" là đã bị tù.

C. Kinh nghiệm tôi luyện thành thơ

Sản phẩm của điều "may mắn" này là "trên 100 bài thơ về cuộc sống"¹, từ đó và chắc chắn trong nhiều năm sắp đến, Người san sẻ với vô số thế hệ. Trong những thập kỷ qua, những đứa con của chiến tranh thực tế đã đọc những bài thơ của Hồ Chí Minh, thường thường trong bản dịch, và thậm chí còn dịch một vài bài thơ này ra ngôn ngữ của mình. Theo tôi, cần phải có một công trình riêng về ảnh hưởng những bài thơ của Hồ Chí Minh ở nước ngoài.

Ở nước tôi, những người trong chúng tôi ở các trường đại học lúc đó đã có những buổi đọc thơ. Những bài thơ của Hồ Chí Minh thường được đọc cùng với những bài thơ của Pa-bơ-lô Nê-lu-đa (Pablo Neruda), Phê-dê-ri-cô Gác-xi-a (Federico Garcia), Hoan Ra-môn Hi-mê-nét (Juan Ramon Jimenez), Lui A-ra-gông (Louis Aragon), Ga-bri-e-la Mi-stran (Gabriela Mistral), Sác-lơ Bô-đơ-le (Charles Baudelaire), Vơ-la-di-mi-a Mai-a-cốp-xki (Viladimir Mayakovsky) và những người khác. Trong những nhà thơ lỗi lạc này, các bài thơ của Hồ Chí Minh chiếm một địa vị đặc biệt. Đối với chúng tôi nó gắn liền không những với cuộc đời và những cố gắng tập thể của nhân dân Người để được giải phóng mà còn gắn bó chặt chẽ với cuộc đấu tranh của chúng tôi đòi tự do.

Nhật ký trong tù và các bài thơ khác của Hồ Chí Minh trong những hoàn cảnh ấy trở thành những văn kiện giải phóng nghệ thuật và đã có, ngoài sự sống của bản thân nó một sức sống mãnh liệt riêng ở các nước khác.

Chúng tôi say mê bởi vì chúng tôi đã học được qua tình trạng mĩa mai của chính trị mà hoàn cảnh bắt con người phải chịu, điều Người đã giải thích trong một bài thơ...

ĐƯỜNG ĐỜI KHÓ KHĂN

I

*Đi khắp đèo cao, khắp núi cao,
Ngờ đâu đường phẳng lại lao đao!*

1. Sdd, tr.134.

*Núi cao gặp hổ mà vô sự.
Đường phẳng gặp người bị tống lao.*

II

*Ta là đại biểu dân Việt Nam,
Tìm đến Trung Hoa để hội đàm.
Ai ngỡ đất bằng gây sóng gió,
Phải làm "khách quý" tại nhà giam!*

III

*Ta người ngay thẳng, lòng trong trắng,
Lại bị tình nghi là Hán gian.
Xử thế từ xưa không phải dễ,
Mà nay xử thế khó khăn hơn!*

Với một tình cảm sâu sắc, chúng tôi ngâm các bài thơ này trong các buổi đọc thơ, ở lớp học hay các buổi tụ họp đặc biệt. Hai bài thơ "*Trời đẹp*" và "*Ra đi trước rạng đông*" biểu lộ sự thống nhất trong tính năng động phổ biến của tự nhiên với ý chí bên trong của con người muốn tiếp tục cuộc đấu tranh của mình hy vọng vĩnh viễn - từ trong lồng ngục.

Chỉ trong một cuộc đời, mà Người đã có biết bao kinh nghiệm! Chúng tôi có được cảm hứng từ những câu thơ ấy và những câu thơ khác nữa: Người miêu tả tài tình tinh thần bất khuất của con người bị cầm tù. Với bất cứ giá nào, như *Nhật ký trong tù* cho thấy, những người tù có trái tim sắt đá và ý chí gang thép vẫn tỏ ra bất khuất. Họ chịu đựng với sự tự hào và kiêu hãnh những thử thách của cuộc đời và chiến thắng trong những thử thách gay go của ý chí. Họ là người chiến thắng. Và bao giờ cũng thế, phía sau là thiên nhiên, không phải là một người bạn thân nhưng cũng không phải là một lực lượng ác cảm. Đó là sự có mặt tuyệt diệu nhưng lặng lẽ phục vụ con người và an ủi con người với khả năng nuôi dưỡng của nó.

D. Cách thức và phong cách

Những bài thơ này cách đây hàng chục năm đã làm những đứa con của chiến tranh ở nhiều nước xúc động. Họ nhận thức được rằng qua nghi lễ và phong tục xuất hiện tự do và cái đẹp, nảy sinh một sự tổng hợp sinh động xuất phát từ những năng lực sáng tạo của một con người

hợp nhất được ở bản thân mình "một nhà nho được giáo dục theo văn hóa truyền thống" và một nhà thơ tuyệt diệu, cũng đồng thời là một nhà cách mạng. Về mặt phong cách, đó là những bài thơ "ngắn gọn, tinh táo và trong sáng, hoàn toàn cổ điển nhưng biểu lộ những tình cảm và những ý nghĩ của một chiến sĩ ở tuyến đầu của thời đại chúng ta". "Cấu trúc cổ điển của nó phối hợp với sự phong phú về tình cảm và sự nhạy cảm sôi nổi", được biểu hiện bởi tài năng nghệ thuật huyền diệu của Hồ Chí Minh, theo sự chỉ đường của trí thông minh của Người. Một người biên dịch nhấn mạnh về điều này rằng: "Một ánh sáng sinh ra từ khổ đau như vậy làm thức tỉnh lý trí và con tim, đây là con người hành động và là nhà thơ"¹.

Các bài thơ có vẻ đơn giản, thực tế là sâu sắc và phong phú về mặt biểu trưng. Như một nhà văn học sử Việt Nam nói: "Tiếng gà gáy phải chăng đó là người chiến sĩ kêu gọi cầm vũ khí? Những làn gió, giá lạnh đập vào mặt người tù khi anh ta đi trên đường, phải chăng gọi lên những thử thách trên con đường của những người cách mạng. Và ở đây đột nhiên rạng đông làm núi non rực hồng, toả ánh sáng và hơi nóng, chắc chắn là hình ảnh của các cuộc cách mạng đang tiến đến để xua tan những bóng đêm?"².

Những bài thơ "thực sự cổ điển" như vậy có các đặc tính là ngôn ngữ ngắn gọn, tình cảm đẹp đẽ và sức mạnh gợi cảm của từ ngữ và hình ảnh... Hồ Chí Minh đã thực hiện được công việc to lớn này là làm ra những bài thơ Đường kiệt tác ở thời đại ta và làm cho nó rất đơn giản. Nhưng rõ ràng là sự đơn giản này là kết quả của một quá trình rèn luyện lâu dài, và biệt tài của tác giả là đi thẳng đến cái chủ yếu của sự việc, đó là phẩm chất của một nhà văn hóa lớn... Tác phẩm của Người còn đáng chú ý hơn bởi những nét chấm biếm làm nhẹ nhàng những câu thơ chan chứa tình cảm nhân đạo sâu sắc³.

Thơ không cần phải dùng đến lưỡi kiếm để làm cho người ta cảm thấy sức mạnh của nó. Từ 1947 đến 1969, mỗi ngày Tết, nhân dân Việt Nam từ Bắc chí Nam vẫn thường lắng nghe những bài thơ của Hồ Chí Minh truyền đạt cho họ ý nghĩa thông điệp của Người về năm ấy⁴.

1, 2, 3, 4. Sdd, tr.134-135, 136, 499 và 508.

II. NƯỚC VIỆT NAM ĐƯỢC THỐNG NHẤT LẠI, NHỮNG CUỘC ĐI THĂM

Kể từ ngày đó, các biến cố thế giới cứ tiếp tục diễn ra một cách phũ phàng và đất nước của Người nhờ sức mạnh của nhân dân và sự ủng hộ của bạn bè trên thế giới đã hoàn toàn giải phóng. Năm 1975, tên lính địch cuối cùng đã hoảng sợ bỏ chạy. Một phần của quan điểm chiến lược do đó đã được thực hiện và những đứa con của chiến tranh ở nhiều nơi trên thế giới vẫn đi tiếp con đường họ đã chọn. Hàng ngũ của họ bị cái chết, sự lớn lên hay sự thờ ơ làm mai một. Nhưng tôi vẫn hiếu kỳ vô hạn. Tôi muốn đi thăm Việt Nam. Cho nên khi tôi được mời tham dự Hội nghị quốc tế các nhà văn Á - Phi ở thành phố Hồ Chí Minh tháng 10-1982, tôi vui vẻ nhận lời.

A. Cuộc đi thăm thứ nhất

Các đại biểu tại đại hội thuộc những nhà văn Việt Nam và nước ngoài.

Tôi nhận thấy ngay rằng các nhà văn Việt Nam vừa bước ra khỏi cuộc chiến tranh đều không bỏ mất sự hăng hái và óc dí dỏm. Họ có những chuyện để kể, kể cả chuyện các chiến sĩ che chở họ như thế nào khỏi quân địch trong những trận chiến đấu mà chính họ cũng muốn tham dự. Người ta cũng nhận thấy rằng họ rất Á Đông, không hình thức, ham tìm hiểu và phần nào rụt rè mặc dầu nổi tiếng là những chiến sĩ. Tuy nhiên, dưới cái vẻ bên ngoài sinh động, chúng tôi cảm thấy vẻ kiêu hãnh, sự dũng cảm và lòng tận tụy của họ cho một sự nghiệp mà đến lúc này đã đánh đuổi lần lượt bốn kẻ xâm lăng ra khỏi đất nước họ.

Chúng tôi nhận thấy những khó khăn kéo dài mà đất nước lúc đó gặp phải: Đâu đâu các dấu vết của chiến tranh cũng thấy rõ. Sự tàn phá diễn ra khắp nơi: Nhà cửa bị sụp đổ, cấu trúc hạ tầng và tài sản bị huỷ diệt. Sự điên cuồng dữ dội của bọn Mỹ biểu lộ cả ở những hố bom khắp nơi trên một miền đất phần lớn đã mất sức sản xuất vì kẻ thù đã ném bom bừa bãi, nhiều đến nỗi lúc đó người ta nói rằng số lượng bom ném ở đây vượt quá số lượng dùng trong chiến tranh thế giới thứ hai. Ngay vào lúc đó, những quả bom, mìn chưa bị lấy kịp vẫn còn giết hại nhân dân trong cơn trả thù hung bạo hình như không bao giờ chấm dứt. Mặt đất là

kẻ chứa đựng bất lực hàng ngàn tấn na-pan, chất độc làm chết cây cỏ và các chất độc hóa học khác.

Khi đến Phnôm Pênh và đi thăm ngoại ô thành phố này, chúng tôi thấy những dấu vết của nạn diệt chủng của bọn Pôn Pốt trong những cảnh rừng rợn của nhà tù Tuol Xleng (Tuol Sleng), những cánh đồng giết người to lớn và hàng chục vạn trẻ em mồ côi. Người Việt Nam được chào đón như những người giải phóng Cam-pu-chia.

Một mình trong các phòng khách sạn, dù là ở thành phố Hồ Chí Minh, Phnôm Pênh hay Hà Nội, chúng tôi nghĩ đến hàng triệu người đã chết, bị thương hay bị tàn phế suốt đời trong những cuộc chiến tranh kế tiếp nhau trên bán đảo này. Chúng tôi viết những truyện kể và những bài thơ, lòng nghĩ đến quê hương chúng tôi. Khi chúng tôi nói chuyện với các viên chức nhà văn và nhà thơ, chúng tôi cảm thấy yên tâm vì chúng tôi nhận thấy mỗi người vẫn mang một cái gì đầy sức sống, toàn vẹn, với tinh thần chiến đấu cao. Sức mạnh này biểu lộ rõ ràng theo cách của họ: Các vết thương chiến tranh đang được hàn gắn và số phận chính trị lúc này rõ ràng ở trong tay họ. Họ không tỏ ra huênh hoang như một vài tộc người, ngay khi những người phiên dịch đi với chúng tôi đến những địa điểm lịch sử, nơi lịch sử đã được làm nên, kể cả những nơi Hồ Chí Minh đã sống, dạo chơi. Những lời tuyên bố, những lời phát biểu và nhất là những bài thơ của Người vẫn vang vọng bên tai chúng tôi. Chúng tôi nói với các đại biểu: "Có được một người lãnh đạo, một vị thầy và một nhà thơ vĩ đại như thế thực là một nhân dân may mắn. Họ cũng vô địch như Người vậy".

Lúc đó tôi hứa 10 năm nữa sẽ quay trở lại.

B. Cuộc đi thăm thứ hai

Tháng 5 năm ngoái, tôi quay trở lại thành phố Hồ Chí Minh và các ngoại ô, dẫn đầu một phái đoàn bốn người với tư cách là Chủ tịch Hội hữu nghị Phi-líp-pin - Việt Nam. Sau bảy năm, những thay đổi nhằm phục hồi đất nước đã rõ ràng. Ban lãnh đạo quốc gia đã trải qua nhiều thay đổi và, do đó, được củng cố không ngừng. Lệnh giới nghiêm đã bị bỏ và kế hoạch rút lui quân đội khỏi Cam-pu-chia đã được xác lập (và cuối cùng được thực hiện). Đường phố đầy người, đi bộ, đi xe đạp, đi mô-tô, bán bất kỳ cái gì trong các hẻm và các đường phố cũng như trong các hiệu buôn.

Thành phố sạch sẽ. Toà thị chính và rạp hát Sài Gòn, quét vôi vàng nhạt trông sang trọng, đẹp đẽ và sạch sẽ. Các ngôi nhà cũ đã được đổi mới. Những toà cao ốc mới như các khách sạn du lịch đang mọc lên nhanh chóng. Công việc ở Quán Ngày nghỉ (Holiday In) Sài Gòn, một công trình phối hợp giữa một công ty Hương Cảng và chính quyền thành phố đã bắt đầu. Nó có 500 phòng và năm tới sẽ mở cửa. Các nhà máy mọc lên ở một vài nơi của đất nước. Một lớp học về thị trường chứng khoán đang được tổ chức cho khoảng 300 người.

Đất nước rõ ràng đang mở cửa đón thế giới bên ngoài, với một đạo luật mới thu hút đầu tư trực tiếp.

Chúng tôi đã đi thăm nhiều nơi. Tôi lưu ý rằng, khác năm 1982, bất chấp nhiều vấn đề rắc rối hầy còn tồn tại lúc này có nhiều tiếng cười sung sướng và rôm rả hơn - ngay cả trong các quan chức. Có một cái gì khiến lòng ta nhẹ nhõm. Những ngọn gió thay đổi đã trở thành ít khó chịu hơn khi đất nước mở cửa ra thế giới bên ngoài và đương đầu với sự thách thức của hiện đại hoá.

Dù đi đến đâu, chúng tôi cũng cảm thấy sự hiện diện của tinh thần Hồ Chí Minh, một cụ già dịu dàng, hiền từ, mỉm cười rộng lượng với mọi người, bởi vì, với tư cách là người cha của dân tộc, Người biết rằng họ sẽ không bao giờ xa rời con đường giải phóng. Những tác phẩm và những bài thơ sinh động của Người là những bằng chứng cụ thể của lòng tin của Người. Mặc dầu *Nhật ký trong tù* nói về kinh nghiệm của một con người ở một thời kỳ đã xa, vẫn cổ vũ nhân dân đấu tranh thoát khỏi "nhà tù" của tình trạng kém phát triển về kinh tế.

III. KẾT LUẬN

Khi thế giới ngày nay rời khỏi những tro tàn của cuộc chiến tranh lạnh và bước vào thập kỷ cuối cùng của thế kỷ này, tiến tới thiên niên kỷ sắp tới tôi tin chắc rằng nhân dân đây tự hào này sẽ vượt lên khỏi những cơn sóng và máu lửa của lịch sử, dĩ nhiên là có khó khăn, nhưng chắc chắn họ sẽ đứng vững trong một môi trường thế giới mới, khác hẳn các thập kỷ đấu tranh trước đây. Họ đã học được nhiều qua hàng ngàn năm đấu tranh giành độc lập và đã dạy cho thế giới một bài học: Đừng bao giờ phạm sai lầm kéo họ vào một cuộc chiến tranh, bởi vì anh sẽ thua.

Những cường quốc đã học được bài học khá đau đớn của mình về mặt này. Người Việt Nam rõ ràng là một ông thầy kiên nhẫn về chiến lược, chiến thuật chiến tranh và họ yêu nước và anh dũng một cách kiên quyết.

Đó không phải là tất cả những bài học mà chúng ta lĩnh hội. Để tồn tại và giành tự do, không những cần có những người tổ chức, có một cách nhìn thế giới tiên tiến, có khoa học quân sự, chiến lược chiến thuật tiên tiến và lãnh đạo vững chắc, những cố gắng của họ còn cần phải được ủng hộ bởi những phương tiện khác - kể cả văn học và nghệ thuật, vì nó sẽ củng cố tinh thần của các chiến sĩ. Hồ Chí Minh đã thể hiện điều đó rất tốt trong tác phẩm của Người, kể cả *Nhật ký trong tù*. Nhà thơ vẫn tiếp tục đấu tranh cho nền độc lập đất nước mình cũng như Người vẫn tiếp tục viết nhiều bài thơ nữa. Niềm hy vọng của Người vào tương lai vẫn trong sáng. Như Người viết trong một bài thơ khác: "Kháng chiến thành công ta trở lại - Trăng xưa núi cũ với xuân này".

Nhân dịp kỷ niệm 100 năm Ngày sinh của Người, chúng ta đừng buồn vì Người đã ra đi. Ta hãy nhớ thành tựu nghệ thuật đặc biệt của Người để trân trọng ký ức về Người - một bộ phận hữu cơ của những lao động khổng lồ mà Người đã thực hiện cho những người bị áp bức không những của đất nước mình mà cả các nước khác trên thế giới. Một người dù có sống hai ba cuộc đời cũng không thể thực hiện được những công việc như thế. Khẳng định tầm quan trọng của điều này là việc dễ dàng, bởi vì người ta không cần phải là thông thái và vĩ đại như Người, con người đã trở thành điển hình của loài người vào thế hệ mình, mà thành tựu của Người với tư cách là một người giải phóng dân tộc và nhà nghệ thuật đòi hỏi phải được nghiên cứu nhiều hơn và trong một thời gian dài hơn trong lịch sử loài người. Sản phẩm vĩ đại này của loài người và thơ của Người xứng đáng với tất cả những điều đó.

THƠ CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VỚI NGƯỜI NHẬT BẢN

CA-OA-MÔ-TÔ CU-NI

Giáo sư Trường Đại học Kê-i-ô, Nhật Bản

Những tin tức về việc Chủ tịch Hồ Chí Minh đang bị ốm nặng đã được đăng trên tất cả các báo phát hành ở Tô-ky-ô ngày 3-9-1969, đặc biệt là 5 tờ báo lớn đăng tin đó với những dòng chữ đậm ở trên trang nhất. Đó là những bài viết về nội dung thông báo của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hoà và của Đài phát thanh Hà Nội đưa tin 2 lần trong ngày này và những bài tỏ ý lo ngại việc đó sẽ có ảnh hưởng nghiêm trọng đối với nước Việt Nam dân chủ cộng hoà và Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam trong lúc đang tiến hành cuộc hội đàm Pa-ri một cách thuận lợi, hoặc hy vọng điều đó không làm trở ngại tới sự tiến trình có lợi đối với phía Mặt trận. Ngày hôm sau 4-9, các báo buổi chiều đã đưa tin về cái chết của Chủ tịch Hồ Chí Minh trên trang nhất với những dòng cảm xúc đau buồn. Có thể nói là hầu hết những người trí thức Nhật Bản là những người yêu mến Chủ tịch Hồ Chí Minh, và biểu lộ lòng kính trọng Người bằng nhiệt tình ủng hộ nhân dân Việt Nam trong phong trào chống chiến tranh suốt mười năm qua. Họ sống thâm lắng bằng những tình cảm đó đối với Người, vì vậy những tin tức này đã làm cho họ rất sửng sốt. Những báo buổi chiều ngày hôm đó không những chỉ đăng trên trang nhất mà trang nào cũng đầy những bài viết về Hồ Chủ tịch của những nhà bình luận, những người trí thức. Trong trang viết về cuộc đời của Chủ tịch Hồ Chí Minh đăng trên báo Yo-mi-u-ri, tờ báo lớn nhất của Nhật Bản mỗi ngày ra tới tám triệu số đã đăng bài với nhan đề "Hồ Chí Minh - nhà thơ", trong đó đã dịch và giới thiệu với độc giả 7 bài thơ của Người, viết trong cuốn "Nhật ký trong tù". Trong lời giới thiệu, bài báo viết "Hồ Chí Minh không chỉ là một nhà thơ theo nghĩa của nó. Trong thơ của Người có ánh sáng đến mức đáng ngạc

nhiên đối với những con người sống trong nghịch cảnh và đứng trước cái chết. Sức mạnh tinh thần của Hồ Chí Minh là chỗ dựa về tinh thần đối với nhân dân Hà Nội đang phải chịu đựng các cuộc ném bom. Muốn hiểu về Người, thì tốt nhất hãy đọc những bài thơ đó hơn là đọc những bài viết của những nhà nghiên cứu lâu năm về cuộc đời của Người".

Cũng giống như những báo khác, về việc này tờ Asahi, một trong những tờ báo lớn nhất của Nhật Bản, trong cột văn hóa nghệ thuật, đã đăng bài viết của tôi. Lúc đó ngoài tôi ra chưa có người nào nghiên cứu về Việt Nam và nghiên cứu về thơ, văn của Chủ tịch Hồ Chí Minh, nên báo Asahi đã đăng liên tục nhiều ngày từ 4-9 những bài viết của tôi. Tôi viết: Tôi muốn làm cho nhân dân Nhật Bản biết được rằng Người là nhà thơ. Tất cả các bài của tôi với đầu đề là: "Hồ Chí Minh - một nhà thơ" và với phụ đề là "ý chí không già mà trẻ trung như thanh niên". Về thơ chữ Hán của Hồ Chủ tịch, trước đây khi dịch thơ chữ Hán cổ ra tiếng Nhật, người Nhật thường viết theo Hán văn, trong đó làm sống lại cách phát âm và biểu hiện của Hồ Chí Minh thường dùng cách dịch ngũ thất, là phương pháp hay nhất có tính truyền thống của tiếng Nhật.

Tôi viết: "Có tư liệu viết rằng khá nhiều người nghi hoặc rằng khi Chính phủ lâm thời Việt Nam dân chủ cộng hoà công bố danh sách Chính phủ đầu tiên ngày 28-8-1945, cái tên Hồ Chí Minh, người giữ chức Chủ tịch kiêm Ngoại trưởng lúc đó có phải cùng là một nhân vật Nguyễn Ái Quốc nổi tiếng hay không? Trong tư liệu đó cũng viết rằng Hồ Chí Minh chắc chắn hẳn là Nguyễn Ái Quốc. Người Việt Nam vui sướng vô hạn dang tay chào mừng Cách mạng tháng Tám thành công, lòng tràn đầy hy vọng và chờ đợi rằng Nguyễn Ái Quốc và Hồ Chí Minh là cùng một nhà cách mạng, và tất nhiên Nguyễn Ái Quốc, Hồ Chí Minh chỉ là một người - một nhà cách mạng, điều đó đã được nhân dân toàn thế giới biết đến. Các báo của Nhật đưa tin một cách đích xác về việc này từ khoảng năm 1951. Và hiện nay hầu hết trí thức, học sinh của Nhật Bản đều biết rằng cả hai tên đó của Người không phải là tên thực đã dùng trong lúc sinh thời. Cái tên Nguyễn Ái Quốc - "người yêu nước họ Nguyễn" và Hồ Chí Minh được giải thích với nghĩa "người vạch rõ ý chí họ Hồ" đã là những cái tên dùng chung trong các nước có nền văn hóa chữ Hán như Nhật Bản, Trung Quốc, Triều Tiên và Việt Nam, và hương thơm của các nhà nhân văn truyền thống và nhà thơ đang tỏa hương

thơ ngát. Để hoạt động cách mạng, Người đã giấu tên Nguyễn Tất Thành và viết dưới tên của một nhà chính trị, nhưng tôi hiểu những tên đó tự bản thân nó nói lên rằng Chủ tịch Hồ Chí Minh là một nhà thơ. Đối với tôi, Hồ Chủ tịch là thi sĩ. Hơn nữa ở đất nước Việt Nam, nơi được gọi là "đất nước của thơ và tre"; từ đời xưa đã có thơ và sinh ra những nhà thơ, thì Hồ Chí Minh rõ ràng là một nhà thơ lớn.

"Nhật ký trong tù" là tập thơ chữ Hán bình dị trong sáng, có 127 bài¹. Và như mọi người đều biết, đây là tác phẩm viết trong thời kỳ Người bị chính quyền địa phương Tưởng Giới Thạch Quốc dân đảng bắt và giải đi qua rất nhiều nhà lao ở tỉnh Quảng Tây.

Người Nhật Bản ngày nay vẫn lấy chữ Hán làm văn tự. Tuy theo cách nhìn, những chữ Hán mà người Nhật hiện đang dùng có thể nhiều hơn chữ Hán người Trung Quốc đang dùng. Nhưng rất ít những nhà thơ làm thơ bằng chữ Hán, tuy vậy người Nhật Bản, cũng giống như ngày xưa, rất thích dùng chữ Hán. Thơ chữ Hán của Hồ Chủ tịch được viết bằng chữ Hán, nhưng thể hiện bằng âm luật của tiếng Việt. Viết bằng chữ Hán nhưng hoàn toàn đó là những bài thơ tiếng Việt. Hầu hết người Nhật Bản đều yêu thích thơ của Người. Đó là một biểu hiện lòng ái mộ của người Nhật đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Tôi đã viết như trên trong các bài đăng trên báo. Trong đó tôi đã dẫn ra 6 bài thơ với cách dịch theo lối thơ truyền thống của Nhật Bản. Đó là bài "Cảnh binh đảm trụ đồng hành", tức là "Lính gác khiêng lợn cùng đi".

*Cảnh sĩ đảm trụ đồng lộ tẩu,
Trư do nhân đảm, ngã nhân thiên,
Nhân nhi phản tiện ư trư tử,
Nhân vị nhân vô tự chủ quyền.*

Có nghĩa là:

*Khiêng lợn, lính cùng đi một lối,
Ta thì người dắt, lợn người khiêng,
Con người coi rẻ hơn con lợn,
Chỉ tại người không có chủ quyền!*

Tôi đã dịch bài thơ này ra tiếng Nhật.

1. Theo số liệu của bản in lần thứ 3: Hồ Chí Minh, *Nhật ký trong tù*, Nxb Văn học, Hà Nội, 1983.

Theo tôi, bài thơ này là bài tiêu biểu trong toàn bộ tập thơ. Bởi vì nó thể hiện được cả tài năng thơ của Chủ tịch Hồ Chí Minh và khí phách của Nhà cách mạng Hồ Chí Minh.

Trong những người lính dẫn giải Hồ Chủ tịch có người lính khiêng lợn để ăn dọc đường, nhưng bản thân Người thì lại bị trói dẫn đi không khác gì kiếp trâu ngựa. Thế thì làm lợn còn sướng hơn! Đây là sự đối xử của Tưởng Giới Thạch đối với con người. Trong lúc bị ngược đãi, Người vẫn luôn luôn cười yêu đời. Lúc đó Người vô cùng căm thù đối với sự đối xử của Tưởng Giới Thạch Quốc dân đảng, song viết trên thơ Người lại thể hiện bằng lối nói châm biếm. Trong thơ không thể hiện những hoàn cảnh bi kịch của bản thân mình mà thể hiện một cách thẳng thắn tình cảm lạc quan với phong cách nhẹ nhàng. Đó là một bài thơ biểu hiện chủ nghĩa lạc quan cách mạng.

Câu cuối cùng của bài thơ có một ý nghĩa quan trọng đặc biệt.

"Nhân vị nhân vô tự chủ quyền".

Có nghĩa là: *Vì con người không có quyền tự do.*

Ý nghĩa này còn được tiếp tục trong bài thơ số 51 như sau:

*Thế thượng thiên tâm hoà vạn khổ,
Mạc như thất khước tự do quyền;
Nhất ngôn bất động bất tự chủ,
Như ngư, như mã nhiệm nhân khiêm!*

Tức là:

*Trên đời nghìn vạn điều cay đắng,
Cay đắng chi bằng mất tự do?
Mỗi việc mỗi lời không tự chủ.
Để cho người dắt tựa trâu bò!*

Tôi cũng đã dịch bài thơ này sang tiếng Nhật.

Khi đọc bài thơ này, trước mắt tôi hiện lên khuôn mặt của Chủ tịch Hồ Chí Minh thật hiền từ và đôi mắt thật rực sáng và bộ râu của Người. Đó có lẽ là những cảm xúc chung của tất cả mọi người Nhật Bản yêu thơ Người.

Người đọc nhận được những tình cảm hiền hậu và một ý chí cách mạng mãnh liệt từ những bài thơ, đó là giá trị cao quý nhất của tập thơ "Nhật ký trong tù".

Cách đây 5 năm, tôi có dịp sang thăm Trung Quốc và tới khu tự trị Quảng Tây, nơi có thị trấn, có nhà tù mà Hồ Chủ tịch đã bị giam cầm. Phong cảnh nơi đó có lẽ đến nay chưa có gì thay đổi. Tôi đã đi thăm một số nơi trong nhà tù và đứng ngắm nhìn những nơi ấy. Tôi nhớ lại những cảnh cách đây 45 năm khi Bác Hồ bị giam giữ. Là một người đại diện những người yêu thơ Bác Hồ trong những người Nhật Bản, tôi có cảm tình sâu sắc với những lời của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Thỉnh thoảng tôi đã viết những cảm tưởng ấy của mình trên các trang báo. Và đến nay tôi vẫn thường nhận được những bức thư đầy cảm kích của các độc giả Nhật Bản gửi đến.

Tôi tin rằng chắc chắn sẽ có nhiều người yêu thơ và ái mộ đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Bản sao lưu trữ

NHỮNG BÀI THƠ ĐẸP NHẤT*

A-XTƠ-RÔ-GIN-ĐÔ PÊ-RÊ-RA
(Bra-xin)

Tôi thật ngạc nhiên khi được đọc những bài thơ của Chủ tịch Hồ Chí Minh in trong cuốn sách mang cái tên đơn giản mà ý nghĩa biết bao, cuốn *Nhật ký trong tù* (...). Một con người vừa làm lãnh tụ cách mạng lớn lại vừa làm nhà thơ lớn thì vẫn là một chuyện hiếm thấy xưa nay...

*
* *

Nhà thơ bị tù dày ngấm ngợi những gì vậy? Tác giả tả những nỗi đau đớn khó nói nên lời, cảnh sinh hoạt khủng khiếp trong tù, nơi đây mọi người phải chịu đủ điều cực nhục, khốn khổ. Nhà thơ bị đưa từ trại giam này sang trại giam khác, chân tay xích trói, đi trên những dặm đường khúc khuỷu, xuyên rừng núi. Bốn tháng đã qua đi như vậy, bốn tháng bị giày vò cả thể xác lẫn tinh thần, không đêm nào ngủ yên, không được tắm rửa, áo, giày tả tơi, mình đầy mụn ghẻ, luôn luôn phải chống chọi với bọn cai tù và lũ rệp, bị bệnh tật làm cho "gầy đen như quỷ đói"... Nhưng cái vĩ đại của con người lại chính là ở đó:

*Kiên trì và nhẫn nại,
Không chịu lùi một phân,
Vật chất tuy đau khổ,
Không nao núng tinh thần.*

Ý chí kiên cường không gì lay chuyển nổi ấy bắt nguồn từ đâu? Nào có gì khó hiểu: chính là từ trong tâm hồn nhà cách mạng, tâm hồn người chiến sĩ cộng sản, con người đã hiến dâng cả cuộc đời cho sự nghiệp đấu tranh vì tự do và hạnh phúc của dân tộc mình. Và tôi thiết nghĩ, niềm

*. Trích bài đăng báo *Nhân dân*, 21-1-1962. Tác giả bài này sinh năm 1890, bắt đầu hoạt động năm 1910. Từ năm 1922 đến 1930, đồng chí là Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Bra-xin.

xúc động của chúng ta trước những bài thơ *Nhật ký trong tù* toát lên cũng chính là từ đó.

Nhà thơ vừa viết về nỗi thống khổ của mình vừa viết về nỗi thống khổ của người khác. Nhưng những ý nghĩ sâu sắc nhất của tác giả - biểu lộ ở mỗi từ trong thơ của tác giả - những ý nghĩ ấy trước hết là hướng về những thống khổ của toàn dân tộc. Nhà thơ tin tưởng chờ ngày bản thân sẽ được tự do, và càng tin tưởng hơn nữa chờ ngày toàn dân tộc mình rồi cũng được tự do.

Sống với tin tưởng và hy vọng, nhà thơ lúc nào cũng lạc quan, và trong những câu thơ tràn trề một quyết tâm không bao giờ nao núng, đôi khi lại chen lẫn cả mỉa mai, thương hại. Đôi khi, trong những đoạn tú tuyệt của nhà thơ, lại thấy cất lên những âm điệu trữ tình trong sáng nhất, chẳng hạn như ở đoạn tả:

*Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ,
Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ.*

Lịch sử đã xác nhận những lý do lạc quan, tin tưởng và hy vọng của nhà thơ là hoàn toàn đúng. Năm 1944, nhà thơ thoát khỏi nhà tù và lại về nước. Và từ đó người chiến sĩ cộng sản, vị lãnh tụ của Đảng, vị chỉ huy các đội quân cách mạng đã lấy gương thay cho cây bút. Nhưng nhà thơ đâu có vì thế mà mờ đi, trái lại, tác giả sắp viết nên bài thơ đẹp nhất của mình, một bản hùng ca, một bài thơ sống. Con người hành động, tạo nên bản hùng ca giải phóng nhân dân.

*
* *

Tôi quen biết đồng chí Nguyễn Ái Quốc ở Mát-xcơ-va năm 1924. Trong nhiều năm, tôi đã được đọc bài đồng chí viết trên báo chí Cộng sản, hầu hết các bài đều đánh vào chủ nghĩa thực dân. Nhưng rồi tên của đồng chí đã mất hút. Đôi khi tôi tự hỏi: Đồng chí đang ở đâu? đã làm gì rồi vậy? Chỉ mãi tới ngày nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ra đời, tôi mới nhận ra: Chủ tịch Hồ Chí Minh chính là đồng chí Nguyễn Ái Quốc mà tôi đã từng quen biết ở Mát-xcơ-va năm 1924.

Giờ đây, lại đến Mát-xcơ-va, được đọc các bài thơ *Nhật ký trong tù*, lòng vô cùng xúc động, tôi xin viết những dòng này, không ngoài mục đích khiêm tốn gửi lời chào trân trọng anh em tới lão đồng chí Nguyễn Ái Quốc, ngày nay là Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa.

MỘT LẦN GẶP CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

RU-PHƠ BE-SÁT-XKI
(Liên Xô)

... Đi qua đường cây rợp bóng, chúng tôi đến cửa lớn lộng lẫy của lâu đài, cả một hàng bậc thêm ngoài trời bằng cẩm thạch rộng gần choán cả chiều rộng lâu đài. Hàng bậc thêm dẫn thẳng vào tiền sảnh. Thảm êm trải khắp phòng, những chiếc ghế đi văng bọc da vàng thượng hạng nằm bình dị, bầu không khí tĩnh mịch dịu mát. Trên mặt tường chính của gian phòng là hình quốc huy nước Việt Nam dân chủ cộng hòa chạm nổi. Ngay phía dưới đó, chỉ một chiếc đi văng nhỏ, chỗ của Chủ tịch. Nhưng đồng chí Hồ Chí Minh xuất hiện hoàn toàn bất ngờ. Người đi ra từ cửa bên cạnh, và thậm chí không hề nghĩ đến chuyện ngồi vào chỗ của mình dưới quốc huy. Nhanh nhẹn Người tới chào hỏi, vui vẻ đưa hai tay và như thể ôm lấy chúng tôi.

- Chào các đồng chí, chào các đồng chí thân mến! - Người nói bằng tiếng Nga. - Xin lỗi các đồng chí, tôi bắt các đồng chí phải đợi.

Sự thể là, khi chúng tôi tới, người ta đã cho biết Chủ tịch gửi lời xin lỗi vì Người sẽ đến chậm đôi ba phút. Người phải chia tay với một người quen thân đến thăm Người.

- Các đồng chí - tôi nói tiếng Nga còn tồi - đúng hơn là chỉ nghe hiểu thôi, - thân mật bắt tay chúng tôi, đồng chí Hồ Chí Minh nói, giọng xin lỗi - Nhưng tôi nghĩ rằng chúng ta vẫn sẽ hiểu nhau. - Và Người cười - Hiểu nhau chứ? Sẽ tìm được tiếng nói chung chứ?

Chào hỏi xong, Người lại ân cần lần lượt nhìn từng người một trong chúng tôi, tiếp lời:

- Bây giờ xin mời các đồng chí, ta sang bên này.

Chúng tôi theo một hành lang ngắn đi đến một phòng tiếp khách xinh xắn sáng sủa. Ở đây chỉ có một ghế đi văng, vài ba chiếc ghế phổ toại. Chủ tịch mời chúng tôi và đích thân cầm bình để trên bàn con trước đi văng rót cà phê ra mấy cái tách.

Đúng như tôi hình dung trước, mà có thể có phần hơn. Chủ tịch quả thật hoạt bát, lanh lẹ, trẻ trung. Người mặc bộ quần áo vải như của các chiến sĩ và sĩ quan quân đội nhân dân. Người đi dép, chân không bít tất.

Râu tóc Người bạc phơ. Nhưng, kỳ lạ, râu tóc hoàn toàn không làm ta thấy Chủ tịch già. Bởi vì khi anh nhìn đồng chí Hồ Chí Minh, trên mặt Người, anh chỉ thấy rõ nhất là cặp mắt, mà cặp mắt ấy rục rịch, toả sáng ngời ngời và truyền cảm hết cho anh. Chỉ có người nào yêu con người hơn hết mọi cái trên thế gian mới biết như Người nghe người khác nói.

Cà phê toả hương thơm ngào ngạt. Đồng chí Hồ Chí Minh tỏ vẻ hài lòng:

- Các đồng chí thứ lỗi cho, tôi không xin phép trước được mời các đồng chí uống cà phê - Người nói, lẩn lộn tiếng Nga và tiếng Pháp. Khi bắt đầu nói nhanh, đồng chí Chủ tịch tự nhiên chuyển sang nói tiếng Pháp. Mà phải nói, nếu như chúng tôi biết tiếng Trung Quốc, tiếng Anh, và một số tiếng khác, Chủ tịch có thể tiếp chuyện chúng tôi bằng những thứ tiếng ấy - Nhưng tôi tin các đồng chí không từ chối cà phê này, đây là cà phê Việt Nam, mà trên thế giới không có cà phê nào ngon hơn. Tôi nói điều này không phải vì tôi là một người yêu nước. (Và các đồng chí có thể tin tôi, là tôi cũng không phải tay sành ăn!). Nhưng trong đời tôi, tôi đã làm phụ bếp khá lâu và vì vậy xin lấy nghề nghiệp ra bảo đảm cà phê Việt Nam ngon nhất thế giới. Chỉ có điều phải biết cách pha, tất nhiên rồi - phải cho nó lọc qua phin... Như thế này này... - Chủ tịch vui vẻ giới thiệu cách làm - và cho đường vừa phải... Cho phép tôi nhé? - Chủ tịch cho đường vào tách và lấy thìa quấy.

- Ấy chết, đồng chí Hồ Chí Minh, - tôi định cưỡng lại. - Cái này tôi xin tự làm lấy.

- Không, không, cứ để tôi... Bây giờ đồng chí ném thử xem. Thế nào? Đồng chí thấy chứ? Đã bao giờ đồng chí được uống thứ cà phê tuyệt vời như thế này chưa?

Cà phê thật là thần tiên. Quả thật, chưa bao giờ tôi được uống thứ cà phê như thế này!

Nhưng đồng chí Hồ Chí Minh đột nhiên chuyển sang chuyện khác:

- Ấy vậy mà mấy ai đã biết cà phê Việt Nam thế nào? Còn ít người biết lắm. Rất ít!

Đồng chí đại sứ vội lên tiếng:

- Có điều xin Chủ tịch loại trừ chúng tôi ra. Chúng tôi không những chỉ biết mà còn đã mua của Việt Nam rồi.

Chủ tịch quay sang Lê-ô-nít I-va-nô-vích:

- Nhưng có có thể sản xuất ra nhiều hơn nữa kia! Và cái đó chúng tôi có đủ sức - điều tôi định nói tới là như vậy... Hay chuối... Các đồng chí ăn đi, ăn đi, xin mời!... Biết chuyên chở bằng cách nào để khi đến Mát-xcơ-va, hay Pra-ha, hay Vác-sa-va, đến khắp nơi, nó vẫn tươi như thế này?

- Người bóc vỏ một quả - Bằng máy bay ư? Máy bay thì đắt. Đường biển, lâu quá. Bằng tàu hoả? Vừa lâu vừa đắt. Mà kể ra thì chúng tôi có thể xuất cảng một số lượng chuối có thể đủ cho tất cả mọi người ăn. Ấy nhưng sao tôi lại đẩy các đồng chí sang để tài kinh tế ngay như thế này! Các đồng chí là các nhà thơ, nhà văn kia mà...

- Đồng chí Hồ Chí Minh, - tôi nói chen vào, - thế đồng chí loại trừ mình ra khỏi tầng lớp các nhà thơ ư? Ấy vậy mà chính tôi là người mang đến đồng chí một món quà, không có gì khác, là tập thơ của chính đồng chí, vừa xuất bản bằng tiếng Nga đây.

Đồng chí Hồ Chí Minh cảm ơn, nhận món quà của An-tô-kôn-xki, cảm ơn cả tôi, như Người nói, vì tôi đã bỏ công mang cho người cuốn sách, nhưng với những lời của tôi về người như về một nhà thơ thì Người dứt khoát không tán thành.

- Nhà thơ gì tôi, đồng chí cứ nói vậy! - Chủ tịch hoàn toàn chân thành thuyết phục tôi. - Đây là các đồng chí của tôi đã đưa tôi vào hàng các nhà thơ đấy chứ. Các đồng chí ấy góp nhặt ở đâu đó ra cả tập. Tôi là cây bút tiểu phẩm, nhà chính luận. Gọi tôi là người tuyên truyền - tôi cũng không tranh cãi; nhà cách mạng chuyên nghiệp - là đúng nhất. Còn là nhà thơ? - Và Người bần khoản đặt cuốn *Nhật ký trong tù* lên chiếc ghế đi văng phía sau.

Tôi bất giác mỉm cười về sự hăng hái đột ngột mà đồng chí Hồ Chí Minh cứ thuyết phục tôi rằng Người không phải là nhà thơ, làm như tôi chưa hề đọc thơ Người hoặc không nhớ những vần thơ ấy.

- Sao đồng chí lại cười? - Đồng chí Hồ Chí Minh hỏi tôi.

- Ấy tôi vừa chợt nhớ những vần thơ của một đồng chí cũ khước từ danh hiệu nhà thơ:

Phương Đông màu trắng chuyển sang hồng.

Bóng tối đêm tàn quét sạch không

Hơi ấm bao la trùm vũ trụ.

Người đi, thi hứng bỗng thêm nồng.

Những câu thơ thật hay!

Đồng chí Hồ Chí Minh tuy cũng mỉm cười đáp lại tôi nhưng vẫn không chịu:

- Tuy nhiên đồng chí vẫn không đúng đâu. Không đúng là vì thế này. Đồng chí thử nghĩ xem: tôi làm những bài thơ ấy để làm gì? Chỉ vì lý do là ở trong tù tôi không thể làm khác. Họ tước đoạt của tôi tất cả... Và buồn... Đó là một. Đồng chí có đồng ý với tôi không?

Tôi im lặng.

- Thôi được. Nếu như tôi không thuyết phục được đồng chí như một nhà văn, thì tôi cố thuyết phục như một người cộng sản với một người cộng sản. Như tôi hiểu, những người cộng sản chúng ta, khác biệt với mọi người ở chỗ, bất cứ lúc nào và gặp bất cứ việc gì là bắt tay vào đấy, bao giờ chúng ta cũng có chủ đích trước: Ta làm cái này để làm gì nào? Dù việc gì đi nữa: Tôi làm thơ ư, tổ chức đình công ư, hay bây giờ tổ chức thi đua xã hội chủ nghĩa... Việc gì cũng vậy! Trong khi đó thì tôi viết những bài thơ trong tù, tôi làm việc đó cho cái gì? Chỉ để thời gian qua nhanh, để xoá buồn đau. Và hơn thế nữa. - Đồng chí Hồ Chí Minh vui vẻ nhìn tất cả chúng tôi bằng cặp mắt ngời ngời toả sáng của mình - Tôi, tất nhiên, không thể nào lại ngờ rằng trên cơ sở những bài thơ này bao giờ đó người ta lại đưa tôi vào hàng các nhà thơ! Không, nếu như quả thực tôi là nhà thơ, hẳn tôi đã không thể sống mà không sáng tác. Là các nhà văn chuyên nghiệp, các đồng chí hẳn biết rõ điều đó. Còn tôi, như các đồng chí thấy đấy, tôi có thể sống thoải mái không cần phải làm thơ. Và trước khi ở tù cũng như khi ra tù tôi đã sống mà không làm thơ!

Chuyện trò với đồng chí Hồ Chí Minh thật thoải mái, như thể anh đã quen biết Người suốt đời rồi. Sau này, khi cuộc chuyện trò của chúng tôi kết thúc và chúng tôi chia tay với đồng chí Hồ Chí Minh, tôi cứ tiếc một điều: cuộc gặp mặt quá nhanh quá, mặc dù nó kéo dài hơn một tiếng đồng hồ. - tôi thành tâm thốt lên:

- Mà Lê-ô-nít I-va-nô-vích, anh biết không, lần thứ hai trong đời tôi được chuyện trò với Chủ tịch nước, và tôi bắt đầu có cảm giác rằng nói chung các vị chủ tịch nước là những người dễ chuyện trò nhất.

- Thế ai là Chủ tịch nước đầu tiên anh được tiếp chuyện?

- Mi-kha-in I-va-nô-vích Ka-li-nin.

- À... Nếu như vậy thì rõ cả rồi!...

Từ thơ ca câu chuyện chuyển sang các đề tài của văn học nói chung.

Nhân vui câu chuyện đồng chí Hồ Chí Minh bắt từng người chúng tôi phải hứa rằng thế nào chúng tôi cũng phải viết về Việt Nam.

- Thì hôm nay là ngày cuối cùng của các đồng chí ở đất nước chúng tôi, có đúng không? Nghĩa là, các đồng chí đã nhìn thấy đất nước chúng tôi. Và đã thấy nhân dân chúng tôi. Ấy đấy, bây giờ các đồng chí viết đi! Đừng bỏ qua góc ngách gay cần nào hết, đừng im lặng làm ngơ chuyện gì hết. Chúng tôi quả sống vẫn còn rất nghèo, điều đó không thể không đập vào mắt các đồng chí. Các đồng chí cứ viết cả về điều đó, đừng ngại. Nói thật, đó là sự giúp đỡ tốt nhất của bạn bè. Văn học của chúng tôi, nghệ thuật của chúng tôi cũng luôn luôn tìm tòi những con đường để làm sao có thể kể một cách chân thực hơn và chân thành hơn cho nhân dân nghe về những mối lo âu và những suy nghĩ của nhân dân. Tất nhiên, ở chúng tôi cũng còn có những người trong giới văn học và nghệ thuật mà điều này còn chưa thấm với tâm can họ, biết làm sao được, nhưng tôi muốn nói tới tuyệt đại đa số - và là điều quyết định! - Phần lớn các nhà văn và các nhà công tác nghệ thuật của chúng tôi. Mà đó thực sự là những con người tiên tiến, những con người gắn bó với nhân dân chặt chẽ. Các bạn có gặp các nhà văn của chúng tôi không?

- Có ạ. Với Nguyễn Đình Thi, Tô Hoài, nữ thi sĩ Hằng Phương. Tiếc là nhiều người khác lúc này không có mặt ở Hà Nội.

Đồng chí Hồ Chí Minh luôn đưa tay ra hiệu ngắt lời người phiên dịch: ý nói cứ vậy, Người cũng đã hiểu cả rồi. Đây, Người cũng nhẹ nhàng ra hiệu cho người phiên dịch không phải dịch, quay sang nói với tôi bằng tiếng Nga:

- Sao lại đáng tiếc? Ngược lại, họ đi khắp đất nước là rất tốt. - Và đến đây hóa ra là Chủ tịch biết gần như tất cả mọi chi tiết công việc mỗi nhà văn đang làm - Như tôi biết, - Người nói - Chính Tô Hoài, người mà các bạn đã gặp, hằng năm đều đi đến các vùng dân tộc ít người ở miền núi, nơi anh ấy đã chiến đấu, cái đó cũng rất tốt! Hằng Phương - các bạn cũng đã làm quen với nữ thi sĩ ấy - trong thời gian cải cách ruộng đất đã về nông thôn và ở đó cũng lao động với nông dân. Do đó thơ của cô ta như các bạn hiểu đấy, chỉ hay hơn mà thôi. Và Nguyễn Đình Thi bao giờ cũng sát bên nhân dân. Cả nhà thơ xuất sắc Tố Hữu của chúng tôi cũng vậy. Và như vậy là đúng, phải như vậy, chỉ có nhân dân mới nuôi dưỡng cho sáng tác của nhà văn bằng những nguồn nhựa sống. Còn nếu

nhà văn quên điều đó - nhân dân cũng sẽ quên anh ta. Khi chúng tôi nói với các nhà hoạt động văn học nghệ thuật điều đó, bằng chính cái đó chúng tôi kêu gọi làm giàu cho họ, chứ không phải làm cho văn học và nghệ thuật nghèo đi.

Chỉ có bọn thực dân Pháp âm mưu làm sa đọa những người Việt Nam có học - mà số người ấy mới ít ỏi làm sao! - Chúng tôi nói rằng nhân dân chỉ cần thứ văn hóa loại hai, và vì thế chúng gửi sách sang đây không phải V.Huy-gô và A.Frăng-xơ mà là Klốt Far-rê và sách của cái ông... tên ông ta là gì nhỉ, à, hiện nay đang là bộ trưởng... Chủ tịch nheo mắt cười mai mỉa - bộ trưởng văn hóa của Đờ-gôn... A... à, Man-rô!... Còn bây giờ giới trí thức sáng tác của chúng tôi đang đi theo con đường đúng duy nhất xây dựng một nền văn học và nghệ thuật xã hội chủ nghĩa về nội dung và dân tộc về hình thức.

Đồng chí Hồ Chí Minh lặng đi trong giây lát, suy nghĩ. Sau đó Người nói tiếp:

- Có điều các bạn chớ hiểu là tôi cho rằng chúng tôi cần phải vứt bỏ văn hóa nào đó, dù là văn hóa Pháp đi nữa. Ngược lại! Tôi muốn nói điều khác. Nói đến việc phải mở rộng kiến thức của mình về văn hóa thế giới, mà đặc biệt hiện nay là văn hóa Xô-viết - chúng tôi thiếu - nhưng đồng thời lại phải tránh nguy cơ trở thành những kẻ bắt chước. Không thể lấy từ nghệ thuật của một dân tộc khác chỉ riêng mặt nào đó - chẳng hạn, tính ước lệ nổi tiếng của văn học Trung Quốc - cái đó sẽ chẳng hay ho gì. Văn hóa của các dân tộc khác cần phải nghiên cứu toàn diện, chỉ có trường hợp đó mới có thể tiếp thu được nhiều hơn cho văn hóa của chính mình.

Chủ tịch Hồ Chí Minh say sưa nói. Người hút thuốc lá liên tục, hết điếu này tiếp điếu khác. Nhưng đột nhiên Người ngắt ngang câu, nhìn tất cả chúng tôi và hỏi:

- Có thể về điểm nào đó tôi nói không chính xác chăng? Nhưng tôi nghĩ như vậy.

Nói chung, như mức độ tôi có thể nhận xét, đó là tích cách của Chủ tịch Hồ Chí Minh: không bắt buộc gán ghép người tiếp chuyện mình, mà thuyết phục người ấy. Chủ tịch như luôn luôn trao đổi ý kiến với anh, mà nếu, hơn thế, anh lại muốn bác lại Người điều gì đó thì Người hết sức chăm chú lắng nghe. Người lập tức im lặng để nghe ý kiến bác lại, và không những không tranh cãi người kia trong khi người kia còn chưa nói hết,

mà thậm chí chính Người còn giúp cho người kia tìm ra lời lẽ cần thiết, nếu như người tranh cãi lúng túng và không tìm ra từ nào đấy. Nhưng trong trường hợp này không ai trong bọn chúng tôi có ý phản đối Chủ tịch. Chúng tôi hoàn toàn tán thành ý kiến của Người.

Chủ tịch mời chúng tôi ném chuỗi "ngự":

- Loại thượng hạng. Và chịu đựng được vận chuyển... Mời các bạn ăn đi. Và các đồng chí hãy kể cho nghe các đồng chí đã thấy gì trong mấy ngày qua. Nếu không lại chẳng hay lắm. Các bạn đến chơi tôi, mà tôi lại cứ nói cả. Nào các đồng chí, các bạn kể đi nào.

Mặc dù không khí tự nhiên của cuộc chuyện trò do đồng chí Chủ tịch tạo nên, các chuyện kể lại... dù sao đi nữa cũng không phải đơn giản. Những gì chúng tôi đã nhìn thấy còn chưa lắng vào óc, mà ấn tượng lại quá nhiều.

... Tôi hiểu, thời gian đồng chí Hồ Chí Minh dành ra để tiếp chúng tôi đã hết, nhưng ra về thế nào? Hơn thế nữa, chính Chủ tịch hầu như quên cả thời gian, vẫn đang tiếp tục hỏi chúng tôi về điều mà chúng tôi đã nhìn thấy và cái gì đã gây ấn tượng nhất cho chúng tôi. Người rất vui khi biết chúng tôi đã đến Phú Thọ - đến trạm thí nghiệm nông nghiệp đầu tiên của Việt Nam.

- Các bạn đã thấy cả các đôi cà phê chứ?

- Đã ạ.

- Cả cây sơn, sơn chỉ mọc ở đất nước chúng tôi, ở Trung Quốc và ở Nhật Bản!

- Đã thấy cả cây sơn nữa ạ!

- Tôi rất mừng, rất mừng đấy, - Người nhắc lại. - Trạm thí nghiệm này có nhiệm vụ giúp chúng tôi giải quyết một nhiệm vụ tối quan trọng tìm ra phương pháp kỹ thuật tốt nhất để trồng tủa các cây, như chè, cà phê, sơn và dầu, cũng như các cây khác cho các vùng trung du. Chúng tôi đang còn rất nghèo. Nhưng đồng thời cũng lại giàu có như vậy đấy!

Chủ tịch Hồ Chí Minh trở lại với ý là nhân dân Việt Nam đã bị ăn cướp và bóc lột tàn tệ, rằng bây giờ phải bằng những biện pháp nào để có thể khắc phục được điều đó, dù bắt đầu từ đâu đi nữa. Như là một cái kim la bàn chỉ biết có một hướng.

Một lần nữa Chủ tịch bắt chúng tôi hứa trở về sẽ viết về những điều đã thấy ở Việt Nam.

- Viết về mọi cái! Nếu các bạn thích cảnh trí lạ, mà các bạn thấy, hãy viết cả về nó: đó cũng là Tổ quốc của chúng tôi.

- Không, thưa đồng chí Hồ Chí Minh, - tôi nói - cảnh lạ không hấp dẫn tôi cho lắm. Trong phim màu, theo tôi nghĩ, người ta đã thể hiện được nó đẹp hơn nhiều cả cảnh thực hay như tôi có thể thể hiện. Đôi khi nó cũng làm tôi sao nhãng mất cái chính mà tôi muốn thấy hơn cả: đó là nhân dân của Chủ tịch! Và tôi muốn so sánh nhân dân của Chủ tịch với những cây dừa!

Chủ tịch hiền từ nhìn tôi. Đặt tay mình vào tay tôi, Người nói:

- Tôi rất vui mừng là đồng chí nghĩ như vậy... - và Người nói thêm: - Hơn thế nữa, là dừa ở miền Bắc này không được cao cho lắm. Nó thực sự vươn cao hết tâm vóc ở miền Nam đất nước chúng tôi kia... Chúng tôi gọi là Nam Bộ Bắc, Trung, Nam - Bắc Bộ, Trung Bộ, Nam Bộ... ba phần Tổ quốc của chúng tôi... - trên gương mặt của Chủ tịch thoáng nét buồn. Người từ tốn rời chỗ đứng lên.

Chúng tôi đứng lên theo. Chia tay, Chủ tịch nắm bắt bàn tay tôi trong lòng bàn tay ấm áp của Người.

MỘT CỐT CÁCH CỔ ĐIỂN VÀ NHỮNG SÁNG TẠO HIỆN ĐẠI*

G. I. BU-ĐA-REN
(Pháp)

Tháng 8 năm 1942. Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương, phong trào du kích như vết dầu loang dần trong vùng rừng núi Việt Bắc, bằng mọi phương tiện có thể có: giáo mác, súng kíp, súng mót. Sau gần hai năm sống bí mật trong vùng Cao Bằng, qua hết hàng đả này đến lều tranh khác, Cụ Nguyễn Ái Quốc lên đường sang Trung Quốc. Để đánh lạc hướng các sở cảnh sát đang lùng bắt Người ở khắp Đông Nam châu Á, Người lấy một cái tên mới mà chẳng bao lâu nữa sẽ lẫy lừng: HỒ CHÍ MINH.

Các đồng chí trong Đảng đi tiễn Người tới bờ sông, một lát sau bóng Người đã khuất sau rừng núi trùng điệp điệp của vùng biên giới Việt - Trung.

Từ đấy bật tin, không ai biết tung tích của Người ra sao cả. Ngày tháng trôi qua... Đồng chí Võ Nguyên Giáp (người thắng trận Điện Biên Phủ sau này) đang thiết lập cơ sở để tiến về phía Nam thì nhận được giấy triệu tập cấp tốc của đồng chí Phạm Văn Đồng. Sau mấy ngày lặn lội núi đèo rất gian nan, đồng chí Võ Nguyên Giáp đã đến Cao Bằng. Đến nơi, đồng chí được nghe một tin sét đánh: Bác Hồ đã chết trong ngục bên Trung Quốc. Thật là một ngày đen tối: người mang tin đó về nước lại được phái trở sang Trung Quốc xem thi hài của Bác chôn ở đâu.

Ngày tháng lại trôi qua... Bỗng nhiên, trên lễ một tờ báo Trung Quốc gửi về, thấy có viết một bài thơ bằng chữ Hán, không ký tên:

*Núi ấp ôm mây, mây ấp núi,
Lòng sông gương sáng bụi không mờ.
Bồi hồi dạo bước Tây Phong Lĩnh,
Trông lại trời Nam nhớ bạn xưa.*

*. Trích bài *Lời nói đầu của tập thơ Nhật ký trong tù* do Nhà xuất bản Ngoại văn Hà Nội dịch ra tiếng Pháp. Bài đăng trên tuần báo *Văn học Pháp*, số 827, ngày 6-6-1960.

Đích là Bác rồi, đích là nét chữ, giọng thơ của Bác rồi, Bác Hồ còn sống.

Đến tháng 9 năm 1944, Người về nước. Và mãi đến khi đó Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương mới biết đích xác các sự việc xảy ra trong hai năm biệt lập.

Ngày 29 tháng 8 năm 1942, cảnh sát của bọn Tưởng Giới Thạch đã bắt Người ở ngay một thị trấn gần biên giới.

Sau mười đêm và năm ngày đi bộ, Người vừa tới thị trấn đó, chưa kịp nghỉ ngơi thì đã bị chúng bắt giam. Viên huyện trưởng địa phương đó mà trước kia Người có gặp ở Quế Lâm không trả lời những thư của Người đề nghị cho gặp. Những bức điện đánh đi cho nhà cầm quyền ở Trưng Khánh cũng bật tăm. Suốt mười lăm ngày, Người bị cầm giam trong xà lim hôi thối, ban ngày cổ đeo gông, tối đến chân cho vào cùm. Mãi một tháng rưỡi sau, chúng mới để mắt đến Người. Người bị trói riết cánh khuỷu, sáu tên lính giải đi nhưng không biết là đi đâu.

Từ đó Người bị giải đi bộ từ ngục này đến ngục khác, qua suốt tỉnh Quảng Tây, một tỉnh rộng hơn nửa nước Pháp: từ Tĩnh Tây đến tận Nam Ninh, Quế Lâm, rồi từ đó quay lại Liễu Châu. Ngày đi từ 30 đến 50 cây số. Đêm ngủ lưng trên sàn xà lim lạnh lẽo.

Lúc nào không bị chúng giải đi, thì lại là những giờ phút dằng dặc nằm chờ trong xà lim. Đói rét, rệp muỗi, ghẻ lở và những cơn sốt nung nấu bên trong luôn luôn thử thách, và cực nhất là nỗi đau khổ về tinh thần của một người phải nằm bó gối trong khi ở trong nước, du kích đang phát triển và trên thế giới đang tiếp diễn cuộc chiến đấu chống bọn phát xít.

Những cái đó luôn luôn được nhắc đến trong tập *Nhật ký* của Người. Vì Cụ Hồ Chí Minh vẫn đủ nghị lực để làm thơ. Cụ đau khổ trong tâm hồn và thể xác. Nhưng không bao giờ Cụ ngã lòng. Ngay trong hầm nhà tù đen tối nhất. Cụ vẫn nhìn thấy ánh sáng. Trong những lúc gian khổ nhất, Cụ vẫn giữ được tinh thần lạc quan và vẻ ung dung tự tại. Cụ biến nước mắt thành lời ca. Trong cuốn sổ tay, Cụ ghi những vần thơ viết bằng chữ Hán, bằng thứ tiếng của những Người bạn cùng bị giam với Cụ.

Ngay sau khi được ra khỏi nhà lao ngày 10 tháng 9 năm 1943, trong khi Người còn bị quản chế ở một nơi, Người đã luyện tập cho mắt lại quen nhìn ánh sáng và cho chân lại có thể đi bộ để sau này trở về nước.

Cụ mang theo hơn một trăm bài thơ, phần lớn là những bài tứ tuyệt, làm thành tập *Ngục trung nhật ký*.

Có nên tiếc rằng trong người Cụ Hồ Chí Minh, sự nghiệp vĩ đại của người anh hùng giải phóng dân tộc đã che lấp người thi nhân? Che lấp nhưng không hề giết chết con người thi nhân đó.

Giữa hai con người - con người chiến sĩ cách mạng và con người văn nghệ, con người nào nổi bật nhất trong thơ Cụ Hồ? Câu hỏi đó đến với người ta một cách hầu như tự nhiên, nhưng thật ra không có câu hỏi nào hơn.

Người chiến sĩ đấu tranh cho độc lập của Việt Nam, diễn đạt ý nghĩa, cảm xúc của mình bằng hình ảnh một cách tự nhiên, với cốt cách của một thi nhân. Ở tác giả, con người cách mạng cộng sản và con người nghệ sĩ kiểu mới chỉ là một.

Trong những bài tứ tuyệt của tập *Nhật ký trong tù* - tứ tuyệt là một thể thơ niêm luật phức tạp và chặt chẽ chẳng khác gì thể thơ cổ điển 14 câu của Pháp - có nhiều bài lời thơ chất phác, có tính chất hiện thực của thơ văn hiện đại. Hình ảnh trong thơ chất phác đến mức mộc mạc, không thêm thắt, không dùng đến lời lẽ văn hoa, mang tất cả sức nặng của cuộc sống hằng ngày, mà trong con mắt của các nhà nghệ sĩ thuần túy hẳn có vẻ quá "tâm thường". Đó là những bức ký họa ghi được trong khi đi đường bằng vài nét đơn sơ như những bức tranh chấm phá. Nhà thơ cho ta xem một tập ảnh chụp rất nhanh về cuộc sống hằng ngày của mình trong tù, không một chút nào là có vẻ bố trí, với tất cả những đau khổ và những nét hài hước trong cảnh đời bi thảm.

Giữa những bức ký họa có vẻ ghi lại vội vàng và nổi bật lên gay gắt như mực đen trên giấy trắng đó xen vào những bức tranh tuyệt tác như vẽ trên lụa, bằng những lời thơ uyên bác, điển tích phong phú, niêm luật và hình ảnh chặt chẽ, đầy đủ. Nhưng ở đây, tuyết hoa, trăng gió, mây sương, sông núi không phải là nhìn qua con mắt của một nhà nghệ thuật vị nghệ thuật. Cảnh vật được nhìn qua những chấn song sắt của nhà tù, cho nên nó luôn luôn bao hàm một cái gì khó tả, nhắc nhở đến tình trạng đặc biệt của nhà thơ. Trong những bài tứ tuyệt của Cụ Hồ Chí Minh, cảnh màn đêm buông xuống, cảnh bình minh bừng sáng, nhưng đây không phải là những bức tranh công thức, mà lại nói lên những vấn đề thiết thân của con người trong thời đại chúng ta...

Tính nhân đạo thấm vào các bài thơ có tính chất thời sự ấy, kể cả những bài thơ chuyên tả cảnh, là cái nét chủ yếu đem lại sự thống nhất

cho tập thơ. Cố nhiên không bao giờ nó hiện lên rõ nét và trực tiếp bằng trong mấy bài tứ tuyệt lấy con người làm đề tài như cuộc gặp giữa một tù nhân và vợ, vợ một người trốn lính... Nhưng không phải vì thế mà nó không thể hiện ra ở mọi chỗ, toả ra trong toàn bộ tác phẩm dưới hình thức một lời mỉa mai nóng bỏng như một cái tát, hoặc một câu hài hước dịu dàng như một nụ cười hiền hậu, một thực tế phũ phàng khả dĩ đánh quỵ được con người, đã được soi sáng như vậy.

Con người của nhà thơ xuất hiện trong suốt tác phẩm, ngay cả trong cơ cấu của câu thơ. Hình thức thì rất cổ điển, nhưng thơ của Cụ không bao giờ chịu bó mình trong khuôn khổ đã được lựa chọn. Chỗ này Cụ dùng một danh từ mới, một tiếng lóng ở nhà tù mà một nhà thơ thuần túy nệ cổ sẽ gạt đi. Nơi khác, một tiếng thét "Bất bình" phá vỡ khuôn khổ cổ điển của bài thơ tứ tuyệt, gần như ta đem một câu thơ vài chữ gắn thêm vào cuối một bài sonnet đầy uất hận.

Nhà thơ Hồ Chí Minh đã sử dụng tài tình mọi hình thức hành văn, từ những nét đơn sơ sốt dẻo ghi được trong lúc đi đường đến ngọn bút họa cảnh tỉ mỉ của một nhà văn điêu luyện, từ những lời mỉa mai thấm thía đến những câu hài hước hiền từ, phối hợp thơ cổ điển tinh túy với sáng tạo táo bạo. Trong tập *Nhật ký trong tù*, mọi thứ đều sinh động, kể cả những bức tranh ta vẫn thường gọi là tĩnh vật.

TÌNH THƯƠNG YÊU BAO LA

*QUYN-THƠ Ô-ĐƠ (Đức)
Bác sĩ nổi tiếng khoa chỉnh hình*

Đoàn chuyên gia y tế Cộng hoà dân chủ Đức chúng tôi sang tới thủ đô Hà Nội vào ngày 2 tháng 2 năm 1956, sau một thời gian ngót ba tuần đáp tàu liên vận quốc tế từ thành phố Béc-lin. Chúng tôi cả thầy gồm 35 người, do giáo sư tiến sĩ Kiéc-sơ, nhà giải phẫu xuất sắc làm trưởng đoàn. Tất cả chúng tôi sang Việt Nam lần đầu và đều tự hào nhưng cũng đều lo lắng, hồi hộp trước nhiệm vụ mà Hội đồng toàn quân Mặt trận dân tộc đã giao cho là giúp trang bị nhà thương Phủ Doãn, tức bệnh viện Hữu nghị Việt - Đức ngày nay, bằng những máy móc và dụng cụ y tế do nhân dân nước chúng tôi gửi tặng nhân dân Việt Nam anh em. Riêng tôi và một vài anh chị em nữa, trong đó có đồng chí Thít-xkê, Tôn-man, Đvê-sơ, Vít-xtu-ba có nhiệm vụ hoàn thành xưởng làm chân tay giả cho các đồng chí thương binh Việt Nam.

Tôi còn nhớ, những ngày đầu tới Việt Nam, thời tiết khá lạnh và Tết Nguyên đán cũng sắp đến. Cả một không khí nô nức chuẩn bị tết. Chúng tôi đã được sống với các bạn Việt Nam trong không khí ấy và sẽ không bao giờ quên các món ăn dân tộc, các phong tục, các trò vui trong ngày tết cổ truyền. Riêng đồng chí trưởng đoàn của chúng tôi còn được hưởng một vinh dự đặc biệt: cùng một số bạn quốc tế ăn tết với Bác Hồ. Đi dự về, đồng chí đã kể cho chúng tôi nghe nhiều mẫu chuyện lý thú trong dịp vui hiếm có ấy và chúng tôi đều hy vọng rằng trong thời gian công tác ở Việt Nam sẽ có dịp được trông thấy Người.

Và, không ngờ là chúng tôi đã không những được trông thấy vị lãnh tụ kính yêu của nhân dân Việt Nam mà còn được thưa chuyện với Người, được sống bên Người nhiều lần.

Lần thứ nhất là tối mồng 9 tháng 6. Chúng tôi được Bác mời đến dự cuộc vui trong vườn Phủ Chủ tịch do Người tổ chức riêng cho các chuyên

gia các nước xã hội chủ nghĩa ở châu Âu. Tôi nhớ đêm ấy Bác rất vui, coi chúng tôi như người quen thân đã lâu và chính vì vậy, ngay từ giờ phút đầu, chúng tôi hoàn toàn không cảm thấy những ngăn cách giữa vị lãnh đạo tối cao của một nhà nước với những công dân bình thường. Bác đã kể cho chúng tôi nghe về những ngày đầu kháng chiến chống thực dân Pháp, về những đau thương, mất mát mà nhân dân Việt Nam phải chịu đựng để dành cho được nền độc lập, tự do chân chính của mình. Bác nói: Bác thay mặt chính phủ và nhân dân Việt Nam chào mừng những người anh em xã hội chủ nghĩa đã từ những phương trời xa sang đây chung sức chung lòng giúp đỡ nhân dân Việt Nam trong công cuộc xây dựng lại đất nước. Bác chỉ nói có thế, không đọc diễn văn trang nghiêm gì cả, nhưng chính vì vậy mà chúng tôi càng thấm thía những điều Bác mong muốn. Bác đã đi gặp, nói chuyện với từng đoàn chuyên gia. Với đoàn chúng tôi, Bác cũng hỏi rất kỹ về công việc của từng nhóm, từng người.

Biết tôi phụ trách nhóm chỉnh hình, Bác hỏi thăm tình hình gia đình, vợ con ra sao. Tôi có thưa với Bác là tôi chưa xây dựng gia đình, người yêu của tôi đang công tác ở thủ đô Béc-lin. Chúng tôi hứa hẹn với nhau là sẽ làm lễ thành hôn sau chuyến đi công tác này. Bác vỗ vai tôi thân mật nói:

- Cho tôi gửi lời thăm người bạn gái thân yêu của đồng chí và mong hai người viết thư đều cho nhau.

Tôi rất sung sướng được chuyển lời thăm của Người tới người yêu của tôi.

Trong chín tháng công tác ở Việt Nam, tôi đã viết cho cô ấy tới hơn 80 bức thư và điều thú vị là cho đến nay, những bức thư ấy vẫn còn giữ được cả. Bác cũng có hỏi thăm đồng chí Ác-nô Brốc, người vừa mới cưới vợ được ba tháng thì nhận được lệnh đi công tác ở Việt Nam. Đồng chí Brốc báo cáo với Bác rằng, lúc đầu người vợ ấy cũng buồn, nhưng khi hiểu rõ ý nghĩa công việc mà chồng sẽ làm thì lại vui vẻ ngay...

Cũng trong cuộc vui ấy, Bác đã đề nghị từng đồng chí chuyên gia hát một bài dân ca của nước mình. Mở đầu là tiếng hát êm dịu của một nữ văn công Việt Nam. Chúng tôi thấy gay quá, bởi vì làm thấy thuộc chúng tôi đâu có tài hát! Mà các chuyên gia các nước khác cũng chẳng hơn gì chúng tôi! Nhưng rồi ai cũng hát. Đoàn chúng tôi rất ân hận là không thuộc một bài dân ca nào cả, cho nên đã xin phép Bác hát bài hát

"Lữ đoàn Ten-lơ-man", một bài hát quen thuộc của những người đã từng chiến đấu ở Tây Ban Nha. Và Bác cũng gật đầu khen.

Nhờ có lần gặp ấy, được Bác Hồ quan tâm, khuyến khích, tôi càng tự tin trong công việc của mình. Chẳng hạn, việc mở rộng xưởng chỉnh hình lúc đầu không phải là được nhiều đồng chí Việt Nam tán thành. Tôi đã trình bày ý kiến của tôi với một đồng chí cán bộ cao cấp của Việt Nam và không ngờ Bác cũng biết chuyện này. Cuối cùng ý kiến của tôi đã được Bác, đồng chí Trường Chinh hồi ấy là Tổng Bí thư Đảng và đồng chí Thủ tướng Phạm Văn Đồng ủng hộ.

Ngày 28 tháng 7 năm 1956, nhân khánh thành bệnh viện Hữu nghị Việt Nam - Cộng hoà dân chủ Đức, Bác Hồ đã tới thăm, mang đến cho cán bộ, công nhân viên Việt Nam và Cộng hoà dân chủ Đức niềm phấn khởi đặc biệt. Tiếc rằng, tôi không có mặt hôm đó vì bận đi công tác địa phương. Nhưng ít lâu sau, vào ngày 12 tháng 8, tại cuộc chiêu đãi tiễn đoàn đại biểu Mặt trận dân tộc nước Cộng hoà dân chủ Đức do đồng chí Smít-xlơ dẫn đầu đang ở thăm Việt Nam, tôi sung sướng được gặp lại Bác và có điều kiện báo cáo với Người về công việc của chúng tôi. Tôi cũng không quên bày tỏ niềm xúc động của mình về sự quan tâm của Bác.

Bác bảo:

- Chúng tôi cảm ơn các đồng chí mới đúng chứ!

Bác tỏ ý quan tâm đặc biệt đối với vấn đề làm chân tay giả và công tác thương binh xã hội nói chung.

Qua những điều Người hỏi, tôi nhận thấy rõ tình cảm yêu thương của Bác đối với anh em thương binh.

Thật ra, tôi đã nhận thấy điều đó ngay từ khi một đồng chí bác sĩ Việt Nam cho tôi xem bức thư của Bác Hồ gửi anh em thương binh, bệnh binh năm 1948. Lá thư ngắn, nhưng tràn đầy tình thương yêu của vị cha già đối với những người con ưu tú của Tổ quốc, đồng thời thể hiện nội dung hết sức đúng đắn đối với công tác thương binh. Tôi nhớ mãi một câu trong lá thư đó: "*Tôi cùng đồng bào luôn luôn nhớ đến các đồng chí*". Vừa qua, tôi đã được đi nghiên cứu tình hình công tác thương binh trên toàn miền Bắc, vào đến tận khu giới tuyến ở Vĩnh Linh, cho nên đã có thể báo cáo với Bác Hồ một số suy nghĩ của tôi. Bác từng nói: "Thương binh tàn chứ không phế". Tôi nghĩ đó là một ý kiến hết sức quan trọng, bởi vì nó động viên mạnh mẽ anh em thương binh luôn luôn nhìn thấy

triển vọng của đời mình, nghĩa là có thể trở thành người có ích cho xã hội. Bác Hồ rất chú ý nghe những điều tôi thưa với Người. Tôi có nói nhiều về những thay đổi thường xuyên trong tư tưởng, tính tình và tâm trạng của người thương tật (kể cả thương binh) ở họ có sự giảm sút về sức sống, nhất là giảm sút về hoạt động tinh thần. Nhiệm vụ của công tác thương binh là phải sớm vạch cho họ một lối thoát, nếu không họ sẽ có thể mất ý chí phấn đấu, không muốn ra khỏi tình trạng thương tật ấy và sẽ tự mình buông xuôi, thất vọng. Tôi thấy Bác gật đầu, khi tôi nêu nhận xét: chính sách ưu đãi thương binh là cần thiết và nó đã được nhân dân hưởng ứng nhiệt liệt.

Nhiều gương giúp đỡ thương binh, phong trào đón thương binh về xã đã chứng tỏ lòng biết ơn của nhân dân đối với những người con yêu của Tổ quốc. Nhưng cũng đã đến lúc cần xuất phát từ quan niệm đúng đối với người thương binh để tiến hành công tác thương binh có hiệu quả hơn. Đặc biệt không nên để anh em thương binh quá tự hào với những công lao đã đóng góp vào sự nghiệp giải phóng dân tộc, dẫn đến tư tưởng cho rằng xã hội có nhiệm vụ phải chăm sóc mình suốt đời, và bản thân anh em không phải làm việc gì nữa.

Điều quan trọng là cho họ thấy rằng: một khi đã lấy lại sức khỏe cần thiết, anh em cũng có trách nhiệm như mọi người công dân đối với Tổ quốc, phải làm việc để tự nuôi sống mình, góp phần xây dựng đất nước, mưu hạnh phúc cho mình và cho nhân dân. Tất nhiên những cố gắng của anh em thương binh phải được nhà nước và toàn dân ủng hộ, khuyến khích. Thiếu sự nâng đỡ và khuyến khích đó, họ khó lòng thực hiện được ý nguyện của họ là khôi phục trạng thái bình thường trong công việc. Phải giúp đỡ họ một khi đã có đủ sức khỏe, học được càng sớm càng hay một nghề nghiệp làm ăn mà họ có thể chọn lấy. Bản thân anh em thương binh phải tập trung tất cả tinh thần, nghị lực nhằm đạt được mục tiêu đó. Thời gian chọn nghề có thể dài hay ngắn, chủ yếu là anh em chọn được nghề thích hợp và chú ý học nghề. Mỗi thương binh chọn được nghề thích hợp, đó là một thành công lớn trong công tác thương binh và đó cũng là mục tiêu phải đạt tới.

Nghe tới đó. Bác nhìn tôi với vẻ trầm ngâm:

- Đồng chí Ô-đơ, đồng chí có vui lòng viết thành văn bản cho tôi những ý kiến đồng chí vừa nói không?

Tôi sung sướng đáp:

- Dạ, thưa Bác, được ạ!

Bác tỏ ý hài lòng. Một lát sau Người lại nói:

- Hay thế này vậy: tôi sẽ đề nghị một nhà báo của chúng tôi đến ghi lại những ý kiến của đồng chí và cho đăng lên báo.

Tôi không ngờ điều tôi nói lại có thể có ích như vậy. Ít hôm sau, có một đồng chí ở báo Nhân dân đến tìm gặp tôi và chúng tôi đã làm việc với nhau trong hai giờ liền theo chỉ thị của Bác. Dĩ nhiên, tôi có thể nói tỉ mỉ hơn là khi thưa chuyện với Bác, và đã nói thêm về tầm quan trọng của thể dục thể thao đối với sức khoẻ của anh em thương binh - thật tình là nó còn quan trọng hơn cả đối với người thường - nó giúp anh em vững tin ở sức lực mình, tự thấy làm chủ được sức khoẻ của mình, không bị lệ thuộc vào thương tật hay trở ngại vì thương tật. Tôi cũng trình bày một số kinh nghiệm về việc dạy nghề cho thương binh ở Cộng hoà dân chủ Đức và báo Nhân dân cũng giới thiệu lại.

Là một thầy thuốc, tôi rất xúc động trước sự quan tâm của Bác đối với thương binh, một mối quan tâm chứa chan tình thương yêu. Chính tình cảm đó của Người đã động viên tôi nhiều trong những ngày công tác ở Việt Nam cũng như trong suốt quá trình công tác sau này của tôi. Có thể nói: Chúng tôi đã làm việc với tất cả trái tim mình. Ngày nay ở Việt Nam đã có những trung tâm kỹ thuật chỉnh hình hiện đại hơn rất nhiều, chẳng hạn trung tâm Ba Vì do nước chúng tôi giúp xây dựng, hàng năm có thể phục vụ tới mười nghìn người thương tật. Công tác thương binh ở Việt Nam đã có những bước tiến quan trọng, có nhiều kinh nghiệm quý báu, đặc biệt có nhiều gương sáng của anh em thương binh mà chúng tôi rất cảm phục. Song, nhìn lại gần ba mươi năm trước đây, những gì Việt Nam đã đạt được quả là một thành quả quan trọng: xưởng chân tay giả ấy có tới 23 loại máy móc hiện đại, những phòng đặt máy cưa, máy bào, máy gọt giũa và hàng trăm cánh tay, bắp chân giả làm mẫu, hàng trăm đồ phụ tùng để lắp chân tay giả trong tất cả các trường hợp bị cụt. Bản thân tôi ngày ấy đã trực tiếp xét các mỗm cụt cho thương binh để nghiên cứu cách làm các kiểu chân tay giả riêng cho hợp với từng người và để khi lắp chân tay giả, thương binh không bị đau, ảnh hưởng đến thần kinh. Chúng tôi đã làm việc bằng tất cả tình yêu thương, trân trọng đối với những người anh hùng Điện Biên Phủ. Phải chăng tình cảm giai cấp đó đã được thổi bùng lên sau những lần gặp Bác Hồ?

Bác Hồ và những người chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam - đó là những ấn tượng đẹp đẽ nhất của tôi sau thời gian công tác ở Việt Nam. Tôi trân trọng ghi nhớ hình ảnh đồng chí La Văn Cầu, người đầu tiên được lấp cánh tay giả. Anh có đôi mắt đẹp, có nụ cười dịu dàng như một cô gái, vậy mà cánh tay đã mất của anh ở chiến trường lại là một trong những mẫu chuyện oanh liệt nhất của nhân dân Việt Nam thời kỳ đánh Pháp. Hôm lấp tay giả xong, anh thấy người dễ chịu hơn, đi đứng không bị lệch, ngực không bị tức và dễ thở hơn. Nghề nghiệp của chúng tôi đã buộc chúng tôi nhiều lần chứng kiến những nỗi đau khổ. Nhưng, sau cái lần trao cánh tay giả cho đồng chí La Văn Cầu, anh ngả vào cổ tôi và tôi thấy đôi mắt anh, đôi mắt tuyệt đẹp ấy rung rung niềm xúc động, anh nói:

- Tôi chắc rằng các đồng chí thương binh và cha mẹ tôi ở nhà khi được biết cánh tay cụt của tôi hôm nay được nối lành thì mọi người sẽ sung sướng, phấn khởi, càng thêm yêu quý và biết ơn nhân dân nước Cộng hòa dân chủ Đức. Rồi đây, tất cả các đồng chí thương binh Việt Nam sẽ được tình hữu nghị cao quý giữa hai dân tộc mà Bác Hồ và Bác Vin-hem Pích dày công vun đắp chấp nối tay, chân lành lặn và chúng ta có thêm điều kiện phục vụ nhân dân đến hơi thở cuối cùng.

Tôi cũng không thể quên được các đồng chí Tạ Văn Đào, Lê Viết Lợi và nhiều đồng chí khác đã vui mừng thấy mình được mọc tay, mọc chân mới! Với các đồng chí ấy, chúng tôi đã biểu thị tình đoàn kết gắn bó của mình, biểu thị lòng khâm phục trước những tấm gương rực sáng trong cuộc đấu tranh vì độc lập, tự do của đất nước và vì hòa bình thế giới như Bác Hồ mong muốn.

BA LẦN GẶP BÁC

M. GIU-LÁP-XXKI (Ba Lan)

Bài đăng trên báo "Cuộc sống Vác-xô-vi"

Tôi được gặp Hồ Chủ tịch lần đầu tiên đã khá lâu. Đó là vào năm 1946 tại Pa-ri, khi Người sang Pháp để đàm phán hoà bình. Trong những ngày ở đây Người được Việt kiều ở Pháp đón tiếp rất long trọng. Ảnh của Bác được in hầu hết trên các báo xuất bản ở Pháp, nên khi Người bước vào phòng họp, tôi nhận ra ngay. Chỉ có một điều trong thực tế Người trông khác hẳn: vẫn cái dáng gầy, nhỏ nhắn với chòm râu thưa và bộ quần phục nhả nhận, nhưng không một chiếc ảnh nào thu được cái ánh sáng long lanh của đôi mắt và lộ tả nổi cái đẹp cân đối tuyệt vời của cả cái thân hình đó.

Tôi không còn nhớ được cặn kẽ diễn biến của cả hội nghị. Nhưng có một cảnh làm tôi nhớ mãi và rất rõ như vừa mới xảy ra hôm qua.

Một hôm các cháu thiếu nhi Việt Nam ở Pa-ri tới thăm Hồ Chủ tịch. Một cô giáo trẻ người Việt dẫn các cháu tới đó. Đây cũng là lần đầu tiên tôi được may mắn nghe các bài hát Việt Nam. Các cháu thiếu nhi hát cho Bác Hồ, người đại diện cho cả Tổ quốc xa xôi nghe. Bác ngồi nghe rất cảm động. Có lẽ những tiếng hát này đang làm Người sống lại với thời thơ ấu của mình ở Kim Liên.

Hát xong, cô giáo định cho các cháu ra về vì sợ quấy phiền Bác. Song Bác vui vẻ giữ cả lại. Người đặt tay lên đầu một cháu gái nhỏ nhất rồi hỏi:

- Thế các cháu có biết hát bài quốc ca của Pháp không?

Tất cả đều đồng thanh trả lời: "Có ạ".

- Thế thì các cháu hát xem nào.

Những giọng hát thanh, nhỏ nhẹ của các cháu cùng một lúc ngân vang lên bài ca cách mạng mà từ lâu đã trở thành quốc ca của Pháp. Bác khẽ gật đầu và nheo đôi mắt lại. Một sự cảm động thật sự choán hết tâm

hồn những người Pháp có mặt ở đây. Rất rõ ràng đây không phải là một cử chỉ trống không của Bác. Chúng tôi ai cũng thấy đó là biểu hiện của một thiện chí hoà bình, một biểu hiện hùng hồn tình yêu của Bác dành cho những truyền thống đấu tranh vì tự do của Pháp, dành cho nước Pháp với cái nghĩa thực sự của nó.

Nhưng chính lúc bấy giờ trên khuôn mặt Bác đã thoáng hiện những điều lo lắng. Mấy tuần sau Người rời Pháp. Ba tháng sau thực dân Pháp làm bùng nổ cuộc chiến tranh mà nhân dân Pháp gọi là "Cuộc chiến tranh bẩn thỉu".

Lần thứ hai, tôi may mắn được gặp Bác vào tám năm sau, mùa thu năm 1954. Chính xác hơn là hai ngày sau khi Quân đội nhân dân Việt Nam tiến vào Hà Nội. Tôi có mặt ở Việt Nam lúc bấy giờ cùng mấy nhà báo châu Âu khác nữa. Đang viết dở bài phóng sự về những ngày đầu giải phóng thủ đô thì các bạn Việt Nam đưa cho tôi một giấy mời tới gặp Thủ tướng Phạm Văn Đồng lúc bấy giờ còn đang ở Sơn Tây.

Chúng tôi được dẫn tới một căn nhà lợp rạ, tường quét vôi trắng. Một chiếc bàn nhỏ, giản đơn kê giữa phòng và trên đó là những chiếc cốc thủy tinh dày màu xám. Ngồi xuống ghế, chúng tôi chưa kịp nhắm một ngụm nước thì chiếc rèm che cửa vào phòng bên làm bằng vải dù khê mở và có tiếng chào bằng tiếng Nga. Chúng tôi quay lại. Bác!

Bác vẫn giản dị, gần gũi hết như tám năm về trước. Người mặc chiếc áo sơ mi màu đen mỏng, song tôi bỗng cảm thấy Bác đẹp, trẻ hơn ra và tất nhiên là vui hơn trước. Tôi nói với Người điều đó không một chút ngần ngại.

Bác cười: Ai cũng bảo vậy cả. Cuộc sống giữa rừng sâu và trước hết là chiến thắng đã làm tôi rất sung sướng.

Người ra hiệu cho đồng chí phiên dịch không cần thiết dịch rồi nghe phóng viên báo Sự thật nói, thỉnh thoảng Bác trả lời bằng tiếng Nga. Sau đó, Người nói chuyện bằng tiếng Ý với phóng viên tạp chí Unita, bằng tiếng Anh với phóng viên báo Công nhân. Có lẽ đọc được sự ngạc nhiên của chúng tôi, Bác cười vui vẻ: - Các nhà báo nước ngoài - Người nói bằng tiếng Pháp - thường hay kể những chuyện phóng đại về tôi. Nhưng cũng có những chuyện đúng. Khi còn trẻ, quả thật tôi có làm bếp trên tàu, có đến Mỹ, Anh, Đức. Tôi cũng đã từng sống ở Pa-ri và bắt đầu hoạt động cách mạng cùng các đồng chí Pháp. Nhiều lần tôi qua

Liên Xô, Trung Quốc. Ở đâu, tôi cũng được công nhân dạy tiếng nước họ. Tôi sống cùng với công nhân ở Ý rồi cả ở châu Mỹ nữa...

Lần thứ ba tôi được gặp Người. Sự việc xảy ra như sau:

Nhân dân thủ đô bắt đầu bàn tán nhiều về việc đón tiếp trọng thể Bác từ Sơn Tây trở về. Ủy ban quân sự tạm thời có triệu tập đại biểu các đoàn thể để chuyển lời chúc mừng của Bác tới mọi người. Cuộc họp diễn ra ở ngôi nhà cạnh toà công sứ. Tôi với danh nghĩa một nhà báo nước ngoài cũng được mời tới dự. Đầu tiên, Ủy ban kêu gọi mọi người làm theo nguyện vọng của Bác là không nên tổ chức gì cả. Bác không muốn làm tốn kém tiền của vì những điều chưa cần thiết và làm mất thời gian của mọi người. Nhưng chưa một ai chịu nghe. - Thế là thế nào? Tám năm trời chúng tôi chỉ đợi tới phút này khi Bác - người tượng trưng cho độc lập, thống nhất, Tổ quốc - trở về để đón, vậy mà bây giờ lại phải từ bỏ nguyện vọng đó ư?

Cuộc tranh luận kéo dài tưởng không bao giờ chấm dứt. Cuối cùng, đại diện Ủy ban đành đưa ra dự định:

- Hiện nay bên toà công sứ các Bộ trưởng đang họp các đồng chí có muốn gặp Bác không?

Tất nhiên là ai cũng muốn. Chúng tôi kéo nhau sang đó và bước vào phòng tiếp khách. Chỉ mới kịp ngồi xuống, Bác đã bước vào không một ai báo trước.

Một phút bất ngờ, ngạc nhiên và im lặng. Rồi tất cả reo âm lên...

Sau đó Người nói nhiều về tình cảm của nhân dân đã dành cho bộ đội và cách mạng. Bác nói, Người trở về Hà Nội không cần một nghi thức nào cả, Người trở về như bao người bình thường khác để đỡ tốn kém. Trong lúc đất nước đang còn gặp nhiều khó khăn, cần phải sống giản đơn như mọi người vậy.

Bác kéo cháu bé tặng hoa mình vào lòng rồi ngồi ép lại những chỗ cho cháu. Bác nhỏ nhắn đến nỗi hai bác cháu ngồi vào một chiếc ghế bành mà vẫn rất vừa. Hồ Chủ tịch luôn có một tình cảm đặc biệt đối với thiếu nhi. Đồng chí Nguyễn Văn Tạo kể cho tôi nghe rằng ngày 19-12-1946 khi đại bác bắt đầu gầm lên ở Hà Nội, lời đầu tiên của Bác là:

Các chú đã kịp cho tất cả các cháu thiếu nhi đi tản cư chưa?

Đấy, Chủ tịch Hồ Chí Minh là một con người như vậy!

NHỮNG GIẤY PHÚT KHÔNG THỂ NÀO QUÊN

*Thượng tướng Ô-XA-CĂN THĂM-MA-THÊ-VA
Ủy viên Trung ương Đảng NDCM Lào,
Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị QĐND Lào*

Để xây dựng lực lượng và đào tạo cán bộ lâu dài, Đảng và quân đội Lào đã chọn cử một số cán bộ và thanh thiếu niên từ vùng tập kết sang Việt Nam học tập. Chúng tôi gần 150 anh chị em được cử về học ở Trường văn hóa Thái Nguyên.

Vào một ngày sau Tết Việt Nam, đầu năm 1959, Ban Giám hiệu nhà trường thông báo cho chúng tôi là sắp có cán bộ cấp trên của Việt Nam đến thăm trường. Thế là cả trường chúng tôi lao vào quét dọn vệ sinh, sửa sang nhà cửa, cổng trường, thu xếp sách vở gọn gàng sạch sẽ, chuẩn bị những câu trả lời để khi cấp trên có hỏi thì trả lời được rõ ràng, đúng đắn.

Thế rồi đến ngày được báo, cả Ban Giám hiệu và anh chị em học sinh chúng tôi, cả Lào và Việt đang háo hức nghiêm trang chờ đón cấp trên ở cổng trường. Chờ đã hơn 15 phút vẫn chưa thấy khách. Bỗng nhiên ở phía vườn rau có một đoàn khách đang đi lên. Mấy anh cố chạy nhanh lên báo: Bác! Bác Hồ...

Thế là cả đoàn chúng tôi chạy ào về phía Bác, nghẹn ngào không nói được nên lời, tất cả vây quanh Bác ở sân trường, rồi mới vào hội trường. Vào hội trường, thấy trò chúng tôi hơn trăm người ngồi im phăng phắc, chờ đợi nghe Bác nói.

Bác hỏi: Các cháu sang đây học ăn có no không? Bác hỏi rồi, mà mãi vẫn không một ai có tiếng trả lời. Bỗng Viêng-cô, em gái nhỏ tuổi nhất lớp đứng dậy: "Thưa Bác, no lắm ạ".

Bác hỏi: Các cháu có khoẻ không? Được thế, cả lớp đồng thanh trả lời: Dạ thưa Bác, khoẻ ạ!

Bác hỏi: Các cháu học có giỏi không? Cả lớp ngập ngừng...

Bác hỏi tiếp: Các cháu có tăng gia sản xuất được nhiều không? Nhiều tiếng đáp: Dạ có được!.

Bác nhắc: Phải cố gắng trồng nhiều rau, nuôi nhiều gà, nhất là phải trồng nhiều đu đủ và ớt. Có nhiều tiếng cười vui vẻ. Sau này chúng tôi thâm nghĩ: Bác Hồ giỏi thật, chắc Bác biết dân Lào hay ăn món "nộm" bằng đu đủ và ớt.

Bác nhắc chúng tôi phải bảo đảm đoàn kết cho tốt, đoàn kết trong nội bộ người Lào, đoàn kết tốt giữa Lào và Việt, đoàn kết tốt giữa học sinh ở trường với nhân dân địa phương, phải biết giúp đỡ nhân dân, phải ra với dân. Trước đó, chúng tôi thường bị "cắm" trong trại, ít khi được ra dân vì sợ lộ bí mật. Sau buổi gặp Bác thì nhà trường thường tổ chức cho chúng tôi đi ra các bản xung quanh làm công tác dân vận. Bà con biết chúng tôi nên thương chúng tôi lắm! Bác dặn chúng tôi phải chăm học, học cho giỏi để phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc Lào, phục vụ sự nghiệp đoàn kết quốc tế. Bác dặn các đồng chí trong Ban Giám hiệu và giáo viên Việt Nam phải chăm lo săn sóc đời sống và kết quả học tập của học sinh Lào. Đây là vốn quý của cách mạng Lào.

Bác nói ngắn, gọn, rõ ràng, chúng tôi đều nghe rõ, như nuốt lấy từng lời dặn của Bác. Sau đó Bác đưa kẹo cho mấy hàng ghế đầu. Bác nói: Các cháu đông, kẹo Bác có ít. Vậy Bác gửi các cháu ít tuổi vậy! Cả lớp lại cười vang.

Nói xong, Bác giơ tay chào, vẫy vẫy chúng tôi và đi thẳng ra cổng. Chúng tôi chạy ulla ra tiễn Bác. Bác không cho ra ngoài cổng. Bác đi một đoạn thì nghe tiếng xe nổ máy. Thế là Bác đi xe đến một đoạn nào đó thì dừng lại, rồi xuống sông Cầu đi bè vào phía sau nhà trường "tập hậu" chúng tôi. Sau này làm công tác quân sự, chúng tôi càng thấm thía cách đi thâm bí mật, bất ngờ ấy của Bác.

Sau ngày Bác về thăm trường, tất cả anh chị em chúng tôi thi đua học tập kết quả tốt. Tăng gia sản xuất được nhiều, đã kính dâng lên Bác những cây rau cải nặng mấy cân và một đôi ngan to. Nhận được. Bác đã gửi thư khen ngợi và cảm ơn.

Hơn 30 năm qua, số đông anh chị em chúng tôi cùng học, cùng được nghe những lời dạy bảo của Bác, nay đều đã trưởng thành. Đồng chí Xamán Vi-nha-kết người thay mặt chúng tôi đứng lên hứa với Bác "đoàn kết và học tập tốt", nay là Ủy viên Bộ Chính trị Trung ương Đảng Nhân dân

cách mạng Lào. Bộ trưởng Bộ Giáo dục - Thể thao, có đồng chí là Ủy viên Trung ương Đảng, Thượng tướng Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị, Tổng Tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Lào, có đồng chí là bí thư tỉnh ủy một tỉnh lớn ở Trung Lào, có đồng chí là đại sứ, nhiều đồng chí là thứ trưởng, vụ trưởng, cán bộ cao cấp quân đội. Sự trưởng thành của chúng tôi như ngày nay có một phần công ơn rất to lớn của Đảng, của nhân dân, của quân đội Việt Nam anh em, đặc biệt là sự chăm sóc ân cần của Bác Hồ. Những phút giây được gặp Bác sống mãi trong trái tim cách mạng của chúng tôi. Chúng tôi nguyện suốt đời đi theo con đường Bác đã vạch.

Bản sao lưu trữ

BÁC HỒ VÀ CÁC NỮ CHIẾN SĨ TRUNG QUỐC

*Trích hồi ký của TRIỆU NGỌC TRẦN
(Trung Quốc)*

... Nơi ở của đoàn cố vấn Trung Quốc rất gần nơi ở của các Ủy viên Trung ương Đảng Lao động Việt Nam nên Chủ tịch Hồ Chí Minh thường đến chỗ chúng tôi để thăm hỏi các cố vấn. Mỗi lần đến thăm, Chủ tịch đều nhiệt tình hỏi chuyện này chuyện nọ nên chẳng bao lâu chị em chúng tôi đã rất gần gũi với Người. Mỗi dịp quốc khánh Trung Quốc, Chủ tịch đều đích thân đến chúc mừng. Còn mỗi khi Tết đến, trưởng đoàn cố vấn Trung Quốc là La Quý Ba đều dẫn các chị em có mặt ở nhà đến thăm Chủ tịch và chúc Tết Người.

Tôi còn nhớ, vào ngày Tết năm 1953, đồng chí La Quý Ba dẫn sáu chị em là nhân viên công tác trong đoàn tới chúc Tết Chủ tịch Hồ Chí Minh tại nơi ở của Người. Người rất vui, dẫn chúng tôi ra ngồi bên bờ suối và nghe chúng tôi hát bài hát Trung Quốc. Trong khi tôi đang hát, đồng chí La Quý Ba đưa cho tôi quyển sổ nhỏ và nói khẽ câu gì đó nhưng tôi nghe không ra, tay cầm quyển sổ mà chẳng biết để làm gì. Trên đường trở về, đồng chí La mới bảo tôi:

- Ngốc ơi là ngốc! Tôi đưa sổ để cô nhân dịp đó mà xin Hồ Chủ tịch mấy chữ lưu niệm. Thật tiếc là cô không hiểu được ý tốt đó của tôi.

Lúc ấy tôi nghĩ muốn gặp Chủ tịch có gì khó đâu nào, do vậy cũng không mấy để ý. Sau này mới thực sự tiếc nuối vì đã không xin Chủ tịch viết cho mấy chữ.

Tôi nhận thấy Chủ tịch rất quan tâm đến các cán bộ nữ. Mấy lần cùng ăn cơm với các vị lãnh đạo đoàn cố vấn Trung Quốc, Người đều gọi tôi lên, cho nên hẳn thấy Người đến dùng cơm với mấy vị đó là tôi không dám ăn no để đến lúc được gọi lên còn có thể ăn được. Một lần tôi vừa chọt đi qua nhà sàn của đoàn cố vấn thì đồng chí La Quý Ba gọi tôi lên. Hồ Chủ tịch thấy tôi liền vui vẻ gấp thức ăn cho tôi nhưng tôi no quá

không ăn thêm được nữa. Chủ tịch bèn sai người lấy cho tôi cốc sữa bò, đồng chí La Quý Ba ra hiệu cho tôi phải uống hết, khiến tôi phải hạ quyết tâm mới uống hết cốc sữa. Chủ tịch thấy thế thì vui lắm người đứng đưa trên ghế xích đu.

... Các cố vấn Trung Quốc phần lớn đều ở nhà sàn, mái lợp lá cọ, xung quanh rào giậu nữa. Vùng núi Việt Bắc hay mưa, hễ mưa là hơi nước thấm qua mái khiến chăn đệm đều ẩm ướt. Gặp trời nắng, chúng tôi cũng chẳng dám đem phơi sợ bất chợt có máy bay thám thính của quân Pháp bay qua phát hiện. Ngày mới đến Việt Nam, chị Lý Hàm Trân là vợ đồng chí La Quý Ba, đã tranh thủ thời gian giảng giải cho tôi biết khi công tác và sinh hoạt ở đây thì cần chú ý những gì, tránh máy bay trinh sát của quân Pháp nã pháo ra sao, phòng ngừa vắt và muỗi như thế nào.

Một lần tôi từ nhà sàn bước xuống, chân nhũn ra ngã lăn xuống đất. Chị Lý biết hồi nhỏ tôi từng bị bại chân chữa chưa khỏi dứt nên lập tức bảo tôi đến nhà sàn của chị. Chị kể cho tôi nghe vợ chồng chị cũng bị thấp khớp. Chủ tịch Hồ Chí Minh khi biết việc đó liền gửi biếu xương hổ và cao hổ cốt để vợ chồng chị hầm với nước thành thang mà uống. Chị khẩn khoản bảo tôi cùng uống thang hổ cốt như anh chị để chữa bệnh. Tôi biết hổ cốt là thứ quý hiếm nên thấy không tiện cùng đi với chị. Chị liền phê bình tôi không biết nghe lời, sau đó cho người nấu bếp mang đến cho tôi bát nước hổ cốt đã ninh sẵn. Tôi không còn cách nào từ chối, thế là uống liền ba tháng thang hổ cốt cùng với vợ chồng đồng chí La Quý Ba. Tôi thật không ngờ từ đó bệnh thấp khớp của tôi khỏi hẳn. Bây giờ hổ cốt đã bị cấm sử dụng nhưng lúc đó ở Việt Nam còn chưa có khái niệm đó.

TÔI ĐƯỢC GẶP BÁC HỒ

MÁC-TA-RÔ-HÉT

(Cu-ba)

Đầu tháng 7-1969, hai tháng trước khi Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời, tôi sung sướng được phỏng vấn Người. Có lẽ đó là cuộc phỏng vấn cuối cùng của một nhà báo nước ngoài mà Chủ tịch Hồ Chí Minh, người sáng lập nước Việt Nam, cho phép.

Lúc đó, trời vừa sáng, mặt trời còn chưa kịp chiếu ánh sáng lên thành phố của hoa, của những dòng sông và mặt hồ. Đường phố Hà Nội vào giờ đó như một tổ kiến lớn với những dòng người đi xe đạp và xích lô hối hả. Thói quen bắt đầu công việc mỗi ngày từ sớm trở nên đậm nét, nhằm giành giật thời gian với những trận ném bom bừa bãi và liên tục của không quân Mỹ.

Đồng chí Hoàng Tùng, lúc đó là Tổng biên tập báo *Nhân dân* tới khách sạn nơi tôi ở, một ngôi nhà được giữ gìn cẩn thận từ thời thuộc địa Pháp ở ngay trung tâm thành phố. Đồng chí nói với tôi một cách giản dị: "Chủ tịch Hồ Chí Minh đang chờ cô đấy". Tim tôi bỗng đập dồn, tôi sắp phỏng vấn một trong những nhà cách mạng xuất sắc nhất của thế kỷ XX. Tôi sắp được nói chuyện với Nguyễn Tất Thành, sinh ngày 19-5-1890 tại làng Kim Liên ở miền bắc Việt Nam. Tôi sẽ được thấy ngay trước mắt mình hình ảnh Người phụ bếp đã đi vòng quanh thế giới trên boong một con tàu Pháp, người thợ làm vườn ở Luân Đôn, người thợ ảnh và nhà báo ở Pa-ri. Tôi sẽ được phỏng vấn Nguyễn Ái Quốc, nhà cách mạng, Tổng biên tập tờ báo *Lơ Pa-ri-a* tại thủ đô nước Pháp, người cộng tác sắc bén nhất về các vấn đề thuộc địa châu Á và châu Phi của các báo *Luy-ma-ni-tê* và *La-vi U-vri-e-rơ*; một trong những người sáng lập Đảng Cộng sản Pháp; nhà thơ của những vần *Nhật ký trong tù*; người sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Cộng sản Đông Dương. Tôi sẽ được gặp một trong những chiến sĩ quốc tế kiên cường

nhất thời đại, người mà ngày 2-9-1945 tại Quảng trường Ba Đình sau cuộc Cách mạng tháng Tám do Người lãnh đạo, đã khai sinh ra nước Việt Nam dân chủ cộng hoà, đất nước từng bị giày xéo bởi những tên xâm lược Nhật Bản nhẩy vào thể chân bọn thực dân Pháp khi chính nước Pháp bị bọn phát xít chiếm đóng. Tôi sẽ được phỏng vấn người đưa đường chỉ lối, khai thông trí tuệ của nhân dân Việt Nam, với đức tính bền bỉ và thông mệnh đã giành được thắng lợi Điện Biên Phủ.

Hồ Chí Minh năm 1969

Vào năm 1969, Hồ Chí Minh trước hết vẫn là một nhà cách mạng kiên cường như mọi khi và nhà lãnh đạo anh minh đã dẫn đế quốc Mỹ vào nước bí, đưa chúng vào thất bại cầm chắc bằng chiến thuật gồm ba mũi nhọn: đấu tranh vũ trang, công tác giáo dục chính trị tư tưởng và công tác thâm nhập hàng ngũ kẻ thù ở miền Nam. Người chấp nhận và khuyến khích các cuộc đàm phán ngoại giao, trong khi kẻ thù không ngừng bị đánh tơi bời, trở thành mục tiêu tìm diệt của các tay súng nông dân, phụ nữ cũng như mọi thứ vũ khí sẵn có trong tay của Quân đội nhân dân Việt Nam được thành lập do nhiệt tình cách mạng của Hồ Chí Minh và là sản phẩm của quan niệm chiến tranh toàn dân chống kẻ thù chính. Hồ Chí Minh là vị lãnh tụ biết truyền cho các học trò của Người và nhân dân lòng dũng cảm, đức tính kiên trì cũng như kiến thức cho tới khi đánh bại ba tên đế quốc trong một khoảng thời gian tương đối ngắn. Đầu tiên là đế quốc Nhật Bản trong lúc hơn một triệu người Việt Nam bị chết đói trong vòng một năm, thực dân Pháp rồi sau đó là đế quốc Mỹ.

Gặp gỡ

"Bu-ê-nốt Đi-át!", Người chào tôi bằng tiếng Tây Ban Nha. Con người mảnh khảnh song tiềm ẩn một sức sống phi thường, nhanh nhẹn ra đón tôi với một vẻ lịch thiệp duyên dáng dành cho khách thăm là một phụ nữ. Người mặc bộ đồ bằng lụa trắng giống như thứ trang phục cổ xưa của dân tộc An Nam mà Hô-xê Mác-ti đã miêu tả một cách tài tình cho các bạn đọc nhỏ tuổi của tạp chí *Tuổi vàng*. Người đi đôi dép cói cũng màu trắng mà không đi đôi dép cao su như thường lệ vì phong tục châu Á không cho phép đi dép vẫn dùng ngoài đường vào trong nhà. Bước đi chậm rãi với nhịp đi chắc chắn. Tươi cười Người mời tôi vào nhà.

Chung quanh chúng tôi, cây cỏ xanh tốt như trong rừng. Nơi chúng tôi ngồi là một trong nhiều cái sân của lâu đài xây cho tên toàn quyền Pháp mà sự thất bại của chủ nghĩa thực dân đã trở thành trụ sở thường trực của Chính phủ nước Việt Nam độc lập. Nhưng Người thì lại ở tại một ngôi nhà sàn nhỏ bằng gỗ quý được mang đến từ nhiều vùng quê Việt Nam.

Các khu vườn nhỏ bao quanh được chăm sóc đầy nghệ thuật như bao công viên khác ở Việt Nam; bất kể bao cuộc ném bom, bắn phá liên tục và dữ dội. Gần nhà sàn là một hồ nhân tạo đầy cá, những con cá được Hồ Chí Minh hàng ngày cho ăn vào một giờ nhất định. Tất cả toát lên vẻ thanh tao và tuyệt đẹp. Nơi chúng tôi ngồi có một chiếc bàn chữ nhật, vài chiếc ghế, mấy cái phích nước sôi để pha chè và một bồn rửa mặt bằng sứ. Sự tinh khiết hấp dẫn như bầu không khí thân mật và bình yên ngự trị tại nơi đây.

Trò chuyện cùng Bác Hồ

Trong một phần cuộc nói chuyện, tôi là người được phỏng vấn. Trong khoảng nửa giờ, Chủ tịch Hồ Chí Minh hỏi chuyện tôi về Cu-ba và về chuyến đi của tôi vào miền Nam cùng đồng chí Ra-un Van-đét Vi-vô. Người xác nhận và cung cấp thêm cho tôi những tư liệu tỉ mỉ về tỉnh Tây Ninh, nơi chúng tôi đã tới với các chiến sĩ du kích của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam. Đó là một chiến khu gần Sài Gòn, cho nên trong một thời gian dài được các đồng chí Việt Nam giữ bí mật. Bí mật tới mức chúng tôi, những phóng viên mặt trận cũng không biết mình đang hoạt động tại nơi nào. "Sở dĩ chúng tôi làm thế chính vì sự an toàn của các đồng chí" - Chủ tịch nói với tôi và Người xin lỗi vì đã không tiếp tôi trước chuyến đi đó.

Cầm bàn tay tôi, Người nói: "Hãy tiếp tục kể cho tôi nghe những gì đồng chí thấy và cảm nhận thấy ở miền Nam. Tôi rất muốn biết: Có thể nói ở miền Nam, mỗi gia đình và mỗi người đều có nỗi đau riêng và nếu nỗi đau riêng của mỗi người và mỗi gia đình miền Nam cộng lại sẽ bằng nỗi đau của tôi".

Tôi nói: "Thưa Chủ tịch...", Người ngắt lời: "Cháu đừng gọi Bác là Chủ tịch, hãy gọi Bác Hồ". Người rót trà rồi cố gắng làm dịu cảm giác buồn rầu trong tôi do những tình cảm đầy xúc động của Người đối với miền Nam gây ra.

Tôi đặt một câu hỏi và Người trả lời: "Cháu hỏi Bác sức mạnh của nhân dân Việt Nam là ở đâu ư? Bác trả lời cháu ngay rằng sức mạnh và

sự vĩ đại của nhân dân Việt Nam, sự bền bỉ dẻo dai của họ, chủ yếu là ở sự đoàn kết và cũng bởi vì nhân dân chúng tôi được sự ủng hộ của các dân tộc trên thế giới mà nhân dân Cu-ba anh em là một tấm gương. Mỗi lần các đồng chí Cu-ba, từ bên kia quả đất, tổ chức các hoạt động và diễu hành biểu thị tình đoàn kết đối với cuộc đấu tranh của chúng tôi đều có tác dụng khích lệ chúng tôi, nhất là những bài phát biểu của Phi-đen làm tôi rất thích".

Bởi hồi đó Việt Nam đang sống trong một cuộc chiến tranh nước sôi lửa bỏng và Người thì chủ động trả lời tôi về bao vấn đề, tôi nghĩ nên thận trọng hỏi Người có muốn biết tôi sẽ viết gì về cuộc nói chuyện này không? - Hãy viết những gì cháu thấy cần viết, Bác đã nói rằng Bác cháu ta sẽ trò chuyện như những người bạn về rất nhiều thứ kia mà".

Về những đóng góp cá nhân của mình vào cuộc đấu tranh, Người đã nói với tôi: "Tôi hiến dâng cả cuộc đời cho dân tộc tôi".

Giờ đây khi lật lại những trang sổ tay ghi chép, tôi chợt hiểu lúc đó Người đã tin tưởng biết bao vào sự tất thắng", "Chúng tôi nhất định thắng; Việt Nam sẽ được thống nhất vì miền Nam nhất định thắng".

Sáu năm sau, Việt Nam đã giáng cho đế quốc Mỹ thất bại nhục nhã nhất. Hồ Chí Minh không được thấy thắng lợi lịch sử của dân tộc Người nhưng Người đã dự báo nó trong Di chúc chính trị mà Người để lại. Sự việc này khẳng định rõ hơn nữa điều mà Hô-xê Mác-ti đã kể cho các em nhỏ của tạp chí *Tuổi vàng* rằng những người An Nam rồi sẽ lại vùng dậy chiến đấu và họ sẽ chiến thắng như bao lần trước đó. Hồ Chí Minh là hiện thân trọn vẹn cho dân tộc nghìn năm của Người.

NGƯỜI ĐÃ TRUYỀN CHO TÔI SỨC MẠNH

RA-UN CÔ-RAT-GE PHE-RO

*Bí thư thứ nhất Đại sứ quán Cu-ba
tại Hà Nội*

Tôi đến thăm Lăng Bác lần này, là do có sự mong muốn của một bé gái Cu-ba vừa sang Việt Nam cùng với bố mẹ. Từ ngày đầu tiên tôi được biết về mong muốn của cháu là được đến thăm nơi gìn giữ linh cữu chưa từng biết đến sự mệt mỏi của Hồ Chí Minh. Cháu tên là Ta-ma-ra, cháu mới có 10 tuổi. Tôi cảm nhận việc cháu mong muốn được gặp Bác Hồ như một điều gì đó đầy tình yêu và cái đẹp trong nhân cách hồn nhiên của cháu. Phải đi thăm Lăng Bác vào ngày hôm nay, bởi vì ngày 21 tháng 6 cháu sẽ rời Hà Nội đi thành phố Hồ Chí Minh và quả thật chúng tôi không biết cháu còn có quay trở lại Hà Nội nữa hay không.

Chúng tôi làm các thủ tục cần thiết để đáp ứng tình cảm, lòng mong muốn được gặp những gì chưa biết đến của cháu. Vào giữa buổi trưa, bốn người chúng tôi đã đứng trên con đường dẫn vào Lăng: Ta-ma-ra, bố mẹ của cháu và tôi. Ngoài ra, chắc không cần phải nói thêm, dòng người dài như vô tận. Các đồng chí cảnh vệ đã ân cần dẫn chúng tôi xếp hàng cùng với những người anh em Việt Nam. Đối với bố mẹ của Ta-ma-ra đây là lần khác hẳn, anh chị mang đến đây đứa con bé bỏng nhất trong gia đình mình. Đường vào Lăng cũng dễ chịu hơn với một mái dài bằng bạt để che cho hàng người đến thăm Bác dưới trời nóng. Vào thời điểm bước vào Lăng, tôi đã thấy những xúc cảm trên khuôn mặt của cô bé vừa đến từ quần đảo Cu-ba xa xôi trước sự trang nghiêm của Lăng và hình ảnh quen thuộc Bác Hồ của chúng ta. Tôi lắng nghe, khi bước ra khỏi Lăng điều mà Ta-ma-ra nói khe vào tai bố mẹ: Giống như Bác đang ngủ vậy. Đôi mắt thông minh của cháu đã dừng lại ở mọi nơi, trong suốt mọi bước đi ở trong Lăng và nhận được một ấn tượng mạnh mẽ trước hình hài đang nằm đó của

một người Việt Nam vĩ đại. Chúng tôi tiếp tục chuyến đi thăm và tất nhiên không thể thiếu việc đến thăm ngôi nhà giản dị mà Hồ Chí Minh đã từng sống.

Khi quay trở về cơ quan, một người bạn Việt Nam hỏi tôi: Thế nào, Bác Hồ hỏi gì anh? Câu hỏi vui và hết sức thân tình, bởi vì anh biết tôi đã viếng Lăng không biết bao nhiêu lần. Lúc đó tôi không trả lời được, nhưng sau khi đã có được cái cảm giác là mình đã gặp được một điều thực sự tuyệt diệu, thực sự khiêm nhường và giản dị, tôi nghĩ rằng Bác Hồ đã có hỏi đến tôi. Đúng là ở thời đại ngày nay người ta đang cần đến một thế giới tình yêu vô tư trong sáng, thế giới của niềm tin hoàn toàn, thế giới của tình hữu nghị và đoàn kết mà do vậy việc đến thăm Bác Hồ bao nhiêu lần cũng không phải là nhiều. Tôi đến thăm Lăng Bác và tất nhiên, trong tâm trí của tôi đã hiện lên bao nhiêu điều mà tôi đã được thấy ở đất nước Việt Nam vĩ đại này. Tôi nhớ, vâng tôi nhớ đến và nói ra mà không hề xấu hổ rằng lần đầu tiên tôi đến viếng Lăng, tôi chợt thấy nước mắt của mình đang trôi trên má. Đó là lần đầu tiên đối với tôi cũng như đối với Ta-ma-ra ngày hôm nay, chúng tôi đã gặp được nhiều điều hoàn toàn mới lạ. Tôi cũng lại nghĩ đến bao nhiêu điều khác, trong đó có lần tôi có dịp đưa cô con gái nhỏ nhất của gia đình đến thăm Lăng Bác, để nghe các đồng chí Việt Nam giảng giải cho nghe về Việt Nam và về Hồ Chí Minh... tôi nhớ đến cái ngày mà chúng tôi về thăm ngôi nhà trên quê hương Bác và được trồng một cây xanh trong vườn của Bảo tàng Kim Liên, tất nhiên tôi cũng nhớ đến các đồng chí đã đưa chúng tôi lên thăm mộ của bà cụ thân sinh ra Bác Hồ. Và tôi cũng không thể không nhớ đến tất cả những người Việt Nam ở khắp đất nước tươi đẹp này đã nhiều lần đóng góp vào các cuộc vận động đoàn kết với Cu-ba. Tôi đặc biệt nhớ đến trong ngày hôm nay những thanh thiếu niên đã vô tư quyên góp dụng cụ học tập để gửi cho các bạn học sinh Cu-ba. Tôi cũng nhớ đến một người thương binh, cách đây vài tuần đã đến thăm Đại sứ quán chúng tôi để góp vào cuộc vận động "Gạo cho nhân dân Cu-ba" một tháng phụ cấp của anh, bởi vì anh nhớ đến máu trong người mình đã có lần được tiếp bởi máu Cu-ba khi anh bị thương trong chiến tranh chống Mỹ. Thăm Lăng Bác ngày hôm nay với tôi có ý nghĩa như là để làm sống lại, để đừng bao giờ quên lãng những gì đã làm nên hạnh phúc của con người, của bất

cứ ai, khi được sống một cách mãnh liệt ở mỗi thời điểm của đời người. Đó là điều tôi cảm nhận được của lần đến thăm Lăng này, lần gặp lại gần đây nhất của tôi với Bác Hồ.

Vâng, tôi có cảm giác là Người đã hỏi. Tôi cũng cảm giác là Người vui với đàn con cháu đến với Người và hài lòng về việc Ta-ma-ra đã đến thăm căn nhà bất hủ của Người.

Xin cảm ơn Hồ Chí Minh, cảm ơn Người đã hỏi đến tôi. Cảm ơn Ta-ma-ra.

Vâng, bạn thân mến, Bác có hỏi đến tôi.

Bản sao lưu trữ

VAI TRÒ CỦA HỒ CHÍ MINH TRONG LỊCH SỬ TIẾN BỘ CỦA PHỤ NỮ

GIÓ-XƠ-PHIN STEN-XON

Nhà sử học, Trường Đại học Phơ-lo-ri-đa
At-lăng-tích (Mỹ)

Sự ngắn gọn của bài viết này phản ánh việc thiếu thời gian chuẩn bị và hoàn toàn không tương xứng với những đóng góp của Hồ Chí Minh đối với tiến bộ của phụ nữ trong lịch sử nhân loại. Mặc dù vậy có một lời phát biểu, dù là ngắn, về khía cạnh quan trọng đó của Hồ Chí Minh còn hơn là im lặng trong một dịp tốt lành như thế này.

Năm nay - năm 1990, chúng ta đang ở vào một thời điểm chưa từng có của những biến đổi xã hội. Đó là sản phẩm của 200 năm qua, những năm tháng đã sản sinh ra những lãnh tụ chính trị nổi tiếng trên thế giới nhiều hơn tất cả những giai đoạn khác trong lịch sử. Trong số những lãnh tụ thế giới như Tô-mát Giéc-phéc-son, Ma-hat-ma Găng-đi, Vla-đi-mia I-lich Lê-nin, Các Mác, Mao Trạch Đông, Mác-tin Lu-thơ Kinh, và Nen-xơn Man-đê-la, chỉ có Hồ Chí Minh đã luôn luôn bộc trực về quyền bình đẳng của phụ nữ, về giới dục, tự do ngôn luận độc lập về kinh tế và quyền của phụ nữ được hưởng các quyền lợi khác như của nam giới. Chỉ Hồ Chí Minh là thấy được rằng phụ nữ đã phải chịu đựng những gánh nặng như nam giới và còn hơn thế nữa.

Tất cả những lãnh tụ nói trên đều quan tâm sâu sắc đến công lý xã hội cho toàn thể xã hội. Vậy thì tại sao chỉ Hồ Chí Minh đã thẳng thắn nói về chủ đề phụ nữ. Để trả lời cho câu hỏi đó, tôi nghĩ rằng chúng ta phải nhìn lại những năm tháng đầu tiên của đời Hồ Chí Minh.

Không giống như các vị lãnh tụ khác của thế giới, người ta ít được biết về gia đình của Hồ Chí Minh. Điều này cho thấy sự chán thương của xã hội Việt Nam vào lúc đó và càng trở nên lý thú khi đặt trong bối cảnh của những gia đình truyền thống của Việt Nam, những gia đình không

chỉ có ông bà, bố mẹ, anh chị em ruột, cô chú, bác ruột mà cả những gia đình thông gia. Chúng ta biết rằng trong thời thơ ấu của Hồ Chí Minh đã có sự kiện nổi bật. Khi Người còn nhỏ, thân phụ của Người, ông Nguyễn Sinh Sắc đã rời nhà ra đi thuyết giảng về chủ nghĩa dân tộc và chữa bệnh cho mọi người.

Vì vậy thân mẫu Người đã phải một mình nuôi dạy ba đứa con ở một nước đang còn bị chiếm đóng. Nói một cách khác, Bà đã phải gánh vác toàn bộ gánh nặng.

Có hai nét nổi bật trong sự chiếm đóng của Pháp ở Việt Nam: sự đàn áp tàn bạo đối với những người chống đối và sự bóc lột dã man đối với phụ nữ Việt Nam, những người không được hưởng những quyền cơ bản của con người và bị chiếm đoạt phẩm cách của con người, do những sự cấm đoán thô bạo và những lễ thói có tính chất cổ hủ. Trong số những điều nói trên, người phụ nữ bị bác bỏ quyền được học chữ, quyền được quyết định số lượng con cái, quyền được ly dị một người chồng thô bạo, quyền được truy tố, thậm chí là chống lại kẻ hãm hiếp mình.

Mặc dù phải trải qua những vất vả và khó khăn, dường như là người mẹ của Hồ Chí Minh đã hỗ trợ cho sự hoạt động của chồng mình, là người yêu nước nồng nàn. Người con gái duy nhất của Bà đã bị kết án tù chung thân ở tuổi 14 do việc mua bán vũ khí. Như vậy, từ thuở thiếu thời của Hồ Chí Minh, hai người phụ nữ trong gia đình của Người đã là nạn nhân của những tai họa và cả hai tai họa đó đều là hậu quả của sự bất công xã hội đối với phụ nữ. Chắc chắn là những tai họa này có ảnh hưởng quan trọng và lâu dài đối với cuộc đời của Người khi trưởng thành. Hồ Chí Minh đứng trước sự bất công xã hội không ngừng tăng lên và bị làm sâu sắc thêm bởi sự đàn áp tàn bạo đối với những người dám thách thức giới cầm quyền.

Như tất cả chúng ta ở đây đều rõ, chính là từ việc biết đến câu châm ngôn của Cách mạng Pháp: *tự do, bình đẳng, bác ái* mà Hồ Chí Minh quyết định rời Việt Nam đi tìm hiểu những thực tế khác và nguồn gốc triết học của câu châm ngôn đó.

Tháng 6 năm 1911, Hồ Chí Minh xung phong vào làm thủy thủ trên một con tàu đi biển La-tu-sơ Tơ-rê-vin. Người làm nhiệm vụ của một người phục vụ trên tàu. Chính trên con tàu này, Người đã gặp một

hình thức nô dịch khác đối với phụ nữ. Người đã gặp những người tôi tớ là những người vợ, những người con gái và chị em gái, những người mẹ và các bà. Những người đó bị giới hạn trong những vai trò nhỏ mọn trong xã hội mà nội dung chủ yếu của vai trò đó là làm đối tượng cho những ham muốn tình dục. Đối với những người phụ nữ này, tất cả các hoạt động khác của họ cũng chỉ là thuộc về một loạt là làm các trò tiêu khiển. Sự lười nhác được áp đặt lên họ đã cầm tù họ trong suốt cuộc đời của mình.

Chúng ta không có bằng chứng nào về quan hệ bạn bè của Người với phụ nữ trong giai đoạn này, khác với những điều kiện chúng ta biết về quan hệ bè bạn của Ben-gia-min Phơ-răng-cơ-lin khi ông ta gặp những người phụ nữ Pháp... Nhưng chúng ta biết rằng vào thời kỳ này, Hồ Chí Minh một thanh niên trẻ, đẹp trai, cao và tóc sẫm màu với vẻ hấp dẫn và uy tín đang tăng lên là những dấu hiệu bên ngoài báo trước Người sản xuất là thiên tài vĩ đại. Về mặt thể chất và tinh thần, Người hoàn toàn đối lập với các nhà kinh doanh Pháp bụng phệ đầu hói, chơi bời phóng dăng và đám con gái vênh vang tự cao tự đại, chỉ chạy theo mốt của họ.

Mỗi khi tàu dừng lại ở các cảng nước ngoài, như Cô-lôm-bô và nhiều cảng khác, Hồ Chí Minh nhận thấy có một kiểu chà đạp nhân cách phụ nữ khác nhau, thông qua trao đổi buôn bán gái điếm rất thịnh hành. Ở mỗi cảng, việc trao đổi buôn bán này diễn ra ở góc độ khác nhau. Khi trở về Mác-xây, một thành phố ở đất nước mà Người muốn đến, Hồ Chí Minh có lẽ đã ngạc nhiên khi nhận thấy tình cảnh của phụ nữ ở mọi lứa tuổi, thuộc mọi chủng tộc và quốc tịch đều rõ ràng tồi tệ hơn ở các cảng mà Người đã tới. Mác-xây cũng là cảng giàu nhất và nhộn nhịp nhất trong tất cả các cảng đó.

Chẳng bao lâu sau đó, Hồ Chí Minh lại gặp một con tàu khác nhằm hướng tới thành phố Niu Yoóc (New York); một cảng lớn hơn nữa. Chắc chắn đó là một điều kinh ngạc khi đi ngang qua tượng Nữ thần Tự do và phần hồn gây đầy ấn tượng là những toà nhà chọc trời và giao thông đi lại hối hả đủ kiểu diễn tả một cách kiêu hãnh sự đắc thắng của thế giới tư bản công nghiệp.

Nhưng, vùng bến cảng này cũng lại đầy rẫy những nhà chứa và lũ cò mồi ma cô. Xa hơn nữa là vô số những xí nghiệp bóc lột công nhân

tàn tệ, trong đó nhiều xí nghiệp chỉ thuê toàn phụ nữ. Chỉ 4 năm trước đó, vụ cháy ở nhà máy Triangle đã làm cả thế giới sửng sốt vì hàng chục công nhân nữ bị chết do họ bị khoá nhốt ở trong không có lối ra. Vào khoảng thời gian Hồ Chí Minh đến Niu Yoóc, khu Brúc-lin và các vùng lân cận phía đông của thành phố đang tràn ngập những gia đình dân nhập cư châu Âu, nhiều gia đình trong số đó có trên một chục trẻ em, tất cả đều sinh ra trong nghèo khổ và đó là hình mẫu đáng buồn về sự tàn bạo của con người đối với con người, cũng như đối với phụ nữ.

Chẳng bao lâu, Luân Đôn lại vẫy gọi Hồ Chí Minh, một khi đã tới đó, Người lại trở thành một sinh viên say sưa nghiên cứu văn hóa và ngôn ngữ. Theo học Vua đầu bếp E-xcô-phi-ê¹ ở Luân Đôn, Hồ Chí Minh biết được nhiều bí mật của những người thuộc tầng lớp con ông cháu cha quý tộc nhất trong xã hội, thị hiếu cũng như quan điểm của họ nói chung.

Vào năm 1919, Hồ Chí Minh đã rất kiên quyết trong các phát biểu về quyền bình đẳng của phụ nữ. Nhưng cho đến lúc đó và sau đó, chưa có một phụ nữ nào đã bước vào cuộc đời Người, như là một người bạn riêng tư, bạn gái tâm tình hoặc người vợ. Thay vào đó, cùng với mối quan tâm của Người và công bằng xã hội, và đặc biệt là về các quyền của phụ nữ càng sâu sắc hơn, thì Hồ Chí Minh cũng tránh xa các quan hệ riêng tư và những người trong gia đình. Người ôm ấp một gia đình rộng lớn là dân tộc Việt Nam, nhân dân Việt Nam, nam giới, phụ nữ và Người coi trẻ em ở khắp mọi nơi như con em của chính mình, coi phụ nữ ở khắp mọi nơi như em gái, chị gái của chính mình, những người đang phải chịu đựng những ách nặng nề.

Ngày nay, bài học về cuộc đời và tư tưởng của Hồ Chí Minh có rất nhiều và sáng rõ. Như Hồ Chí Minh thường chỉ ra, quan điểm của Người về công bằng xã hội cho phụ nữ được đặt trong một bối cảnh rộng lớn hơn là công bằng xã hội cho tất cả mọi người. Nhưng chính nam giới lại là những người miễn cưỡng nhất trong việc chuyển giao cho phụ nữ quyền bình đẳng mà họ đòi hỏi ở những người khác. Tại sao lại như vậy? Họ sợ gì vậy? Họ sợ rằng phụ nữ chúng tôi sẽ làm gì với quyền tự do của chúng tôi chẳng? Chắc chắn là chúng tôi không

1. E-xcô-phi-ê là người Pháp nổi danh với tên gọi "Vua đầu bếp" ở Luân Đôn bấy giờ (BT).

thể làm điều gì tồi tệ hơn họ, như những nam giới trên khắp thế giới sẵn sàng thừa nhận.

Để kết luận tôi tin rằng tại lễ kỷ niệm 100 năm ngày sinh Hồ Chí Minh đầy xúc động này, chúng ta phải làm nhiều hơn, chứ không phải chỉ viết và đọc tài liệu về Hồ Chí Minh. Với tư cách là các học trò của Người, chúng ta cần phải quyết tâm đẩy nhanh quá trình biến đổi để đạt được công bằng xã hội rộng lớn hơn cho phụ nữ và vì thế đồng thời cho cả nam giới. Chúng ta phải tuyên truyền rộng rãi những lời dạy bảo của Người và khuyến khích hàng triệu người nữa đọc những lời dạy của Người, nghiên cứu cuộc đời của Người và đóng góp vào sự nghiệp công bằng bình đẳng cho toàn nhân loại.

Bản sao lưu trữ

HỒ CHÍ MINH Ở TRUNG QUỐC

(Trích)

HOÀNG TRANH

(Trung Quốc)

1. Từ Mát-xơ-va đến Quảng Châu

Cuối năm 1924, Hồ Chí Minh rời Mát-xơ-va đến Quảng Châu.

Hồ Chí Minh đến Quảng Châu lúc cách mạng Trung Quốc xuất hiện tình thế mới đáng mừng như vậy, nên về sau, Hồ Chí Minh nói, hồi đó, Người đến Quảng Châu, "vừa tham gia công việc do Đảng Cộng sản Trung Quốc giao phó, vừa theo dõi phong trào cách mạng trong nước ta".

Khi ở Quảng Châu, địa vị công khai của Hồ Chí Minh là nhân viên phiên dịch của Bô-rô-đin, cố vấn Liên Xô. Lúc đó, Hồ Chí Minh tự lấy cho mình cái tên Trung Quốc là Lý Thụy. Có một số trường hợp, Hồ Chí Minh cũng dùng những tên Vương Sơn Nhi (đem chữ "Thụy" tách ra làm ba chữ), Vương Đạt Nhân, Vương Tiên Sinh...

2. Người bạn nhất trong dinh cố vấn Liên Xô

Nơi Bô-rô-đin, cố vấn Liên Xô của Tôn Trung Sơn ở khi đó được gọi là "Biệt thự họ Bào". Đó là một toà nhà lầu 2 tầng, có vườn hoa, nằm ở gần Đông giáo trường (sân luyện võ phía đông) thành phố Quảng Châu. Trên gác là phòng ngủ của gia đình Bô-rô-đin. Dưới nhà có phòng làm việc của những người làm phiên dịch cho Bô-rô-đin. Ở đấy, có tất cả mười mấy người làm phiên dịch. Nhiệm vụ của họ là dịch những tin tức hàng ngày, chỉnh lý xong đem Bô-rô-đin tham khảo. Hồ Chí Minh chính là làm những công việc đó.

Mùa xuân năm 1925, Đảng Cộng sản Trung Quốc phái Trương Thái Lôi xuống Quảng Châu làm trợ tá cho Bô-rô-đin. Nhờ vậy mà Hồ Chí Minh và Trương Thái Lôi, hai đảng viên cộng sản thân thiết quen nhau từ thuở còn ở Mát-xơ-va, giờ đây lại tụ tập với nhau.

Tầng dưới biệt thự, ngoài phòng phiên dịch và phòng ngủ của hai vợ chồng Trương Thái Lôi ra, dọc theo hành lang, còn có một dãy phòng nữa. Trong đó, có một buồng ngủ của Hồ Chí Minh. Vì thế, Hồ Chí Minh và Trương Thái Lôi thường có nhiều dịp gặp gỡ nhau.

Đồng chí Vương Nhất Trí đã kể lại với tác giả tình hình chung sống với Hồ Chí Minh ở trong Biệt thự họ Bào:

"Hồi đó, Hồ Chí Minh cùng chúng tôi đều ở tầng dưới Biệt thự họ Bào. Lúc đó, Hồ Chí Minh độ 30 tuổi, mặt gầy và dài, mắt sáng, nói tiếng phổ thông đặc giọng Quảng Đông. Hồ Chí Minh đã để lại cho chúng tôi cái ấn tượng là: Quan sát nhanh nhẹn, tính tình ham học, thái độ đối với mọi người hoà nhã, thẳng thắn, thành thật. Hồ Chí Minh thường nói với chúng tôi: Đảng viên cộng sản đối với đồng chí, đối với nhân dân, cần phải chân thành. Đó là điều cơ bản nhất mà người đảng viên cộng sản phải làm. Hồ Chí Minh với Trương Thái Lôi lúc còn ở Liên Xô đã có cảm tình, bây giờ lại cùng nhau công tác, sinh sống, nên lại càng thân mật. Còn nhớ có một lần, tôi với Trương Thái Lôi tranh cãi nhau vì một chuyện nhỏ nhặt, làm ồn cả lên. Hồ Chí Minh nghe thấy, bước đến, mỉm cười dùng tiếng Nga hỏi chúng tôi: "Hai anh có phải là đảng viên cộng sản hay không?". Tôi và Trương Thái Lôi lập tức biết đó là Hồ Chí Minh phê bình chúng tôi. Vì nếu là người đảng viên cộng sản thì nên tôn trọng lẫn nhau, thành thật với nhau, không nên vì chuyện vặt mà tranh cãi. Hai đứa chúng tôi đều đỏ mặt. Việc này đã để lại cho tôi một ấn tượng sâu sắc".

"Đạo đó, sau giờ làm việc, Hồ Chí Minh thường ở trong nhà dùng súng lục hoặc súng trường tập ngắm bắn. Trương Thái Lôi có khi cũng cùng tập với Hồ Chí Minh. Tối đến, Hồ Chí Minh xem sách hoặc viết lách, thường đến khuya mới nghỉ. Dù vậy, ngày hôm sau, Hồ Chí Minh vẫn dậy rất sớm, tinh thần vẫn khoẻ khoắn như thường, dường như chẳng biết mệt mỏi là gì. Chúng tôi chung sống với Hồ Chí Minh rất tốt. Hồ Chí Minh có rỗi cũng thường tìm đến phòng chúng tôi trò chuyện. Chúng tôi cũng hay đến buồng Hồ Chí Minh chơi. Hồi đó, chúng tôi đã biết Hồ Chí Minh là người cách mạng Việt Nam, đảng viên cộng sản, nhưng chúng tôi vẫn gọi Người là đồng chí Lý Thụy một cách thân thiết".

Về tình hình Hồ Chí Minh khi ở Biệt thự họ Bào, A-chi-mô-va, nhân viên phiên dịch trong đoàn cố vấn Liên Xô do Bô-rô-đin dẫn đầu hồi đó đã kể lại trong hồi ký của mình:

"Ở Biệt thự họ Bào, tôi còn hân hạnh được quen biết một nhân vật ưu tú cư trú ở Quảng Châu. Người đó là người Việt Nam họ Lý. Chúng tôi gọi anh là Lý An Nam (hồi đó, thuộc địa của Pháp ở Đông Dương gọi là An Nam). Anh ta độ 36 tuổi, vẻ người không khỏe lắm, dường như có bệnh phổi.

Cho đến nay, tôi vẫn còn nhớ: Anh ta vóc người mảnh khảnh, mặc bộ đồ tây hơi rộng, cặp mắt có vẻ đăm chiêu đượm nét ưu sầu, dường như một người hết sức mệt mỏi hay đang có bệnh nặng, bước đi nặng nề. Anh ta nói tiếng Pháp, tiếng Anh và tiếng Quảng Đông rất giỏi, lại còn biết nói cả tiếng Nga nữa. Tôi tỏ ý muốn học tiếng An Nam với anh ta. Anh ta vui vẻ đồng ý ngay. Anh ta đối với chúng tôi rất tử tế, nhưng còn hơi dè dặt, quá cẩn thận. Đối với những sự việc mình làm lúc đó và trước kia, anh ta giữ kín miệng, tuyệt đối không nhắc đến. Chúng tôi chỉ biết là anh ta đang bị đế quốc Pháp lũng bắt, treo giải giá thưởng rất cao. Chính phủ Quốc dân đảng cho phép anh ta đến Quảng Châu lánh nạn chính trị. Ngoài ra, chúng tôi chả biết gì thêm. Trong Biệt thự họ Bào, anh ta là người của ta.

Sau đó một thời gian khá lâu, tôi mới nghe bà Bô-rô-đin-na nói anh Lý An Nam của chúng ta không phải người xa lạ, mà chính là Nguyễn Ái Quốc".

Trong Biệt thự họ Bào, Hồ Chí Minh rất bận. Ngoài việc phải hoàn thành công việc ở phòng phiên dịch ra, Hồ Chí Minh thường hay vùi đầu dùng máy đánh chữ mà viết lách. Người căn cứ theo sự hiểu biết và nhận xét của mình đối với Trung Quốc, đối với tình hình thế giới và phong trào Cộng sản quốc tế mà viết bài gửi đi Mát-xcơ-va, lấy tên Nguyễn Ái Quốc phát biểu trên "Thư tín Quốc tế", cơ quan ngôn luận của Quốc tế Cộng sản. Hồ Chí Minh trở thành một người bận nhất trong Biệt thự họ Bào.

Trước khi Hồ Chí Minh đến Quảng Châu không lâu, tức tháng 9 năm 1924, ở miền Bắc Trung Quốc, nổ ra cuộc chiến tranh giữa hai phe Trực Lệ và Phục Thiên lần thứ hai, tức cuộc chiến tranh giữa tập đoàn quân phiệt tỉnh Hà Bắc do Ngô Bội Phu cầm đầu và tập đoàn quân phiệt tỉnh Liêu Ninh do Trương Tác Lâm cầm đầu. Thông qua quan sát cuộc chiến tranh này, Hồ Chí Minh thấy rõ dã tâm của các nước đế quốc đang tăng cường xâm lược và kiểm soát Trung Quốc, bèn viết bài "Những vấn đề châu Á" phát biểu trên tạp chí "Thư tín Quốc tế" số 19 xuất bản đầu

năm 1925. Trong bài này, Hồ Chí Minh đã kích bợn đế quốc âm mưu mở rộng xâm lược Trung Quốc, ca ngợi lập trường bảo vệ chủ quyền nước nhà của lực lượng cách mạng Trung Quốc do Tôn Trung Sơn lãnh đạo. Bài văn viết:

"Những sự biến ở Trung Quốc ngày càng đáng cho ta chú ý đến nhiều hơn, nếu ta coi đó là những sự biến gắn liền với toàn cục, tức tình hình chung ở châu Á.

Cuộc nội chiến nhen lên ở Trung Quốc thực ra chỉ là một cuộc đọ gươm giữa các đế quốc Pháp - Nhật và Anh - Mỹ.

Ngô Bội Phu, người của đế quốc Anh - Mỹ thua. Trương Tác Lâm, người của đế quốc Pháp - Nhật được; nhưng được cuộc thì lại chẳng phải là Nhật, mà cũng chẳng phải là Pháp. Số là may thay có một lực lượng thứ ba không làm tôi tớ cho tập đoàn đế quốc nào cả. Ý tôi muốn nói đảng cách mạng của Tôn Dật Tiên.

Tướng tá Trung Quốc vừa mới hạ vũ khí - trong bao lâu? - thì Pháp đã đòi những khoản còn thiếu trong số tiền gọi là bồi thường về phong trào Nghĩa hoà đoàn; Nhật đòi nhượng cho mình những căn cứ điện báo; Mỹ đòi phải áp dụng một kế hoạch na ná như kế hoạch Đa-uy-xơ; Anh đòi kiểm soát đường sắt ở Trung Quốc. Đáp lại những yêu sách đó, Tôn Dật Tiên và đảng Quốc dân cách mạng của mình, tức Quốc dân đảng, bảo rằng: Hãy khoan! Chúng tôi, chúng tôi đòi phải huỷ bỏ những hiệp ước bất công, xoá bỏ những nhượng bộ nhục nhã; tóm lại, Trung Quốc phải là của người Trung Quốc và người Trung Quốc phải được tự do giải quyết công việc của mình theo ý mình muốn. Còn sau sẽ hay.

Vì vậy, ở Trung Quốc, Tôn Dật Tiên là một trong những nhà chính trị mà bợn đế quốc ghét nhất và gờm nhất. Nhưng Ca-ra-khan (L.M.Karakhane), đại sứ Liên Xô ở Bắc Kinh, cũng bị họ thù ghét chẳng kém gì".

Tháng 2 năm 1924, Đảng Bảo thủ Anh lại lên cầm quyền, thi hành chính sách càng trắng trợn, càng phản động hơn nữa. Ít lâu sau, Hồ Chí Minh từ Quảng Châu viết bài "Lối cai trị của người Anh" tiến hành đã kích phê phán. Bài báo này đăng trên tạp chí "Thư tín Quốc tế" số 33, xuất bản ngày 8 tháng 4 năm 1925. Bài báo vạch trần những hành động cướp đoạt và kiểm soát hơn nữa của đế quốc Anh đối với Trung Quốc. Bài báo ấy viết rằng:

"Phái Bảo thủ trở lại nắm chính quyền, việc đó đã làm cho chủ nghĩa đế quốc Anh thêm sức mạnh. Chủ nghĩa đế quốc Anh muốn thi hành ở Trung Quốc một chính sách tích cực và "mạnh mẽ". Để bắt đầu, người ta đã đề nghị với hội nghị Luân Đôn ngày 24 tháng 2 vừa rồi rằng những đường sắt ở Trung Quốc phải do các lực lượng quân sự Mỹ, Nhật, Bỉ, Pháp và Anh kiểm soát và giám sát. Nước Anh bỏ nhiều vốn nhất vào những đường sắt ấy sẽ đóng một vai trò quyết định trong việc kiểm soát và chiếm đóng những hệ thống đường sắt đó".

Ngày 21 tháng giêng năm 1925, nhân dịp kỷ niệm lần thứ hai ngày từ trần của Lê-nin, người thầy cách mạng vĩ đại, Hồ Chí Minh từ Quảng Châu viết bài kỷ niệm Lê-nin với nhan đề "Lê-nin và phương Đông" đăng trên báo "Tiếng còi" ở Liên Xô. Bài báo ca ngợi "Lê-nin đã mở ra một thời đại mới thật sự cách mạng trong các nước thuộc địa", tán dương "Lê-nin là người đầu tiên đã kiên quyết lên án mọi thành kiến đối với nhân dân các nước thuộc địa đã ăn sâu trong xương tuỷ của nhiều công nhân châu Âu và châu Mỹ", và là "người đầu tiên đã hiểu và nhấn mạnh tất cả tầm quan trọng của việc giải quyết đúng đắn vấn đề thuộc địa đối mới cách mạng thế giới".

Tuy vậy, công việc phiên dịch và viết lách chỉ là một phần trong những hoạt động cách mạng của Hồ Chí Minh ở Quảng Châu. Thực ra, Người còn dành rất nhiều thì giờ và tinh thần vào việc liên lạc với những người cách mạng Việt Nam ở Quảng Châu để tuyên truyền và tổ chức xây dựng Đảng Cộng sản, tổ chức tiên tiến của giai cấp công nhân Việt Nam.

3. Chuẩn bị cho việc xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam

Trước khi Hồ Chí Minh đến Quảng Châu, đã có một số chí sĩ cách mạng Việt Nam hoạt động ở đây.

Năm 1912, do chịu ảnh hưởng của cuộc Cách mạng Tân Hợi Trung Quốc, Phan Bội Châu và một số sĩ phu yêu nước Việt Nam khác ở Quảng Châu thành lập Việt Nam Quang phục hội. Tôn chỉ của hội là "đánh đuổi giặc Pháp, giành lại nước Việt Nam, thành lập nước Cộng hoà dân quốc Việt Nam". Nhưng do xa rời quần chúng, lực lượng yếu ớt, mấy lần phái người về nước tổ chức vũ trang khởi nghĩa đều thất bại, nên dần dần tan rã.

Chính trong lúc này, có tin Tôn Trung Sơn cải tổ Quốc dân đảng, thi hành ba chính sách lớn. Việc này đã cổ vũ Phan Bội Châu rất nhiều. Phan Bội Châu nhận thấy: "Phong trào hiện nay dần dần khuynh hướng về cách mạng thế giới", bèn quyết tâm theo kịp phong trào thời đại. Năm 1924, Phan Bội Châu triệu tập các nhà chí sĩ yêu nước Việt Nam vốn là thành viên cũ của Việt Nam Quang phục hội họp, quyết định giải tán Việt Nam Quang phục hội, thành lập Việt Nam Quốc dân đảng. Họ noi theo Quốc dân đảng Trung Quốc, đặt ra chương trình điều lệ Việt Nam Quốc dân đảng.

Trước ngày Việt Nam Quốc dân đảng thành lập, ở Quảng Châu còn có một đoàn thể tiến bộ của người Việt Nam gọi là "Tâm Tâm Xã". Tâm Tâm Xã ra đời trong lúc Việt Nam Quang phục hội đang ngày một tan rã, lớp sĩ phu yêu nước tham gia Quang phục hội, hoặc chết, hoặc bị bắt, hoặc chán nản xa rời trường chiến đấu. Tâm Tâm Xã thành lập năm 1923, thành viên gồm có Hồ Tùng Mậu, Phạm Hồng Thái, Lê Hồng Phong, Vũ Hồng Anh (Lê Hồng Sơn), Trương Văn Lĩnh... Tất cả đều là những người thanh niên yêu nước. Địa điểm liên lạc đặt tại nhà số 22 phố Đức Nhân, đường Đức Chính, Quảng Châu.

Trước ngày Tâm Tâm Xã thành lập, nhà bà Chu ở nhà số 10 phố Nhân Hậu, Hoàng Sa, Tây Quan, Quảng Châu đã từng là nơi cư ngụ tạm thời của nhóm thanh niên yêu nước Việt Nam này. Chủ nhà là bà Chu, người "hoà nhã, hiền từ", "đồng tình cách mạng Việt Nam, ăn ở với thanh niên Việt Nam như người nhà", rất được thanh niên Việt Nam kính mến.

Tâm Tâm Xã tuy là một tổ chức tiến bộ, nhưng chưa có chủ trương cương lĩnh rõ ràng. Thành viên của Tâm Tâm Xã coi thủ đoạn khủng bố, ám sát là một hình thức chính để chống Pháp cứu nước. Tháng 6 năm 1924, Tâm Tâm Xã phái Phạm Hồng Thái đến Sa Diện Quảng Châu ám sát Méc-lanh (Merlin), Toàn quyền Pháp ở Đông Dương, kết quả bị thất bại. Phạm Hồng Thái hy sinh oanh liệt.

Sau khi đến Quảng Châu, Hồ Chí Minh khảo sát hai đoàn thể Việt Nam trên.

Trước tiên, Hồ Chí Minh phân tích Quốc dân đảng Việt Nam do Phan Bội Châu lãnh đạo vừa cải tổ từ Việt Nam Quang phục hội, nhận thấy những vấn đề tồn tại của tổ chức này. Ngày 8 tháng 12 năm 1924,

trong một bản báo cáo viết cho Quốc tế Cộng sản, Hồ Chí Minh đã vạch ra: "Mục đích duy nhất của tổ chức của Phan Bội Châu là giành lại đất nước bị quân Pháp xâm lược. Họ chưa có đường lối chủ trương đúng đắn, lại rất ít chú ý đến quần chúng. Vì thế, không thể hình thành được lực lượng lãnh đạo mạnh mẽ". Tiếp đó, Hồ Chí Minh nhiều lần chủ động cùng Phan Bội Châu bàn bạc các vấn đề cách mạng Việt Nam, đề nghị Phan Bội Châu sửa đổi chương trình điều lệ Việt Nam Quốc dân đảng để cho nó trở thành khối liên minh cách mạng của các giai cấp Việt Nam. Phan Bội Châu cho rằng ý kiến của Hồ Chí Minh có lý, nên vui lòng tiếp thu đề nghị đó; đồng thời chuẩn bị tháng 5 năm 1925 sẽ triệu tập hội nghị để thảo luận vấn đề sửa đổi chương trình điều lệ Việt Nam Quốc dân đảng. Không may, ngày 11 tháng 5 năm 1925, trên đường từ Hàng Châu đi Thượng Hải, chuẩn bị trở về Quảng Châu, Phan Bội Châu bị thực dân Pháp lừa bắt, liền theo đó, bị áp giải về Việt Nam, việc cải tổ Việt Nam Quốc dân đảng chưa thực hiện được.

Sau khi Phan Bội Châu bị bắt, Hồ Chí Minh tập trung sự chú ý của mình vào việc cải tổ chức Tâm Tâm Xã. Thành viên của Tâm Tâm Xã đều là những thanh niên yêu nước tiến bộ tích cực. Hồ Chí Minh thấy ở họ tương lai của Việt Nam. Người nhiều lần nhiệt tình, thành khẩn trao đổi tâm sự với thành viên Tâm Tâm Xã, tuyên truyền lý luận của chủ nghĩa Mác - Lê-nin về phong trào giải phóng dân tộc, kiên nhẫn thuyết phục, giáo dục, giúp đỡ họ tổng kết kinh nghiệm đấu tranh và qua đó, được thành viên Tâm Tâm Xã rất tin cậy.

Tháng 6 năm 1925, Hồ Chí Minh chính thức cải tổ Tâm Tâm Xã thành Việt Nam Thanh niên Cách mạng đồng chí hội. Việt Nam Thanh niên Cách mạng đồng chí hội là một tổ chức cách mạng Việt Nam đầu tiên lấy lý luận mác-xít - lê-nin-nít làm chỉ đạo, là tiền thân của Đảng Cộng sản Việt Nam. Nhóm lãnh đạo của Việt Nam Thanh niên Cách mạng đồng chí hội, ngoài Hồ Chí Minh ra, còn có những cán bộ cốt cán ưu tú của Tâm Tâm Xã như Hồ Tùng Mậu, Lê Hồng Phong...

Trụ sở Việt Nam Thanh niên Cách mạng đồng chí hội đặt tại nhà số 13 và 13B (nay là nhà số 248 và 250) đường Văn Minh - Quảng Châu, đối diện với trường Đại học Quảng Đông (sau năm 1926, đổi tên thành trường Đại học Trung Sơn, nay là Viện Bảo tàng Quảng Đông và nhà kỷ niệm Lỗ Tấn). Gần đó là cơ quan khu ủy Quảng Đông của Đảng Cộng

sản Trung Quốc, cách Lớp huấn luyện cán bộ Nông vận (Lớp đào tạo cán bộ phong trào nông dân) cũng không xa. Trụ sở Việt Nam Thanh niên Cách mạng đồng chí hội là hai toà nhà ba tầng liền nhau (hồi đó số nhà là 13 với 13B). Tầng dưới là nhà ở của trường dân, tầng trên là phòng làm việc của Việt Nam Thanh niên Cách mạng đồng chí hội. Hai toà nhà lầu cạnh nhau, kiểu cách kiến trúc giống nhau, diện tích hình chữ nhật, dài độ 12 mét, rộng 4 mét, chia ra thành hai gian phòng nhỏ. Phòng trong hẹp hơn phòng ngoài một tí. Góc ba không có trần, từ sàn nhà đến nóc, nơi thấp nhất độ 3 mét rưỡi. Phần sau nhà số 13 có một nhà bếp nhỏ, rất đẹp. Đó là nơi nấu ăn của nhân viên trụ sở. Từ năm 1925 đến đầu năm 1927, trụ sở Việt Nam Thanh niên Cách mạng đồng chí hội trở thành cơ quan chỉ huy cơ sở hải ngoại cách mạng Việt Nam.

Việt Nam Thanh niên Cách mạng đồng chí hội có cơ quan ngôn luận của mình. Đó là tuần báo "Thanh niên". Tuần báo "Thanh niên" viết bằng chữ quốc ngữ (in rô-nê-ô). Từ quý III năm 1925 đến mùa xuân năm 1927, tổng cộng ra được 88 số. Dưới sự chỉ đạo cụ thể của Hồ Chí Minh, tuần báo "Thanh niên" có những đặc điểm là nội dung phong phú, tính hiện thực mạnh, ý nghĩa sâu xa nhưng lời văn dễ hiểu. Dựa vào sự giúp đỡ của Công đoàn thuỷ thủ do Đảng Cộng sản Trung Quốc lãnh đạo, tuần báo này phần lớn được bí mật đưa về Việt Nam, có tác dụng khá to trong việc truyền bá chủ nghĩa Mác - Lê-nin và động viên nhân dân Việt Nam tiến hành đấu tranh chống Pháp.

Từ tháng 7 năm 1925 đến mùa xuân năm 1927, để đào tạo cán bộ cách mạng cốt cán, Hồ Chí Minh đích thân chủ trì lớp huấn luyện chính trị đặc biệt. Lớp huấn luyện mở tất cả 3 khoá. Mỗi khoá thời gian học tập độ 3 tháng. Khoá đầu có 10 học viên. Địa điểm lớp học hai khoá đầu ở trụ sở Việt Nam Thanh niên Cách mạng đồng chí hội. Khoá thứ ba dời đến phố Nhân Hưng gần đại lộ Đông Cao.

Hồ Chí Minh hết sức coi trọng công tác Lớp huấn luyện chính trị. Người cho rằng, việc giáo dục cán bộ về tư tưởng và đạo đức là một trong những yêu cầu hàng đầu của tổ chức tiên tiến của giai cấp công nhân. Vì thế, Hồ Chí Minh hết sức chú ý đem truyền thống đấu tranh bất khuất của dân tộc Việt Nam kết hợp với tư tưởng cách mạng triệt để của giai cấp công nhân để giáo dục học viên các khóa lớp huấn luyện. Người lấy "Tư cách của người cách mạng" làm bài học đầu tiên cho Lớp huấn

luyện. Hồ Chí Minh giới thiệu quan niệm đạo đức cho học viên như thế này: Người cách mạng tự mình phải cần kiệm, chí công vô tư, quả quyết sửa lỗi mình, không hiếu danh vụ lợi, không cậy mình là công thần, nói thì phải làm, phải giữ chủ nghĩa cho vững, giàu lòng hy sinh, ít lòng ham muốn về vật chất, v.v... Hồ Chí Minh cho rằng, chỉ có đủ những phẩm chất như vậy, mới đáng gọi là người cách mạng chân chính.

Để cho Lớp huấn luyện chính trị đặc biệt đạt hiệu quả cao, khiến cho học viên thật sự nắm được bản lĩnh cách mạng. Hồ Chí Minh rất coi trọng việc biên soạn và chuẩn bị bài giảng. Người tập hợp các bài giảng của mình lại, đặt tên là "Đường cách mệnh", làm giáo tài cơ bản cho các khóa giảng. Quyển giáo tài đó do Hồ Chí Minh biên soạn bằng chữ quốc ngữ, đầu năm 1927, được Bộ Tuyên truyền của "Hội liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông" xếp chữ in thành sách. Ngoài bìa có mấy chữ Quốc ngữ "Đường cách mệnh" to lớn. Dưới tên sách có lời của Lê-nin: "Không có lý luận cách mạng, thì không có phong trào cách mạng".

Quyển "Đường cách mệnh" do Hồ Chí Minh biên soạn dùng để giảng dạy trong lớp huấn luyện, lấy chủ nghĩa Mác - Lê-nin làm chỉ đạo, kết hợp nội dung tư tưởng sâu sắc với ngôn ngữ giản dị để quần chúng dễ hiểu, giải thích một số vấn đề hết sức quan trọng trong cuộc cách mạng vô sản. Thí dụ, khi nói về tác dụng chỉ đạo của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và sự lãnh đạo của Đảng, Hồ Chí Minh viết rằng: "Trước hết, phải có đảng cách mạng, để trong thì động viên và tổ chức nhân dân, ngoài thì liên lạc với các dân tộc bị áp bức và giai cấp vô sản các nước. Đảng có vững, cách mạng mới thành công, cũng như người cầm lái có vững, thuyền mới chạy. Đảng muốn vững phải có chủ nghĩa Mác - Lê-nin làm cốt. Trong Đảng ai cũng phải hiểu, ai cũng phải theo chủ nghĩa ấy. Đảng mà không có chủ nghĩa cũng như người không có trí khôn, tàu không có kim chỉ nam". "Bây giờ, học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mạng nhất, là chủ nghĩa Lê-nin".

"Đường cách mệnh" là một trước tác mác-xít - lê-nin-nít đầu tiên của Việt Nam. Nó giải thích rõ ràng những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác, nên trở thành kim chỉ nam cho cách mạng Việt Nam.

Hồ Chí Minh thành lập Việt Nam Thanh niên Cách mạng đồng chí hội và mở Lớp huấn luyện chính trị đặc biệt ở Quảng Châu được sự ủng

hộ và giúp đỡ của tổ chức Đảng Cộng sản Trung Quốc ở Quảng Đông. Nhận lời mời của Hồ Chí Minh, Chu Ân Lai, Trương Thái Lôi, Trần Diên Niên, Lý Phú Xuân, Bành Bái cùng một số đồng chí trong Ban lãnh đạo cuộc Tổng bãi công Hương Cảng - Quảng Châu đều đã từng đến Lớp huấn luyện chính trị đặc biệt giảng bài. Hồi đó, Nông hội tỉnh Quảng Đông đặt tại đại lộ Đông Cao thường tổ chức các buổi báo cáo, một số đồng chí lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc, như Chu Ân Lai, Trần Diên Niên, Vạn Đại Anh, Tiêu Sở Nữ, và cả Bô-rô-đin, cố vấn Liên Xô được mời đến giảng chuyên đề. Trong những buổi giảng đó, học viên Việt Nam trong Lớp huấn luyện cũng được tham dự. Khoá thứ ba của Lớp huấn luyện, học viên đông nhất. Trụ sở Tổng bộ Việt Nam Thanh niên Cách mạng đồng chí hội quá hẹp, về vấn đề ăn uống có nhiều khó khăn, nên học viên Việt Nam sang Lớp đào tạo cán bộ Nông vận ở gần đây ăn trọ, trường sở để học viên hoạt động và mọi phí tổn do cơ quan Khu ủy Quảng Đông và các đoàn thể cách mạng thuộc cơ quan ấy lãnh đạo giúp giải quyết. Các đồng chí Chu Ân Lai, Lý Phú Xuân, Trần Diên Niên... đều là bạn cũ của Hồ Chí Minh đã quen biết nhau khi còn ở Pháp. Bây giờ lại cùng nhau làm cách mạng ở Quảng Châu, tình cảm càng thêm nồng nàn. Đồng chí Chu Ân Lai khi đó là ủy viên thường vụ Khu ủy Quảng Đông kiêm chủ nhiệm Bộ Chính trị Trường sĩ quan Hoàng Phố. Hồ Chí Minh đã lợi dụng điều kiện này, song song với việc mở lớp huấn luyện chính trị đặc biệt, đã tuyển chọn một số thanh niên ưu tú đưa vào Trường sĩ quan Hoàng Phố học tập quân sự, chính trị dưới sự lãnh đạo trực tiếp của đồng chí Chu Ân Lai. Lê Hồng Phong, Lê Quảng Đạt, Vũ Hồng Anh, Trương Văn Lĩnh là học viên khoá hai và khoá ba Trường sĩ quan Hoàng Phố.

Hồi đó, sau giờ làm việc, Hồ Chí Minh thường đến nơi cư trú của Chu Ân Lai và Lý Phú Xuân trò chuyện, hai bên thân nhau như người nhà.

Mùa xuân năm 1968, Chủ tịch Hồ Chí Minh sang Trung Quốc, điều trị ở Bắc Kinh. Với giọng vô cùng thân thiết, Người nói với những đồng chí Trung Quốc đến thăm mình trước mặt Đặng Dĩnh Siêu (vợ của Thủ tướng Chu Ân Lai) rằng: "Trước kia tại nhà chị Đặng ở Quảng Châu, tôi cũng như Thủ tướng Chu Ân Lai, đều gọi chị Đặng là cô Siêu". Tháng 3 năm 1961, trong khi đồng chí Đặng Dĩnh Siêu dẫn đầu Phái đoàn phụ nữ Trung Quốc sang Việt Nam dự Đại hội lần thứ 3 của Hội liên hiệp

Phụ nữ Việt Nam, đồng thời với tư cách là khách mời của Hồ Chí Minh sang thăm Việt Nam, trong khi hướng dẫn Phái đoàn tham quan Trường trung học Trung Hoa, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã giới thiệu với giáo viên và học sinh trường đó rằng: "Trước kia, khi còn hoạt động cách mạng ở Trung Quốc (chỉ thời kỳ Đại Cách mạng Trung Quốc), tôi thường đến nhà đồng chí Chu Ân Lai chơi. Chị Đặng đã đan cho tôi chiếc áo len". Nhưng câu nói chí tình đó đã phản ánh sinh động mối tình hữu nghị thắm thiết thân như một nhà giữa các đồng chí Trung Quốc và Việt Nam trong thời kỳ Đại Cách mạng Trung Quốc.

Việc thành lập Việt Nam Thanh niên Cách mạng đồng chí hội và mở Lớp huấn luyện chính trị đặc biệt chẳng khác nào một hòn đá nam châm thu hút thanh niên cách mạng Việt Nam. Nhiều thanh niên Việt Nam đã vượt qua mọi trở ngại do thực dân Pháp gây ra, hoặc từ đường biển, hoặc từ đường bộ, lần lượt đến Quảng Châu, đến với Hồ Chí Minh, tham gia Lớp huấn luyện, gia nhập Việt Nam Thanh niên Cách mạng đồng chí hội. Trong đám họ, có Trần Phú, Nguyễn Lương Bằng, Phạm Văn Đồng, v.v... Về sau, họ có người viết hồi ký hoặc nói chuyện, kể lại những năm tháng hoạt động ở Quảng Châu trong thời kỳ Đại Cách mạng Trung Quốc. Tuy đó là những mẩu chuyện vụn vặt, song cũng phản ánh được phần nào tình hình hoạt động của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong những năm xưa.

Theo bài hồi ký "Những lần gặp Bác" của Nguyễn Lương Bằng kể lại thì cuối năm 1925, thông qua sự giới thiệu của Cẩm-xuyn (Cẩm Thuận), một thủy thủ Hoa kiều quen biết khi còn ở Việt Nam (hội viên Công đoàn thủy thủ do Đảng Cộng sản Trung Quốc lãnh đạo), Nguyễn Lương Bằng được quen với đồng chí Ích (Hồ Tùng Mậu). Sau đó, lại qua Hồ Tùng Mậu giới thiệu được gặp đồng chí Vương (Hồ Chí Minh). Tiếp đó, Nguyễn Lương Bằng đã kể lại rằng:

"Hồi ấy, đồng chí Vương còn trẻ lắm, Khi ấy, Bác mới 35 tuổi, người gầy, nhưng khoẻ mạnh, đôi mắt rất sáng. Đồng chí Vương mặc một bộ quần áo kiểu Tôn Trung Sơn. Cũng như đồng chí Ích, đồng chí Vương nhanh nhẹn, hoạt bát; nhanh nhẹn mà vẫn từ tốn, hoạt bát mà vẫn ôn tồn, cử chỉ và lời nói thì dịu dàng thân mật". "Sau đó, đồng chí Vương rủ tôi vào trụ sở một công hội khu phố. Bấy giờ, phong trào công hội rất rầm rộ ở Quảng Châu và ở khắp các tỉnh khác của Trung Quốc. Minh

muốn họp là anh em thu xếp chỗ ngay cho". "Đồng chí Vương hỏi tuổi, hỏi công việc làm ăn của tôi, hỏi hoàn cảnh lính ta dưới tàu chiến Pháp, hỏi tình hình đồng bào trong nước". "Đồng chí Vương chăm chú lắng nghe. Nghe xong, đồng chí nói: tôi không nhớ được lời, chỉ nhớ là đồng chí Vương nhấn mạnh vào nhiệm vụ đấu tranh chống đế quốc Pháp và tuyên truyền tư tưởng yêu nước cho tôi". "Cách đó không lâu, tôi được kết nạp vào Thanh niên Cách mạng đồng chí hội. Trong buổi lễ kết nạp, đồng chí Vương cũng có mặt. Từ đó, mỗi tuần 2 kỳ, tôi từ Sa Diện sang Quảng Châu, dự Lớp huấn luyện chính trị mở cho một số anh em chúng tôi và do đồng chí Vương và đồng chí Ích hướng dẫn. Trí óc tôi dần dần mở mang. Đây là những ngày tôi say sưa với một tài liệu rất quý báu là cuốn "Đường cách mệnh". Cuốn sách này do chính Bác soạn ra. Ngoài giờ huấn luyện chính trị, đồng chí Vương còn dạy chúng tôi học thêm văn hóa, như tiếng Anh chẳng hạn".

Lê Mạnh Trinh cũng là một học viên Lớp huấn luyện chính trị hồi đó. Trong bài hồi ký "Những ngày ở Quảng Châu và ở Xiêm", Lê Mạnh Trinh đã kể lại tình hình Lớp huấn luyện chính trị:

"Ngày khai mạc lớp học, anh em đến đầy đủ. Trước buổi khai mạc, gần năm mươi anh em chúng tôi đều phải viết bản "Ngôn chí", nói rõ nghề nghiệp và động cơ của mình ra ngoài. Địa điểm lớp học, hình như ở đường Văn Minh thì phải, đối diện với một Hội quán Tổng Nông hội, cách nhau một quảng trường. Ở đấy vừa là Hội quán vừa là ký túc xá của lớp huấn luyện cán bộ Nông vận tỉnh Quảng Đông. Hàng ngày chúng tôi cũng sang ăn cơm ở đó.

Ngoài cửa lớp học, treo một cái biển có chữ lớn: "Đặc biệt chính trị huấn luyện ban". Tiền chi phí của lớp học do Đảng Cộng sản Trung Quốc giúp một phần, anh em sĩ quan và học sinh quân Việt Nam ở trường Hoàng Phố hàng tháng bớt tiền lương, đóng góp một phần".

"Chương trình học đại khái là: Trước hết, học "Nhân loại tiến hóa sử", nhưng chủ yếu là học từ thời kỳ tư bản chủ nghĩa đến đế quốc chủ nghĩa".

"Sau đó, học đến lịch sử vận động giải phóng của Triều Tiên, Trung Quốc, Ấn Độ và lịch sử mất nước của Việt Nam. Chúng tôi cũng học các thứ chủ nghĩa, như chủ nghĩa Găng-đi, chủ nghĩa Tam Dân một cách có phê phán, và chủ nghĩa Mác - Lê-nin, kết hợp với lịch sử Cách mạng tháng Mười". "Phần cuối cùng là phần vận động quần chúng và tổ chức quần chúng như vận động công nhân và hệ thống tổ chức công hội, vận động nông dân và tổ chức nông hội; thanh niên học sinh cũng vậy".

Trong bài hồi ký ấy, Lê Mạnh Trinh còn kể rằng: "Trong những buổi học, đồng chí Vương là người giảng nhiều nhất. Đồng chí Lương (tức Hồ Tùng Mậu) và đồng chí Hoài (tức Lê Hồng Phong) là người trực tiếp hướng dẫn giải đáp". "Đồng chí Vương giảng rất dễ hiểu. Đồng chí nhớ những con số rất tài. Ai cũng phải khâm phục. Thường khi các đồng chí giảng viên cũng phải hỏi con số ở đồng chí Vương giảng hay tham gia các cuộc báo cáo học vắn ở tổ. Vì cùng một vấn đề ấy mà được đồng chí Vương giảng hay giải đáp thì mọi người dễ nắm được vấn đề hơn...".

"Lớp học bế mạc, chúng tôi được tổ chức vào Việt Nam Thanh niên Cách mạng đồng chí hội. Chúng tôi đi viếng mộ Phạm Hồng Thái và mỗi người đều tuyên thệ "nguyện hiến thân cho Tổ quốc, dù hy sinh cũng không từ". Rồi chúng tôi phải đi công tác, phần lớn về nước".

Lớp huấn luyện chính trị do Hồ Chí Minh mở ở Quảng Châu, có một tác dụng hết sức quan trọng trong lịch sử cách mạng Việt Nam. Nó đào tạo cho Việt Nam một số lớn cốt cán cách mạng. Những cán bộ nòng cốt đó sau khi kết thúc học tập đã bí mật về nước một cách có tổ chức, tuyên truyền chủ nghĩa Mác - Lê-nin, phát động và tổ chức quần chúng, làm cho tổ chức cách mạng lớn mạnh, mở rộng công tác đấu tranh chống Pháp, đẩy mạnh cách mạng Việt Nam sang một giai đoạn mới.

4. Cùng giai cấp công nhân Trung Quốc kẻ vai chiến đấu

Khi ở tại Quảng Châu, Hồ Chí Minh còn tham gia tổ chức Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức, một đoàn thể có tính chất quốc tế; đồng thời, trở thành một phần tử tích cực của tổ chức đó.

Việc Quốc Cộng hợp tác lần thứ nhất thành công, đẩy mạnh phong trào cách mạng Trung Quốc tiến lên, Cách mạng Trung Quốc lấy Quảng Đông làm căn cứ, phát triển bùng nổ. Trước tình thế đó, nhiều nước bị áp bức ở Đông Á cử người đến Quảng Châu học tập kinh nghiệm của Trung Quốc, chuẩn bị điều kiện cho cách mạng nước mình. Ngoài Hồ Chí Minh thay mặt cho những người cách mạng Việt Nam ra trong quãng thời gian này, các nước Ấn Độ, Triều Tiên, Miến Điện, In-đô-nê-xi-a,... cũng có một số người cách mạng đến Quảng Châu hoạt động. Đạo đó, Quảng Châu được gọi là "Mát-xơ-va ở phương Đông".

Mùa hè năm 1925, để tăng cường mối liên hệ cách mạng với các dân tộc bị áp bức ở phương Đông, làm lớn mạnh thanh thế cách mạng, thúc

đẩy cuộc đấu tranh chung chống đế quốc, Đảng Cộng sản Trung Quốc đề nghị thành lập một đoàn thể cách mạng có tính chất quốc tế do các nước bị áp bức cử người đến cùng tổ chức. Đó là Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở phương Đông. Viện trợ các dân tộc nhỏ yếu, là chủ trương từ lâu của Tôn Trung Sơn. Vì thế, đề nghị này của Đảng Cộng sản Trung Quốc được phái tả của Quốc dân đảng như ông Liêu Trọng Khải hết sức ủng hộ. Hồ Chí Minh lấy bí danh là Lý Thụy cũng tích cực tham gia công việc thành lập đoàn thể có tính chất quốc tế này.

Qua một thời gian trì bị, ngày 9 tháng 7 năm 1925, Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở phương Đông được thành lập. Căn cứ theo điều lệ Đại hội đã thông qua, tôn chỉ của Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức là: "Liên lạc các dân tộc bị áp bức cùng làm cách mạng, để đánh đổ bọn đế quốc". Bộ máy tổ chức của Hội là: "Ủy viên Tổng hội có 6 người, Bí thư kiêm tài chính một người. Chi bộ do các đoàn thể các nước tự thành lập". Căn cứ theo quy định này, những người cách mạng Việt Nam ở Quảng Châu đã thành lập chi bộ Việt Nam của Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức. Hồ Chí Minh trực tiếp phụ trách công tác chi bộ Việt Nam. Thành viên của chi bộ đó, ngoài hội viên Việt Nam Thanh niên Cách mạng đồng chí hội ra, còn có Đinh Tế Dân, sĩ quan giáo viên người Việt Nam dạy ở Trường sĩ quan Hoàng Phố.

Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức họp Đại hội thành lập, và ra tuyên bố. Bản Tuyên bố nói: "Tham gia Đại hội có các đồng chí Trung Quốc, Ấn Độ, Cao Ly, An Nam. Điều này chứng tỏ rằng các dân tộc bị áp bức ở phương Đông chúng ta có giác ngộ căn bản cao nhất". Bản tuyên bố vạch rõ: "Con đường duy nhất để giải thoát áp bức là liên hiệp các dân tộc bị áp bức nhỏ yếu và vô sản toàn thế giới, dùng thủ đoạn cách mạng, như vậy mới có thể lật đổ tận gốc đế quốc tư bản bạo tàn". Bản Tuyên bố mong muốn các nước và đoàn thể "gia nhập hội liên hiệp của chúng ta, đấu tranh đến cùng với bọn đế quốc".

Do được Đảng Cộng sản Trung Quốc lãnh đạo và được phái tả Quốc dân đảng ủng hộ, nên Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức nhanh chóng mở rộng cục diện công tác, trở thành một đoàn thể cách mạng khiến cho nhiều người chú ý trong thời kỳ Đại Cách mạng. Không những người cách mạng Việt Nam, Triều Tiên, Ấn Độ, Miến Điện hoạt động ở Quảng Châu lần lượt thành lập chi bộ Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức, mà cả

một số đoàn thể cách mạng do Đảng Cộng sản Trung Quốc lãnh đạo như Hội Liên hiệp Phụ nữ giải phóng, Nông hội Quảng Đông, v.v... cũng tham gia Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức. Đầu năm 1926, theo đà phát triển của tình hình thế giới, Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức quyết định mở rộng tổ chức và cải tổ bộ máy lãnh đạo. Sau khi cải tổ, Ban Chấp hành lâm thời của Tổng hội có 7 ủy viên (trong đó có một vị Chủ tịch), chia nhau trông coi các công việc giao tế, tuyên truyền, tổ chức, văn thư, tạp vụ, tài chính, điều tra. Đảng viên cộng sản Bao Huệ Tăng được cử làm Chủ tịch Ban Chấp hành kiêm ủy viên giao tế, Lý Thụy, tức Hồ Chí Minh là ủy viên tài chính. Từ đó về sau, Hồ Chí Minh làm nhiều công tác cụ thể cho Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức. Ngoài phụ trách công tác tài vụ ra, do biết được nhiều thứ tiếng, như tiếng Pháp, tiếng Anh, tiếng Nga... nên Hồ Chí Minh thường phụ trách phiên dịch các loại văn thư, điện tín cho Hội. Thí dụ: Ngày 14 tháng 5 năm 1926, Ban Chấp hành Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức quyết định lấy danh nghĩa của Hội ra tuyên bố ủng hộ công nhân nước Anh bãi công, gửi điện thăm hỏi và ủng hộ công nhân bãi công nước Anh và gửi điện ủng hộ các phong trào cách mạng của cả nước Xi-ri (Syrie), Ma-rốc (Maroc), Triều Tiên, Việt Nam, v.v. Tất cả văn thư và điện tín đó đều do Lý Thụy, tức Hồ Chí Minh phiên dịch.

Khi Hội Liên các dân tộc bị áp bức thành lập, cũng là lúc cuộc Tổng bãi công Hương Cảng - Quảng Châu bùng nổ, Hồ Chí Minh lại dẫn thân vào dòng thác cách mạng này, tích cực tham gia công tác tuyên truyền với tư cách là hội viên của Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức.

Cuộc Tổng bãi công Hương Cảng - Quảng Châu nổ ra vào ngày 19 tháng 6 năm 1925. Đây là một phong trào bãi công với quy mô to lớn của công nhân Quảng Châu và Hương Cảng để ủng hộ cuộc Vận động Ngũ Năm.

Sau khi nổ ra cuộc bãi công, công nhân các ngành nghề ở Hương Cảng lục tục kéo về Quảng Châu. Những công nhân phục vụ cho người phương Tây ở Sa Diện (Quảng Châu) cũng tham gia bãi công, đua nhau rời cương vị công tác. Từ ngày 19 tháng 6 đến ngày 7 tháng 7 năm 1925, số công nhân bãi công rời Hương Cảng đã vượt quá 20 vạn, trong đó, ngoài số đã về vùng nông thôn Quảng Đông ra, số công nhân bãi công lần lượt về Quảng Châu có đến mười mấy vạn. Hằng ngày, ít nhất có 7 vạn công nhân bãi công tụ tập ở Quảng Châu. Để tiện cho việc triển khai

đấu tranh, công nhân bãi công thành lập Ủy ban bãi công Hương Cảng - Quảng Châu, làm cơ quan chỉ huy. Khu ủy Quảng Đông Đảng Cộng sản Trung Quốc thành lập tổ chức Đảng, Đoàn trong Ủy ban bãi công để làm hạt nhân lãnh đạo. Ủy ban bãi công dưới sự lãnh đạo của Đảng rất coi trọng công tác tuyên truyền cổ động trong công nhân bãi công. Ngày 9 tháng 7 năm 1925, cũng tức là ngày Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức chính thức tuyên bố thành lập. Ủy ban bãi công Hương Cảng - Quảng Châu triệu tập cuộc hội nghị liên tịch các chủ nhiệm Ban tuyên truyền của các công đoàn thuộc Ủy ban lãnh đạo, thảo luận vấn đề tuyên truyền cho cuộc bãi công, quyết định tổ chức đội tuyên truyền ngày đêm đi diễn thuyết, cổ vũ công nhân kiên trì đấu tranh. Tan họp, Ủy ban bãi công ra thông cáo, trưng cầu đội viên tuyên truyền để đi diễn thuyết. Bản thông cáo đó đăng trên báo "Đường Công nhân" số đặc biệt ra ngày 10 tháng 7 năm đó, quy định biện pháp tổ chức đội tuyên truyền cụ thể là:

"1. Công nhân bãi công của các công đoàn có thể tự do ghi tên để cùng tổ chức đội tuyên truyền của Ủy ban bãi công;

2. Các công đoàn, anh em công nhân bãi công nếu ai muốn tham gia đội tuyên truyền, bắt đầu từ hôm nay có thể ghi tên ở phòng việc bãi công công đoàn mình".

Hồ Chí Minh được tin Ủy ban bãi công trưng cầu đội viên tuyên truyền, chiều ngày 13 tháng 7, bèn trực tiếp đến Ủy ban bãi công Hương Cảng - Quảng Châu yêu cầu tham gia đội tuyên truyền với tư cách là hội viên Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức. Hồ Chí Minh ghi tên với bí danh "Lý Thụy", đồng thời báo cáo nhan đề bài diễn thuyết của mình là "Mối quan hệ giữa công nhân Trung Quốc với các dân tộc bị áp bức, cùng sự liên hiệp tất yếu để đánh đổ bọn đế quốc". Ủy ban bãi công hoan nghênh Hồ Chí Minh tham gia đội tuyên truyền. Tiếp đó, giới thiệu Hồ Chí Minh đi diễn thuyết ở các khu công nhân. Ngày hôm sau, báo "Đường Công nhân" số đặc biệt đưa tin về việc Hồ Chí Minh ghi tên tham gia đội tuyên truyền với đầu đề là "Người An Nam tham gia đội tuyên truyền".

Về việc Hồ Chí Minh tham gia hoạt động tuyên truyền trong quá trình bãi công Hương Cảng - Quảng Châu, đồng chí Vương Nhất Trí đã kể lại trong hồi ký của mình như sau:

"Trong thời kỳ Đại Cách mạng, khi còn ở Quảng Châu, Hồ Chí Minh công tác rất bận, nhưng tinh thần hết sức hăng hái. Ngoài công việc ở phòng

phiên dịch của cố vấn Bô-rô-đin mà Người phải hoàn thành và công việc lãnh đạo Việt Nam Thanh niên Cách mạng đồng chí hội, chủ trì Lớp huấn luyện chính trị đặc biệt ra, Người còn tham gia những hoạt động của Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức, cùng các đồng chí Trung Quốc kề vai chiến đấu, cống hiến sức mình cho Đại Cách mạng Trung Quốc. Hồ Chí Minh đã tích cực tham gia công tác tuyên truyền cổ động trong cuộc Tổng bãi công Hương Cảng - Quảng Châu. Lúc đó, có hơn 20 vạn công nhân Hương Cảng trở về Quảng Châu. Ủy ban bãi công thường tổ chức quần chúng họp mít tinh, biểu tình. Ngay tại Đông Giáo Trường cũng thường có các cuộc mít tinh có hàng chục ngàn người tham gia. Trên quảng trường dựng lên khá nhiều diễn đàn. Những người lên đàn diễn thuyết có đại diện của công nhân bãi công, có các đồng chí lãnh đạo trong Khu ủy Quảng Đông Đảng Cộng sản Trung Quốc và các đồng chí phụ trách công tác phong trào công nhân và Bô-rô-đin, cố vấn Liên Xô, v.v... Hồ Chí Minh cũng thường tham gia diễn thuyết. Hồi đó, trong nhiều trường hợp công khai, Hồ Chí Minh nói tiếng Trung Quốc rất sôi, duy có giọng Quảng Đông. Trong khi diễn thuyết, Hồ Chí Minh nhấn mạnh sự liên quan giữa cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân Trung Quốc với cuộc đấu tranh của các dân tộc và nhân dân các nước áp bức, đánh giá cao độ cuộc Tổng bãi công Hương Cảng - Quảng Châu, nhiệt tình cổ vũ công nhân Trung Quốc bãi công đoàn kết nhất trí, kiên trì đấu tranh, giành lấy thắng lợi cuối cùng. Hồ Chí Minh diễn thuyết với giọng nói lạnh lạnh, giàu tính hiệu triệu, rất được công nhân hoan nghênh.

Hồ Chí Minh hằng hái tham gia hoạt động tuyên truyền cho cuộc Tổng bãi công Hương Cảng - Quảng Châu, dùng hành động thực tế của mình, ủng hộ cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân Trung Quốc, ủng hộ cuộc Đại Cách mạng Trung Quốc, đã thể hiện sinh động tinh thần quốc tế vô sản của mình.

5. Lời hô hào trong cuộc Đại hội lần thứ hai Quốc dân đảng Trung Quốc

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ nhất của Quốc dân đảng Trung Quốc họp vào khoảng tháng giêng năm 1924, đánh dấu cho sự hợp tác Quốc Cộng lần thứ nhất đã được hình thành. Từ đó, tình hình chuyển biến theo chiều hướng tốt. Cách mạng Trung Quốc xuất hiện cục diện mới phát triển sôi nổi. Theo đà phong trào cách mạng phát triển sâu rộng khắp toàn quốc, phái hữu Quốc dân đảng cũng ráo riết tăng cường

hoạt động để thực hiện âm mưu cướp đoạt quyền lãnh đạo cách mạng. Cuộc đấu tranh trong nội bộ Mặt trận thống nhất ngày càng gay gắt. Tháng 8 năm 1925, Liêu Trọng Khải bị phái hữu Quốc dân đảng ám sát. Tháng 2 năm 1925, phái hữu Quốc dân đảng do Tạ Trì và Trâu Lỗ cầm đầu triệu tập cuộc Hội nghị Trung ương lần thứ 4 khoá I Quốc dân đảng phi pháp tại chùa Bích Vân Tự ở Tây Sơn, Bắc Kinh, thông qua những nghị quyết phản động như "thủ tiêu đảng tịch đảng viên cộng sản trong Quốc dân đảng". Sau khi Hội nghị bế mạc, họ thành lập Đảng bộ Trung ương Quốc dân đảng khác tại Thượng Hải. "Phe Hội nghị Tây Sơn" cực kỳ phản động này phản đối Quốc Cộng hợp tác, phản đối ba chính sách liên Nga, liên Cộng, giúp đỡ công nông của Tôn Trung Sơn, điên cuồng phá hoại Mặt trận thống nhất cách mạng. Cuối năm 1925, với sự thúc đẩy của Đảng Cộng sản Trung Quốc, Trung ương Quốc dân đảng triệu tập cuộc Hội nghị toàn thể lần thứ 4 khoá I ở Quảng Châu. Hội nghị ra nghị quyết, tháng giêng năm 1926 sẽ triệu tập Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ 2 để xử lý vấn đề "phe Hội nghị Tây Sơn" nhằm giữ gìn ba chính sách lớn của Tôn Trung Sơn, đẩy mạnh cách mạng Trung Quốc tiến lên.

Lúc bấy giờ, Hồ Chí Minh đến Quảng Châu đã hơn một năm. Người thấy rõ, với sự thúc đẩy của Đảng Cộng sản Trung Quốc, Tôn Trung Sơn thi hành ba chính sách liên Nga, liên Cộng và giúp đỡ công nông, đã mang lại sức sống cho cách mạng Trung Quốc, đồng thời, cũng thấy rõ mối quan hệ giữa cách mạng Trung Quốc với cách mạng các dân tộc và nhân dân các nước bị áp bức trên toàn thế giới, đặc biệt là ảnh hưởng của cách mạng Trung Quốc đối với Việt Nam và các dân tộc bị áp bức ở Đông Á. Vì thế, Hồ Chí Minh hết sức chú ý theo dõi Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ 2 của Quốc dân đảng Trung Quốc sắp triệu tập, mong chờ Đại hội này sẽ quán triệt hơn nữa ba chính sách lớn của Tôn Trung Sơn và chủ trương nâng đỡ các dân tộc nhỏ yếu của ông, liên hiệp hơn nữa các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới để cùng đấu tranh chống bọn đế quốc.

Ngày 6 tháng giêng năm 1926, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ 2 Quốc dân đảng chính thức khai mạc tại Đảng bộ Trung ương Quốc dân đảng ở đường Đại Đông thành phố Quảng Châu. Hôm đó, Hồ Chí Minh lấy tên là "Lý Thụy" gửi cho Đoàn Chủ tịch Đại hội một bức thư, yêu cầu

cho phép phát ngôn trên Đại hội, trình bày tình hình Việt Nam bị đế quốc Pháp áp bức để Đại hội tham khảo khi nghiên cứu phương châm viện trợ phong trào giải phóng của các dân tộc bị áp bức. Toàn văn của bức thư ấy như sau:

Thưa chủ tịch trong Đoàn Chủ tịch Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ 2 Quốc dân đảng Trung Quốc.

Bỉ nhân là người Việt Nam mất nước lưu vong sang đây, may gặp dịp quý hội họp tuyên bố viện trợ cho phong trào giải phóng của các dân tộc bị áp bức trên thế giới, bỉ nhân vô cùng mừng rỡ. Nhưng thiết nghĩ, "muốn trị được bệnh, trước tiên cần phải biết rõ bệnh tình". Vì vậy, bỉ nhân yêu cầu quý hội cho phép được đến trình bày nỗi niềm đau khổ của đất nước chúng tôi, để kẻ muốn viện trợ tiện bề nghiên cứu đặt ra phương châm. Nếu được như vậy thì hân hạnh cho đất nước chúng tôi và cho cách mạng vô cùng!

Kính chào

Cách mạng Trung Quốc muôn năm!

Quốc dân đảng Trung Quốc muôn năm!

Lý Thụy

Ngày mồng 6 tháng Giêng năm Trung Hoa Dân quốc thứ 15 (1926)

Địa chỉ liên lạc: Xin nhờ ông Trương Xuân Mộc ở Biệt thự họ Bào chuyển giao cho.

Tên "Trương Xuân Mộc" để ở cuối bức thư trên là bí danh của đồng chí Trương Thái Lôi, đảng viên Đảng Cộng sản Trung Quốc, người cộng sự với Hồ Chí Minh ở trong Biệt thự họ Bào. Bức thư của Hồ Chí Minh gửi đến Đoàn Chủ tịch Đại hội, Đàm Bình Sơn, đảng viên Đảng Cộng sản Trung Quốc, lúc ấy làm Bộ trưởng Bộ tổ chức Trung ương Quốc dân đảng, phê vào đó ý kiến như sau: "Khi thảo luận đề án về vấn đề dân tộc, mời người này đến dự để đọc tham luận".

Ngày 14 tháng giêng năm 1926, tức Đại hội họp đến ngày thứ 9 thì Hồ Chí Minh được mời đến Đại hội diễn thuyết.

Hôm ấy, Hồ Chí Minh lấy tên là Vương Đạt Nhân, với tư cách là người cách mạng Việt Nam, tham dự Đại hội. Hôm đó, Bộ trưởng Bộ Tuyên truyền Trung ương Quốc dân đảng Ưng Tinh Vệ làm Chủ tịch chấp hành Đại hội. Ngô Ngọc Chương, đảng viên Đảng Cộng sản Trung Quốc làm Tổng thư ký Đại hội. Buổi sáng, lúc 10 giờ 20 phút, Tổng thư

ký Đại hội rung chuông bắt đầu cuộc họp. Chủ tịch chấp hành Đại hội tuyên bố "thay đổi chương trình buổi họp" với lý do là "có các ông Vương Đạt Nhân, đồng chí cách mạng An Nam; ông Lữ Quang Khắc, đồng chí cách mạng Cao Ly và ông Co-ba-chin, đồng chí cách mạng Ấn Độ đến dự Đại hội chúng ta. Theo ý kiến của Đoàn Chủ tịch, định mời mấy đồng chí này phát biểu ý kiến trước, rồi sau đó, các đại biểu địa phương mới báo cáo đảng vụ các nơi".

Các đại biểu vỗ tay tỏ vẻ đồng ý sự xếp đặt của Đoàn Chủ tịch. Tiếp đó, Chủ tịch chấp hành Đại hội trước tiên mời Vương Đạt Nhân diễn thuyết, đồng thời giải thích rằng: "Vì ông Vương diễn thuyết bằng tiếng Pháp, nên mời đồng chí Lý Phú Xuân phiên dịch hộ". Lý Phú Xuân là bạn cũ của Hồ Chí Minh quen biết nhau ở Pa-ri từ năm 1922.

Mở đầu diễn thuyết, Hồ Chí Minh nói:

"Thưa các đồng chí!

Thưa các anh em!

Chúng tôi hết sức vui mừng phấn khởi được nói chuyện trước các vị, đồng thời, cũng rất cảm ơn sự hoan nghênh chân thành của các vị. Do đó, chúng tôi thấy ý chí cách mạng đã thấm sâu vào lòng dân chúng Trung Quốc, đặc biệt là Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ 2 này, càng nêu cao hơn nữa chính sách vĩ đại của Tôn Thủ tướng (chỉ Tôn Trung Sơn), liên hiệp tất cả các dân tộc bị áp bức cùng phấn đấu".

Tiếp đó, Hồ Chí Minh nói:

"Chúng ta muốn làm cách mạng, cũng như chữa bệnh vậy, trước tiên cần phải biết căn nguyên của con bệnh. Sở dĩ các dân tộc bị áp bức đòi làm cách mạng, đó là vì họ bị áp bức đau khổ. Bởi vậy, tôi xin đem những điều đau khổ mà dân tộc An Nam chúng tôi đang phải chịu đựng trình bày với các vị".

Hồ Chí Minh đưa ra vô số sự thật, tố cáo những tội ác của bọn thực dân Pháp trong 60 năm qua đã áp bức, bóc lột nhân dân Việt Nam như thế nào. Khi nói đến nước Pháp kiểm soát tư tưởng, văn hóa của nhân dân Việt Nam, Hồ Chí Minh nói:

"Về mặt giáo dục, trước kia, người An Nam chúng tôi vốn học chữ Trung Quốc, tiếp thu văn hóa Trung Hoa. Sau khi chiếm đóng An Nam, thực dân Pháp thấy người An Nam giống người Trung Quốc, nên cũng ra lệnh cho người An Nam học chữ Trung Quốc. Không ngờ sau khi Trung

Quốc nổ ra cuộc Cách mạng Tân Hợi, bọn chúng biết để cho người An Nam tiếp tục học chữ Trung Quốc nữa không ổn, nên cấm người An Nam học chữ Trung Quốc, dùng chữ Trung Quốc. Không những thế, bọn chúng còn cấm cả không cho người An Nam biết được những chuyện gì xảy ra ở Trung Quốc trong thời gian gần đây. Vì bọn đế quốc chúng rất sợ nhân dân các nước bị áp bức có quan niệm dân tộc".

Trong bài diễn thuyết của mình, Hồ Chí Minh còn vạch trần những mưu mô đen tối của nhà cầm quyền Pháp áp bức Hoa kiều ở Việt Nam, chống đối cách mạng Trung Quốc, công kích Chính phủ cách mạng Quảng Đông. Hồ Chí Minh vạch ra:

"Đế quốc Pháp ở An Nam, không những áp bức người An Nam, đồng thời cũng áp bức người Trung Quốc (chỉ Hoa kiều ở Việt Nam). Hiện nay, các đồng chí đang dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ 2 tất biết rõ: Ở An Nam, đế quốc Pháp đối xử với người Trung Quốc cũng như người An Nam. Người Trung Quốc ở An Nam hiện nay không những phải nộp thuế thân, bất kể già trẻ trai gái, mà còn không được tự do đi lại. Bất cứ đi đâu cũng phải lĩnh giấy thông hành; đồng thời, người Trung Quốc cũng bị cấm tụ họp và tổ chức đoàn thể. Bọn đế quốc còn trục xuất các đồng chí Quốc dân đảng. Vì bọn chúng cho rằng bất cứ ai là đảng viên cách mạng đều rất đáng sợ, cho nên nhất thiết phải đuổi đi". "Bọn đế quốc Pháp còn lợi dụng những người Trung Quốc không lương thiện đi chống đối các đồng chí cách mạng, chống đối Chính phủ cách mạng Quảng Châu. Tôi có thể nêu một thí dụ: Khi ông Tôn Trung Sơn tạ thế, chẳng riêng gì nhân dân Trung Quốc đua nhau truy điệu, mà cả các nước trên thế giới cũng đều nhiệt liệt tổ chức truy điệu. Nhân dân An Nam chúng tôi và những người Trung Quốc ở An Nam dĩ nhiên cũng muốn truy điệu. Nhưng người Pháp lại nghiêm cấm không cho tổ chức. Bởi vậy, tôi nói bọn đế quốc Pháp không những dùng mọi cách phản đối cách mạng ở An Nam, mà còn trăm mưu nghìn kế để công kích Quốc dân đảng Trung Quốc, công kích Chính phủ cách mạng Quảng Châu". Hồ Chí Minh còn vạch ra: "Bọn đế quốc Pháp khiếp sợ cách mạng, đặc biệt là cách mạng Trung Quốc, cho nên chúng dốc sức giúp bọn phản cách mạng, giúp súng ống đạn dược cho bọn Trương Tác Lâm để phá hoại phong trào cách mạng quốc dân chúng ta".

Cuối cùng, Hồ Chí Minh kêu gọi các nước bị áp bức liên hiệp lại đánh đổ kẻ thù chung - bọn đế quốc. Hồ Chí Minh nói:

"Chúng ta nên biết rằng, hiện nay, trên thế giới còn nhiều nước, như Ai Cập, Ma-rốc, Xy-ri, An Nam, Trung Quốc, v.v... dân tộc của họ còn bị áp bức. Vì vậy, chúng ta nên liên hiệp lại, nhất trí chống lại bọn đế quốc". "Tất cả các dân tộc bị áp bức đều đang bị bọn đế quốc áp bức. Chúng ta hãy đoàn kết lại! Đả đảo đế quốc Pháp! Đả đảo tất cả bọn đế quốc trên toàn thế giới!".

Sau khi Hồ Chí Minh diễn thuyết, đại biểu Triều Tiên và Ấn Độ cũng lên phát biểu ý kiến trên Đại hội.

NHỮNG NGÀY ĐẦU THÀNH LẬP ĐẢNG

1. "Hội nghị thống nhất" họp ở Hương Cảng

Sau khi cuộc Đại Cách mạng Trung Quốc bị thất bại, Khu ủy Quảng Đông Đảng Cộng sản Trung Quốc dời đến Hương Cảng. Tổng bộ Việt Nam Thanh niên Cách mạng đồng chí hội cũng dời đến Hương Cảng, tiếp tục huấn luyện đào tạo cán bộ, tuyên truyền và tổ chức cách mạng.

Hồ Chí Minh về đến Mát-xcơ-va, tiếp tục học tập tại trường Đại học Phương Đông và làm việc tại cơ quan Quốc tế Cộng sản. Ở Mát-xcơ-va, Hồ Chí Minh lại gặp Tiêu Tam, người bạn cũ của mình. Hai người cởi mở tâm sự, tình nghĩa đôi bên lại càng khăng khít hơn.

Đầu năm 1928, được sự ủy phái của Quốc tế Cộng sản, Hồ Chí Minh đi dự Hội nghị quốc tế "Đồng minh chống đế quốc" ở Bơ-ru-sen (Brussel), thủ đô nước Bỉ. Tiếp đó, lại đi khảo sát phong trào công nhân ở các nước Thụy Sĩ, Pháp, Ý, Đại Lợi... Mùa thu năm 1928, Hồ Chí Minh sang Xiêm, tuyên truyền phát động Việt kiều ở Trung Bộ và Đông Bắc nước Xiêm.

Tháng 6 năm 1929, Hồ Chí Minh đến Băng-cốc, công tác trong cơ quan Quốc tế Cộng sản đặt ở đây. Lúc ở Xiêm, Hồ Chí Minh được gọi là ông Chín hoặc "Thầu Chín" ("Thầu", tiếng Thái, dùng để gọi người nhiều tuổi và biểu thị sự tôn kính).

Từ năm 1926 trở đi, các thanh niên Việt Nam theo học Lớp huấn luyện chính trị đặc biệt ở Quảng Châu lần lượt trở về nước hoạt động. Họ hăng hái tuyên truyền, tổ chức quần chúng. Không lâu, khắp nơi trên toàn quốc đều có cơ sở của Việt Nam Thanh niên Cách mạng đồng chí hội. Đến năm 1928, số hội viên đã lên đến khoảng 2.000 người.

Trong thời kỳ này, trong nước, giai cấp công nhân Việt Nam đã phát triển thành một lực lượng chính trị và xã hội lớn mạnh. Trong khoảng 10 năm, từ năm 1919 đến năm 1929, số lượng giai cấp công nhân Việt Nam đã từ 10 vạn lên đến 20 vạn người, tức là tăng gấp đôi. Phong trào công nhân đấu tranh chống thực dân Pháp nổi dậy khắp nơi, chẳng hạn như:

- Tháng 3 năm 1928, đã nổ ra cuộc bãi công của công nhân hãng dầu Pháp - Á (France - Asiateque) ở Hải Phòng;

- Tháng 4 năm 1928, đã nổ ra cuộc bãi công của phu đồn điền cao su Lộc Ninh, của công nhân Nhà máy cửa Công ty lâm nghiệp Bến Thủy và của công nhân Sở xi măng Hải Phòng;

- Tháng 5 năm 1928, đã nổ ra cuộc bãi công của công nhân Nhà in Poọc-tai (Portail) ở Sài Gòn và của công nhân Công ty bánh mì Hà Nội;

- Tháng 7 năm 1928, đã nổ ra cuộc bãi công của thợ cắt tóc ở Sài Gòn;

- Tháng 10 năm 1928, phu xe ở Hà Nội đình công;

- Tháng 11 năm 1928, đã nổ ra cuộc bãi công của công nhân Nhà máy sợi Nam Định...

Sang đến năm 1929, phong trào công nhân nổi lên một cách mãnh liệt. Các cuộc đấu tranh bãi công không ngừng nổ ra, hơn nữa, ngày một lan rộng về nông thôn. Nhân dân nhiều nơi biểu tình thị uy, yêu cầu giảm sưu, giảm thuế. Phong trào công nhân phát triển sôi nổi, chứng tỏ thời cơ thành lập chính đảng của giai cấp công nhân Việt Nam đã chín muồi.

Năm 1929, ở Bắc Bộ, một số hội viên Việt Nam Thanh niên Cách mạng đồng chí hội thành lập nhóm cộng sản đầu tiên, tự nhận nhiệm vụ vận động thành lập Đảng Cộng sản chính thức ở Đông Dương. Tháng 5 năm 1929. Việt Nam Thanh niên Cách mạng đồng chí hội triệu tập Đại hội đại biểu toàn quốc ở Hương Cảng. Đoàn đại biểu Bắc Bộ gồm những thành viên của nhóm cộng sản nói trên đến họp và đề nghị giải tán Việt Nam Thanh niên Cách mạng đồng chí hội, thành lập Đảng Cộng sản Đông Dương. Đề nghị này không được Đại hội chấp nhận. Bị thiếu số, đại biểu Bắc Bộ bỏ Đại hội ra về. Tháng 6 năm 1929, họ tự thành lập Đảng Cộng sản Đông Dương. Trước tình thế đó, Tổng bộ Việt Nam Thanh niên Cách mạng đồng chí hội quyết định thành lập một tổ chức cộng sản khác. Do đó, tháng 10 năm 1929, An Nam Cộng sản đảng ra

đời, thành viên chủ yếu là hội viên Việt Nam Thanh niên Cách mạng đồng chí hội ở Nam Bộ. Cũng trong tháng 6 năm 1929, số hội viên tiến bộ vốn thuộc Đảng Tân Việt hoạt động ở Trung Bộ và Nam Bộ, cũng thành lập Tân Việt cộng sản Liên đoàn. Tổ chức này đến tháng giêng năm 1930 tự đổi tên là "Đông Dương cộng sản Liên đoàn".

Như vậy, từ cuối năm 1929, ở Việt Nam có 3 tổ chức cộng sản độc lập. Tổ chức nào cũng tự cho mình là tổ chức cách mạng thật sự. Ba tổ chức cộng sản này công kích lẫn nhau, tranh giành ảnh hưởng trong quần chúng; đồng thời đều tìm cách liên lạc với Quốc tế Cộng sản. Rõ ràng, tình hình này không lợi cho cách mạng, cần phải thống nhất ba tổ chức phân tán này thành một chính đảng của giai cấp công nhân chân chính, mới có thể gánh vác được nhiệm vụ lãnh đạo cách mạng một cách có hiệu quả.

Quốc tế Cộng sản nhận thấy hiện tượng bè phái và chia rẽ đó sẽ mang lại cho sự nghiệp cách mạng Việt Nam một mối nguy hại nghiêm trọng, bèn kịp thời ra chỉ thị cho các tổ chức cộng sản Việt Nam rằng: "Trong khi phong trào công nông đang ngày một phát triển, không có một chính đảng cộng sản thống nhất, điều đó hết sức có hại cho tiền đồ của cách mạng Đông Dương. Vì thế, một số đồng chí tổ về do dự trước việc lập tức thành lập một đảng cộng sản là điều hoàn toàn sai lầm. Sự đối lập giữa các tổ chức cộng sản và hiện tượng đấu tranh giữa các tổ chức này là mối nguy hiểm lớn nhất cho cả phong trào cách mạng Đông Dương. Nhiệm vụ quan trọng nhất và cấp bách nhất của tất cả những người cộng sản Đông Dương hiện nay là thành lập một chính đảng của giai cấp vô sản, một đảng có tính chất quần chúng ở Đông Dương. Đảng này phải là một chính đảng duy nhất, đồng thời chỉ có chính đảng này mới là tổ chức cộng sản duy nhất ở Đông Dương". Tiếp đó, căn cứ theo chỉ thị của Quốc tế Cộng sản, tháng 10 năm 1929, Hồ Chí Minh từ Xiêm sang Hương Cảng với tư cách là Ủy viên Đông phương bộ Quốc tế Cộng sản, phụ trách Vụ Đông Nam Á, chuẩn bị triệu tập một cuộc hội nghị thống nhất ba tổ chức cộng sản này thành một đảng cộng sản thống nhất. Ngày mồng 6 tháng giêng âm lịch năm 1930, với sự giúp đỡ của tổ chức bí mật ở Hương Cảng của Tỉnh ủy Quảng Đông Đảng Cộng sản Trung Quốc, Hội nghị thống nhất được cử hành tại thành Cửu Long, Hương Cảng. Dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Hồ Chí Minh, đại biểu của

các tổ chức cộng sản Việt Nam qua thảo luận và thương lượng, cuối cùng đi đến nhất trí đồng ý hợp nhất ba tổ chức cộng sản Việt Nam lại thành một chính đảng vô sản, lấy tên là "Đảng Cộng sản Việt Nam".

Về tình hình Hồ Chí Minh từ Xiêm sang Hương Cảng lãnh đạo cuộc Hội nghị Thống nhất này, Nhiêu Vệ Hoa, lúc đó là nhân viên công tác ở cơ quan Tỉnh ủy Quảng Đông Đảng Cộng sản Trung Quốc, được cử đi tham dự cuộc Hội nghị Thống nhất này đã kể lại trong hồi ký của mình như sau:

"Hồ Chí Minh đến Hương Cảng không lâu, bắt được liên lạc với cơ quan của Đảng Cộng sản Trung Quốc. Tôi được Đảng phái đến cơ quan bí mật của Việt Nam Thanh niên Cách mạng đồng chí hội để gặp Hồ Chí Minh. Tôi quen với Người từ hồi thời kỳ Đại Cách mạng ở Quảng Châu. Lần gặp gỡ này, Hồ Chí Minh giới thiệu một số tình hình của mình và của những người cách mạng Việt Nam khác sau khi Tưởng Giới Thạch phản bội cách mạng. Sau đó, các đồng chí Lý Phú Xuân và Thái Xương cũng đến thăm Hồ Chí Minh. Khi chúng tôi được biết Hồ Chí Minh lần này đến Hương Cảng là để chuẩn bị triệu tập Hội nghị Thống nhất các tổ chức cộng sản Việt Nam, thành lập Đảng Cộng sản, ai nấy đều hết sức mừng rỡ. Tổ chức quyết định phái tôi làm đại biểu đi dự cuộc Hội nghị đó. Trước khi họp Hội nghị, tôi đến chỗ ngụ của Hồ Chí Minh, tỏ lời chúc mừng, đồng thời đưa một nữ đồng chí của cơ quan chúng ta đến đây giả làm gia quyến của Hồ Chí Minh. Tiếp đó, tôi đưa Hồ Chí Minh đi thuê nhà để tiện xếp đặt nơi ăn chốn ở cho các đại biểu Việt Nam từ trong nước ra. Hồi đó, ở Hương Cảng, chỉ có những người có gia quyến mới dễ thuê được nhà.

Một ngày vào đầu năm 1930, Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam được cử hành tại bờ biển Đài Tổng Vương gần miếu Vua Khỉ ở Cửu Long, Hương Cảng. Các đồng chí Việt Nam sở dĩ tìm đến một nơi như vậy để họp, chủ yếu là muốn mượn cảnh náo nhiệt quần chúng địa phương cúng tế ở miếu Vua Khỉ để che mắt bọn mật thám. Các đại biểu đến dự cũng giả trang thành những người đi cúng tế, tập họp ở Đài Tổng Vương. Ai nấy ngồi trên một hòn đá to ở bãi biển bắt đầu cuộc họp. Tôi dự Hội nghị với tư cách đại biểu của Đảng Cộng sản Trung Quốc. Do tôi không biết nói tiếng Việt Nam, nên lời chúc mừng Đại hội của tôi phải nhờ đồng chí Việt Nam phiên dịch hộ. Sau khi phát biểu lời chúc mừng,

tôi rời Hội nghị. Hồ Chí Minh không tham gia cuộc Hội nghị hôm đó, vì mục tiêu quá to, những cuộc Hội nghị đó đã tiến hành dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Hồ Chí Minh".

Trong cuộc Hội nghị có tính chất lịch sử này, căn cứ theo chỉ thị của Hồ Chí Minh, đã thông qua Chính cương vắn tắt của Đảng Cộng sản Việt Nam. Bản Cương lĩnh này vạch rõ: Đặc điểm của xã hội Việt Nam là một xã hội bị đế quốc Pháp thống trị. Bọn tư bản Pháp đầu tư vào Việt Nam, nên tư bản Việt Nam trong nước có phát triển ít nhiều. Nhưng do bọn đế quốc Pháp vẫn duy trì tàn tích phong kiến, nên chế độ phong kiến vẫn tồn tại một cách phổ biến. Do đó, tính chất của cách mạng Việt Nam là cách mạng tư sản dân quyền. Đối tượng của nó là chủ nghĩa đế quốc và phong kiến. Nhiệm vụ của nó là làm cho Việt Nam được độc lập, thực hiện mọi quyền dân chủ cho nhân dân.

Bản Cương lĩnh này còn nêu lên rằng: Cách mạng Việt Nam phải do giai cấp vô sản lãnh đạo và đại diện của nó là Đảng Cộng sản. Lực lượng chủ yếu của cách mạng là công nhân và nông dân, chiếm trên 90% dân số. Đối với các giai cấp khác, như tiểu tư sản, trí thức, phải lôi kéo về phe cách mạng. Đối với giai cấp tư sản và trung, tiểu địa chủ, thì phải tranh thủ hoặc trung lập. Khi nước Việt Nam được độc lập rồi thì phải tuyên bố liên minh với vô sản thế giới và các dân tộc bị áp bức, trước tiên là liên minh với giai cấp vô sản Pháp.

Hội nghị Thống nhất kết thúc không lâu, tức ngày 18 tháng 2 năm 1930, Hồ Chí Minh lấy danh nghĩa là đại biểu của Quốc tế Cộng sản và Đảng Cộng sản Việt Nam phát biểu lời kêu gọi. Bản văn kiện này tuyên bố trước thế giới, Đảng Cộng sản Việt Nam đã thành lập; đồng thời giới thiệu rõ ràng tính chất, mục đích và đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam. Ở phần cuối của bản văn kiện này, Hồ Chí Minh đã kêu gọi đồng bào của mình như thế này:

"Hỡi công nhân, nông dân, binh lính, thanh niên, học sinh!

"Hỡi đồng bào bị áp bức bóc lột!

"Đảng Cộng sản ở Đông Dương đã được thành lập. Đó là Đảng của giai cấp công nhân. Đảng sẽ dìu dắt giai cấp vô sản lãnh đạo cách mạng để đấu tranh cho quyền lợi của toàn thể nhân dân bị áp bức bóc lột. Ngay từ bây giờ, chúng ta phải gia nhập Đảng, chúng ta phải giúp đỡ Đảng và đi theo Đảng - đừng thực hiện những khẩu hiệu sau đây:

"1. Đánh đổ đế quốc Pháp, chủ nghĩa phong kiến và giai cấp tư bản phản cách mạng Việt Nam.

2. Làm cho Đông Dương được độc lập hoàn toàn.

3. Thành lập Chính phủ công, nông, binh.

4. Tịch thu nhà băng và các xí nghiệp khác của bọn đế quốc và đặt dưới quyền kiểm soát của Chính phủ công, nông, binh.

5. Tịch thu toàn bộ đồn điền và tài sản của bọn đế quốc và của giai cấp tư bản phản cách mạng Việt Nam để chia cho nông dân nghèo.

6. Thực hiện ngày làm 8 giờ.

7. Huỷ bỏ công trái và thuế thân. Miễn những thứ thuế ác nghiệt cho dân nghèo.

8. Đem lại mọi quyền tự do cho quần chúng.

9. Thực hiện giáo dục toàn dân.

10. Thực hiện nam nữ bình đẳng".

Trong bản kêu gọi đó, Hồ Chí Minh nêu ra 10 nhiệm vụ chiến đấu cho nhân dân Việt Nam. Mười nhiệm vụ đó so với Cương lĩnh 10 điểm của cuộc cách mạng dân chủ được quy định trong Nghị quyết của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ 6 của Đảng Cộng sản Trung Quốc họp tại Mát-xcơ-va vào tháng 6, tháng 7 năm 1930, thì có nhiều chỗ giống nhau hay tương tự. Điều đó chứng tỏ rằng, trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Hồ Chí Minh rất lưu ý cách mạng Trung Quốc và giữ lấy mối liên hệ mật thiết với Đảng Cộng sản Trung Quốc.

Sau khi thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, Hồ Chí Minh tiếp tục ở lại Hương Cảng hoạt động cách mạng. Lúc bấy giờ, Người lấy tên là Tống Văn Sơ.

Tháng 4 năm 1930, Trần Phú từ Liên Xô trở về Việt Nam. Tháng 10 năm đó, Hồ Chí Minh chủ trì triệu tập cuộc Hội nghị lần thứ nhất Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam họp tại Hương Cảng. Cuộc Hội nghị này thảo luận và thông qua bản Cương lĩnh chính trị, tức bản Cương lĩnh Cách mạng dân chủ tư sản do Trần Phú thảo ra theo ý kiến của Quốc tế Cộng sản và Hồ Chí Minh. Hội nghị lần này còn quyết định tên Đảng thành Đảng Cộng sản Đông Dương.

Trong thời gian ở Hương Cảng, Hồ Chí Minh vừa giữ lấy mối liên hệ với Quốc tế Cộng sản và Đảng Cộng sản Trung Quốc, vừa chú ý theo dõi phong trào cách mạng trong nước. Hồ Chí Minh thường gửi thư về cho tổ

chức đảng trong nước, chỉ đạo công tác đảng và phong trào cách mạng. Ngày 20 tháng 4 năm 1931, trong một bức thư gửi cho Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Hồ Chí Minh phê bình một số khuyết điểm và sai lầm trong công tác của Đảng Cộng sản Việt Nam, như bệnh hình thức, không thực tế, không cụ thể, không hiểu sâu sắc đối với tình huống của mỗi địa phương; các đoàn thể quần chúng, như Công đoàn, Nông hội, Thanh niên, Phụ nữ... còn nặng quan điểm hẹp hòi, đối với các Hội Liên hiệp chống đế quốc còn chưa chú trọng lắm... Hồ Chí Minh nhấn mạnh vạch ra nhiệm vụ trước mắt của Đảng là:

1. Sửa chữa những sai lầm trên.
2. Lập chương trình hành động cụ thể trong từng huyện và từng tỉnh.
3. Phân phối đảng viên (như nhà binh phân phối binh lính). Các đồng chí phụ trách một vùng hay một công tác nào đó, phải lập chương trình hành động cho mỗi một đồng chí trong mỗi một tổ chức.
4. Các Ban Chấp hành phải quản lý và kiểm soát rất tỉ mỉ việc thi hành các chương trình hành động đó.
5. Trước tiên phải thống nhất tổ chức Thanh niên và Công đoàn. Những tổ chức đó phải có sinh hoạt độc lập của mình".

Trong bức thư gửi cho Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương, Hồ Chí Minh còn yêu cầu rõ ràng: "Tất cả mọi đảng viên và tất cả các chi bộ phải thảo luận chỉ thị của Quốc tế thứ ba và Nghị quyết của Trung ương... Có làm như thế thì mới có thể nâng cao được trình độ viên, tất cả chỉ thị và nghị quyết mới được thi hành, tư tưởng và hành động của đảng viên mới thống nhất".

2. Hoạt động trong Việt kiều ở Thượng Hải

Đầu thập kỷ 30, trong tô giới Pháp ở Thượng Hải có khá nhiều Việt kiều cư trú. Ngoài một số công nhân ra, còn có hơn 4.000 người lính Việt Nam. Hồi đó, những người lính Bảo an, trên áo đều thắt vải xanh, nên gọi là "lính khố xanh"; những người lính chính quy thì thắt vải đỏ, nên gọi là "lính khố đỏ". Ngoài ra, trên tàu binh Pháp còn có khá nhiều lính thuỷ Việt Nam. Để làm tốt công tác tuyên truyền, phát động nhóm người này, ngay từ tháng 10 năm 1929, Đảng Cộng sản An Nam do một số thành viên Việt Nam Thanh niên Cách mạng đồng chí hội thành lập, đã phái Nguyễn Lương Bằng đến Thượng Hải hoạt động

tuyên truyền trong Việt kiều, đặc biệt là trong đám binh lính gốc Việt Nam này. Sau khi đến Thượng Hải, Nguyễn Lương Bằng trước tiên thành lập đoàn thể quần chúng - Hội Tương Tế trong công nhân Việt kiều. Về sau, Hội Tương Tế phát triển hội viên trong binh lính gốc Việt Nam. Ít lâu sau, tổ chức Đảng cũng gây dựng cơ sở trong đoàn thể quần chúng. Tháng 2 năm 1930, Đảng Cộng sản Việt Nam thành lập, Đảng phái đồng chí Phiếm Chu đến Thượng Hải giúp Nguyễn Lương Bằng triển khai công tác.

Sau khi triệu tập cuộc Hội nghị Thống nhất thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, Hồ Chí Minh đã nhiều lần từ Hương Cảng đến Thượng Hải gặp Nguyễn Lương Bằng, chỉ đạo cụ thể công việc của Đảng Cộng sản Việt Nam trong Việt kiều.

Mùa xuân năm 1930, Hồ Chí Minh từ Hương Cảng đến Thượng Hải gửi cho Nguyễn Lương Bằng một bức thư với lời lẽ như người yêu, hẹn Nguyễn Lương Bằng gặp mặt ở phòng bi-a của Công ty Tiên Thi. Nguyễn Lương Bằng đúng giờ đến chỗ hẹn gặp Hồ Chí Minh, lúc đó lấy bí danh là đồng chí Vương. Theo hồi ký của Nguyễn Lương Bằng thì hình dáng của Hồ Chí Minh lúc bấy giờ là: "Đồng chí Vương mặc áo đại cán thường, ba-dờ-xuy mỏng, đầu đội một cái mũ vợ-lua, gọi là vợ-lua, nhưng tàng hơn mũ phở tàng. Bốn năm trước, ở Quảng Châu, đồng chí Vương cũng gầy, bây giờ lại gầy hơn".

Sau khi gặp mặt, hai người ra đường phố, vừa đi vừa nói chuyện. Hồ Chí Minh hỏi tình hình công nhân và binh lính Việt Nam, cũng hỏi tình hình công tác, sinh hoạt và vấn đề an toàn của Nguyễn Lương Bằng, rồi nói:

"Tôi ở đây chỉ vài ngày rồi lại phải đi ngay. Hôm nay, chỉ cốt gặp nhau thôi, hẹn hôm sau nói chuyện lâu. Đồng chí công tác cố gắng đấy. Nhưng phải nên cẩn thận. Nó đang khủng bố riết".

Sáng hôm sau, Nguyễn Lương Bằng đến gặp Hồ Chí Minh ở một khách sạn. Nguyễn Lương Bằng thấy Hồ Chí Minh thuê một căn buồng vào hạng rẻ tiền. Buồng hẹp chỉ đủ kê một chiếc giường con và một cái bàn nhỏ, lại không có lò sưởi. Nhưng trên bàn có rất nhiều sách, có sách chữ Hán, cũng có sách tiếng Anh. Lại có cả cái máy đánh chữ nữa. Qua đó, Nguyễn Lương Bằng nhận thấy rằng, tuy đi lại bận rộn, song Hồ Chí Minh vẫn mãi mê công tác, trong lòng không khỏi nảy sinh ra ý nghĩ kính mến. Sau đó, Hồ Chí

Minh với Nguyễn Lương Bằng còn gặp nhau vài lần. Một lần, Hồ Chí Minh hẹn Nguyễn Lương Bằng đến thư viện Thượng Hải ở đường Nam Kinh. Trước khi gặp mặt, Hồ Chí Minh đặc biệt căn dặn: "Đến thư viện phải ăn mặc tươm tất, đi vào phải cho êm". Lần đó, Hồ Chí Minh bố trí nhiệm vụ cho Nguyễn Lương Bằng, yêu cầu cơ quan bí mật do Nguyễn Lương Bằng lãnh đạo phải bắt liên lạc với Đảng Cộng sản Trung Quốc để tranh thủ được các đồng chí Trung Quốc ủng hộ và giúp đỡ. Hồ Chí Minh nói:

"Phong trào bây giờ lên khá cao, công việc của đồng chí thì nhiều, một mình làm không xuể. Phương tiện cũng ít ỏi. Muốn đẩy mạnh công tác, phải có sự giúp đỡ của Đảng anh em. Người cộng sản bất kỳ hoạt động ở nước nào cũng phải chịu sự lãnh đạo của Đảng ở đây".

Sau đó ít ngày, Nguyễn Lương Bằng được gặp đồng chí Thái Xương. Thái Xương giới thiệu Nguyễn Lương Bằng với đồng chí phụ trách việc vận động binh lính ngoại quốc của Đảng Cộng sản Trung Quốc. Từ đó, cơ quan bí mật của Đảng Cộng sản Việt Nam ở Thượng Hải được Đảng Cộng sản Trung Quốc và quần chúng cách mạng Thượng Hải ủng hộ và giúp đỡ cho nhiều mặt. Theo Nguyễn Lương Bằng kể lại thì:

"Hồi đó, các đồng chí Trung Quốc giúp chúng tôi thật là tận tâm tận lực. Công việc của chúng tôi là viết những số báo "Kèn gọi lính". Còn việc ấn loát, việc phân phát báo vào các trại lính Việt Nam thì các đồng chí Trung Quốc đảm nhiệm hết. Các đồng chí còn cung cấp cho chúng tôi đủ các thứ giũa, giấy nến, bút thếp, v.v... Đây là lần đầu tiên chúng tôi phối hợp công tác với các đồng chí Đảng anh em. Ngay trong những bước đầu ấy, chúng tôi đã thấy được cụ thể nào là tinh thần Quốc tế Cộng sản mà mình mới nhận thức trên lý thuyết".

Vào khoảng tháng 7, tháng 8 năm 1930, Hồ Chí Minh lại một lần nữa từ Hương Cảng đến Thượng Hải. Lần này, Người triệu tập các đồng chí ở cơ quan bí mật của Đảng Cộng sản Việt Nam ở Thượng Hải họp, nghiên cứu vấn đề vận động binh lính Việt Nam ở Thượng Hải. Dưới đây là hồi ký của Nguyễn Lương Bằng về tình hình hồi đó:

"Đồng chí Vương mặc quần áo đùi, vắn kiểu cán bộ. Mùa nực, da dẻ đồng chí có phần hồng hào hơn là trong những ngày mùa đông tháng giá (chỉ Hồ Chí Minh lần đầu tiên đến Thượng Hải hồi đầu năm). Tôi nhớ trong buổi họp ấy, đồng chí có bảo chúng tôi là phải kết hợp tinh thần quốc tế vô sản với lòng yêu nước chân chính. Đồng chí Vương nói:

- Không nên chỉ hô hào thợ thuyền, dân cày chung chung. Không nên nói vô sản một cách cứng nhắc. Trước mắt chúng ta phải đánh đổ thực dân Pháp, giải phóng dân tộc. Cho nên, phải khơi lòng yêu nước của mọi người. Đối với anh em binh lính, ta nên kêu gọi nổi nhớ nhà, nhớ quê hương, rồi chuyển sang kêu gọi lòng yêu nước thương nòi. Như thế, mới đi vào lòng người ta được".

"Đồng chí Vương lại xem những số báo "Kèn gọi lính", nhắc chúng tôi không nên dùng chữ khó hiểu. Viết thì phải ngắn, gọn và rõ ràng. Sau đó, đồng chí Vương viết mấy bài, cả văn vần và văn xuôi, nội dung là yêu nước, ghét thống trị Pháp, văn rất ngắn gọn và dễ hiểu".

Do Hồ Chí Minh chỉ đạo cụ thể, nên về sau, công tác của cơ quan bí mật của Đảng Cộng sản Việt Nam thường trú ở Thượng Hải được cải tiến rất nhiều.

Báo "Kèn gọi lính" càng ngày càng được đông đảo binh lính và công nhân Việt Nam hoan nghênh, thu được hiệu quả tuyên truyền tốt đẹp.

3. Sau ngày bị nhà cầm quyền Anh ở Hương Cảng bắt giam

Trong mấy chục năm Hồ Chí Minh bôn ba vì cách mạng Việt Nam, đế quốc Pháp luôn luôn tìm cách lùng bắt Người. Do đó, đế quốc Pháp câu kết với bọn phản động các nước Anh, Nhật, Hà Lan... theo dõi chặt chẽ hành tung của Hồ Chí Minh, trăm mưu nghìn kế định bắt về trừng trị.

Nhà cầm quyền Anh ở Hương Cảng đã đóng một vai trò hết sức bỉ ổi trong việc thực hiện âm mưu này. Ngày 5 tháng 6 năm 1931, nhà cầm quyền Anh ở Hương Cảng đã bắt Hồ Chí Minh với tội hồ nghi là gián điệp Liên Xô phái đến Hương Cảng hoạt động phá hoại.

Đế quốc Anh bắt giam Hồ Chí Minh, rồi cho người lục soát và rình mò nơi Hồ Chí Minh ở. "Tường bị đào, nền bị lật lên, bục gỗ bị phá để tìm vũ khí và bom đạn. Quần áo, xà phòng, giấy tờ của Hồ Chí Minh được mang đi hóa nghiệm, xem trên đó có những kế hoạch tấn công hay chăng. Mái nhà cũng bị họ dỡ ra, để tìm kiếm máy thu phát vô tuyến điện. Cố nhiên là họ mất công toi".

Trong nhà tù, Hồ Chí Minh "bị giam trong một xà lim riêng, có những cảnh sát đặc biệt canh gác. Mỗi ngày hai lần, cho ăn cơm gạo xay và măng thối". Mỗi ngày, ngoài 15 phút được ra ngoài sân đi dạo với những người tù khác ra, "suốt ngày bị nhốt trong tối. Ăn, ngủ, rửa, ỉa, tất cả đều ở trong xà

lim. Tường dày, có khoét một lỗ nhỏ. Thỉnh thoảng, người gác Ấn Độ nhìn vào lỗ để xem thử người tù còn đầy không". Trong tù, "rệp rất nhiều", đến nỗi Hồ Chí Minh lấy việc săn rệp trong ngục làm môn thể thao duy nhất.

Hồ Chí Minh bị nhà cầm quyền Anh ở Hương Cảng bắt giam, bọn thực dân Pháp hí hửng chúc mừng nhau. Chúng yêu cầu nhà cầm quyền Anh ở Hương Cảng giao Hồ Chí Minh cho Chính phủ Pháp, thậm chí Toà án thực dân Pháp ở Nghệ An (quê hương Hồ Chí Minh), trong tình hình bị cáo khiếm diện, đã tuyên án Hồ Chí Minh tử hình, chỉ còn đợi để quốc Anh giao Hồ Chí Minh cho Pháp là lập tức đem ra hành quyết ngay.

Nhưng âm mưu đen tối này của thực dân Pháp đã bị thất bại.

Sau khi Hồ Chí Minh bị bắt, Quốc tế Cộng sản thông qua Hội Cứu tế đỏ Quốc tế đã phát động một phong trào cứu viện; đồng thời, thông qua Đồng minh quốc tế chống đế quốc vận động công nhân Anh đòi Chính phủ Anh phải tôn trọng quyền tự do và thả Hồ Chí Minh ra. Hội Cứu tế đỏ đã mượn Lô-dơ-bai (Loseby), một luật sư Anh tiến bộ ở Hương Cảng biện hộ cho Hồ Chí Minh. Lô-dơ-bai là thành viên của Đồng minh quốc tế chống đế quốc, rất đồng tình Hồ Chí Minh, trăm phương nghìn kế tìm cách biện hộ cho Người. Lô-dơ-bai nói với Hồ Chí Minh rằng: "Bác sĩ Tôn Dật Tiên được một người Anh cứu thoát. Tôi cũng sẽ ra sức để cứu ông. Ông hãy tin ở tôi. Ông hãy nói cho tôi nghe những điều gì có thể giúp cho tôi trong việc bênh vực ông. Tôi không muốn hỏi ông nhiều hơn. Vì mỗi người cách mạng đều có bí mật riêng của họ".

Do được Lô-dơ-bai biện hộ, sau nhiều phiên tòa kéo dài hơn một tháng, nhà cầm quyền Anh ở Hương Cảng từ đầu chí cuối, không tìm ra đủ chứng cứ để buộc tội Hồ Chí Minh, cuối cùng, đành tuyên bố xoá bỏ tất cả những lời buộc tội cho Hồ Chí Minh, nhưng quy định Hồ Chí Minh phải đáp một chiếc tàu Pháp rời khỏi Hương Cảng. Nhà cầm quyền Anh ở Hương Cảng xử trí như thế, hiển nhiên là tạo điều kiện thuận lợi để cho thực dân Pháp bắt Hồ Chí Minh.

Luật sư Lô-dơ-bai kiên quyết phản đối kết luận của Toà án Anh ở Hương Cảng. Và ông ta kêu lên Toà án Thượng thẩm tối cao ở Luân Đôn; đồng thời, giao vụ án này cho Phòng luật sư Xít-ta-phố Cơ-ríp (Stafford Crips). Trong khi chờ đợi Toà án Thượng thẩm ở Luân Đôn xét xử, Hồ Chí Minh bị ốm. Cả nhà luật sư Lô-dơ-bai chăm sóc Hồ Chí Minh hết sức chu đáo.

Nhớ sự nỗ lực của Phòng luật sư Xít-ta-pho Cơ-ríp, nên Toà án Thượng thẩm Anh ở Luân Đôn cuối cùng tuyên bố Hồ Chí Minh trắng án với 3 lý do sau đây:

1. Hoàn toàn không có chứng cứ gì để chứng minh Hồ Chí Minh là gián điệp của Liên Xô.

2. Không có chứng cứ gì chứng tỏ rằng Hồ Chí Minh định phá hoại Hương Cảng.

3. Bất cứ Cộng sản hay Quốc gia, theo pháp luật Anh, đều không thể coi là một tội trạng.

Thế là Hồ Chí Minh được trả lại tự do.

Sau Cách mạng tháng Tám thắng lợi, một hôm, Hồ Chí Minh gặp Nguyễn Lương Bằng, khi nhắc đến chuyện bị bắt ở Hương Cảng, Hồ Chí Minh đã kể rằng:

"Ngày ấy ở trong tù cũng chưa biết làm thế nào. Sau được biết có Cứu tế đỏ hết lòng giúp đỡ, lại có một thầy kiện Anh cãi cho mình. Bọn cầm quyền Anh ở Hương Cảng không kết án được, nhưng lại ra lệnh trục xuất. Đây là một mảnh khóe thâm độc. Vì không được ở Hương Cảng thì phải xuống tàu. Mà xuống tàu thì lại sa vào tay bọn phản động Quốc dân đảng hoặc vào tay đế quốc Pháp. Và chỉ có tử hình thôi. Ông thầy kiện ấy rất tốt. Bà vợ cũng tốt. Hai vợ chồng thường vào tù thăm mình, đem thức ăn, thức uống cho, lúc khó khăn lại tìm cách che giấu. Sau ông ấy lại bố trí cho mình ra khỏi Hương Cảng trên một chiếc tàu".

Hồ Chí Minh mãi mãi đội ơn luật sư Lô-dơ-bai đã cứu mình. Đạo Tết năm 1960, luật sư Lô-dơ-bai cùng bà vợ và cô con gái (khi đó còn cư ngụ ở Hương Cảng) đã được mời sang thăm Việt Nam. Hồ Chí Minh tiếp đãi thân mật cả gia đình Lô-dơ-bai ở Phủ Chủ tịch, nhiều lần tỏ lòng cảm ơn luật sư Lô-dơ-bai hồi đó đã cứu giúp mình.

Sau khi được trả lại tự do, vào khoảng đầu năm 1933, Hồ Chí Minh hóa trang thành một nhà buôn đáp tàu đi Hạ Môn, rồi sau đó đến Thượng Hải.

Lần này, Hồ Chí Minh đến Thượng Hải, so với 2 năm trước tình hình có khác. Do trong hàng ngũ cách mạng có kẻ bội phản, cơ sở bí mật của Đảng Cộng sản Việt Nam ở Thượng Hải bị phá hoại, Nguyễn Lương Bằng, Phiếm Chu... đều bị mật thám Pháp bắt và áp giải về Việt Nam cầm tù. Đạo đó, do ảnh hưởng của đường lối "tả" khuynh lần thứ ba của Vương Minh, nên tổ chức của Đảng Cộng sản ở khu trắng bị tổn thất nặng

Minh với Nguyễn Lương Bằng còn gặp nhau vài lần. Một lần, Hồ Chí Minh hẹn Nguyễn Lương Bằng đến thư viện Thượng Hải ở đường Nam Kinh. Trước khi gặp mặt, Hồ Chí Minh đặc biệt căn dặn: "Đến thư viện phải ăn mặc tươm tất, đi vào phải cho êm". Lần đó, Hồ Chí Minh bố trí nhiệm vụ cho Nguyễn Lương Bằng, yêu cầu cơ quan bí mật do Nguyễn Lương Bằng lãnh đạo phải bắt liên lạc với Đảng Cộng sản Trung Quốc để tranh thủ được các đồng chí Trung Quốc ủng hộ và giúp đỡ. Hồ Chí Minh nói:

"Phong trào bây giờ lên khá cao, công việc của đồng chí thì nhiều, một mình làm không xuể. Phương tiện cũng ít ỏi. Muốn đẩy mạnh công tác, phải có sự giúp đỡ của Đảng anh em. Người cộng sản bất kỳ hoạt động ở nước nào cũng phải chịu sự lãnh đạo của Đảng ở đấy".

Sau đó ít ngày, Nguyễn Lương Bằng được gặp đồng chí Thái Xương. Thái Xương giới thiệu Nguyễn Lương Bằng với đồng chí phụ trách việc vận động binh lính ngoại quốc của Đảng Cộng sản Trung Quốc. Từ đó, cơ quan bí mật của Đảng Cộng sản Việt Nam ở Thượng Hải được Đảng Cộng sản Trung Quốc và quần chúng cách mạng Thượng Hải ủng hộ và giúp đỡ cho nhiều mặt. Theo Nguyễn Lương Bằng kể lại thì:

"Hồi đó, các đồng chí Trung Quốc giúp chúng tôi thật là tận tâm tận lực. Công việc của chúng tôi là viết những số báo "Kèn gọi lính". Còn việc ấn loát, việc phân phát báo vào các trại lính Việt Nam thì các đồng chí Trung Quốc đảm nhiệm hết. Các đồng chí còn cung cấp cho chúng tôi đủ các thứ giũa, giấy nến, bút thép, v.v... Đây là lần đầu tiên chúng tôi phối hợp công tác với các đồng chí Đảng anh em. Ngay trong những bước đầu ấy, chúng tôi đã thấy được cụ thể nào là tinh thần Quốc tế Cộng sản mà mình mới nhận thức trên lý thuyết".

Vào khoảng tháng 7, tháng 8 năm 1930, Hồ Chí Minh lại một lần nữa từ Hương Cảng đến Thượng Hải. Lần này, Người triệu tập các đồng chí ở cơ quan bí mật của Đảng Cộng sản Việt Nam ở Thượng Hải họp, nghiên cứu vấn đề vận động binh lính Việt Nam ở Thượng Hải. Dưới đây là hồi ký của Nguyễn Lương Bằng về tình hình hồi đó:

"Đồng chí Vương mặc quần áo đùi, vẫn kiểu cán bộ. Mùa nực, da dẻ đồng chí có phần hồng hào hơn là trong những ngày mùa đông tháng giá (chỉ Hồ Chí Minh lần đầu tiên đến Thượng Hải hồi đầu năm). Tôi nhớ trong buổi họp ấy, đồng chí có bảo chúng tôi là phải kết hợp tinh thần quốc tế vô sản với lòng yêu nước chân chính. Đồng chí Vương nói:

- Không nên chỉ hô hào thợ thuyền, dân cày chung chung. Không nên nói vô sản một cách cứng nhắc. Trước mắt chúng ta phải đánh đổ thực dân Pháp, giải phóng dân tộc. Cho nên, phải khơi lòng yêu nước của mọi người. Đối với anh em binh lính, ta nên kêu gọi nỗi nhớ nhà, nhớ quê hương, rồi chuyển sang kêu gọi lòng yêu nước thương nòi. Như thế, mới đi vào lòng người ta được".

"Đồng chí Vương lại xem những số báo "Kèn gọi lính", nhắc chúng tôi không nên dùng chữ khó hiểu. Viết thì phải ngắn, gọn và rõ ràng. Sau đó, đồng chí Vương viết mấy bài, cả văn vắn và văn xuôi, nội dung là yêu nước, ghét thống trị Pháp, văn rất ngắn gọn và dễ hiểu".

Do Hồ Chí Minh chỉ đạo cụ thể, nên về sau, công tác của cơ quan bí mật của Đảng Cộng sản Việt Nam thường trú ở Thượng Hải được cải tiến rất nhiều.

Báo "Kèn gọi lính" càng ngày càng được đông đảo binh lính và công nhân Việt Nam hoan nghênh, thu được hiệu quả tuyên truyền tốt đẹp.

3. Sau ngày bị nhà cầm quyền Anh ở Hương Cảng bắt giam

Trong mấy chục năm Hồ Chí Minh bôn ba vì cách mạng Việt Nam, đế quốc Pháp luôn luôn tìm cách lùng bắt Người. Do đó, đế quốc Pháp câu kết với bọn phản động các nước Anh, Nhật, Hà Lan... theo dõi chặt chẽ hành tung của Hồ Chí Minh, trăm mưu nghìn kế định bắt về trừng trị.

Nhà cầm quyền Anh ở Hương Cảng đã đóng một vai trò hết sức bỉ ổi trong việc thực hiện âm mưu này. Ngày 5 tháng 6 năm 1931, nhà cầm quyền Anh ở Hương Cảng đã bắt Hồ Chí Minh với tội hồ nghi là gián điệp Liên Xô phái đến Hương Cảng hoạt động phá hoại.

Đế quốc Anh bắt giam Hồ Chí Minh, rồi cho người lục soát và rình mò nơi Hồ Chí Minh ở. "Tường bị đào, nền bị lật lên, bục gỗ bị phá để tìm vũ khí và bom đạn. Quần áo, xà phòng, giấy tờ của Hồ Chí Minh được mang đi hóa nghiệm, xem trên đó có những kế hoạch tấn công hay chẳng. Mái nhà cũng bị họ dỡ ra, để tìm kiếm máy thu phát vô tuyến điện. Cố nhiên là họ mất công toi".

Trong nhà tù, Hồ Chí Minh "bị giam trong một xà lim riêng, có những cảnh sát đặc biệt canh gác. Mỗi ngày hai lần, cho ăn cơm gạo xay và măng thối". Mỗi ngày, ngoài 15 phút được ra ngoài sân đi dạo với những người tù khác ra, "suốt ngày bị nhốt trong tối. Ăn, ngủ, rửa, ỉa, tất cả đều ở trong xà

lim. Tường dày, có khoét một lỗ nhỏ. Thỉnh thoảng, người gác Ấn Độ nhìn vào lỗ để xem thử người tù còn đầy không". Trong tù, "rệp rất nhiều", đến nỗi Hồ Chí Minh lấy việc săn rệp trong ngục làm môn thể thao duy nhất.

Hồ Chí Minh bị nhà cầm quyền Anh ở Hương Cảng bắt giam, bọn thực dân Pháp hí hửng chúc mừng nhau. Chúng yêu cầu nhà cầm quyền Anh ở Hương Cảng giao Hồ Chí Minh cho Chính phủ Pháp, thậm chí Tòa án thực dân Pháp ở Nghệ An (quê hương Hồ Chí Minh), trong tình hình bị cáo khiếm diện, đã tuyên án Hồ Chí Minh tử hình, chỉ còn đợi đế quốc Anh giao Hồ Chí Minh cho Pháp là lập tức đem ra hành quyết ngay.

Nhưng âm mưu đen tối này của thực dân Pháp đã bị thất bại.

Sau khi Hồ Chí Minh bị bắt, Quốc tế Cộng sản thông qua Hội Cứu tế đỏ Quốc tế đã phát động một phong trào cứu viện; đồng thời, thông qua Đồng minh quốc tế chống đế quốc vận động công nhân Anh đòi Chính phủ Anh phải tôn trọng quyền tự do và thả Hồ Chí Minh ra. Hội Cứu tế đỏ đã mượn Lô-dơ-bai (Loseby), một luật sư Anh tiến bộ ở Hương Cảng biện hộ cho Hồ Chí Minh. Lô-dơ-bai là thành viên của Đồng minh quốc tế chống đế quốc, rất đồng tình Hồ Chí Minh, trăm phương nghìn kế tìm cách biện hộ cho Người. Lô-dơ-bai nói với Hồ Chí Minh rằng: "Bác sĩ Tôn Dật Tiên được một người Anh cứu thoát. Tôi cũng sẽ ra sức để cứu ông. Ông hãy tin ở tôi. Ông hãy nói cho tôi nghe những điều gì có thể giúp cho tôi trong việc bênh vực ông. Tôi không muốn hỏi ông nhiều hơn. Vì mỗi người cách mạng đều có bí mật riêng của họ".

Do được Lô-dơ-bai biện hộ, sau nhiều phiên tòa kéo dài hơn một tháng, nhà cầm quyền Anh ở Hương Cảng từ đầu chí cuối, không tìm ra đủ chứng cứ để buộc tội Hồ Chí Minh, cuối cùng, đành tuyên bố xoá bỏ tất cả những lời buộc tội cho Hồ Chí Minh, nhưng quy định Hồ Chí Minh phải đáp một chiếc tàu Pháp rời khỏi Hương Cảng. Nhà cầm quyền Anh ở Hương Cảng xử trí như thế, hiển nhiên là tạo điều kiện thuận lợi để cho thực dân Pháp bắt Hồ Chí Minh.

Luật sư Lô-dơ-bai kiên quyết phản đối kết luận của Tòa án Anh ở Hương Cảng. Và ông ta kêu lên Tòa án Thượng thẩm tối cao ở Luân Đôn; đồng thời, giao vụ án này cho Phòng luật sư Xít-ta-phố Cơ-ríp (Stafford Crips). Trong khi chờ đợi Tòa án Thượng thẩm ở Luân Đôn xét xử, Hồ Chí Minh bị ốm. Cả nhà luật sư Lô-dơ-bai chăm sóc Hồ Chí Minh hết sức chu đáo.

Nhớ sự nỗ lực của Phòng luật sư Xít-ta-pho Cơ-ríp, nên Toà án Thượng thẩm Anh ở Luân Đôn cuối cùng tuyên bố Hồ Chí Minh trắng án với 3 lý do sau đây:

1. Hoàn toàn không có chứng cứ gì để chứng minh Hồ Chí Minh là gián điệp của Liên Xô.

2. Không có chứng cứ gì chứng tỏ rằng Hồ Chí Minh định phá hoại Hương Cảng.

3. Bất cứ Cộng sản hay Quốc gia, theo pháp luật Anh, đều không thể coi là một tội trạng.

Thế là Hồ Chí Minh được trả lại tự do.

Sau Cách mạng tháng Tám thắng lợi, một hôm, Hồ Chí Minh gặp Nguyễn Lương Bằng, khi nhắc đến chuyện bị bắt ở Hương Cảng, Hồ Chí Minh đã kể rằng:

"Ngày ấy ở trong tù cũng chưa biết làm thế nào. Sau được biết có Cứu tế đỏ hết lòng giúp đỡ, lại có một thầy kiện Anh cãi cho mình. Bọn cầm quyền Anh ở Hương Cảng không kết án được, nhưng lại ra lệnh trục xuất. Đây là một mảnh khoe thâm độc. Vì không được ở Hương Cảng thì phải xuống tàu. Mà xuống tàu thì lại sa vào tay bọn phản động Quốc dân đảng hoặc vào tay đế quốc Pháp. Và chỉ có tử hình thôi. Ông thầy kiện ấy rất tốt. Bà vợ cũng tốt. Hai vợ chồng thường vào tù thăm mình, đem thức ăn, thức uống cho, lúc khó khăn lại tìm cách che giấu. Sau ông ấy lại bố trí cho mình ra khỏi Hương Cảng trên một chiếc tàu".

Hồ Chí Minh mãi mãi đội ơn luật sư Lô-dơ-bai đã cứu mình. Đạo Tết năm 1960, luật sư Lô-dơ-bai cùng bà vợ và cô con gái (khi đó còn cư ngụ ở Hương Cảng) đã được mời sang thăm Việt Nam. Hồ Chí Minh tiếp đãi thân mật cả gia đình Lô-dơ-bai ở Phủ Chủ tịch, nhiều lần tỏ lòng cảm ơn luật sư Lô-dơ-bai hồi đó đã cứu giúp mình.

Sau khi được trả lại tự do, vào khoảng đầu năm 1933, Hồ Chí Minh hóa trang thành một nhà buôn đáp tàu đi Hạ Môn, rồi sau đó đến Thượng Hải.

Lần này, Hồ Chí Minh đến Thượng Hải, so với 2 năm trước tình hình có khác. Do trong hàng ngũ cách mạng có kẻ bội phản, cơ sở bí mật của Đảng Cộng sản Việt Nam ở Thượng Hải bị phá hoại, Nguyễn Lương Bằng, Phiếm Chu... đều bị mật thám Pháp bắt và áp giải về Việt Nam cầm tù. Đạo đó, do ảnh hưởng của đường lối "tả" khuynh lần thứ ba của Vương Minh, nên tổ chức của Đảng Cộng sản ở khu trắng bị tổn thất nặng

ngừng lo tới các hậu quả không thể lường hết của một cuộc chiến tranh tổng lực ở Việt Nam.

Như vậy, tôi và Lơ-clec cùng chung một quan điểm: phải tìm mọi cách tránh giải pháp dùng vũ lực. Muốn vậy, để chuẩn bị cho đạo quân viễn chinh kéo vào Bắc Kỳ phải có hai cuộc vận động ngoại giao cần thiết:

- Một Hiệp định Pháp - Hoa công nhận việc quân đội Trung Hoa phải rút lui nhường chỗ cho quân Pháp.

- Một Hiệp định Pháp - Việt dự kiến và thừa nhận nhiều vấn đề, trong đó có vấn đề quân đội Pháp quay trở lại miền Bắc Việt Nam.

Hai hiệp định này liên tục được thảo luận ở Trùng Khánh cũng như tại Hà Nội. Ông Hồ Chí Minh và các cố vấn của ông tranh luận từng câu từng chữ được đề xuất trong dự thảo Hiệp định Pháp - Việt. Biết bao lần chúng tôi có cảm giác không thể nào hoàn thành công việc được, cũng như không bao giờ có thể cùng có một tiếng nói chung. Ông Hồ Chí Minh yêu cầu có thời gian suy nghĩ thêm, hỏi ý kiến bạn bè và các cố vấn của ông... Về phần tôi, trước khi chấp nhận dùng từ này hay cho từ kia cũng phải về Sài Gòn xin ý kiến.

Vấn đề làm cho cuộc đàm phán vấp nhiều nhất là ý nghĩa gắn cho từ độc lập. Chúng tôi phải dừng lại hàng tuần ở từ này.

Ngày 16-2, sau một cuộc hội đàm, chúng tôi cảm thấy có thể thoả thuận với nhau được. Ông Hồ Chí Minh đã nêu rõ những điều kiện và nguyện vọng của mình, những điều ấy không phải là không chấp nhận được và tôi quyết định bàn thêm với tướng Lơ-clec đang tạm thời giữ chức quyền cao ủy trong khi đô đốc Đacgiăngliơ đang công cán ở Pa-ri, trước khi báo cáo lên chính phủ Pháp. Ngày 18-2, Lơ-clec điện cho Pa-ri rằng muốn đi đến một hiệp định không nên ngăn ngại gì nữa mà không dùng ngay từ *độc lập* vì ông ta hiểu rằng đã tới đích. Những điểm chính của bản dự thảo được điện lập tức cho đô đốc Đac-giăng-li-ơ để báo cáo lên chính phủ Pháp. Lơ-clec kết thúc bức điện: "Tôi nhắc lại rằng điều chủ yếu là gửi ngay cho chúng tôi những đề nghị của chính phủ Pháp, nếu không cơ hội có thể bị bỏ lỡ".

Được Pa-ri chấp thuận, tôi trở về Hà Nội ngay lập tức. Hôm nay, tôi nhận được sự đồng ý về nguyên tắc mà Đac-giăng-li-ơ thay mặt chính phủ Pháp giao cho để chuyển đến tay ông Hồ Chí Minh. Bản phúc đáp của chính phủ Pháp thừa nhận những đề nghị ghi trong bức điện gửi đi

ngày 18 của chúng tôi, chỉ còn vài điểm cần phải chính xác thêm và cần được hình thức hoá.

Ít lâu sau, trước khi ký Hiệp định Sơ bộ 6 tháng 3, ông Hồ Chí Minh đã chọn công thức: Quốc gia tự do trong Liên bang Đông Dương và trong Liên hiệp Pháp. Lúc này đội quân viễn chinh Pháp đang hành quân trên mặt biển, vì những lý do bức thiết có liên quan đến thuỷ triều nên sẽ phải đổ bộ lên Hải Phòng trong khoảng thời gian từ mùng 5 đến mùng 7 tháng 3. Nếu đến lúc ấy mà chưa đi đến một Hiệp định Pháp - Việt thì quân Pháp phải dùng vũ lực để đổ bộ. Vì vậy, tôi và Lơ-clec thoả thuận với nhau rằng dù thế nào đi chăng nữa cũng không thể thay đổi ngày đổ bộ và phải chuẩn bị các cuộc hành quân khác nhau nhằm bảo vệ người Pháp ở Hà Nội trước những phản ứng của người Trung Hoa và của người Việt Nam. Chúng tôi cho nhiều đội biệt kích nhảy dù xuống các điểm xung yếu, thả vũ khí xuống cho binh lính Pháp đang bị hãm chân trong thành Hà Nội, v.v...

Hiệp định chỉ trở thành hiện thực vào đêm 5 rạng sáng ngày 6 tháng 3. Cuộc đàm phán kéo dài tới quá nửa đêm và đã tưởng lại lâm vào bế tắc. Khi ra về, Pi-nhông và tôi yêu cầu ông Hồ Chí Minh suy nghĩ thêm, tôi cố làm cho ông hiểu rằng ngày mai là đã muộn. Ông Hồ Chí Minh cũng biết các tàu chiến Pháp đã tới bờ biển Bắc Kỳ, thế nhưng trong đêm mùng 5, Lơ-clec đã chuyển cho tôi một lá thư yêu cầu sống chết gì thì cũng phải đi đến ký Hiệp định Pháp - Việt, không thể dùng vũ lực để đổ bộ được vì ông ta biết người Trung Hoa lại vi phạm hiệp định, họ không đồng ý cho quân Pháp đổ bộ xấu nhất: Một cuộc chiến tranh tổng lực ở Việt Nam.

II. HIỆP ĐỊNH SƠ BỘ MÙNG 6 THÁNG 3

Nỗi lo sợ của chúng tôi vơi đi khi bước sang ngày mùng 6 tháng 3. Trời vừa tang tảng sáng. Ông Hoàng Minh Giám đã đến tận nhà riêng để báo cho tôi hay rằng: "Chủ tịch đã nhận được những điều khoản của ông nêu ra". Chúng tôi thoả thuận với nhau là sẽ có một cuộc gặp gỡ khác để quy định cụ thể những điều khoản của văn bản và chính thức ký kết vào lúc 16 giờ.

Khoảng 9 giờ, tôi nhận được tin quân đội Trung Hoa ở Hải Phòng đã nổ súng vào những tàu chiến Pháp đang tiến vào sông Cẩm.

Đến 12 giờ 30 ngày mồng 6 tháng 3 năm 1946, ông Hồ Chí Minh, Hoàng Minh Giám cùng với Pi-nhông và tôi bàn luận những điều khoản cuối cùng.

Lúc 13 giờ tại Hà Nội, hiệp định đã được thảo xong và tất cả nhất trí việc ký kết chính thức sẽ tiến hành vào lúc 16 giờ 30. Hiệp định Sơ bộ thoả thuận những điều khoản chung cho phép quân đội Pháp trở lại Bắc Kỳ một cách hoà bình.

16 giờ, những đại diện Việt Nam đã tập trung tại nơi làm việc của ông Hồ Chí Minh. Tại đây Vũ Hồng Khanh - Thứ trưởng Bộ Quốc phòng, Nguyễn Tường Tam - Bộ trưởng Bộ Ngoại giao, lãnh tụ Việt Nam Quốc dân đảng; Hoàng Minh Giám - Tổng thư ký và cố vấn tin cẩn của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Có mặt các quan sát viên của Đồng minh: Anh, Mỹ, Trung Hoa và ngoài ra, chính ông Hồ Chí Minh yêu cầu phải có mặt Luy Ca-puy, thư ký của nhóm mác-xít "Việt - Pháp".

Cùng đi với tôi có tướng Xa-lăng và ông Lê-ông Pi-nhông, vài chính khách khác trong Phủ Cao ủy Pháp. Tôi là đại diện cho Cao ủy Pháp ở Đông Dương được trao ủy nhiệm của Chính phủ lâm thời Cộng hoà Pháp.

Tất cả các quan khách đều đứng, bản Hiệp định Sơ bộ được đọc to lên. Hồ Chí Minh là người ký đầu tiên, sau đó Vũ Hồng Khanh ký tiếp. Sở dĩ ông Hồ Chí Minh yêu cầu có chữ ký của Vũ Hồng Khanh vì đó là một người mà ai cũng biết là thân Nhật và bài Pháp ra mặt, một người đã chủ trương chống đối và gây hấn. Ông Hồ Chí Minh muốn ngừa trước những luận điệu tuyên truyền của các phe phái buộc cho ông tội phản bội nền độc lập của Việt Nam.

Cuối cùng đến lượt tôi đại diện cho nước Pháp ký vào bản hiệp định. Nội dung Hiệp định Sơ bộ ghi rõ: "Một bên là Chính phủ Cộng hoà Pháp do ông Xanh-tơ-ny, người thay mặt và có sự ủy nhiệm chính thức của thủy sư đô đốc Giooc Thi-ơ-ry Đac-giăng-liơ, thượng sứ Pháp thừa nhiệm ủy quyền của Chính phủ Cộng hoà Pháp làm đại biểu.

Một bên là ông Hồ Chí Minh, Chủ tịch Chính phủ Cộng hoà Việt Nam và Đặc ủy quyền của Hội đồng Bộ trưởng Vũ Hồng Khanh làm đại biểu.

Hai bên đã thoả thuận về các khoản sau đây:

1. Chính phủ Pháp công nhận nước Việt Nam dân chủ cộng hòa là một nước tự do có chính phủ riêng, nghị viện riêng, quân đội và tài chính riêng, và là một thành viên thuộc Liên bang Đông Dương trong

khối Liên hiệp Pháp. Về việc thống nhất ba kỳ, chính phủ Pháp cam đoan thừa nhận những quyền quyết định trực tiếp thuộc về nhân dân Việt Nam.

2. Chính phủ Việt Nam tuyên bố sẵn sàng tiếp đón thân thiện quân đội Pháp khi đội quân Pháp chiêu theo các hiệp định quốc tế đến thay thế quân đội Trung Hoa. Một hiệp định phụ kèm theo Hiệp định Sơ bộ sẽ định rõ cách thức tiến hành quá trình thay thế.

3. Các điều khoản trên được thi hành tức khắc sau khi ký hiệp định. Hai chính phủ phải quyết định ngay mọi biện pháp để chấm dứt lập tức các cuộc xung đột, giữ nguyên quân đội hai bên tại vị trí hiện thời và để tạo bầu không khí thân mật cần mở ngay cuộc điều đình thân thiện và thành thực bàn về:

- a) Những liên lạc ngoại giao của Việt Nam với nước ngoài.
- b) Chế độ tương lai ở Đông Dương.
- c) Những quyền lợi kinh tế và văn hóa của Pháp ở Việt Nam.

Các thành phố Hà Nội, Sài Gòn, Pa-ri có thể được chọn làm nơi tiến hành hội nghị đó.

Làm tại Hà Nội ngày 6-3-1946

Ký tên

Hồ Chí Minh - Vũ Hồng Khanh - Xanh-tơ-ny

Như vậy đã kết thúc một thời kỳ vô cùng bi đát của nước Pháp ở Viễn Đông.

Tuy nhiên, Hiệp định Sơ bộ mồng 6 tháng 3 chỉ là một bộ khung, trong bộ khung ấy sẽ ghi thêm về sau này cụ thể và chính xác hơn những điều khoản cần thiết cho một sự hợp tác hoà bình đáng tin cậy. Bản Hiệp định Sơ bộ vừa được ký xong đã bị những kẻ gièm pha của cả đôi bên chỉ trích, phỉ báng, từ dè dặt đến vô cùng hung hãn.

Về phía người Pháp, có những kẻ ngoan cố do động cơ muốn trả đũa. Mãi sau này, khi bọn họ đã núp dưới bóng vũng vàng của những xe thiết giáp dưới quyền tướng Lơ-clec, lúc mọi sự đã an toàn trở lại, họ mới bắt đầu lớn tiếng chỉ trích, phản đối, và phán như thánh sống mở đầu cho một phản ứng vô cùng nguy hiểm và không tài nào tránh nổi.

Về phía Việt Nam, việc ký Hiệp định Sơ bộ mồng 6 tháng 3 bị các phe phái chống đối khai thác để buộc tội ông Hồ Chí Minh, tìm mọi cách làm mất uy tín của ông.

ngừng lo tới các hậu quả không thể lường hết của một cuộc chiến tranh tổng lực ở Việt Nam.

Như vậy, tôi và Lơ-clec cùng chung một quan điểm: phải tìm mọi cách tránh giải pháp dùng vũ lực. Muốn vậy, để chuẩn bị cho đạo quân viễn chinh kéo vào Bắc Kỳ phải có hai cuộc vận động ngoại giao cần thiết:

- Một Hiệp định Pháp - Hoa công nhận việc quân đội Trung Hoa phải rút lui nhường chỗ cho quân Pháp.

- Một Hiệp định Pháp - Việt dự kiến và thừa nhận nhiều vấn đề, trong đó có vấn đề quân đội Pháp quay trở lại miền Bắc Việt Nam.

Hai hiệp định này liên tục được thảo luận ở Trùng Khánh cũng như tại Hà Nội. Ông Hồ Chí Minh và các cố vấn của ông tranh luận từng câu từng chữ được đề xuất trong dự thảo Hiệp định Pháp - Việt. Biết bao lần chúng tôi có cảm giác không thể nào hoàn thành công việc được, cũng như không bao giờ có thể cùng có một tiếng nói chung. Ông Hồ Chí Minh yêu cầu có thời gian suy nghĩ thêm, hỏi ý kiến bạn bè và các cố vấn của ông... Về phần tôi, trước khi chấp nhận dùng từ này hay cho từ kia cũng phải về Sài Gòn xin ý kiến.

Vấn đề làm cho cuộc đàm phán vấp nhiều nhất là ý nghĩa gắn cho từ độc lập. Chúng tôi phải dừng lại hàng tuần ở từ này.

Ngày 16-2, sau một cuộc hội đàm, chúng tôi cảm thấy có thể thoả thuận với nhau được. Ông Hồ Chí Minh đã nêu rõ những điều kiện và nguyện vọng của mình, những điều ấy không phải là không chấp nhận được và tôi quyết định bàn thêm với tướng Lơ-clec đang tạm thời giữ chức quyền cao ủy trong khi đô đốc Đacgiăngliơ đang công cán ở Pa-ri, trước khi báo cáo lên chính phủ Pháp. Ngày 18-2, Lơ-clec điện cho Pa-ri rằng muốn đi đến một hiệp định không nên ngần ngại gì nữa mà không dùng ngay từ *độc lập* vì ông ta hiểu rằng đã tới đích. Những điểm chính của bản dự thảo được điện lập tức cho đô đốc Đac-giăng-li-ơ để báo cáo lên chính phủ Pháp. Lơ-clec kết thúc bức điện: "Tôi nhắc lại rằng điều chủ yếu là gửi ngay cho chúng tôi những đề nghị của chính phủ Pháp, nếu không cơ hội có thể bị bỏ lỡ".

Được Pa-ri chấp thuận, tôi trở về Hà Nội ngay lập tức. Hôm nay, tôi nhận được sự đồng ý về nguyên tắc mà Đac-giăng-li-ơ thay mặt chính phủ Pháp giao cho để chuyển đến tay ông Hồ Chí Minh. Bản phúc đáp của chính phủ Pháp thừa nhận những đề nghị ghi trong bức điện gửi đi

ngày 18 của chúng tôi, chỉ còn vài điểm cần phải chính xác thêm và cần được hình thức hoá.

Ít lâu sau, trước khi ký Hiệp định Sơ bộ 6 tháng 3, ông Hồ Chí Minh đã chọn công thức: Quốc gia tự do trong Liên bang Đông Dương và trong Liên hiệp Pháp. Lúc này đội quân viễn chinh Pháp đang hành quân trên mặt biển, vì những lý do bức thiết có liên quan đến thuỷ triều nên sẽ phải đổ bộ lên Hải Phòng trong khoảng thời gian từ mùng 5 đến mùng 7 tháng 3. Nếu đến lúc ấy mà chưa đi đến một Hiệp định Pháp - Việt thì quân Pháp phải dùng vũ lực để đổ bộ. Vì vậy, tôi và Lơ-clec thoả thuận với nhau rằng dù thế nào đi chăng nữa cũng không thể thay đổi ngày đổ bộ và phải chuẩn bị các cuộc hành quân khác nhau nhằm bảo vệ người Pháp ở Hà Nội trước những phản ứng của người Trung Hoa và của người Việt Nam. Chúng tôi cho nhiều đội biệt kích nhảy dù xuống các điểm xung yếu, thả vũ khí xuống cho binh lính Pháp đang bị hãm chân trong thành Hà Nội, v.v...

Hiệp định chỉ trở thành hiện thực vào đêm 5 rạng sáng ngày 6 tháng 3. Cuộc đàm phán kéo dài tới quá nửa đêm và đã tưởng lại lâm vào bế tắc. Khi ra về, Pi-nhông và tôi yêu cầu ông Hồ Chí Minh suy nghĩ thêm, tôi cố làm cho ông hiểu rằng ngày mai là đã muộn. Ông Hồ Chí Minh cũng biết các tàu chiến Pháp đã tới bờ biển Bắc Kỳ, thế nhưng trong đêm mùng 5, Lơ-clec đã chuyển cho tôi một lá thư yêu cầu sống chết gì thì cũng phải đi đến ký Hiệp định Pháp - Việt, không thể dùng vũ lực để đổ bộ được vì ông ta biết người Trung Hoa lại vi phạm hiệp định, họ không đồng ý cho quân Pháp đổ bộ xấu nhất: Một cuộc chiến tranh tổng lực ở Việt Nam.

II. HIỆP ĐỊNH SƠ BỘ MÙNG 6 THÁNG 3

Nỗi lo sợ của chúng tôi vơi đi khi bước sang ngày mùng 6 tháng 3. Trời vừa tang tảng sáng. Ông Hoàng Minh Giám đã đến tận nhà riêng để báo cho tôi hay rằng: "Chủ tịch đã nhận được những điều khoản của ông nêu ra". Chúng tôi thoả thuận với nhau là sẽ có một cuộc gặp gỡ khác để quy định cụ thể những điều khoản của văn bản và chính thức ký kết vào lúc 16 giờ.

Khoảng 9 giờ, tôi nhận được tin quân đội Trung Hoa ở Hải Phòng đã nổ súng vào những tàu chiến Pháp đang tiến vào sông Cẩm. .

Đến 12 giờ 30 ngày mồng 6 tháng 3 năm 1946, ông Hồ Chí Minh, Hoàng Minh Giám cùng với Pi-nhông và tôi bàn luận những điều khoản cuối cùng.

Lúc 13 giờ tại Hà Nội, hiệp định đã được thảo xong và tất cả nhất trí việc ký kết chính thức sẽ tiến hành vào lúc 16 giờ 30. Hiệp định Sơ bộ thoả thuận những điều khoản chung cho phép quân đội Pháp trở lại Bắc Kỳ một cách hoà bình.

16 giờ, những đại diện Việt Nam đã tập trung tại nơi làm việc của ông Hồ Chí Minh. Tại đây Vũ Hồng Khanh - Thứ trưởng Bộ Quốc phòng, Nguyễn Tường Tam - Bộ trưởng Bộ Ngoại giao, lãnh tụ Việt Nam Quốc dân đảng; Hoàng Minh Giám - Tổng thư ký và cố vấn tin cẩn của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Có mặt các quan sát viên của Đồng minh: Anh, Mỹ, Trung Hoa và ngoài ra, chính ông Hồ Chí Minh yêu cầu phải có mặt Luy Ca-puy, thư ký của nhóm mác-xít "Việt - Pháp".

Cùng đi với tôi có tướng Xa-lăng và ông Lê-ông Pi-nhông, vài chính khách khác trong Phủ Cao ủy Pháp. Tôi là đại diện cho Cao ủy Pháp ở Đông Dương được trao ủy nhiệm của Chính phủ lâm thời Cộng hoà Pháp.

Tất cả các quan khách đều đứng, bản Hiệp định Sơ bộ được đọc to lên. Hồ Chí Minh là người ký đầu tiên, sau đó Vũ Hồng Khanh ký tiếp. Sở dĩ ông Hồ Chí Minh yêu cầu có chữ ký của Vũ Hồng Khanh vì đó là một người mà ai cũng biết là thân Nhật và bài Pháp ra mặt, một người đã chủ trương chống đối và gây hấn. Ông Hồ Chí Minh muốn ngừa trước những luận điệu tuyên truyền của các phe phái buộc cho ông tội phản bội nền độc lập của Việt Nam.

Cuối cùng đến lượt tôi đại diện cho nước Pháp ký vào bản hiệp định. Nội dung Hiệp định Sơ bộ ghi rõ: "Một bên là Chính phủ Cộng hoà Pháp do ông Xanh-tơ-ny, người thay mặt và có sự ủy nhiệm chính thức của thủ sư đô đốc Giooc Thi-ơ-ry Đac-giăng-liơ, thượng sứ Pháp thừa nhiệm ủy quyền của Chính phủ Cộng hoà Pháp làm đại biểu.

Một bên là ông Hồ Chí Minh, Chủ tịch Chính phủ Cộng hoà Việt Nam và Đặc ủy quyền của Hội đồng Bộ trưởng Vũ Hồng Khanh làm đại biểu.

Hai bên đã thoả thuận về các khoản sau đây:

1. Chính phủ Pháp công nhận nước Việt Nam dân chủ cộng hòa là một nước tự do có chính phủ riêng, nghị viện riêng, quân đội và tài chính riêng, và là một thành viên thuộc Liên bang Đông Dương trong

khối Liên hiệp Pháp. Về việc thống nhất ba kỳ, chính phủ Pháp cam đoan thừa nhận những quyền quyết định trực tiếp thuộc về nhân dân Việt Nam.

2. Chính phủ Việt Nam tuyên bố sẵn sàng tiếp đón thân thiện quân đội Pháp khi đội quân Pháp chiếu theo các hiệp định quốc tế đến thay thế quân đội Trung Hoa. Một hiệp định phụ kèm theo Hiệp định Sơ bộ sẽ định rõ cách thức tiến hành quá trình thay thế.

3. Các điều khoản trên được thi hành tức khắc sau khi ký hiệp định. Hai chính phủ phải quyết định ngay mọi biện pháp để chấm dứt lập tức các cuộc xung đột, giữ nguyên quân đội hai bên tại vị trí hiện thời và để tạo bầu không khí thân mật cần mở ngay cuộc điều đình thân thiện và thành thực bàn về:

- a) Những liên lạc ngoại giao của Việt Nam với nước ngoài.
- b) Chế độ tương lai ở Đông Dương.
- c) Những quyền lợi kinh tế và văn hóa của Pháp ở Việt Nam.

Các thành phố Hà Nội, Sài Gòn, Pa-ri có thể được chọn làm nơi tiến hành hội nghị đó.

Làm tại Hà Nội ngày 6-3-1946

Ký tên

Hồ Chí Minh - Vũ Hồng Khanh - Xanh-tơ-ny

Như vậy đã kết thúc một thời kỳ vô cùng bi đát của nước Pháp ở Viễn Đông.

Tuy nhiên, Hiệp định Sơ bộ mồng 6 tháng 3 chỉ là một bộ khung, trong bộ khung ấy sẽ ghi thêm về sau này cụ thể và chính xác hơn những điều khoản cần thiết cho một sự hợp tác hoà bình đáng tin cậy. Bản Hiệp định Sơ bộ vừa được ký xong đã bị những kẻ gièm pha của cả đôi bên chỉ trích, phỉ báng, từ dè dặt đến vô cùng hung hãn.

Về phía người Pháp, có những kẻ ngoan cố do động cơ muốn trả đũa. Mãi sau này, khi bọn họ đã núp dưới bóng vừng vàng của những xe thiết giáp dưới quyền tướng Lơ-clec, lúc mọi sự đã an toàn trở lại, họ mới bắt đầu lớn tiếng chỉ trích, phản đối, và phán như thánh sống mở đầu cho một phản ứng vô cùng nguy hiểm và không tài nào tránh nổi.

Về phía Việt Nam, việc ký Hiệp định Sơ bộ mồng 6 tháng 3 bị các phe phái chống đối khai thác để buộc tội ông Hồ Chí Minh, tìm mọi cách làm mất uy tín của ông.

Chữ "Việt gian" bắt đầu truyền đi trong những câu chuyện về ông Hồ đã bị bọn Pháp cho vào tròng. Chúng lại núp sau những lời hứa ngọt ngào, tay lăm lăm vũ khí chuẩn bị chiếm lại miền Bắc Đông Dương. Quân đội Pháp vài tiếng đồng hồ nữa sẽ tràn vào Hà Nội lại bắt đầu áp bức và sẽ tàn bạo hơn bao giờ hết...

Ông Hồ Chí Minh không phải không lường trước được tình hình ấy, ông đã giải thích cho những người đồng chí hăng hái của ông rõ:

"Người Pháp là người nước ngoài, ở xa ta, nhiều khó khăn. Chủ nghĩa thực dân đang tàn lụi. Không gì có thể chống lại áp lực của thế giới đòi độc lập. Chúng có thể ở lại một thời gian nhưng rồi chúng phải xéo đi vì người da trắng đã hết thời ở châu Á. Nhưng nếu bây giờ người Trung Hoa ở lại thì khác".

Tuy nhiên, ông Hồ Chí Minh cũng rất lo ngại nên đã cho dán trong khắp thành phố một thông báo có nội dung sau:

"Chính phủ Pháp công nhận nước Việt Nam có quyền tự thành lập lấy chính phủ của mình và hoàn toàn độc lập trong vấn đề nội chính. Chính phủ lâm thời Việt Nam không phản đối việc trở lại một cách hoà bình của các đơn vị quân đội Pháp được phép và thay thế quân đội Trung Hoa đang đồn trú ở Bắc Đông Dương đến vĩ tuyến 16.

Một trong những điều khoản của Hiệp định Sơ bộ là mọi dụng độ trên toàn Đông Dương phải chấm dứt lập tức trong vòng 24 tiếng đồng hồ sau khi công bố bản thông cáo này trên các đài phát thanh ở Hà Nội và Sài Gòn".

J.R. XANH-TO-NY
*Cao ủy Pháp tại Bắc Đông
Dương, Đại diện Chính phủ
lâm thời Cộng hoà Pháp*

HỒ CHÍ MINH
*Chủ tịch lâm thời nước
Việt Nam dân chủ cộng hoà*

Tiếp theo, một bản công lệnh kêu gọi ngừng bắn được truyền đi.

Theo lời mời của Đac-giăng-liơ ngày 24 tháng 3, ông Hồ Chí Minh và tôi đến gặp ngài thuỷ sứ đô đốc trên chiến hạm đô đốc. Cuộc gặp gỡ diễn ra rất thoải mái và thân mật. Ông Hồ Chí Minh đáp từ rất giản dị, không sơ suất điều gì khi đô đốc Đac-giăng-liơ nâng cốc chúc mừng. Sau đó là những cuộc trao đổi khá lâu trong buồng đô đốc, đề cập tới vấn đề phức tạp nhất. Các điều khoản tiếp theo những điều đã ký kết. Việc

chọn địa điểm hội nghị để bàn tới vấn đề Hiệp nghị Pháp - Việt cũng được đưa ra bàn cãi. Ông Hồ Chí Minh cho là cần phải họp ở Pa-ri. Dân chúng Việt Nam đã được chuẩn bị cẩn thận về vấn đề này, nhân đây ông cũng bày tỏ "sự vui mừng" khi được trở lại thăm nước Pháp nếu Pa-ri được chọn. Riêng tôi hiểu rằng ông Hồ Chí Minh chọn Pa-ri nhằm tránh những xô xao, những hành động phá rối của các phe "quốc gia độc lập", tránh cả những cuộc vận động của những kẻ không thích thấy Pháp - Việt có những khả năng thương nghị với nhau.

Đac-giăng-liơ như một mảnh đất trung lập, và các bên đương sự đều tập trung ở Hà Nội hoặc Sài Gòn có thể tiến hành tham khảo ý kiến dễ dàng hơn. Rốt cuộc, sau nhiều ngày thảo luận, mọi người nhất trí chọn Pa-ri.

Tuy vậy, tôi luôn luôn lo tới một vấn đề rất gai góc bao lâu nay vẫn ám ảnh tôi. Đúng thế! Ông Hồ Chí Minh, kẻ thù không đội trời chung của chính quyền Pháp đã tiếp xúc với đô đốc Đac-giăng-liơ, đã đối mặt với Cao ủy Pháp, như thế có nghĩa một bên là Đông Dương đang đấu tranh giành độc lập, một bên là nước Pháp; những cuộc tiếp xúc lại kế tiếp nhau. Nếu tránh được một cuộc đổ máu, nếu những nguyên tắc về một cuộc thương nghị có tính chất quyết định được đôi bên chấp thuận, thì tất cả những lời cam kết, dự kiến trên kia sẽ ra sao? Tất cả lòng nhiệt thành khát vọng đi tới một sự cộng tác hữu nghị sẽ được chính thức công nhận ra sao?

Con đường phải trải qua còn rất gian lao, nguy hiểm. Tôi cảm thấy rằng chính cái phần cần giải quyết nốt sẽ tế nhị, gay go và gian khổ gấp bội.

III. PHÔNG-TEN-NƠ-BLÔ - MỘT NỀN HOÀ BÌNH BỊ BỎ LỖ

Sau cuộc hội đàm ở vịnh Hạ Long, có một thông báo về những điều đã thoả thuận trong các cuộc thương nghị để phổ biến tuyên truyền trong dân chúng.

Văn bản đó được thảo rất cẩn thận. Ông Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm đến cách hành văn để tránh trường hợp có thể hiểu nước đôi về việc chọn Pa-ri làm địa điểm tổ chức hội nghị sắp tới. Sau nhiều lần đắn đo, cân nhắc, cuối cùng văn bản được hai bên chấp nhận và thông báo qua báo chí và đài phát thanh.

IV. THÔNG BÁO

Tiếp theo cuộc gặp gỡ ngày 24 tháng 3 năm 1946, giữa Chủ tịch Hồ Chí Minh và đô đốc Thierry Đac-giăng-liơ, Cao ủy Pháp tại Đông Dương, các vấn đề sau đây đã được quyết định:

1. Vào một ngày gần nhất mà những thủ tục quá cảnh cho phép, có nghĩa là trong vòng 15 ngày đầu tháng 4, một phái đoàn hữu nghị gồm 10 đại biểu Việt Nam sẽ sang Pa-ri để gửi lời chào thân ái của Quốc hội Việt Nam dân chủ cộng hòa tới Nghị viện Pháp.

2. Cũng vào ngày đó sẽ khai mạc hội nghị trù bị ở Đà Lạt. Một bên là đoàn đại biểu Pháp 12 người do Cao ủy Pháp ở Đông Dương dẫn đầu, một bên là đoàn đại biểu nước Việt Nam dân chủ cộng hòa 12 người do Thủ tướng nước Việt Nam hoặc vị đại diện của ông dẫn đầu.

3. Hội nghị trù bị Đà Lạt sẽ đưa ra những thoả thuận cần thiết để một phái đoàn của Việt Nam có thể lên đường đi Pa-ri vào khoảng 15 ngày cuối tháng 5 dự hội nghị chính thức có tính quyết định".

Tôi nhận được lệnh phải trở về nước để chuẩn bị cho chuyến đi của đoàn và tiếp ông Hồ Chí Minh trên đất Pháp. Tôi còn có trách nhiệm báo cáo với chính phủ Pháp chi tiết các sự kiện vừa xảy ra ở miền Bắc Đông Dương.

Ngày 30 tháng 4 tôi phát biểu trên đài phát thanh, cố gắng thuyết phục là viễn cảnh ở Đông Dương có thể tốt đẹp nếu sự thoả thuận được thực hiện, nếu nước Pháp quyết tâm bắt tay vào công việc một cách cụ thể và đừng ai có dụng ý xấu. Mặc dầu vậy, tôi cũng biết rằng làm cho Pa-ri hiểu hết được tầm quan trọng của vấn đề này là rất khó.

Các giới kinh doanh Pháp - Đông Dương theo dõi tình hình rất sát. Một số người ngoan cố và bảo thủ chỉ muốn quay về một dĩ vãng mà họ luyện tiếc, một số khác với những tính toán thực dụng vốn có của con nhà kinh doanh thấy được triển vọng việc thực hiện con đường mới.

Ngày 26 tháng 4, Đoàn đại biểu hữu nghị do ông Phạm Văn Đồng dẫn đầu đã tới Pa-ri. Ngày 16 tháng 5, đoàn về nước. Ông Phạm Văn Đồng ở lại để dự Hội nghị Phông-ten-nơ-blô.

Ngày 31 tháng 5, ông Hồ Chí Minh cùng với tướng Xalăng đáp máy bay đi Pa-ri. Theo quyết định, Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa và tôi sẽ đứng ngoài những cuộc đàm phán của Phông-ten-nơ-blô để có thể tùy nghi "cứu vãn" tình hình lúc cần thiết. Nhưng khi tới Pháp, nội

các vừa bị đổ, ông Giooc Bi-đô được ủy nhiệm thành lập nội các mới. Việc không có chính phủ đúng lúc ông Hồ Chí Minh đến Pháp khiến chúng tôi phải chuyển hướng bay của đoàn Bi-a-rit để chờ ngày chính phủ mới chính thức tiếp đón.

Ngày 12 tháng 6, ông Hồ Chí Minh và đoàn cùng đi tới Biarit. Ngay trong cuộc tiếp xúc đầu tiên tôi cảm thấy ông có ý giữ kẽ và tỏ ra sốt ruột, ông hỏi thẳng rằng có nên bỏ về Việt Nam không.

Đối với ông Hồ Chí Minh, tổ chức hội nghị lúc này có thể là vô ích, vì nước Pháp đã quyết định số phận của Nam Kỳ một cách độc đoán, hoàn toàn trái ngược với những điều kiện ký kết trong Hiệp định Sơ bộ tháng 6 tháng 3. Ông có ý đề cập bản tuyên bố tự trị của chính phủ Nam Kỳ được chính thức loan báo vào ngày 1 tháng 6 khi ông còn đang bay trên vùng trời Trung Cận Đông, - coi đó chỉ là một "việc đã rồi" không thể chấp nhận được.

Sự kiện trên lập tức được các phe phái chống đối chính phủ Hồ Chí Minh khai thác. Họ rêu rao rằng ông Hồ Chí Minh và các lãnh tụ Việt Nam lấy cớ đi xa để tạo cơ hội cho quân đội Pháp trở lại chiếm đóng phía Bắc vĩ tuyến 16 trong khi họ vắng mặt ở nước nhà, và chính phủ Pháp dùng quân đội để lấy lại quyền lợi của mình, v.v... Hiệp định Sơ bộ ngày 6 tháng 3 chỉ là một trò bịp.

Thực ra không phải toàn bộ các lãnh tụ chủ yếu của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa đã cùng đi với ông Hồ Chí Minh. Ông Võ Nguyên Giáp, theo lệnh của ông Hồ Chí Minh, đã ở lại Hà Nội. Đây là nhân vật đáng gờm nhất của giới cầm quyền, con người trí dũng song toàn đã chi phối hội nghị Đà Lạt khai mạc ngày 18 tháng 4 dưới quyền chủ tọa của đô đốc Đac-giăng-liơ và phái đoàn Việt Nam do Nguyễn Tường Tam cầm đầu. Ngày 11 tháng 5, hội nghị Đà Lạt kết thúc gần như một sự đổ vỡ toàn bộ. Người Pháp có cảm tưởng bên Việt Nam xem nội dung Hiệp định Sơ bộ tại Hà Nội như điểm khởi đầu để tiến tới những yêu sách mới. Còn phía Việt Nam lại cho rằng Pháp tìm cách nuốt lời hứa, lật lại những điều đã ký kết để tìm một lối thoát mới ra khỏi thế bí.

Trong thời gian đó ở Bi-a-rit, ông Hồ Chí Minh chờ chính phủ Pháp tuyên bố tiếp đón chính thức ở Pa-ri. Thời gian lưu lại của vị Chủ tịch nước Việt Nam được xem như bán công khai. Người ta vẫn thấy ông tươi cười, vồn vã và giản dị như thường lệ, cái gì ông cũng quan tâm. Ông trò

chuyện với những người nông dân và người dân Pháp như một người bạn, làm cho họ phải ngạc nhiên vì ông tỏ ra không sợ say sòng. Bạn bè đồng hương của ông tại Pháp đến thăm ông. Và điều thật nguy hiểm là ông Hồ Chí Minh luôn luôn vượt trên đầu tôi để tiếp nhận những điều mà tôi thiết tưởng phải khước từ.

Cuối cùng, chính phủ mới đã ấn định thời gian công du của ông Hồ Chí Minh trên đất Pháp từ ngày 22 tháng 6 đến ngày 4 tháng 7. Ngày 22 tháng 6, chúng tôi rời sân bay De Pacmơ Biarrit đi Buốc-giê. Vào lúc 16 giờ, chúng tôi bay trên bầu trời thành phố Pa-ri. Quảng trường Buốcgiê đông nghịt người.

Ông Ma-ri-uyt Mu-tê, Bộ trưởng Bộ Pháp quốc hải ngoại cùng nhiều quan chức dân sự, quân sự cao cấp đại diện cho chính phủ Pháp ra đón đoàn. Tôi nhìn vị khách của mình, ông Hồ Chí Minh nhìn chăm chặp vào đám đông, mặt ông tái xanh, đôi mắt sáng rực, dường như nghẹn cổ không thốt lên lời. Khi quốc ca hai nước Pháp và Việt Nam vang lên, ông Hồ Chí Minh đứng nghiêm, tay cầm chiếc mũ cát mà không mấy khi ông rời khỏi tay. Phải chăng ông đang xúc động? Cách đây 23 năm, ông phải rời bỏ nước Pháp như một kẻ bị cầm tù, mà giờ đây, cũng chính nước Pháp ấy đang đón tiếp ông với tư cách một nguyên thủ quốc gia.

Ở cùng với đoàn tùy tùng của mình tại khách sạn, ông Hồ Chí Minh tiếp đón và gặp gỡ nhiều người. Các nhà báo, nhà chính khách, các nghị viên đều tới để yết kiến vị Chủ tịch nước Việt Nam. Không khí những cuộc gặp mặt diễn ra rất thân mật và hình như không khí chung cũng thuận lợi trở lại.

Ngày mồng 6 tháng 7, Hội nghị Phông-ten-nơ-blô bắt đầu làm việc. Có mặt tại hội nghị:

Phái đoàn Pháp: trưởng đoàn - Mác Ăng-đrê; các thành viên: Joy-gi-la Lê-sơ-rây, Bô-đê, tướng Xa-lăng, thủy sư đô đốc Bac-giô, Pi-nhông, Tô-ren, Bay-ăng, Ma-xme, Gu-ông, Buộc-gông, Đa-roi, Ga-y-ê, Bu-xkê.

Phái đoàn Việt Nam: Trưởng đoàn - Phạm Văn Đồng; các thành viên: Trịnh Văn Bính, Tạ Quang Bửu, Nguyễn Mạnh Hà, Nguyễn Văn Huyền, Bửu Hội, Huỳnh Thiện Lộc, Dương Bạch Mai, Chu Bá Phượng, Đặng Phúc Thông, Phạm Khắc Hoè, Hoàng Minh Giám; các chuyên viên: Nguyễn Đệ, Hoàng Văn Đức, Vũ Trọng Khánh, Hồ Đắc Liên, Nguyễn Văn Luyện, Nguyễn Văn Tịnh, Nguyễn Đắc Phê.

Hai phái đoàn ở trong khách sạn của Phong-ten-nơ-blô. Nhưng người ta có thể nhanh chóng nhận thấy thời kỳ "trăng mật" mới mẻ này có nhiều bất đồng hơn là nhất trí. Ông Phạm Văn Đồng dùng những lời lẽ đanh thép thường đi tới chỗ gay gắt, ông phản ánh rõ sự thiếu tin tưởng vào chính phủ Pháp. Có thể thấy hội nghị Phong-ten-nơ-blô đã vấp phải nhiều trở ngại thuộc những vấn đề sau:

Thứ nhất: Sự thống nhất ba kỳ, Nam Kỳ là lãnh thổ Việt Nam.

Thứ hai: Thuế quan (đây là vấn đề 4 tháng sau sẽ đưa đến vụ đổ máu không thể cứu vãn nổi ở Hải Phòng).

Thứ ba: Quyền đại diện ngoại giao. Nước Pháp ưng thuận để cho liên bang Đông Dương gia nhập khối Liên hiệp Pháp, nhưng không công nhận Việt Nam là một thành viên quốc tế, trong lúc Việt Nam thấy rằng họ có quyền ngoại giao độc lập.

Thứ tư: Nước Pháp muốn tiếng của mình là ngôn ngữ thứ hai bắt buộc phải dạy ở Việt Nam: phía Việt Nam lại chỉ đồng ý ưu tiên nó trong số các tiếng nước ngoài.

Cuối cùng, khi bàn về sự có mặt của những nhà kỹ thuật và các tài sản thuộc quyền sở hữu của Pháp thì các đại biểu càng không thống nhất và tỏ ra không nhượng bộ nhau. Việt Nam sẽ vui lòng mời những chuyên gia kỹ thuật Pháp, nhưng do Việt Nam lựa chọn chứ không để áp đặt.

Do những vướng mắc trên, dù cả hai đoàn đại biểu tuy đều có thiện chí mong muốn đi tới chỗ nhất trí, song vẫn giữ nguyên lập trường không thay đổi được của mình. Vào ngày 1 tháng 8, tin từ hội nghị liên bang họp ở Đà Lạt bay về tới Pháp. Liên bang Đông Dương không phải chỉ có Cao Miên, Lào mà còn cả Nam Kỳ nữa. Tin đó khiến cho hội nghị Phong-ten-nơ-blô dừng lại ngay tức khắc, mặc dù ngay sau đó chúng tôi lại tiếp tục hội đàm nhờ cố gắng của ông Hồ Chí Minh. Nhưng cả hai bên đều đã mất niềm tin. Những ai có thiện chí chân thành nhất đều chán nản và mệt mỏi, mỗi hoài nghi bao trùm lên hội nghị. Tình hình căng thẳng, mỗi lo ngại tăng dần. Sau này tôi được biết, một số đại biểu Việt Nam lo lắng có thể sẽ bị người Pháp tráo trở bắt giữ.

Lòng tin - cơ sở cần thiết cho cuộc hội đàm chính trị tốn bao công sức mới gây dựng nên có nguy cơ tan vỡ không tài nào cứu vãn nổi.

Phái đoàn Việt Nam do ông Phạm Văn Đồng dẫn đầu trở về Bắc Kỳ với hai bàn tay trắng và tới Hải Phòng ngày 3 tháng 10. Ông Hồ Chí Minh từ chối không về cùng đoàn.

Đứng từ xa, ông cố gắng làm cho tình hình ngày quốc khánh mồng 2-9 đỡ căng thẳng, ông nhờ tôi chuyển cho Hà Nội bức công điện sau đây:

"Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi chính phủ Việt Nam tại Hà Nội.

Tôi được biết là ở nước ta đang tiến hành lễ kỷ niệm ngày độc lập. Tôi muốn rằng buổi lễ đó sẽ được tước bỏ tất cả những gì thiếu thiện chí đối với nước Pháp để cho đại diện Pháp có thể tham dự".

Có một điều chắc chắn là ông Hồ Chí Minh muốn đạt được một kết quả. Cũng như ông Ma-ri-uyt Mu-tê, ông Hồ Chí Minh không tán thành việc cắt đứt mối quan hệ và để khắc phục tình trạng đó, vào ngày 14 tháng 9, ông buộc lòng phải công nhận bản thảo hiệp tạm thời không thoả đáng ấy, được thảo một cách vội vàng ngay tại văn phòng của tôi, và cùng ký với ông Mu-tê.

Sau đó khi đã ngồi trong xe, ông Hồ tự nói với mình: "Tôi vừa mới ký bản án tử hình cho tôi".

Có lần, trong một buổi điếm tâm tại nhà tôi, có mặt cả ông Ma-ri-uyt Mu-tê, ông Hồ Chí Minh, người chiến sĩ lão thành, đã nghĩ tới khả năng xấu nhất: một cuộc tranh chấp vũ trang mới.

- Nếu chúng ta cần phải đánh nhau thì chúng tôi sẽ buộc phải chiến đấu - ông Hồ Chí Minh tuyên bố với một thái độ nhấn nhay - các ông sẽ giết được của chúng tôi 10 người, nhưng chúng tôi cũng sẽ giết được của các ông một người, và cuối cùng chính các ông sẽ phải nản chí.

Ở lại, không thu thêm được gì ngoài việc ký kết bản thảo hiệp tạm thời, ông Hồ Chí Minh tỏ vẻ hối tiếc và nghĩ tới việc quay về Hà Nội. Ngày 19 tháng 9, ông lên tàu Duy-mông Duyếc-vin trở về Việt Nam.

Thế là thời cơ cho một nền hoà bình, cuối cùng đã bị bỏ lỡ!

MỘT CON NGƯỜI NÔNG HẬU

MA-RI CLỐT VAY-ĂNG CU-TIN-RI-Ê
(Pháp)

Tôi nhớ mãi không quên hai lần tôi được gặp Hồ Chủ tịch. Hai lần gặp ấy càng làm tôi nhận rõ đặc tính của Hồ Chủ tịch.

Lần gặp đầu vào năm 1946 khi Hồ Chủ tịch sang Pa-ri nhân dịp hội nghị Phông-ten-nơ-blô. Đây là lần đầu tiên Hồ Chủ tịch trở lại Pháp từ Pa-ri với tư cách là nguyên thủ của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa trẻ tuổi. Hồ Chủ tịch lúc đó thiết cơm số đồng chí lãnh đạo Đảng Cộng sản Pháp tại khách sạn Roay-an Mông-xô. Chủ tịch còn cho mời chị Ma-tin Pê-ri và tôi đến cùng dự vì Chủ tịch muốn tỏ lòng thương nhớ tới hai người bạn Pháp đã ủng hộ nhiệt tình cuộc chiến đấu của nhân dân Việt Nam và đã quá cố. Đó là Ga-bri-en Pê-ri, chồng chị Ma-tin, và Pôn Vay-ăng Cu-tuy-ri-ê, chồng tôi.

Trong bữa ăn, Hồ Chủ tịch gợi lại những kỷ niệm của Chủ tịch về nước Pháp, về những năm Chủ tịch hoạt động cách mạng, về tình hình Việt Nam, về mối quan hệ giữa hai nhân dân Pháp và Việt Nam. Tôi nhớ lại hồi nhà tôi còn sống, nhà tôi có kể chuyện về đồng chí Nguyễn Ái Quốc cho tôi nghe. Pôn Vay-ăng Cu-tuy-ri-ê nói với tôi: chính nhờ đồng chí Nguyễn Ái Quốc mà Pôn Vay-ăng hiểu ra vấn đề chủ nghĩa thực dân Pháp và biết thêm về sự đàn áp, bóc lột của thực dân Pháp ở thuộc địa. Và Pôn Vay-ăng cho rằng sự quen biết đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã giúp ích rất nhiều trong suốt đời của Pôn Vay-ăng để nắm chắc hơn vấn đề đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân.

Lần thứ hai tôi được gặp Hồ Chủ tịch tại Bắc Kinh năm 1959. Lúc đó Hồ Chủ tịch dẫn đầu đoàn đại biểu Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa sang dự Quốc khánh lần thứ 10 của Trung Quốc. Còn tôi thì tham gia đoàn đại biểu Liên đoàn phụ nữ dân chủ quốc tế. Một hôm tôi nhận được giấy của Hồ Chủ tịch mời đến ăn cơm. Một chiếc xe hơi đến

đón tôi và đưa tôi tới biệt thự của đoàn đại biểu Việt Nam dân chủ cộng hòa. Tôi tưởng Hồ Chủ tịch cho mời đến ăn cơm cùng với đoàn đại biểu Đảng Cộng sản Pháp do đồng chí Oan-đéc Rô-sê dẫn đầu. Nhưng khi tới nơi tôi ngạc nhiên chỉ thấy có mình tôi với Hồ Chủ tịch và đồng chí Đại tướng Võ Nguyên Giáp. Hồ Chủ tịch nói cho tôi biết: "Tôi đã mời bốn đồng chí Pháp đến ăn cơm vào một buổi khác. Tối nay tôi muốn gặp cô để nói chuyện về người bạn cũ của tôi là Pôn Vây-ăng Cu-tuy-ri-ê¹."

Trong bữa ăn, Hồ Chủ tịch kể cho tôi nghe những lần đồng chí gặp Vây-ăng Cu-tuy-ri-ê thời kỳ Đảng Cộng sản Pháp mới ra đời sau khi hai người đã ngồi cạnh nhau tại đại hội Tua. Hồ Chủ tịch nói: "Vây-ăng Cu-tuy-ri-ê đã giải thích cho tôi biết đồng chí đã trở thành đảng viên đảng cộng sản như thế nào, tình cảm quốc tế đã phát triển ở đồng chí như thế nào do đồng chí nhận thức được điều đó khi đứng trước những sự tàn bạo của chiến tranh đế quốc. Đồng chí đã giúp tôi hiểu nhân dân Pháp, còn tôi, tôi đã giải thích để đồng chí hiểu thế nào là chủ nghĩa thực dân. Sau khi rời Pháp, tuy xa xôi cách trở, tôi vẫn hằng theo dõi hoạt động của đồng chí Vây-ăng Cu-tuy-ri-ê qua những bài đồng chí viết trên báo "Nhân đạo". Và đôi khi sự tình cờ lại giúp ích nhau. Năm 1933, tôi bị tù ở Trung Quốc giữa lúc Vây-ăng Cu-tuy-ri-ê tham gia đoàn đại biểu của "Phong trào chống chiến tranh và chống chủ nghĩa phát xít" sang Trung Quốc dự đại hội chống chiến tranh ở Thái Bình Dương. Đoàn đại biểu ấy do một người Anh tên là Mác-lô dẫn đầu. Chính Vây-ăng Cu-tuy-ri-ê lúc đó đã kiếm giúp cho tôi một người thầy cãi và giúp tôi bắt liên lạc với các đồng chí Đảng Cộng sản Trung Quốc đang trong thời kỳ hoạt động bí mật".

Rồi Hồ Chủ tịch nói chuyện về Việt Nam và Chủ tịch nói rằng Vây-ăng Cu-tuy-ri-ê sẽ vui mừng biết chừng nào nếu Vây-ăng Cu-tuy-ri-ê còn sống để được thấy nước Việt Nam ngày nay đã thoát khỏi ách thực dân và đang xây dựng cuộc sống mới mặc dầu bị chiến tranh tàn phá. Và Hồ Chủ tịch nói đến sự tin tưởng vững chắc của Chủ tịch ở thắng lợi cuối cùng của nhân dân Việt Nam.

1. Ma-ri Clốt Vây-ăng Cu-tuy-ri-ê, sinh ngày 5-11-1912, vợ cựu chủ nhiệm báo "Nhân đạo" Pôn Vây-ăng Cu-tuy-ri-ê đã quá cố, là phó chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Pháp và Hội Liên hiệp Phụ nữ dân chủ quốc tế, Ủy viên Bộ Chính trị Đảng Cộng sản Pháp, nghị sĩ quốc hội Pháp.

Khi tôi ra về, Hồ Chủ tịch có nhã ý đưa tiễn tôi đến tận đầu cầu thang. Tôi quay lại nhìn Hồ Chủ tịch để chào Chủ tịch lần cuối cùng và tôi thấy vóc gày của Chủ tịch trong bộ quần áo trắng và nụ cười rạng rỡ của Chủ tịch.

Tôi vô cùng cảm động về lần gặp này vì, tuy bận việc, Hồ Chủ tịch đã dành cả một buổi tối để nói chuyện trên phương diện tình cảm con người về một người bạn cũ đã qua đời 22 năm về trước. Đây là một trong những đặc tính của Hồ Chủ tịch, một con người nồng hậu, cởi mở.

Ít năm sau, khi tập "Nhật ký trong tù" in bằng tiếng Pháp ra đời tôi nhận được một quyển do Hồ Chủ tịch gửi cho, kèm theo một trang lời đề nhắc lại một lần nữa tình hữu nghị của chúng tôi với Vây-ăng Cu-tuy-ri-ê.

Bản sao lưu trữ

KỶ NIỆM VỀ BÁC HỒ

RAY-MÔNG Ô-BRẮC
(Pháp)

Tháng 7-1946.

... Bác Hồ sang Pháp với tư cách là khách mời của chính phủ Pháp để chỉ đạo phái đoàn Việt Nam trong cuộc đàm phán khó khăn tại Phong-ten-nơ-blô, một cơ hội lịch sử mà tôi cho rằng người ta đã bỏ lỡ mất. Bác Hồ xuống sân bay Boóc-đô, đến ở Bi-a-rít (tây - nam nước Pháp) một thời gian rồi về Pa-ri.

Trong một cuộc chiêu đãi do Việt kiều tổ chức chào mừng Bác tại khu Vườn hồng Ba-ga-ten (cạnh rừng Bu-lơ-nhơ, Pa-ri) tôi được các bạn Việt Nam giới thiệu với Bác. Bác nắm cánh tay tôi, và vừa đi vừa cảm ơn tôi, năm 1944 đã quan tâm đến đời sống trong các trại người lao động Đông Dương bị đưa sang Pháp làm việc trong các binh công xưởng và bị tập trung tại Mác-xây từ năm 1940. Lúc ấy, tôi được tướng Đờ-gôn phái về làm "ủy viên cộng hòa", khi mới giải phóng. Là một kỹ sư còn trẻ, tôi rất lúng túng khi nói chuyện với vị Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa giữa hàng nghìn quan khách, dù cho là ở giữa các khóm hoa hồng.

- Thưa Chủ tịch, ngài có thích Pa-ri không?

- Có chứ, ông bạn. Từ nhiều năm tôi đã là người Pa-ri.

Sau một giây yên lặng, tôi lại mạnh dạn hỏi:

- Thưa Chủ tịch, chỗ ăn ở của ngài đã được xếp đặt tốt rồi chứ?

- Chính phủ của ông đã dành cho tôi một căn hộ lộng lẫy trong một toà lâu đài gần Quảng trường Ngôi sao. Tôi không thích thú cho lắm. Tôi cần một mảnh vườn, mà ở đây lại không có vườn.

- Thưa Chủ tịch, nhà tôi có một khu vườn rộng, tiếc thay, ngài lại không có điều kiện sử dụng...

- Ông bạn ơi, tôi sẽ rất sung sướng đến thăm khu vườn của bạn. Thế này nhé, thứ ba sau, tôi đến uống trà với ông, có tiện không?

... Tối hôm đó, khi từ Pa-ri trở về, tôi báo cho vợ tôi. Luy-xi, lúc đó sắp đến ngày sinh nở rằng Chủ tịch Hồ Chí Minh thứ ba sau, khoảng 5 giờ chiều, sẽ đến thăm vườn nhà. Vợ tôi ngày ấy đang dạy học ở Trường trung học thị xã Ang-giêng và là báo cáo viên tại Ủy ban lịch sử chiến tranh thế giới thứ hai.

Vợ tôi nói: "Được thôi, tôi sẽ đi kiếm ít trà". Nói cho đúng ra, xưa nay chúng tôi chưa bao giờ có thói quen dùng trà, đây cũng là một thay đổi trong sinh hoạt của chúng tôi.

... Thế là, Chủ tịch cùng với một số người giúp việc, có đoàn xe mô-tô đi hộ tống, đã đến toà cổ xưa của chúng tôi tại Xoa-di-xú Mông-mô-răng-xi. Chủ tịch rất thích khu vườn có hàng cây cao bao quanh, nhưng có lẽ không ưa chuộng cho lắm món trà của chúng tôi... Điều mà Chủ tịch thích thú hơn cả, theo tôi nghĩ, là được gặp và tiếp chuyện bà mẹ vợ tôi, một nông dân vùng Bước-gô-nhơ (Đông nước Pháp) lên ở với chúng tôi vài tuần, vì nhà tôi sắp đến ngày sinh nở.

- Nhà ông rộng nhỉ, còn có ai ở nữa không? Chúng tôi đi thăm nhà được chứ?

Gia đình chúng tôi ở bốn phòng tầng thứ nhất, dưới nhà (tầng trệt) là nhà bếp, phòng ăn và phòng khách. Tầng thứ hai lúc ấy vẫn còn bỏ trống. Còn trên tầng thứ ba tôi đặt một bàn làm việc nhỏ. Từng đàn bồ câu trắng lượn quanh mái nhà...

... Ba ngày sau, Chủ tịch đến ở tầng thứ hai cùng với ba người bạn của người. Chúng tôi vội vã đi mượn thêm một số bàn ghế, thảm và cả bát đĩa, chén tách vì lúc đó chiến tranh vừa kết thúc, mọi cái đều thiếu thốn.

Theo yêu cầu của tôi, tổng giám đốc công an (vốn là người kháng chiến, quen biết tôi) chỉ bố trí hệ thống an ninh phía ngoài toà nhà. Còn ở bên trong một số đồng đội kháng chiến của tôi, được trang bị tiểu liên sten, bảo đảm việc canh gác, bảo vệ.

... Những tuần sống chung với Chủ tịch Hồ Chí Minh thật đáng ghi nhớ. Khi đó tôi phụ trách đối ngoại trong Bộ Tái thiết cho nên bận suốt ngày. Vợ tôi, Luy-xi, được nghỉ để chuẩn bị sinh cháu, hàng ngày, có nhiều thời giờ tiếp xúc với Chủ tịch... Mãi đến tối, tôi mới có dịp gặp lại mọi người.

Từ sáng sớm đã có báo đem đến cho Chủ tịch, hàng chồng báo đủ mọi nước, mọi thứ tiếng Anh, Pháp, Đức, Nga, Chủ tịch ngồi đọc báo

ngay trên sân cỏ. Đọc như thế chừng một, hai giờ, tay luôn luôn cầm một cây bút chì đỏ để gạch dưới những đoạn quan trọng. Thật là một mùa hè đẹp...

Chủ tịch nói chuyện với bà mẹ của Luy-xi cũng thoải mái với các bộ trưởng, nhà báo, các nguyên thủ quốc gia hay bè bạn của Người. Ai nấy đều cảm thấy dễ chịu tự nhiên ngay từ phút đầu. Trong khi trò chuyện với mẹ vợ tôi, Chủ tịch hỏi nhiều về điều kiện canh tác và sinh hoạt của những người nông dân trồng nho vùng Ma-công (gần Ly-ông) và so sánh với điều kiện sinh sống của nông dân Việt Nam... Chủ tịch nói: "Ở nông thôn Việt Nam, vì còn nghèo khó, phần đông trẻ em "hữu sinh vô dưỡng". Chủ tịch cũng thường hỏi và kể chuyện về điều kiện sinh hoạt trong các chiến khu, cụ nói: căn cứ du kích đốt lửa ngồi sưởi, thì nóng trước mặt, lạnh sau lưng"... Cho đến khi qua đời, cách đây chừng vài năm, bà mẹ vợ tôi vẫn thường nhắc đến Chủ tịch Hồ Chí Minh với lòng kính mến và thân thiết.

Ngoài giờ làm việc, Chủ tịch thường dắt cháu Giăng Pi-e, con trai đầu lòng của chúng tôi, lúc đó bảy tuổi đi dạo chơi trong làng, hai ông cháu trò chuyện với nhau "tâm đắc" lắm (Giăng Pi-e nay là kỹ sư làm việc tại châu Phi). Có khi hai ông cháu nằm ngủ trưa ngay trong vườn cỏ.

Khi dạo chơi, Chủ tịch thường ngày tiếp xúc với một ông lão làm vườn, chuyên trồng hoa trong làng. Theo ông lão, Chủ tịch rất thích hoa thược dược đỏ và vàng vì đó là "mẫu cờ của nước tôi"... Từ đó, hàng ngày, trong phòng tiếp khách của Chủ tịch luôn luôn có những bông hoa thược dược vàng và đỏ. Cho đến năm 1958, khi chúng tôi từ già Xoa-di-xú - Mông-mô-răng-xi, ông lão làm vườn vẫn còn hỏi thăm tin tức vị Chủ tịch Việt Nam...

... Hàng ngày rất nhiều khách đến Xoa-di-xú. Thường là buổi chiều, ông Phạm Văn Đồng và các đại biểu tại Hội nghị Phông-ten-nơ-blô đến gặp và ăn cơm với Chủ tịch, lúc đó xe cộ còn ít cho nên việc giao thông đi lại vùng Pa-ri dễ dàng hơn bây giờ... Đôi khi Chủ tịch mời ăn tối, nhiều nhà chính trị Pháp thuộc phe đa số hay đối lập. Chủ tịch quan hệ mật thiết với bà Ăng-đrê Vi-ô-lít (tác giả cuốn *Đông Dương cấp cứu*). Lúc đó, ngân sách gia đình chúng tôi cũng eo hẹp, lối sinh hoạt đã vượt xa khả năng của mình. Chủ tịch, vốn là người ai cũng có thể bày tỏ mọi điều, chỉ thoáng qua đã hiểu tất cả... Chủ tịch liền mời một đồng chí già, cụ Nguyễn Viết Ty, nay đã 96 tuổi, cựu Chủ tịch Hội phụ lão Việt kiều, một người nấu ăn tuyệt

vời, đến chiếm lĩnh nhà bếp, và nhất quyết không để cho bà mẹ vợ và vợ tôi được bén mảng tới! Bỗng dưng ngay trong nhà mình, chúng tôi trở thành những quý khách được mời thưởng thức cái trình độ cao của nghệ thuật nấu ăn Việt Nam. Chúng tôi vẫn còn nhớ món bò câu hầm của cụ Ty...

Ngày 15-8-1946, Luy-xi sinh hạ một một cháu gái tại nhà hộ sinh đường Po Roay-an (quận 5, Pa-ri). Chủ tịch với đoàn xe mô tô hộ tống, đã đến thăm vợ tôi. 20 năm sau các y sĩ và các nữ y tá già vẫn còn nhớ tới sự kiện Chủ tịch nước Việt Nam đã phân phát quà cho mọi nhân viên tại nhà hộ sinh. Lúc ấy Chủ tịch đã nhận đỡ đầu cho cháu Ê-li-da-bét, tức Ba-bét.

Hằng năm, trong chiến tranh chống thực dân Pháp và cả chiến tranh chống Mỹ, Chủ tịch vẫn tìm cách gửi đến cháu Ba-bét một tín hiệu nào đó vào khoảng 15-8, thường là thông qua các nhà báo hoặc bạn bè nước ngoài có dịp đến Việt Nam: khi thì một bức ảnh của Chủ tịch, khi thì những quả cầu nhỏ hoặc một con trâu bằng ngà, một đồng tiền vàng có mang hình của Người.

Lần cuối cùng tôi được gặp Chủ tịch là vào tháng 7-1967, trong căn nhà sàn bên hồ cá mà mọi người Việt Nam đều biết. Chủ tịch ôm hôn tôi và trao cho tôi một mảnh lụa màu mỡ gà để may áo cưới cho Ba-bét. Ba-bét nay đã có chồng, ba con, và vẫn gìn giữ như một báu vật, mảnh lụa của Bác Hồ.

Ngày 31-7-1946, Chủ tịch dự sinh nhật của tôi. Hôm đó Chủ tịch tặng tôi một bức họa, thể hiện tình thương của người mẹ Việt Nam. Đó là bức họa đẹp nhất của gia đình tôi.

Hội nghị Phong-ten-nơ-blô không tiến triển, Chủ tịch xuống tàu biển về nước, tôi có nhận được một bức thư của Chủ tịch khi ghé qua cảng Xa-ít (Ai Cập).

... Nhìn lại sáu tuần chung sống với Chủ tịch Hồ Chí Minh, cảm tưởng nổi bật của vợ chồng chúng tôi là về một con người hết sức giản dị, sống với chúng tôi như người nhà, dễ dàng, tiếp cận với mọi người. Chúng tôi không bao giờ thấy Chủ tịch "ra lệnh" cho ai cả, Chủ tịch rất quan tâm đến những người chung quanh.

BẮC KINH THÁNG 7-1955

Tôi đến khách sạn Bắc Kinh, trên Quảng trường Thiên An Môn. Sắp có những cuộc hội đàm không chính thức để nối lại quan hệ giữa

Pháp và Trung Quốc về mặt thương mại. Trên trang nhất tờ báo hàng ngày bằng tiếng Anh dành cho người nước ngoài, có dòng tít lớn: *Chủ tịch Hồ Chí Minh đang ở Bắc Kinh.*

Từ căn phòng khách sạn, tôi gọi dây nói đến Đại sứ quán Việt Nam và đọc bức điện ngắn gửi Chủ tịch: "Ray-mông Ô-brắc qua Bắc Kinh, xin kính gửi Chủ tịch những lời chào thân ái". Nửa giờ trôi qua. Chuông điện thoại reo. Chủ tịch dẫn đầu một đoàn đại biểu ngày mai sẽ rời Bắc Kinh đi Mát-xcơ-va. Chủ tịch vui mừng mời tôi đến dùng trà vào 6 giờ sáng hôm sau. Sẽ có xe đến đón.

Xe hơi đưa tôi tới một biệt thự có vườn rộng bao quanh, ở gần ngoại ô, kiến trúc theo kiểu Trung Hoa, mái cong, nhưng đồ đạc bàn ghế trong nhà thì rõ ràng theo kiểu "Đế chế thứ II" của Pháp. Đây là nhà riêng của đại sứ Pháp trước kia, nay biến thành nhà khách của chính phủ Trung Quốc.

Chủ tịch ôm hôn tôi, trông thì ngày ấy cụ không thay đổi mấy. Nhưng dấu sao không còn là con người đôi khi bận tâm căng thẳng của năm 1946. Người ta nhận thấy một trạng thái tinh thần trọn vẹn hơn, nụ cười vẫn luôn ở trên môi. Chủ tịch hỏi thăm tin tức gia đình tôi, nhất là các cháu mà Chủ tịch vẫn còn nhớ từng tên riêng, về Ba-bét...

Chủ tịch hỏi: "Ông sang Bắc Kinh làm gì vậy?". Tôi thưa chuyện để Chủ tịch rõ. Chủ tịch lại hỏi: "À ra ông cũng hiểu biết về thương mại quốc tế ư?".

- Một chút thôi, thưa Chủ tịch, nhưng Chủ tịch cần gì vậy?

- Đáng tiếc lúc này ông không ở Hà Nội. Chúng tôi đang tìm cách ký kết một hiệp định thương mại đầu tiên giữa Việt Nam và Pháp. Phái đoàn Pháp thì đầy rẫy những thanh tra tài chính quá lấu lỉnh. Còn các bộ trưởng của chúng tôi thì mới ở chiến khu về, chưa hiểu gì nhiều về công việc làm ăn, cho nên rất dè dặt. Từ nhiều tuần nay, đàm phán tắc nghẽn. Ông có thể giúp chúng tôi được không? Tôi tin ở ông.

- Thưa Chủ tịch, tôi rất mong có thể giúp ích được.

- Thế này nhé, nếu ông có thể hoãn cuộc họp ở Bắc Kinh chừng hai tuần, thì tôi đề nghị ông đi Hà Nội gặp các bộ trưởng của tôi và các đồng bào của ông để thu xếp việc này cho xong. Tôi sẽ không có mặt ở Hà Nội, nhưng tôi sẽ báo cho ông Phạm Văn Đồng.

- Thôi được rồi, tôi sẽ để thư lại cho Luy-xi, vợ tôi sẽ sang đây với tôi sau khi cho học sinh thi xong tú tài. Nhưng, thưa Chủ tịch, tôi đi Hà Nội bằng cách nào đây?

- Hằng tuần đều có máy bay Trung Quốc, nhưng khi trời nhiều mây thì nó không bay. Nhanh nhất vẫn là đi bằng xe lửa đến biên giới. Sau đó, đường sắt bị gián đoạn sẽ có ô tô đến đón. Đi như thế, mất năm ngày năm đêm, nhưng ông sẽ có dịp thấy phong cảnh đất nước. Ngày mai sẽ có người đem vé xe lửa đến khách sạn cho ông. Cảm ơn và chúc ông may mắn. Nhờ ông hôn Luy-xi và các cháu hộ tôi".

Tôi đã đến Hà Nội. Một giải pháp rất đơn giản - đã đưa tới một Hiệp định giữa Việt Nam và Pháp.

HÀ NỘI, THÁNG 7-1967

Tôi đang ở Rô-ma, tại văn phòng của Tổ chức Lương - Nông Liên hợp quốc (FAO) thì có dây nói gọi về Pa-ri gấp. Hội đồng thường trực của Tổ chức các nhà bác học thế giới mang tên FUGWASH (nơi họp đầu tiên của các bác học nổi tiếng không phân biệt chế độ chính trị nhằm tìm biện pháp ngăn chặn chiến tranh lan rộng) đang họp ở Pa-ri từ đầu tháng 6-1967, khi bùng nổ cuộc chiến tranh ở Cận Đông. Ngày 29-6-1967, tôi đứng trước những nhân vật quan trọng như: Mi-li-ôn-si-cốp, phó Chủ tịch Viện Hàn lâm khoa học Liên Xô và một nhà vật lý Liên Xô, một chuyên gia vật lý hạt nhân Hoa Kỳ và một giáo sư đại học Ha-vớt mang tên Hen-ri Kít-xinh-giơ, một nhà sinh vật học Anh, và ông Phrăng-xi Pe-ranh, Cao ủy Pháp về năng lượng nguyên tử.

Những nhân vật này có trách nhiệm nặng nề về mặt khoa học và cả đạo lý, rất mong muốn truyền đạt một thông điệp tới. Chủ tịch Hồ Chí Minh. Hai, ba năm qua, mỗi lần hội đồng PUGWASH họp đều thảo luận vấn đề "Việt Nam" cuộc chiến đấu đang làm rung chuyển thế giới... Người ta quyết định tìm một người Pháp và sau khi xin ý kiến tướng Đờ-gôn, họ đề nghị tôi làm người truyền đạt bức thông điệp đó.

Tôi không làm sao từ chối việc đó được. Sau khi giải quyết các thủ tục cần thiết, tôi cùng với ông bạn đồng hành Héc-be Mác-cô-vích, giáo sư về sinh vật học phân tử và là giám đốc Viện Pa-xtơ, Pa-ri lên đường sang Việt Nam qua ngã Phnôm Pênh...

Đại sứ nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tại Phnôm Pênh lúc ấy sau khi tỏ ra do dự (và điều này cũng rất dễ hiểu) đã quyết định, vào khoảng nửa đêm, gửi một bức điện tới Chủ tịch Hồ Chí Minh, đề nghị cấp thị thực nhập cảnh cho hai du khách xin đi Hà Nội (đang bị gọi bom) mà

không nói một lời nào về mục đích của chuyến đi... Khoảng ba giờ sáng, chúng tôi được trả lời là Hà Nội đồng ý cấp thị thực. Tám giờ sáng, chúng tôi lên máy bay của Ủy ban quốc tế, qua Viêng Chăn, đi Hà Nội.

Chiếc Bô-ing cổ lỗ từ thời chiến tranh thế giới thứ hai của Ủy ban quốc tế "đình chiến", hạ cánh xuống Hà Nội. Héc-be Mác-cô-vích và tôi là những hành khách duy nhất trên máy bay. Trời tối đen như mực. Chắc là đang có bão động. Xuống thang máy bay, loé ánh chớp một máy ảnh... Người ta đưa chúng tôi vào một khoang nhà để máy bay, mời uống trà. Một giờ sau, một chiếc xe quân sự, trong đêm đen thấp thoáng bóng những chiếc xe đạp, đưa chúng tôi về thành phố. Xe qua cầu mất hơn một giờ đồng hồ. Xa xa có tiếng bom nổ. Đó là chuyến đi kỳ lạ nhất đời tôi...

Sáng hôm sau, bác sĩ Phạm Ngọc Thạch, Bộ trưởng Y tế (về sau, đã qua đời tại mặt trận miền Nam), đến gặp chúng tôi tại khách sạn. Ông ta có biết về các công trình của Mác-cô-vích, ông đưa chúng tôi đi thăm các bệnh viện ở Hà Nội. Đó là một cảnh tượng mà tôi sẽ không bao giờ quên được, cảnh tượng các trẻ em bị bom bi B.52 thả xuống gây thương tích một cách rùng rợn...

Sang ngày thứ hai, một thanh niên đến tìm tôi. Xe dừng lại trước cổng một khu vườn lớn. Tôi cảm thấy lúng túng khi mang theo mình một chiếc hộp vuông chứa đựng một quả trứng dẻo từ một thứ đá quý, quà của Bác-bét gửi tặng người Cha đỡ đầu của mình. Dưới bóng cây thấp thoáng những người lính, họ nhìn tôi và liếc nhìn chiếc hộp...

Chủ tịch ngồi trong một chiếc ghế bành bằng mây. Ông Phạm Văn Đồng đang nói chuyện với Chủ tịch. Chủ tịch đứng dậy, ôm hôn tôi và vẫn còn nhớ tên các cháu. Cụ nói đùa: "Ông bạn ơi, tại sao giữa đêm khuya lại gọi tôi dậy mà xin thị thực? Ai lại đối xử như vậy với một ông lão đang bận trăm thứ việc...".

Đúng là Chủ tịch đã già đi, khuôn mặt hơi bì ra, dáng đi nặng. Nhưng cặp mắt thì không hề thay đổi. Nụ cười vẫn đó.

Tôi thưa:

- Tôi không rõ có nên quấy rầy Chủ tịch hay không? Chỉ có Chủ tịch là người duy nhất xét việc này có cần thiết hay không.

Và tôi nói về cuộc họp ở Pa-ri, thế nào là PUGWASH và bức thông điệp là gì.

Chủ tịch nói:

- Thôi được, các vị đến đây cũng là tốt. Tôi sẽ nói cho các vị biết lập trường của chúng tôi. Chủ tịch nói về lịch sử hào hùng của Việt Nam, về nước Việt Nam ở châu Á, Việt Nam trên thế giới, giải thích vì sao Việt Nam chiến đấu, quyết tâm và hy sinh của nhân dân, thắng lợi là chắc chắn, và yêu cầu tuyệt đối phải ngừng vô điều kiện những vụ ném bom trên lãnh thổ nước Việt Nam dân chủ cộng hòa.

Khi nghe trình bày tôi có cảm giác là Chủ tịch vừa nói ra một điều gì mới mẻ và quan trọng. Tôi xin phép được ngắt lời:

- Xin lỗi Chủ tịch, với những dấu hiệu mà Chủ tịch vừa cung cấp, liệu tôi có thể làm được gì chăng?

- Thế ông tính làm gì đây?

- Tôi cảm thấy cần phải thông báo cho Tổng thống Lyn-đơn Giôn-xơn.

- Nếu ông có thể làm được, thì tôi cũng không phản đối.

Chủ tịch quay sang phía ông Phạm Văn Đồng: "Ngày mai, chú tiếp Ô-brắc và bạn của ông ta. Giải thích tình hình cho họ và giải đáp các câu hỏi của họ".

... Chủ tịch chậm rãi bước vào nhà và đem ra một gói nhỏ:

- Ông đem cái này về cho Ba-bét để may áo cưới.

Chủ tịch nắm cánh tay tôi, như cách đây trên 20 năm trong vườn hồng ở Ba-ga-ten. Cụ dẫn tôi ra bờ hồ. Những con cá quen thuộc kéo đến như những cánh hoa.

Bác Hồ hôn tôi.

Từ đây tôi không còn gặp lại Bác nữa.

VIẾT LÚC CHỜ TỰ DO*

LÊ-LI-Ô BÁT-SÔ

Giáo sư xã hội học,

Trường Đại học Rô-ma - I-ta-li-a

(...) Những bài thơ trong tập *Nhật ký trong tù* do Người viết bằng chữ Hán trong thời kỳ này và cũng là một trong các hoạt động cách mạng hằng ngày. Cụ Hồ không phải là một nhà thơ chuyên nghiệp như Người đã từng nói:

*Ngâm thơ ta vốn không ham,
Nhưng vì trong ngục biết làm chi đây?
Ngày dài ngâm ngợi cho khuây,
Vừa ngâm vừa đợi đến ngày tự do.*

Nhưng tình cảm được biểu hiện trong thơ của Người lại rất phong phú. Đó là tình yêu đất nước, yêu tự do, và đó cũng chính là lý tưởng mà người đã cống hiến cả cuộc đời chiến đấu của mình. Trong đó lòng yêu nước và yêu nhân dân nổi bật:

*Quảng Tây giải khắp mười ba huyện,
Mười tám nhà lao đã ở qua.
Phạm tội gì đây? Ta thử hỏi
Tội trung với nước, với dân à?*

hoặc:

*Năm tròn cố quốc tâm hơi vẳng.
Tin tức bên nhà bữa bữa trông.*

"Nghĩ về Tổ quốc", và ý nghĩ đó mạnh mẽ, nhất là khi thấy cô đơn, ý nghĩ ấy càng da diết, và đó là một vũ khí mãnh liệt chuẩn bị cho cuộc chiến đấu:

*. Trích bài *Lời nói đầu tập Nhật ký trong tù* dịch sang tiếng Ý.

*Vốn trước hai bên ngang thế lực,
Mà sau thắng lợi một bên giành.
Tấn công, phòng thủ không sơ hở,
Đại tướng anh hùng mới xứng danh.*

Và không phải xích xiềng đã trói buộc Người, hoặc những sự dày
đọa khổ cực về thể xác làm cho Người chùn bước, mà đó là:

*Thân thể ở trong lao,
Tinh thần ở ngoài lao.
Muốn nên sự nghiệp lớn,
Tinh thần càng phải cao.*

Mười bốn tháng trời kiên trì chịu đựng gian khổ về vật chất, nhưng
tinh thần không hề nao núng. Bởi vì Người mang theo mình số phận của
đất nước, Người đại diện cho nước Việt Nam mới và tự do. Đối với tự do
không thể nhân nhượng:

*Thà chết chẳng cam nô lệ mãi,
Tung bay cờ nghĩa khắp trăm miền.
Xót mình giam hãm trong tù ngục,
Chưa được xông ra giữa trận tiền.*

Và muốn "xông ra giữa trận tiền" cùng nhân dân, phải giành lại tự
do cho cá nhân mình:

*Thân tù đâu thiết thu sang chữa,
Chỉ nghĩ hôm nao mở cửa tù.*

Nhưng nhà tù cũng đã giúp cho Người thêm yêu mến nhân dân và
thêm quyết tâm đem hết sức lực đấu tranh giành tự do cho nhân dân bị
bao nổi bất công áp bức:

*Vì không có cảnh đông tàn,
Thì đâu có cảnh huy hoàng ngày xuân.
Nghĩ mình trong bước gian truân.
Tai ương rèn luyện tinh thần thêm hăng.*

hoặc:

*Hoa hồng nở, hoa hồng lại rụng,
Hoa tàn, hoa nở cũng vô tình.
Hương hoa bay thấu vào trong ngục,
Kẻ với tù nhân nổi bất bình.*

Qua tập thơ *Nhật ký trong tù*, người ta tìm thấy những đặc tính nổi bật của nhân vật đặc biệt: Hồ Chí Minh, mà lúc còn trẻ mang tên Nguyễn Ái Quốc, đã trình bày tại Hoà hội Véc-xây năm 1919 một giác thư đòi giải phóng đất nước, và tại Đại hội Đảng Xã hội Pháp ở Tua đã lên tiếng chống "những tội ác dã man ở Đông Dương", nơi mà "nhà tù nhiều hơn trường học"(...)

Những bài thơ Người viết vào thời kỳ mà tư tưởng xã hội chủ nghĩa đã chín muồi, càng chứng tỏ tinh thần dân tộc nổi bật trong suy nghĩ và hành động của Người. Điều đó giúp chúng ta hiểu rõ bản chất cách mạng của các dân tộc đang phát triển, nơi mà thành phần dân tộc luôn luôn nổi bật trong mọi lý tưởng xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa. Mặt khác, chúng ta hiểu được rõ khả năng kỳ diệu của nhân dân Việt Nam chiến đấu chống xâm lược Mỹ (...)

Nếu chúng ta nghĩ rằng trong mỗi con người Việt Nam đều mang ít nhiều tính cách của vị lãnh tụ của họ, có sự gắn bó chặt chẽ với đất nước và dân tộc họ, có một yêu cầu bức thiết về tự do và công lý, chúng ta mới hiểu rõ hơn tại sao tên cường quốc quân sự hùng mạnh nhất thế giới không thể bắt một dân tộc đa số là nông dân quý gối. Bởi dân tộc đó đã được Cụ Hồ Chí Minh giáo dục về ý thức dân tộc độc lập, dân chủ và chủ nghĩa xã hội. Chính người đã dạy rằng:

*Trên đời ngàn vạn điều cay đắng,
Cay đắng chi bằng mất tự do.*

Và chúng ta có thể hiểu sâu sắc hơn những giá trị đó mà Cụ Hồ Chí Minh đã chiến đấu, mà nhân dân Việt Nam đã bảo vệ hết sức kiên cường và dũng cảm, chính là giá trị đối với chúng ta, những giá trị có tầm thế giới. Và chúng ta hiểu rằng, trong rừng núi hoặc trên đồng ruộng, ở miền Bắc cũng như ở miền Nam vĩ tuyến 17, nhân dân của Cụ Hồ Chí Minh đã bảo vệ những giá trị đó, chống lại bọn xâm lược đế quốc, đã đổ máu cho cả chúng ta, cho nền tự do của chúng ta. Chúng ta cảm thấy có nghĩa vụ tham gia vào cuộc đấu tranh ấy, không phải với danh nghĩa một sự đoàn kết chung quanh, bởi vì cuộc đấu tranh cho tự do và độc lập chống chủ nghĩa đế quốc phải trở thành cuộc đấu tranh chung của tất cả các dân tộc, phải trở thành cuộc đấu tranh của chúng ta.

BÁC HỒ RA ĐI GIỮA MÙA THU

MA-ĐƠ-LEN RÍP-PHÔ
(Pháp)

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ra đi giữa mùa thu, vào những ngày đẹp nhất trong một năm, ngay trước Tết Trung thu cổ truyền của thiếu nhi Việt Nam, khi mà chính Người đã viết, ở Hà Nội, về ngày tết đó như sau: "Cảnh trăng tròn, gió mát, hồ lặng, trời xanh của Trung thu, làm cho các cháu vui cười hơn hở"¹.

Vẫn như phong cách của Người từ trước tới nay, Người ra đi mà còn căn dặn: "Sau khi tôi đã qua đời, chớ nên tổ chức diễu phúng linh đình để khỏi lãng phí thời gian và tiền bạc của nhân dân", 31 triệu người Việt Nam, không kể họ thuộc khuynh hướng, chính trị và tôn giáo nào, đều khốc thương nhà cách mạng khiêm tốn và lấy lòng uy tín, nhà yêu nước được mọi người tôn kính, tượng trưng cho sự đoàn kết và cho cuộc đấu tranh vì độc lập, tự do và thống nhất đất nước của dân tộc Việt Nam.

Chủ tịch Hồ Chí Minh, lần này có thật là ra đi vĩnh viễn không? Những ai đã từng được gặp Người ở một nơi nào đó trên đất nước Việt Nam đang có chiến tranh, đều không tin như vậy. Tôi nhớ lại những lúc Người đến với khách một cách bất ngờ, và những lúc đó Người hiện ra với bóng dáng một con người mỏng dẻ, mặc bộ áo quần vải màu cát hoặc bộ quần áo bà ba màu nâu kiểu nông dân. Từ một cái cửa nào đó, Người bước vào nhẹ nhàng, chân lúc nào cũng mang đôi dép lốp nhẹ nhàng đến nỗi bao giờ Người cũng làm cho người khác phải ngạc nhiên. Chính Người đã cười và nói rằng Người đến như vậy "theo kiểu du kích". Nhiều lúc, Người đi ra lúc nào người ta cũng không hay.

Trong thời kỳ Mỹ đang leo thang chiến tranh, giữa lúc tôi được phép đến phỏng vấn Thủ tướng Phạm Văn Đồng thì Người đi qua căn

1. Hồ Chí Minh, *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, H.1960, tr.210. (BT).

phòng làm việc của Thủ tướng. Thấy tôi, Người khẽ vẩy tay ra hiệu cho tôi và nói: "Cô cứ tự nhiên, xem như không có tôi ở đây". Bên ngoài, pháo cao xạ đang gầm thét, hai chiếc máy bay "Míc" lượn vòng trên thành phố, cánh lấp loáng dưới ánh mặt trời.

Trong đời làm báo của tôi, tôi có cái may mắn rất lớn được gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh nhiều lần. Nói cho đúng thì những cuộc gặp gỡ đó không chỉ in sâu vào cuộc đời làm báo của tôi mà còn in sâu vào cả cuộc đời nói chung của tôi nữa. Bởi vậy, đối với tôi, thật khó mà phát biểu hết được tất cả những gì cần nói về Người, sau khi Người từ trần chưa bao lâu. Lần đầu tiên tôi được gặp Bác Hồ là năm 1946, vào thời kỳ Hội nghị Phông-ten-nơ-blô. Lúc đó tôi được gặp Người là nhờ có bà Ăng-đơ-rê Vi-ô-lít, tác giả cuốn *Đông Dương S.O.S*¹ giới thiệu sơ lược với Người về tiểu sử của tôi, lúc đó là một nhà báo tập sự; trước đây đã từng tham gia du kích. Người nói: "Con gái tôi như vậy là ngoan lắm. Sau này, khi con học xong nghề làm báo, con hãy sang thăm đất nước của Bác".

Không ai ngờ rằng mười năm sau. Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn còn nhớ câu đó khi thấy tôi sang thăm Việt Nam, Người nhắc lại chuyện ấy và gọi tôi là "con gái của Bác", như năm xưa Người xưng hô với tôi sau khi được bà Ăng-đơ-rê Vi-ô-lít giới thiệu.

TRÊN KHU VIỆT BẮC

Sau ngày Hiệp nghị Giơ-ne-vơ được ký kết, tôi sang Việt Nam ở lại đấy trong mấy tháng và hân hạnh được Bác Hồ tiếp nhiều lần. Người vừa trải qua tám, chín năm của cuộc "kháng chiến lâu dài" do Người lãnh đạo. Người cùng sinh hoạt với Ban Chấp hành Trung ương Đảng, với Bộ Tổng tư lệnh ở trong những hang đá, giữa vùng rừng núi Việt Bắc, bên cạnh những con suối. Trên khuôn mặt khắc khổ của Người, đôi mắt sáng ngời như rục lửa, đầy lạc quan và chan chứa nhiệt tình.

Bệnh lao phổi, một căn bệnh không bao giờ rời Người trong hàng mấy chục năm hoạt động cách mạng, khi bí mật, khi tù đày, khi học tập, nghiên cứu và chiến đấu không ngừng, căn bệnh đó ra sao rồi? Bao giờ Người cũng hết lòng chăm lo đến những người khác, còn bản thân Người bị sốt rét thì Người nói: "Rồi tự nhiên sẽ khỏi". Thế nhưng, hồi ở Việt

1.S.O.S. có nghĩa là cấp cứu.(BT).

Bác xa xôi kia, trong căn nhà sàn bên sườn núi, bốn bề tối đen và rừng rậm, đã có lần Người suýt qua đời. Lúc bấy giờ, Đại tướng Võ Nguyên Giáp luôn luôn có mặt bên cạnh Bác, đã kể lại với tôi: "Mỗi lần Bác tỉnh lại, Bác liền hỏi và trao đổi về tình hình thời sự. Lúc đó, tôi không tin là Bác nói với tôi những ý nghĩ cuối cùng của Bác, nhưng sau đó, tôi tự bảo thầm rằng Bác cảm thấy sức khỏe mình quá yếu rồi chẳng nên đã trở trắng cho tôi những lời cuối cùng."

Nhưng Người lại khỏi bệnh. Sau này, người ta ít thấy Hồ Chủ tịch đến dự các buổi lễ chính thức, đó không phải vì lý do sức khỏe của Người. Luôn luôn nêu gương cho mọi người bằng tác phong sinh hoạt của mình, Người thân hành đến thăm khắp nơi, từ vĩ tuyến 17 đến Cao Bằng, thúc đẩy muôn nghìn công việc mà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa phải đương đầu sau 80 năm bị bọn thực dân và phong kiến thống trị, trước ngày bùng nổ cuộc kháng chiến.

Nào công tác thủy lợi, nào đắp các con đê mới, cải cách ruộng đất, tăng gia sản xuất, vệ sinh phòng bệnh, chống nạn mù chữ, v.v... nơi nào Bác Hồ cũng đến. Tâm trí của Người lúc nào cũng hướng về đồng bào của Người ở miền Nam và luôn luôn mong ước ngày đất nước hoàn toàn độc lập, "Nam Bắc sẽ cùng nhau sum họp một nhà".

Giữa lúc công việc bề bộn như vậy, nếu Người có dịp gặp tôi để chuyện trò đôi câu thì không phải là Người nhắc lại những nỗi đau khổ mà đế quốc Pháp đã gây ra đối với nhân dân Việt Nam, những nỗi đau khổ không kể xiết mà khi đi thăm Việt Nam tôi đã rõ ở bất cứ nơi nào tôi đến...

CHỮ HẠNH PHÚC

Thời kỳ đó, Bác Hồ thường tiếp khách vào buổi sáng tinh sương trong những ngôi nhà nhỏ ở khu vườn Phủ Chủ tịch. Những cây hoa hồng trồng làm cảnh, được chăm sóc cẩn thận, nói lên rằng bất chấp bom đạn, Việt Nam vẫn thách thức (với kẻ thù) và tin chắc vào thắng lợi của mình. Từ nay tôi không thể nhìn một bông hồng - dùng làm vật trang trí - nào như vậy mà không khỏi nhớ tới Hồ Chủ tịch. Vì rằng cứ sau mỗi cuộc gặp gỡ trong chốc lát như thế, Người lại tặng khách một bông hoa hồng trước khi Người trở về với công việc hàng ngày. Cho nên chỉ cần nhìn thấy một đại biểu nào đó của nước bạn, trong khi trở về khách sạn ở gần hồ Gươm - dành riêng cho khách nước ngoài, - mà tay cầm một

trong những đoá hoa hồng đó, là tôi có thể đoán biết rằng Hồ Chủ tịch đang có mặt ở Hà Nội.

Năm này qua năm khác, hình như bao giờ cũng vẫn đoá hoa hồng ấy. Điều đó khiến người ta liên tưởng đến những tiêu ngữ của nền dân chủ nhân dân do Đảng của Hồ Chủ tịch thành lập, trong đó chữ "Hạnh phúc" được ghi liền sau những chữ "độc lập và tự do".

Người muốn hạnh phúc đến với tất cả mọi người. Và cũng không ai tha thiết bằng Người, mong muốn cho hoà bình trở lại trên đất nước mình. Chính vì lẽ đó nên Người đã tuyên bố là nhân dân Việt Nam sẽ không bao giờ ngừng đấu tranh chừng nào mà tên lính Mỹ cuối cùng chưa rút khỏi Việt Nam. Hồi tháng 10 năm 1945, Hồ Chủ tịch đã giải thích một cách đơn giản cho những người Pháp ở Đông Dương như sau:

"Chúng tôi không sợ chết, chính là vì chúng tôi muốn sống. Chúng tôi cũng như các bạn, muốn sống tự do không bị ai đè đầu bóp cổ...".

Trong khi ở Việt Nam, hàng triệu người "xông pha lửa đạn" với tư thế rất tự nhiên của những người kiên quyết xả thân vì nước, tham gia sản xuất, chiến đấu và học tập dưới hàng tấn chất nổ, bom bi, bom na-pan, đồng thời tiếp tục xây dựng chủ nghĩa xã hội, thì trong tâm trí Bác Hồ, ngày đêm luôn luôn dâng lên hai làn sóng kích động trong tâm hồn Việt Nam cái tinh thần quyết chiến quyết thắng. Hai làn sóng đó là: sự căm thù cao độ đối với bọn cướp nước và đối với nhân dân anh hùng của mình.

Các nhà báo nước ngoài đến miền Bắc Việt Nam đều lấy làm lạ rằng ở đường phố không thấy treo những bức chân dung của vị lãnh tụ kính yêu, mà trái lại chỉ thấy treo những tấm áp phích, những khẩu hiệu nêu cao gương những vị anh hùng trong quân đội, trên đồng ruộng, trong giao thông vận tải. Trong chiến tranh nhân dân, người chiến thắng tên đế quốc mạnh nhất thế giới, chính là người dân bình thường.

Hồ Chủ tịch thường nói chuyện với một số rất ít những nhà báo nước ngoài được Người tiếp, - về những con người bình thường đó, nam cũng như nữ, đã quên mình, thông minh khéo léo, lạc quan cách mạng vượt qua muôn vàn khó khăn, Người đã viết về họ trong những bài báo ngắn gọn, dưới nhiều bút danh khác nhau, nhưng người Hà Nội khi xem báo đều nhận ra ngay đó là văn phong của Người. Chính là về những con người bình thường đó mà Người suy nghĩ hoặc trò chuyện với họ.

"TÔI ĐANG NGHE TIẾNG NÓI CỦA NHÂN LOẠI"

... Mặc dù có những cuộc ném bom, Hồ Chủ tịch vẫn thường cố gắng tranh thủ đến thăm các đơn vị pháo cao xạ hoặc tới các sân bay để khen ngợi những chiến sĩ lái máy bay "Míc". Thư từ của Người gửi tới các đơn vị thường viết dưới hình thức thơ, mỗi chiến sĩ đều học thuộc lòng những bài thơ đó. Người nói chuyện với mỗi chiến sĩ không phải trên cương vị người đứng đầu Nhà nước mà như một người cha, một người anh ruột cùng chiến đấu. Một đồng chí được sống gần Người, đã kể cho tôi nghe rằng Người rất ít ngủ và bận lo suy nghĩ tới nạn hạn hoặc mưa lũ đang đe dọa đồng ruộng, nghĩ tới những thanh niên xung phong đang sửa đường sá dưới bom đạn và mưa bão... Nhiều khi đêm khuya, xong công việc đâu vào đấy, Người ngả lưng trên giường, mở đài bán dẫn nghe những buổi phát thanh của nước ngoài. Nếu ai có nhắc nhở Người đi ngủ thì Người liền mỉm cười và trả lời: "Tôi đang nghe tiếng nói của nhân loại".

Người năm đó hôm nay đã ngừng thở rồi, nhưng đôi dép của người cách mạng vẫn bên mình, tâm trí vẫn còn nghĩ đi nghĩ lại một cách sáng suốt và âu yếm về Đảng, về Tổ quốc mà Người đã từng xây dựng thành một khối thống nhất; đồng thời Người cũng thấy rõ những khó khăn còn phải vượt qua và thấy rõ cả sự tất thắng sau này.

Ngay cả cái chết cũng không thể đem đột ngột đối với Người. Người đã dự kiến được tất cả mọi việc. Vượt lên cái chết, Người viết lời *Di chúc* từ ngày 10 tháng 5 vừa qua. Đó là một hành động cách mạng và yêu nước, một hành động đầy trí thông minh, vừa tế nhị, vừa khiêm tốn lại vừa chan chứa mối tình thương yêu đối với nhân dân trong nước của Người và đối với những người lao động trên thế giới.

Trong lời *Di chúc*, Người đã nói với đồng bào của Người, với gia đình loài người đông đảo, và qua đó người ta vẫn thấy Bác Hồ luôn luôn như vậy đấy, Người không bao giờ nghĩ tới mình, Người vẫn là "Người cùng khổ" mà chung quanh xúm xít những thiếu nhi Việt Nam, những cháu bé rất vui sướng được leo lên ngói trên dùi, trên vai Người.

Tất cả những ai được biết Người đều kính mến Người. Người đã làm cho những kẻ thù giai cấp tệ hại nhất cũng phải kính trọng Người. Toàn bộ con người của Bác Hồ đã thể hiện qua lời *Di chúc* đó - bài học cuối cùng về đạo đức cách mạng - mà tất cả mọi người đều cần phải học tập.

Từ những thời kỳ xa xôi nhất của cách mạng Việt Nam, Bác Hồ "Người soi sáng", Người đã đoàn kết mọi người, vẫn khiêm tốn trước tập thể lãnh đạo do Người giúp đỡ, đào tạo nên...

BÁC HỒ SẼ CÒN LÀM NÊN NHỮNG SỰ VIỆC VĨ ĐẠI

Chính với tinh thần đó mà bao nhiêu năm qua, những người yêu nước Việt Nam đã được đào tạo nên, kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang. Một hôm, ở vùng giải phóng, một chiến sĩ của Mặt trận Dân tộc giải phóng đã nói trước mặt tôi, với một người trong quân đội Sài Gòn bỏ ngũ trở về với Tổ quốc của mình như sau: "Bác Hồ, người đã vùng dậy đấu tranh sớm hơn ai cả, nhưng Người không bao giờ trách ai đến giờ phút cuối cùng mới đi theo kháng chiến".

Chương trình của Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam kêu gọi tất cả mọi người, không kể quá khứ của họ như thế nào, cùng nhau đoàn kết chống Mỹ xâm lược và kiên quyết đấu tranh cho độc lập tự do và nền trung lập của miền Nam Việt Nam. Điều đó thể hiện tính chất độ lượng và hiện thực của chủ nghĩa yêu nước Việt Nam, nó mãi mãi ghi lại tấm gương lịch sử và những lời giáo huấn của Hồ Chủ tịch.

Tình hình hỗn loạn ở Sài Gòn xảy ra trong cái dóm nhỏ bọn phản quốc sống bằng đôla của đế quốc Mỹ xâm lược, lòng kính trọng của các giới tôn giáo và chính trị rộng rãi nhất ở miền Nam Việt Nam cũng như của giới Việt kiều ở nước ngoài đối với nhà yêu nước đầy uy tín là Chủ tịch Hồ Chí Minh, quyết tâm cao hơn bao giờ hết của họ trong việc tham gia "chống Mỹ, cứu nước" như Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam đã yêu cầu, tất cả những điều đó cho người ta thấy trước rằng ngay cả sau khi Hồ Chủ tịch từ trần, Người sẽ còn làm nên những sự việc vĩ đại cho đoàn kết dân tộc và cho những thắng lợi hoàn toàn của đất nước.

Hồ Chủ tịch hy vọng rằng nước Việt Nam sẽ tiếp tục "góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới", như Người đã viết trong câu cuối cùng của lời *Di chúc*.

... Cùng với Đảng của Người, Hồ Chủ tịch đã khéo vận dụng chủ nghĩa Mác - Lê-nin và điều kiện riêng của nước mình, tiến hành một cuộc chiến tranh nhân dân theo kiểu Việt Nam, xây dựng một chủ nghĩa

xã hội đúng đắn hoàn toàn phù hợp với thực tế của Việt Nam và dựa trước hết vào sức lực của bản thân. Nhưng một điều làm cho nhà cách mạng lão thành - mà tinh thần yêu nước chỉ làm thúc đẩy thêm chủ nghĩa quốc tế vô sản - cho đến lúc lâm chung vẫn còn phải đau buồn sâu sắc. Như Người đã viết trong lời *Di chúc*, Người "đau lòng... vì sự bất hoà hiện nay giữa các đảng anh em".

Người mong rằng Đảng của Người "sẽ ra sức hoạt động, góp phần đắc lực vào việc khôi phục lại khối đoàn kết giữa các đảng anh em trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lê-nin và chủ nghĩa quốc tế vô sản, có lý, có tình". Trước khi từ trần, Người đã "tin chắc rằng các đảng anh em và các nước anh em nhất định sẽ phải đoàn kết lại".

NHỮNG ĐIỀU BÍ MẬT NHỎ

Hồ Chủ tịch đã mất. Đối với những ai yêu mến Người hôm nay cũng cần phải kể lại cho nhau nghe những điều bí mật nhỏ và coi đó là của quý.

Trước đây có lần Bác Hồ bảo tôi: "Con ơi, nếu con muốn làm vui lòng Bác thì một hôm nào đó con hãy gửi cho Bác một bộ đĩa thu lại những bài hát mà xưa kia Mô-ri-xơ Sơ-va-li-ê vẫn hát, hồi Bác còn ở Pa-ri và lúc con chưa ra đời". Mùa hè năm nay tôi đã tìm thấy những đĩa hát đó khi người ta tái bản tất cả những bài hát của Sơ-va-li-ê nhân dịp ông này thọ 80 tuổi.

Nhưng tôi còn ngần ngừ không biết có nên gửi cái món quà kỳ lạ đó, tức là những đĩa thu những bài hát như "Va-lăng-tin" "Mê-nin-mông-tan" đến Bác Hồ hay không? Nếu Bác Hồ quên chuyện đó rồi thì sao? Nếu có người cho rằng gửi món quà đó cho Người là bất kính thì thế nào? Tôi bèn đến hỏi ý kiến một đại biểu của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tại hội nghị Pa-ri. Đại biểu đó trả lời: "Chắc đồng chí cũng biết đấy chứ, không bao giờ Bác quên một việc gì cả. Đồng chí cứ gửi những bài hát ấy cho Bác. Những bài hát đó sẽ làm Bác nhớ lại thời tuổi trẻ của Người và nhớ lại những người lao động ở Pa-ri mà Bác rất yêu mến".

Chính vì vậy mà trong tuần vừa qua, hai ngày sau khi Hồ Chủ tịch từ trần tôi nhận được một bức thư của đồng chí Tê-ô Rông-cô, phóng viên thường trú của chúng tôi ở Hà Nội. Bức thư đó đến tay tôi chậm mất ba tuần, trong thư viết rằng: "Bác Hồ đã nhận được các đĩa hát, Bác đã nghe lại các đĩa hát đó một cách thích thú, Bác rất vui lòng".

Nhân dân ta (Pháp - BT) đã mất một người bạn vĩ đại. Mọi người trên thế gian này đều mất một người bạn. Tất cả những bức thư từ khắp mọi nơi trên nước Pháp gửi đến chúng tôi (Toà soạn báo *Nhân đạo* - BT) đều nói rằng: "Chúng tôi vô cùng tự hào về sự triu mến của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với nhân dân Pháp. Bởi vậy, trước những nỗi đau khổ vô cùng lớn lao của nhân dân Việt Nam, chúng tôi càng thấy sâu sắc trách nhiệm của chúng tôi. Để xứng đáng với tình hữu nghị của một trong những nhà cách mạng vĩ đại nhất trong thời đại này, chúng tôi xin thế sẽ đem hết sức lực của mình ra chiến đấu bên cạnh nhân dân Việt Nam, kỳ cho tới khi quân đội Mỹ phải rút không điều kiện và rút hết ra khỏi Việt Nam".

Thật vậy, phải làm việc nhiều hơn nữa và tốt hơn nữa để cho mau tới ngày toàn thắng, ngày đó "sẽ chiếu sáng như "trăng thu trong đẹp, sáng rọi khắp nơi, từ Nam đến Bắc". Hồ Chủ tịch trước khi từ trần, cũng như bất cứ người anh hùng nào của đất nước Việt Nam, đều nói rằng thắng lợi đó là "một điều hoàn toàn chắc chắn".

CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH - NGƯỜI TRUYỀN BẢ VÀ ĐẶT NỀN MÓNG LÝ LUẬN CHO CÁCH MẠNG LÀO

PHẢN-ĐUÔNG-CHÍT VÔNG-SẢ
(Lào)

Trước cuộc xâm chiếm của Pháp, ở Lào đã có nhiều cuộc đấu tranh của nhân dân chống các cuộc xâm lăng của thế lực phong kiến nước ngoài, nhất là chống ách thống trị của các triều đại phong kiến Xiêm (Thái Lan). Cuộc đấu tranh của nhân dân Lào thời đó do các vua chúa yêu nước lãnh đạo, mọi phong trào hầu hết là các vua hoặc sĩ quan dưới quốc vương chỉ huy. Khi thực dân Pháp xâm lược, các vua phong kiến Lào lại bất lực, mất hết vai trò lãnh đạo nhân dân chống kẻ thù, thậm chí đầu hàng, cấu kết phục vụ đế quốc thực dân.

Nhưng, nhân dân Lào vẫn tiếp tục cuộc đấu tranh chống thực dân Pháp. Lãnh đạo phong trào lúc này là những thủ lĩnh hoặc tộc trưởng có uy tín của từng bộ tộc, từng địa phương khác nhau. Ở vùng Hạ Lào là ông Kẹo Kôm-ma-đăm đứng đầu các dân tộc thiểu số La-vên, Tà-ôi... Ở Trung Lào là ông Pho Ka-đuột. Thạo Pát-chay - thủ lĩnh dân tộc H'mông ở phía Bắc Lào (các tỉnh Xiêng Khoảng, Hủa Phăn, Luông Pha Bông) tập hợp đồng bào dân tộc H'mông đấu tranh chống Pháp. Các cuộc đấu tranh ấy diễn ra rất kiên cường, anh dũng và lâu dài, có những phong trào tới hơn 20 năm, thể hiện rõ lòng yêu nước, tinh thần chống ngoại xâm, muốn được độc lập, tự do, thoát khỏi ách áp bức bóc lột của nhân dân các bộ tộc. Nhưng, các cuộc đấu tranh ấy đều bị đè bẹp và thất bại do nhiều nguyên nhân như: các phong trào ấy chỉ trong phạm vi bộ tộc, địa bàn của địa phương mình, không mở rộng đoàn kết với các bộ tộc khác và địa phương khác; cuộc đấu tranh chưa có chiến lược, sách lược đúng đắn, chưa có đường lối lâu dài. Xét đến cùng, nguyên nhân của những nguyên nhân là do chưa có Đảng Cộng sản lãnh đạo, chưa có lý luận cách mạng

soi đường. Suốt thời gian ba thập niên đầu thế kỷ XX, dù phong trào đấu tranh mang tính yêu nước, nhưng chưa có lý luận cách mạng nên chưa trở thành phong trào cách mạng; tuy mọi người dân đều có lòng yêu đất nước, quê hương, căm thù giặc xâm lược, nhưng chưa trở thành chủ nghĩa yêu nước chân chính.

Cho đến khi Nguyễn Ái Quốc đem chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào Việt Nam và thành lập Đảng Cộng sản Đông Dương, cuộc đấu tranh của nhân dân Lào mới được vũ trang lý luận cách mạng. Chủ tịch Cay-xôn Phôm-vi-hản và các đồng chí Lào là đảng viên Đảng Cộng sản Đông Dương đã tiếp cận chủ nghĩa Mác - Lê-nin từ Nguyễn Ái Quốc. Người trở thành nguồn ánh sáng lý luận đầu tiên của cuộc cách mạng Lào. Lý luận về vấn đề dân tộc thuộc địa, vấn đề giải phóng dân tộc, lý luận về chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa xã hội do Nguyễn Ái Quốc phát triển sáng tạo và Xứ ủy Lào trực tiếp đưa vào thực tiễn cuộc đấu tranh của nhân dân Lào, thúc đẩy phong trào đấu tranh, hình thành và khơi lên phong trào mới mạnh mẽ, sâu sắc hơn, làm cho cuộc đấu tranh từ tự phát đến tự giác, trở thành phong trào cách mạng, cuộc đấu tranh có sự đoàn kết toàn quốc, phối hợp với cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam anh em. Lúc Cách mạng tháng Tám thành công ở Việt Nam, ở Lào cuộc đấu tranh giành chính quyền đã nổ ra sôi động và dẫn đến việc tuyên bố đất nước độc lập vào ngày 12-10-1945. Từ một xứ thuộc địa Pháp ở bán đảo Đông Dương, Lào đã trở thành nước độc lập. Nhưng, độc lập chưa đầy một năm, do sự cấu kết của các cường quốc, đến năm 1946, Pháp lại xâm lược Lào lần thứ hai. Cuộc kháng chiến lâu dài của nhân dân các bộ tộc Lào bắt đầu cùng với nhân dân hai nước Việt Nam và Cam-pu-chia, do Đảng Cộng sản Đông Dương lãnh đạo.

Đến Đại hội II Đảng Cộng sản Đông Dương năm 1951, do thấu hiểu sâu sắc tính đặc thù của từng dân tộc Đông Dương, để phù hợp với tình hình mới của thế giới, khu vực và từng nước, Đại hội đã quyết định Lào và Cam-pu-chia thành lập đảng riêng của mỗi nước. Tuy nhiên, đối với nước Lào, không phải ngay sau Đại hội II Đảng Cộng sản Đông Dương đã thành lập được Đảng, mà phải qua một thời kỳ từ năm 1951 đến năm 1955 chuẩn bị các tiền đề thành lập Đảng.

Trước hết, phải chuẩn bị nền tảng tư tưởng, quan điểm cho toàn dân, truyền bá lý luận cách mạng, giáo dục tinh thần yêu nước, tinh

thần đấu tranh vì độc lập, tự do, chống đế quốc xâm lược, tiến hành công tác dân vận, xây dựng cơ sở chính trị, xây dựng căn cứ địa cách mạng, vạch rõ tội ác của chủ nghĩa thực dân Pháp, giáo dục tình đoàn kết với Việt Nam.

Từ công tác truyền bá, giáo dục lý luận cho nhân dân cả nước, những người cộng sản Lào từng được rút ra bài học kinh nghiệm, làm sáng tỏ chân lý mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, nhưng sức mạng tinh thần của quần chúng là lý luận cách mạng; nếu quần chúng không được vũ trang bằng lý luận thì không thể phát huy được sức mạnh; ngược lại, sức sống của lý luận cách mạng chính là thực tiễn phong trào cách mạng của quần chúng nhân dân.

Thời kỳ chuẩn bị thành lập Đảng là quá trình vừa truyền bá, giáo dục lý luận cách mạng, vừa lãnh đạo vận dụng lý luận vào thực tiễn và tìm tòi phương hướng để tiếp tục lãnh đạo cách mạng. Từ đó, những người cộng sản Lào đã vận động được những người tiên phong ưu tú nhất từ phong trào quần chúng, đồng thời tạo lập đủ các điều kiện thành lập Đảng.

Sau chiến thắng Điện Biên Phủ của nhân dân Việt Nam dẫn đến Hiệp định Giơ-ne-vơ về Đông Dương, tình hình thế giới có thay đổi cơ bản, lần đầu tiên trên thế giới chủ nghĩa thực dân cũ bị đánh bại. Chiến thắng Điện Biên Phủ đã tạo sức động viên mạnh mẽ phong trào cách mạng giải phóng dân tộc của nhiều nước trên thế giới. Các nước thuộc địa đã sôi sục giải phóng đất nước mình. Lý luận cách mạng giải phóng dân tộc của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trở thành chân lý thời đại mà các đảng cộng sản và công nhân có thể khai thác, vận dụng. Trong đó, ở Lào, sau thời kỳ chuẩn bị 5 năm, Đảng Nhân dân cách mạng Lào đã được thành lập vào ngày 22-3-1955. Sự ra đời của Đảng là tất yếu lịch sử khách quan, là sự kế thừa sự nghiệp cách mạng của Đảng Cộng sản Đông Dương. Đảng Nhân dân cách mạng Lào được thành lập là sự kết hợp giữa chủ nghĩa Mác - Lê-nin với chủ nghĩa yêu nước chân chính và chủ nghĩa quốc tế vô sản trong sáng.

Sau khi Đảng Nhân dân cách mạng Lào được thành lập, hoàn cảnh cách mạng Lào có những thuận lợi cơ bản, nhất là miền Bắc Việt Nam đã bắt đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội, nhưng lại có những khó khăn,

phức tạp mới, đặc biệt là việc đế quốc Mỹ thay chân Pháp xâm lược Lào. Đảng mới thành lập, còn non trẻ, kinh tế đất nước kém phát triển, kỹ thuật lạc hậu, vũ khí vừa thiếu, vừa thô sơ cho nên, vấn đề đặt ra là có đấu tranh với đế quốc Mỹ hay không, hay đầu hàng chịu làm nô lệ? Nếu đánh thì sẽ đánh cách nào, đó là bài toán rất phức tạp. Nhưng, nhờ có lý luận cách mạng soi sáng, có bài học kinh nghiệm và ủng hộ của các nước xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Trung Quốc, Liên Xô và các nước khác, Đảng Nhân dân cách mạng Lào quyết tâm lãnh đạo nhân dân Lào tiến hành đấu tranh chống Mỹ, cứu nước. Đó là sứ mệnh lịch sử mà giai cấp công nhân Lào - mà đội tiên phong của nó là Đảng Nhân dân cách mạng Lào - phải gánh vác.

Đến thời kỳ chống Mỹ xâm lược, hơn bao giờ hết, lý luận Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh - nhất là lý luận về cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân - đã được truyền bá, giáo dục và vận dụng một cách sáng tạo, đúng đắn vào điều kiện của cách mạng Lào. Đảng đã biết nêu cao ngọn cờ độc lập dân tộc, tập hợp mọi lực lượng chống đế quốc Mỹ xâm lược. Trong thời kỳ chiến tranh, Đảng chưa hoạt động công khai, mặt trận Lào yêu nước có vai trò rất quan trọng trong công cuộc đoàn kết, thống nhất toàn quốc chống Mỹ.

Trong thời kỳ này, Đảng Nhân dân cách mạng Lào đã vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh và kinh nghiệm Việt Nam về thời cơ cách mạng, lý luận cách mạng tiến công, phương châm biết hoà hoãn trong nguyên tắc, vừa đấu tranh quân sự, có lúc đấu tranh chính trị, đấu tranh trong bàn thương lượng, đấu tranh ngoại giao. Trong suốt 20 năm chống Mỹ, cứu nước, đã ba lần thực hiện hoà hợp dân tộc, thành lập chính phủ liên hiệp giữa phái cách mạng và chính quyền bù nhìn tay sai Mỹ (lần thứ nhất năm 1957, lần thứ hai năm 1962 và lần thứ ba năm 1972), mỗi lần thực hiện hoà hợp dân tộc là một lần lực lượng cách mạng lại phát triển mạnh, uy tín của Đảng ngày cao, vùng giải phóng được mở rộng. Đặc biệt, lần thứ ba đã đưa cách mạng Lào đến thắng lợi hoàn toàn.

Cuối tháng 4-1975 miền Nam Việt Nam hoàn toàn giải phóng ; đó là thời cơ cách mạng ngàn năm có một cho cách mạng Lào. Chớp thời cơ ấy, Đảng đưa ra chủ trương chỉ đạo chiến đấu với ba đòn chiến lược: một là, lực lượng vũ trang cách mạng sẵn sàng đập tan âm mưu của địch; hai

là, cuộc nổi dậy của quần chúng nhân dân; ba là, tận dụng mọi khả năng hoà bình để giành chính quyền. Lúc này tồn tại cả ba lực lượng, ba chính quyền. Ba lực lượng là: lực lượng cách mạng, lực lượng hỗn hợp của hai bên, lực lượng chính quyền tay sai của Mỹ. Ba chính quyền là: chính quyền cách mạng, chính quyền hỗn hợp (tức là lực lượng quân đội và cảnh sát của hai phía để bảo vệ Thủ đô Viêng Chăn và Luông Pha Bông); chính quyền của phía tay sai. Ba vùng địa bàn là: vùng giải phóng, vùng tập trung (Thủ đô Viêng Chăn và Kinh đô Luông Pha Bông là nơi có cơ quan của Chính phủ liên hiệp lâm thời và Hội đồng hiệp thương chính trị theo Hiệp định Viêng Chăn ngày 21-2-1972 đóng) và vùng của phía tay sai. Hình thái đó thể hiện sự vận dụng linh hoạt lý luận vào thực tiễn để từng bước phát triển lực lượng cách mạng, đấu tranh giành thắng lợi. Từ đó, cả nước đã dồn dập nổi dậy giành chính quyền ở từng địa phương, từng cơ quan, đơn vị, kể cả trong các đơn vị quân đội và cảnh sát của phía bù nhìn, dẫn đến tổng nổi dậy toàn quốc giành chính quyền. Cuối tháng 11 đến ngày 2-12-1975, tiến hành đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc, nhất trí hạ quyết tâm xoá bỏ chế độ cũ, thiết lập nhà nước mới - nhà nước cộng hoà dân chủ nhân dân, nhà nước của dân, do dân và vì dân.

Thắng lợi triệt để không đổ máu của cách mạng dân tộc dân chủ ở Lào là thắng lợi của nhiều nhân tố kết hợp lại, nhưng quan trọng nhất vẫn là nhân tố Đảng nắm vững và vận dụng sáng tạo nguyên lý cơ bản của lý luận Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh vào điều kiện cụ thể của mình.

Thời kỳ đổi mới, phát triển kinh tế hàng hóa vận hành theo cơ chế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa và mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế hiện nay của Lào vừa có thời cơ thuận lợi, vừa có nguy cơ, thử thách rất lớn. Cho nên, vấn đề nâng cao hiệu quả thiết thực của công tác lý luận là một trong những vấn đề rất cấp bách đối với Đảng Nhân dân cách mạng Lào. Một lần nữa, những chỉ dẫn của Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn có giá trị đặc biệt đối với Đảng Nhân dân cách mạng Lào và nhân dân các bộ tộc Lào trong sự nghiệp phát triển kinh tế, củng cố chính quyền, tổ chức đời sống nhân dân, giữ gìn nền văn hóa dân tộc, giữ vững quốc phòng - an ninh và công tác xây dựng Đảng hiện nay.

NGƯỜI CHIẾN THẮNG

Việt Nam năm 1944 đang chịu đựng những giờ phút biến động lớn của lịch sử, Pháp tiến hành "khủng bố trắng" đối với dân chúng ở phía Bắc Việt Nam. Mối mâu thuẫn Pháp - Nhật mỗi ngày trở nên rõ rệt. Các lãnh tụ Việt Minh cho rằng thời cơ cho cuộc nổi dậy rộng khắp đã đến. Vấn đề khởi nghĩa vũ trang được họ đưa ra bàn cãi náo nức, sôi sục, họ quyết định mở một cuộc khởi nghĩa ở tỉnh Cao Bằng. Đúng điểm nút này thì có tin ông Hồ trở về.

Ông Hồ Chí Minh trở về cùng với 18 thanh niên Việt Nam yêu nước khác. Họ vượt sang miền Bắc Việt Nam từ Tĩnh Tây vào ngày 20 tháng 9. Ông Phạm Văn Đồng (bí danh Lâm Bá Kiệt) và ông Võ Nguyên Giáp (bí danh Dương Hoài Nam) đến Tĩnh Tây để đón chào ông Hồ. Trong bản kế hoạch đại cương, ông Hồ dự tính 15 ngày cho cuộc hành trình tới Long Châu. Mất thêm 5 ngày cho chuyến đi của ông từ Long Châu tới Tĩnh Tây và Bắc Kỳ, ông đã bỏ thêm 20 ngày nữa cho toàn bộ cuộc hành trình, có thể là để gặp gỡ những người của ông ở Long Châu, Tĩnh Tây và lớp huấn luyện ở Tunghsing như ông đã nêu ra trong "Kế hoạch đại cương".

Khi về nước, ông Hồ nghiên cứu tình hình và đưa ra hai quyết định. Thứ nhất, phủ quyết đối với nghị quyết về cuộc khởi nghĩa Cao Bằng. Ông giải thích rằng cuộc khởi nghĩa chỉ dựa trên tình hình của Cao Bằng, Bắc Cạn, Lạng Sơn chứ không phải trên tình hình toàn quốc, rằng không có các đơn vị ở những nơi khác trong toàn quốc có thể tham gia khởi nghĩa ngay sau đó, nếu cuộc khởi nghĩa nổ ra trong điều kiện như vậy sẽ bị "bọn đế quốc" tập trung lực lượng đàn áp nhanh chóng. Xác định của ông Hồ về chiến lược là "thời kỳ cách mạng phát triển hoà bình đã qua. Song thời gian tổng khởi nghĩa toàn dân còn chưa tới... nếu cuộc tổng khởi nghĩa tiến hành ngay tức khắc chúng ta sẽ bị kẻ thù đẩy tới chỗ không lối thoát...".

Quyết định thứ hai là thành lập đơn vị vũ trang tuyên truyền có nghĩa là hoạt động chính trị hơn hoạt động quân sự: Bởi vì cuộc kháng chiến phải do toàn dân tiến hành nên họ phải động viên và vũ trang toàn dân và đơn vị tuyên truyền được thành lập phục vụ cho cuộc đấu tranh hai mặt: "Tuyên truyền trong thời bình và chiến đấu trong thời chiến". Đây cũng là điều ông Hồ đã gợi ý cho Trương Phát Khuê trong bản "Kế hoạch đại cương" của ông.

Sau khi ông Hồ trở về Việt Nam, Trùng Khánh luôn nhận được các bản báo cáo về hoạt động của Việt Minh. Các bản đó cho thấy rằng Việt Minh tổ ra hoạt động tích cực hơn kể từ khi ông Hồ (Nguyễn Ái Quốc) trở về nước, các phần tử Việt Minh đã xin phép Trương Phát Khuê trở về Việt Nam và các đơn vị của Đảng Cộng sản Việt Nam đã chạm trán các lực lượng Pháp - Việt ở tỉnh Cao Bằng. Trong những chiến thắng đầu tiên này, các đơn vị vũ trang tuyên truyền của Việt Minh đã tiêu diệt trên 70 "tên địch". Đồng thời họ tăng cường tuyên truyền ở phía Bắc Bắc Kỳ, phân phát truyền đơn và kêu gọi người Việt Nam và người Pháp tự do tham gia công cuộc đánh đuổi "phát xít Nhật" ra khỏi Việt Nam. Ông Hồ tỏ ra là lãnh tụ có hiệu lực của Việt Minh. Việt Minh thực hiện nghiêm chỉnh tính cách chiến lược và các chiến thuật của ông đã quyết định.

Trong lúc đạt tới những tiến bộ tốt trong nước mình, ông Hồ không bỏ quên "bạn đồng minh" Trung Hoa của ông. Trong một bức thư gửi Tiêu Văn, ông bày tỏ tình hữu nghị nồng nàn. Ông Hồ nói là ông bận rộn và phải đi thị sát nhiều địa điểm, và mong ước duy nhất của ông là cuộc kháng chiến sớm thắng lợi để ông có thể cất một ngôi nhà lá hay một cái lều tại một vùng phong cảnh đẹp và hưởng cuộc sống nhà nho với Tiêu Văn.

Tuy nhiên, cho tới nay nhiều người vẫn ngạc nhiên về việc Trương Phát Khuê không hối tiếc chút nào khi thả ông Hồ ra. Có thể giải thích được điều đó theo ba mặt. Thứ nhất là thái độ của Trương đối với ông Hồ hình thành chủ yếu do Bộ tham mưu thân cộng sản của ông, đặc biệt là Tiêu Văn vì đường lối cánh tả của ông, Trương đã bao dung cho một số người cộng sản và cảm tình với cộng sản phục vụ trong tổng hành dinh của ông. Đó là điều tôi được biết ở Liễu Châu năm 1943 và được xác định trong hồi ký của đại tướng về Hồ Chí Minh. Một chính sách xây dựng bởi những người phục vụ chế độ cộng sản ở Quảng Đông ngay khi chế độ đó

được thành lập, chắc chắn là tác động thuận lợi cho ông Hồ. Thứ hai ông Hồ hơn các lãnh tụ khác của Đồng minh hội khi thực hiện các yêu cầu của bản "Kế hoạch đại quân nhập Việt" của ông. Bởi nếu kế hoạch thực hiện được thì lực lượng Việt Nam duy nhất có thể hợp tác với người Trung Quốc không phải là những người quốc gia trong Đồng minh hội vì họ không có sự ủng hộ của quần chúng, mà là những người của ông Hồ Chí Minh. Với bản "Kế hoạch đại cương" và quyết tâm trở về Việt Nam, ông Hồ làm cho Trương và Tiêu tin rằng ông có thể hoạt động có hiệu quả, do đó vị trí của ông bao trùm lên bất cứ vị trí của bất cứ lãnh tụ nào của Đồng minh hội. Như Tiêu Văn đã trả lời các câu hỏi tại một cuộc tọa đàm của Quốc dân đảng Trung Quốc năm 1946 "Ông Hồ là người duy nhất trong số các lãnh tụ Đồng minh hội có thể thực hiện nghị quyết của tổ chức để từ Trung Quốc trở về Việt Nam trong thời kỳ khó khăn lúc ấy". Thứ ba, Trương hy vọng nước Trung Hoa hậu chiến vẫn là một nước do Quốc dân đảng Trung Quốc lãnh đạo, vậy thì một nước Việt Nam độc lập, nhờ sự giúp đỡ của Trung Quốc dưới quyền ông Hồ hay một ai khác vẫn sẽ làm nước bạn của Trung Quốc và chịu ảnh hưởng của Trung Quốc. Ông Hồ thừa biết Trương Phát Khuê đang lợi dụng ông. Nhưng ai sẽ khai thác được ở ai nhiều nhất? Đó là một vấn đề chỉ có thời gian mới nói rõ được. Nhưng có một điều chắc chắn: Bằng việc khéo léo dịch Tam dân chủ nghĩa, chấp thuận tham gia Đồng minh hội, biến "tổ chức của địch" thành tổ chức của mình; chủ động đệ trình bản "Kế hoạch đại cương hành động nhập Việt", ông Hồ đã thành công trong việc biến thân phận mình từ một người tù thành một người bạn đồng minh với Trung Quốc. Hơn thế nữa, cuối năm 1944 và đầu năm 1945 Hồ Chí Minh lại tiếp tục sang Trung Quốc, ông lưu lại ở Y Lang trong một tuần lễ. Ông giải thích tình hình cách mạng Việt Nam và kêu gọi người của ông trở về nước nhà để đấu tranh cách mạng. Sau đó ông Hồ rời đi Quảng Tây để thăm Đồng minh hội. Ông gặp Trương ở Paise và gặp ở đó một vài lãnh tụ Đồng minh hội.

Khi Nhật làm đảo chính ở Đông Dương ngày 9 tháng 3 thì ông Hồ Chí Minh đã ở Trung Quốc. Phản ứng của Trung Quốc đối với cuộc đảo chính là tăng cường chuẩn bị tiến vào Việt Nam. Ngày 14 tháng 3, Trương Phát Khuê nhận được lệnh từ Trùng Khánh là sẵn sàng để hành sự như vậy. Kế hoạch của Trương tập trung ở ba điểm:

1 - Sát cánh chiến đấu cùng với Pháp như các đồng minh.

2 - Tích cực giúp đỡ cách mạng Việt Nam.

3 - Để cho các nhà cách mạng Việt Nam tuyên bố độc lập và thiết lập một chế độ mới sau khi đuổi được Nhật ra khỏi Việt Nam.

Cuối tháng 3, Đại tướng Hà Ứng Khâm chỉ huy trưởng quân đội Trung Quốc từ Trùng Khánh tới Côn Minh tổ chức hai đội quân mới để tiến vào Việt Nam dưới sự chỉ huy của hai tướng Lư Hán từ Vân Nam và Trương Phát Khuê từ Quảng Tây vào, trong khi ở Trung Quốc, Hồ Chí Minh chắc phải biết kế hoạch của Trung ương để đáp ứng với diễn biến phát triển tình hình mới của Việt Nam. Ông Hồ và Lê Tùng Sơn quyết định cải tổ Đồng minh hội. Họ đặt kế hoạch triệu tập đại hội mới và phái ba đại biểu Việt Minh từ Tĩnh Tây tới, trong đó có Hoàng Quốc Việt, Đặng Việt Châu và Dương Đức Hiền. Mặc dù việc tổ chức đại hội không thành vì thiếu sự tham gia của các đảng khác nhưng ông Hồ đã thành công trong việc thành lập một "Ủy ban hành động của Đồng minh hội" với thành phần ủy viên chiếm đa số là đảng viên Đảng Cộng sản Đông Dương.

Cuộc tiến quân nhanh chóng của Đồng minh vào nước Đức thúc đẩy Trung Quốc tăng cường hoạt động ở biên giới Trung - Việt, Tiêu Văn đã nói với ông Hoàng Quốc Việt: "Chẳng bao lâu quân đội Trung Quốc tất giải phóng Đông Dương, Việt Minh phải hết sức giúp đỡ người Trung Quốc tiến vào Đông Dương". Tiêu cũng đề nghị Việt Nam Quốc dân đảng, Đồng minh hội và Việt Minh "cùng làm việc với các đồng minh"...

Hiểu rõ tầm quan trọng sinh tử của sự kiểm soát được tình hình giành quyền lực sắp tới chống những người quốc gia chủ nghĩa, người Trung Quốc và người Pháp, Hồ Chí Minh nhanh chóng trở về Việt Nam.

Đây là một cuộc chiến tranh giành giật giữa ông Hồ và viên đại tướng Trung Quốc. Trong lúc Trương muốn Trung Quốc giúp đỡ Việt Nam lấy lại độc lập thì ông Hồ lại muốn đặt người Trung Quốc trước một sự đã rồi, đó là người Việt Nam độc lập không có sự giúp đỡ của người Trung Quốc, buộc phải công nhận và ủng hộ. Kết quả vào ngày 20-9-1945 khi tại vịnh Tôkyô trên chiến hạm Mitsuri Nhật ký bản cam kết đầu hàng đồng minh vô điều kiện thì tại Quảng trường Ba Đình ông Hồ Chí Minh - vị Chủ tịch nước đầu tiên - đọc bản Tuyên ngôn Độc lập, khai sinh ra nước Việt Nam dân chủ cộng hòa.

Một lần nữa ông Hồ là người chiến thắng.

Vì vậy đến nay ông vẫn mang họ Hồ nhưng với cái tên là Chí Minh - người soi sáng. Ông là ngọn đuốc soi sáng đường cho dân tộc bất hạnh của ông hành trình tới tự do. Hơn nữa cái tên có vẻ hơi Trung Quốc này sẽ gọi lại những mối quan hệ tốt đẹp trước kia giữa ông với những người đồng chí Trung Quốc của ông và đặc biệt sẽ gây ra một ấn tượng tốt hơn ở Trùng Khánh. Là một người thận trọng ngoài ba giấy căn cước dùng từ năm 1940, ông đã làm thêm tám danh thiếp với cái tên mới của mình, trong đó ông tự nhận là nhà báo quốc tịch Việt Nam cư trú tại Trung Quốc.

Các giấy tờ ông Hồ đem theo không dùng làm giấy thông hành ở Trung Quốc thời chiến tranh. Khi ông vào Quảng Tây những giấy căn cước của ông để ngày tháng từ năm 1940 đều được xem là quá hạn và ông bị nhà cầm quyền Trung Quốc tại địa phương bắt giữ như một điệp viên của Pháp - Nhật và lập tức bị chuyển đi Tĩnh Tây ngày 29-8-1942. Ông ở nhà tù Tĩnh Tây khoảng sáu tuần lễ trong lúc nhà cầm quyền địa phương đợi chỉ thị từ Quế Lâm bộ hội đồng quân sự. Ông Hồ được chuyển đi Quế Lâm vào giữa tháng 10. Liệu Quốc dân đảng có nhanh chóng hiểu biết được giá trị của việc bắt giữ ông hay không? Có điều chắc chắn là việc thành lập Việt Minh đã làm đảo lộn các kế hoạch mà Trương Phát Khuê và cố vấn chính trị của ông ta là Tiêu Văn đề ra lúc đó nhằm sáng chế ra ở Trung Quốc một đảng Việt Nam theo kiểu Quốc dân đảng.

Ở Việt Nam, chẳng bao lâu sau, các đồng chí của ông Hồ được tin rằng ông đã bị bắt, Đảng Cộng sản Đông Dương choáng váng và lo buồn khi nghe một tin thất thiệt rằng ông Hồ đã chết ở trong tù. Tin này được coi là xác thực trong mấy tháng liền.

Tướng Võ Nguyên Giáp đã xúc động kể lại chuyện này: "Một hôm, tôi nhận được thư của anh Phạm Văn Đồng... báo tin cho tôi biết rằng Bác Hồ vừa mất ở trong ngục của Quốc dân đảng. Chúng tôi đau đớn, không biết làm thế nào. Chúng tôi tổ chức lễ truy điệu người lãnh tụ kính yêu của mình và phân công anh Đồng viết diếu văn. Chúng tôi mở chiếc va ly mây của Bác ra tìm xem còn những gì có thể giữ lại làm kỷ niệm. Một đồng chí được phái sang Trung Quốc để tìm xem phần mộ của Bác ở đâu... Vài tháng sau chúng tôi nhận được một tờ báo ở Trung Quốc gửi về. Bìa tờ báo có bài thơ đúng nét chữ Bác:

*"Núi áp ôm mây, mây áp núi
Lòng sông gương sáng, bụi không mờ.
Bồi hồi dạo bước Tây Phong Lĩnh
Trông lại trời Nam, nhớ bạn xưa".*

Chúng tôi mừng quá và cũng ngạc nhiên quá. Chúng tôi xúm lại nói anh Cáp là đồng chí đạo trước đã đem tin Bác mất ở Trung Quốc về, anh Cáp nói: "Chính tên quân Quốc dân đảng đã nói với tôi "Xử la! Xử la" (chết rồi) - nhưng không phải thế: Anh đã nghe lầm dấu giọng rồi "chắc chắn là hấn nói" "Sử la! Sử la!" (rất tốt).

Sau khi nhận được một thư của ông Hồ, các đồng chí của ông hoạt động tích cực để ông được tha. Họ đánh điện yêu cầu Xan-pho - con trai bác sĩ Tôn Dật Tiên và Khánh, người từ trước đó mấy tháng đã công khai nói rằng các đồng minh bảo đảm nền độc lập cho Việt Nam, Ấn Độ, Triều Tiên và Phi-líp-pin sau chiến tranh. Cùng lúc, họ vận động tất cả những người Việt Nam ở Trung Quốc và trong nước dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương viết thư phản đối và đòi thả ngay ông Hồ. Bức điện của họ gửi cho Xan-pho từ Tỉnh Tây vào cuối tháng 10, dưới danh nghĩa Chi hội Việt Nam Hội quốc tế chống xâm lược. Bức điện ghi: "Người đại diện của Hội chúng tôi là Hồ Chí Minh, đến Trùng Khánh để xin ý kiến Tưởng thống chế đã bị bắt giữ khi ông ta tới Tỉnh Tây. Xin ngài hãy đánh điện để thả ông ta ra".

Ngày 29 tháng 10, Xan-pho chuyển bức điện này cho Wu Tich Cheng. Tổng Bí thư Quốc dân đảng Trung Quốc. Trước tiên Wu phát một bức điện tín cho chính quyền tỉnh Quảng Tây ở Nam Ninh rồi lại gửi một điện tín nữa vào ngày 11 tháng 11 cho tướng Trương Phát Khuê, yêu cầu Trương nhắc lại chỉ thị của ông cho chính quyền Quảng Tây rằng họ "xem xét" vụ án này và "thả" ông Hồ ra. Đồng thời cũng với danh nghĩa trên. Đảng Cộng sản Đông Dương gửi một báo cáo dài của "Mặt trận Trung - Việt" cho hãng TASS ở Trùng Khánh vào ngày 14 tháng 11. Bản báo cáo nói rằng nhân danh Chi hội Việt Nam Hội quốc tế chống xâm lược. Ông Hồ Chí Minh đi Trùng Khánh để xin ý kiến Tưởng thống chế, nhưng lại bị bắt ở Tỉnh Tây, việc bắt giữ ông Hồ là một "sai lầm rất nghiêm trọng" giữa Trung Hoa với Đảng Cách mạng Việt Nam do chỗ uy tín của ông Hồ và tầm quan trọng của Chi hội Việt Nam có tới 200 nghìn hội viên, nên việc bắt giữ ông Hồ làm tăng sự phẫn nộ đối với

Trung Quốc trong số những nhà cách mạng Việt Nam; rằng tuy nhiều hội viên ở Trung Quốc đã kêu gọi chính phủ Trùng Khánh thả ông Hồ ra nhưng ông vẫn bị giam ở Liễu Châu. Hiển nhiên là Đảng Cộng sản Đông Dương muốn đưa vấn đề ra công khai rộng rãi thông qua hãng TASS để tạo ra một luồng dư luận thuận lợi.

Kết quả vào tháng 12-1942 và tháng 1-1943 phân bộ Quế Lâm hội đồng quân sự chỉ thị cho Cục Chính trị của hành dinh tướng Trương Phát Khuê giải quyết vấn đề này. Khi các bức điện di chuyển quanh các địa điểm từ Nam Ninh đến Tĩnh Tây, từ Quế Lâm đến Liễu Châu thì ông Hồ cũng bị giải qua những nơi đó trong suốt 15 tháng ròng, tay bị cùm, chân bị xích, ông đã đi bộ khoảng 400 dặm. Đói, rét, đau ốm và sự đối xử khắc nghiệt đôi khi làm ông hầu như ngã quỵ xuống. Chính nghị lực, ý chí mãnh liệt và sự lạc quan của ông đã giữ ông tiến bước. Tuy không tự xem mình là một nhà thơ song ông đã viết nhiều bài thơ, sau này đã xuất bản dưới nhan đề: "Nhật ký trong tù". Đây là biện pháp cổ truyền của các trí thức phương Đông dùng để chịu đựng những năm tháng thất cơ lỡ vận của họ.

Khoảng 100 bài thơ ngắn, rất giản dị, xúc cảm trực tiếp có tính lịch sử hay có tính trần thuật đạo lý, trong đó tính hài hước nông dân thường nhường cho tinh thần đạo đức của người chiến sĩ kiểu mẫu. Tính đôn hậu, nhân văn có mặt cùng với chủ nghĩa khắc kỷ điển hình của Việt Nam hầu như ở khắp các bài thơ. Phải chăng, người tù đã viết nên những câu thơ này cũng là một nghệ sĩ lớn? Trong mọi trường hợp, đó là một con người, một con người khắc kỷ có tinh thần hài hước. Có một cái gì tự hào và dịu dàng xuyên qua những câu chữ trong đó tính nhạy cảm châu Á và tính lãng mạn Pháp hoà hợp với nhau. Nhân cách, học vấn và số phận kỳ lạ của ông được thể hiện một cách phi thường trong các bài thơ ấy...

BÁC HỒ KỶ NIỆM CÁCH MẠNG THÁNG MƯỜI Ở THỦ ĐÔ MỚI TIẾP QUẢN

Giáo sư, Tiến sĩ N. I. NI-CU-LIN

Trong đời sống hàng ngày của con người, sự trùng hợp chiếm vai trò không kém phần quan trọng. Trong cuộc đời tôi đã một lần, sự trùng hợp ngẫu nhiên trở thành điều không thể nào quên. Tôi có thể khẳng định rằng cái trùng hợp ngẫu nhiên đó, đã tạo điều kiện, là cơ sở cho tôi trở thành người mục kích nhiều sự kiện quan trọng của đất nước Việt Nam trên chặng đường lịch sử hiện đại của nó. Cái ngẫu nhiên đã cho phép tôi được gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh, được sống và làm việc trên đất nước tuyệt vời của Người, được nghiên cứu, dịch và giới thiệu văn học, và nên văn hóa cổ truyền của dân tộc Việt Nam ra tiếng Nga. Đó cũng là một công việc mà tôi đã nguyện suốt đời phụng sự. Giờ đây, khi đã bước sang tuổi 60 (theo cách tính của người Việt Nam) tôi có thể khẳng định rằng, cuộc đời đã mang đến cho tôi nhiều hạnh phúc. Dĩ nhiên, nói như thế không có nghĩa rằng, con đường cuộc đời mà tôi đã và đang đi qua là một con đường bằng phẳng, yên ổn. Không, hoàn toàn không phải thế.

Đối với tôi, cái trường hợp ngẫu nhiên của số phận là ở chỗ, năm 1954, khi tôi tốt nghiệp trường Đại học phương Đông Mát-xcơ-va, thì cũng là lúc Hiệp ước Giơ-ne-vơ về việc lập lại hoà bình ở Đông Dương được ký kết. Lúc đó tôi đã trúng tuyển kỳ thi nghiên cứu sinh. Ước mơ đến Việt Nam chỉ có thể trở thành hiện thực sau ngày bảo vệ luận án phó tiến sĩ.

Tuy nhiên, lịch sử thế giới và cuộc sống của nhân loại quy phạm lẫn nhau. Bước ngoặt của lịch sử, nhiều khi cũng là bước ngoặt của từng số phận con người. Bởi thế, một chữ "ngờ" hạnh phúc và lạ thường đã đến với tôi. Chắc rằng, chữ "ngờ" hạnh phúc hay bất hạnh vẫn thường đến với tất cả mọi người. Nhưng trong bất cứ trường hợp nào, thành công hay thất bại, thì cũng cần phải tỉnh táo, không được để mất tinh thần và nghị lực của chính mình.

Thế rồi, vào một ngày đẹp trời của năm 1954, tôi được đồng chí A-lec-xan-đơ An-đri-ep-vich Lav-ri-sep mời đến. Lúc đó, Lav-ri-sep vừa được bổ nhiệm làm đại sứ đặc mệnh toàn quyền của Liên Xô tại nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Trước đó thì ở Việt Nam không có đại sứ quán mà cũng chẳng có một đại diện ngoại giao nào của Liên Xô cả. A. A. Lav-ri-sep. là người đại sứ đầu tiên của Liên Xô tại Việt Nam.

Ngược lại với những câu chuyện của một số phóng viên và báo chí lúc bấy giờ, họ mô tả lại không khí êm ấm trong các cơ quan công sở của nhà nước Xô-viết, trong lòng tôi vẫn mãi mãi giữ lại ấn tượng tốt đẹp của lần đầu tiên được đến Bộ Ngoại giao Liên Xô, theo lời mời. Thời gian đó, mọi cái đã thay đổi khá nhiều. Tôi vô cùng ngạc nhiên khi nhìn thấy ngồi trong phòng thường trực là một người đàn ông đường bệ, tuổi khoảng 35, trên ve áo đeo quân hàm đại tá. Không hiểu sao, đáng lẽ ra vị trí của anh ta là đứng chỉ huy trước hàng quân của tiểu đoàn, mà anh ta lại đi làm cái việc của một cô bé học sinh lớp bảy, giở lần từng trang giấy này sang trang giấy khác, làm nó phát ra những tiếng kêu sột soạt. công bằng mà nói rằng, ông đại tá gác cổng cũng rất vui tính, hoạt bát, ông ta ngược nhìn tôi một cách thiện cảm.

Trong phòng tiếp đón của đại sứ hôm ấy không phải chỉ có duy nhất mình tôi. Ở đó còn có một anh bạn trẻ đã đến trước tôi, anh ta rất tự tin, có phần suồng sã và luôn mồm tán chuyện. Và cũng không hiểu sao, anh ta không ngớt mồm tuôn ra những tràng tiếng Pháp. "Chắc rằng anh ta muốn che giấu sự hồi hộp của mình, và sự thực, anh ta đã làm được điều đó. Mình còn lâu mới có thể trở thành một nhà ngoại giao kiểu anh ta. Thật là xúi quẩy. Nếu như phải chọn một trong hai người đi đến Việt Nam, thì tất nhiên, người tiến cử sẽ là anh ta chứ không phải mình" - Tôi buồn bã lắc đầu và thầm nghĩ vậy. Nhưng ngay lúc đó, cô thư ký bước ra và mời tôi đến gặp A-lec-xan-đơ An-đri-ep-vich.

Một con người lực lưỡng, diêm dạm chờ đón tôi và chăm chú nhìn tôi một cách tế nhị. Và không ngờ, cuối buổi gặp mặt, ông ta mỉm cười với tôi một cách thoải mái và thân thiện. Những câu hỏi và câu trả lời ngắn gọn xảy ra trong vòng chưa đầy năm phút. Tôi đã sống, và thậm chí nhiều lúc trong chiêm bao đã nhìn thấy Việt Nam, bởi thế cuộc nói chuyện về Việt Nam với đồng chí đại sứ đã mang đến cho tôi niềm vui thích. Tôi bước ra khỏi phòng.

Một phút sau cô thư ký xuất hiện và nói:

- Anh đi sang Việt Nam nhé! - Cô ta mỉm cười với tôi một cách hữu nghị. Tôi cuống quýt lên vì bất ngờ và sung sướng. Bây giờ khi đã trải qua gần trọn cả cuộc đời, tôi nghiệm thấy rằng, không nên đánh mất mình, thậm chí vì niềm hạnh phúc - còn anh, cô thư ký lạnh lùng quay sang anh chàng thích nói tiếng Pháp, đáng tiếc là đồng chí đại sứ không thể tiếp được hôm nay. Ông ta rất bận. - Người thư ký lại mỉm cười bắt tay tôi: - Anh là người hạnh phúc! Anh sẽ được thấy đất nước của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Tôi cũng thích, nhưng mà... Tôi chỉ khuyên anh một điều: Khi gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh, điều đó đối với anh nay cũng không còn là xa xôi gì nữa, hãy giữ lấy cái tự nhiên, giản dị và linh hoạt như khi gặp đại sứ hôm nay. Chúc anh lên đường may mắn.

Ba tuần sau khi Quân đội nhân dân Việt Nam về tiếp quản thủ đô, ngày 29-10-1954 đoàn đại sứ quán Liên Xô đầu tiên đến thủ đô Hà Nội cổ kính. Khi đoàn đến biên giới Việt - Trung, một rừng cờ với biểu ngữ đỏ chói căng trên những cây tre với những dòng chữ vàng chào mừng nhân dân Liên Xô, nhà nước Xô-viết, và vị đại sứ đầu tiên của Liên Xô A. A. Lav-ri-sep đến nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, và toàn thể cán bộ nhân viên đại sứ quán Liên Xô được dựng lên. Hai bên đường chen chúc những dòng người địa phương. Họ tò mò ngắm nhìn chúng tôi và vẫy chào chúng tôi. Người ta vẫy tay, vẫy nón, vẫy cờ và vẫy cả mũ nan. Thiết nghĩ, không dễ gì có thể có một đoàn đại sứ nào đó, của một nước nào đó lại được toàn thể nhân dân đón tiếp nồng nhiệt như vậy.

Khi chúng tôi đến thủ đô Hà Nội, một cuộc mít tinh nhỏ đã được tổ chức. Sau đó chúng tôi chia nhau về nhà ở. Nhưng toà nhà của đại sứ quán lúc đó chưa sửa chữa xong. Thêm vào đó, ngày kỷ niệm lần thứ 37 Cách mạng tháng Mười, ngày lễ lớn của nhân dân Xô-viết đã đến gần.

Dĩ nhiên, không ai dám nghĩ rằng, trong tình hình khó khăn như vậy, đại sứ quán Liên Xô tại Việt Nam, có thể tổ chức kỷ niệm Cách mạng tháng Mười một cách trọng thể và quy mô. Có chăng, thì cũng chỉ có thể tổ chức được một buổi tiếp khách ngoại giao trong một phạm vi hẹp. Lúc đó, việc tổ chức kỷ niệm Cách mạng tháng Mười không chỉ là thể diện của nhà nước Xô-viết. Trong những ngày đó, giới báo chí phương Tây muốn xuyên tạc cuộc sống của những người kháng chiến từ núi rừng Việt Bắc trở về, và của các nhà lãnh đạo Đảng và Nhà nước,

như là những khu trại tập trung, những vòng vây khói lửa. Trong đó, không thể có những hoạt động bình thường của một nhà nước và các đại diện ngoại giao. Tôi nhớ rằng, lúc đó, ở Hà Nội, ngài đại sứ quán Liên Xô, duy nhất còn lại là đại sứ quán Trung Quốc.

Nhiệm vụ đối với nhà nước Việt Nam lúc bấy giờ không những chỉ củng cố chính quyền nhân dân non trẻ, mà còn phải khôi phục lại nền kinh tế văn hóa trên mức độ cao hơn và phát triển củng cố mối quan hệ quốc tế chặt chẽ hơn với các nước khác trên thế giới, trước hết là với Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa.

Như vậy, mặc dù gặp khá nhiều khó khăn và phức tạp, nhưng dù sao, đại sứ quán Liên Xô cũng phải tổ chức một cuộc gặp mặt trọng thể với các đồng chí lãnh đạo Đảng và nhà nước Việt Nam, với các nhà ngoại giao, chính khách của Ủy ban quốc tế giám sát việc thi hành Hiệp định Giơ-ne-ve tại Việt Nam theo tiêu chuẩn ngoại giao đã được quy định tại Hội nghị quốc tế về công ước và nghi thức ngoại giao năm 1865 tại Hung-ga-ri.

Rõ ràng, về ý nghĩa chính trị, một cuộc tiếp kiến như vậy không thể xem như là những hoạt động bình thường, cổ hủ, và không kém phần buồn tẻ, hình thức máy móc của các nghi lễ. Ý nghĩa đầu tiên của cuộc tiếp đãi này là ở chỗ vị trí và thời điểm. Đó cũng là việc củng cố và thắt chặt mối quan hệ có tính quốc tế. Ngoài ra, cuộc tiếp đãi trọng thể mà đại sứ quán Liên Xô tổ chức còn có thêm một ý nghĩa khác quan trọng hơn. Nó cần phải trở thành một sự kiện, khẳng định một cách trực quan tình trạng ổn định và triển vọng tốt đẹp của nhà nước Việt Nam và vị trí mới của nó ở miền Bắc. Cần phải nói thêm rằng, lúc bấy giờ, trong một chừng mực nhất định nào đó, những bịa đặt về tình trạng mất an toàn đã gây ra hành động thái quá, vụng về của quân cảnh nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Tôi nhớ, vào hồi đầu tháng 11, khi tôi đi đến cửa hàng sách ngay trung tâm thủ đô Hà Nội, cũng phải có người mang súng đi hộ tống. Ấn tượng càng mạnh mẽ hơn khi báo chí phương Tây tuyên truyền rằng, chính họ đã nhìn thấy ngày sụp đổ của chính quyền nhân dân ở Hà Nội.

Như vậy, cuộc đón tiếp ngoại giao sẽ có ý nghĩa chính trị vô cùng quan trọng. Nó sẽ tạo điều kiện nâng cao uy tín cho chính nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa trên diễn đàn thế giới. Nó phải trở thành một buổi tiếp đãi đầu tiên của một toà đại sứ nước ngoài nhân dịp một ngày lễ lớn của dân tộc mình ở một thủ đô vừa được giải phóng. Và thế là lại

một sự trùng hợp ngẫu nhiên, lý thú và ý nghĩa. Ngày lễ đó chính là ngày kỷ niệm Cách mạng tháng Mười.

Tất nhiên, để chuẩn bị cho buổi tiếp đón đó, phải điều động một lực lượng lớn cán bộ và nhân viên đại sứ quán. Vấn đề địa điểm đón tiếp được giải quyết một cách nhanh gọn. Đó là hội trường của Câu lạc bộ quốc tế, cách Phủ Chủ tịch không xa, và nơi đó cũng thuận lợi đối với Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam. Việc đó, nói chung được thu xếp ổn thoả.

Tuy nhiên, trong buổi chiêu đãi, phải tiếp đón hàng trăm vị khách mà nhà bếp của câu lạc bộ quốc tế thì rõ ràng không thể đáp ứng được. Nó quá nhỏ và sơ sài.

Chúng tôi đang phân vân, thì không biết từ đâu, một đề nghị được đưa ra, mà chưa bao giờ trong lịch sử của một đất nước nào đó, lại có người dám nghĩ tới điều đó trong đầu. (Sau này nhiều lần nhớ lại, tôi vẫn cho rằng, đó chính là đề nghị của Bác Hồ). Khi nhớ đến điều này tôi vẫn thốt lên: "Không bao giờ trong lịch sử". Sự thật đó là một thời kỳ đặc biệt, mà chúng tôi mới bắt đầu nhận ra nó. Đầu phải là chuyện bình thường! Hiểu nó không phải chỉ để nghiên cứu, giải trí, mà chính là để hiểu sâu hơn cái quá khứ, cái hiện tại, và nhìn thấy cái tương lai. Sự kiện lịch sử trước hết là dùng để giải thích con đường chúng ta đi.

Thế là cái đề nghị diệu kỳ đó, được tiếp nhận. Chúng tôi sử dụng nhà bếp ở tầng dưới của Phủ Chủ tịch để nấu nướng thức ăn, mặc dầu đồ đạc dụng cụ của nó hơi sơ sài, cũ kỹ. Cách đây chưa bao lâu, ngôi nhà này là dinh của phủ toàn quyền Pháp. Người Pháp rất quý nhà này, và tất nhiên họ đã dùng nơi đây để tiếp đãi hàng trăm khách khứa vô lại, để ăn uống phê phỡn trên mồ hôi và xương máu của người dân thuộc địa. Bởi thế viên phủ toàn quyền đã vô cùng hào phóng (cho chính mình) dành cho khu nhà bếp một diện tích khá rộng rãi và thoả mái.

Chủ nhân mới của ngôi nhà trở về từ rừng núi Việt Bắc, theo lệ thường và thói quen, khiêm tốn, giản dị, và thực sự dân chủ. Với sự nhạy cảm tinh tế và đạo đức văn hóa cao cả của mình, Người không cho phép và không dám nghĩ đến việc ăn ở trong một căn phòng sang trọng của toà nhà. Nơi đây trở thành nơi để tổ chức các hội nghị, các cuộc đón tiếp ngoại giao và các cuộc ký kết quan trọng. Còn chính Chủ tịch Hồ Chí Minh thì sống trong một ngôi nhà sàn bằng gỗ cách đó không xa.

Thế là Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dùng nhà bếp của Phủ Chủ tịch cho đại sứ quán Liên Xô nấu nướng để tổ chức một cuộc tiếp đãi lớn vào ngày 7 tháng 11.

Một nhóm người làm bếp Việt Nam được phái đến giúp việc dưới sự chỉ đạo của nữ nhà bếp Nhi-na Ia-cốp-na. Chị là một người phụ nữ trẻ đầy năng lực, rất đôn hậu, chan hoà vui vẻ. Vóc người chị hơi cao, và cũng giống như trăm ngàn người đầu bếp khác, hơi béo. Ở đây một trở ngại không nhỏ đã xảy ra. Nhi-na Ia-cốp-na không biết một thứ ngoại ngữ nào, còn những người bạn Việt Nam giúp việc thì không hiểu tiếng Nga. Khó khăn đó đã được giải quyết ngay lập tức. Để giúp việc cho Nhi-na Ia-cốp-na người ta phái đến thêm hai thanh niên Xô-viết, đó là thực tập sinh Ni-cu-lin và tùy viên Kuz-nhe-xốp. Kuz-nhe-xốp nguyên là đại sứ quán Liên Xô tại Thái Lan.

Thú thực, chúng tôi đi đến Phủ Chủ tịch trong tư thế sẵn sàng và thích thú, nhưng cũng không kém phần lo ngại. Bởi vì vốn tiếng Việt của chúng tôi lúc đó quá ư ít ỏi. Tên gọi các món ăn, nhất là các món ăn Việt Nam thì với chúng tôi hoàn toàn xa lạ, và chưa hề biết đến.

Tuy nhiên điều e ngại của chúng tôi hóa ra trở nên vô ích. Trong nhà bếp của Phủ Chủ tịch, một bầu không khí hoàn toàn hiểu biết lẫn nhau vui vẻ và sôi động, mặc dầu không ai hiểu gì là ngoại ngữ. Nhi-na Ia-cốp-na, đã tìm ra được cách để giải thích cho các bạn đồng nghiệp Việt Nam bằng các động tác tay chân. Còn họ, những người giúp việc, hình như cũng đã tiếp nhận được một vài từ tiếng Nga cần thiết nào đó. Nhina Iacópna đã nhanh chóng đạt được những kết quả bước đầu trong khi học tiếng Việt. Lúc thì chị ta khen "*tốt lắm*" khi thì "*thêm ớt*" "*thêm muối*". Họ hiểu nhau khá tốt, sai lệch trong khi phát âm chẳng ai quan tâm đến. Lúc đó, tôi với Kuz-nhe-xốp, không những chỉ làm nhiệm vụ phiên dịch, mà còn bị lôi kéo vào công việc phụ bếp. Chúng tôi làm việc với nhau một cách vui vẻ và thân ái.

Vào khoảng một hai giờ sáng gì đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhẹ nhàng đi vào nhà bếp. Tôi vẫn thường cho rằng, nguyên thủ quốc gia của tất cả các nước ít khi và thậm chí có thể không bao giờ đi xuống bếp. Thế nhưng, vị Chủ tịch nhân dân chân chính, Bác Hồ đã đến thăm chúng tôi trong nhà bếp và đây cũng là một trường hợp hiếm hoi, khi chúng tôi, nhân viên đại sứ quán Liên Xô cùng làm việc với các đầu bếp Việt Nam trong nhà bếp Phủ Chủ tịch. Điều kỳ lạ nối tiếp nhau hết lượt này đến lượt khác.

Nên chăng, cần phải nói rằng, sự xuất hiện của Bác Hồ trong nhà bếp, có nghĩa là Bác đánh giá rất cao ý nghĩa của cuộc tiếp đãi ngoại giao sẽ tổ chức vào ngày hôm sau.

Đây không phải là lần đầu tiên tôi được gặp mặt Chủ tịch Hồ Chí Minh. Lần đầu tiên tôi được gặp Bác vào ngày trước đó, ngày 5 tháng 11, khi Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa mở tiệc chiêu đãi toàn thể cán bộ và nhân viên đại sứ quán Liên Xô. Lúc đó, tôi là một thực tập sinh, không ở trong thành phần của đại sứ quán mà chỉ nhận được giấy mời trước giờ tiếp vắn vện 30 phút. Trên thiệp mời in rõ ràng, đẹp mắt dòng chữ vàng: Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa trân trọng kính mời thực tập sinh Ni-cô-lai I-van-nô-vich Ni-cu-lin đến dự buổi gặp mặt thân mật nhân dịp đoàn cán bộ đại sứ quán Liên Xô tại Việt Nam đến Hà Nội. "Trân trọng kính mời" - Thông thường trong mọi trường hợp chỉ là nghi thức ngoại giao. Nhưng thật là ý nghĩa biết bao khi nó đi kèm với tên Chủ tịch Hồ Chí Minh. Hàng chục năm sau, tôi vẫn giữ tấm thiệp mời đó như những vật kỷ niệm của đời mình. Chính cuộc gặp mặt thân mật đó đã xảy ra dưới hình thức chiêu đãi trọng thể và trao đổi ý kiến. Chủ tịch Hồ Chí Minh ngồi cách tôi một quãng và Người không ngắt trò chuyện với A. A. Lav-ri-sep và các bạn Xô-viết. Ngày đó tôi là người trẻ nhất đại sứ quán.

Còn bây giờ, trong nhà bếp Phủ Chủ tịch là một Bác Hồ hoàn toàn khác. Bác mặc chiếc áo cổ đứng màu cỏ úa đã bạc đi khá nhiều, nhưng rất chu tất. Miệng Bác ngậm thuốc lá. Bác mỉm cười chào mọi người, nụ cười sáng khoái. Bác đi vòng quanh bếp, bắt tay bếp trưởng Nhi-na Ia-cốp-na rồi bắt tay tôi và Kuz-nhe-xốp. Bác đưa mắt bao quát nhìn quanh, chăm chú quan sát công việc chúng tôi làm. Khi biết những việc cơ bản đã chuẩn bị xong, Bác gạt đầu rồi đưa mắt nhìn tôi và Kuz-nhe-xốp một cách hài lòng.

- *Các cậu đã có chỗ ngủ chưa?* - Đột nhiên Bác Hồ hỏi chúng tôi một cách thân mật và gần gũi. Suốt đời tôi nhớ mãi câu hỏi này một cách chính xác.

Cảm động trước sự quan tâm của một Chủ tịch nước đối với những công việc bếp núc của mình, chúng tôi trả lời rằng, chúng tôi sẽ đi bộ về nhà ngủ.

- Không, giờ này đã muộn lắm! - Bác Hồ âu yếm nói: Trong Phủ Chủ tịch sẽ có đủ chỗ cho hai thanh niên Liên Xô ngủ. Thành phố nói chung an toàn, nhưng dù sao cũng phải cảnh giác. Hãy sửa soạn cho hai anh bạn trẻ một chỗ nghỉ tương đối - Bác quay sang nói với người cận vệ đi cùng.

Thế rồi giống như khi đến, Bác đưa mắt nhìn quanh một lượt rồi nhẹ nhàng đi ra khỏi bếp.

Sau đó, chúng tôi được dẫn đến một căn buồng rộng rãi và sang trọng, trong đó, đã trải sẵn chăn màn rất đẹp. Nơi đây đã hàng chục năm là chỗ ở của thống đốc toàn quyền Pháp. Tôi đã không còn ngạc nhiên với những gì đã đến với mình nữa. Cuộc gặp gỡ tuyệt diệu với Bác Hồ đã đưa đến cho tôi một niềm vui sướng và thoải mái, một tình cảm nhân hậu và sự quan tâm của một con người vĩ đại mà trước kia tôi chỉ được thấy trong phim và tranh ảnh.

Tôi miên man suy nghĩ, nghĩ rằng, mình đang ở trong phủ toàn quyền, cũng có nghĩa rằng đang nằm trên chăn đệm Sa hoàng. Bước ngoặt đó, suốt đời tôi không tin được, dù đó đã là sự thật. Tôi cũng cảm tưởng rằng, phần thưởng cao quý đó mà Bác Hồ đã dành cho tôi và Kuz-nhe-xốp thì không bao giờ có một vị chủ tịch nước nào lại dành cho một công dân nào được cả. Thế rồi, tôi dần dần thiếp đi. Tuổi trẻ và mệt mỏi đã cuốn hút tất cả vào giấc ngủ.

Sáng ngày 7-11-1954, trong Phủ Chủ tịch, tôi tỉnh dậy với nụ cười trên môi. Trong lòng tôi phấn khởi như ngày hội. Mặt trời đã lên cao. Những gì đã xảy ra ngày hôm qua đều sống lại trong trí nhớ của tôi.

Sáu giờ chiều ngày hôm đó, trong hội trường lớn của câu lạc bộ quốc tế đã có mặt đầy đủ các chính khách ngoại giao. Nhưng người khách chủ chốt nhất - Chủ tịch Hồ Chí Minh, thì vẫn chưa có mặt. Chúng tôi nóng lòng chờ Bác từng phút, từng phút.

Tôi vẫn tin rằng, khi Bác đến, đoàn cán bộ ngoại giao của Đại sứ quán Liên Xô, do đại sứ A. A. Lav-ri-sep dẫn đầu, và phần lớn chính khách ngoại giao đã tụ tập đông đủ trong hội trường sẽ chạy ra đón Bác. Và dĩ nhiên họ sẽ dành cho Bác những tràng vỗ tay nồng nhiệt, những lời hô vang thắm thiết. Thế nhưng trong tình hình thành phố vừa được giải phóng khỏi tay quân thù từ tháng trước, hội nghị bảo vệ an ninh đã buộc phải giải quyết theo một cách khác. Rõ ràng, không ai có quyền liều lĩnh một cách vô ích. Trong đoàn ngoại giao Liên Xô, chỉ cần cử một người ra cổng đón Bác.

- Ni-cô-lai I-van-nô-vích - Giọng nói của đồng chí đại sứ vang lên nhỏ nhỏ, nhưng đồng thời cũng nghiêm nghị và long trọng - Đồng chí có nhiệm vụ ra cổng đón Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đồng chí hãy ra đón Bác và dẫn Bác vào hội trường.

Nói xong A-lec-xan-đrơ An-đri-ep-vích mỉm cười như động viên tôi. Từ đó đến nay, tôi vẫn không sao hiểu nổi tại sao vinh dự đó lại đến với mình. Dĩ nhiên điều quan trọng và cần thiết là ở chỗ, khi Chủ tịch Hồ Chí Minh đến dự cuộc tiếp đãi ngoại giao đặc biệt đó, sẽ có một công dân Xô-viết ra đón chào Người bằng tiếng Việt. Nhưng, lúc đó, ở đại sứ quán Liên Xô, tôi không phải là người duy nhất biết tiếng Việt. Ngoài tôi ra còn có một số người khác, họ cũng biết tiếng Việt và họ đã già dặn hơn tôi nhiều cả về tuổi tác và chức vụ. Tất cả họ ghen tuông đưa mắt nhìn tôi. Lúc đó, tôi nhớ đến câu nói của người thư ký, khi lần đầu tiên tôi được gặp gỡ và tiếp xúc với A-lec-xan-đrơ An-đri-ep-vích (Anh là người hạnh phúc! Anh sẽ được nhìn thấy đất nước của Chủ tịch Hồ Chí Minh!). Những lời nói đó vang lên một cách chân thực. Hôm nay tôi lại càng cảm thấy hạnh phúc gấp bội khi được ra đón Bác.

Tôi đứng chờ bên cổng câu lạc bộ quốc tế. Thời gian đối với tôi lúc đó kéo dài triền miên. Sự thật thì sự chờ đợi của tôi diễn ra trong khoảng chừng năm bảy phút mà thôi. Cuối cùng, một chiếc xe, chỉ duy nhất một chiếc com-măng-ca sơn màu xanh bình thường nhẹ nhàng lướt tới. Và hầu như không ai nhìn thấy nó đã đi đến như thế nào.

Từ trong xe, Chủ tịch Hồ Chí Minh với dáng cương trực, khoẻ mạnh bước ra. Bây giờ trước mắt tôi không phải là Bác Hồ mà tôi gặp hôm qua trong nhà bếp Phủ Chủ tịch. Một dáng dấp đường hoàng, chững chạc, hoàn tất. Tất cả tựu trung lại trong ánh mắt của một con người mang trên đôi vai mình một sứ mạng khổng lồ và vinh quang không gì so sánh nổi. Một con người đã từng trải trong mọi tình huống phức tạp, nguy hiểm và căng thẳng nhưng bao giờ cũng có những quyết định đúng đắn và sáng suốt. Một con người đã dành cả cuộc đời và sức lực cho một mục đích vĩ đại và duy nhất của một dân tộc. Trước mắt tôi trong giây phút đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh là con người như thế.

Sau cái bắt tay thân mật và ngắn ngủi, cùng những lời hỏi han cũng ngắn gọn, Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng tôi đi vào hội trường câu lạc bộ quốc tế. Khi ngang qua tiền sảnh, Người bước chậm lại và quay đầu nhìn tôi mỉm cười, nụ cười rạng rỡ của một nhà thông thái. Người nhanh nhẹn cầm lấy tay tôi và nói: "*Câu trẻ quá*". Trộm nghĩ trong hoàn cảnh

1. Những câu này do chính tác giả viết bằng tiếng Việt (ND).

đó, lời nói đó đã thể hiện quan hệ hữu ái của một vị Chủ tịch, của một người luống tuổi đối với một thanh niên, mong muốn cho anh ta chóng trở nên thành đạt trong tương lai.

Giờ đây khi đã trải qua biết bao nhiêu năm tháng của cuộc đời, khi mái tóc trên đầu tôi đã điểm bạc. Khi tôi đã được nhà nước Liên Xô, Việt Nam, Mông Cổ tặng thưởng nhiều huân, huy chương, đã được phong giáo sư II, đã trở thành tiến sĩ khoa học, tôi, với tất cả tấm lòng minh bạch của mình, hiểu một cách sâu sắc rằng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trao cho tôi một phần thưởng cao quý nhất trong suốt cả cuộc đời tôi. Đó chính là lúc xa xưa, khi tôi "còn trẻ quá" trong ngày lễ kỷ niệm Cách mạng tháng Mười vĩ đại ở thủ đô Hà Nội vừa được giải phóng.

Sau những tràng vỗ tay chào đón, Chủ tịch Hồ Chí Minh đi đến bên chiếc bàn phía trước và bắt đầu nói chuyện. Sau đó thì như lệ thường, ồn ào đủ các thứ giọng. Tôi nhớ đến trách nhiệm của một chủ nhân buổi tiếp, thỉnh thoảng lại đưa mắt nhìn sang phía Bác.

Một người Ấn Độ trong Ủy ban quốc tế, khi biết tôi là nhà nghiên cứu phê bình văn học đã quay sang nói chuyện với tôi về Tuốc-ghê-nhép, về các nhà văn cổ điển Nga. Với người đại úy quân đội Ấn Độ, cũng là thành viên của Ủy ban quốc tế, chúng tôi bàn đến chuyện giao hữu bóng chuyền. Và sau này trận giao hữu giữa cán bộ, nhân viên sứ quán Liên Xô và các sĩ quan Ấn Độ đã được tiến hành. Và thật không ngờ đội đại sứ quán Liên Xô đã thắng các sĩ quan Ấn Độ 3 - 0. Cuộc tiếp đãi đã trôi qua, đúng như nó cần phải trôi qua.

Mãi nói chuyện, tôi không để ý thấy Bác Hồ đi ra từ lúc nào. Tuy không phải là một chính khách ngoại giao, nhưng tôi có đầy đủ cơ sở để nói rằng, cuộc tiếp đón ngoại giao trong quy mô rộng lớn đó đã thành công tốt đẹp. Chúng tôi hết sức hài lòng về nó. Dư âm đó - lễ kỷ niệm Cách mạng tháng Mười vĩ đại ở thủ đô Hà Nội sẽ vang mãi trên khắp thế giới.

Ở Mát-xcơ-va, trong phòng làm việc, tôi thường nhìn lên bức ảnh Bác Hồ chạm khắc trên một hòn đá nhỏ giản dị, do giáo sư Phạm Đức Dương tặng. Sau đó, tôi đưa mắt nhìn sang chân dung Bác trong bức tranh sơn mài - quà tặng của nhà thơ Hoàng Trung Thông. Từ trên bức tranh, Chủ tịch Hồ Chí Minh mỉm cười với tôi như muốn nhắc lại câu nói ngày nào "*Cậu trẻ quá!*".

CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VỚI CÁCH MẠNG LÀO

XI-XA-NA XI-XAN

*Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học xã hội
Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào*

Tên tuổi đồng chí Hồ Chí Minh gắn liền với sự nghiệp cách mạng Việt Nam, cách mạng Đông Dương. Người đã có những đóng góp to lớn cho cách mạng thế giới. Trước hết, Người là anh hùng giải phóng dân tộc. Nghị quyết UNESCO ghi rõ: "Chủ tịch Hồ Chí Minh là một biểu tượng kiệt xuất về lòng quyết tâm của cả một dân tộc, đã cống hiến trọn đời mình cho sự nghiệp giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam, góp phần vào cuộc đấu tranh chung của các dân tộc vì hoà bình, độc lập, dân chủ và tiến bộ xã hội. Tôi không có tham vọng đề cập toàn bộ vấn đề này (vì bản thân vấn đề đã là một hệ thống đề tài nghiên cứu hết sức rộng lớn). Tôi chỉ xin giới hạn vào chủ đề: Chủ tịch Hồ Chí Minh với cuộc cách mạng giải phóng dân tộc ở Lào.

Từ cuối thế kỷ XIX, khi thực dân Pháp xâm lược và chiếm đóng đất nước chúng tôi, bất chấp sự đầu hàng của bọn phong kiến, quý tộc, nhân dân các bộ tộc Lào, không cam chịu kiếp nô lệ, đã nhiều lần nổi dậy chống ách thống trị hà khắc. Trong suốt 30 năm đầu của thế kỷ XX, các cuộc khởi nghĩa đã bùng nổ liên tiếp trên hầu khắp đất nước. Có phong trào diễn ra trên quy mô khá rộng, bao gồm nhiều địa bàn, nhiều tỉnh. Có cuộc chiến đấu kéo dài gần 4 thập kỷ. Những người lãnh đạo các cuộc đấu tranh đó là những nhà yêu nước kiên cường, nhưng do hạn chế của điều kiện lịch sử, họ không có đường lối và phương thức đấu tranh thích hợp, nên các phong trào đó đều thất bại.

Cuối những năm 20 của thế kỷ này, đồng chí Hồ Chí Minh thông qua tổ chức Thanh niên Cách mạng đồng chí hội đã truyền bá chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào Lào. Khi Người hoạt động ở Thái Lan, sau các lớp huấn luyện chính trị tại U-đon, Người đã nhiều lần trực tiếp huấn luyện các

đồng chí hoạt động ở Lào. Có lần, Người đã triệu tập các đồng chí hoạt động ở Viên Chăn tới Noọng Khai để nghe báo cáo tình hình và chỉ đạo phương hướng đẩy mạnh hoạt động ở Lào. Mùa thu năm 1928, đồng chí Hồ Chí Minh đã từ Thái Lan sang Pắc-xế, lên Xa-van-na-khệt, đến Xiêng Vang (phía nam tỉnh lỵ Thà Khệt) để trực tiếp tìm hiểu thực tế tình hình đời sống nhân dân Lào.

Những hạt giống cách mạng mà đồng chí Hồ Chí Minh gieo đã nhanh chóng nảy mầm và phát triển ở Lào. Từ các tổ chức quần chúng cách mạng thời kỳ 1928-1929, đến năm 1930 đã hình thành 6 chi bộ cộng sản ở Viên Chăn, Pắc-xế, Thà Khệt, Xa-van-na-khệt, Thôn-tiu, Bò-nèng. Các tổ chức quần chúng: công hội, thanh niên, phụ nữ, đồng minh phản đế, hội tương tế... đã phát triển ở nhiều thành phố và các vùng đông công nhân. Tháng 9-1934, tại một đảo nhỏ trên sông Mê Công. Đại hội đại biểu các chi bộ cộng sản các địa phương đã thành lập Đảng bộ Đảng Cộng sản Đông Dương tại Lào. Từ đó cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân các bộ tộc Lào bước sang thời kỳ mới, với chất lượng hoàn toàn mới; cách mạng Lào đã trở thành một bộ phận khăng khít của cách mạng Đông Dương và cách mạng thế giới.

Năm 1975, trải qua cuộc đấu tranh bền bỉ, kiên cường, hơn 3 triệu nhân dân các bộ tộc Lào, dưới sự lãnh đạo của Đảng Nhân dân cách mạng Lào, người kế tục sự nghiệp quang vinh của Đảng Cộng sản Đông Dương do đồng chí Hồ Chí Minh sáng lập, đã giải phóng hoàn toàn nước Lào thoát khỏi ách thực dân đế quốc, xoá bỏ chế độ phong kiến, lập nên nước Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào, mở ra kỷ nguyên mới, kỷ nguyên độc lập, tự do và từng bước xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Như vậy, đối với nhân dân Lào, cống hiến to lớn của đồng chí Hồ Chí Minh, trước hết là tìm ra con đường giải phóng dân tộc đúng đắn cho cách mạng Lào. Tháng 5-1941, đồng chí Hồ Chí Minh thay mặt Quốc tế Cộng sản chủ trì Hội nghị Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương, đã nêu rõ: nhiệm vụ chủ yếu và trước mắt của cách mạng Đông Dương là cách mạng giải phóng dân tộc, và nhấn mạnh: muốn đánh Pháp đuổi Nhật "phải có lực lượng thống nhất của tất cả các dân tộc Đông Dương hợp lại". Hội nghị Trung ương lần đó, nhất trí với ý kiến của đồng chí Hồ Chí Minh, đã đặt vấn đề giải phóng dân tộc trong khuôn khổ mỗi nước, chủ trương lập Mặt trận Dân tộc thống nhất trong từng nước nhằm khơi

dậy truyền thống tốt đẹp của mỗi dân tộc, thu hút mọi lực lượng yêu nước, động viên sức mạnh của cả nước đứng lên giành độc lập chủ quyền dân tộc. Đường lối chiến lược đó là nhân tố thắng lợi hết sức quan trọng.

Điểm nổi bật ở đồng chí Hồ Chí Minh là không chỉ góp về lý luận, về đường lối, phương hướng, mà đồng chí còn quan tâm đến phương tiện tổ chức và chỉ đạo thực tiễn cách mạng. Trong điều văn đọc tại Lễ truy điệu đồng chí Hồ Chí Minh ngày 5-9-1969 tại Sầm Nưa, đồng chí Cay-xỏn Phôm-vi-hản, Tổng Bí thư Đảng Nhân dân cách mạng Lào, đã nói: "Đối với cách mạng Lào chúng ta, đồng chí Hồ Chí Minh đã thường xuyên quan tâm chỉ đạo cho Đảng bộ Đảng Cộng sản Đông Dương tại Lào trước đây, cũng như sau này cho Đảng Nhân dân cách mạng Lào khi Đảng đã được thành lập. Đồng chí đã trực tiếp giúp cho chúng ta những ý kiến rất quan trọng về chiến lược, sách lược, về phương thức hoạt động. Nhờ đó mà trong tình thế vô cùng gay go gian khổ Đảng bộ Đảng Cộng sản Đông Dương tại Lào đã ra sức vận động quần chúng, tổ chức và lãnh đạo nhân dân Lào đứng lên làm Cách mạng tháng Tám thành công, giành chính quyền về tay mình, tuyên bố nền độc lập của Lào ngày 12-10-1945. Tiếp đó, đồng chí Hồ Chí Minh đã giúp đỡ tận tình cuộc đấu tranh cứu nước của nhân dân ta".

Đồng chí Cay-xỏn Phôm-vi-hản cũng nói rõ việc đồng chí Hồ Chí Minh, trong từng thời kỳ, đã chú ý hướng dẫn việc chuyển hướng trọng tâm hoạt động, xây dựng cơ sở nhân dân, phát động quần chúng nông dân xây dựng các khu căn cứ kháng chiến, xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng, mở Mặt trận Dân tộc thống nhất, xây dựng Đảng Mác - Lê-nin chân chính, nhất là vấn đề đào tạo đội ngũ cán bộ có đạo đức cách mạng và có năng lực công tác.

Trong những lần lực lượng yêu nước đấu tranh buộc đối phương phải chấp nhận giải pháp hoà bình, thành lập chính phủ liên hiệp dân tộc, có lực lượng cách mạng tham gia, đồng chí Hồ Chí Minh đã ân cần dặn dò "Hoà hợp là thắng lợi về sách lược. Vấn đề chủ yếu quan trọng, có ý nghĩa chiến lược là phải quan tâm củng cố và phát triển lực lượng cách mạng để sẵn sàng đối phó với mọi tình huống, không ngừng đưa cách mạng tiến lên".

Lịch sử đã chứng minh sự đúng đắn của luận điểm của đồng chí Hồ Chí Minh về cách mạng dân tộc dân chủ, phát triển thành cách mạng xã hội chủ nghĩa trong từng nước chậm phát triển. Quá trình cách mạng này gồm hai giai đoạn có phần đan xen vào nhau, giai đoạn sau hoàn

thành những nhiệm vụ chưa làm xong của giai đoạn trước, và giai đoạn trước, khi có điều kiện, có thể bắt đầu làm một số nhiệm vụ của giai đoạn sau. Quá trình cách mạng Lào đã diễn ra gần đúng như thế và hiện nay đang ở giai đoạn củng cố, phát triển, hoàn thiện chế độ dân chủ nhân dân, từng bước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Đồng chí Hồ Chí Minh hết sức quan tâm xây đắp cho mối quan hệ đặc biệt Việt - Lào. Tháng 9-1952, trong một cuộc họp, Người nói: "Chính phủ và nhân dân Việt Nam hết lòng thành thực giúp đỡ Mặt trận và nhân dân Lào anh em. Sự thật chưa tìm ra chữ gì để thay chữ giúp, chứ thực ra không phải là giúp mà là làm một nhiệm vụ quốc tế". Trong thực tế, mối quan hệ giữa hai Đảng và nhân dân hai nước Việt - Lào là mối quan hệ láng giềng gần gũi, giữa những người bạn chung lý tưởng, cùng chiến hào chống kẻ thù chung, đã từng đồng cam cộng khổ "hạt muối cắn đôi", "cọng rau bẻ nửa". Đồng chí Tổng Bí thư Đảng chúng tôi đã từng nói: "Trong lịch sử cách mạng thế giới cũng đã có nhiều tấm gương sáng về tinh thần quốc tế vô sản, nhưng chưa ở đâu và chưa bao giờ có sự đoàn kết liên minh chiến đấu đặc biệt lâu dài, toàn diện như vậy, hơn 30 năm đã qua mà vẫn trong sáng như xưa - một sự đoàn kết liên minh bền vững, đã phát huy cao độ tinh thần độc lập tự chủ và mọi nhân tố chủ quan của từng dân tộc và kết hợp với sức mạnh của cả hai dân tộc, cùng chiến đấu và cùng chiến thắng".

Nhìn lại những chặng đường đã qua, từ một dân tộc nô lệ, thành một dân tộc có độc lập, tự do; từ một đất nước bị chia cắt thành một đất nước thống nhất, từ một xã hội thuộc địa và phong kiến thành một xã hội dân chủ nhân dân, từng bước đi lên chủ nghĩa xã hội, từ một xứ sở không có tên trên bản đồ thế giới thành một thành viên tiên tiến của cộng đồng quốc tế, trong cuộc hành trình lịch sử này, nhân dân Lào chúng tôi luôn luôn ghi nhớ công ơn Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Ngày nay, trước những biến động dồn dập, những xáo trộn phức tạp xảy ra hàng ngày, hàng giờ trên thế giới, chúng ta cho rằng hơn bao giờ hết cần tăng cường hơn nữa quan hệ đoàn kết đặc biệt Lào - Việt, di sản vô giá mà đồng chí Hồ Chí Minh đã để lại, đứng vững trên trận địa của mình, bảo vệ và phát huy thành quả cách mạng đã đạt được, đẩy mạnh sự hợp tác toàn diện có hiệu quả. Đó là một phép màu, một trong những thế mạnh giúp chúng ta vượt qua thử thách, vươn tới mục tiêu.

TÍN HIỆU CHIM HẢI ÂU

AR-CHI-ME-DES L.A.PAT-TI
(Mỹ)

"Tại sao Việt Nam (Why Việt Nam) là cuốn hồi ức của L.A.Pat-ti, nguyên là một sĩ quan tình báo Mỹ đã có mặt và can dự vào những biến động lịch sử ở Việt Nam vào thập kỷ 40 thế kỷ XX. Đặc biệt là những ngày nổ ra cuộc Cách mạng tháng Tám vĩ đại.

Trong phần phụ đề của cuốn sách, tác giả đã lấy truyền thuyết của S.T.Colrdge kể về một người thủy thủ già đã bắn chết con chim hải âu báo điềm lành cho mình để nói về những cơ hội hoà bình mà Mỹ đã bỏ qua ở Việt Nam năm 1945. Theo L.A.Pat-ti, đó là một trong nhiều nguyên nhân của một hậu quả nặng nề mà nhân dân Mỹ đang phải gánh chịu sau thảm bại của Mỹ trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam.

Chúng tôi trích 2 chương trong cuốn sách này giới thiệu cho bạn đọc.

Chương 25

TRƯỚC NGÀY LỄ ĐỘC LẬP

MỘT NHÃN HIỆU ĐẶC BIỆT CỦA CHỦ NGHĨA CỘNG SẢN

Sáng thứ bảy đó, tôi và Grét-lec-ki đi một vòng thành phố. Hôm sau, ngày 2 tháng 9 là ngày lễ lớn. Ngày Độc lập, khắp nơi tung bừng không khí ngày hội. Ai cũng bận rộn, hớn hở, và vội vàng nhưng không

ai tỏ ra hấp tấp. Trước cửa nhà, trên ban công, ngoài cổng ra vào đầy các loại cờ đỏ, hoa, đèn. Nhiều toán người hăm hở giăng lên ngang trên đường phố, những khẩu hiệu hô hào "Độc lập và Tự do cho Việt Nam", và hoan nghênh Đồng minh, đặc biệt là Mỹ. Thỉnh thoảng chúng tôi lại phải dừng xe nhường cho một toán Xi-cút (hướng đạo sinh ND), một đội nữ du kích hoặc một đơn vị bộ đội vượt qua. Giữa một vườn hoa nhỏ, một đội quân nhạc đang biểu diễn.

Người Việt Nam hướng dẫn chúng tôi giải thích một cách trịnh trọng: "Ngày mai Chính phủ mới sẽ ra mắt dân chúng và người Pháp đã bị bãi bỏ". Tôi hỏi ai sẽ cầm đầu Chính phủ mới và ông ta trả lời ngay "Hồ Chí Minh". Ông ta chưa hề trông thấy ông Hồ, mà cả ảnh cũng không. Ông cũng chẳng rõ ở đâu về, ngoài việc chỉ được nghe nói Hồ Chí Minh đã "ở ngoại quốc lâu năm" nhưng cũng không rõ ở đâu. Tôi hỏi ông ta có biết gì về xu hướng chính trị của ông Hồ. "Ồ, có chứ, ông Hồ là Việt Minh, một đảng của nhân dân". Có biết Việt Minh là cộng sản không? Người hướng dẫn tỏ vẻ lúng túng rồi thú thật rằng ông thực sự không hiểu tôi muốn nói gì về cộng sản. Tôi không tiếp tục câu chuyện nhưng cũng nhận thấy ngay được rằng khi nói đến Hồ Chí Minh, giọng ông ta đượm vẻ tự hào cứ như ông Hồ là một người thân thuộc trong gia đình mình vậy. Tôi đã gặp hiện tượng này trong nhiều lần trong các tuần lễ tôi sống ở Hà Nội.

Trong buổi sáng tôi cũng có dịp nói chuyện với một số thương gia. Nói chung họ tỏ ra vui mừng trước triển vọng một Chính phủ gồm toàn người Việt Nam nhưng một số cũng tỏ ra vô thường vô phạt, còn một số ít thì hoài nghi không biết rồi sẽ có gì khác trước nhiều không. Tôi cũng thường gọi hỏi xem họ hiểu về Việt Nam và cộng sản thế nào. Nhưng chỉ có ba hoặc bốn người có thể trả lời: các câu trả lời của họ rất lộn xộn, từ "không tốt" đến "tuyệt vời", "bây giờ thì nhân dân sẽ chăm lo mọi việc".

Trong chiến tranh tôi đã sống với những người kháng chiến Pháp và Ý (trong đó có nhiều người cộng sản). Giống như người Pháp, người Ý có ít nhiều không giống với các dân tộc khác về động cơ chính trị. Cả hai dân tộc đã đấu tranh để lật đổ một khái niệm tư tưởng mà Hitler và Mussolini đã đặt lên đầu họ, ngoài ra không có gì khác hơn. Khi đã đạt được mục đích đó, cả hai nước lại chuẩn bị để quay trở lại nguyên tình trạng cũ, chỉ không có khái niệm về chủ nghĩa quốc xã hoặc phát xít mà thôi.

Tôi thấy phải chờ đợi một tình huống hoàn toàn khác ở Việt Nam. Người Việt Nam sẽ không thoả mãn chỉ với sự đánh bại chế độ phát xít của Vi-chy và Tô-ky-ô. Họ không muốn quay trở lại tình trạng trước chiến tranh của họ. Họ muốn thay đổi. Họ muốn đòi lại đất nước họ và làm cho nó tự do và độc lập đối với sự đô hộ của bên ngoài. Đó cũng chính là điều tôi đã thấu hiểu được từ các nhà hoạt động chính trị trong sáu tháng trước đây ở Trung Quốc.

Tôi nhớ lại điều ông Hồ đã nói với tôi trong tháng 4, tại một gian buồng nhỏ ở biên giới Trung Quốc. Việt Nam là một nước nông nghiệp, 90% dân chúng sống nhờ vào ruộng đất, họ đã bị một chế độ phong kiến và quan lại đàn áp bóc lột dã man như đối với những người nô lệ, do đó, giống như các nước phương Đông, sự thay đổi kinh tế xã hội ở Việt Nam phải do nông dân khởi xướng và được sự ủng hộ của công nhân. Nhưng muốn thắng lợi, phải có sự ủng hộ hoàn toàn của nông dân.

Trên đường về biệt thự Gau-ti-ơ, ngắm nghĩ về điều ông Hồ nói, cuối cùng tôi đã hiểu sâu sắc rằng: quần chúng tiến hành cuộc cách mạng là từ các miền thôn quê, các làng xóm và rừng núi - họ là nông dân.

Một vị khác đã đợi tôi tại biệt thự. Đó là ông Bửu, một người Việt Nam đáng ưu tú, có thể khoảng gần ba mươi. Tôi nhớ hình như đã trông thấy ông ở đâu nhưng không chắc chắn. Tôi và Béc-ni-ơ bắt tay và ông tự giới thiệu là do "Bộ Nội vụ cử tới" nhưng tiếng Anh hoàn hảo và giọng Ô-x-phốt không thể lẫn được của ông làm tôi sửng sốt, ngạc nhiên. Ông đưa cho tôi một thư viết tay trên hai mặt tám danh thiếp của ông Giáp: Bộ trưởng Bộ Nội vụ gửi lời chào, v.v... Ông Bửu là đại diện cho cá nhân Bộ trưởng¹ và mong rằng phái đoàn sẽ làm dễ dàng cho công việc của ông.

Ông Bửu nói mục đích cuộc đến thăm là để báo cho tôi biết một "Tình hình nguy hiểm" đang làm cho Hồ Chí tịch rất không yên tâm. Đó là việc phải đối phó với các hoạt động bí mật của Pháp được điều khiển từ Can-cút-ta.

Ông Bửu hỏi xem tôi có được báo cáo cho biết về các hoạt động này của Pháp không và cần giải thích cho ông rõ về ý đồ của người Pháp. Tất nhiên là tôi có biết ý đồ của người Pháp mặc dầu không được báo riêng cho biết về kế hoạch cụ thể của họ và tôi đã bảo thẳng ông Bửu là đã có

1. Võ Nguyên Giáp.

nhiều quan chức cai trị dân sự được phái tới Việt Nam trong thời gian phái đoàn tôi ở Hà Nội. Tôi giải thích thêm, dựa vào kinh nghiệm trước đây ở châu Âu, người Pháp đã cho xúc tiến một thời kỳ quân dân quản trong các vùng giải phóng và các toán được thả dù xuống Việt Nam hình như đúng là những nhân viên cai trị để nhằm thực hiện công việc đó. Tôi nói thêm là đã hỏi ông Giáp chung quanh vấn đề Mét-mơ, nhưng ông Bửu trả lời không biết gì (ông Giáp cũng đã không trả lời gì khác).

Qua việc ông Bửu tới, ông Giáp cũng ngầm cho biết: Việt Nam đã ở khắp mọi nơi, nắm được chính xác tất cả những gì đã xảy ra ở Việt Nam, và Chính phủ lâm thời sẽ không ngồi yên một cách vô tích sự trong khi người Pháp âm mưu quay trở lại bằng võ lực. Tôi cảm ơn ông Bửu đã không báo tin tức nhưng cũng không để lộ ra tôi có làm gì hay không, ông Bửu cũng không hỏi xem tôi có hành động gì không nhưng cho rằng (rất đúng) tôi sẽ báo cáo cho Trùng Khánh. Thực là không may, câu chuyện của ông Bửu đã chẳng mang lại được điều gì để làm yên lòng cho Sainteny. Tôi cũng chẳng rõ được các toán người Pháp ở đâu và hoàn cảnh của họ bị bắt giữ như thế nào.

Ông Hồ mời Grélecki và tôi đến dự bữa cơm chiều trước Ngày Độc lập. Đúng 4 giờ 30 phút, lần đầu tiên chúng tôi vào cổng cuốn Bắc Bộ Phủ, trước đây là dinh của Tổng sứ Pháp. Người gác chào một cách lịch sự và một sĩ quan trẻ tuổi dẫn chúng tôi đến một phòng trên tầng hai. Một phòng rộng, thanh nhã nhưng bày biện đơn sơ chỉ có một đi văng, một số ghế thông thường và một bàn trà. Rõ ràng trái ngược với những phòng choáng lộn của Xanh-tơ-ni ở Dinh Toàn quyền.

Chủ tịch Hồ, có ông Giám và ông Giáp bên cạnh, ra đón chúng tôi một cách sốt sắng như là đã lâu lắm không gặp nhau. Vì rằng chúng tôi cũng đã họp với nhau chỉ hai ngày trước đây trong một ngôi nhà cũ ở phố Hàng Ngang nhưng đây mới thật là lần đầu tiên gặp nhau trong khung cảnh chính thức. Ông giới thiệu với tôi những người có mặt khác rồi cùng sang buồng bên cạnh ở đó đã có bày sẵn bàn ăn. Tôi ngồi bên phải ông Hồ còn Grê-lec-ki ở bên trái. Ông Giám ở bên phải tôi và ông Giáp bên trái Grê-lec-ki, đối diện với tôi. Các món ăn, như thường lệ, cũng giản đơn, ngon và theo kiểu Việt Nam.

Người ta thấy ngay, đây cũng là một dịp mang nhiều ngụ ý chính trị. Ông Hồ mở đầu câu chuyện và nói rằng cuộc đi thăm phố phường

của tôi buổi sáng đã gây ra một sự "xôn xao nho nhỏ". Dân chúng đã vui sướng khi thấy tôi quan tâm đến công việc chuẩn bị của họ cho buổi lễ ngày mai và ông cũng muốn được nghe tôi nói về cái đó. Tôi có thoả mãn về những điều đã được nghe và thấy không? Ông tỏ ra tò mò và quan tâm một cách nghiêm chỉnh. Không phải ông không biết những điều đã được phát biểu ra đâu, vì trong số những người tò mò ở dọc đường nhất định có nhân viên cảnh sát và chắc rằng họ đã báo cáo lại mọi câu chuyện đã nói. Nhưng chính là ông muốn thấy phản ứng cá nhân của tôi vì ông biết rằng những phản ứng đó sẽ được phản ánh trong báo cáo của tôi gửi về Trung Quốc. Để tránh khỏi dính líu vào các vấn đề chính trị và tư tưởng, tôi phát biểu đã có ấn tượng mạnh mẽ đối với công tác chuẩn bị cho ngày lễ và sự cởi mở của dân chúng mà tôi đã bắt chuyện. Tôi ca tụng tài tổ chức của những người điều khiển các hoạt động ngày hôm sau và sự hân hoan của quần chúng trong việc thực hiện các nhiệm vụ của họ.

Các vị khách tỏ vẻ hài lòng và ông Giám đã phấn khởi nói xen vào là mặc dầu quỹ để tổ chức buổi lễ do thành phố đài thọ, nhưng hiện nay thì chính bản thân nhân dân đã bỏ tiền ra thanh toán các chi phí để sửa sang, làm sạch và trang trí cho thành phố. Ông nói thêm là không phải sử dụng đến các quỹ của Chính phủ và thực ra thì Chính phủ cũng chẳng có. Ngân hàng Đông Dương và các ngân hàng phụ thuộc vẫn còn nằm trong tay người Nhật và Chính phủ lâm thời cũng chẳng có cách nào để có được tiền.

Tôi hỏi xem có chuẩn bị diễu binh không. Với một giọng chán ngán, ông Giáp trả lời cũng muốn có một số đơn vị đi diễu hành, nhưng bộ đội "vừa mới ở núi ở rừng về" không có đủ thời gian luyện tập, nên đành phải bằng lòng với những đơn vị "sắp hàng đứng tại chỗ" vậy. Ông Hồ ngắt lời và nói điều đó không hề gì, bộ đội sẽ đứng đó để cho dân chúng xem, và "Quân đội nhân dân" cũng có thể xem Chính phủ của họ mới được thành lập.

Chúng tôi trở lại gian phòng lớn để dùng trà. Trừ ông Hồ, ông Giáp và ông Giám còn những người Việt khác đều rút lui, có thể phải đi chuẩn bị cho ngày mai. Năm người chúng tôi quây quần lại chung quanh bàn trà trong khi ông Hồ rót cà phê nóng của Pháp vào trong những tách nhỏ Trung Quốc xinh xắn. Với một giọng thân mật, ông phát biểu mời chúng

tôi dự bữa cơm trước ngày lễ Độc lập của Việt Nam để tỏ lòng biết ơn của cá nhân ông và đồng sự của ông trong chính phủ đối với Mỹ về sự ủng hộ vật chất và tinh thần mà phong trào của ông nhận được trong những năm gần đây. Ông đặc biệt cảm ơn Cục Công tác chiến lược (OSS) về sự cộng tác từ năm 1943 và mong rằng tinh thần "Hợp tác hữu ái" đó sẽ tiếp tục phát triển trong những năm tới. Nhớ lại vùng rừng núi Bắc Kỳ, ông đã nhắc tới tướng Sê-nôn, đại tá Hê-li-oen, tới Glát với những lời lẽ đầy nhiệt tình, và tới cả các "bạn chiến đấu" của ông, các thiếu tá Tô-mát và Hô-lân cùng với những người khác trong các toán của họ.

Trong một lúc dừng lại chuyện trò, ông Giám nhận xét rằng qua Hội nghị San Phran-xi-cô của Liên Hiệp quốc người ta có thể rút ra kết luận là Mỹ đã không hiểu thấu một cách đầy đủ về cảnh ngộ của người Việt Nam. Ông tự hỏi không hiểu tại sao vấn đề "thực sự" của Đông Dương lại không được nêu lên, ngoại trừ trong những lời lẽ nói về vai trò của Pháp như là một cường quốc thực dân. Chẳng phải rõ ràng là người Việt Nam cũng rất tha thiết với cái mà người Mỹ đã đấu tranh cho công cuộc cách mạng của họ, "Giải phóng khỏi ách áp bức của ngoại quốc và giành độc lập dân tộc đó sao?". Người Mỹ, "Từ 1776 đã mở đường cho thế giới bước vào một kỷ nguyên độc lập dân tộc", hơn ai hết, cần phải đánh giá được cái điều mà người Việt Nam đang ra sức làm cho bản thân mình. Và, chắc là để nhắc nhở tôi, ông nói thêm rằng, "ngay cả nước Ý" năm 1848 cũng đã học tập một trang lịch sử của Mỹ.

Trong khi ông Hồ gật đầu tỏ vẻ bằng lòng, còn ông Giáp vẫn ngồi phớt lạnh thì ông Giám làm một tràng phê phán các tội lỗi xấu xa của người Pháp.

Người Pháp đã cho là những "người cách mạng" và "dân An Nam vô ơn bạc nghĩa". Đúng, họ là những "người cách mạng". Họ đã nổi dậy chống thực dân Pháp, các chúa tể ngoại quốc bóc lột họ. Còn "vô ơn", thì họ đã được chịu những ân huệ gì? Phải chăng là quyền ưu đãi được làm lao động khổ sai, làm những con đường đẹp đẽ dẫn đến các dinh thự nguy nga, những đồn điền trù phú của người Pháp...

Ông Hồ nói chắc chắn là tôi đã rất thông thạo về chế độ thuộc địa của Pháp nên cũng không cần bàn luận về dĩ vãng làm gì, và tốt hơn hết là nên nhìn vào tương lai. Ông nói ý nghĩa của mình về những tháng sắp tới sẽ có tính chất quyết định cho Việt Nam vì vậy người Việt Nam có

nhiệm vụ phải biểu thị cho các nước Đồng minh biết lòng tin tưởng sắt đá và quyết tâm không gì lay chuyển nổi để tự giải thoát mình khỏi "mọi sự cai trị của bên ngoài, dù cho đó của Pháp, Nhật, Trung Quốc hay bất kỳ ai", và nhân dân Việt Nam đã đạt tới một "trình độ trưởng thành về chính trị" cho phép họ có quyền được tự quản lý lấy mình. Ông Hồ luôn luôn nhắc tới "mười bốn điểm" của Uyn-sơn và Hiến chương Đại Tây Dương và ông trích dẫn lời hứa hẹn riêng cho Việt Nam của Mỹ.

Ông Hồ tiếp tục nói rằng ông muốn Mỹ biết các yêu cầu của ông cho nhân dân Việt Nam rất "nhỏ nhặt và giản đơn". Ông nói, dân chúng Việt Nam khao khát được đi tham quan nước ngoài. "Đặc biệt là sang Mỹ, như tôi đã làm từ lâu". Họ mong đợi đến ngày mà nước Pháp không còn chỉ là nơi duy nhất để học tập, ngày mà học vấn không chỉ hạn chế trong một số người được ưu đãi, ngày mai các sinh viên cũng có thể tới học tập tại nước Mỹ.

Ông Hồ muốn được các chuyên gia kỹ thuật Mỹ giúp thiết lập một số công nghiệp mà Việt Nam có khả năng đảm đương được. Thấy ông Giám muốn nói, ông Hồ dừng lại. Theo quan điểm của ông Giám thì Việt Nam cần và muốn trước hết là quyền tự do buôn bán, các hàng tự do, và vốn của nước ngoài - ngay cả vốn của Pháp, mặc dầu ông không tin rằng Pháp có khả năng cung cấp được.

Theo ý kiến ông, điều mong muốn trước hết là vốn của Mỹ và việc buôn bán với Mỹ và khi Việt Nam đã có điều kiện, sẽ mở mang các sân bay và bến tàu để có thể tiếp nhận hàng hóa của Mỹ một cách điều hoà. Ông Giám tiếp tục nói dài về vấn đề này, về tương lai của Việt Nam.

Ông Hồ nêu ngay lên một vấn đề hết sức cấp bách, tình hình nguy ngập về lương thực. Ông nói về nạn đói khủng khiếp năm 1944... Tình hình lương thực năm nay cũng không khá hơn vì mưa lớn và lụt lội... Thực tế thì số thóc dự trữ để làm giống cho vụ sau cũng đã mang ra ăn hết. Tình hình lương thực "vào đúng lúc này đã cực kỳ nguy hiểm". Nếu như quân đội chiếm đóng Trung Quốc định tiếp tế bằng thị trường địa phương tại chỗ, thì "mọi người sẽ chết đói". Những báo cáo mới nhất từ phía Bắc gửi về cho ông Hồ đã chỉ ra rằng quân đội Vân Nam "vô kỷ luật và không ai kiểm soát được", ông Hồ e rằng họ tiến về Hà Nội và Huế thì tình hình lương thực ở đó đã khó khăn sẽ trở thành không sao chịu nổi. Do đó ông nói tôi cần phải kêu gọi sự chú ý của chính phủ Mỹ cho tiến

hành kiểm tra quân đội Trung Quốc và yêu cầu người Trung Quốc mua bán chứ đừng trưng thu các vật phẩm và lương thực trong thời gian họ chiếm đóng "để tránh gây ra" tình hình người Việt Nam bắt buộc phải tiến hành chiến tranh đối với người Trung Quốc để bảo vệ cuộc sống và gia đình họ. Tôi đồng ý chuyển lời yêu cầu của ông.

Đến 7 giờ 30 chúng tôi cho là đã đến lúc phải cáo lui vì ngày hôm sau là một ngày nặng nhọc. Ở cầu thang, ông Giáp nói riêng với tôi về những mưu toan xâm nhập của Pháp bằng cách thả dù một số "viên chức cao cấp". Tôi hỏi có phải những người mà ông Bửu đã nói với tôi hôm trước không. "Phải", ông trả lời và nói thêm là cũng có những người khác nữa. Ông nhắc tới "thiếu tá Mét-mơ từ Can-cút-ta tới" cùng với hai nhân viên khác thuộc toán của ông. Đến thứ hai, ông Bửu sẽ mang tới cho một bản báo cáo đầy đủ, ông Giáp lắc đầu và bình: "Không biết đến bao giờ họ mới hiểu được rằng họ không được hoan nghênh ở Việt Nam, trong tình huống hiện nay?".

Chương 26

NGÀY LỄ ĐỘC LẬP

ĐỒNG BÁO CÓ NGHE RÕ TÔI KHÔNG?

Ngày chủ nhật đầu tiên trong tháng 9 là ngày lễ các Thánh tử vì Đạo của riêng hơn một triệu dân theo Thiên chúa giáo ở Bắc Việt Nam. Có thể cũng chỉ là một sự trùng hợp ngẫu nhiên mà Hồ Chí Minh đã chọn ngày đó làm Ngày lễ Độc lập. Tại các nhà thờ Thiên chúa giáo, cũng như các chùa Phật giáo, buổi lễ vẫn tiến hành long trọng, các bài thuyết pháp có thêm những ý chính trị ủng hộ Chính phủ mới thành lập và nền độc lập của Việt Nam.

Từ sớm tinh mơ, dân chúng Hà Nội như các bầy ong, từng đoàn lúc lớn, lúc nhỏ, lũ lượt dần dần kéo đến cạnh Quảng trường Ba Đình.

Ở nhiều chỗ là cả một khối dân chúng các làng ngoại ô. Đi theo trong biển người đó, có cả những toán nhân dân miền núi với y phục địa phương của họ, và nông dân trong những bộ khăn áo cổ truyền.

Giữa các khối khác nhau, người ta dễ dàng nhận ra các tổ chức của công nhân, sơ mi trắng, quần dài hoặc quần soóc trắng hoặc xanh. Phụ nữ mặc áo dài trắng hay màu sáng, tay khoác nón.

Cho đến tận trưa, cả toán OSS chúng tôi lẫn lộn ở ngoài phố, chụp ảnh, ghi chép về các nhóm người, các sự kiện, các khẩu hiệu, biểu ngữ, áp phích... Có nhiều khẩu hiệu bằng tiếng Pháp, Anh, một số bằng tiếng Việt Nam. "Việt Nam của người Việt Nam", "Hoan nghênh Đồng minh", "Hoan nghênh phái đoàn Mỹ", "Thà chết không nô lệ".

Khoảng trưa, Kờ-náp, Béc-ni-cơ, Grê-lec-ki và tôi đi về phía Quảng trường Ba Đình. Tôi đã quyết định từ chối lời mời của ông Hồ đến khu vực lễ đài dành cho quan khách, để đi xem buổi lễ chỉ như một người quan sát trong quần chúng. Chúng tôi chọn được một điểm thuận lợi ngay trước lễ đài, giữa đám viên chức địa phương.

Trong khi chờ đợi ông Hồ và các quan chức tùy tùng tới, tôi nhìn thấy một toán cố đạo Thiên chúa giáo mặc áo thầy tu trắng và xanh đen, có cả các chức sắc mang khăn quàng và dải viền đỏ.

... Cách họ không xa, là các nhà sư Phật giáo khoác cà sa màu da cam, rồi đến các chức sắc Cao đài, áo dài trắng có tua và khăn quàng sắc sỡ.

Đội danh dự và công tác bảo vệ được giao cho bộ đội của ông Giáp và ông Chu Văn Tấn, lực lượng được huấn luyện, trang bị, có kỷ luật nhất của họ. Mũ bác, đồng phục kaki, quần soóc, tất cao, họ trưng bày các vũ khí mới một cách hãnh diện, lúc trong tư thế "đứng nghiêm" lúc "nghỉ". Ở đó còn có các đơn vị "tự vệ - dân quân" - mặc áo lẫn lộn quần áo nhà binh Pháp hoặc Nhật hoặc quần áo ngắn xanh hay đen, mang theo một loạt các vũ khí cũng lộn xộn từ súng kíp, gươm, dao rựa, mã tấu có cán gỗ dài và cả gậy tày... có thứ hình như họ mới lấy ở các đình, chùa ở làng ra. Tất cả dựng lên một cảnh tượng sinh động và kinh hoàng.

Mặt trời đã lên cao. Không khí oi bức. Nhưng đôi lúc cũng có cơn gió nhẹ thổi làm phát phới cả cái biển cờ trên Quảng trường. Cao trên cột trước lễ đài, lá cờ đỏ với ngôi sao vàng lớn phát phới bay.

Bất chợt có tiếng còi và các hiệu lệnh quân sự phát ra từ các đội hình. Đội danh dự và các đơn vị bộ đội đứng thẳng và chăm chú theo dõi có người đã bắt đầu xuất hiện trên lễ đài. Máy phút sau, nổi lên tiếng hô "bồng súng chào", quần chúng bỗng im lặng trong khi các vị chức quyền tìm chỗ đứng vào đường sau cái bao lớn được trang trí bằng màu trắng và đỏ. Trên lễ đài, mọi người đều bận đồ trắng, thất ca vát và để đầu trần, trừ một người nhỏ nhắn mặc áo kaki màu sẫm và có cái gì như là cái khăn trùm đầu - đó là Hồ Chí Minh.

Nhưng không phải chỉ có người Việt Nam mới không quen thuộc với cái tên đó đâu. Ngay cả đến cơ quan Bộ Ngoại giao chúng ta ở Côn Minh và Trùng Khánh cũng không biết gì về vấn đề này, mặc dầu là đã có nhiều báo cáo cụ thể của tôi. Một tháng sau, khi đọc một công văn của Sprouse, lãnh sự ở Côn Minh, tôi ngạc nhiên thấy còn nói đến "Hồ Chí Minh". Lúc đó ai cũng nghĩ rằng đã biết tên thật của ông Hồ.

Một tiếng trong loa phóng thanh nổi lên phá vỡ sự im lặng, giới thiệu ông Hồ là người giải phóng, vị cứu tinh của dân tộc. Quân chúng được hướng dẫn của các đảng viên, lên tiếng hát và trong mấy phút liền hô vang "Độc lập". Ông Hồ đứng yên mỉm cười, nhỏ nhắn trong tâm cỡ, nhưng vĩ đại trong sự hoan hô của nhân dân ông. Ông giơ tay ra hiệu im lặng và bắt đầu đọc bản tuyên ngôn, nay thành nổi tiếng của ông với những lời:

"Mọi người sinh ra đều bình đẳng. Tạo hóa đã ban cho ta những quyền bất khả xâm phạm; quyền sống, quyền được tự do, và quyền được hưởng hạnh phúc".

Ông Hồ dừng lại đột ngột và hỏi người nghe: "Đồng bào có nghe rõ tôi không?". Quân chúng hô vang đáp lại: "Rõ!" Thực là một nghệ thuật diễn thuyết bậc thầy. Từ lúc đó, quân chúng lắng nghe nắm lấy từng lời. Chúng tôi không hiểu ông Hồ đã nói gì. Lê Xuân phải cố gắng lắm để dịch nhưng cũng rất khó khăn. Nhưng cứ nghe giọng nói của ông Hồ, bình tĩnh và rõ ràng, ấm cúng và thân mật và nghe thấy được quân chúng trả lời thì chúng tôi còn nghi ngờ gì nữa là ông đã thấu tới quân chúng.

Ông Hồ tiếp tục:

"Những lời nói bất hủ này là từ trong bản Tuyên ngôn Độc lập của nước Mỹ năm 1776. Nói rộng ra điều đó có nghĩa là: Tất cả nhân dân trên trái đất này sinh ra đều bình đẳng; mọi dân tộc đều có quyền sống; hưởng hạnh phúc và được tự do".

Sau đó, quay về bản Tuyên ngôn của cách mạng Pháp năm 1791, nói về quyền con người và quyền công dân, ông Hồ nói: "Bản tuyên ngôn đã công bố người ta sinh ra phải được tự do và có quyền bình đẳng. Đó là những chân lý không thể chối cãi được".

Đến khoảng hai giờ, ông Hồ kết thúc bản tuyên ngôn và tiếp sau đó là ông Võ Nguyên Giáp nói về vai trò của Việt Nam, nhấn mạnh vào công

tác của Đảng trong lãnh vực chính trị - quân sự, phát triển kinh tế xã hội, chương trình giáo dục và văn hoá. Trong các vấn đề quan hệ đối ngoại, ông Giáp đã vạch ra rằng Mỹ và Trung Quốc là những đồng minh ủng hộ cuộc đấu tranh giành độc lập của Việt Nam. Sau bài diễn văn, các bộ trưởng mới được chỉ định, từng người một được giới thiệu ra mắt nhân dân. Buổi lễ kết thúc bằng việc các bộ trưởng tuyên bố nguyện trung thành và triệt để ủng hộ Chính phủ dân chủ cộng hòa lâm thời Việt Nam.

Mãi đến tận khuya hôm đó, báo chí địa phương mới cung cấp cho chúng tôi một bản nguyên văn lời tuyên bố của ông Hồ, chúng tôi dịch và chuyển ngay bằng điện đài cho Côn Minh. Tôi cũng gửi kèm theo bằng đường hàng không bài tường thuật và nhận định của tôi...

Sau khi các phần thủ tục kết thúc, chúng tôi cũng phải mất đến ba mươi phút mới tìm đường ra khỏi được nơi tập trung. Nhờ đi tắt qua khu vực Thành được dành riêng, tránh được những phố đầy người, nên chúng tôi trở về nhà Gauthier đúng vào giờ bữa cơm chiều. Tôi đã mời tất cả người Mỹ ở Hà Nội đến cơ quan OSS để tham dự ngày lễ "mười bốn tháng bảy"¹ lặng lẽ và không pháo hoa của người Việt Nam. Để đề phòng những chuyện xung đột có thể xảy ra giữa những người Việt Nam vui mừng hớn hở và người Pháp tuyệt vọng và để giữ cho người Mỹ tránh khỏi các cuộc hỗn loạn, tôi đã yêu cầu đại tá Not-ling-gơ và đại úy Me-kay, thủ trưởng toán AGAS, cùng với cả nhóm, đến ăn cơm cùng với chúng tôi...

1. "Mười bốn tháng bảy" - Ngày Quốc khánh nước Pháp.

VỀ TRUYỆN ĐẢ KÍCH VÀ THƠ TRỮ TÌNH CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

M. TKÁT-SỐP
(Nga)

Đã nhiều lần, Chủ tịch Hồ Chí Minh tiếp các nhà văn Liên Xô ở Hà Nội. Cũng như tất cả những ai đã gặp Người, trong những cuộc gặp gỡ ấy, chúng tôi được tiếp xúc với một tâm hồn hết sức phong phú, một con người khiêm tốn, giản dị, làm cho người ta phải ngạc nhiên, thấy những điều phỏng đoán của mình trước khi gặp Người không còn đúng nữa. Chúng tôi được gặp một con người hoạt bát, giàu ước mơ... Sau mỗi ngày làm việc căng thẳng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đến với mọi người, từ người bạn chiến đấu trong Đảng đến người nông dân, người công nhân. Do vậy, Người hiểu tường tận về họ và công việc của họ, lời Người nói thường đi thẳng vào trái tim họ.

Có lẽ, trong một chừng mực nào đấy, chúng ta cũng đoán được những phẩm chất này của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã được hình thành như thế nào dưới mái tranh đơn giản, trong một căn nhà với đồ đạc sơ sài ở làng Kim Liên cách thành phố Vinh không xa lắm, nơi thân sinh Người đã ở, nơi Người sống thời thơ ấu. Thân phụ Chủ tịch Hồ Chí Minh là người có học. Kiến thức của ông được xác nhận ở các khoa thi truyền thống hồi bấy giờ là điều kiện tốt để ông có thể làm quan. Nhưng chả lẽ làm quan cho thực dân ở nước thuộc địa là Việt Nam mình? Ông không muốn. Ông đem kiến thức truyền lại cho con. Ở làng Kim Liên những năm trước đây, chúng ta có thể gặp những cụ già có phong thái giống Chủ tịch Hồ Chí Minh. Các cụ nhớ rõ về Người hồi niên thiếu, và có thể dẫn ta đến nơi Người đã từng ngồi hàng giờ xem bác thợ rèn làm việc, dẫn ta đến bên một lũy tre, bên một cái giếng trong mát, nơi trẻ con thôn xóm thường hay tụ tập. Các cụ già đã sống trong những mái tranh ở đấy, và con cháu họ cũng như họ ngày trước, trồng cấy trên những cánh đồng....

Chính mái tranh sơ sài này của những người nông dân làm tôi nhớ lại, lần đầu tiên, qua hàng cây râm mát, tôi nhìn thấy căn nhà sàn người

ta dựng cho Chủ tịch Hồ Chí Minh theo yêu cầu của Người. Căn nhà sàn ở Hà Nội, trong một khu vườn có dinh toàn quyền ngày trước, nay là Phủ Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Tại Phủ Chủ tịch sẽ diễn ra nghi lễ của những cuộc tiếp khách chính thức. Nhưng Chủ tịch Hồ Chí Minh ở và làm việc trong nhà sàn. Tại đây, mọi thứ đều bình dị, đơn giản - sự đơn giản đã trở thành phương châm trong cuộc sống của Người. Bất giác, tôi đi chậm lại. Tôi nghĩ đến con đường dài, bắt đầu từ cửa ngõ căn nhà tranh làng Kim Liên, qua bao nhiêu chông gai, ghềnh thác, đến những bậc thang của căn nhà sàn giản dị, như một sự thách thức trước dinh toàn quyền to cao. Con đường ấy đã xuyên qua các đại dương, các lục địa, qua bao nhiêu quốc gia.

Năm 1911, đồng chí Hồ Chí Minh đi làm thuê, giúp việc nấu ăn trên một chiếc tàu thuỷ của Pháp, khởi hành từ Sài Gòn, ba mươi năm sau mới trở lại đất nước thân yêu một cách bất hợp pháp, ở một vùng núi thuộc biên giới phía Bắc. Năm 1942, Người lại từ già Việt Nam, đến năm 1944 trở về, chuẩn bị lãnh đạo tổng khởi nghĩa vũ trang.

Chúng ta sẽ không nói lại ở đây tiểu sử Chủ tịch Hồ Chí Minh. Mọi người đều đã biết. Chỉ xin nhắc lại rằng một cái đích trên cuộc hành trình dài đặc ấy là, trong gió tuyết tháng giêng Mát-xcơ-va năm 1924, cùng với người dân Liên Xô và những người cộng sản khắp nơi trên thế giới, Người đã đi sau linh cữu Lê-nin, người thấy bao nhiêu lần Người ước ao được gặp mặt. Chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ đến đất nước chúng ta một lần ấy. Người đã từng học ở trường quốc tế Lê-nin, và tham gia công tác của các tổ chức cộng sản. Thấy được những gì đã xảy ra ở nhà nước đầu tiên trên thế giới thật sự là nhà nước của người lao động, để tuyên truyền cho nó, Người viết *Nhật ký chìm tàu*, kể chuyện một người Việt Nam, một người châu Âu, một người châu Phi - ba người bị đắm tàu, rồi được đưa đến nước Nga Xô-viết, thấy nền cộng hoà ở đây đã được sinh ra như thế nào sau Cách mạng tháng Mười. Tác phẩm này đã lưu truyền bí mật ở Việt Nam...

Sỏi khê lạo xạo dưới chân. Căn nhà sàn bằng gỗ mỗi lúc một gần. Đã thấy dáng một ông cụ cúi xuống bên trong cửa sổ. Tiếng đánh máy chữ lách tách chìm vào khu vườn yêu tinh. Chủ tịch ngẩng lên nhìn thấy chúng tôi, mỉm cười. Người đứng dậy, nhưng chắc chưa đánh xong một câu nào đó, Người lại ngồi xuống một chút, rồi đi ra cửa đón chúng tôi.

Chúng tôi để giày dưới chân thang, bước lên nhà sàn, như vào một căn nhà nào ở nông thôn Việt Nam vậy.

Một chiếc bàn làm việc kê sát tường, cạnh cửa sổ. Phía trên là giá sách.

Trên bàn có đặt chiếc máy chữ dùng đã lâu, máy tờ báo Việt Nam và nước ngoài, trong đó có tờ *Sự thật* và *Tin tức* của chúng ta. Tôi cũng thấy trên giá có sách tiếng Nga, hai cuốn của Lê-nin và tập bản đồ thế giới đã cũ được đánh dấu ở mấy trang. Đồng chí Hồ Chí Minh nhìn chúng tôi, nói:

- Sách ở đây ít thôi. Đó là "thức ăn" để tôi làm việc - Rồi Người cười, nói thêm - Kể ra, sách cũng nhiều, nhưng thỉnh thoảng tôi mới đọc được. Kể cả sách của các nhà văn - Người lại cười.

- Nhưng còn sách do Bác viết nữa chứ ạ? - Tôi hỏi.

Người xua tay và nói luôn bằng tiếng Nga:

- Không... Tôi chỉ là một nhà văn... bất đắc dĩ!

Mọi người đều cười...

Tôi đã được thấy Chủ tịch Hồ Chí Minh trong những cuộc tiếp khách chính thức ở Phủ Chủ tịch. Tất nhiên là ở đây, Người cư xử khác. Nhưng hôm nay... Tôi nghĩ tính hài hước của Người, những lối đùa vui hóm hỉnh và thâm thúy của Người, chắc chắn là Người đã có từ thời trẻ, khi viết những truyện châm biếm, đả kích đầu tiên. Sau này, chú ý nhìn kỹ những bức ảnh, những chân dung Chủ tịch Hồ Chí Minh, chụp và vẽ vào những năm hai mươi, tôi lại thấy sự nghiêm trang, khắc khổ hiện trên khuôn mặt Người; quả thật, lúc bấy giờ Người sống rất chật vật. Còn những gì là tinh anh thì ẩn trong khoé mắt, với đôi môi thường giấu kín một nụ cười.

Bây giờ, ta hãy nói qua về các truyện đả kích. Đây là lần đầu, bạn đọc tiếng Nga làm quen với chúng. Trong những truyện này, có nhiều lối đả kích sâu cay. (Ta không nên quên rằng đồng chí Hồ Chí Minh viết những truyện này không phải bằng tiếng mẹ đẻ, mà bằng tiếng Pháp). *Lời than vãn của bà Trưng Trắc* kết hợp cả chất bi và chất hài. Người con gái anh hùng của Việt Nam ngày xưa đã hiện về trước tên vua của triều đình nhà Nguyễn, chế độ phong kiến cuối cùng sẽ bị Cách mạng tháng Tám năm 1945 lật đổ. (Chủ tịch Hồ Chí Minh lưu ý người đọc châu Âu lúc bấy giờ: dưới ách thống trị của thực dân Pháp, đất nước Người bị gọi là An-nam, còn người Việt Nam gọi là A-na-mít!). Vị anh hùng quả mẫn tên bán nước, làm cho hấn phải kinh hoàng trước bóng

dáng mình. Tác giả so sánh sự hèn nhát của tên vua (về hấn, Người còn viết vở kịch *Con rồng tre*) với Hăm-lét của Sếch-xpia. Chủ tịch Hồ Chí Minh hiểu biết về Sếch-xpia. Người đã đọc một số tác phẩm của văn hào qua tiếng Anh. Có thể, trong truyện này của Người, có ảnh hưởng đôi chút của Sếch-xpia. Song, tôi cứ nghĩ, những gì mà truyện đề cập rất gần với những tác phẩm cổ điển Việt Nam.

Hãy lấy một thí dụ, trong bài văn dài của thi hào Nguyễn Du (1765-1820): *Văn chiêu hồn* (tức *Văn tế thập loại chúng sinh*) có đầy những bóng dáng, những oan hồn người chết, bằng chứng hùng hồn về nỗi bất hạnh và sự bất công trong cuộc sống con người. Ngay cả khi ông tả phong cảnh, cái tối tăm, ảm đạm cũng hiện ra bức bối lạ thường. Ở những dòng đầu, ta đã đọc của Nguyễn Du:

Đường bạch dương bóng chiều man mác

Dịp đường lê lác đặc sương sa

hay: *Trong trường dạ tối tăm trời đất*

Xót khôn thiêng phảng phất u minh

Chính vì vậy Nguyễn Du được mọi người Việt Nam yêu mến. Tôi nhớ hôm ấy, trong căn nhà sàn, Chủ tịch Hồ Chí Minh còn nói: Người thường đọc lại tác phẩm Nguyễn Du, học ở thi hào tính nhân đạo và nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ... Những tư tưởng và thủ pháp nghệ thuật này đã được thể hiện một phần trong *Lời than vãn của bà Trưng Trắc* phản ánh một sự thực lịch sử.

Chúng ta biết, trong những truyện cổ Việt Nam, nhà vua thường là người anh hùng nổi tiếng với những sự tích thần kỳ; đó là một cốt truyện rất phổ biến. Đến Chủ tịch Hồ Chí Minh, trong truyện của Người có thêm chất trào phúng: người nữ vương có công với nước vẫn là anh hùng dân tộc, còn tên vua bù nhìn thì hiện ra với một thân hình thật là thảm hại.

Chủ tịch Hồ Chí Minh còn kết hợp chất bi và chất hài trong một truyện đả kích khác: *Những trò lố hay Va-ren và Phan Bội Châu*. Tác giả đối lập người chiến sĩ đấu tranh cho tự do của Việt Nam là Phan Bội Châu với Va-ren, một đảng viên Đảng Xã hội, người giữ cương vị cao của nhà nước, phản bội lại quyền lợi công nhân. Việc Va-ren phản bội không phải hiện tượng ngẫu nhiên, mà là kết quả tất yếu của sự thoả hiệp giai cấp cộng với sự phản bội. (Chúng ta chú ý, truyện đả kích này là loại

truyện đầu tiên mà những người dân thuộc địa được đọc). Và cái mẫu người Va-ren với những người cộng sự đáng khinh của hắn, cùng tất cả những gì thuộc về chúng đã tiêu biểu khá đầy đủ cho một kiểu chính khách thời nay: ba hoa về sự giải phóng người lao động nói riêng cũng như giải phóng con người nói chung. Chúng là những kẻ "đốt cháy những cái mà mình đã tôn thờ, và đang tôn thờ những cái mà mình đã đốt cháy".

Truyện thứ ba: *Vi hành*, là một truyện vừa duyên dáng, vừa mỉa mai, chế giễu những cố gắng vô ích, không chỉ của bọn thực dân "biết làm đom", mà cả bọn tư sản hèn hạ đang ở trong vũng bùn làm sa lầy một mẫu quốc "trí thức và văn minh".

Tưởng cũng nên nói thêm, ba truyện này chỉ là một phần nhỏ trong di sản văn chính luận của Chủ tịch Hồ Chí Minh, mà bạn đọc tiếng Nga đã làm quen ở những lần in trước.

*
* *

Thơ Chủ tịch Hồ Chí Minh gắn liền với văn chính luận của Người. Khi tôi hỏi Chủ tịch rằng, người Việt Nam rất yêu thơ, và Chủ tịch thường hay làm thơ chính trị, mà hình thức thơ chính trị phải như thế nào để hấp dẫn người đọc, làm sao để thơ tăng được sức thuyết phục. Người nói:

- Đồng chí nói đúng. Tôi vẫn nghĩ thơ và chính trị không thể tách rời - Người ngừng một chút rồi thêm - Còn, có phải thơ chính trị không "cao quý"?

Và đó không phải là loại mà người làm thơ có thể viết hay? Có phải nhà thơ không cần làm những bài thơ liên quan đến việc đấu tranh với những cái xấu? Không, không thể thế được. Tôi cho rằng, không nghĩ ngờ gì cả, cũng như các ngành nghệ thuật khác, thơ phải gắn bó với sự nghiệp cách mạng; đó là điều khẳng định. Và những gì đặt ra chung quanh chuyện này có quan hệ đến nhân cách nhà thơ.

Sau đó, Người lại ngừng một chút, rồi nói: Tự mỗi nhà thơ nên nghiêm khắc, không thể xem thường...

Bấy giờ, tôi không dám bắm thêm gì với Chủ tịch. Hôm nay, đọc lại bản in thử quyển sách tiếng Nga chọn lọc một số tác phẩm văn học của Chủ tịch Hồ Chí Minh sắp ra đời, tôi muốn nhắc lại lời nói đầu của

Pa-ven Gri-gô-ri-ê-vích An-tô-côn-xki, về những bài thơ trong tù của Chủ tịch Hồ Chí Minh mà ông dịch: "Tôi cảm thấy Người luôn luôn giữ vững quan điểm của mình về việc sáng tạo thi ca". Và tôi nghĩ, ngay từ khi mới gỡ những bài thơ của Chủ tịch Hồ Chí Minh dịch ra tiếng Nga ở đây, bạn đọc cũng đồng tình với An-tô-côn-xki.

Về thơ Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng nên nói thêm một số điều cần thiết. *Nhật ký trong tù* có trên một trăm bài thơ viết vào những năm 1942-1943, hơn một năm Người bị giam ở Trung Quốc trong tình trạng không được xét xử. Người bị buộc tội làm gián điệp, rồi vào nhà tù Quốc dân đảng. Ngày lại ngày, chúng dẫn Người qua từng chặng, hết huyện này đến phố khác. Nhưng người cộng sản kiên cường vẫn giữ được liên lạc. Tháng cuối cùng ở nhà giam, hằng tuần, Người đều nhận tin về Pắc Bó (một vùng núi thuộc tỉnh Cao Bằng), nơi có nhiều đồng chí lãnh đạo Đảng và sáng lập quân đội đang ở. Đồng chí Hồ Chí Minh viết bằng nước cơm bên lề những tờ báo Trung Quốc gửi về Pắc Bó từ Liễu Châu, một thành phố phía nam Trung Quốc. Hơi nóng lên, người ta đọc được những bức thư ngắn đôi khi kèm theo những bài thơ bốn câu ta thấy ở cuối tập *Nhật ký trong tù*. Năm 1960, Nhà xuất bản Văn học ở Hà Nội đã in những bài thơ trong tù của Chủ tịch Hồ Chí Minh thành một quyển sách riêng. Những bài thơ này được dịch từ chữ Hán, một loại văn tự cổ Việt Nam dùng trong sách vở ngày trước, một thứ tiếng "La-tinh" độc đáo ở Viễn Đông, (trong đó có chép nguyên văn những bài thơ chữ Hán). Về quyển sách này, P.G. An-tô-côn-xki đã nói nhiều trong bản dịch của ông. Năm 1978, báo *Nhân dân* lại giới thiệu thêm một số bài thơ của Chủ tịch Hồ Chí Minh, không có ở *Nhật ký trong tù*; hai trong số những bài đó, chúng tôi sẽ giới thiệu ở đây.

Chúng ta còn thấy điều này nữa: khá nhiều thơ của Chủ tịch Hồ Chí Minh là thơ viết cho thiếu nhi. Đời hoạt động cách mạng của Người đã không cho Người được sống trong một gia đình. Cũng như các bậc nhân tù khác. Chủ tịch Hồ Chí Minh rất yêu trẻ. Người thường nói vui rằng tất cả thanh thiếu niên Việt Nam đều là con cháu Người. Đó là sự thật. Người luôn lo nghĩ về nhân dân và thiếu nhi miền Nam, làm thơ gửi thiếu nhi những dịp tết Trung thu, và thường tiếp các cháu. Còn các cháu thì tự gọi mình là "cháu Bác Hồ Chí Minh". Tôi nhớ, có những lần biết tôi được gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh, các cháu đã yêu cầu tôi kể chuyện Bác Hồ.

Về thanh thiếu niên, những người chủ tương lai của đất nước, Chủ tịch còn viết trong *Di chúc* của Người với tình thương yêu và niềm hy vọng...

Trong *Di chúc*, Chủ tịch Hồ Chí Minh tiếc rằng Người làm việc còn ít, Người không phục vụ cách mạng được nhiều hơn nữa. Chủ tịch biết khi Người mất, gánh nặng nhiệm vụ còn đè trên vai nhân dân, và Đảng mà Người sáng lập... Người không được nhìn thấy thắng lợi cuối cùng trong cuộc đấu tranh chống bọn xâm lược Mỹ và bè lũ tay sai của chúng, không được thấy đất nước Việt Nam hoàn toàn thống nhất. Nhưng, trong mỗi thắng lợi của cuộc chiến đấu, cũng như mỗi thành tựu lao động của đồng bào mình, Người đã góp phần xứng đáng. Không phải ngẫu nhiên mà Sài Gòn được mang tên Thành phố Hồ Chí Minh. Người không kịp đi thăm các nước anh em, bè bạn, và cảm ơn sự giúp đỡ của họ đối với Việt Nam...

Bản sao lưu trữ

BA CHAI RƯỢU SÂM BANH

GIĂNG-PHO
(Pháp)

Lời người dịch: *Thư của anh Giăng (Jean) dài hơn thế này. Nhưng tôi không dịch những đoạn nói về tình hình chính trị ở Pháp, chiến tranh ở An-giê-ri, phong trào công nhân và nông dân Pháp.*

Tôi là Giăng-pho, thợ điện, đảng viên Đảng Cộng sản Pháp. Tôi quen biết Đồng chí Nguyễn Ái Quốc từ năm 1920-1921, vì hồi đó chúng tôi cùng trọ một nhà, ở ngõ hẻm Công-poanh.

Đây là khu công nhân nghèo, mà ngõ hẻm lại là nghèo nhất ở khu nghèo này. Gọi là ngõ hẻm, vì nó chỉ có đường vào, không có đường ra. Cả "phố" chỉ vền vện có bốn cái nhà lụp xụp, ba nhà họ cho thiên hạ thuê để đặt xe. Một nhà, tầng dưới là quán cà phê nhỏ, tầng trên có hai cái buồng tôi và anh Nguyễn trọ.

Buồng anh Nguyễn chỉ vừa đặt một cái giường sắt, và một cái bàn con con. Trên bàn có một cái thau, trong thau có một bình nước để rửa mặt. Thế thôi, không có đồ đạc gì khác. Khi anh Nguyễn muốn viết lách, thì phải đút thau và bình xuống gầm giường.

Anh em công nhân khu này sống rất eo hẹp, anh Nguyễn tôi còn sống thanh đạm hơn. Mỗi ngày anh chỉ đi làm thuê buổi sáng cho một xưởng phóng đại ảnh. Trưa về, anh nấu một soong cơm, trên cơm hấp một cái lạp xường hoặc một con cá mè. Anh ăn một nửa, còn một nửa để tối ăn. Cả buổi chiều anh đi xem sách ở Thư viện, hoặc đi hoạt động báo "Người cùng khổ" (Paria) và Hội "Các dân tộc thuộc địa".

Mùa đông giá lạnh, không đủ chăn đắp, trước khi đi làm, anh đặt nhờ một viên gạch trên bếp bà chủ nhà. Tối về, anh gói viên gạch vào một tờ báo, rồi đút vào giường cho đỡ rét cóng. Mỗi tuần, tối thứ hai, anh cùng tôi đi họp chi đoàn Thanh niên cộng sản, vì anh thích tham gia hoạt động với thanh niên. Tối thứ năm, anh đi họp chi bộ Đảng Cộng

sản. Tối thứ bảy, tôi cùng anh đến "câu lạc bộ ngoại ô". Gọi tên nó như thế, là theo truyền thống Đại cách mạng Pháp từ năm 1789. Sự thật thì không phải là một câu lạc bộ chính cống mà cũng không ở ngoại ô. Một người trí thức phái tả tên là Pon-dét có sáng kiến tổ chức "câu lạc bộ" lưu động, mỗi tuần họp một lần, khi họp chỗ này, khi họp nơi khác ở thủ đô Pa-ri. Thường có độ ba trăm người đến dự, đủ các xu hướng chính trị và các tầng lớp xã hội. Đại đa số là công nhân và tiểu tư sản "khai minh". Nhưng, cũng có ông nọ bà kia. Họ thảo luận những vấn đề thời sự, chính trị hoặc văn hóa xã hội. Một người trình bày vấn đề (có chuẩn bị trước). Sau đó, mọi người tự do phát biểu ý kiến.

Cuộc bàn cãi luôn luôn sôi nổi, nhưng rất thân mật.

Mỗi lần họp, anh Nguyễn đều phát biểu ý kiến. Và bất kỳ vấn đề gì, anh cũng khéo lái nó về kết luận lên án thực dân. Mọi ví dụ: Trong một cuộc thảo luận về thuật "thôi miên", sau khi nhiều người nói tin, nhiều người nói không tin, anh Nguyễn xin phát biểu ý kiến. Anh nói: "Tin cũng được, không tin cũng được. Nhưng tôi xin mạn phép nói thật rằng bác sĩ Cu-ê (người thạo giỏi thuật thôi miên) chưa giỏi bằng thực dân Pháp. Mỗi năm, với hàng nghìn tấn thuốc phiện, chúng đang làm cho hàng triệu người Việt Nam ngủ say đến nỗi quên mình là vong quốc nô".

Anh Nguyễn được mọi người hoan nghênh. Vì thái độ anh khiêm tốn và lời lẽ của anh gọn gàng. Lại vì ở câu lạc bộ và có lẽ ở cả Pa-ri chỉ có anh là người Việt Nam dám lên tiếng chống thực dân Pháp. Một kết quả tốt là nhiều người đã đồng tình với anh và trở thành những người tuyên truyền cho cách mạng Việt Nam.

Chữ Pháp thì tôi biết nhiều hơn anh Nguyễn, điều đó không có gì lạ vì tôi là người Pháp. Nhưng xem sách lý luận bằng chữ Pháp, thì nhiều khi tôi phải hỏi anh cắt nghĩa giùm. Tôi không viết báo, mà anh thì biết viết báo và đôi khi viết được tiểu thuyết ngắn nữa. Tiểu thuyết ngắn đầu tiên của anh được đăng lên báo "Nhân đạo" nhan đề là "Pa-ri", tả một cách vừa rõ ràng vừa khôi hài vùng chung quanh ngõ hẻm Công-poanh. Tối nào dù bận công việc gì khuya mấy, anh cũng tranh thủ học tập hai tiếng đồng hồ.

Hồi đó, cách mạng Nga đang chiến đấu cực kỳ anh dũng mà cũng gặp rất nhiều khó khăn. Bọn phản cách mạng nổi loạn khắp nơi, mười bốn nước đế quốc kéo quân đội đến giúp chúng. Mặt khác, bệnh tật và

đói kém hoành hành. Trời rét như cắt mà Hồng quân thiếu áo, thiếu giày. Công nhân làm việc không kể thời giờ, mà mỗi ngày chỉ được vài trăm gam bánh. Thiên hạ ốm lẫn ra, nhưng than không có mà sưởi, thuốc không có mà uống. Lê-nin nói: "Chúng ta phải đánh thắng trên một mặt trận không có máu chảy, tức là đánh thắng đói và rét, bệnh dịch và điều tàn, tối tăm và hồng nát".

Đảng Cộng sản và Tổng công hội Pháp vận động quyền góp để giúp cách mạng Nga. Nhân dân lao động Pháp tham gia rất hăng hái. Anh Nguyễn thì vận động những công nhân Việt Nam ở Pa-ri quyền giày cũ, áo cũ. Anh góp vào bao tải mang về cho "Hội lạc quyền". Không có gì để quyền giúp, anh Nguyễn phóng đại ảnh Giô-rét mang đến những cuộc mít tinh đông người bán đấu giá, để lấy tiền quyền. Giá thành mỗi bức ảnh một đồng phơ-răng, mà bán được vài chục đồng.

Những năm đó, thủ tướng Pháp là Poanh-ca-rê, trùu phản động trong nước và trên thế giới. Y là một trong những thủ lĩnh tích cực chủ trương đánh Liên Xô và đàn áp phong trào cộng sản. Trong cuộc tổng tuyển cử ở Pháp, y cho dân khắp cả nước một thứ áp phích to tướng, phía dưới đề mấy chữ: "Bôn-sê-vích, kẻ ngậm dao giết người". Nội dung bức vẽ: một người Bôn-sê-vích mặt mũi rất gớm ghiếc, miệng ngậm con dao đầy máu me, một tay cầm bó đuốc đốt nhà, một tay xách một cái đầu phụ nữ... Xa xa đằng sau là những thân người bị giết và những ngôi nhà đang cháy... Tuy vậy, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, giai cấp công nhân Pháp đấu tranh rất hăng. Nhiều lãnh tụ của Đảng như cụ già Ca-sanh, đồng chí V.Cu-tuy-ri-ê, v.v... bị bắt, bị giam.

Cũng trong thời kỳ ấy, luôn luôn có hai tên mật thám đi kèm anh Nguyễn như bóng theo người. Những khi anh đi họp chi bộ hoặc tham gia mít tinh, thì chúng đứng chờ đằng xa, không dám lại gần, chúng sợ bị công nhân đả.

Mỗi sáng chủ nhật, tôi cùng anh Nguyễn đi thăm các nhà máy, các viện bảo tàng, hoặc đi xem danh lam cổ tích, do hội "Mỹ thuật và khoa học" tổ chức. Anh nói: "Đi xem là một cách tiêu khiển rất bổ ích, nó làm cho đầu óc thư thái và tâm con mắt được mở rộng". Anh bảo tôi rủ Mác-gô cùng đi. Mác-gô là người yêu của tôi, cô ta kính mến anh Nguyễn như anh ruột. Mỗi lúc đến thăm tôi, Mác-gô thường giặt giũ, vá áo giùm anh Nguyễn. Có lần Mác-gô ứa nước mắt và bảo tôi: "Đồng chí

Nguyễn ăn uống kham khổ, mặt mày xanh xao, làm việc lại nhiều. Anh nên tìm cách giúp đỡ đồng chí ấy một cách kín đáo...".

Cuối năm 1923, tôi đổi chỗ làm và không ở chung với anh Nguyễn nữa. Nhưng chủ nhật nào tôi và Mác-gô cũng đến thăm anh. Bỗng hai chủ nhật liền không gặp anh. Hỏi bà chủ nhà, bà không biết anh đi đâu. Hỏi báo "Người cùng khổ" và báo "Nhân đạo" cũng không ai biết. Chúng tôi rất lo: Có lẽ bọn thực dân Pháp đã giở trò gì với anh chăng? Mác-gô rất buồn bã... Lâu về sau báo "Nhân đạo" đăng tin Đại hội lần thứ năm Quốc tế Cộng sản, trong đó có lời phát biểu của anh Nguyễn. Vợ chồng tôi rất vui mừng được biết người bạn thân của mình được bình an đến xứ sở Cách mạng tháng Mười.

Năm 1930, nghe tin Đảng Cộng sản thành lập ở Việt Nam, chúng tôi lại một lần nữa vui mừng thấy tên anh Nguyễn. Cách ít lâu thì nghe tin anh bị bắt ở Hương Cảng, rồi có tin đồn anh đã chết trong tù. Suốt mấy hôm Mác-gô đã khóc nức nở. Cách vài năm sau, đồng chí V.Cu-tuy-ri-ê đi Trung Quốc về, nói có gặp anh ở Thượng Hải, vợ chồng tôi lại vui mừng.

Sau năm 1940, nước Pháp bị phát xít Đức chiếm đóng, Mác-gô bị bắt đưa sang Đức làm nô lệ, sau trốn về nước. Hai vợ chồng tôi đi ra bưng biển.

Phát xít Đức, Ý, Nhật bị đánh tan. Liên Xô và Đồng minh đại thắng lợi. Cách mạng tháng Tám Việt Nam thành công. Chúng tôi tin chắc sẽ thấy tên anh Nguyễn, nhưng theo dõi mãi mà không thấy, chúng tôi hơi thất vọng.

Tháng 7 năm 1946, được tin Chủ tịch Việt Nam dân chủ cộng hòa là Hồ Chí Minh sang thăm Pháp. Mác-gô cùng tôi đến đón ở trường bay Pa-ri, mong sẽ gặp anh Nguyễn trong đám người cùng đi với Hồ Chủ tịch. Nào ngờ Hồ Chủ tịch chính là anh Nguyễn Ái Quốc của chúng tôi, chỉ khác là bây giờ có bộ râu.

Chúng tôi mừng quýnh lên, xô đẩy mọi người, hồng chạy đến ôm hôn người đồng chí yêu quý, nhưng bị hàng rào danh dự ngăn lại!

Chiều hôm đó, vợ chồng tôi mở một chai sâm banh chúc sức khỏe đồng chí Nguyễn - Hồ Chủ tịch.

Bọn đế quốc thật là đê tiện. Chúng vừa mới linh đình hoan nghênh Hồ Chủ tịch, mấy tháng sau chúng đã gây chiến tranh bắn thủ chống Việt Nam. Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, công nhân và thanh niên Pháp tổ chức phong trào chống chiến tranh thuộc địa và ủng hộ cuộc kháng chiến của Việt Nam.

Tin Điện Biên Phủ đến với bọn thực dân Pháp như sét đánh ngang tai. Nhưng công nhân và thanh niên Pháp thì coi đó cũng là một thắng lợi to lớn của họ.

Lần này là lần thứ hai Mác-gô đến Ngân hàng lấy tiền tiết kiệm mua một chai sâm banh để chúc mừng thắng lợi của đồng chí Nguyễn - Hồ Chủ tịch và của nhân dân Việt Nam anh hùng.

Năm nay Hồ Chủ tịch - trong tâm trí chúng tôi, vẫn là đồng chí Nguyễn Ái Quốc siêng năng, khiêm tốn và đáng yêu của chúng tôi như bốn mươi năm về trước - 70 tuổi; Mác-gô, tôi và hai cháu bé đã thông qua nghị quyết mở một chai sâm banh nữa để chúc thọ Người.

Bản sao lưu trữ

TRONG NGÕ HẸP CÔNG-POANH

GIAM-MÔ*

Nhà số 9, ngõ Công-poanh này là nhà riêng của mẹ chồng tôi. Bà cụ xây cất ngôi nhà này từ thế kỷ thứ XIX. Nhà có ba cửa ra vào: một cửa chính, một cửa ngách và một cửa bước thẳng vào sân trong. Nhà nằm trong một ngõ cụt, thuộc một khu phố nghèo của Pa-ri. Sau chiến tranh thế giới thứ nhất, mẹ chồng tôi mở nhà trọ. Cửa vào nhà hồi đó trông xấu xí, phía dưới bằng gỗ, trên lắp kính. Trong sân có một đàn gà chạy kiếm thức ăn.

Trong số những người ở trọ nhà tôi lúc bấy giờ có một người thanh niên châu Á. Mẹ chồng tôi là chủ nhà, biết rõ tên của anh thanh niên ấy. Còn tôi, tôi thấy tên anh rất khó đọc và khó nhớ. Chúng tôi trong nhà quen gọi anh là "anh Trung Quốc" vì tưởng anh là người Trung Quốc. "Anh Trung Quốc" ở tầng gác hai. Buồng anh mỗi bề 3 mét nhìn xuống ngõ. Thời đó, ngõ nhà chúng tôi không có điện. Mãi đến năm 1930 mới có điện. Tối đến người ta thắp đèn dầu. Đời sống nhân dân trong ngõ nghèo khổ nhưng mọi người ăn ở với nhau rất tốt. Nhà nọ biết nhà kia, thăm hỏi nhau, giúp đỡ nhau, chơi bời với nhau thân ái, chứ không ích kỷ như xã hội bây giờ, ai biết người nấy, ai sống chết kệ ai.

"Anh Trung Quốc" ở trọ sống rất giản dị và hết sức đúng đắn. Khi nào người làm trong nhà đi vắng, mẹ chồng tôi thường sai tôi vào dọn buồng cho "anh Trung Quốc". Những lần như thế tôi mới có dịp thấy buồng ở của anh. Buồng nhỏ, kê vắn vện một cái giường, một cái bàn và một cái tủ. Trong buồng có chậu rửa mặt, nhưng vòi nước thì ở ngoài đầu cầu thang. Lò sưởi không có, mà mùa đông ở Pa-ri thì rất lạnh. Tôi nhớ rõ một lần tôi gõ cửa buồng anh để vào dọn dẹp. Anh chào tôi và bảo tôi:

* Cụ bà Giam-mô (Jammot) sinh năm 1907, chồng làm nghề trang trí trần nhà. Bà là con dâu cụ quả phụ Giam-mô là chủ chính có nhà số 9, ngõ Công-poanh, Pa-ri, cho thuê trong những năm 1920 khi đồng chí Nguyễn Ái Quốc đến ở trọ nhà cụ.

"Bà Giam-mô, bà cứ để đấy cho tôi. Tôi không muốn phiền bà. Bà để tôi làm lấy được". Tôi thấy anh mặc quần áo ngủ và anh đang ngồi làm việc gần cửa sổ. Cửa mở, sợ gió lùa, tôi định đóng lại thì anh ngăn: "Bà Giam-mô, bà cứ để như thế cho. Không sao cả. Xin cảm ơn bà". Có lần tôi vào buồng anh để thay đồ trải giường cho anh thì gặp anh đang ngồi ăn cơm. Tôi thấy anh tay cầm bát cơm, tay cầm đũa. Anh nấu cơm lấy bằng cái bếp cồn để ở góc buồng. Anh chào tôi và nói: "Cám ơn bà Giam-mô. Tốt lắm. Cám ơn bà". Một lần khác bước vào buồng, tôi thấy anh đang ngồi viết và lại thấy anh bảo: "Bà Giam-mô, bà cứ để tôi làm lấy, tôi không dám phiền bà. Cám ơn bà".

Vải trải giường trong buồng anh do nhà trọ cung cấp và thay đổi, nhưng quần áo của anh thì anh tự giặt lấy. Anh ăn ở ngăn nắp, trật tự, không làm âm ỉ bao giờ và mẹ chồng tôi suốt mấy năm trời anh ở trọ không hề than phiền một câu nào về anh. Gia đình tôi đều nhận xét anh là người lịch sự, biết điều, đứng đắn và là một thanh niên nước ngoài rất nghèo. Hàng ngày anh đi làm ở đâu chúng tôi không biết rõ. Bao giờ cũng thế, anh xuống thang, tìm trong hộp thư ở chân cầu thang xem có thư từ, báo chí gì người ta gửi cho anh không, rồi anh đi cửa ngách bên để ra phố. Đi đâu về anh lại tìm thư từ, báo chí trong hộp rồi mới lên buồng. Gia đình chúng tôi hồi đó ở tầng một, cho nên hàng ngày anh đi về chúng tôi đều thấy. Có ngày cả hai buổi không thấy anh ra phố, chúng tôi lên buồng anh để hỏi thăm. Tôi cho rằng thời trước người ta sống có tình thương yêu đùm bọc nhau hơn thời nay ở cái đất Pa-ri này. Điều đặc biệt là tôi không thấy anh tiếp khách hay tiếp bạn bè trong buồng anh bao giờ.

Bỗng một hôm "anh Trung Quốc" từ già nhà số 9 ngõ Công-poanh của chúng tôi đi đâu chúng tôi không rõ. Chúng tôi thương anh thanh niên ấy sống thanh bạch đến thế là cùng. Rồi tới năm 1946, tôi nhớ rõ một hôm có nhiều nhà nhiếp ảnh đến chụp ảnh sân nhà, tôi và căn nhà tôi ở. Và hôm đó tôi đến làm ở Sở tôi là cơ quan Cứu tế Pháp, các bạn đồng sự của tôi đưa báo cho tôi xem ảnh chụp ngôi nhà số 9 ngõ Công-poanh của tôi và ảnh một vị Chủ tịch nước. Tôi nhìn ảnh và reo lên: "Ô! Đây là người đã ở trọ nhà tôi cách đây hơn hai mươi năm. Tôi nhận ra được rồi. Thì ra anh thanh niên châu Á ở nhà tôi hồi đó là Chủ tịch Hồ Chí Minh của nước Việt Nam ngày nay! Chủ tịch Hồ Chí Minh trở lại

nước Pháp!". Các bạn cùng Sở nói đùa với tôi: "Này bà Giam-mô, còn đợi gì nữa. Ông ấy làm đến Chủ tịch nước, liệu nói với ông ấy một tiếng xin một việc làm lương cao hơn!". Riêng tôi thì chưa hết ngạc nhiên và vui mừng thấy người thanh niên sống nghèo khổ ở ngõ Công-poanh trở thành người đứng đầu toàn bộ nước Việt Nam. Từ đó, năm nào cũng có nhiều người, Việt Nam có, Pháp có, nước ngoài có, đến thăm nhà tôi, thăm nơi ở cũ của Hồ Chủ tịch và hỏi chuyện về đời sống của Chủ tịch ở nhà số 9 ngõ Công-poanh. Gia đình Giam-mô chúng tôi không ngờ có vinh dự được giữ lại một kỷ niệm trong đời hoạt động cách mạng của Hồ Chủ tịch.

Một ngày tháng 9-1969, nhiều nhà báo Pháp và nước ngoài liên tiếp đổ về nhà tôi và đứng dưới sân hỏi dồn dập: "Bà Giam-mô đâu? Chúng tôi cần gặp bà Giam-mô. Chúng tôi yêu cầu phỏng vấn cấp tốc bà Giam-mô!". Rồi họ chụp ảnh, chụp cửa ngoài, cửa trong, chụp buồng ở cũ của Hồ Chủ tịch. Lúc đó tôi mới biết tin đau đớn là Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từ trần hôm trước ở Hà Nội. Tôi bàng hoàng, sửng sốt và xúc động như có một người thân trong gia đình vừa mất. Một con người cách mạng đã qua đời, một con người sống giản dị từ lúc thanh niên cho đến khi nhiều tuổi, và đến giây phút cuối cùng của cuộc đời. Đây là một tổn thất lớn đối với chúng tôi.

NGƯỜI KHÁCH BUỔI SỚM

*GIỜ-NƠ-VI-E-VƠ TA-BU-I**

Đạo ấy vào năm 1919, năm đầu tiên sau chiến tranh và là năm của Hội nghị hoà bình. Lúc đó tôi mới 20 tuổi. Bố mẹ tôi trước đó bắt tôi đi học Trường bảo tàng Lu-vơ là một trường học lớn chuyên đào tạo những người khảo cổ và những người sau vào làm việc cho bảo tàng Lơ Lu-vơ. Tôi ở với mẹ tôi ở nhà số 6, phố Đô-bi-nhi, trung tâm Pa-ri. Nhà tôi ở gác hai ăn thông sang nhà người cậu tôi ở cùng tầng gác. Cậu tôi là Giuyn Căm-bông, đại sứ của chính phủ Pháp. Cậu tôi ở hai buồng, một buồng ở gác hai và một buồng làm bàn giấy ở tầng một dưới nhà. Chiến tranh thế giới thứ nhất làm chết nhiều người. Những người thư ký giúp việc cậu tôi xong chiến tranh vẫn chưa thấy trở lại làm việc. Cậu Giuyn Căm-bông nói với mẹ tôi:

- Chắc họ không đến làm nữa đâu. Chị cho cháu Giờ-nơ-vi-e-vơ ở nhà giúp việc hộ tôi.

Thế là tôi phải xin phép nghỉ học nhiều tháng để giúp việc thư ký cho cậu tôi. Một buổi sáng, cả nhà chưa dậy, có tiếng chuông reo ngoài cửa. Tôi chạy ra mở cửa. Tôi thấy hiện ra trên ngưỡng cửa một người châu Á, đúng hơn: một người dân Đông Dương, gày gò, đáng mến. Người đó chào tôi và nói:

- Tôi có một "bản trần tình" cần đưa cho đại sứ Căm-bông. Tôi liền mời anh ta vào nhà và vào bàn giấy của đại sứ Căm-bông. Đây là một bàn giấy rất đẹp, trang trí theo kiểu Ăm-pia, mà gia đình chúng tôi hiện còn giữ nguyên như hồi năm 1919. Tôi hỏi khách:

* Cụ bà *Giờ-nơ-vi-e-vơ Ta-bu-i*, làm việc nhiều năm trong giới báo chí Pháp, trong chiến tranh thế giới thứ hai ở Mỹ năm năm, viết báo ở Mỹ, từ cuối năm 1945 trở về Pháp, liên tiếp viết cho các báo "Nước Pháp tự do" (France Libre), "Hy vọng" (L'espoir), "Thông tin" (L'Information).

- Xin lỗi, ông cho tôi hỏi: Ông là ai?

- Thưa cô, tôi là Nguyễn Ái Quốc. Tôi là thợ ảnh. Tôi muốn được gặp đại sứ Căm-bông.

Anh thanh niên Nguyễn Ái Quốc liền cởi một cuộn giấy buộc dây đỏ và giở ra nói:

- Tôi đến đây vì tôi muốn đưa cho đại sứ một "bản trần tình" của toàn thể nhân dân Đông Dương.

Tôi đọc trong tập giấy thấy có một bức thư đề gửi đại sứ Căm-bông: "Thưa Ngài đại sứ Căm-bông, đại diện toàn quyền của nước Pháp tại Hội nghị Véc-xây. Tôi là người đại diện cho nhân dân Đông Dương. Chúng tôi là một dân tộc đang tiến hoá. Chúng tôi đã được hiểu biết nền văn minh của nước Ngài". Kèm theo là một bản yêu sách quan trọng nhờ đại sứ Căm-bông chuyển đến Hội nghị hoà bình Véc-xây. Bản yêu sách đó đòi trả lại tự do cho các tù chính trị Đông Dương bãi bỏ các toà án đặc biệt, tự do báo chí, hội họp, đi ra nước ngoài, học tập, v.v... Cả hai bản đó đều viết bằng tay rất đẹp và thảo bằng một lời văn rất hay.

Tôi nói với ông Nguyễn Ái Quốc:

- Ông viết hay lắm, nhưng ông cậu tôi chưa dậy vì lúc này còn sớm quá.

Ông Nguyễn Ái Quốc ăn mặc chỉnh tề nhưng quần áo hơi cũ. Ông đứng chờ cho tôi đọc xong tập giấy ông đưa rồi nói:

- Vậy thì tôi để những bản này lại và nhờ cô chuyển tận tay cho đại sứ Căm-bông.

- Vâng, ông cứ để đây. Ông để lại cho tôi cả địa chỉ của ông nữa, nếu có kết quả tôi sẽ trả lời ông rõ.

Ông Nguyễn Ái Quốc chào tôi rất lịch sự và ra về.

Khi cậu tôi dậy làm việc, tôi nói lại chuyện ông khách người Việt Nam tới. Cậu tôi bảo tôi đọc cho cậu tôi nghe "bản trần tình" của ông Nguyễn Ái Quốc. Tôi đọc xong rồi đặt lên bàn giấy của cậu tôi. Cậu tôi đọc lại một lần nữa rồi nói:

- Để rồi chuyển tài liệu này cho thủ tướng Clê-măng-xô.

Và cậu Căm-bông tôi đã đưa tài liệu của ông Nguyễn Ái Quốc cho Clê-măng-xô là người cùng cậu tôi và một số người khác đại diện nước Pháp dự Hội nghị hoà bình Véc-xây. Vì sao ông Nguyễn Ái Quốc lúc đó lại tìm đến nhà cậu tôi để đưa bản yêu sách cho Hội nghị Véc-xây. Vì đọc danh sách những đại diện toàn quyền của nước Pháp đi dự Hội nghị

Véc-xây hồi đó, người ta thấy có: Thủ tướng Clê-măng-xô, nhà tài chính lớn Clốt-dơ, người chuyên trách chính sách nội trị là Tác-đi-ơ, Chủ tịch Thượng nghị viện Lê-ông Bốc-gioa và chỉ có một nhà ngoại giao duy nhất là cậu Giuyn Căm-bông của tôi. Giuyn Căm-bông đã từng làm đại sứ của Pháp ở Đức từ năm 1907 đến năm 1914. Có lẽ lúc đó ông Nguyễn Ái Quốc tin rằng đưa cho nhà ngoại giao thì công việc trôi chảy hơn là đưa cho những người không phải là nhà ngoại giao. Ít lâu sau cậu Căm-bông nói với tôi:

- Thật không may cho Nguyễn Ái Quốc. Ở hội nghị người ta bàn đến nhiều nước quá rồi. Hơn nữa ở hội nghị người ta xâu xé các nước thuộc địa và tranh giành ảnh hưởng của nhau trên thế giới, ai nghĩ đến số phận những nước xa xôi ở Viễn Đông. Mà Clê-măng-xô là người không tốt. Cho nên không có kết quả gì.

Tôi nghĩ rằng yêu sách do ông Nguyễn Ái Quốc đưa ra không thành công nhưng cũng có tác dụng là đã nêu lên một vấn đề. Còn ông cậu tôi thì cũng tiếc rằng không giúp được ông Nguyễn Ái Quốc thực hiện nguyện vọng ở Hội nghị Véc-xây, và sau cậu tôi mất ở Thụy Sĩ, thọ 92 tuổi, vào năm 1935.

Đến năm 1946, một phái đoàn của Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa sang Pháp dự Hội nghị Phông-ten-nơ-blô đàm phán với chính phủ Pháp. Và lúc đó tôi mới biết Chủ tịch Hồ Chí Minh chính là ông Nguyễn Ái Quốc 27 năm về trước đã đến nhà tôi ở phố Đô-bi-nhi để nhờ chuyển bản yêu sách của nhân dân Đông Dương cho Hội nghị Véc-xây. Năm 1946, tôi viết báo "Nước Pháp tự do", báo "Hy vọng" và viết nhiều bài về Hội nghị Phông-ten-nơ-blô. Tôi được vinh dự đến dự buổi chiêu đãi do Chủ tịch Hồ Chí Minh tổ chức ở khách sạn Roay-an Mông-xô, Pa-ri. Trong buổi chiêu đãi tôi tiến đến gần chỗ Chủ tịch đứng và tôi chào Chủ tịch. Chủ tịch hỏi tôi công việc làm ăn, cảm ơn tôi và những bài báo đã viết, và Chủ tịch nói với tôi:

- Bà đã giúp đỡ chúng tôi nhiều. Nhưng tiếc thay ở đây còn có những người chưa hiểu vấn đề.

- Thưa Chủ tịch, rồi người ta sẽ hiểu ra.

Hồ Chủ tịch đáp lại ngay:

- Nhưng đến lúc nào người ta mới hiểu ra:

Tôi đã hỏi Hồ Chủ tịch về một số vấn đề và đã được Hồ Chủ tịch giải thích cho biết để viết báo. Hồi đó tôi có liên hệ chặt chẽ với ông

Xanh-tơ-ni và cũng hiểu diễn biến của Hội nghị Phông-ten-nơ-blô. Hồ Chủ tịch đã làm nhiều cho hội nghị và đã tranh thủ được cảm tình của nhiều người ở Pháp. Nếu nước Pháp chấp nhận những đề nghị của Hồ Chủ tịch lúc bấy giờ thì không có những chuyện đáng tiếc đã xảy ra. Một điều tai hại là ông Đờ-gôn đã dùng đô đốc Ti-e-ri Đác-giăng-li-ơ trong việc giải quyết vấn đề Đông Dương. Ông ta là một người khùng khiếp, một người hiếu chiến, một người tồi tệ, đã đầu độc không khí và gây khó khăn cho nhân dân Việt Nam. Tôi biết ông ta từ hội nghị Xăng Phrăng-xi-cô và tôi hiểu bản chất ông ta. Một phần vì thế Hội nghị Phông-ten-nơ-blô không đạt kết quả như mong muốn của nhiều người.

Tôi còn giữ mãi những cảm tưởng tốt về Hồ Chủ tịch. Đây là một con người xuất sắc, lỗi lạc, bình tĩnh, chín chắn, một con người mà chúng ta ai cũng muốn đến xin một lời khuyên.

Bản sao lưu trữ

Ở ĐẠI HỘI TUA

RA-UN LÁC-SÊ*

Năm 18 tuổi tôi đi lính ra trận, tham gia chiến tranh thế giới thứ nhất 1914-1918. Bố tôi là đồ đệ của Giăng Giô-rét đã giải thích cho tôi hiểu chiến tranh để quốc chỉ làm lợi cho bọn tư bản và ních chặt thêm két bạc của chúng. Trước khi chiến tranh kết thúc tôi bị thương nặng, được giải ngũ và từ đó tôi căm thù vô cùng những cuộc chiến tranh do bọn đế quốc gây ra.

Năm 20 tuổi, tôi làm thợ xe lửa ở Xô-muya và lãnh đạo phong trào bãi công của thợ xe lửa ở đây. Lúc đó, chưa có Đảng Cộng sản Pháp, trong công đoàn Pháp có nhiều phân tử xã hội cơ hội chủ nghĩa, cho nên một số người lập ra "Ủy ban công đoàn đỏ". Tôi có chân trong "Ủy ban công đoàn đỏ" tỉnh Men-ê-loa, bao gồm nhiều ngành lao động trong tỉnh. Tháng 8-1920, "Ủy ban công đoàn đỏ" tỉnh tôi và tổ chức "Đoàn thanh niên công đoàn xã hội" cử tôi và hai đồng chí nữa làm đại biểu của tỉnh đi dự đại hội Đảng Xã hội Pháp họp ở thành phố Tua.

Cuối năm 1920, chúng tôi đi đại hội Tua bằng xe lửa. Tới ga có anh em đồng chí ở địa phương ra đón. Ba chúng tôi ở trọ tại nhà đồng chí Rơ-véc-di, thợ xe lửa ở Tua. Đại hội Đảng Xã hội Pháp khai mạc đúng vào dịp lễ Nô-en, ngày 25-12-1920, tại phòng họp lớn của nhà Ma-ne ở Tua. Sau lưng đoàn Chủ tịch đại hội có hai khẩu hiệu lớn: "Giải phóng người lao động là nhiệm vụ của chính người lao động", "Vô sản tất cả các nước, đoàn kết lại". Ngoài hành lang cạnh phòng họp có nơi làm việc của nhân viên Sở bưu điện để phục vụ nhà báo và các đại biểu. Ban nhạc "Tương lai nhân dân" cử bài Quốc tế ca, sau đó một ban đồng ca hát hai

* *Ra-un Lác-sê (Raoul Larcher)* sinh năm 1896, xuất thân là thợ xe lửa, tham gia công tác công đoàn thợ xe lửa Pháp trong nhiều năm, đảng viên Đảng Cộng sản Pháp, tham gia kháng chiến chống Đức, bị phát xít Đức bắt năm 1941, sau chiến tranh thế giới thứ hai lại tham gia hoạt động cách mạng, năm 1951 về hưu trí.

bài ca cách mạng khai mạc phiên đầu tiên của đại hội. Đoàn Chủ tịch đại hội gồm đồng chí Mác-xen Ca-sanh cùng 6, 7 đồng chí khác và chủ tịch danh dự của đại hội là các thủy thủ Pháp làm binh biến trên biển Hắc Hải.

Đại hội đã sống những giờ phút vô cùng sôi nổi. Tôi nhớ nhất lúc Phrốt-xa, tổng thư ký Đảng, đang đọc diễn văn thì nữ đồng chí Cla-ra Dét-kin, chiến sĩ cách mạng nổi tiếng của Đức, đại diện Quốc tế Cộng sản, bước vào đại hội bất chấp sự bao vây, ngăn cấm của cảnh sát Pháp. Một sự kiện nổi bật khác trong đại hội là lúc đoàn Chủ tịch giới thiệu với đại hội đại biểu nhân dân Đông Dương: Đồng chí Nguyễn Ái Quốc. Cả đại hội đứng dậy vỗ tay như sấm ran, hoan hô nhiệt liệt người đồng chí Việt Nam có thân hình cao và gầy, khuôn mặt xương xương. Tôi nhớ rõ khung cảnh hùng tráng của đại hội khi đồng chí thay mặt đoàn Chủ tịch ôm hôn đồng chí Nguyễn Ái Quốc trong tiếng vỗ tay vang dậy.

Hồi ấy phòng họp đại hội chưa có những mi-crô và hệ thống phóng thanh tốt như ngày nay. Đại hội đã lắng nghe đồng chí Nguyễn Ái Quốc tố cáo những sự tàn bạo do thực dân Pháp gây ra ở Đông Dương, tả lại nỗi thống khổ của 20 triệu người Việt Nam (thời đó người ta gọi là "người An Nam") bị đàn áp, khủng bố bóc lột thậm tệ dưới ách đô hộ Pháp, bị bọn thực dân dùng rượu và thuốc phiện đầu độc. Đồng chí nêu lên vấn đề phải đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân Pháp. Sau đó, Gông-đơ trên đoàn Chủ tịch đại hội tuyên bố trước đại hội: "Toàn thể Đảng Xã hội Pháp nhất trí phản đối những tội ác và sự lộng quyền của bọn tư bản ở Đông Dương". Phải nói thêm là đồng chí Nguyễn Ái Quốc lúc ấy nói tiếng Pháp giỏi.

Một vấn đề hết sức quan trọng được thảo luận trong đại hội là vấn đề Đảng Xã hội Pháp có gia nhập Đệ tam Quốc tế hay không? Lúc đó trong đảng có nhiều khuynh hướng mâu thuẫn nhau và các đại biểu trong đại hội ngồi theo khuynh hướng, những người cùng quan điểm ngồi cạnh nhau. Đồng chí Nguyễn Ái Quốc lúc đó ngồi ở phía trái của phòng họp, nhìn từ trên đoàn Chủ tịch nhìn xuống. Bàn các đại biểu xếp theo chiều dọc phòng họp chứ không xếp theo chiều ngang. Đồng chí Nguyễn Ái Quốc ngồi ở dãy bàn thứ hai kể từ trái và ngồi cạnh đồng chí Pôn Vay-ăng Cu-tuy-ri-ê.

Người ta đưa ra trước đại hội nhiều kiến nghị khác nhau về vấn đề Đảng Xã hội có gia nhập Đệ tam Quốc tế hay không? Có kiến nghị của

Ca-sanh Phrốt-xa do "Ủy ban đệ tam Quốc tế" đưa ra, kiến nghị Giăng Lông-gê Pôn Pho do "Ủy ban tái thiết quốc tế" đưa ra kiến nghị của "Ủy ban kháng chiến xã hội" do Lê-ông Blum và Pao-li đưa ra và kiến nghị của Prét-xơ-man. Kiến nghị Ca-sanh Phrốt-xa chủ trương hoàn toàn gia nhập Đệ tam Quốc tế, còn các kiến nghị khác thì chống lại.

Đại hội tranh luận khá náo nhiệt chung quanh các kiến nghị nói trên. Cuối cùng, đại hội bỏ phiếu để quyết định. Kiến nghị Ca-sanh Phrốt-xa chủ trương gia nhập Đệ tam Quốc tế đã thắng lợi với đa số phiếu. Đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã bỏ phiếu tán thành gia nhập Đệ tam Quốc tế. Những đại biểu chống việc gia nhập Đệ tam Quốc tế bèn bỏ phòng họp đại hội, rủ nhau đi họp ở những nơi khác. Những người chủ trương gia nhập Quốc tế Cộng sản ở lại, quyết định thành lập Đảng Cộng sản Pháp và đại hội của Đảng Cộng sản Pháp mới ra đời tiếp tục họp tại phòng họp nhà Ma-ne ở Tua. Và như thế đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã trở thành một trong những người sáng lập ra Đảng Cộng sản Pháp.

Riêng tôi, tôi không bao giờ quên được hình ảnh của đồng chí Nguyễn ở đại hội Tua và tôi kính chào ở đồng chí tinh thần cách mạng vĩ đại và đức tính giản dị vô song. Trong lúc tuổi già này tôi chỉ có một lời chúc chân thành nhân dân Việt Nam anh hùng, nhân dân Việt Nam của đồng chí Nguyễn Ái Quốc tức Chủ tịch Hồ Chí Minh sẽ giành được hoà bình trong độc lập và tự do thật sự.

NHỮNG NGÀY PA-RI

GIẤC ĐUY-CLÔ*

Tháng 10-1919, sau chiến tranh, tôi trở lại Pa-ri. Lúc đó, tình hình chính trị ở Pháp sôi sục, đặc biệt trong nội bộ Đảng Xã hội Pháp mà anh Nguyễn Ái Quốc là đảng viên. Một vấn đề lớn đang đặt ra: có gia nhập Quốc tế Cộng sản không? Hồi tháng 3-1919, Đại hội lần thứ nhất Quốc tế Cộng sản đã họp. Đây chỉ là đại hội thành lập và lúc bấy giờ mới thu hút một số ít đảng. Sau khi được giải ngũ, tôi tham gia "Ủy ban Đệ tam Quốc tế". Ủy ban này tập hợp những đảng viên của Đảng Xã hội Pháp và đảng viên nhiều đảng khác. Mục tiêu của Ủy ban này là vận động gia nhập Quốc tế Cộng sản và bảo vệ cách mạng Nga đang bị các chính phủ tư sản, kể cả chính phủ Clê-măng-xô tiến công dữ dội.

"Ủy ban Đệ tam Quốc tế" hội họp ở nhiều nơi trong thành phố Pa-ri. Trong một cuộc họp ở phòng họp của "Hội phổ biến kiến thức", ở Khu Latinh, gần đường Xanh Giéc-manh, tôi lần đầu tiên gặp anh Nguyễn Ái Quốc. Tôi nhớ rõ hồi đó thân hình anh Nguyễn mảnh khảnh, tóc đen, dáng người trẻ hơn tuổi. Anh Nguyễn hơn tôi 6 tuổi nhưng trông chỉ bằng tuổi tôi. Người Việt Nam trẻ rất lâu. Con người giản dị, lịch sử, dễ mến của anh Nguyễn đã thu hút tôi ngay buổi đầu. Tôi hỏi anh tình hình nước anh. Tôi bỗng nhớ đến những lần tôi về quê ở vùng Tác-bơ, gần dãy núi Pi-rê-nê, tôi đã thấy nhiều người Việt Nam làm việc ở binh công xưởng của địa phương. Họ bị giam trong trại và bị đối xử xấu. Tôi muốn biết chuyện những người Việt Nam đó và tôi hỏi anh Nguyễn Ái Quốc vì sao họ phải sang Pháp làm. Anh Nguyễn bắt đầu kể cho tôi nghe tình hình nước anh và những hành động xấu xa của chủ nghĩa thực dân Pháp đang thống trị nhân dân anh.

* *Giắc Đuy-clô (Jacques Duclos)*, sinh năm 1896, công nhân bánh mì, cựu chiến binh, phó chủ tịch quốc hội Pháp từ năm 1946 đến năm 1952, thượng nghị sĩ Pháp từ năm 1959, Ủy viên Bộ Chính trị Đảng Cộng sản Pháp từ năm 1931.

Đối với tôi, đấy là điều mới lạ. Vì lúc đó ở Pháp, người ta giới thiệu chính sách thuộc địa như là một công việc xuất cảng văn minh sang các nước lạc hậu. Nhờ quen biết anh Nguyễn mà tôi hiểu sự thật về chủ nghĩa thực dân Pháp. Thấy anh là một người rất tốt, tôi kết bạn với anh. Chúng tôi gặp nhau luôn trong các cuộc họp. Nhất là ở phòng họp "Hội phổ biến kiến thức" là nơi anh Nguyễn hay lui tới. Anh Nguyễn và tôi lúc đó đều là thanh niên. Hai người chúng tôi gặp nhau là nói chuyện, bàn luận rất nhiều và sôi nổi về tình hình thời sự.

Chúng tôi cùng nhau nói chuyện về nước Nga Xô-viết. Hồi đó chúng tôi đang đi quyên tiền trong các phố Pa-ri để giúp cách mạng Nga vượt qua nạn đói, hậu quả của việc chính phủ Pháp và chính phủ các nước đồng minh bao vây nước Nga Xô-viết. Một hôm, tan buổi họp, đi trên đường phố, anh Nguyễn nói với tôi: "Này, Giấc ơi, cách mạng Nga đang bị tiến công. Nhưng nó sẽ chiến thắng mọi kẻ thù. Tất cả chúng ta còn gặp nhiều khó khăn trước khi đi tới thắng lợi cuối cùng. Nhưng dù thế nào, chúng ta vẫn cứ đi tới. Trước khi đánh gục chủ nghĩa tư bản trên phạm vi toàn thế giới, chúng ta còn trải qua nhiều gian truân, nhưng thắng lợi nhất định thuộc về chúng ta". Anh Nguyễn không hề có ảo tưởng thắng dễ dàng chủ nghĩa tư bản và anh có con mắt nhìn rộng.

Tất nhiên hai chúng tôi còn bàn chuyện quanh vấn đề gia nhập Quốc tế Cộng sản. Chúng tôi lúc đó hơi bi quan về kết quả đại hội Đảng Xã hội họp ở Xtrát-xơ-bua tháng 2-1920. Đạo ấy ở Pháp đang có phong trào bãi công rất mạnh, xe lửa không chạy, quần chúng sôi sục đấu tranh. Chúng tôi băn khoăn không hiểu đại hội có tán thành gia nhập Quốc tế Cộng sản không? Anh Nguyễn bảo tôi: "Không! Họ không tuyên bố gia nhập Quốc tế Cộng sản đâu, nhưng có lẽ họ sẽ tuyên bố rút khỏi Đệ nhị Quốc tế". Sự việc diễn ra đúng như thế. Với đa số phiếu, đại hội Đảng Xã hội Pháp họp ở Xtrát-xơ-bua đã quyết định rút khỏi Đệ nhị Quốc tế nhưng không gia nhập Quốc tế Cộng sản. Đại hội đã quyết định cử Mác-xen Ca-sanh và L.O. Phrốt-xa đi Mát-xcơ-va để hỏi về những điều kiện gia nhập Quốc tế Cộng sản. Vì lúc đó báo chí phản động đang làm âm ỉ quanh những điều kiện gia nhập Quốc tế Cộng sản, cho rằng Quốc tế Cộng sản đã đặt cho các đảng muốn gia nhập những điều kiện oái oăm và nghiệt ngã, bắt các đảng phải nhận.

Chúng tôi thảo luận với nhau nhiều về việc này. Chúng tôi hài lòng thấy Ca-sanh và Phrốt-xa được cử đi Mát-xơ-va. Anh Nguyễn thì quen biết nhiều Mác-xen Ca-sanh. Anh đã gặp Mác-xen Ca-sanh nhiều lần để giới thiệu tình hình Đông Dương. Và phải nói rằng, ngay lúc còn đang theo đường lối chiến tranh đến cùng, Mác-xen Ca-sanh vẫn quan tâm đến các vấn đề đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân. Cá tính của Mác-xen Ca-sanh là như thế. Tôi nhớ rõ, hồi đó anh Nguyễn đánh giá vai trò của Mác-xen Ca-sanh ở Mát-xơ-va có phần tích cực hơn nhận xét của tôi. Và anh Nguyễn đã đánh giá đúng. Chúng tôi đều nhất trí với nhau rằng Phrốt-xa là một người hoạt động chính trị chưa được tin cậy lắm (Phrốt-xa về sau ra khỏi Đảng Cộng sản). Nhưng Mác-xen Ca-sanh thì khác. Phải nói rằng Mác-xen Ca-sanh đã giữ một vai trò hết sức quan trọng trong việc thành lập Đảng Cộng sản Pháp. Ngay khi Lê-nin tiếp Ca-sanh và Phrốt-xa ở Mát-xơ-va, Lê-nin cũng có nhận xét khác nhau giữa hai người, tuy cả hai lúc đó đều theo đường lối chiến tranh đến cùng của Đảng Xã hội. Ca-sanh đã từng cùng Mu-tê sang Nga dưới thời chính phủ Kê-ren-xki. Lê-nin nhận thấy Ca-sanh là người mà Cách mạng tháng Mười đã gây ấn tượng rất mạnh. Lê-nin trong thâm tâm tin cậy Ca-sanh và Lê-nin nhận xét đúng. Lê-nin đã nói: "Nếu Mác-xen Ca-sanh hoàn toàn tán thành gia nhập Quốc tế Cộng sản thì sẽ kéo theo đại đa số đảng viên Đảng Xã hội. Điều đó rất quan trọng, và đảng mới đó sẽ nắm được tờ báo "Nhân đạo", do đó ngay từ đầu sẽ nắm được những lực lượng khá quan trọng". Lê-nin không nghe lời gièm pha của một số người tự nhận là cộng sản nói rằng Mác-xen Ca-sanh là một người "phái giữa" và không làm được việc gì. Tôi phải nói rằng khi tôi nói chuyện với anh Nguyễn Ái Quốc, tôi thấy ý kiến anh cũng giống như ý kiến của Lê-nin. Anh Nguyễn rất tin ở Mác-xen Ca-sanh vì anh quen biết Mác-xen Ca-sanh nhiều hơn tôi, anh có dịp gặp gỡ Mác-xen Ca-sanh luôn. Còn tôi, tôi chưa được gặp Mác-xen Ca-sanh.

Thế rồi Mác-xen Ca-sanh sau chuyến đi công tác ở Mát-xơ-va trở về Pa-ri. Đảng Xã hội tổ chức cuộc mít tinh lớn ở rạp xiếc Pa-ri để nghe đoàn đại biểu đi Nga về báo cáo. Người đến nghe nói chuyện rất đông, có tới gần một vạn. Chúng tôi cùng đi dự buổi mít tinh. Không sao chen được vào bên trong, mà đứng ở ngoài xa thì không nghe rõ vì hồi đó chưa có hệ thống phóng thanh như ngày nay. Tôi chắc anh Nguyễn đã len được vào tới bên trong hội trường. Khi Mác-xen Ca-sanh tới, cả biển người hát vang "Quốc tế

ca" và hô: "Lê-nin muôn năm! Ca-sanh muôn năm! Ủy ban Xô-viết muôn năm!". Mác-xen Ca-sanh lên diễn đàn nói: "Đối với một đảng viên xã hội lâu đời như tôi từ 30 năm nay mơ ước nhìn thấy một xã hội không có bóc lột thật là sung sướng biết chừng nào được tới thăm nước Nga, ở đó nhân dân lao động nắm chính quyền. Cách mạng Nga tạo ra xã hội đó đã phải trải qua nhiều đau khổ. Chúng ta là người gây ra những đau khổ đó vì rằng chính đạn đại bác Pháp, do công nhân Pháp sản xuất, do công nhân xe lửa và thủy thủ Pháp chuyên chở, đang giết bộ đội của nước Cộng hòa Xô-viết Nga".

Tối hôm ấy, bài nói chuyện của Ca-sanh làm tôi hết sức phấn khởi và tôi tin tưởng ở Ca-sanh là người sẽ mở cuộc vận động gia nhập Quốc tế Cộng sản. Trong các cuộc họp chính trị, người ta tranh luận rất nhiều về vấn đề Quốc tế Cộng sản. Tôi luôn luôn gặp anh Nguyễn ở những cuộc tranh luận đó. Bấy giờ chúng tôi hay đi họp với nhau ở mấy nơi này: phòng họp của Hội phổ biến kiến thức, phòng họp Mui-li-ê, ở gần lâu đài Luych-xăm-bua, rạp chiếu bóng phố Sa-tô-đô ở quận 10, họp tác xã Ben-lin-loa-dơ ở quận 20 - họp tác xã Le-ga-li-te ở phố Săm-bơ-rơ-ê - Mơ-dơ. Tôi thấy anh Nguyễn mấy lần đứng dậy hỏi các diễn giả về chế độ thực dân và đề nghị mọi người không nên quên việc lên án chủ nghĩa thực dân. Các cuộc họp lúc đó rất sôi nổi, ai nói sai người khác đứng dậy tranh cãi lại ngay. Anh Nguyễn có tinh thần chiến đấu hăng hái, có tinh thần cách mạng tiến công. Anh có một lối nói sư phạm, có lý có lẽ để thuyết phục mọi người. Lúc đó, anh nói tiếng Pháp giỏi.

Anh có đến nhà tôi chơi. Lúc bấy giờ tôi chỉ có một căn buồng con, nghèo khổ giữa Pa-ri. Tôi nhớ rõ hồi đó anh bàn luận với tôi về vấn đề đảng. Anh nói: một đảng cách mạng phải là một đảng có kỷ luật. Một khi đảng đã quyết nghị, không thể có tình trạng mỗi người làm một cách khác, mỗi người đi một nẻo. Phải kết hợp chặt chẽ hành động của đảng viên với nghị quyết của Đảng. Hồi đó trong Đảng Xã hội có hiện tượng trong buổi họp đảng, bí thư đảng báo cáo, mọi người thảo luận rồi ra nghị quyết, nhưng đến khi thi hành thì không có ai làm. Anh Nguyễn nói đến chuyện đó và bảo tôi rằng đã đến lúc cần phải có một đảng mới, một đảng trong đó không có lề lối làm việc như ở nghị viện. Chúng tôi nhận thấy tác phong, kiểu cách đấu tranh như ở nghị viện đang là cái tệ trong sinh hoạt của Đảng Xã hội và chúng tôi bảo nhau phải kiên quyết đấu tranh chống cái tệ đó.

Khi gặp nhau, hai chúng tôi còn bàn luận nhiều chuyện khác, về tình hình thời sự, về các nhà hoạt động chính trị thời bấy giờ. Tôi thấy anh Nguyễn nói chuyện về Pôn Vay-ăng Cu-tuy-ri-ê Ray-mông Lơ-phe-vrơ mà anh đều quen biết. Và anh hỏi tôi về hai người đó. Vì tôi cùng ở trong Hội cựu chiến binh với Cu-tuy-ri-ê và Lơ-phe-vrơ. Anh Nguyễn nhận xét rằng Cu-tuy-ri-ê và Lơ-phe-vrơ có nhiều cảm tình với cách mạng Nga, là những người tốt. Hội tổ chức bầu cử năm 1919, những người ra ứng cử trong quận tôi hoạt động là Ca-sanh, Cu-tuy-ri-ê, Lơ-phe-vrơ. Còn anh Nguyễn thì hoạt động ở một quận khác bên phía tả ngạn sông Sen, nhưng người ra ứng cử ở quận của anh không phải là người tốt. Tuy vậy, anh Nguyễn vẫn hô hào vận động ủng hộ cho Ca-sanh, Cu-tuy-ri-ê và Lơ-phe-vrơ. Kết quả cuộc bầu cử làm chúng tôi thất vọng vì các ứng cử viên tiến bộ không trúng cử. Bởi vì lúc bấy giờ Pháp là nước thắng trận, nhân dân tự nhủ: "Rồi thì nước Đức phải nộp tiền cho chúng ta". Trên cái tâm trạng thắng trận ấy, người ta lợi dụng tình cảm của dân chúng và kích động chủ nghĩa quốc gia hẹp hòi.

Hai chúng tôi ca ngợi cuộc binh biến của thủy thủ trên tàu Pháp ở biển Hắc Hải. Anh Nguyễn tỏ ý khâm phục những thủy thủ bị đẩy đi đánh cách mạng Nga đã nổi dậy chống lại lệnh trên và anh Nguyễn cho đấy là một việc rất có ý nghĩa.

Trong thời gian hoạt động với nhau, chúng tôi còn bàn luận với nhau về vấn đề văn học, nghệ thuật. Chúng tôi nói chuyện về các nhà văn Hăng-ri Bác-buýt, Rô-manh Rô-lăng lúc đầu theo thuyết bất bạo động như kiểu Găng-di, nhưng sau thay đổi quan điểm và là một văn hào xuất sắc. Tôi biết anh Nguyễn Ái Quốc đã đọc tiểu thuyết "Lửa" của Bác-buýt và anh quen biết riêng Bác-buýt. Anh nói với tôi về Bác-buýt, về Duy-ha-men vừa viết xong cuốn "Văn minh", về tất cả những nhà văn để ra trong chiến tranh. Anh Nguyễn thấy ở đó một không khí sôi sục trong giới trí thức Pháp, gây giống cho những tư tưởng cách mạng. Tôi còn biết anh Nguyễn rất thích đọc các tác phẩm của Vích-to Huy-gô và anh nói với tôi về tập thơ "Hình phạt" của Huy-gô mà anh cho là rất hay. Anh còn tranh luận với tôi về Ban-zắc nữa mà anh cũng đọc nhiều tác phẩm của ông ta.

Tháng chạp năm 1920, anh Nguyễn được cử làm đại biểu đi dự đại hội Tua của Đảng Xã hội. Tôi không được đi đại hội. Anh Nguyễn là đại biểu Việt Nam duy nhất ở đại hội và anh đã lên án chủ nghĩa thực dân tại đại

hội, nhắc mọi người quan tâm đến tình hình của nhân dân anh, của nhân dân Đông Dương đang bị thực dân Pháp thống trị. Ngay những kẻ cơ hội chủ nghĩa cũng không thể ngăn anh nói đến việc đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân. Tại đại hội, anh đã bỏ phiếu tán thành gia nhập Quốc tế Cộng sản và thành lập Đảng Cộng sản Pháp. Ở đại hội, anh Nguyễn đã gặp đồng chí Cla-ra Dét-kin, nữ chiến sĩ cách mạng lão thành Đức, nghị sĩ Đức, ủy viên Ủy ban thường vụ Quốc tế Cộng sản, được cử làm đại diện Quốc tế Cộng sản đến dự đại hội Tua của Đảng Xã hội Pháp.

Đại hội Tua là đại hội thành lập Đảng Cộng sản Pháp, đánh dấu một sự kiện hết sức quan trọng trong đời sống chính trị và phong trào cách mạng Pháp. Bây giờ nhắc đến việc thành lập Đảng Cộng sản Pháp, tôi nhớ ngay đến Ca-sanh, đến Lơ-phe-vrơ, đến Cu-tuy-ri-ê, và phải nhớ ngay đến người đồng chí Việt Nam ấy mà mọi người hoạt động cách mạng ở Pháp yêu mến. Đó là đồng chí Nguyễn Ái Quốc, về sau là Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Đảng Cộng sản Pháp thành lập, tôi bắt đầu công tác cho Đảng ở quận 10 của Pa-ri, còn đồng chí Nguyễn Ái Quốc thì công tác ở quận 5. Vì chúng tôi không còn hoạt động trong "Ủy ban Đệ tam Quốc tế" nữa và phải hoạt động cách mạng ở những quận cách xa nhau cho nên từ đó chúng tôi ít gặp nhau. Cho đến một hôm tôi hỏi thăm tin đồng chí Nguyễn thì người ta cho tôi biết đồng chí Nguyễn Ái Quốc không còn ở Pháp. Tôi đoán là đồng chí Nguyễn đi Mát-xcơ-va.

Mãi đến năm 1930, một số đồng chí Pháp, như đồng chí Duy-cru, đi Trung Quốc về cho tôi biết đã gặp đồng chí Nguyễn Ái Quốc ở Trung Quốc. Cũng năm ấy, chúng tôi ở Pháp biết tin có cuộc đàn áp cách mạng hết sức dã man ở Đông Dương. Chúng tôi đã cử đồng chí Ga-bri-en Pa-ri sang Đông Dương đem theo những tài liệu, sách báo tiến bộ Pháp để giúp các bạn Việt Nam nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Và khoảng năm 1934-1935, tôi không ngờ lại có dịp gặp đồng chí Nguyễn Ái Quốc hai lần ở Mát-xcơ-va. Chúng tôi mừng rỡ nhìn thấy nhau sau nhiều năm xa cách... Chúng tôi nói chuyện với nhau về quá khứ, về mọi thứ tình hình. Đồng chí Nguyễn Ái Quốc kể cho tôi nghe về những năm hoạt động của đồng chí, về tình hình Việt Nam và Đông Dương.

Chiến tranh thế giới lần thứ hai bùng nổ, tôi luôn luôn nhớ đến đồng chí Nguyễn và tôi thường tự hỏi: "Anh Nguyễn đang làm gì đây?". Khi Pê-tanh cử đô đốc Đờ-cu sang Đông Dương làm toàn quyền và Pháp dâng

Đông Dương cho Nhật, tôi lại hỏi: "Trong trường hợp này, anh Nguyễn đổi phó ra sao?". Cho đến một ngày mùa thu năm 1945, tôi vui mừng được tin cách mạng đã thành công ở Việt Nam và Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa là đồng chí Hồ Chí Minh, tức đồng chí Nguyễn Ái Quốc thân mến của chúng tôi. Rồi xảy ra vấn đề Đông Dương, việc chính phủ Pháp gây chiến tranh ở Nam Bộ Việt Nam, ngoan cố chống lại việc thống nhất nước Việt Nam và muốn chiếm Nam Bộ.

Để giải quyết những vấn đề đó, Hồ Chủ tịch sang Pháp năm 1946 đàm phán với chính phủ Pháp. Hồ Chủ tịch đến ở khách sạn Roay-an Mông-xô ở Pa-ri. Chủ tịch mời chúng tôi đến chơi. Tôi đến thăm Chủ tịch ở khách sạn. Chúng tôi lại được dịp kể chuyện cho nhau nghe kỷ niệm ngày trước và tình hình thời sự ngày nay. Hồ Chủ tịch cho tôi biết ở khách sạn không được an toàn. Chúng tôi đi tìm một chỗ ở khác cho Chủ tịch. Ít ngày sau, Hồ Chủ tịch rời khách sạn Roay-an Mông-xô, dọn đến ở nhà ông bà Ô-bơ-rắc. Từ đó, Hồ Chủ tịch nhiều lần đến chơi nhà tôi. Chúng tôi bàn luận tình hình. Bọn phản động trong chính phủ Pháp tìm mọi cách chống lại việc thống nhất nước Việt Nam, chống lại nền độc lập của Việt Nam. Chúng tôi trao đổi ý kiến xem chúng tôi có thể giúp đỡ Hồ Chủ tịch được những gì. Mục tiêu của chúng tôi lúc đó là chống lại lập trường của chính phủ Pháp về vấn đề Việt Nam và hết sức giúp đỡ Hồ Chủ tịch và nhân dân Việt Nam. Hồ Chủ tịch tâm sự với tôi và cho tôi biết Chủ tịch không tin rằng chính phủ Pháp có thiện chí và Chủ tịch không tin hội nghị Phông-ten-nơ-blô sẽ đạt kết quả tốt, do thái độ xấu của chính phủ Pháp. Đã có lúc Hồ Chủ tịch muốn bỏ về Việt Nam ngay. Theo tôi, chính phủ Pháp lúc đó đi theo một đường lối hết sức ngu xuẩn. Đối với những đề nghị đưa ra hồi đó về tự trị trong khối liên hiệp Pháp, một chính phủ Pháp thông minh và biết điều lẽ ra phải chấp nhận rồi.

Hồ Chủ tịch đến thăm tôi vào buổi sáng và thường Chủ tịch đến một mình. Vợ chồng tôi đưa Chủ tịch đi xem thư viện, bàn giấy của tôi và chúng tôi thường ngồi uống nước chè, ăn bánh. Hồ Chủ tịch đã cho tôi một cái đồng hồ riêng của Chủ tịch và một tấm ảnh chụp chân dung Chủ tịch kèm theo chữ ký của Chủ tịch. Những vật kỷ niệm quý giá đó gia đình tôi còn giữ cẩn thận. Khi ở Pa-ri năm 1946, Hồ Chủ tịch tiếp xúc với nhiều người và Chủ tịch có uy tín lớn. Hồ Chủ tịch đã làm tất cả mọi người mến Người vì Chủ tịch lịch sự, giản dị, đặt vấn đề một cách rõ ràng. Hồ Chủ tịch có một dáng đi nhanh nhẹn,

tự nhiên chứ không có vẻ bề bệ của một người đến bắt mọi người phải nghe ý kiến của mình. Người ta thấy rõ Hồ Chủ tịch là người bảo vệ một cách dũng cảm và kiên quyết quyền lợi của dân tộc mình. Chuyến đi Pháp năm 1946 của Hồ Chủ tịch đã gây ấn tượng mạnh mẽ và có tác động rất tốt trong nhiều giới nhân dân Pháp. Điều đó chính phủ Pháp không thể không biết.

Nhưng tiếc thay sự việc diễn biến theo chiều hướng xấu. Thực dân Pháp gây chiến tranh trên toàn cõi Đông Dương, mở chiến dịch công kích chống lại Hồ Chủ tịch. Chúng nghĩ rằng, nhất là lúc cách mạng Trung Quốc chưa thành công, chúng có thể bao vây được Hồ Chủ tịch ở Việt Bắc. Nhưng bọn thực dân đã thất bại. Lúc bấy giờ, trong bọn thực dân có những kẻ hí hửng nghĩ rằng chúng thắng Hồ Chủ tịch đến nơi và chúng sắp sửa đặt lại chế độ thuộc địa mới trên toàn cõi Việt Nam. Khi cách mạng Trung Quốc thành công thì chúng không còn hy vọng thắng cuộc chiến tranh nữa.

Những người cộng sản Pháp luôn luôn chống lại cuộc chiến tranh xâm lược bản thủ tiến hành ở Đông Dương. Và bọn phản động âm mưu chống lại cá nhân tôi, "kết tội" tôi nhân dịp tôi gửi điện cho Hồ Chủ tịch tỏ tình đoàn kết chiến đấu. Trước Ủy ban quốc hội họp để nghe tôi trình bày việc này, tôi nói: "Tôi nhận thức rõ hơn các vị lợi ích chân chính và uy tín của nước Pháp. Các vị làm người ta căm ghét nước Pháp bởi cuộc chiến tranh các vị gây ra ở Đông Dương, còn tôi, tôi gửi một bức điện cho người lãnh tụ của nhân dân Việt Nam. Chúng tôi mới là người phục vụ lợi ích dân tộc. Các vị làm như chủ nghĩa thực dân đem lại giàu có cho nước Pháp chúng ta. Không phải như thế. Nước Pháp bỏ tiền ra, đại đa số nhân dân Pháp bỏ tiền ra, nhưng chỉ có một số ít người làm giàu. Chúng tôi bảo vệ lợi ích dân tộc chúng ta và nền tự do của chúng ta bằng cách đấu tranh chống lại cuộc chiến tranh xâm lược mà các vị đang tiến hành ở bên Việt Nam".

Chúng tôi vui mừng xiết bao khi nhận được tin quân đội viễn chinh Pháp thua trận ở Điện Biên Phủ. Đây là sự kết thúc những niềm hy vọng của chủ nghĩa thực dân Pháp, trước tiên là ở Việt Nam. Khi thủ tướng Pháp Măng-dét Phrăng-xơ xin một tháng để giải quyết vấn đề chiến tranh Đông Dương ở hội nghị Giơ-ne-vơ, chúng tôi đã bỏ phiếu ủng hộ Măng-dét Phrăng-xơ, và chúng tôi nhiệt liệt hoan nghênh những quyết định của hội nghị Giơ-ne-vơ năm 1954 về Việt Nam. Nhưng ngay hồi đó người ta đã thấy rõ đế quốc Mỹ có những mưu đồ đen tối hòng thay thế chủ nghĩa thực dân Pháp và xâm chiếm miền Nam Việt Nam.

Năm 1957, tôi lại có dịp được gặp Hồ Chủ tịch nhiều lần ở Mát-xơ-va. Tôi đến thăm Chủ tịch ở nhà nghỉ của Chủ tịch. Tôi có cảm giác như gặp lại một người anh. Hồ Chủ tịch nói cho tôi nghe tình hình Việt Nam và hỏi tôi tình hình Pháp. Vì Chủ tịch am hiểu nước Pháp và muốn biết rõ mọi việc xảy ra ở Pháp. Tôi vẫn thấy ở Chủ tịch những nét giản dị và lạc quan như xưa và tính kiên nghị cách mạng. Tôi bỗng nhớ đến câu nói của Chủ tịch với tôi năm 1946 trong lúc ngồi bàn chuyện thời sự: "Ở Việt Nam, bọn thực dân đang hành động như lũ chó má. Nhưng chúng tôi có nhân dân ủng hộ và chúng tôi nhất định thắng". Chủ tịch bao giờ cũng tin tưởng ở nhân dân và nhìn mọi sự việc bằng cặp mắt lạc quan cách mạng, trong bất cứ tình hình nào.

Khi tôi đi thăm Hà Nội, tôi đã được tận mắt thấy nhân dân Việt Nam kính mến Hồ Chủ tịch biết là chừng nào. Hồ Chủ tịch thật là một con người đặc biệt, một chiến sĩ cách mạng vĩ đại. Hồ Chủ tịch là một người hết sức khiêm tốn và giản dị. Hồ Chủ tịch là tượng trưng cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam, là người cha của dân tộc Việt Nam, của toàn thể nhân dân Việt Nam từ Bắc chí Nam. Bọn đế quốc Mỹ vừa tiến hành chiến tranh xâm lược miền Nam Việt Nam vừa rêu rao câu chuyện vô lý "miền Bắc xâm lược miền Nam". Thực ra chúng đang sa lầy trong một cuộc chiến tranh mà chúng không biết thoát ra bằng cách nào. Điều chắc chắn là chúng sẽ thất bại và phải rút khỏi Việt Nam.

Đối với cá nhân tôi, điều đáng tiếc nhất là Hồ Chủ tịch đã từ già tất cả chúng ta quá sớm, không được nhìn thấy thắng lợi cuối cùng. Hồ Chủ tịch là người xứng đáng nhất được hưởng thắng lợi đó vì chính Hồ Chủ tịch đã tạo ra nó.

NGƯỜI ĐOÀN VIÊN CÔNG ĐOÀN QUẬN 17

HĂNG-RI PHRA-ĐANH*

Tôi là một người cùng thời và đễ cùng năm với Hồ Chủ tịch. Tôi theo học Trường sư phạm Ô-toi từ năm 1906 đến năm 1909. Tôi làm giáo học ở Xanh Đơ-ni cho đến ngày chiến tranh thế giới thứ nhất bùng nổ. Sau khi được giải ngũ tháng 7 năm 1919, tôi đi dạy học ở trường Phu-sê trong khu phố Ê-pi-nét, quận 17, Pa-ri. Khu phố Ê-pi-nét thời đó có thể gọi là một khu phố lao động, không có điện, nhà cửa chật chội, dân phần lớn là thợ thuyền, không như bây giờ nó đã trở thành một khu phố tư sản, nhân dân lao động bị đẩy dần ra ở ngoại ô Pa-ri.

Ngày đó tôi hoạt động trong công đoàn giáo dục. Ở Pa-ri lúc đó còn có nhiều công đoàn thuộc các ngành khác như: vận tải, xây dựng, điện lực... Các công đoàn đó lập ra Ủy ban liên công đoàn để phối hợp hoạt động với nhau. Tôi được cử làm thư ký Ủy ban liên công đoàn quận 17. Trụ sở Ủy ban liên công đoàn chúng tôi đóng tại nhà số 172 phố Lơ-giăng, quận 17. Đây là một cửa hàng nhỏ do hãng điện Phe-rích đánh đổi cho công đoàn chúng tôi lấy một nhà kho cũ dột nát ở phố Phu-sê, nguyên là nơi hội họp của chúng tôi, để xây nhà máy.

Hàng tuần, cứ đến ngày thứ hai, mỗi công đoàn cử hai, ba đại biểu của mình đến họp tại trụ sở Ủy ban liên công đoàn. Mật thám và cảnh sát Pháp luôn luôn theo dõi, dò xét các cuộc hội họp của chúng tôi. Một ngày năm 1920, tôi thấy đồng chí An-phrê Cốt, thư ký công đoàn ngành kim khí, bạn thân của tôi, đến họp Ủy ban cùng với một người thanh niên châu Á. An-phrê Cốt giới thiệu với tất cả chúng tôi:

* Hăng-ri Phra-đanh (Henri Fradin) sinh ngày 12 tháng 8 năm 1890. Từng hoạt động công đoàn những năm 1920. Làm chánh văn phòng Bộ Lao động trong Chính phủ lâm thời Pháp năm 1946.

- Hôm nay các đồng chí cho phép tôi giới thiệu đây là đồng chí Nguyễn Ái Quốc, cùng làm với tôi ở xưởng ô tô Rơ-nôn, là đoàn viên công đoàn ngành kim khí, từ nay tham gia công việc của Ủy ban liên công đoàn với chúng ta.

Chúng tôi chăm chú nhìn đồng chí Nguyễn Ái Quốc và không bao giờ quên được hình dáng nhỏ nhắn của đồng chí ngồi cạnh An-phrê Cốt thân hình cao lớn hơn rất nhiều. Đồng chí Nguyễn Ái Quốc cùng chúng tôi tham gia thảo luận mọi vấn đề: tiền lương, đời sống đất đỏ, tai nạn lao động... Thời bấy giờ công nhân ngành kim khí của đồng chí Nguyễn Ái Quốc đang có phong trào "chiến đấu cho 100 xu", nghĩa là đòi lương công nhật "100 xu", khoảng 5 quan Pháp bấy giờ. Ngành kim khí của đồng chí gồm công nhân các nghề: tiện, phay, bào, đúc, lắp ráp ô tô, có trụ sở ở nhà số 94 phố Tem-bô. Đồng chí Nguyễn Ái Quốc nói nhỏ nhẹ, bình tĩnh, rõ ràng, và khi nêu câu hỏi, đồng chí nói rất gọn, không nói nhiều và không nói dai như chúng tôi. Đồng chí nêu lên những việc cần đấu tranh bảo vệ quyền lợi và đời sống của anh chị em thợ thuyền. Đồng chí tranh luận với chúng tôi bằng một giọng kiên nghị, phân tích có lý lẽ và những lập luận, nhận xét của đồng chí thường được mọi người hoan nghênh và tán thành. Hơn nữa, giữa chúng tôi, những người cùng hoạt động công đoàn với nhau, có tình anh em đồng chí hết sức thân ái. Như vậy là đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã từng là đoàn viên công đoàn của khu phố Ê-pi-nét, quận 17, Pa-ri. Tôi rất tự hào về điều đó và đây là một vinh dự cho quận 17, cho phong trào công đoàn Pa-ri.

Đồng chí Nguyễn Ái Quốc hoạt động với chúng tôi ở quận 17 đến năm 1921. Sau đó, đồng chí chuyển đi những công tác gì khác tôi không được biết. Về sau tôi biết đồng chí trực tiếp lãnh đạo phong trào cách mạng Đông Dương, rồi làm Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Tôi luôn luôn chăm chú theo dõi những hoạt động phong phú của đồng chí. Đây là một đồng chí cũ, một đoàn viên công đoàn cũ, một chiến sĩ cách mạng lão thành mà ai cũng yêu mến. Nhân dân Việt Nam đi theo con đường của đồng chí đã vạch ra nhất định sẽ giành được độc lập và tự do.

PHÁT HÀNH BÁO "NGƯỜI CÙNG KHỔ"

*Bác sĩ CA-MI LA-RI-BE**

Sau chiến tranh thế giới thứ nhất 1914-1918, tôi theo học ngành y ở An-giê (An-giê-ri) rồi năm 1922 sang Pa-ri học tiếp. Lúc đó tôi đã tham gia Đảng Cộng sản Pháp và tôi hoạt động trong nhóm "Sinh viên cách mạng xã hội chủ nghĩa" nhằm bảo vệ Cách mạng tháng Mười Nga và chủ trương gia nhập Quốc tế Cộng sản. Tôi hoạt động cách mạng trong vùng Pa-ri dưới bí danh La-ri. Lúc đó tôi có quan hệ công tác với Ban thuộc địa của Trung ương Đảng Cộng sản Pháp, và một hôm Lô-dơ-ray, phụ trách Ban thuộc địa giao tôi công tác thường xuyên giúp đỡ một đồng chí người Việt Nam tên là Nguyễn Ái Quốc phát hành báo "Người cùng khổ". Và tôi đã có dịp được quen biết đồng chí Nguyễn Ái Quốc từ đó.

Tôi còn nhớ rất rõ hình dáng đồng chí Nguyễn Ái Quốc lúc bấy giờ. Hồi chiến tranh thế giới thứ nhất, tôi đã thấy nhiều đơn vị "lính An Nam" đào hầm, làm đường, vóc người nhỏ, khuôn mặt phần lớn trẻ, người 30 tuổi trông như thiếu niên 15 tuổi. Nhưng tôi thấy đồng chí Nguyễn vóc người cao hơn tuy hơi gầy, với đôi gò má cao, đôi mắt rất thông minh, giọng nói ấm, ăn mặc hết sức giản dị, đầu thường đội mũ phớt và mặc trên người một bộ âu phục đã cũ.

Đạo đó tôi bạn học thi tốt nghiệp còn đồng chí Nguyễn thì bạn nghề thợ ảnh. Nhưng chúng tôi hoạt động rất hăng. Riêng đồng chí Nguyễn rất quan tâm đến vấn đề các dân tộc thuộc địa vì chính đồng chí và nhân dân đồng chí là những người trực tiếp bị thực dân áp bức, đàn áp. Đồng chí luôn luôn nghĩ đến đất nước của đồng chí, đến nỗi đau khổ nghèo đói của nhân dân Việt Nam. Chúng tôi thường nói chuyện với nhau, nhất là về tình hình An-giê-ri và Đông Dương. Lúc đó tôi nghĩ rằng chỉ khi nào

* Bác sĩ Ca-mi La-ri-be (Camille Larribère) sinh năm 1895, tham gia hoạt động cách mạng ở Pháp sau chiến tranh thế giới thứ nhất, tham gia kháng chiến chống phát xít Đức ở Tuy-ni-di rồi ở Pháp, cựu nghị sĩ và ủy viên Trung ương Đảng Cộng sản An-giê-ri.

Đảng Cộng sản Pháp loại trừ được những phần tử hữu khuynh còn trong Đảng thì mới có thể thực hiện đúng đắn những luận điểm, đường lối của Quốc tế Cộng sản về vấn đề thuộc địa. Năm 1922, tôi đi dự Đại hội Đảng bộ Pa-ri. Một đồng chí quen bảo tôi có đồng chí Nguyễn Ái Quốc ở đại hội đó, nhưng riêng tôi không được gặp.

Tôi không biết cách làm việc của ban biên tập báo "Người cùng khổ" như thế nào, nhưng tôi biết đồng chí Nguyễn Ái Quốc là một biên tập viên chủ chốt và đồng chí viết phần lớn số bài trên báo. Có một số người các thuộc địa khác cũng tham gia viết. Đồng chí Nguyễn không phải chỉ quan tâm đến đất nước quê hương đồng chí mà còn chú ý đến cuộc đấu tranh của các dân tộc bị áp bức khác. Toàn bộ những bài báo của đồng chí trên tờ "Người cùng khổ" đã vạch rõ và tố cáo chủ nghĩa thực dân là ung nhọt của thời đại. Đồng chí còn ca ngợi và bảo vệ kiên quyết Cách mạng tháng Mười Nga bằng những bài văn nhiệt tình.

Việc ra báo "Người cùng khổ" là hợp pháp còn nơi phát hành thì đặt trong một nhà kho ở phố Mác-sê-đê Pa-tri-ác-sơ. Tôi thường đến đóng gói báo ở trong nhà kho đó. Tầng trên là một cửa hàng để đầy những cuộn giấy báo to. Tôi gói báo thành những bó từng 10, 20 hoặc 50 số một. Địa chỉ gửi do đồng chí Nguyễn ngồi viết tay. Rồi tôi đem ra bưu điện để gửi đi các nơi, nhiều bó gửi cho người Việt Nam ở Pháp. Có những bó báo được chuyển đi Đông Dương nhờ thủy thủ các tàu biển đem đi.

Ngoài việc làm báo "Người cùng khổ", tôi biết đồng chí Nguyễn còn hoạt động nhiều cho "Hội liên hiệp các dân tộc thuộc địa" thu hút đại diện của tất cả các thuộc địa Pháp. Tôi đọc lại báo "Đấu tranh xã hội", tờ báo cộng sản ở An-giê thấy có những chi tiết như sau: số báo 295 ra ngày 4-7-1924 có đăng một bài của đồng chí Nguyễn Ái Quốc dưới đầu đề: "Tội ác". Ngoài ra báo đó còn đăng nhiều tin về hoạt động của "Hội liên hiệp các dân tộc thuộc địa". Trong khi giúp việc phát hành báo "Người cùng khổ" tôi còn được giao công tác giúp các đồng chí Đông Dương xây dựng một nhà in bí mật in chữ Việt Nam, và trong việc này tôi có quan hệ công tác với đồng chí Nguyễn Văn Tạo. Những hộp chữ in chúng tôi cất giấu ở Giơ-nơ-vi-le trong một nhà kho trống trải.

Thời đó, đồng chí Nguyễn còn hoạt động ở "Câu lạc bộ Đuy Phô-bua" mà người sáng lập là Lê-ô Pôn-đê. Hội viên câu lạc bộ hội họp với nhau chiều thứ bảy. Vào cửa ai cũng phải trả tiền. Trong các cuộc họp,

người ta tranh luận sôi nổi mọi vấn đề thời sự. Câu lạc bộ thường họp ở phòng họp Mua-tuy-a-li-tê và đôi khi trong một rạp chiếu bóng của Pa-ri. Khi nào có vấn đề thảo luận hay thì tôi cũng mò đến để nghe. Tôi thấy đồng chí Nguyễn nhiều lần lên phát biểu ý kiến. Trong số những diễn giả, có một người rất hoà nhã mà đồng chí Nguyễn quen biết. Đó là nhà thơ Gioóc-giơ Pi-ô-sơ. Pi-ô-sơ người to béo, có tính thương người, một thời gian ngắn làm bí thư Đảng vùng Pa-ri. Quan niệm về Đảng của Pi-ô-sơ hạn chế ở chỗ cho Đảng là tổ chức của "tình hữu nghị vĩ đại". Trong câu lạc bộ còn có một nhà thơ vô chính phủ tên là Han Ri-ne. Có nhiều nhà chính trị đến trình bày quan điểm của mình ở câu lạc bộ. Và có những diễn giả đến bảo vệ chủ nghĩa mác-xít khoa học. Nhưng về sau câu lạc bộ "Đuy Phô-bua" trở thành nơi tranh luận nhiều mà không bàn đến hành động.

Đồng chí Nguyễn còn đến nói chuyện nhiều lần ở phòng họp Hội phổ biến kiến thức, phố Séc-păng, Pa-ri. Phòng họp này hay bị bọn phát xít đến phá phách và quấy rối các buổi họp của phe tả. Hồi đó, bọn bảo hoàng trong tổ chức "Ca-mơ-lô-đuy Roa" thuộc phe nhóm của tờ báo bảo hoàng "Hành động Pháp" làm chúa đường phố Khu La-tinh ở Pa-ri. Cho nên những diễn giả như đồng chí Nguyễn khi đến phòng họp còn phải đề phòng đối phó với bọn phản động đó.

Do thường được gặp đồng chí Nguyễn ở chỗ phát hành báo "Người cùng khổ" và ở các cuộc họp của câu lạc bộ như thế mà tôi còn nhớ rõ đồng chí Nguyễn.

Nhưng mỗi lần nhớ lại hình ảnh đồng chí Nguyễn Ái Quốc tôi lại thấy thêm những nét mới ở con người đồng chí. Thật là có điểm phức lớn khi có một người như Hồ Chủ tịch lãnh đạo dân tộc mình.

Tôi xin nhân dân Việt Nam anh hùng đi theo con đường do Hồ Chủ tịch đã vạch sẽ tống cổ hết bọn xâm lược Mỹ ra khỏi bờ cõi và xây được một xã hội hạnh phúc.

**"NHẬT KÝ TRONG TÙ" LÀ SỰ BỘC LỘ BẰNG VĂN HỌC
CỦA MỘT NHÂN VẬT CÁCH MẠNG ĐẦY SỨC SỐNG,
CỰC KỲ UYÊN THÂM***

ECHAE SEC-NO
(*Cộng hoà dân chủ Đức*)

(...) Giữa đường quang, vào ngày thứ sáu, 29 tháng 8 năm 1942, bọn mật vụ đã bắt Người và đẩy Người vào lao huyện Tĩnh Tây.

Chẳng phải tại xứ này có câu tục ngữ: "Chính quyền bạo ngược còn ác hơn hùm beo" đó sao?

Đằng sau chấn song sắt nhà lao, Người viết:

*Đi khắp đèo cao khắp núi cao,
Ngờ đâu đường phẳng lại lao đao.
Núi cao gặp hổ mà vô sự,
Đường phẳng gặp người, bị tống lao.*

Cuốn sổ ghi chép hóa thành cuốn *Nhật ký trong tù*.

Nhà cầm quyền quân sự Quốc dân đảng kết tội Người một cách hoàn toàn phi lý là làm gián điệp và buộc Người phải thừa nhận. Người chẳng thừa nhận gì hết, cũng chẳng có gì phải thừa nhận ngoài việc Người vô tội và đòi được tự do, bộ máy quân phiệt Nhật phải được đập tan. Người sẽ giữ lòng trung thành với nhân dân mình.

Bọn chúng hành hạ Người, kéo Người đi trên những nẻo đường vô tận, căng thẳng, chân bị xiềng, qua suốt vùng Quảng Tây đồi núi điệp trùng, khí hậu nhiệt đới - cận nhiệt đới, một tỉnh miền Nam Trung Quốc, nơi cư ngụ của nhiều dân tộc, rộng hơn cả Áo và Tiệp. Qua suốt mười ba huyện, con đường khổ ải bắt đầu từ Tĩnh Tây nằm ở phía tây nam dẫn đến tận Thiên Bảo, rồi lại hàng trăm cây số đường trường nữa

* Trích bài viết cho bản dịch tập thơ *Nhật ký trong tù* của Hồ Chủ tịch sang tiếng Đức do chính tác giả và vợ là Hen-ga Sec-nơ dịch từ nguyên văn chữ Hán.

Đầu đề bài này là do người dịch bài viết sang tiếng Việt đặt.

đi về phía tỉnh lỵ Nam Ninh, qua Liễu Châu cho đến tận Quế Lâm nằm về phía đông bắc và rồi lại quay về Liễu Châu.

Nỗi đau xót tràn ngập lòng người tù vì Người không được cùng các đồng chí và bạn chiến đấu của Người xông ra mặt trận chống phát xít Nhật và Đức trong cuộc chiến tranh rộng khắp thế giới này. Lẽ ra phải như vậy, thì người ta lại buộc Người, với thân thể ốm đau, kiệt sức, ghê lở đầy người, phải tiêu phí hơn một năm ròng quý giá vào chuyện di chuyển và bị giam cầm trong nhà lao của bọn Quốc dân đảng. Con người này, bọn chúng những tưởng sẽ phải bé nhỏ lại.

Sự chờ đợi ấy quả là vô vọng. *Nhật ký trong tù* của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói lên điều đó. Vô định, ấy là con đường tù ải lao lung. Và như vậy thì những gì mà người tù ấy viết trong nhật ký của mình - một cách trung thành, Người ghi lại những chặng đường đã qua - trước hết là sự tự khẳng định mình, giống như *Viết dưới giá treo cổ* của Ju-li-ut Phu-xich hay *Tập vở Mô-a-lit* của Mu-sa Đờ-sa-lin¹. Dấu vết cuộc đời của người chiến sĩ cách mạng vẫn có thể tìm thấy được! Và dù cho nhà tù Quốc dân đảng khủng khiếp như một thứ nhà tù thời trung cổ với những làn khói bếp lò và tiếng nhạc tù buổi chiều của nó mà đứng đầu chế độ thối nát ấy là tên giết cộng sản Tưởng Giới Thạch, mặc dầu về một vài phương diện không thể nào sánh được với thứ nhà tù được trang bị kỹ thuật một cách tối tân của nhà nước Hít-le.

Mỗi một lời ghi, bất chấp mọi điều kiện ngược ngạo bên ngoài và được viết ra không phải với tham vọng làm thơ, bằng cách thức riêng của nó, lại là bằng chứng và sự nhìn nhận. Quả là một cuốn nhật ký, đúng là một cuốn nhật ký.

Đánh giá về con người và sự kiện, những kinh nghiệm khác nhau dọc đường, những nhận thức và tình cảm mới, lòng cảm thông với mỗi một tù nhân, nỗi đau xót vì thời gian bị mất, sự tức giận, lòng khát khao, nhớ nhung, niềm vui vì một phút giây hạnh phúc, tất cả đều được Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi gắm vào trong cuốn sổ ghi chép trong tù. Đó

¹ *Musa Đờ-sa-lin* (hay Dshelil), nhà thơ Xô-viết người Tácta, sinh ngày 15-2-1906 ở Mô-xta-pha (nay là Dshelil). Ông là một trong những người sáng lập Hội nhà văn Tácta. Năm 1941, tham gia cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại. Trong chiến tranh ông bị trọng thương và bị bọn pháp xít bắt. Năm 1944 ông bị bọn chúng giết. Trong tù ông vẫn làm thơ. Những vần thơ trong tù đó của ông sau này được một chiến sĩ du kích Bỉ cho xuất bản, (chú thích của người dịch).

là sự nhìn nhận bao quát của một con người mà không một sự hành hạ thể xác nào, không một sự hành hạ tinh thần nào có thể khuất phục được.

*Sống ở trên đời, người cũng vậy,
Gian nan rèn luyện mới thành công.*

Đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng như đối với những chiến sĩ vô sản của nhiều nước thì tù ngục hay lao cấm là một trường học rất có ý nghĩa của người cách mạng. Bị chôn vùi trong lao cấm, trong cái dòng sông sôi động của mình, họ tìm kiếm một kết luận và suy nghĩ về cái sắp đến. Đồng thời sự giam cầm cũng mài sắc thêm các giác quan cho tất cả những gì thuộc về con người, cho mỗi một dấu hiệu của đời sống xuyên qua những bức tường nhà lao. Chúng ta hãy đọc những dòng ký của Phê-lich Déc-gin-xki¹ viết tại trại X, của pháo đài Vác-sa-va (1900), đọc lại những lá thư trong tù của Rô-da Lú-xăm-bua, của An-tô-ni-ô Gram-xi² hay những vần thơ của nhà thơ Tố Hữu viết năm 1939 trong xà lim số 1 lao Thừa Thiên:

*Ôi! Hôm nay sao nhựa sống tràn trề,
Trong những tiếng nghe chùng quên thuộc quá!*

Hẳn cứ để cho tên cai ngục kia, kẻ đã trộm nhìn qua vai người tù Hồ Chí Minh thốt lên một cách vững tâm: À, ông ấy làm thơ... Ông ấy viết gì vậy? Viết về tiếng giã gạo, tiếng gà gáy, về trăng thu...

1. Feliks Dzierzynski (1877-1926), nhà hoạt động nổi tiếng của Đảng Cộng sản và Nhà nước Xô-viết. Ông sinh ở Litواني, học ở trường Vilenxki. Năm 1895 ông tham gia tổ chức xã hội dân chủ Litواني và theo cánh tả. Ông tham gia tích cực vào cuộc cách mạng 1905-1907 và là một trong những người tổ chức nên thắng lợi của Cách mạng tháng Mười. Sau cách mạng, ông được cử giữ nhiều chức vụ quan trọng và từ 1924 là ủy viên dự khuyết Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Nga.

Ông bị bắt nhiều lần; hai lần bị Chính phủ Nga hoàng đày đi Xi-bê-ri (lần nào ông cũng trốn) và kết án khổ sai lâu năm.

Ông để lại một số tập thơ và văn xuôi. (Chú thích của người dịch).

2. Antonio Gramsci (1891-1937) nhà chính trị, nhà báo, nhà văn cộng sản Ý. Năm 1913, ông vào Đảng Xã hội. Từ 5-1919, ông cùng Palmiro Togliatti cho xuất bản tờ *Trật tự mới* và góp phần chuẩn bị cho việc thành lập Đảng Cộng sản (1921). Ông từng giữ những chức vụ: Ủy viên Trung ương và sau đó Tổng Bí thư Đảng Cộng sản. Năm 1926, ông bị bắt và bị toà án phát xít đặc biệt kết án 20 năm tù khổ sai (1928). Trong thời gian bị giam ở Mailand và sau này ở Turi, ông viết nhiều tác phẩm triết học, lịch sử và văn học. Nổi tiếng là tập *Những bức thư trong tù*. Những bức thư đó thể hiện lòng dũng cảm, tinh thần kiên định, tính nhân đạo sâu sắc và sức mạnh to lớn của trí tuệ. (Chú thích của người dịch).

Tác phẩm của Chủ tịch Hồ Chí Minh là *Nhật ký trong tù* dưới hình thức thơ, được phác họa do một người Việt Nam bằng ngôn ngữ đầy nghệ thuật, viết để tự khuyên mình và đồng thời để hỗ trợ cho việc thực hiện mục tiêu là nhanh chóng tạo lại thế hợp pháp và hoàn thành nhiệm vụ chính trị. Một cuốn sách chân thành mà vì thế phải sử dụng - như có lần Lê-nin đã nói về nền văn học cách mạng bị giám sát - cái "ngôn ngữ Ê-dốp đáng nguyên rủa kia". Nhưng, chính sự bó buộc phải cô đúc lại, phải mã hóa đó đã dẫn Người một cách tất yếu đi đến khám phá ra những khả năng nghệ thuật chỉ có thể có riêng đối với thơ ca. Trong nhiều bài thơ ấy, người ta có thể cảm thấy được đằng sau những lời ý cụ thể là những lời ý, có một kích thước khác nằm sâu hơn.

Chính vì vậy mà khó khăn không ít, bởi vì đây là thơ ca của một nền văn hóa ngôn ngữ đã tạo nên chẳng những hình thức và biện pháp tu từ chủ yếu, mà còn cả cái giá trị tình cảm của rất nhiều từ ngữ và khái niệm(...)

Như vậy, để trở lại với khổ thơ đã được dẫn ra ở đầu bài, không nhất thiết phải hiểu đúng từng chữ rằng trong những mối hiểm nguy tự nhiên ở dọc đường quả đích xác là có con hổ thật mà người đi đường đã tránh thoát được. Ngược lại, tác giả nói lên rất rõ ràng - đương nhiên là với những bạn đọc thông thạo - là: một chế độ đi rình rập, canh chừng những người vô tội còn nguy hiểm hơn cả dã thú(...)

Nhật ký trong tù là sự bộc lộ bằng văn học của một nhân vật cách mạng rất sống, có vốn học thức phi thường. Chủ tịch Hồ Chí Minh, người đã từng đọc Sếch-xpia và Đic-ken bằng tiếng Anh, Vic-to Huy-gô và Đô-la bằng tiếng Pháp.

Người đặc biệt yêu thích A-na-tôn Phơ-răng và Lép Tôn-xtôi. Cũng vậy, Người đã đọc tác phẩm của nhà văn cách mạng Lỗ Tấn trong nguyên bản. Năng lực ấy không phải là điều đáng kinh ngạc lắm. Điều đáng ngạc nhiên là Người đã lĩnh hội được cái truyền thống nghệ thuật của một dân tộc khác đến một mức độ như thế nào để cuối cùng, bằng một ngôn ngữ xa lạ, Người đã có thể cống hiến được một đóng góp thơ ca riêng của mình.

Hình thức của những bài thơ tổ chức một cách chặt chẽ ở nhịp điệu, thanh điệu, ở số câu, số chữ của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có từ rất xưa. Phần lớn những bài thơ trong tù của Người đều gồm từ một đến hai,

nhiều lắm là ba khổ thơ thất ngôn tứ tuyệt được xây dựng một cách nghiêm ngặt.

Thơ của Chủ tịch Hồ Chí Minh phần lớn có vần chân với những biến dạng khác nhau. Câu thơ thất ngôn được ngắt thành 2 nhân 2 và 1 cộng 2¹ âm tiết. Các âm tiết cũng được lựa chọn sao cho bốn thanh điệu xuất hiện theo một trình tự nhất định². Chúng ta hãy quan sát một thí dụ qua bản phiên âm và dịch nghĩa³:

ĐÁO QUẾ LÂM

*Quế Lâm vô quế diệp vô lâm.
Chỉ kiến sơn cao dữ thủy thâm.
Dung ẩm gian phòng chân khả phạ,
Bạch thiên hắc hắc, dạ thâm thâm.*

Dịch: ĐẾN QUẾ LÂM

*Quế Lâm không quế, không rừng,
Sông sâu thăm thẳm trập trùng núi cao.
Bóng đa dè nặng nhà lao,
Đêm sao lặng ngắt, ngày sao tối sầm.*

Cả hai đôi câu thơ đều được xây dựng đối ý với nhau. Câu thứ ba, câu thơ mở ra một bước chuyển, một bước tiến vào cái không gian mới của sự thể hiện, giống như trong khổ thơ Ru-bai của Ba Tư, không có vần. Đương nhiên, việc dịch sang ngôn ngữ của chúng ta, khó có thể đạt được sự cô đọng của nguyên bản chữ Hán, trong khi đó âm điệu, chỉ riêng có ở một ngôn ngữ thanh điệu, cũng không thể nào tái tạo lại được. Chỉ còn lại sự cố gắng tìm hiểu một cách chính xác nhất như có thể được nguyên bản và "chuyển" cái nội dung tư tưởng - tình cảm của nó sang câu thơ Đức, và đồng thời, chí ít là bằng cách phác qua, làm cho bạn đọc

1. Đây là nói lối ngắt nhịp rất phổ biến của thể thơ thất ngôn. Thường người ta cho có dạng 4+3 hay có dạng 2+2+2+1. Trên đây là một cách ngắt nhịp câu thơ thất ngôn của Bác. Thực ra đây cũng là dạng 4+3. (Chú thích của người dịch).

2. Ý nói luật bằng trắc. Bốn thanh là: bình, thượng, khứ, nhập. (Chú thích của người dịch).

3. Trong bài viết, giả phiên theo âm bạch thoại. Chúng tôi chuyển sang âm Hán - Việt (ND).

thấy rõ được cái cấu trúc bên ngoài của nguyên bản. Đó là điều may mắn (mà cũng chính là trách nhiệm) của bản dịch tiếng Đức này, một bản dịch mà toàn bộ các bài thơ đều dựa trên cơ sở của bản gốc.

Hình thức cổ điển có sẵn của các bài thơ, tạo cho Chủ tịch Hồ Chí Minh có đủ một không gian tinh thần, hay nói đúng hơn: hầu như không bận tâm. Người tự tạo ra cho mình cái không gian ấy để cho những vần thơ của Người khóc, cười, để cho nó khi thì châm biếm, sắc mạnh hoặc lướt đi một cách nhẹ nhàng, tùy theo yêu cầu. Điều đó làm cho thơ của Người hiện thực và phong phú. Cái quyền năng tối thượng mà Người đã dành được ấy cũng thể hiện lối chơi nhẹ nhàng, thoải mái mà Người dùng để lật ngược các từ ngữ - bài *Chiết tự* chỉ là một thí dụ.

Nội dung cách mạng mới, những tình cảm mới, những điều được đưa vào trong thơ "cổ điển", biểu thị một cách căn bản đặc điểm thơ trong tù của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Trong một bài thơ thuộc số những bài thơ nổi tiếng nhất của tập *Nhật ký trong tù*, Người đã liên hệ một cách có tính chất cương lĩnh thành tựu của người xưa với nhiệm vụ của nhà thơ hiện nay:

*Thơ xưa yêu cảnh thiên nhiên đẹp:
Mây, gió, trăng, hoa, tuyết, núi, sông.
Nay ở trong thơ nên có thép,
Nhà thơ cũng phải biết xung phong.*

Đây đâu phải là yêu cầu viết loại chiến ca kiểu *Tiataus*¹ - bằng thơ ca. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chứng tỏ rằng Người hiểu một cách cao cả và bao quát như thế nào phương châm sống của Người. Và như thế, ngay khi mà trong thơ đột ngột xuất hiện những khái niệm có sức nổ mạnh như "quyền tự quyết", "sao vàng năm cánh", thì trong câu thơ của Người cũng không chỉ có "thép"(...)

Với nỗi lòng khao khát, Chủ tịch Hồ Chí Minh mong đợi tin tức của những người bạn chiến đấu của Người ở Việt Nam. Một mẫu tin báo đã giúp cho Người lắng nghe và Người lại cầm lấy bút. Do điều kiện chiến đấu của Người trong nhà tù Quốc dân đảng nên không thể không thận

1. *Tiataus*, nhà thơ Hy Lạp, sinh ở Attique (thế kỷ XII trước Công nguyên). Ông sáng tác hai loại thơ trong đó có loại chiến ca gọi là *embateria*. Đó là loại bài hát ca ngợi lòng dũng cảm của những người dân thành Xpactat. (Chú thích của người dịch).

trọng khi ngợi ca những ngọn cờ đỏ, nhưng Người vẫn ca ngợi lá "cờ nghĩa" vừa mới được phát cao.

Trong khi đó ở nhà, tại những nơi ở bí mật, các đồng chí của Người đang lo lắng cho "Bác Hồ". Mọi người đều hết sức đau đớn khi tại căn cứ Cao Bằng có tin đồng chí Hồ Chí Minh đã mất trong nhà tù Quốc dân đảng. Ban Chấp hành Trung ương Đảng liền được thông báo. Các đồng chí bàn làm lễ truy điệu Người. Đồng chí Phạm Văn Đồng được trao nhiệm vụ đọc diếu văn. Một cán bộ được dự định cử sang Trung Quốc để dò lại tin này cho thật chính xác và cũng để tìm ra phần mộ của Người. Mãi mấy tháng sau mới nhận ra được sự nhầm lẫn tai hại ấy. Đồng chí Võ Nguyên Giáp kể lại rằng bỗng một hôm có một cuộn báo từ Trung Quốc gửi về, trên băng giấy bọc ngoài¹ với nét chữ rất quen, người ta đọc thấy một lời chào: "Chúc chú huynh ở nhà mạnh khỏe và cố gắng công tác. Ở bên này bình yên".

Và trên băng giấy lại có một bài thơ, dấu hiệu sống của một con người mà nhà cầm quyền Quốc dân đảng đã buộc phải trả tự do vào thứ sáu, 10 tháng 9 năm 1943.

*Núi ấp ôm mây, mây ấp núi,
Lòng sông gương sáng, bụi không mờ
Bồi hồi dạo bước Tây Phong Lĩnh,
Trông lại trời Nam, nhớ bạn xưa.*

Quan niệm một cách chặt chẽ thì bài thơ này không còn thuộc vào tập *Nhật ký trong tù* nữa, và khi nó được sáng tác thì đồng chí Hồ Chí Minh đã trên đường trở về nước với các đoàn thể Việt Nam đang chiến đấu chống Nhật.

Được Đảng Mác - Lê-nin lãnh đạo, đúng hai năm sau đó, trong trận chiến đấu quyết liệt chống bọn xâm lược và bọn phản động trong nước, cuộc cách mạng dân chủ nhân dân đã thắng lợi trên toàn cõi Việt Nam. Ngày 2 tháng 9 năm 1945, tại Quảng trường Ba Đình - Hà Nội, Chủ tịch Hồ Chí Minh tuyên bố thành lập nước Việt Nam dân chủ cộng hòa.

1. Nguyên văn: Banderol: Băng giấy bọc ngoài thường có dấu hải quan. Thực ra, Bác viết bên mép trắng tờ báo. Xem: Võ Nguyên Giáp, *Những chặng đường lịch sử*. Nxb Văn học, H.1977, tr.108, (Chú thích của người dịch).

Với hành động, tên tuổi của nhà cách mạng và nhà hoạt động quốc tế vĩ đại của Việt Nam đã vĩnh viễn đi vào lịch sử thế giới. Trong cuộc đấu tranh chống bọn xâm lược Pháp và sau này chống bọn xâm lược Mỹ, Người đã thể nghiệm trên chiến trường chiến lược của Người. Về nhà thơ Hồ Chí Minh thì ban đầu hầu như người ta không biết một chút gì, nếu không kể những câu châm ngôn chúc mừng năm mới hằng năm của Người. Nhưng vào tháng 5 năm 1960, tập thơ *Nhật ký trong tù* của Chủ tịch Hồ Chí Minh ra mắt bạn đọc một cách trân trọng, do Nhà xuất bản Văn học, Viện Văn học, Hà Nội xuất bản. Cuốn sách dày 249 trang đó bao gồm bên cạnh mỗi bài thơ chữ Hán là một phần phiên âm sang âm Hán - Việt¹, phần dịch nghĩa, và phần dịch thơ sang tiếng Việt hiện đại. Sau đó, tập thơ được dịch sang nhiều thứ tiếng khác trên thế giới.

Trong nguyên bản viết tay của nó, với hơn một trăm bài thơ, sau câu tứ tuyệt đầu tiên, có vẽ hai nắm tay bị xiềng vào nhau.

Tập vở ấy được lưu giữ tại Bảo tàng Cách mạng Hà Nội, một cuốn sổ ghi chép, bìa màu xanh, dày 47 trang.

Xuất bản được tập thơ nổi tiếng này bằng tiếng Đức vào đúng cái lúc mà nhân dân Việt Nam đã thực hiện một cách quang vinh như vậy. *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đó quả là một niềm vui sâu sắc.

1. Nguyên văn: chữ Nôm cổ (ND).

"NHẬT KÝ TRONG TÙ" MỘT BỨC TRANH TỰ HỌA CỦA HỒ CHÍ MINH

Tiến sĩ PHÊRENXƠ XDILAGHI*

(Thụy Điển)

(...) Rõ ràng đây là một bức chân dung của vị Chủ tịch. Đây là thơ, những bài thơ ngắn gọn, những đoạn thơ mang đầy cá tính, viết ra trong hoàn cảnh bị kẻ địch bắt, vì Hồ Chí Minh đã chọn lấy cách làm thơ để giải khuây trong những thời gian Người bắt buộc phải ngồi không ở chốn lao tù. Những đoạn thơ hoàn toàn riêng tư này đã biểu hiện những cảm xúc và những niềm hy vọng của người bị bắt. Thảng hoặc ở đây kia, người ta thấy tác giả ngụ ý nói đến những hoàn cảnh và lý do của tình huống, tuy nhiên những cái đó chỉ được phác qua một cách nhẹ nhàng vì không phải là chủ đích của tác giả. Người ta thấy, trên tấm phong của tình hình chính trị quốc tế, nổi bật lên những nét tình cảm và những nét hy vọng, sự phát hiện ra niềm vui - dĩ nhiên là khó khăn - trong những ngày sống mất tự do. Ở đây, người ta thấy Hồ Chí Minh có đầy đủ những đức tính quan trọng của một nhà thơ, vì thơ của Người đã được kết tinh từ nguồn cảm hứng thật sự của thi ca, từ sự hóm hỉnh tinh tế và từ sức tưởng tượng phong phú. Những đức tính ấy đã đem lại cho người đọc sự sáng khoái được bất gặp một nền thơ hiện thực và ở đây, qua các đề tài, thơ đã kết hợp chặt chẽ hiện thực với lãng mạn. Xin nêu ra một ví dụ:

XẾ CHIỀU

*Cơm xong, bóng đã xuống trầm trầm,
Vang tiếng đàn ca, rộn tiếng ngâm.*

* Tiến sĩ Phêrenxơ Xdilaghi là Tổng biên tập tạp chí văn học *Lãng kính phương Bắc* xuất bản tại Thụy Điển. Tác giả đã được đọc tập thơ *Nhật ký trong tù* của Hồ Chí Minh qua bản dịch quốc tế ngữ của Bồ Đào Nha, Nhà xuất bản Ngoại văn, Hà Nội. Bản này đã đăng trên tạp chí nói trên, số Xuân 1967.

*Nhà ngục Tĩnh Tây mờ mịt tối,
Bồng thành nhạc quán viện Hàn Lâm.*

Giọng thơ mang đầy bản sắc, làm cho người đọc tự nhiên cảm thấy mình đang đứng trước một nhà thơ, nhà thơ đang sống trong hoàn cảnh hết sức ngặt nghèo, nhưng rõ ràng nhà thơ không hề thụ động và thiếu sức mạnh. Trái lại, Người sống ra sống và còn có đủ lý do để nhìn sự hài hước của số phận, để cùng với nó lại tự trào về mình:

*Mỗi người nửa chậu nước nhà pha.
Rửa mặt, pha trà tự ý ta.
Muốn để pha trà, đừng rửa mặt.
Muốn đem rửa mặt, chớ pha trà.*

Hoặc như ở một bài thơ khác, dường như Người cũng vẫn đang nói với bên trong của tâm hồn mình:

*Ví không có cảnh đông tàn,
Thì đâu có cảnh huy hoàng ngày xuân.
Nghĩ mình trong bước gian truân,
Tai ương rèn luyện tinh thần thêm hăng.*

Nói chung, người đọc có cảm giác như mình được đứng dừng lại đôi phút trên dòng thác thời gian, tạm quên cuộc chiến tranh đau lòng đang diễn ra - cuộc chiến tranh phi nghĩa mà ai nấy đều mong muốn và tin tưởng là phải chấm dứt - để tập trung ý nghĩ vào một con người đang chân thành bộc lộ mình. Và chúng ta đã tiếp nhận được một bức chân dung làm cho mình phải ngạc nhiên.

Đây là một cuốn sách mà tất cả mọi người yêu thơ đều nên đọc, vô luận người đọc ấy mang chính kiến như thế nào.

"CƠM CÓ NGON KHÔNG, ĐỒNG CHÍ?"

(Trích)

EC-VIN BOOC-SƠ tức CHIẾN SĨ¹

(Cộng hoà dân chủ Đức)

Tôi rất vinh dự là một người nước ngoài đã chiến đấu 25 năm trong hàng ngũ người cộng sản Việt Nam. Qua 25 năm ấy, đời tôi có biết bao nhiêu kỷ niệm sâu sắc, ấm lòng! Đặc biệt tôi xin kể lại một số lần được tiếp xúc với Bác Hồ, được nghe Người trực tiếp ân cần dạy bảo.

Lần đầu tiên, tôi được trông thấy Người tại một cuộc mít tinh trước Nhà hát lớn Hà Nội, vào tháng 11 năm 1945. Bấy giờ, tôi chưa hiểu tiếng Việt nhiều, nhưng cũng cố chen vào giữa đám người khổng lồ để được đứng gần Người, lắng nghe Người nói. Người mặc bộ ka ki màu vàng, áo sơ mi trắng, có gương mặt xương xương với vầng trán cao và đôi mắt quắc thước. Giọng Người nói rất ấm, chậm rãi, rõ ràng. Chủ tịch hỏi mọi người: "Đồng bào nghe tôi nói có rõ không?". Và từ đám đông đang im lặng ấy bỗng đồng thanh vang lên hai tiếng "rõ ạ" như sấm dậy. Ấn tượng của tôi qua cuộc mít tinh này chính là gương mặt đầy vẻ thông minh của Người, là tấm lòng thương yêu nhân dân đầm thấm của Người, là sự cởi mở chân thành của Người đối với quần chúng.

Cho đến đêm giao thừa 1946-1947 thì tôi được trực tiếp gặp Người. Đêm đó, Người đến đài phát thanh đóng tại chùa Trầm (Hà Đông) để chúc mừng đồng bào cả nước nhân dịp năm mới. Người kêu gọi nhân dân cả hai miền Nam Bắc đồng tâm nhất trí triệu người như một quyết tâm kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn.

1. Nguyên là sĩ quan trong Quân đội nhân dân Việt Nam, biên tập viên Đài Tiếng nói Việt Nam và báo Bạn chiến đấu.

Hồi này, tôi đang là biên tập viên ở Đài *Tiếng nói Việt Nam*, phụ trách các buổi phát thanh tiếng Đức và tiếng Pháp. Chúng tôi chỉ được biết Bác Hồ đến trước đó chừng hai, ba giờ đồng hồ. Sau khi chúc mừng đồng bào. Người gặp gỡ và nói chuyện thân mật với anh chị em công tác ở đài. Thoạt trông thấy tôi, Người tiến lại gần, tươi cười chào tôi và hỏi bằng tiếng Đức "Đồng chí Chiến Sĩ, cơm có ngon không?". Câu hỏi rất giản dị, mới nghe tưởng bình thường nhưng chứa đựng cả một ý nghĩa rất sâu xa.

Hồ Chủ tịch hỏi như vậy, và tôi hiểu ngay rằng trong cuộc chiến đấu đầy gian nan thử thách này, tôi có thể vượt qua được không? Tôi lễ phép trả lời Người:

- Thưa đồng chí Chủ tịch, cơm ngon lắm ạ!

Người mỉm cười, tỏ vẻ hài lòng rồi đi hỏi chuyện các đồng chí khác...

Tháng 2 năm 1948, chừng ít ngày sau Tết Nguyên đán tôi lại gặp Người. Lúc này tôi đã chuyển sang làm sĩ quan ở cục tuyên huấn quân đội, phụ trách tờ báo *Bạn chiến đấu* xuất bản bằng tiếng Đức nhằm mục đích kêu gọi lính Lê dương người Đức và người Áo chấm dứt cuộc đời làm lính đánh thuê cho bọn thực dân Pháp. Hồi bấy giờ, không ít người Đức và người Áo đã mù quáng đi theo con đường phi nghĩa và bế tắc đó.

Cơ quan chúng tôi đóng ở gần Thái Nguyên, cách Hà Nội chừng 80 ki-lô-mét, giữa một khu rừng sâu Việt Bắc. Từ lâu rồi Việt Bắc đã trở thành cái nôi của cách mạng Việt Nam. Chính ở đây ngay từ buổi đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp, đã có nhiều cơ sở sản xuất, phục vụ và trường học của chính quyền nhân dân. Toà soạn và "nhà in" của chúng tôi cũng làm việc trong guồng máy chung của căn cứ địa cách mạng ngày nay. Ngoài việc ra tờ báo *Bạn chiến đấu*, chúng tôi còn in truyền đơn và tài liệu bằng tiếng Việt, tiếng Pháp, tiếng Ý, tiếng Ả-rập và tiếng Đức. Chúng tôi gọi báo *Bạn chiến đấu* là "cơ quan đấu tranh của những người bạn của Việt Nam".

Một hôm, tôi nhận được bức thư đánh máy bằng tiếng Pháp, đề ngày 10 tháng 2 năm 1948, cuối thư là chữ ký của Hồ Chủ tịch bằng mực tím kèm theo một dấu triện hình vương của Chính phủ Việt Nam lúc bấy giờ. Bức thư viết:

"Gửi báo *BẠN CHIẾN ĐẤU*

Các bạn thân mến,

Rất cảm ơn các bạn về những số báo của Bạn chiến đấu. Đây là một vài ý kiến nhỏ đề nghị với các bạn tờ báo này dành cho những người lính Lê dương, những chàng trai vui tính, dễ cấu kình, dễ cảm xúc, chứ không phải là những người làm chính trị sâu sắc. Bởi vậy, cần có những bức tranh, những bức vẽ khôi hài, những gì làm họ vui cười, những tin tức ngắn về nước Đức và nước Pháp - đặc biệt là những tin tức có liên quan đến đời sống của nhân dân (như không đủ lương thực tiếp tế, đình công, sự phiền nhiễu của các cơ quan cai trị...).

Nói tóm lại, cần phải cho họ cảm động, thoải mái, làm cho họ cười và khóc, để lôi cuốn họ về phía chúng ta.

Không nên viết những bài dài.

Không nên viết những vấn đề chính trị lớn đương thời.

Các bạn nghĩ thế nào?

Chúc mừng năm mới.

10-2-1948

HỒ CHÍ MINH

Bốn chữ "Chúc mừng năm mới" được đánh máy bằng tiếng Đức, chữ cỡ lớn. Cũng có điều tình cờ đáng mừng là bức thư của vị lãnh tụ tối cao đã đến đúng vào dịp sinh nhật của tôi. Hiện nay, tôi vẫn giữ bức thư này rất cẩn thận. Nó là cái cớ để tôi được đến chỗ làm việc của Bác. "Phủ Chủ tịch" là một túp lều tre, nằm bên bờ một dải rừng già. Túp lều này không có cửa, chỉ có rèm che. Khi bước vào, vì quá xúc động, mà khổ người tôi lại to, tôi va phải một bên rèm. Đang giữa lúc lúng túng, Người ném cho tôi một quả cam và bảo: "Đồng chí cầm lấy!". Đây chẳng những là một cử chỉ thân mật của Người, mà còn để tôi tránh bỡ ngỡ. Ngay từ giây phút đầu, Người nói chuyện với tôi rất thoải mái, như người cha với đứa con ở xa về.

Bác pha nước, mời tôi uống và rút ra một bao thuốc lá bảo tôi hút. Bác hút khá nhiều. Tôi lặng lẽ nhìn nốt gian phòng của Người. Bàn làm việc, mà cũng là bàn tiếp khách của Người, được kết lại bằng mấy vạt tre to. Trên bàn có một chiếc máy chữ nhỏ đã cũ, một ít giấy, một cái ống tre đựng một ít bút thường và bút chì. Ngay cả chiếc giường nằm của

Người cũng làm bằng tre. Lúc tiếp tôi, Người mặc bộ quần áo nâu trên cổ quàng một chiếc khăn sợi đã cũ. Tôi hết sức xúc động và cũng có phần lo ngại nữa, bởi vì, giữa cái rét Việt Bắc này, Người cũng chỉ ăn mặc, sinh hoạt đơn sơ như vậy thôi...

Trong bầu không khí đậm ấm, Người hỏi thăm tôi về công việc, sức khoẻ gia đình.

Đúng ba năm sau, tôi được đi dự Đại hội lần thứ 2 của Đảng với tư cách là khách mời. Từ cơ quan chúng tôi đã đi ngựa đến địa điểm của Đại hội. Địa điểm nằm cách Hà Nội chừng 100 ki-lô-mét theo đường chim bay. Khu vực Đại hội được bảo vệ cẩn thận, có cả một đơn vị pháo cảnh giới.

Trong những ngày Đại hội, tôi và những đồng chí nước ngoài được ăn cơm cùng mâm với Bác. Độ này, Bác đỡ gầy hơn. Theo phong tục Việt Nam, Người nâng các đĩa thức ăn, sẻ cho từng người một.

*
* *

Trong những năm hoạt động ở Việt Nam, tôi biết Bác Hồ là người kịch liệt chống bệnh quan liêu, hách dịch, kiêu ngạo của cán bộ. Có lần Người nói với chúng tôi:

- Cách mạng không thể là sự nghiệp của riêng một cá nhân nào. Cách mạng cần có nhiều người, cần có toàn dân tham gia. Bởi vậy, chúng ta cần có rất nhiều cán bộ tuyên truyền, cổ động, giáo dục. Những cán bộ đó phải tốt, chân thành và cởi mở... Chúng ta phải gương mẫu trong mọi trường hợp, phải sẵn sàng đón nhận bất cứ thử thách và hy sinh nào về phần mình. Chúng ta phải làm cách mạng với tất cả nghị lực, ý chí và tâm hồn mình...

Những lời Người dạy, cho đến nay và mãi mãi về sau, vẫn là kim chỉ nam đối với mọi hoạt động của tôi. Tôi đã trở về Tổ quốc tôi từ ngót 10 năm nay. Tuy sống trong một điều kiện khác hẳn, và mặc dù tuổi già, tôi vẫn cố gắng làm bất cứ việc gì, miễn là có ích cho xã hội. Mãi mãi, tôi không bao giờ quên được chặng đường gian lao và vinh dự đã trải qua một phần tư thế kỷ ở Việt Nam và luôn luôn tự cổ vũ mình bằng câu hỏi ân cần năm xưa của Bác Hồ kính mến: "Cơm có ngon không, đồng chí?".

MỘT BUỔI SÁNG MÙA XUÂN 1924

GÉC-MA-NÉT-TÔ
(Italia).

"Mát-xơ-va tháng giêng năm 1924. Giữa mùa đông nước Nga, khi trời lạnh dưới 40 độ không, Lê-nin vừa mất được mấy hôm.

Sáng hôm ấy tại phòng chúng tôi, phòng số 8 khách sạn Lux có tiếng gõ cửa nhẹ. Một thanh niên rất gầy gò, đầu đội cát két, mình mặc chiếc áo mỏng mùa thu, tay xách một va ly bé tí, bước vào và nói:

- Tôi là Nguyễn Ái Quốc, người Việt Nam, vừa ở Pa-ri đến. Tôi đến thì Lê-nin vừa mất - Nói đến đây người thanh niên ngừng lại, lau nước mắt - Bây giờ tôi muốn đến viếng linh cữu Lê-nin...

- Đồng chí Ái Quốc, đồng chí mặc mỏng manh như thế không chịu được rét Nga đâu. Đồng chí hãy chờ đến ngày mai, khi có quần áo ấm hãy đi."..

Ái Quốc thở dài, không trả lời, ngồi uống nước chè với chúng tôi rồi trở về phòng mình. Chúng tôi cho rằng: "Thế là đồng chí ấy chịu nghe chúng mình rồi".

Ngoài trời tuyết tạm ngừng rơi, lạnh như cắt ruột. Trước nhà Công đoàn là nơi để linh cữu Lê-nin, dòng người im lặng và dài vô tận đứng chờ, hầu như không nhích được bước nào. Rét quá! Ngoài đường có từng đống lửa để nhân dân sưởi đỡ rét. Tiếng máy truyền thanh buồn bã nói về Lê-nin, vị lãnh tụ vừa quá cố... Tiết trời hôm nay hình như cũng chia buồn với lòng người.

Khoảng 10 giờ đêm, có tiếng gõ cửa nhẹ. Tôi bước ra mở cửa: trước mặt tôi là đồng chí Nguyễn Ái Quốc, vẫn trong bộ quần áo mỏng manh, đầu đội cát két. Mặt đồng chí xanh xám, ngón tay, mũi và tai thâm tím vì giá rét.

- Tôi vừa đi viếng Lê-nin về - Ái Quốc vừa nói vừa run cầm cập - Tôi không thể chờ đến ngày mai để viếng Người. bạn vĩ đại của nhân dân các nước thuộc địa... Đồng chí còn có nước chè nóng không?...

Géc-ma-nét-tô ngừng lại, trầm ngâm một lúc rồi nói tiếp: "Tôi luôn luôn nhớ mãi hình ảnh ấy, biểu hiện cho ý chí của con người luôn luôn kiên quyết đấu tranh chống thực dân, vì tự do và hạnh phúc của dân tộc. Sau đó chúng tôi trở thành bạn thân, cùng làm việc với nhau nhiều. Cái gì tiêu biểu nhất ở con người Hồ Chí Minh? Là tính khiêm tốn lạ thường, là ý chí phấn đấu và học hỏi vô cùng mạnh mẽ... Trong câu chuyện đồng chí Hồ thường nói:

"Chỗ của tôi là ở Việt Nam, nơi mà các đồng chí và đồng bào tôi đang chiến đấu...".

Chúng tôi thường cùng nhau nhắc lại những chuyện về nước Pháp, về Pa-ri... Chúng tôi thường nhắc đến cái "Chợ trời" ở Pa-ri, tiếng Pháp gọi là "cái chợ rận", đó là nơi mà những người cùng khổ ở Pa-ri mang bán từ tấm áo rách, đến cái xe đạp cũ, cái bàn, cái ghế gãy chân. Ở đấy cũng là nơi mà hàng nghìn người vì đấu tranh cho tự do, cơm áo của nhân dân mình mà phải trốn tránh, những người mà pháp luật "chính quốc" cũng như bọn quan lại, địa chủ trong nước họ đang tìm bắt, họ đang sống trong cảnh cực kỳ nghèo nàn, không thể tả được. Nhưng họ vẫn quyết tâm phấn đấu không ngừng. Đồng chí Hồ Chí Minh ngay từ đầu đã hiểu Cách mạng tháng Mười, hiểu Lê-nin và ảnh hưởng to lớn của cách mạng ấy, của chủ nghĩa Mác - Lê-nin đối với cuộc đấu tranh của các dân tộc bị áp bức. Ở Pháp, tôi được quen khá nhiều người Đông Dương hoạt động chính trị, nhưng hình ảnh đồng chí Nguyễn Ái Quốc luôn luôn nổi bật sự khiêm tốn, ham học và phấn đấu.

Theo tôi, đồng chí Hồ Chí Minh là người đã giúp cho phong trào vô sản thế giới và phong trào giải phóng dân tộc nhiều tài liệu đầy đủ nhất về tội ác của thực dân Pháp ở Đông Dương và phong trào đấu tranh của nhân dân Đông Dương...

*

* *

Đồng chí Géc-ma-nét-tô luận:

"Tôi muốn nhân dịp mừng sinh nhật của đồng chí Hồ Chí Minh gửi đến đồng chí lời chào thân ái, chúc đồng chí khoẻ mạnh, sống lâu, và nhờ đồng chí Hồ chuyển đến nhân dân Việt Nam lời chúc đấu tranh thắng lợi trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và giành thống nhất nước nhà.

VỀ DI CHỨC CỦA HỒ CHỦ TỊCH

*Xã luận báo Tự do nhân dân,
cơ quan Trung ương của Đảng công
nhân xã hội chủ nghĩa Hung-ga-ri,
số ra ngày 11-9-1969*

Toàn bộ cuộc đời của vị lãnh tụ, nhà cách mạng Hồ Chí Minh, đã hiến dâng cho sự nghiệp đấu tranh và đã đề ra cương lĩnh chiến đấu cho nhân dân.

Sau khi đã hiểu rõ Người, nhân dân tập hợp xung quanh Người và cùng với Người tiến hành cuộc đấu tranh; Người đã lãnh đạo toàn dân chiến đấu hết mặt trận này đến mặt trận khác. Những cương lĩnh và việc thực hiện những cương lĩnh đó đã đưa nước Việt Nam từ một nước đói khổ, tối tăm dưới ách thực dân lên hàng đầu các dân tộc đang đấu tranh nhằm cải tạo xã hội, giành độc lập và tự do.

Sự nghiệp của đồng chí Hồ Chí Minh là sự nghiệp của nhân dân Việt Nam, sự nghiệp đó đã chiến thắng bọn thực dân Pháp và phá tan xiềng xích đã trói buộc nhân dân Việt Nam.

Sự nghiệp của Người, cũng như nhân dân của Người, là một ngôi sao sáng ngời và cũng là thành tích của cách mạng thế giới. Nước Việt Nam luôn luôn đấu tranh cho sự nghiệp giải phóng của dân tộc mình và sự tiến tới chủ nghĩa cộng sản trên thế giới.

Di chúc của Người hiện nay cũng như sau này không những chỉ là của nhân dân Việt Nam mà còn dành cho tất cả dân tộc, các đảng đang đấu tranh vì chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản, dù ở châu Á, châu Âu hay ở bất cứ nơi nào trên các lục địa.

Trên trái đất hiếm có người nào mà tự mình có thể nêu lên được những lời mạnh mẽ hơn và có nhiều ý nghĩa hơn lời của đồng chí Hồ Chí Minh: "*Về phong trào cộng sản thế giới - Là người suốt đời phục vụ cách mạng*". Thật là hiếm có bởi vì không những ý chí và mơ ước cách mạng

của đồng chí Hồ Chí Minh trong sáng mà những hành động của Người đã được thể hiện ở câu: "... Tôi càng đau lòng bấy nhiêu vì sự bất hoà hiện nay giữa các đảng anh em!".

Mỗi lời trong *Di chúc* đều toát lên ý của đồng chí Hồ Chí Minh rất mong muốn phong trào công nhân quốc tế được đoàn kết và thống nhất. Bằng những hành động, những người cộng sản Việt Nam đã chứng minh là họ hiểu như thế nào về sự thống nhất trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lê-nin và chủ nghĩa quốc tế vô sản. Vì vậy mà những người cộng sản trên thế giới tin tưởng là Đảng Lao động Việt Nam đang đấu tranh một cách bền bỉ và có hiệu quả cho sự đoàn kết trong tương lai cũng như chiến đấu một cách bền bỉ và có hiệu quả cho nền độc lập và tự do của Tổ quốc mình.

Qua lời *Di chúc* của mình, đồng chí Hồ Chí Minh đã chân thành cảm ơn sự giúp đỡ của nhân dân thế giới đối với cuộc đấu tranh yêu nước của nhân dân Việt Nam. Theo tinh thần đó, chúng ta sẽ phải làm những việc mà đồng chí Hồ Chí Minh đã làm: chúng ta sẽ phục vụ sự nghiệp giải phóng của tất cả các dân tộc bị áp bức, cho thắng lợi của chủ nghĩa quốc tế vô sản trên toàn thế giới.

Ở CẠNH BÁC HỒ

Tap chí Hoa Sen (Trung Quốc) từ số 101995 đăng nhiều kỳ, tập hồi ký Ở cạnh Bác Hồ của Văn Trang, một cán bộ Trung Quốc giỏi tiếng Việt, từng nhiều năm công tác ở Việt Nam. Xin trích giới thiệu một đoạn trong hồi ký đó:

Sau năm 1960, sự bất đồng trong phong trào cộng sản quốc tế ngày một nghiêm trọng, Bác nói với tôi: Hiện nay, sự bất đồng giữa Trung Quốc và Liên Xô rất lớn, Trung Quốc nhấn mạnh về cách mạng, Liên Xô nhấn mạnh về hoà bình, Bác cho rằng hai cái đều quan trọng cả, phải làm cách mạng, cũng phải giữ gìn hoà bình thế giới. Trước kia, khi Bác ở Quốc tế Cộng sản, các đồng chí có nhận xét không nhất trí đối với nhiều vấn đề, tranh cãi lung tung đến nổi đỏ mặt tía tai, nhưng vẫn cứ cùng nhau làm việc... (Bác đã nói với tôi mấy lần về quan điểm này). Lúc ấy, trong lòng tôi không tán thành, nhưng chỉ lắng nghe chứ không nói gì, Bác cũng không đòi tôi phải phát biểu nhận xét của mình.

Năm 1965, giới văn hóa Việt Nam tổ chức nhiều hoạt động kỷ niệm Nguyễn Du, nhà thơ Việt Nam hồi thế kỷ XVIII. Bác nói với tôi: Thơ Nguyễn Du hay thật, ở Việt Nam ai cũng biết cả.

Có một lần, nói đến công việc phiên dịch, Bác nói: Ở Trung Quốc, có người dịch *Hồng đăng ký* sang tiếng Pháp, dịch thẳng là "Truyện đèn đỏ". Dịch thế này không ổn, bởi hai chữ "đèn đỏ" ở Pháp, cũng như ở châu Âu là nhà gái đi, trong các thành phố lớn có "khu đèn đỏ" mà. Phiên dịch thì phải tránh hiểu nhầm.

Lần khác, tôi lên gác nhà sàn, Bác đang đánh máy ở góc hành lang. Bác gọi tôi ngồi uống chè và đợi một lát. Máy phút sau, Bác rút tờ giấy ra đưa cho tôi xem. Đó là một bài văn ngắn lên án Mỹ xâm lược Việt Nam ký bút danh. Bác hỏi tôi có ý kiến gì, tôi trả lời: Bài viết rất hay,

ngắn gọn có sức mạnh. Bác nói: Không phải để chú nói hay, ý Bác là hỏi chú có ý kiến gì sửa chữa. Tôi xem lại lần nữa.

- Thưa Bác, hai chữ "Nam Việt" có nên sửa thành "miền Nam Việt Nam" không, như thế càng tỏ rõ Việt Nam là một nước thống nhất.

- Ý kiến này hay, thế thì sửa lại thành "miền Nam Việt Nam". Đây, có người góp thêm ý kiến là tốt. Dứt lời, Bác lấy máy chữ chữa lại ngay, rồi bắt đầu đi vào chuyện chính.

Sau năm 1965, máy bay Mỹ thường xuyên đến bắn phá miền Bắc Việt Nam, cuối năm 1966, có lần trong lúc báo động phòng không, Bác gọi tôi đến, anh thư ký dân ta đi vào một hầm trú ẩn nhỏ bằng bê tông cốt sắt, ở gần nhà sàn, nằm dưới mặt đất chừng 10 mét, diện tích nhỏ hơn nhà sàn của Bác một chút. Tôi bước vào phòng trong, chào hỏi Bác. Bác vẫn điềm tĩnh như ngày thường.

- Ở đây thế nào?

- Tốt lắm, Bác ạ.

- Hầm trú ẩn trong Đại sứ quán Trung Quốc đã đào xong chưa?

- Thưa Bác xong rồi.

- Trong thời kỳ chống Nhật ở Trung Quốc, Bác ở Côn Minh, không có hầm trú ẩn để tránh máy bay Nhật thả bom, phải chạy ra ngoại ô gần đó, ngồi trên bờ ruộng tán chuyện, đợi khi báo yên mới trở về trong thành. Bây giờ đã có hầm trú ẩn, nhưng cũng không được chủ quan.

Ngày 14-12-1966, máy bay Mỹ dùng tên lửa bắn vào Đại sứ quán Trung Quốc tại Việt Nam, phá huỷ một góc mái hiên của nhà câu lạc bộ. Do mọi người đã kịp thời vào hầm trú ẩn, không ai bị thương vong. Chiều hôm ấy, Bác cử ngay Phó thủ tướng kiêm Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Nguyễn Duy Trinh và một số cán bộ đến Đại sứ quán thăm hỏi chúng tôi.

Bác thường gọi tôi đến gặp, phần lớn là để làm một việc cụ thể nào đó. Nhưng cũng có 2 lần ngoại lệ. Đầu năm 1955, Bác được biết vợ tôi và con thứ hai vừa chào đời 2 tháng đã từ Côn Minh về đến Hà Nội, liền bảo chúng tôi bế cháu cho Bác xem. Đại sứ La Quý Ba đưa chúng tôi đến chỗ Bác, và cùng ăn cơm tối. Theo yêu cầu của chúng tôi, Bác đặt tên cho cháu là "Việt Dũng". Năm 1959, trước khi tôi được điều động về nước, Bác lại gọi tôi đến cùng ăn cơm tối, còn tặng tôi một tấm ảnh, trên có viết một dòng chữ bằng Trung văn (Chúc chú tiến vọt, ngày 3-6-59. Bác Hồ tặng". Buổi ấy, Thủ tướng Phạm Văn Đồng cũng có mặt và cũng tặng tôi một tấm ảnh có ký tên.

NHỮNG TƯ LIỆU MỚI VỀ NGUYỄN ÁI QUỐC

SÁC-LƠ PHUỐC-NI-Ô

Giáo sư sử học Hội trường

Hội hữu nghị Pháp - Việt

Đối với tôi bày tỏ lòng kính phục đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh là một điều tất yếu về tinh thần, bởi vì Người, mà tôi xin mạn phép gọi một cách triu mến là Bác Hồ, đã có một ảnh hưởng nặng cảm đối với sự phát triển tư duy và công việc của tôi.

Nhằm mục đích nào tôi có thể đưa ra dẫn chứng về khá nhiều dịp mà tôi đã có vinh dự và thuận lợi được gặp Người, mà tôi có thể đưa ra kết luận của tôi qua suy nghĩ phân tích về sự nghiệp của Người. Tuy nhiên, xin cho phép tôi làm một điều mạo phạm hơn là góp phần vào kho tàng nghiên cứu chung của chúng ta bằng cách tiếp cận bản tiểu sử khoa học lớn cần phải được thực hiện với sự hợp tác của các nhà sử học ở nhiều nước nhằm làm nổi bật một cách hiển nhiên và trên mọi tầm vóc, hình ảnh con người đã là một trong ba hoặc bốn nhân vật vĩ đại nhất của phong trào công nhân và cách mạng thế giới, một trong những vĩ nhân của thế kỷ chúng ta, đồng thời là người sáng lập ra nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Tôi xin thông báo với quý vị một tin mừng là sự phát hiện mới đây một khối tư liệu lưu trữ cho đến nay chưa được biết đến liên quan đến Nguyễn Ái Quốc mà tôi vừa mới xem qua.

Lúc quân đội Pháp đang tiến hành cuộc "chiến tranh bản thủ" chống nhân dân Việt Nam, Bộ chỉ huy quân đội viễn chinh đã thu thập một khối lượng thông tin tư liệu khá lớn về đối phương. Nhằm mục đích này, họ đã thu thập một số tư liệu được phân loại theo chủ đề. Và dĩ nhiên một trong những chủ đề chính là về Hồ Chí Minh. Chủ đề này đã tập hợp đủ tư liệu để chất đầy 6 thùng lưu trữ cỡ lớn gồm hàng mấy nghìn tư liệu.

Do các tài liệu lưu trữ của quân đội viễn chinh được chuyển về nước một cách vội vã sau Điện Biên Phủ, rồi được đưa cất ở nhiều nơi, một số thùng tài liệu này bị thất lạc. Người ta chỉ biết là có các thùng tài liệu lưu trữ này thông qua các hóa đơn vận chuyển: trong số đó có những thùng tài liệu liên quan đến Hồ Chí Minh.

Do mới phát hiện ra các tài liệu này vào tháng 2, Trung tâm lưu trữ hải ngoại ở Êxơ-ăng - Prô-văng-xơ (Aix-en Provence) nên tôi đã không có thời gian để tiến hành nghiên cứu sâu cả khối tài liệu lưu trữ này. Do vậy, tôi xin mời các bạn cùng tôi lướt qua các nguồn tư liệu mới đó.

Về cơ bản, toàn bộ các tài liệu này liên quan đến thời kỳ có thể gọi là thời kỳ Nguyễn Ái Quốc, có nghĩa là từ 1919 đến chiến tranh thế giới thứ hai.

Hầu như toàn bộ các tài liệu này là các bản sao chụp, do các cơ quan soạn thảo ra các tài liệu này gửi cho quân đội viễn chinh.

Hàng chục hồ sơ, một số khá dày, chứa đựng các tài liệu từ các nguồn khác nhau: công văn trao đổi giữa các nhà chức trách dân sự như viên Toàn quyền và Bộ trưởng bộ thuộc địa; các nhà báo và một phần lớn các tài liệu của cảnh sát.

Do đó, cần luôn luôn cảnh giác đối với những tài liệu này, phải sử dụng chúng một cách thận trọng và với một đầu óc phê phán nhạy bén.

Vả lại, các tài liệu này cũng chỉ làm sáng tỏ những giai đoạn cảnh sát Pháp đã có thể trực tiếp điều tra về hoạt động của Nguyễn Ái Quốc, có nghĩa là:

- Giai đoạn Người ở Pháp, từ 1919 đến 1923.
- Giai đoạn Người ở Quảng Châu, từ 1925 đến 1927.
- Giai đoạn Người ở Hồng Kông, từ 1931 đến 1933.

Chính về 3 giai đoạn này mà tôi muốn nêu ra một vài thông báo và suy nghĩ đầu tiên của tôi sau khi đọc lướt qua các tài liệu.

Ở PHÁP TỪ 1919 ĐẾN 1923

Người ta biết khá rõ về giai đoạn này trong cuộc đời của Nguyễn Ái Quốc và các hồ sơ lưu trữ của quân đội viễn chinh không đưa ra những khám phá gì mới. Tuy nhiên, theo tôi, những tư liệu này cho phép chúng ta hiểu biết chính xác hơn về những năm đó.

Trước tiên, có thể xác định rõ ràng một số điểm còn mập mờ.

Tôi nêu ví dụ ngày Nguyễn Ái Quốc sang Liên Xô. Bản thân Người đã nói với tôi là "trong nửa cuối năm 1923". Nhưng, nhờ có sự theo dõi hàng ngày rất cụ thể của cảnh sát đối với Người, giờ đây, chúng ta biết được rằng chính vào ngày 13-6-1923, Người đã rời khỏi nhà, mà bạn bè không biết và nghĩ rằng Người đi du lịch ở vùng Sa-voa và cảnh sát cũng không biết, đi tìm kiếm Người khắp nơi và chỉ tìm thấy dấu vết của Người ba tháng sau đó.

Cũng như vậy, có thể xác định chi tiết được các quan hệ của Người khi ở Pa-ri: từ phong trào cải cách của Lê-ô Pôn-đe (Lép Poldes) thuộc Câu lạc bộ Ngoại ô (Club du Paubourg) đến Phan Chu Trinh từ những nhà lãnh đạo xã hội và cộng sản cho đến những người Việt Nam xa lạ đã đến trao đổi với Người.

Nhưng đặc biệt tôi muốn nhấn mạnh hai khía cạnh:

Qua các tài liệu này, người ta thấy sự hình thành nhanh chóng một chính khách và một nhà lãnh đạo.

Mặc dù đã bốn ba khắp thế giới trong 8 năm trời, khi Nguyễn Ái Quốc còn bị cảnh sát theo dõi ở Pa-ri, năm 1917, Người vẫn còn là một thanh niên trẻ chưa có kinh nghiệm chính trị. Một thanh niên còn giữ ấn tượng rất mạnh về cuộc đàn áp phong trào nông dân 1908 - ba năm trước khi Người ra đi - và thấm nhuần những tư tưởng của Phan Chu Trinh, một nhà yêu nước, trung tâm của phong trào trên và là người có uy tín tinh thần lớn nhất đối với những người Việt Nam ở Pa-ri lúc đó.

Năm 1919, Nguyễn Ái Quốc mới chỉ đòi quyền chính trị, phê phán chính quyền thuộc địa không phát triển mạnh ngành đường sắt và đặc biệt là giáo dục. Người viết: chúng tôi cần giáo dục bắt buộc - bênh vực chính sách của Sa-rô (Sarraut) mà Người gặp một lần ở Bộ thuộc địa - chống lại những tên thực dân phản động nhất và Người muốn sử dụng dư luận Pháp để được những cải cách cần thiết ở Đông Dương. Chính vì vậy, Người có mặt ở mọi nơi mà Người có thể tạo nên sự chú ý về Đông Dương ở Câu lạc bộ Ngoại ô, trong một cuộc tranh luận về y học, Người đã lưu ý rằng so với tác hại của bác sĩ tồi, chủ nghĩa thực dân đã gây nên nhiều nạn nhân hơn; hoặc trong các cuộc họp về các nước châu Á, Người cố gắng tìm cách phát biểu, v.v... Chính từ quan điểm như vậy mà Người đã phát biểu tại Hội nghị Véc-xây trình bày những yêu sách của dân An

Nam. Nhưng sự phát triển của Người rất nhanh. Đối với ý kiến của Phan Chu Trinh khuyên Người nên hành động kiên quyết nhưng nhẹ nhàng, Người đáp lại rằng nếu người ta chấp nhận chờ đợi hảo tâm của chính quyền thực dân, thì người ta có nguy cơ phải đợi mãi mãi. Đặc biệt, người ta thấy Người rất nhanh chóng hoà nhập vào trong phong trào công nhân Pháp mà ở đó Người hiểu rằng có được đồng minh thực sự. Điều đó đưa Người đến chỗ phát hiện ra chủ nghĩa Lê-nin mà Người đã kể lại, đặc biệt là cho tôi, sự khám phá này như thế nào.

Do vậy, qua các tài liệu này, thật là hấp dẫn thấy được một thanh niên yêu nước phấn nộ trước những đau khổ của đất nước mình, trở thành một nhà cách mạng có ý thức, tìm thấy trong chủ nghĩa Mác - Lê-nin con đường mà Người lựa chọn đi đến cùng và Người mang đến cho dân tộc mình lý luận của chủ nghĩa đó. Do vậy, có hai điểm then chốt được làm sáng tỏ.

Một mặt, vấn đề nan giải không có thật mà nhiều tác giả đặt ra một cách vô lý. Phải chăng Hồ Chí Minh là một người yêu nước hơn là người cộng sản hay là ngược lại? Nhưng hiển nhiên, chúng ta thấy Người trở thành người cộng sản vì yêu nước và chỉ có thể tiếp tục là một nhà yêu nước nếu là người cộng sản.

Mặt khác, rõ ràng là khi Nguyễn Ái Quốc phát hiện ra chủ nghĩa Mác, quả thật Người là người Việt Nam đầu tiên làm điều này. Cả Phan Chu Trinh và Phan Văn Trường ở Pa-ri, cũng như đệ tử của Phan Bội Châu và bản thân Phan Bội Châu ở châu Á đều không nhận thấy được tương lai nằm về hướng nào. Hiếm khi trong lịch sử chúng ta lại có điều kiện như vậy, được thấy một khuynh hướng tư tưởng với hệ quả vô cùng quan trọng được xác định vào một thời điểm chính xác và gắn cụ thể với một nhân vật.

Một khía cạnh khác toát lên qua các tài liệu về Nguyễn Ái Quốc ở Pa-ri, đó là cái mà người ta có thể gọi là sự ra đời của một lãnh tụ.

Rất nhanh chóng, bản lĩnh của Người được công nhận và Người trở thành trung tâm của những hành động. Lúc ban đầu, ngay cả những người sành sỏi Ba-buýt (Babut) nghĩ rằng Người ký tên Nguyễn Ái Quốc trên thực tế là bút danh của Phan Văn Trường; một số trí thức phái tả, như Ô-la (Aulard) nhìn Người với thái độ trịch thượng. Song rất nhanh chóng, những người lãnh đạo phong trào xã hội đã để cho Người viết những

bài đăng trên các báo *Bình dân* (Populaire), *Nhân đạo* (L'Humanité), Những người Việt Nam qua Pa-ri tìm gặp Người. Người thành lập Hội liên hiệp thuộc địa, báo *Người cùng khổ* (Le Paria) mà Người là linh hồn. Còn về phía cảnh sát, họ không nhăm lăm lâu lăm. Chậm nhất là từ tháng 11-1919, cảnh sát đã cho theo dõi Người ngày đêm và chính quyền Pháp ở Đông Dương, năm 1919 trả lời là không biết ai có thể là Nguyễn Ái Quốc, đã chú ý rất nhiều đến Người kể từ năm 1920 và cho kiểm duyệt bưu chính ngăn giữ lại các tài liệu tuyên truyền của Người. Ngay từ năm 1922 một tài liệu của cảnh sát nói đến "Nhân vật Nguyễn Ái Quốc nổi tiếng". Về phía chính quyền thực dân, họ cũng bắt đầu hành động. Ngay từ năm 1919, Nguyễn Ái Quốc bị U-tơ-rây (Outrey), dân biểu Nam Kỳ công kích trong một cuộc tranh luận ở Hạ nghị viện, bị nhiều bài báo khác nhau tấn công trong tạp chí Đông Dương (Chính trị Đông Dương "Politique Indochinoise", *Pháp - Đông Dương* France - Indochine", v.v...) ngược lại tại Đại hội Tua cuối tháng 12-1920, bài phát biểu của Người đã gây sự chú ý. Tại Đại hội Mác-xây tháng 12-1921, Người được bầu làm người cộng tác với Chủ tịch Đại hội Lê-ô Pôn-đe (Léo Poldès) và chính Lê-ô Pôn-đe đã đề nghị là vở kịch của Người được diễn tại ngày hội báo Nhân đạo ở Các-sơ (Carches)...

Người tiến hành hai hoạt động: Một mặt, Người đã tổ chức hoạt động của các cư dân "thuộc địa" ở Pa-ri và bắt đầu hoạt động tuyên truyền hướng về Đông Dương. Mặt khác, bên trong Đảng Cộng sản Pháp Người tiến hành hoạt động phê phán giúp Đảng thực sự đưa vấn đề suy nghĩ và hành động chống thực dân vào trong số những đặc điểm của một Đảng lê-nin-nít. Sự thừa nhận vị trí quan trọng của Nguyễn Ái Quốc trong khoảng thời gian chưa đầy 4 năm là việc Đảng Cộng sản Pháp cử Người đi dự Đại hội thành lập quốc tế nông dân khai mạc ở Mát-xcơ-va ngày 11-10-1923 và Người đã được bầu là Ủy viên Ban Chấp hành.

Thế là Người thoát khỏi cảnh sát Pháp 2 năm.

Ở QUẢNG CHÂU TỪ 1925 ĐẾN 1927

Cảnh sát Pháp tìm thấy Người năm 1925 ở Quảng Châu, nơi Nguyễn Ái Quốc vừa tới vào cuối năm 1924 hoặc những ngày đầu tiên của năm 1925. Mật thám an ninh của Đông Dương phải mất nhiều tháng mới biết nhân vật Lý Thụy, đã từng làm việc cho lãnh sự quán Liên Xô ở Quảng Châu, là

Nguyễn Ái Quốc, một nhà hoạt động cộng sản đáng gờm. Nhưng đến lúc phát hiện thì chúng rất lo ngại. Viên Toàn quyền viết cho Bộ trưởng Bộ thuộc địa rằng tình hình là nghiêm trọng và ông ta lo ngại rằng Nguyễn Ái Quốc cầm đầu những học sinh sĩ quan "An Nam" có thể xâm nhập vào Đông Dương. Điều đó vừa nói lên sự không hiểu biết của chính quyền thực dân và vừa nói lên mối lo ngại mà Nguyễn Ái Quốc gây ra cho chúng.

Tuy nhiên, sau khi tìm hiểu kỹ hơn, chính quyền thực dân sớm nhận ra mối nguy hiểm thật sự: Từ một nhóm nhỏ những người theo chủ nghĩa dân tộc gắn liền với Phan Bội Châu và đang lao vào hành động khủng bố (mưu sát hại viên Toàn quyền Méc-lanh (Merlin), Nguyễn Ái Quốc đã xây dựng một nhóm những người cộng sản trẻ. Người cho ra tờ báo cộng sản Việt Nam đầu tiên là báo *Thanh niên* và đưa vào Việt Nam, thúc đẩy sự khởi động của phong trào cộng sản trong đất nước này.

Lý thú là, chính là dưới ngòi bút của chính quyền thực dân hoặc của cảnh sát mà người ta thấy được sự ca ngợi các phẩm chất của Nguyễn Ái Quốc: "Sự hiểu biết các thực tế này cho phép kết luận rằng Lý Thụy được đào tạo theo các phương pháp của người Xô-viết. Không hề còn lại dấu vết trong truyền đơn của ông ta về lối nói huênh hoang khoa trương, là cách nói thường xuyên của những người cách mạng An Nam. Ở bất kỳ đâu, không có vấn đề sử dụng các cách thức cực đoan... Trước hết, phải tổ chức những người tham gia thành các nhóm có kỷ luật". Hoặc còn một đoạn nữa: "Tầm nhìn xa trông rộng, suy nghĩ có phương pháp hoạt động và ngay cả tác phong nói chung của Lý Thụy làm cho người ta đương nhiên nghĩ đến nhân vật trước kia thực sự là lãnh tụ của Hội liên hiệp thuộc địa ở Pa-ri năm 1921 và một ngày nào đó đã biến mất và sang nước Nga"...

Việc Tưởng Giới Thạch quay trở lại chống những người cộng sản ở Trung Quốc năm 1927 đã kết thúc giai đoạn này. Nguyễn Ái Quốc đã phải vội vã rời Quảng Châu và cảnh sát Pháp lại mất dấu vết của Người trong nhiều năm.

Ở HỒNG KÔNG TỪ 1930 ĐẾN 1933

Một lần nữa, vào năm 1930, các báo cáo của cảnh sát thông báo Nguyễn Ái Quốc từ Thái Lan tới Hồng Kông, theo lời kêu gọi của các nhóm cộng sản Việt Nam mà Người sẽ hợp nhất lại vào tháng 2-1930,

sáng lập ra Đảng Cộng sản Việt Nam; đến tháng 10, Đảng lấy tên là Đảng Cộng sản Đông Dương.

Cùng năm đó, bắt đầu cuộc nổi dậy đã đi vào lịch sử, dưới cái tên Xô-viết Nghệ Tĩnh.

Các hồ sơ của quân đội viễn chinh đã không tập hợp các tài liệu về bản thân cuộc nổi dậy này mà chỉ về quan hệ giữa cuộc nổi dậy và Nguyễn Ái Quốc. Người giữ mối liên hệ thường xuyên với Đảng Cộng sản Đông Dương. Do vậy, Người theo dõi sát sao các sự kiện của Nghệ Tĩnh, đặc biệt để tố cáo và làm cho thế giới biết về sự đàn áp tàn bạo và Người ghi lại những con số thống kê rùng rợn về số người chết trong các cuộc biểu tình lớn, đặc biệt là trong cuộc biểu tình ngày 1-5-1930. Đồng thời với tư cách là đại diện của Quốc tế Cộng sản. Người đưa ra những lời khuyên bảo đối với Đảng mới thành lập, nhấn mạnh đến tính kỷ luật nghiêm ngặt mà những hoạt động bí mật đòi hỏi phải có. Cơ quan an ninh Đông Dương được biết ít nhiều về các mối quan hệ này, kết luận rằng chính Người chỉ đạo toàn bộ phong trào và Người đã làm việc này ngay cả trước khi Người ở Hồng Kông, từ khi Người còn ở Thái Lan. Chính vì vậy vào tháng 8-1929, trước khi các phong trào lớn ở Nghệ Tĩnh nổ ra, một toà án cấp tỉnh của triều đình Huế đã kết án tử hình vắng mặt Người, sau được Viện Cơ mật giảm án xuống còn lao động khổ sai chung thân.

Nhưng Nguyễn Ái Quốc không chỉ là người lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương từ nước ngoài. Là người phụ trách khu vực Đông Nam châu Á trong Quốc tế Cộng sản, Người thúc đẩy hoạt động cộng sản trong toàn bộ khu vực này: ở Thái Lan, ở Ma-lai-xi-a, ở Xinh-ga-po. Một loạt các tài liệu chứng minh việc Người gửi các chỉ thị, đặc biệt cho Đảng Ma-lai-xi-a. Chính trong khuôn khổ trách nhiệm quốc tế này mà Người đã có liên hệ một phái viên của Quốc tế Cộng sản, ông Duy-cơ-ru (Ducroux), có tên gọi là Lơ-phơ-răng (Lefrane). Song, các lực lượng đàn áp đang hoạt động trong toàn bộ vùng Viễn Đông, ở Việt Nam chính quyền Pháp đã chìm cuộc nổi dậy Nghệ Tĩnh trong bể máu, kể cả việc lần đầu tiên trong lịch sử sử dụng máy bay đàn áp dân thường.

Ở Trung Quốc, một đại diện của Quốc tế Cộng sản, ông Nu-len-xơ (Nulens) đã bị bắt. Ở Xinh-ga-po, Duy-cơ-ru cũng sớm bị bắt và chính trong số các giấy tờ của ông mà cảnh sát đã tìm thấy những chỉ dẫn cho phép chúng bắt được Nguyễn Ái Quốc ở Hồng Kông.

Ở nhà Nguyễn Ái Quốc, cảnh sát đã thu giữ được nhiều tài liệu mà các hồ sơ ở Trung tâm Ê-xơ-ăng Prô-văng-xơ (Aix-en Provence) bao gồm các bức ảnh và bảng giải mật mã. Một loạt các vụ bắt bớ này và đặc biệt là việc bắt được Nguyễn Ái Quốc đã giáng một đòn nặng nề vào tổ chức của các lực lượng cộng sản ở vùng Viễn Đông.

Tuy nhiên, chính quyền Anh bắt giữ Nguyễn Ái Quốc đã không có gì là bằng chứng cụ thể để kết án Người, chiếu theo luật lệ của Anh. Do vậy, họ nghĩ cần phải giải quyết vấn đề này bằng cách dẫn độ Người về Đông Dương. Nhưng lúc đó vụ án chính trị đã có tiếng vang quan trọng trong báo chí ở Hồng Kông viết bằng tiếng Anh. Những hồ sơ lưu trữ của vụ án thể hiện một phần sự can thiệp của một luật sư người Anh ở Hồng Kông là ông Lô-dơ-bai (Loseby). Ông này cung cấp cho Nguyễn Ái Quốc một luật sư bào chữa nổi tiếng là Gien-kin (Jenkin). Những tài liệu đó cho thấy việc trục xuất Nguyễn Ái Quốc đã thất bại. Sự việc lên đến tận Hội đồng Hoàng gia Luân Đôn. Trong thời gian này, Toàn quyền Đông Dương nằn nì đòi giao nộp phạm nhân. Các tài liệu cho phép theo sát được mối quan hệ của các cơ quan an ninh Đông Dương với cảnh sát Hồng Kông, các bức thư của Toàn quyền Pa-xki-ê (Pasquier) gửi Bộ trưởng thuộc địa. Các cuộc vận động của Bộ trưởng thuộc địa đối với Bộ trưởng ngoại giao để gây áp lực đối với chính phủ Anh thông qua sứ quán Pháp ở Luân Đôn. Như vậy, vụ án Nguyễn Ái Quốc đã tạo ra một sự kiện quốc tế lớn. Trong trường hợp này, thật là khó đối với chính quyền Anh đưa một phạm nhân chính trị vào chỗ chết như vậy bằng cách trao cho người Pháp. Cuối cùng, vào năm 1933, sau một loạt các biến cố, Nguyễn Ái Quốc đã biến mất khỏi Hồng Kông và việc này ít gây ra sự xôn xao trong chừng mực cái "chết" của Người đã từng được thông báo và được tiếp nhận như là một việc đã rồi. Báo Nhân đạo sau đó đăng bài nói về "Người quá cố".

Sự đồn đại này quả thật là có thể dễ tin được bởi vì ở trong tù Nguyễn Ái Quốc ốm rất nặng và người ta có được một hoặc hai thư ngắn của Người, trong đó có nói là Người nghĩ rằng Người sẽ chết.

Tôi đã chỉ làm tóm tắt rất nhanh chóng ba thời kỳ nổi bật nhất trong sự nghiệp cách mạng của Nguyễn Ái Quốc theo những tư liệu của quân đội viễn chinh. Ở đó có một khối lượng lớn tư liệu cần được xử lý để làm tăng sự hiểu biết khoa học về tiểu sử của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Để kết luận, tôi muốn nhấn mạnh đến một khía cạnh toát lên khi đọc các tài liệu này, đó là năng lực hành động về nhân cách của con người sẽ trở thành Hồ Chủ tịch sau này.

Cho dù ở Pa-ri, giữa năm 1919 và 1923, ở Quảng Châu giữa năm 1925 và 1927 hay ở Hồng Kông vào năm 1930-1931 việc Nguyễn Ái Quốc đến những nơi này, trong vòng vài tháng đã làm thay đổi tình hình, nâng cao đáng kể trình độ cách mạng của các nhóm hoạt động và rất nhanh chóng Người trở thành người lãnh đạo.

Ở Pa-ri, năm 1919, giới những người Việt Nam sống lưu vong, tụ tập ở biệt thự Gô-bơ-lanh (Gobelins) mới dừng lại ở lập trường đòi cải cách và tham gia có phê phán vào sự hợp tác Pháp - Việt do Sa-rô đưa ra. Nguyễn Ái Quốc xuất hiện. Rất nhanh chóng, mọi người thoát ra khỏi các lý luận để đi vào hành động: phát biểu tại Hội nghị Hoà bình, gửi các tài liệu tuyên truyền về Việt Nam. Sau đó, ngay năm 1920, mọi người thoát khỏi những ảo tưởng cải lương để tiến tới một nhận thức cách mạng quốc tế chủ nghĩa mà Hội liên hiệp thuộc địa, báo Người cùng khổ là những biểu hiện và chính quyền thực dân Đông Dương lo ngại. Phong trào dân tộc Việt Nam vừa qua một bước quyết định.

Ở Quảng Châu, năm 1924, một nhóm người có đầu óc dân tộc, những người học trò của Phan Bội Châu, có quan hệ với Cường Để, cố gắng hành động nhưng rơi vào bế tắc của những quan điểm lỗi thời và của chủ nghĩa khủng bố, xa rời quần chúng Việt Nam, Nguyễn Ái Quốc tới đó vào cuối năm 1924. Vài tháng sau cùng với các thanh niên tìm gặp được ở đó và những người từ Việt Nam sang, Người thành lập nhóm Cộng sản Việt Nam đầu tiên mà Người dạy dỗ, trang bị phương tiện tuyên truyền cơ bản là báo Thanh niên, phù hợp với trình độ hiểu biết lúc bấy giờ của những người hoạt động cách mạng và của quần chúng nông dân Việt Nam. Một bước mới không kém phần quyết định vừa mới được vượt qua: Tư tưởng, tổ chức và những chiến sĩ cộng sản đã đi vào Việt Nam.

Cuối cùng, ở Hồng Kông, các đại diện khác nhau của các nhóm cộng sản được thành lập từ năm 1925 đã không vượt qua nổi các bất đồng nội bộ. Họ nhờ đến Nguyễn Ái Quốc và rất nhanh chóng Người quét sạch các cản trở và lập ra Đảng Cộng sản Việt Nam. Một bước mới lại được vượt qua: Từ nay, nước Việt Nam có một Đảng Cách mạng của mình và được

Quốc tế Cộng sản công nhận vào năm sau. Do đó, ngay cả khi Việt Nam Quốc dân đảng bị đàn áp tan vỡ, nước Việt Nam vẫn có được một Đảng Cách mạng của giai cấp cho cuộc đấu tranh dân tộc. Sự hoà nhập nhanh chóng và thâm nhập sâu rộng của Đảng vào quần chúng công nhân và nông dân cho phép Đảng vẫn tồn tại được, bất chấp sự đàn áp dã man vào đầu những năm 30. Đồng thời, tổ chức Đảng mang tính dân tộc rõ nét này lại gắn liền chặt chẽ với phong trào quốc tế chính là thông qua Nguyễn Ái Quốc và sau này qua các chiến sĩ trẻ khác mà Người đã cử sang học ở Mát-xcơ-va.

Như vậy, một trong các lợi ích chính của tất cả các tài liệu này, phần lớn là của cảnh sát được tập hợp lại bởi quân đội viễn chinh Pháp đã từng tiến hành chiến tranh ở Việt Nam, là đưa ra được từ phía những kẻ thù xấu xa nhất của Chủ tịch Hồ Chí Minh và những kẻ muốn giết hại Người, một loạt các bằng chứng khẳng định từng điểm một sự khâm phục của nhân dân Việt Nam và những người cách mạng trên toàn thế giới đối với Người.

Bác Hồ sẽ phản đối mạnh mẽ nếu chúng ta gán những thắng lợi của phong trào dân tộc và cách mạng Việt Nam với cá nhân Người. Ngược lại, Người đã dạy tất cả chúng ta về vai trò to lớn và quyết định của quần chúng. Song nhà sử học phải nhận thấy rõ là mỗi trình độ phát triển của phong trào cách mạng Việt Nam, trong cội nguồn của nó, đều có sự tác động của cá nhân Nguyễn Ái Quốc, là người luôn luôn kết hợp ba khía cạnh: lãnh tụ dân tộc, nhà lãnh đạo cộng sản và đại diện của Quốc tế Cộng sản.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

I. SÁCH

1. *Bác Hồ ở Pháp*. Nxb Văn học, H. 1970.
2. *Bác Hồ với văn nghệ sĩ*: Hồi ký, Lữ Huy Nguyên sưu tầm, biên soạn, giới thiệu: - In lần thứ ba, có bổ sung. Nxb Văn học, H. 1995.
3. *Chủ tịch Hồ Chí Minh - Anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hóa lớn*. Nxb Khoa học xã hội, H. 1995.
4. *Đồng chí Hồ Chí Minh, Còlélép*. Nxb Thanh niên, H. 1985.
5. *Hồ Chí Minh giải phóng dân tộc và đổi mới*: Sách tham khảo/ Faruto Motoo. Nxb Chính trị quốc gia, H. 1997.
6. *Hồ Chí Minh sống mãi với dân tộc Việt Nam và bầu bạn quốc tế*. Nxb Quân đội nhân dân, H. 2004.
7. *Hồ Chí Minh với Trung Quốc*, Hoàng Tranh; người dịch Tăng Quảng Sâm, Trần Quế Quang, Trần Tác Minh, Lý Khái Bình. Nxb Sao Mới, TQ. 1990.
8. *Hồ Chủ tịch trong lòng nhân dân thế giới*. Nxb Sự thật, H. 1979.
9. *Một giờ với đồng chí Hồ Chí Minh*: trích phát biểu về Chủ tịch Hồ Chí Minh của nhân dân và thanh niên thế giới. Nxb Thanh niên, H. 1975.
10. *Nghiên cứu học tập thơ văn Hồ Chí Minh*. Nxb Khoa học xã hội, H. 1979.
11. *Người là Hồ Chí Minh*. Nxb Hội nhà văn, H. 1995.
12. *Những trái tim đồng chí*. Nxb Tác phẩm mới, H. 1983.

II. BÁO TẠP CHÍ:

1. Báo: "Nhân dân", "QĐND", "Hà Nội mới", "Sài Gòn giải phóng", "Đại đoàn kết", "Người Hà Nội", "Phụ nữ", "Tiền phong", "Văn nghệ", "Lao động"
2. Tạp chí: "Tác phẩm mới", "Văn nghệ quân đội", "Nghiên cứu giáo dục", "Xưa và nay", "Nghiên cứu lịch sử", "Nghiên cứu lý luận".

MỤC LỤC

- Lời nói đầu	5
- Chỉ thị số 06-CT/TW của Bộ Chính trị ngày 7 tháng 11 năm 2006	7
- Phần thứ nhất: Một số bài viết của Chủ tịch Hồ Chí Minh về xây dựng đạo đức, tác phong của cán bộ, đảng viên	11
- Phần thứ hai: Tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng trong điều kiện đảng cầm quyền	149
- Phần thứ ba: Thế giới ca ngợi tư tưởng và đạo đức Chủ tịch Hồ Chí Minh	319
- Tài liệu tham khảo	609

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA - THÔNG TIN
43 Lò Đúc - Hà Nội

HỒ CHÍ MINH
SỰ HỘI TỤ TINH HOA
TƯ TƯỞNG ĐẠO ĐỨC NHÂN LOẠI

Chịu trách nhiệm xuất bản: **BÙI VIỆT BẮC**
Chịu trách nhiệm bản thảo: **PHẠM NGỌC LUẬT**
Biên tập: **BẾ MINH HÀ**
Sửa bản in: **LINH TRANG**
Bìa: **ANH THƠ**
Trình bày: **KHÔI NGUYỄN**

In 1000 cuốn khổ 19 x 27 cm tại Xí nghiệp in Thủy lợi
Giấy phép xuất bản số 31-2007/CXB/30-142/VHTT
Theo Quyết định xuất bản số 04/QĐ/VHTT ngày 10-01-2007
In xong và nộp lưu chiểu Quý I năm 2007

HỒ CHÍ MINH
SỰ HỘI TỤ TINH HOA
TƯ TƯỞNG ĐẠO ĐỨC NHÂN LOẠI

PHÁT HÀNH TẠI :
TRUNG TÂM PHÁT HÀNH SÁCH BÁO
GIỚI THIỆU SÁCH PHÁP LUẬT - CHÍNH TRỊ
ĐỊA CHỈ : 179 NGUYỄN HOÀNG - ĐÀ NẴNG
ĐT: 0511 - 562255 - FAX: 0511 - 562656
DD: 0983 414156

GIÁ: 295.000 đ